

ĐÔNG A SÁNG



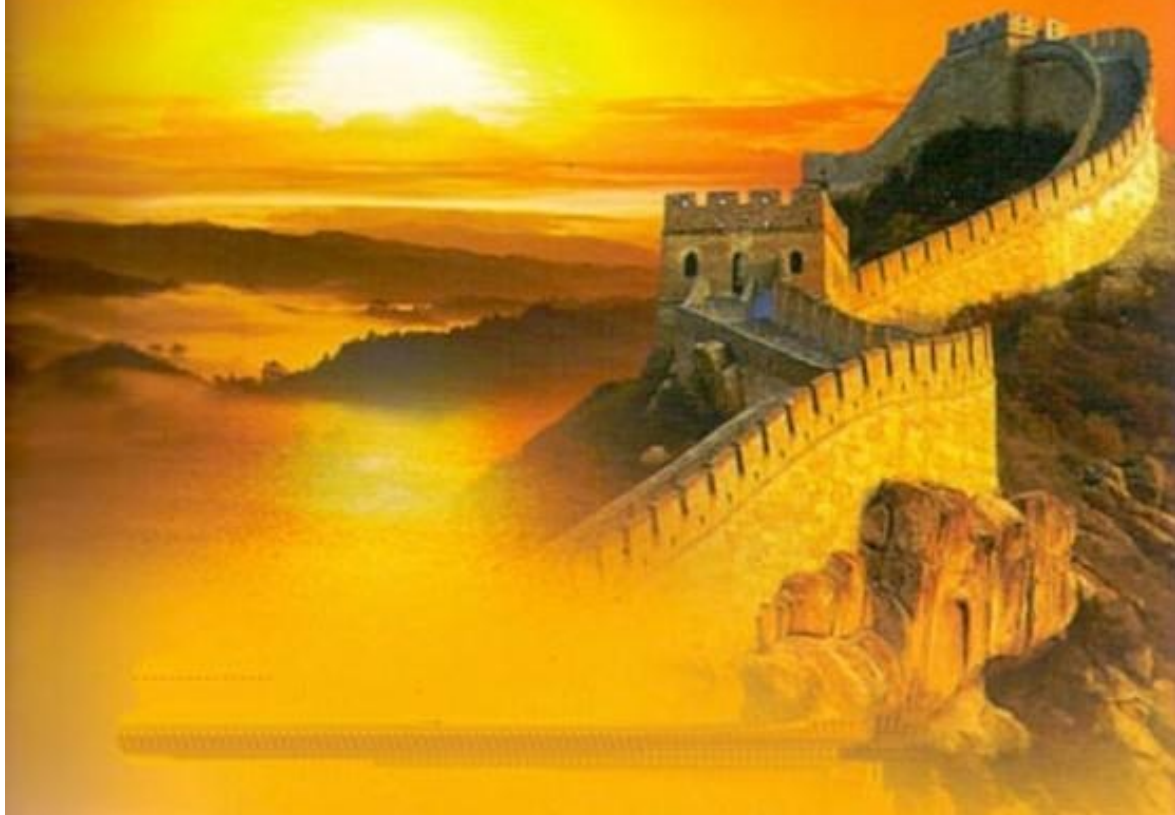
NHỮNG NGHỊCH LÍ TRONG LỊCH SỬ TRUNG HOA



ĐÔNG A SÁNG



NHỮNG NGHỊCH LÍ TRONG LỊCH SỬ TRUNG HOA



NHỮNG NGHỊCH LÝ TRONG LỊCH SỬ TRUNG HOA

By Đông A Sáng

Copyring Đông A Sáng

Smashwords Edition.

QUYỂN 1 (1 - 10)

QUYỂN 2 (11 - 20)

QUYỂN 3 (21-30)

QUYỂN 4 (31-40)

QUYỂN 5 (41-50)

QUYỂN 6 (51- 64)

[SÁCH THAM KHẢO](#)

[MỤC LỤC](#)

[AUTHOR](#)

QUYỂN 1 (1-10)

1. CHÍNH TRỊ VÀ ĐẾ VƯƠNG

Phản kinh cho rằng, làm vua không thể tự mình làm hết mọi việc, cho nên phải thực hành vô vi nhi trị (không làm nhưng làm tất cả), bằng cách thiết lập chế độ quan lại, tuyển người hiền năng, phân phó chức vụ, làm cho dân giàu, không nên vơ vét của dân.

1. Thực hành vô vi nhi trị :

Lão tử cho rằng, dùng phương pháp bình dị để trị nước, dùng kì mưu để dụng binh, dùng vô vi để thu phục thiên hạ.

2. Thiết lập quan chế, phân phó chức vụ:

Tuân tử quan niệm, bậc quân chủ phải giỏi quản lí tài năng của người khác, kể cả tài năng của của những người bình thường.

Phó Huyền cho rằng, quân chủ phân phó chức trách cho các sĩ đại phu, bên ngoài giao quyền cho các vua chư hầu, để các quan bậc tam công tham nghị triều chính, thì ngôi vị vững vàng.

Chẳng hạn, vua Nghiêu cho Vũ làm chức Tư đồ, Khiết làm chức Tư mã, Hậu

Tắc coi về nông nghiệp, Quỳ coi về lễ nhạc, Thù coi về xây dựng, Bá Di lo việc tế lễ, Cao Đào coi về tư pháp, Ích coi về việc thuần hóa dã thú.

Tuy là đế vương mà Nghiêu không trực tiếp làm một công việc nào. Vì vua Nghiêu giỏi dùng người, phân phó cho các đại thần quản lí công việc đất nước. Các đại thần nhận lãnh trách nhiệm, làm tròn được trách nhiệm.

Cho nên, vua Nghiêu thành công trong việc thống trị thiên hạ.

3. Chọn và dùng người tài:

Lưu Bang, thời Tây Hán, nói : " Nơi màn trướng mà vận trù sách lược quyết thắng ngoài ngàn dặm, ta không bằng Trương Lương. An định an bang, vỗ về bách tính, cung ứng quân nhu, vận chuyển lương thực, ta không bằng Tiêu Hà. Thống lĩnh đại quân trăm vạn, đánh tất thắng, ta không bằng Hàn Tín. Ba người ấy là tinh anh, có tài năng kiệt xuất. Ta biết dùng ba người ấy, đó là nguyên nhân ta giành được thiên hạ".

Sách Nhân vật chí luận rằng : “ Một quan chức được bổ nhiệm như dùng một vị để điều hòa ngũ vị (1) người chấp chính đất nước như dùng vô vị mà điều hòa ngũ vị.

Sở dĩ, một bề tôi tài năng chỉ đảm đương được một công việc; còn quốc quân giỏi dùng người, là dùng những người tài năng trong nhiều công việc.

Bề tôi giỏi là bộc lộ tài năng của mình; quân chủ giỏi, là biết lắng nghe, quan sát

và sử dụng được tài năng của bề tôi.

Bề tôi đem hết sức lực mình để chứng minh tài năng; quân chủ là người biết thưởng phạt đúng công lao mà bề tôi đã làm.

Tài năng của mỗi người khác nhau, quốc quân là người biết dùng những tài năng ấy vào công việc thích hợp.

Người ta cho rằng, đạo của vua là biết người; đạo của tôi là biết việc.

Vô hình là chủ tể, là gốc của vạn vật; trống không thuộc về ngũ âm (1) nhưng lại thống lĩnh ngũ âm.

Tương tự, vua không ở trong hàng văn võ nhưng lại cai quản bách quan ”.

Sách Hoài Nam tử viết, người thợ xây dựng cung thất, cái gì hình tròn thì dùng thước tròn, cái gì vuông thì dùng thước vuông, muốn ngay thẳng thì dùng dây dọi.

Khi cung thất đẹp để được xây xong, thì những công cụ như thước tròn, thước vuông, dây dọi được cất đi, người ta không biết người thợ đã dùng các dụng cụ như thế nào ? Đó là ví dụ về công việc của bậc quân chủ.

Tuân tử cho rằng, bắn trăm phát trăm trúng, không ai bằng Hậu Nghệ, đánh xe đi cả ngàn dặm, không ai bằng Vương Lương.

Cho nên, bậc quân chủ muốn trị lý thiên hạ, thì dùng người có đủ đức đủ tài, vận dụng tài trí của người làm tài trí của mình. Quân chủ sẽ bớt lao tâm lao lực, mà công danh, sự nghiệp thành tựu rất lớn.

Thân tử cho rằng, tiến cử hiền năng là chức trách của bề tôi, giỏi dùng hiền năng là chức trách của nhà vua.

4. Làm giàu cho đất nước và dân chúng không độc chiếm tài vật của thiên hạ
Chu Vũ vương đem quân đánh bại nhà Thương, lấy đất đai, tài vật của nhà Thương, ban phát cho con em, ban thưởng cho các công thần, khiến những người trong nước trên dưới vui vẻ, thần phục.

Tuân tử nói : “ Sở dĩ gọi là vua, là người năng sửa sang lễ giáo; củng cố việc cai trị làm cho đất nước lớn mạnh; giỏi thu phục nhân tâm, xã hội an định; nếu chỉ lo vơ vét của dân thì sẽ mất nước ”.

Một nước, làm cho trăm họ trở nên giàu có, là vương đạo; làm cho võ sĩ trở nên giàu có, là bá đạo; làm cho đại phu giàu có, là nước ấy đang sống ngặt nghèo chờ ngày tiêu vong; vị quốc quân giàu có, kho lẫm đầy ắp, là nước sớm muộn cũng bị diệt vong.

Có tình huống gọi là trên tràn, dưới chảy (thượng doanh hạ lậu), tức là ở trên tầng lớp thống trị giàu có; ở dưới, trăm họ bần cùng.

Tuân tử còn nói : “ Thiên tử không nên nói chuyện giàu có, chư hầu không nên nói chuyện lợi hại, đại phu không nên bàn chuyện được mất ”.

Ví dụ 1:

Chu Lệ vương, sủng ái, tin dùng đại thần Vinh Di Công. Quan đại phu Nhuệ Lương can gián Chu Lệ vương không nên dùng Vinh Di Công :

- Giàu có sinh ra từ vạn vật, vì trời đất năng chở vạn vật. Người nào độc chiếm sự giàu có, người ấy sẽ gặp tai ương. Giàu có sinh ra từ trời đất, để mọi người cùng hưởng, không nên độc chiếm để hưởng thụ một mình.

Nay, Vinh Di Công háms lợi chuyên vơ vét của cải của dân, tự tung tự tác, khiến trời giận, dân oán, không thể tồn tại lâu dài. Chu Lệ vương không nghe. Rút cuộc, Chu Lệ vương bị người trong nước truất phế và đuổi đi.

Ví dụ 2:

Thời Chiến quốc, nghe tin kho lẫm bị bốc cháy, Ngụy Văn Hầu, mặc áo trắng chạy ra khỏi điện kêu la, quần thần cũng chạy theo khóc lóc.

Công tử Thành Phụ thấy thế, chạy theo và nói :

- Tôi nghe rằng, thiên tử giàu có là do gom góp của thiên hạ, chư hầu giàu có là do thu gom ở đất được phong. Kho lẫm của nhà vua đầy ắp là do thu gom của dân trong nước, là kho chứa tai họa. Nay, kho chứa tai họa bốc cháy là điều đáng mừng. Sao nhà vua và các người lại khóc lóc làm gì ?

Khổng tử nói : “ Trăm họ nên giàu có, còn quốc quân thì không nên giàu có ”.

Bậc quân vương thánh minh dùng đất đai phân phong cho các chư hầu, dùng tài vật để tưởng thưởng cho công thần, không nên tranh đoạt lợi ích với trăm họ, đó là thông hiểu đạo làm vua, biết đem thân ra ngoài ngoài vật, nhưng lại biết lợi dụng tài nguyên để làm giàu cho bách tính.

Nói chung, cách làm chính trị của quốc quân là thiết lập quan chế, phân phó chức vụ, ủy nhiệm cho quan lại, đốc thúc các quan; tinh thông mưu lược, chăm lo việc chính trị không mệt mỏi; khoan dung đại độ; thu phục dân tâm; kiên nhẫn với chức trách, không hiển lộ tài năng ra ngoài.

Nhà vua có những ưu điểm nêu trên, quần thần mới kính sợ, yêu mến và tận tụy với chức trách.

Đó là điều căn bản của nhà vua trong việc xây dựng và thành tựu sự nghiệp.

(1)Ngũ vị : Chua, cay, mặn, ngọt, đắng. (2) Ngũ âm : Cung, thương, giốc, chủ, vũ.

2. NGUYÊN TẮC VÀ NGHỆ THUẬT DÙNG NGƯỜI

Phản kinh cho rằng, việc dùng người vừa là nguyên tắc, vừa là nghệ thuật, biết người và giỏi dùng người thì sự nghiệp thành công.

1. Đặc điểm :

Y Doãn, khi xây dựng một công trình, ông dùng những người cường tráng, cao to để vác gỗ, gánh đất; dùng những người khuyết tật một mắt để đẩy xe, người bị gù lưng thì phụ trách việc sơn quét.

Tức là Y Doãn dựa vào đặc điểm của từng người để giao công việc.

2. Đúng sở trường :

Quản Trọng nói với Tề Hoàn Công :

- Không phải sức một cây gỗ mà làm nên một cái nhà lớn, không phải sức của một dòng nước mà làm nên một cái bể lớn, nếu chúa công có chí làm nghiệp bá, thì nên dùng năm người kiệt sĩ.

Tề Hoàn công hỏi :

- Năm kiệt sĩ là ai ?

Quản Trọng đáp :

- Có tài giao thiệp, biết giữ lễ phép, tôi không bằng Thấp Bằng, xin cho Thấp Bằng làm Đại tư hành.

Có tài khai khẩn, biết cách trồng trọt, tôi không bằng Ninh Việt, xin cho Ninh Việt làm Đại tư điền.

Có tài luyện tập quân sĩ, khiến cho người ta quên chết, tôi không bằng Thành Phủ, xin cho Thành Phủ làm Đại tư mã.

Có tài xử đoán hình ngục, khiến cho người ta khỏi oan, tôi không bằng Tân Tu Nô, xin cho Tân Tu Nô làm Đại tư lí.

Có tính cương trực, thấy điều gì trái tất nói ngay, không sợ những người quyền quý, tôi không bằng Đông Quách Nha, xin cho Đông Quách Nha làm Đại gián quan.

Chúa công muốn nước cường thịnh thì dùng năm người ấy.

Tề Hoàn công nghe theo. Sau này, Tề Hoàn công thành nghiệp bá.

3. Tính tình :

Hoàng Thạch Công cho rằng, người giỏi dùng người, không chỉ biết dùng người mưu trí, người có dũng khí, mà kể cả những người tham lam và những kẻ ngu đần.

Khiến cho những người có mưu trí ra sức lập công, khiến cho những người có dũng khí toại chí, làm cho những người có tính tham làm trở nên giàu có, làm cho những kẻ ngu đần hi sinh mà không tiếc thân.

Căn cứ vào tính tình của mỗi người mà sử dụng, đó chính là vi diệu của người quyền mưu.

4. Sự thích hợp :

Sách Hoài Nam tử viết : Trong thiên hạ có nhiều cây cỏ có chất độc, nhiều cây thuốc độc. Nhưng người thầy thuốc lỗi lạc biết hái cây cỏ độc, thu gom những cây thuốc độc và biết dùng nó thì nó sẽ trở nên hữu ích và có giá trị rất cao.

5. Sở trường và sở đoản :

Về vật, con hoẵng ở trên núi thì chạy nhảy nhanh nhẹn, không ai đuổi kịp, nhưng khi nó chạy lạc xuống đồng bằng, thì đứa trẻ chăn trâu cũng đuổi kịp và bắt được nó.

Về đi lại, người Hồ dùng ngựa và cưỡi ngựa rất giỏi; người Việt thì dùng thuyền và chèo thuyền rất tài. Kỹ năng, tài năng của người Hồ và người Việt đều do đời sống và phương tiện giao thông hình thành.

Nếu bắt người Việt cưỡi ngựa, bắt người Hồ chèo thuyền, thì chắc họ sẽ không thi thố được tài năng.

Mỗi người đều có sở trường và sở đoản khác nhau; muốn dùng người thì phải biết sở trường sở đoản của mỗi người.

6. Đức hạnh và tài năng :

Tào Tháo cho rằng : “ Người có chí tiến thủ, không nhất thiết là người có đức hạnh. Người có đức hạnh chưa chắc đã có chí tiến thủ.

Chẳng hạn, Trần Bình là người thiếu đức hạnh (1) nhưng Trần Bình đưa ra nhiều kì kế, giúp Lưu Bang tranh hùng với Hạng Vũ, tóm thâu được thiên hạ, Trần Bình là người có tài năng.

Tô Tần là người không giữ chữ tín, tráo trở vô thường (2), nhưng Tô Tần làm tướng sáu nước liên minh chống Tần, khiến cho nước Yên, trước đó là một nước nhỏ yếu, sau nhờ Tô Tần, nước Yên có vị trí trong liên minh và được coi trọng.

Xưa nay, nói về trí mưu (nơi chiến trận) phải nhắc đến Hàn Tín, nói về lập thuyết thì không ai bằng Đồng Trọng Thư, nói về du thuyết phải nhắc đến Lục Giả. Sở dĩ họ được lưu danh, là nhờ được trọng dụng và dùng đúng sở trường “.

7. Thời thế:

Hoàn Phạm, người nước Ngụy, cho rằng : “ Nguyên tắc dùng người của các bậc đế vương là phải xem xét thời thế để sử dụng nhân tài.

Thời chiến, trước tiên phải dùng những người có tài thao lược.

Thời bình, trước tiên phải trọng dụng các trung thần, nghĩa sĩ.

Ví dụ

Tấn Văn công, khi lưu vong thì cùng với Tử Phạm, người nhiều mưu kế, để hành sự. Lúc lên ngôi, Tấn Văn công tưởng thưởng cho Tử Phạm nhưng lại dùng những trọng thần khác để cai trị đất nước.

Lúc sinh thời, Hán Cao tổ tin dùng mưu kế của Trần Bình nhưng trước khi lâm chung lại ủy thác giang sơn cho Chu Bột.

Người xưa có nói : Thời bình nên cử những người có phẩm đức cao thượng ở những chức vị cao quý. Thời chiến, phải trọng thưởng cho những người lập được chiến công.

8. Nhân vô thập toàn:

Gia Cát Lượng cho rằng : “ Lão tử rất giỏi về đạo dưỡng sinh nhưng không có tài để giải quyết những chuyện khó khăn, nguy hiểm. Thương Ưởng, có biệt tài về pháp trị, nhưng không giỏi về giáo hóa đạo đức cho nhân dân. Tô Tần, Trương Nghi có tài du thuyết nhưng không giỏi về việc dựa vào liên minh. Bạch Khởi có tài về công thành, phá lũy nhưng không giỏi về việc đoàn kết dân tâm. Ngưu Tư Tư (3) giỏi về mưu lược để thôn tính nước địch, nhưng không có tài để

bảo vệ được bản thân. Vĩ Sinh (4) giữ chữ tín nhưng không biết tùy cơ ứng biến. Vương Gia biết đền ơn sự tri ngộ của mình chúa, nhưng không biết phò tá hôn quân. Hứa Thiệu (5) có biệt tài phẩm bình tài năng cao thấp của người khác nhưng thuyết phục được nhân tài.

Cho nên, biết dùng sở trường của mỗi người là một nghệ thuật trong thuật dùng người ”.

3. PHÂN LOẠI CON NGƯỜI

Phản kinh nêu những cách phân loại con người theo truyền thống Trung Hoa, để dùng người.

1. Dung nhân, sĩ nhân, quân tử, hiền nhân và thánh nhân:

Khổng tử cho rằng có năm loại người là dung nhân, sĩ nhân, quân tử, hiền nhân và thánh nhân.

Dung nhân (kẻ tầm thường) :

Kẻ không có lòng tin, xử thế có trước không sau, hữu thi vô chung. Không chịu tu dưỡng. Miệng nói thao thao bất tuyệt nhưng không có chân tài, không có thực học. Gặp việc thì lúng ta lúng túng chẳng xong bề nào. Thích gần gũi bọn tiểu nhân, tránh xa người quân tử. Thấy lợi nhỏ đã vội quên nghĩa. Xử sự một cách tùy tiện, gió chiều nào thì theo chiều ấy.

Sĩ nhân (kẻ sĩ):

Người có lòng tin, tuân thủ nguyên tắc. Tuy không nắm được căn bản về thiên đạo và nhân đạo nhưng am hiểu được triết học nhân sinh. Xử sự tuy chưa được vẹn toàn, tận thiện, tận mỹ nhưng chí thú với công việc. Tuy không đa mưu, túc trí nhưng có thể tinh thông một số công việc. Ngôn luận không nhiều nhưng có chủ trương. Sự nghiệp thành tựu không nhiều nhưng cũng có thể làm nên những sự kiện. Tài trí hơn người, nói năng phải phép, nhận chân được sự việc, tố chất bên trong hòa hợp với hành vi bên ngoài, tính mệnh và hình thể là một. Phú quý không lấy đó mà vinh vang, bần tiện cũng không lấy làm xấu hổ.

Quân tử :

Người trung thành, giữ chữ tín, lòng dạ rộng rãi. Trọng nhân nghĩa, khiêm tốn, không khoe khoang. Trí mưu hơn người, thấu tình đạt lý, lời nói cử chỉ ôn hòa, nhã nhặn. Lòng tin vững vàng, làm theo chính đạo, tự cường không nghỉ. Là một con người bình thường nhưng cao cả.

Tuân tử cho rằng : Người quân tử có phẩm đức cao cả nhưng không mong người khác tôn trọng mình. Nói về tín và nghĩa nhưng không cầu người khác phải tin mình. Giỏi hành động nhưng cũng không mong người khác tôn trọng.

Bởi vì, người quân tử không lo tu thân là điều đáng sỉ nhục, nhưng bị người khác gièm pha, không cho đó là điều đáng sỉ nhục. Người quân tử không giảng về tín nghĩa là điều đáng sỉ nhục, nhưng khi người khác không tín nhiệm mình, không cho đó là điều sỉ nhục.

Người quân tử không có năng lực là điều đáng sỉ nhục, nhưng có năng lực mà

không được người khác dùng, không lấy đó làm điều sỉ nhục.

Không bị mê hoặc bởi vinh dự, không oán hận khi bị gièm pha, thực hành theo chính đạo, giữ được bản chất, đó là người quân tử.

Hiền nhân (người hiền) :

Đạo đức hợp với pháp độ (chế độ, luật pháp), hành vi chuẩn mực. Lời nói và việc làm có thể trở thành hiệu lệnh thiên hạ nhưng không phượng hại đến mình, dùng đạo đức để giáo hóa trăm họ nhưng không tổn hại cho quốc gia. Làm cho trăm họ, thiên hạ, ai cũng trở nên giàu có nhưng không tích góp cho riêng mình. Vui làm điều thiện, mong giải thoát trăm họ và thiên hạ ra khỏi cảnh khổ.

Thánh nhân :

Đạo đức và phép tắc của tự nhiên, trời đất hợp thành một thể; có thể giải quyết những biến hóa của thế sự, thông đạt mọi phương diện, tri thức vô cùng vô tận. Hiểu thấu sự bắt nguồn của vũ trụ vạn vật, cuộc sống của thiên hạ và sinh linh và giải quyết theo quy luật của tự nhiên.

Đạo đức sáng tỏ như mặt trời, mặt trăng, biến hóa vận hành như thần minh, người đời không biết được, không đo lường được phẩm đức của bậc thánh nhân cao cả, vĩ đại, thâm sâu đến nhường nào ?

2. Anh, tuấn, hào, kiệt:

Sách Linh kinh (1) cho rằng có 4 loại người là anh, tuần, hào và kiệt, gọi chung là anh hùng hào kiệt.

Anh : Đạo đức đầy đủ, tên tuổi vang xa, khiến cho người ở phương xa mến mộ mà theo về; kiến thức bác cổ, rút tủa kinh nghiệm của người xưa, tài năng tuyệt thế, vượt xa người cùng thời đại, gọi là anh.

Tuần: Dùng lí luận để giáo dục con người, hành vi phù hợp với quy phạm đạo đức, có lòng nhân ái được nhiều người ủng hộ, làm tấm gương sáng cho thuộc hạ noi theo.

Hào : Có trí tuệ, có tài quyết đoán khi gặp nguy hiểm, có thể làm cho những kẻ tham lam, keo kiệt hoặc những người khác tập quán, phong tục, kính nể.

Kiệt: Người có nhân cách, tiết tháo, có nghĩa cử cao đẹp, bị người gièm pha mà không hề oán hận, nhường nhịn người mà không hề miễn cưỡng, thấy lợi ích mà không tùy tiện giành lấy phần mình.

3. Thanh tiết, pháp phù, thuật gia, quốc thể và khí năng :

Ngoài hai cách phân loại của Khổng tử và sách Linh kinh, còn có cách phân loại khác, chia làm 5 loại là thanh tiết, pháp phù, thuật gia, quốc thể và khí năng.

Thanh tiết: Đức hạnh cao, mẫu mực trong lời nói và cử chỉ. Như Ân Anh, Lý Quát.

Pháp phù : Đặt ra luật pháp, quy định chế độ làm cho nước mạnh, dân giàu. Đó là Quản Trọng, Thương Ưởng.

Thuật gia : Mưu trí xuất thần nhập hóa, kế sách kì diệu. Như Phạm Lãi, Trương Lương.

Quốc thể : Đức hạnh có thể làm thay đổi những phong tục không còn hợp thời, dùng pháp độ để chấn chỉnh thiên hạ, dùng quyền thuật để trị quốc an bang. Như Y Doãn, Lữ Vọng.

Khí năng : Phẩm đức đầy đủ, tiêu biểu cho quốc gia, quy định pháp luật để trị lý hương ấp, dùng quyền thuật để chỉnh lý chính sự. Như Tử Sản, Tây Môn Báo.

4. Những ưu khuyết của thanh tiết, pháp phù và thuật gia :

Thanh tiết : Những người được xếp vào loại thanh tiết, thì không thể đòi hỏi ở họ về sự khoan dung, đại lượng, giỏi biện luận phải trái, mong việc gì cũng tận thiện tận mỹ. Như Tử Hạ.

Pháp phù : Pháp phù hoặc pháp gia, không cần mưu sâu, không cần nhìn xa trông rộng, lúc đương quyền, đương chức, thực hành nhiều chuyện đa đoan. Như Trương Thượng, Lý Quăng Hán.

Thuật gia : Thuật gia không sáng chế những gì để lại cho hậu thế, trong thời động loạn, chỉ chuyên về dùng quyền mưu; đầy đủ quyền thuật, mưu trí nhưng thiếu sự công chính. Như Trần Bình, Hàn An Quốc.

5. Một vài loại khác :

Những người giỏi lập thuyết, viết sách, truyền cho hậu thế như Tư Mã Thiên, Ban Cố.

Những người tuy không tham gia vào việc trị nước, nhưng có công xiển dương công nghiệp của thánh nhân. Như các Nho sĩ thời Hán.

Biện luận hợp với đạo nghĩa, ứng đối mẫn tiệp, có khẩu tài. Như Nhạc Nghị, Tào Khâu Sinh.

Gan dạ, tài trí hơn người, có trí có mưu. Như Hàn Tín, Bạch Khởi.

(1) Linh kinh : Còn gọi là Ngọc Linh kinh.

4. PHÂN LOẠI NHÂN TÀI

VÀ SẮP ĐẶT CHỨC VỤ

Thiên này nêu các phân loại nhân tài, gọi là lượng tài, mục đích để phân phó chức vụ để sử dụng hết tài năng và kết giao.

1. Lượng tài và phân loại :

Phân biệt tài năng mỗi người để sử dụng, gọi là lượng tài.

Phó Huyền phân nhân tài thành 9 loại :

Có đức hạnh là căn bản trụ cột của quốc gia, gọi là tài lương đồng.

Có tài vận trù sách lược trong màn trướng, gọi là lí tài.

Giỏi chính trị, giúp nước trị dân, gọi là chính tài.

Giỏi nghiên cứu học thuật, gọi là học tài.

Giỏi chỉ huy quân đội, gọi là vũ tài.

Có tài về nông nghiệp, dạy dân trong việc cày cấy, gieo trồng, gọi là nông tài.

Giỏi chế tạo các công cụ, máy móc, gọi là công tài.

Giỏi buôn bán kinh doanh, làm cho bản thân và đất nước giàu có, gọi là thương

tài.

Giới can gián nhà vua, biện luận nghị luận trong triều đình, gọi là biện tài.

2. Tài năng và những chức vụ cao :

Tam công : Y Doãn cho rằng, người thông đạt đạo trời đất, biết được sự biến hóa của đất trời, của vạn vật, điều tiết được âm dương, thuận dụng được bốn mùa, lamø cho mưa thuận, gió hòa, thì có thể tiến cử làm đến chức Tam công (1).

Hán Văn đế hỏi Tả thừa tướng Trần Bình về việc hình ngục, tiền, lương.

Trần Bình trả lời :

- Đã có các quan chuyên trách.

Hán Văn đế hỏi :

- Ai chuyên trách ?

Trần Bình thưa :

- Bệ hạ hỏi việc hình ngục thì xin hỏi quan đình úy. Về tiền, thóc, thì xin hỏi quan trị túc nội sử.

Hán Văn đế hỏi :

- Nếu mọi việc đã có quan phụ trách cả rồi, thì ông làm gì nhỉ ?

Bình xin lỗi nói :

- Thần rất lấy làm sợ hãi ! Bệ hạ không chê thần ngu lậu, cho thần được ở ngôi Tế tướng. Nhiệm vụ của tế tướng, trên là giúp thiên tử điều lí âm dương, thuận dụng tứ thời; dưới thì trông nom vạn vật được yên ổn, thoải mái; ngoài thì trấn trị vô về bốn rợ và các nước chư hầu; trong thì giúp đỡ trăm họ, khiến cho các quan khanh, đại phu người nào cũng được thi hành chức vụ người ấy.

Hán Văn đế khen phải.

Hy Hòa :Sách Thượng thư viết, Chu Dịch có nói, trời đất thuận ứng với tự nhiên mà biến hóa, nên mặt trăng, mặt trời vận hành không sai chạy, bốn mùa tuần tự lại qua.

Vậy, bậc thánh nhân phải ứng với thời thế mà làm ra luật pháp, thì luật pháp rõ ràng, thì vạn dân phục tùng.

Trời đất biến hóa là do âm dương, có âm dương thì có mặt trăng, mặt trời, vật

nào theo vật đó, nhưng lại tương quan với nhau.

Bậc quân chủ thánh minh, theo đạo trời, thuận dụng bốn mùa để nuôi dân, nên phải đặt ra quan Hy Hòa (2).

Ngoài ra, mọi hành vi của quân chủ phải hợp với phép tắc, thuận hòa âm dương; tất mặt trời, mặt trăng sáng rõ, mưa thuận, gió hòa, nóng lạnh thích nghi; như vậy, tai họa sẽ không sinh, dân chúng mạnh khỏe, vui vẻ. Tất cả đều do việc điều lí âm dương.

Cửu khanh : Ứng với bốn mùa, tinh thông địa lợi, làm cho bể tắc thành lưu thông, chuyển hóa những nhân tố bất lợi thành thuận lợi, thì có thể tiến cử làm chức Cửu khanh (3). Tố chất của chức Cửu khanh là đức hạnh.

Đại phu : Thông hiểu nhân sự, hành vi hợp với quy phạm, biết địa hình, địa lợi trong thiên hạ, làm cho kho lẫm của đất nước sung túc, có thể tiến cử làm chức Đại phu.

Gia Cát Lượng, nước Thục, cho rằng : Ngồi mà luận đạo, gọi là Tam công, còn làm những việc sự vụ, gọi là Ngự đại phu.

Liệt sĩ : Trung thành, chân chính, chí công vô tư, hết lòng can gián, dù phạm đến nhà vua, có thể cử làm Liệt sĩ, tố chất của liệt sĩ là nghĩa (khí).

3. Những chức vụ khác :

Có phẩm đức, khí tiết thanh cao, thì làm Sư biểu. Có tài pháp gia, thì quản lí Tư pháp. Có tài thuật gia, có thể dâng kế sách, hoạch định kế sách cho quân chủ. Có tài bình luận, khen chê, thì làm thầy. Có tài khéo, có tay nghề, thì phụ trách việc xây dựng, kiến trúc, chế tạo. Có tài Nho học, thì phụ đạo cho thái tử. Có tài văn chương thì tuyển, tu chỉnh quốc sử. Dũng cảm, kiêu hùng, thì làm tướng.

4. Tài năng và quản lí :

Khương Thái công phân biệt 9 hạng người để phân phó chức vụ như sau:

Một, người có tính nói nhiều, mở miệng ra chuyên nói điều ác, ai nấy đều ghét; cho người này quản lí chợ búa, đường phố, hang cùng ngõ hẻm, để phát hiện kẻ gian, đề phòng tai hoạ.

Hai, người thích những quản lí những việc phức tạp, tuế toái, thức khuya, dậy sớm, thức khuya dậy sớm, loại người này chỉ coi sóc việc nhà, vợ con.

Ba, lòng dạ thẳng ngay, miệng mồm lạnh lợi, dễ gần gũi, bình thời không nói nhiều, không chiếm tài vật, có thể cử làm tiểu đầu mục, cai quản 10 người.

Bốn, hay lo lắng nhưng thần thái nghiêm trang, không nghe lời can gián, thường dụng hình, đổ máu, không bênh vực thân thích; có thể cai quản được một trăm người.

Năm, thích biện luận, hiếu thắng, xem cái ác như kẻ thù, thích dùng hình phạt, xác lập quyền uy; có thể cai quản được một ngàn người.

Sáu, bên ngoài khiêm tốn, nói năng cẩn thận, biết người no đói, thị sát được kẻ dưới; có thể làm tướng, cai quản được một vạn người.

Bảy, lúc nào cũng thận trọng, nghiêm cẩn, gần gũi hiền nhân, thường hiến sách lược, khí tiết, nói năng khiêm tốn cung kính, biết sĩ nhục; có thể làm tướng, cai quản mười vạn người.

Tám, ôn hòa, lương thiện, đôn hậu, dụng tâm chuyên nhất, cử người hiền, tín nhiệm người tài năng, thi hành luật pháp công chính; có thể làm tướng, cai quản một trăm vạn người.

Chín, nhiều công lao, tên tuổi vang dội, ra vào cửa các nhà hào phú nhưng thân cận với trăm họ, thành tín, khoan dung, biết đạo trị lý thiên hạ, biết cứu vãn lúc bại vong, trên thông thiên văn, dưới tường địa lý, xem trăm họ bốn biển thân thiết như vợ con của mình; là anh hùng, có thể làm chủ thiên hạ.

5. Thầy, bạn, quan sử và đầy tớ :

Sách Linh kinh, chia làm bốn loại : Người có trí năng như nguồn nước suối, hành động có hiệu quả cao, nên tôn làm thầy.

Người có trí năng, do tôi luyện mà thành, có thể giúp người khác, được nhiều người kính nể, nên kết làm bạn.

Người biết tôn trọng luật pháp, trung thành, biết giữ chức vụ, nên phong làm

quan sử.

Người chỉ thấy cái vui trước mắt, thấy chủ thì khép nép, chỉ cho làm đầy tớ (nô tài).

Bậc quân chủ, trên có thầy giúp đỡ, giữa có bạn trợ giúp, dưới có quan sử giúp việc, lúc nguy vong có nô tài đỡ đần.

6. Luận thành bại qua chủ tướng :

Tôn tử cho rằng : Nếu xét hai bên, bên nào quân chủ có đạo nghĩa, bên nào có chủ tướng tài năng; bên quân chủ không giữ đạo nghĩa, chủ tướng không có tài năng; thì đã biết ai thắng ai bại ?

Ví dụ 1:

Tào Tháo đọc thư Viên Thiệu muốn mượn lương, lời lẽ kiêu ngạo.

Tháo hỏi Quách Gia :

- Viên Thiệu láo ! Ta muốn sang đánh, ngặt vì sức ta không nổi, nên làm thế nào ?

Quách Gia thừa :

- Lưu Bang không địch được với Hạng Vũ, thế mà Hạng Vũ bị bắt, vì Lưu Bang có nhiều mưu trí. Nay, Viên Thiệu có mười điều thua, còn ông có mười điều được, do đó quân của Viên Thiệu tuy mạnh nhưng không đáng sợ.

Tính Thiệu hay vẽ vờ nghi lễ; ông thì dễ dãi tự nhiên, thế là được về đạo.

Thiệu hành động trái lễ; ông thuận lễ phải, thế là được về nghĩa.

Từ thời Hoàn, Linh đến giờ, triều chính đổ nát quá khoan rộng, thế mà ông lại đưa vào quy cũ, thế là được về chính trị.

Viên Thiệu bên ngoài khoan hòa, mà trong lòng nghi kị, lại dùng những người thân thích; ông thì ngoài giản dị, trong lòng sáng suốt, dùng toàn nhân tài, thế là được về độ lượng.

Thiệu thì nhiều mưu mà ít quyết đoán; ông được mưu hay là làm ngay, thế là được về mưu lược.

Thiệu hiếu danh; ông thì lấy thực bụng đảo người, thế là được về đức.

Thiệu nghĩ chỗ gần, quên chỗ xa; ông thì nghĩ đâu cũng khảo, thế là được về nhân.

Thiệu hay nghe dèm pha, ngờ vực người; ông thì không tin những đũa sàm nịnh, thế là được về sự sáng suốt.

Thiệu thì phải trái hồ đồ; ông thì phép tắc phân minh, thế là được về văn.

Thiệu thích hư trương thanh thế nhưng không biết cách dùng binh; ông thì lấy ít đánh nhiều, dùng binh như thần, thế là được về võ.

Ông được mười điều ấy, đánh thắng Thiệu thì có khó gì ?

Ví dụ 2:

Nghe tin Viên Thiệu cất quân, Tào Tháo bèn họp các mưu sĩ bàn việc nghênh địch. Khổng Dung thấy thế, vào nói với Tào Tháo rằng :

- Viên thiệu thế to, không nên đánh nhau, nên hòa thì hơn.

Tuân Úc nói :

- Viên Thiệu là người vô dụng, hòa với nó làm gì ?

Dung lại nói :

- Viên Thiệu có đất rộng, dân mạnh, bộ hạ như bọn Hứa Du, Quách Đồ, Thẩm Phối, Phùng Kỉ đều là những người mưu trí; Điền Phong, Thư Thụ đều là trung thần; Nhan Lương, Văn Sú sức khỏe hơn ba đội quân; còn như Cao Lãm, Trương Cáp, Thuần Vu Quyền toàn là những danh tướng đời nay. Sao lại bảo Thiệu là vô dụng ?

Úc cười nói :

- Thiệu binh nhiều mà không nghiêm chỉnh; Điền Phong cương trực mà hay phạm người trên; Hứa Du tham mà không khôn, Thẩm Phối tự cho mình là phải nhưng không có mưu mẹo, Phùng Kỉ tính quả quyết nhưng không làm được việc. Mấy người ấy không ưa nhau, tất rồi sẽ sinh nội biến. Nhan Lương, Văn Sú tuy khỏe nhưng chỉ là đồ thất phu, chỉ đánh một trận là bắt được; còn như những đồ tầm thường nhưng nhúc, dầu có trăm vạn cũng chẳng kể vào đâu.

Khổng Dung ngồi nín lặng. Tháo cười to nói:

- Đều không ra ngoài tính toán của Tuân Văn Nhượng (Tuân Úc).

(1) Tam công : Thời Chu gọi chung các chức Tư mã, Tư đồ, Tư không là Tam công. Thời Tần – Hán, gọi chung các chức Thừa tướng, Thái úy, Ngự sử là Tam công.

(2) Hy Hòa : Theo truyền thuyết, là chức quan coi việc thiên văn thời cổ.

(3) Cửu khanh : Chức quan coi về việc hành chính ngày xưa.

5. NHỮNG PHƯƠNG PHÁP KHẢO SÁT CON NGƯỜI

Thiên này nêu những phương pháp khảo sát con người, để dùng người và quan hệ với người.

1. Biết người rất khó :

Tục ngữ có câu : Tâm con người bị che bởi da bụng, tức là không thể thấy được lòng con người.

Hoặc, vẽ cọp, vẽ được da cọp, không thể vẽ được xương con cọp; biết người, biết mặt, không thể biết lòng (Họa hổ, họa bì, nan họa cốt; tri nhân, tri diện, bất tri tâm).

Nam hoa kinh, Trang tử cho rằng Khổng tử nói : “ Lòng người ta sâu hiểm hơn sông núi, khó biết hơn trời nữa. Vì trời còn có những hiện tượng đúng kì là Xuân, Hạ, Thu, Đông, sáng và tối, còn con người ta, bên ngoài thì kín đáo mà trong lòng thì sâu thẳm ”.

Sách Nhân vật chí cho rằng : “ Có người bên ngoài xem như nhiều tài, nhiều nghề (đa tài, đa nghệ), thực tế là thiếu chân tài, thực học.

Có người rất nhiệt tình hăng hái, nhưng thực tế đó cũng chỉ là ngọn lửa rơm, không giữ được lâu dài.

Có người có vẻ trung thành nhưng lại trí trá đa đoan.

Những nhà chính trị lớn, ta thường cho là kẻ gian trá nhưng có người lại làm nên sự nghiệp lớn.

Có người bên ngoài có vẻ ngu độn nhưng thực ra là bậc đại trí.

Có người lơ là khi nghe những chuyện về chính trực, về lời nói thẳng nhưng thực tế là rất chí thành.

Con người trong cõi đời thực thực, giả giả, hư hư ảo ảo, nếu không tinh tường thì rất khó phân biệt ”.

Khương Thái công thì cho rằng : “ Có người nhìn bên ngoài rất trịnh trọng, trang nghiêm, thực tế không phải là kẻ danh môn chính phái, là loại bàng môn tả đạo.

Bên ngoài có vẻ đứng đắn nhưng thực ra là kẻ tiểu nhân.

Bên ngoài có vẻ ôn hậu, lương thiện, thật ra là kẻ đầu trộm, đuôi cướp.

Bên ngoài tỏ vẻ cung kính, thật ra là kẻ kiêu căng hợm hĩnh.

Bên ngoài có vẻ chuyên tâm, chuyên nhất, nhưng thực sự là kẻ ba phải.

Bên ngoài có vẻ hăng hái, lạng xăng nhưng làm nhưng chẳng làm xong một việc gì.

Bên ngoài có vẻ quyết đoán nhưng thực tế là người do dự, thiếu quyết đoán. Bên ngoài có vẻ hồ đồ nhưng thực ra là người chất phác, thật thà.

Bên ngoài có vẻ lúng ta lúng túng, nhưng thật ra là người được việc.

Bên ngoài có vẻ hùng hù hống hĩnh nhưng thực ra là kẻ khiếp nhược. Bên ngoài có vẻ bất tài vô tướng nhưng thật ra là người có tài năng xuất chúng, chỉ có bậc thánh nhân mới biết được.

Cho nên, con người bình thường không đoán được con người, chỉ có những người có con mắt tinh đời, có huệ nhãn mới có thể đoán được con người ”.

Sách Hoàn phạm viết : “ Giữa hiền tài và kẻ ngu độn khác nhau như cây quỳ và cây cải. Người ta có thể phân biệt được giữa quỳ và cải nhưng khó phân biệt được giữa hiền tài và kẻ ngu độn.

Mạ (lúa) khác cỏ khác nhau như phải với trái, nhưng phân biệt được mạ và lúa thì dễ, nhưng đôi khi phân biệt phải với trái thì không dễ chút nào ”.

Dương Hùng cũng cho rằng : “ Ai cũng biết phân biệt giữa núi Thái to lớn với con muỗi nhỏ bé, ai cũng phân biệt được biển lớn với lạch nước nhỏ. Nhưng khó phân biệt được người trung và kẻ gian.

Vì khó đo lòng người, nên những người tài trí đôi khi dùng lầm người, bị người mê hoặc, lừa dối. Nhiều vị vua mất nước, thân bại, danh liệt, cũng không biết được lòng người và dùng nhầm người.

Chẳng hạn, Tề Hoàn công vốn là bá chủ nhưng chết thảm dưới tay bọn Dịch Nha, Khai Phương và Thụ Điêu. Hán Quang Vũ đế Lưu Tú, nổi tiếng là ông vua anh minh nhưng vẫn bị Bàng Mạnh mê hoặc. Tào Tháo, nổi danh là biết người, biết dùng người nhưng cũng bị mắc lừa Trương Mạo ”.

Tuy biết người là khó, nhưng qua kinh nghiệm lịch sử, người ta cũng đã có nhiều phương pháp để đo lòng người sau đây :

2. Phương pháp khảo sát :

Đưa ra vấn đề sâu kín, khúc mắc để khảo sát năng lực ngôn ngữ.

Đưa ra những vấn đề gay go để khảo sát năng lực ứng biến.

Đưa ra những âm mưu bí mật để khảo sát sự thành thực.

Đưa ra những vấn đề có tính nguyên tắc để khảo sát phẩm đức.

Đưa cho họ đến những vị trí, chức vụ những nơi có thể kiếm được tiền, để khảo sát sự liêm khiết.

Dùng gái đẹp để khảo sát sự trung trinh, tiết tháo.

Đưa vào nơi nguy hiểm để khảo sát sự dũng cảm.

Cho uống rượu say để quan sát thần thái.

Trang tử cho rằng : “ Phái người ta đến nơi xa xôi để khảo sát sự trung thành.

Giao cho công việc lớn để khảo sát sự cung kính và cần mẫn.

Giao cho việc phức tạp để khảo sát năng lực tổ chức.

Giao cho những việc bất ngờ để khảo sát năng lực phản ứng.

Giao cho công việc có định kì để khảo sát chữ tín ”.

Sách Lã thị xuân thu cho rằng :

“ Tạo điều kiện thuận lợi, để khảo sát sự tôn kính.

Cho chức quan cao để xem cách dùng người.

Tạo cuộc sống giàu sang để xem cách nuôi người.

Nghe lời nói, xét việc làm, để biết người thiện lương, nhân nghĩa, hay là kẻ bất lương, bất nhân, bất nghĩa.

Xem người ta gần gũi với những hạng người nào, cũng có thể biết người ta tốt hay xấu.

Đưa đến chỗ bần cùng, để khảo sát đức hạnh và tiết tháo.

Đưa đến chỗ thật vui để biết được tính cách (đắc ý, tự cao hay khiêm tốn).

Đưa đến chỗ khoái lạc để biết được giữ giữ gìn hay buông thả.

Chọc giận để khảo sát việc tự tiết chế.

Đưa đến chỗ bí ai để biết lòng nhân ái, cảm thông.

Đưa vào chỗ gian khổ khảo nghiệm ý chí ”.

3. Phương pháp quan thành:

Sách Kinh, nêu phương pháp quan thành :

“ Muốn dùng người nên xét người xa xỉ hay không xa xỉ ?

Khi thất bại về chính trị, xem họ phản bội hay trung thành ?

Sống vinh hoa phú quý, xem họ khoa trương hay không khoa trương ?

Cho họ sống nơi lạnh lẽ, thâm u để xem họ sợ hãi hay không sợ hãi ?

Thanh thiếu niên, xem xét sự về hiếu học hay không hiếu học, và tôn kính hay không tôn kính người trên ?

Tráng niên, xem xét về sự liêm khiết hay không liêm khiết; chí công vô tư hay không chí công vô tư; suy tư, lo lắng, cẩn thận hay không cẩn thận, tận tâm tận lực hay không tận tâm, tận lực ?

Đối với cha mẹ, có hiếu hay bất hiếu; đối với anh em có hòa thuận hay không hòa thuận; đối với những người trong làng xóm, quê hương có giữ chữ tín hay không ?

Vua đối với tôi có lòng nhân ái hay không ? Tôi đối với vua, xem có trung thành hay không trung thành ? ”.

Những phương pháp vừa nêu, gọi là quan thành.

4. Phương pháp kiểm nghiệm, thực nghiệm :

Phó Huyền cho rằng, lúc đàm luận cũng có thể biết được sơ lược về học phái của họ. Chẳng hạn :

“ Người thường nói đến lẽ tự nhiên, coi trọng huyền diệu, hư vô, tức là người theo Đạo gia.

Người hay bàn về lễ nghĩa, bàn về coi trọng công bằng, chính trực; là người theo Nho gia.

Người hay bàn về quyền thuật, quyền biến, coi trọng việc cải cách; là người thuộc phái Tung hoành.

Người hay nêu ra những chủ trương khác nhau, nêu ra những cách hành xử khác nhau; là người học Bách gia, chư tử.

Nhưng đó cũng chỉ là bề ngoài, thực sự khó biết được người đó thật hay giả, chân hay ngụy.

Vì có người, miệng nói đạo nghĩa, trích dẫn kinh điển, thực chất là để biện giải cho những âm mưu gian trá.

Miệng luôn tự cho mình phẩm đức cao thượng, thực chất là theo gió bẻ măng, tì tiện, biến lộn.

Miệng nói liêm khiết nhưng thực chất là kẻ tham lam vô độ.

Miệng nói nhân từ nhưng thực chất là tàn hại sinh linh.

Miệng nói anh dũng phi phạm, thực tế là nhu nhược, không có năng lực.

Miệng nói chữ tín, thực tế là gian trá, bất tín.

Miệng nói đạo đức, trinh tiết, thực tế là phường háo sắc, dâm dăng.

Những hạng người vừa nêu, gọi là ngụy quân tử, chúng dùng miệng lưỡi, dùng

kĩ xảo lấy giả làm thật, còn gọi là giả tượng, để mê hoặc quân chủ”.

Hàn Phi tử cho rằng : “ Khi người ngủ thì không phân biệt được người mù người sáng; khi im lặng thì chẳng biết ai là người câm. Lúc người ta tỉnh dậy, lúc nói năng, mới biết ai là mù, ai là sáng, ai là câm.

Xem rằng ngựa, lông ngựa mà biết ngựa hay hoặc ngựa dở, trên đời chỉ có Bá Nhạc. Đối với bình thường, cho ngựa kéo xe, cho chạy, mới biết được ngựa hay hoặc ngựa dở.

Nhìn sắc kiếm, mũi kiếm mà biết là bảo kiếm, chỉ có Âu Dã tử. Đối với người bình thường phải dùng kiếm để chém chó, chém ngựa, tìm giao long dưới nước để chém thì may ra mới biết kiếm thường hay bảo kiếm.

Cho nên, việc thực nghiệm, kiểm nghiệm mới biết được tốt xấu, cũng là một trong những phương pháp biết người “.

5. Quan sát khí sắc theo ngũ hành:

Theo thuyết âm dương ngũ hành : Khí huyết là do âm dương hòa hợp mà thành tính mệnh; do năm yếu tố kim, mộc, hỏa, thổ, thủy cấu thành tính mệnh. Thân thể con người, theo ngũ hành, xương thuộc mộc, gân thuộc kim, khí thuộc hỏa, thịt thuộc thổ, máu huyết thuộc thủy. Sách

Sách Nhân vật chí cho rằng, dựa trên đặc điểm của ngũ hành có 5 loại người :

Xương cốt cứng, dẻo dai, gọi là hoẵng mạo (hoẵng : to lớn), thuộc về nhân.
Xương cốt thuộc mộc, thẳng âm nhu, là cơ bản của nhân.

Khí rõ ràng, cao khiết, mát mẻ gọi là văn lí, thuộc về lễ. Khí thuộc về hỏa, lửa chiếu sáng, là cơ bản của lễ.

Hình thể (thịt) rắn chắc, ngay thẳng, gọi là trinh cố, thuộc chữ tín. Hình thể, thịt, thuộc thổ, đất nuôi dưỡng vạn vật, là cơ bản của sự thành tín.

Gân cứng dẻo dai và tinh thuần, gọi là dũng cảm, thuộc về nghĩa. Gân thuộc về kim, mũi nhọn, quả đoán, nghĩa khí, là cơ bản của dũng cảm.

Huyết lưu thông, bình hòa, gọi là thông vi, thuộc về trí huệ. Huyết là thuộc về thủy, nguồn nước, có nguồn trí năng mới sinh trí huệ, tắt nguồn hoặc bị bế tắc, không thông thì không có trí huệ.

Năm tính chất trên, thường hằng, bất biến, nên gọi là ngũ thường.

Xương thẳng mà không dẻo dai là quá cương trực.

Khí rõ ràng, cao khiết nhưng không mát mẻ, thì dễ bị xung động.

Hình thể (thịt), rắn chắc mà không ngay thẳng, thì trở thành ngu độn.

Gân cứng dẻo dai mà không tinh thuần, thì dễ biến dạng.

Huyết lưu thông mà không bình hòa, dễ dẫn đến phóng đảng.

6. Phương pháp nghe khí (thính khí):

Triết học và y học Trung Hoa quan niệm : Thần là chủ tể của trí, thần khí bình hòa thì thẳng thắn vô tư, thần ngưng trệ thì khí chất trở thành quanh co khuất lấp. Tinh là căn bản của tâm, tinh mát mẻ thì vui vẻ sáng suốt, tinh đục thì sâu nảo, tối tăm. Tinh khí bộc lộ ra bên ngoài gọi là khí.

Quan sát khí có thể hiểu tính cách của con người, gọi là thính khí :

Thẳng thắn vô tư hay quanh co, khuất lấp là do thần.

Vui vẻ, sáng suốt hay sâu nảo, tối tăm là do tinh.

Dũng cảm hay khiếp nhược là do gân cốt.

Vui sướng hay khổ sở là do khí sắc.

Nóng nảy hay bình tĩnh là do khí huyết.

Suy nhược hay cứng mạnh thường biểu hiện ở dáng vẻ.

Thái độ biến hóa hiện ra ở sắc mặt.

Tình tự, nóng gấp hay chậm rãi thường biểu hiện ở ngôn ngữ.

Tâm tính chất phác, thuần khiết thì điềm đạm, bình hòa.

Nội tâm thông tuệ thì tâm tính cởi mở.

Gân cốt cường kiện thì âm thanh rõ ràng, khí sắc tươi nhuận.

Tâm tính thô bạo thì âm thanh nặng nề, tản mạn.

Tâm khí khoan hòa, nhu thuận thì âm thanh ôn hòa, tròn trịa.

Tính khí ôn hòa thì ý khí thư thái.

Hòa khí thì dễ đi đến tùy tiện.

Người có dũng khí biểu ở sự hùng tráng.

7. Phương pháp quan sát sắc diện (sát sắc):

Sách Nhân vật chí cho rằng :

“ Người có cái tâm trong sáng, phong thái, thần sắc, anh hùng, cứng cáp.

Người tâm bình, khí hòa, phong thái, thần sắc, anh nhàn tự tại.

Người có lòng nhân ái, phong thái, thần sắc, chính trực, đoan trang.

Người dũng cảm, phong thái, thần sắc nhanh nhẹn, mạnh mẽ.

Người lo lắng, thần sắc mệt mỏi, khô khan.

Người đang gặp cảnh khốn cùng, mặt ủ mày chau.

Người vui vẻ, thần sắc vui tươi, hoạt bát.

Người giận giữ, thần sắc tiêu tán.

Người gặp cảnh ngộ khó khăn chưa tìm ra được lối thoát, thần sắc hoang mang hoảng hốt “.

8. Phương pháp khảo chí :

Thông qua đàm thoại người ta có thể khảo sát được tâm chí của con người :

Khi trò chuyện thường cho rằng, kiến thức của mình còn nông cạn, cần người khác bổ túc, khiêm cung nhưng không dũa nịnh, là người có khí chất khoan hậu, ôn hòa.

Lúc nói chuyện thường khoa trương, coi thường người khác, chẳng qua là muốn che đậy sự thiếu năng lực, thiếu kiến thức, là người có khí chất kiêu căng.

Khi nói chuyện thường tôn trọng sự công chính, không thiên vị, không che dấu khuyết điểm của mình, bộc lộ những ưu điểm của mình, là người chất phác, thận trọng.

Án tử cho rằng : “ Kẻ gần bên quân chủ, khi nói năng chứng tỏ mình là người có vai vế, là kẻ gian nịnh. Bên ngoài, nói năng luôn tỏ vẻ thành thực, trung thành, để được nhà vua tin cậy, thực chất là kẻ đại gian, đại ác, loại này khó mà quan sát, thăm dò được tâm địa của chúng”.

Tuân tử cho rằng : “ Kẻ nói năng, hành động không hợp với đạo nghĩa, thường gương tự đắc, tất là gian nịnh, tiểu nhân. Người nói năng, hành động hợp với

đạo nghĩa, vui với công việc là bậc chính nhân, quân tử ”.

Có sách cho rằng : Người bị sự kích thích của ngoại giới nhưng vui buồn không lộ ra nét mặt; gặp những chuyện phiền nhiễu tuế toái, vẫn giữ được bình tĩnh; không bị lôi cuốn bởi lợi lộc; bị uy hiếp nhưng không sợ hãi; là người tiết tháo.

Người bị kích thích của ngoại giới, vui buồn hiện ra nét mặt; gặp những chuyện phiền nhiễu, tuế toái, tinh thần hoảng loạn; thấy lợi thì tối mắt chạy theo; là kẻ biến lộn.

Gặp những hoàn cảnh khác nhau, tùy cơ ứng biến, đưa ra sách lược, quyết đoán, là người thông minh, trí huệ.

Gặp những hoàn cảnh khác nhau, không biết biến thông, không có kế sách, thiếu quyết đoán, cố chấp, là người ngu độn.

Không biết nghe lời hay lẽ phải của người khác, tự tư tự lợi, nói năng cường từ đoạt lí; là kẻ ngông cuồng, đồ kị.

Ngoài ra, người ta cũng có thể xem lời nói, cử chỉ, sắc diện, khí chất mà đoán người.

Ví dụ 1:

Thời Tam quốc, có một người khách đến thăm Lưu Bị, hai người nói chuyện say sưa. Bỗng thấy Gia Cát Lượng đến, người khách vội vàng đứng dậy xin cáo từ.

Gia Cát Lượng nói với Lưu Bị :

- Người ấy không phải gian tế, thì cũng là thích khách.

Lưu Bị hỏi :

- Làm sao tiên sinh đoán được ?

Gia Cát Lượng đáp :

- Tôi nhìn thấy lông mày của người ấy có sắc diện khác thường, tức tinh thần có ý sợ hãi, khi nói chuyện mắt cứ nhìn xuống, tròn mắt đảo lung tung, nếu không có gian tâm, thì cũng có tà tâm vậy. Tôi đoán, hẳn là người của Tào Tháo sai đến.

Lưu Bị cho người đuổi theo, người ấy đã trèo tường trốn thoát.

Ví dụ 2:

Thời Tam quốc, có ba người là Hà Yển, Hạ Hầu Huyền và Đặng Dương là tay

chân của Tào Sảng, có chức có quyền ở trong triều, ba người muốn kết thân với Phó Giả (có sách gọi là Phó Hổ). Phó Hổ tránh xa, có người trách, tại sao không làm thân với kẻ có chức có quyền, ít nhất cũng ăm thân hoặc thêm danh giá.

Phó Giả nói:

- Hạ Hầu Huyền có chí lớn mà tài mỏng, có hư danh mà không có thực tài. Hà Yển thích đàm luận cổ kim nhưng là người hư ngụy, không có thành ý, là người lấy mồm mép để làm loạn chính sự. Đặng Dương là người hữu thủy vô chung, thích danh lợi, a dua bề trên mà bài xích người khác, nặng lòng đố kị. Ba người ấy là hạng người bại hoại, nên tránh xa không kịp, nói chi là kết thân với họ.

Quả nhiên, sau này ba người đều bị Tư Mã Ý tru di cả ba họ.

8. Phương pháp trắc ẩn:

Sách Nhân vật chí nêu : “ Làm người, tinh thần phải sâu kín, khí chất cao thượng, chí hướng phải lớn lao; tâm thế phải khiêm hư. Tinh thần sâu kín thì có thể hòa nhập vào cảnh giới thần diệu; khí chất cao thượng thì mới giữ được đạo đức và tiết tháo; chí hướng có lớn lao mới đảm nhiệm được trọng trách lớn; tâm thế có khiêm hư thì mới cẩn thận khi làm việc ”.

Sở dĩ, Kinh thi ca tụng Chu Văn vương, vì Văn vương luôn cánh cánh bên lòng việc trị dân, mong cho gió thuận mưa hòa, tức là cẩn thận. Khi nhà vua nổi giận, thì sai tướng bình định thiên hạ, là chí hướng lớn lao.

Cho nên cần phân biệt :

Có chí lớn (đại chí) nhưng rất cẩn thận (tiểu tâm) là thánh nhân.

Có tấm lòng rộng rãi (tâm đại) lớn, có chí lớn (đại chí) là anh hùng, hào kiệt.

Lòng tham muốn lớn (tâm đại) nhưng chí nhỏ (chí tiểu), là người kiêu ngạo, cuồng vọng.

Lòng dạ hẹp hòi (tâm tiểu), chí nhỏ (tiểu chí), là kẻ khiếp nhược, không có năng lực.

Nhiều kẻ rất giỏi ngụy trang, ngụy trang dưới nhiều hình thức :

Ngụy trang người chân thực, trong sâu xa là người được phần ít, nhưng muốn chiếm lấy thật nhiều, no bụng, đói con mắt, bỏ lợi nhỏ chạy theo lợi lớn.

Giả người nhân từ, thương người, giàu lòng trắc ẩn, chẳng qua là để mua danh, bán tiếng.

Ngụy trang người có học thức, thông kim bác cổ, lắm mưu nhiều kế nhưng đùng vào thực tế chẳng nghĩ ra được mẹo gì !

Khoác áo liêm chính, dùng cảm, thật sự là kẻ gian trá, khiếp nhược.

Giả cung phụng quân vương, phụng dưỡng cha mẹ, ngụy trang dưới hai chữ hiếu trung hiếu, dùng trung để cầu danh vọng, mưu lợi, dùng hiếu để che mắt thế gian.

Sách Nhân vật chí cho rằng, người cao cả, bên trong và bên ngoài là một, bên ngoài không cần ngụy trang. Kẻ giả dối sức bên ngoài những vật quý như ngọc ngà, châu báu nhưng bên trong là một tâm hồn bại hoại, hư nát.

Lời nói không đi đôi với việc làm là nội tâm với diện mạo bên ngoài, giả bộ danh tiết để mê hoặc người ta, làm cho người ta tin, tức là cái chí của người này đã hỏng bét (hủy chí).

Sách Nhân vật chí viết : Người chuyên môn công kích người khác với ác ý là người thiếu công chính và mất nhân tính. Người tự cho mình là thông đạt đạo lý, thực tế là không thông đạt đạo lý, kiêu ngạo, quay lưng với lễ tiết.

Những người thông qua việc chèn ép mà kết thân, thường là người muốn lợi mình, hại người, muốn mưu cầu lợi ích vật chất, là loại người tham và ti tiện.

Khương Thái công cho rằng : Quân chủ không nên thân cận và tín nhiệm người quả cảm không sợ chết và những người tham tước lộc. Người không sợ chết là người có lòng tham vô đáy. Người quá coi trọng tước lộc, chỉ lo chạy theo chữ lợi, không đếm xỉa đến việc lớn. Đây là hạng người bại hoại ý chí.

Người khôn vặt, không có đại học vấn, chỉ có tài mọn không làm được việc lớn, thấy lợi nhỏ quên cả đạo lí, gọi là người phù hoa.

Văn tử cho rằng : Mỗi con người đều có sở đoản, nhưng phải giữ gìn khí tiết, tuy có sai lầm nhỏ nhưng không làm hỏng việc lớn. Nhưng đã mất khí tiết, thì sẽ trở nên kẻ ti tiện, làm hỏng mọi việc.

9. Phương pháp suy đoán phẩm đức (quy đức) :

Ngôn ngữ trung thực, hành vi ổn định, không thay đổi, ý chí vững vàng, chí công vô tư, làm ơn không mong được báo đáp, trung hậu, xét việc rõ ràng, tính tình an tĩnh. Là người có lòng nhân.

Có tài xử lí những lúc gay go, trong nguy hiểm tìm ra đường sống, ra sức lập công nhưng không kể công. Là người trí.

Phú quý, danh vọng hiển hách nhưng vẫn cung kính, khiêm tốn mà không mất vẻ uy nghiêm, không kiêu ngạo. Là người có đức hạnh.

Gặp lúc bần hàn cũng không lo buồn, sống cảnh giàu sang cũng không xa xỉ, công lao to lớn nhưng chẳng cậy công, lúc giận giữ cũng như lúc vui vẻ những vẫn tiết chế được tình cảm. Là người tiết tháo.

Cúng cung phụng sự quân chủ, hiếu với cha mẹ, hòa hợp với mọi người, tận tâm tận lực với công việc. Là người trung hiếu.

9. Tính toàn diện :

Sách Hoàn phạm cho rằng : “ Lịch sử chứng minh, những bậc đế vương làm nên sự nghiệp là biết dùng những người hiền năng, những vị vua mất nước, mất nhà, mất mạng thường là do không biết dùng người hiền năng, chỉ dùng những kẻ gian tà, dua nịnh ”.

Sách Nhân vật chí viết : “ Việc chọn người phải đề ra nhiều tiêu chuẩn, không nên theo cứng nhắc một vài tiêu chuẩn.

Nếu đề cao người chính trực, chọn người chính trực, thì sẽ hoài nghi cho rằng những người có pháp thuật là những kẻ trí trá.

Nếu đề cao và lấy mưu lược làm chuẩn, chỉ chọn người mưu lược, sẽ bỏ quên những người có kế sách bình thường, bỏ quên những người tuân theo luật pháp, chế độ.

Nếu đề cao và lấy quyền thuật làm chuẩn, chỉ chọn người quyền thuật, sẽ bỏ qua những người có tài giáo hóa quần chúng.

Nếu đề cao và lấy khẩu tài, miệng lưỡi, làm chuẩn, chỉ chọn người nói hay, biện luận giỏi, sẽ bỏ quên những người có kỹ năng kỹ xảo.

Cho nên, cần phải biết nhiều loại nhân tài, phân nhiều dòng nhân tài, thì mới thu hút được nhân tài trong thiên hạ”.

Sở dĩ, chúng ta ca ngợi những bậc thánh hiền là thông minh, vì thánh hiền biết người, biết phát hiện người tài, biết chọn những người tài, bố trí họ vào những vị trí thích hợp, để họ phát huy được sở trường, thực hiện được những công việc mà thánh hiền giao cho họ.

Có người cho rằng, trong việc tuyển chọn một nhân tài toàn diện, trở thành rường cột của quốc gia, ít nhất phải mất ba ngày.

Ngày thứ nhất, bàn luận về đạo đức.

Ngày thứ hai, luận bàn về pháp chế.

Ngày thứ ba, luận bàn về mưu lược.

Nếu không còn nghi ngờ một điều gì thì mới tuyển chọn.

Vì sao phải chọn người toàn diện ?

Khổng tử đã dạy các đệ tử rằng, có 6 tệ đoan. Chẳng hạn, người nhân là quý, người tín là tốt. Nhưng người nhân thường hay do dự, thiếu quyết đoán, đó là tệ đoan của nhân. Người tín vì khư khư giữ tín, nên không thể bảo mật, đó là tệ đoan sinh ra từ chữ tín.

Cho nên, khi chọn người chỉ thiên một mặt nào đó, thiên diện, sẽ thiếu nhân tài toàn diện.

6. TƯỚNG THUẬT

Thuật xem tướng, tướng thuật, có từ lâu đời và đã trở thành bộ phận văn hóa truyền thống của Trung Quốc.

Thuật xem tướng thường căn cứ vào tướng mặt, ngũ quan, xương cốt, khí sắc, thể hình, chỉ tay, ngôn ngữ (thanh âm), tinh thần ... để dự đoán con người sang hay hèn, cao quý hay bần tiện, họa hay phúc.

Tướng thuật được áp dụng khá rộng rãi trong nhiều lãnh vực và việc tuyển người, đề bạt quan chức.

1. Tướng thuật và những kinh nghiệm lịch sử :

Ví dụ 1:

Sách Tả truyện kể, quan nội sử Thúc Phục, thuộc vương thất nhà Chu, đến nước Lỗ.

Công tôn Ngạo biết Thúc Phục là người giỏi xem tướng, liền đem hai người con trai là Cốc và Nan cho Thúc Phục xem giúp. Thúc Phục xem qua, nói :

- Cốc có thể phụng dưỡng ông còn Nan có thể mai táng ông. Cốc trán đầy, nhất

định sẽ làm cho nước Lỗ hưng thịnh.

Sau này, đúng như lời đoán của Thúc Phục.

Ví dụ 2:

Trịnh Giản công mở yến tiệc mời Triệu Mạnh đến dự và xem tướng.

Trong tiệc có 7 người rất giỏi làm thơ, trong đó có hai người là Tử Triển và Ấn Đoạn ra đề thơ.

Tử Triển ra đề là trùng cỏ (thảo trùng), còn Ấn Đoạn ra đề là con dế (tất suất). Triệu Mạnh nghe đề thơ liền đoán :

- Tử Triển sẽ được dân chúng ủng hộ. Còn Ấn Đoạn cần xem xét lại hành vi của mình, nếu không sẽ gặp tai họa.

Sau này, gia đình Ấn Đoạn bị diệt vong. Nguyên nhân, Ấn Đoạn rất mê âm nhạc, chìm đắm trong âm nhạc. Âm nhạc có thể làm cho con người thư thái, an định trăm họ, nhưng âm nhạc cũng có thể hủy hoại và nhận chìm con người.

Sở dĩ, Triệu Mạnh xem đề thơ, nghe thơ, mà đoán được vận mệnh, do thơ thường nói lên cái chí hướng của con người (thi dĩ ngôn chí).

Sách Hán thư kể, Hán Cao tổ phong cho Lý Ty làm Ngô vương. Lễ phong kết thúc, Hán Cao tổ nói với Lý Ty :

- Người có tướng phản, vì vậy phải cẩn thận. Nếu năm mươi năm sau, ở phương Nam có đại loạn thì người cũng không được làm phản, vì ta với người là người một nhà.

Lý Ty khiếp sợ, vâng dạ.

Tướng kinh viết : Ở trên lông mày, có hai khối xương u lên quá cao, gọi là cửu phản cốt là người mưu phản.

Từ trên trán có một đường dọc xuống Thiên trung, rồi có một đường sắc vàng chạy đến huyệt Thái dương hoặc xương trên lông mày hiện sắc vàng hoặc huyệt Thiên mục chạy thẳng xuống sống mũi có sắc vàng, là người có tướng quý, làm đến chức tam công. Người có tướng xương bần tiện, có thể là kẻ giết cha, giết cha.

Ví dụ 3 :

Sách Tả truyện kể, Sở Thành vương muốn lập Thương Thần làm thái tử, hỏi ý kiến Lệnh doãn tử. Lệnh doãn tử nói :

- Thương Thần, hai mắt như mắt con ong, tiếng nói (âm thanh) như sài lang, tính tình rất tàn nhẫn, không nên lập làm thái tử.

Sở Thành vương không nghe.

Sau này, Thương Thần làm phản, đem quân ở Đông cung thái tử bao vây Sở Thành vương, bắt ông ta phải tự ải.

Ví dụ 4:

Quan tư mã nước Sở là Tử Lương có con trai tên là Việt Tiêu. Anh của Tử Lương là Tử Văn nói :

- Đứa bé này, tướng như hùm như gấu, tiếng nói như sài lang. Dân gian nói là lòng lang dạ sói, là tướng phản, nên giết nó đi, nếu nó lớn không, cả nhà sẽ mang họa diệt tộc.

Tử Lương không nghe, cho rằng giết con cũng chẳng khác nào lang sói.

Kết cuộc, Việt Tiêu làm phản, đem quân vây Sở Trang vương bị Sở Trang vương đánh bại, giết và diệt tộc.

Ví dụ 5:

Hàn Tuyên tử, nước Tấn, đi sứ sang nước Tề. Quan đại phu nước Tề là Tử Nhã, nhờ Hàn Tuyên tử xem tướng cho con là Tử Kỳ.

Hàn Tuyên xem xong nói :

- Tướng mạo của cháu không ôn hòa, nhu thuận, khó mà giữ gìn được sự nghiệp của cha ông.

Tử Nhã không tin.

Mười năm sau, Tử Kì phạm tội phải chạy trốn ra nước ngoài.

Ví dụ 6:

Chu Linh vương có người em tên là Đan Lý, con Đan Lý là Đan Quát, khi Đan Lý chết, Đan Quát chỉ thờ dài.

Công tử Khiên Kì nghe tiếng thờ dài của Đan Quát, liền vào tâu với Chu Linh vương :

- Đan Quát, cha chết mà không khóc, chứng tỏ tham vọng không nhỏ, hẳn lại thường nóng nảy bất an, chứng tỏ là muốn tiến xa hơn. Không giết người này, sẽ có hại cho đất nước.

Chu Linh vương nói :

- Nó còn trẻ người non dạ, để ý làm gì.

Sau khi Chu Linh vương mất, Đan Quát âm mưu lập Hầu Phu lên làm vương tử. Vương thất nhà Chu không chịu, đồng loạt đứng lên chống và đuổi Hầu Phu. Hầu Phu và Đan Quát phải chạy trốn ra nước ngoài.

Ví dụ 7:

Đại phu nước Tề là Thôi Trữ đem quân đi đánh nước Lỗ. Lỗ Ai công rất lo lắng.

Công tử Trác nói với Ai công :

- Mưu đồ của Thôi Trữ rất lớn, chuyện đánh nước ta là chuyện nhỏ, không bao lâu hẳn sẽ rút quân về để thực hiện mưu đồ của hắn. Hơn nữa, kỉ luật quân đội của Thôi Trữ thiếu nghiêm minh, lộn xộn, không thể đánh bại nước Lỗ.

Quả nhiên, Thôi Trữ kéo quân về. Không lâu, Thôi Trữ giết Tề Trang công.

Ví dụ 8:

Nước Lỗ, nước Sở và các nước chư hầu hội hợp để liên minh.

Công tử Vi (đại diện vua nước Sở) đem nghi trượng, cờ xí, phục trang, rút khỏi

liên minh và đi qua nước Vệ.

Đại phu nước Lỗ là Thúc Thích hỏi công tử Vi, tại sao rút khỏi liên minh ? Công tử Vi nói :

- Công tử nước Sở rất oai phong, chắc chắn sẽ làm vua nước Sở rồi ! Liên minh để làm gì ?

Một năm sau, công tử nước Sở đoạt quyền và soán ngôi vua Sở.

2. Một số phương pháp của tướng thuật:

Sắc diện :Các nhà tướng thuật cho rằng, phú quý hiện ra ở xương cốt, buồn vui hiện ra ở sắc mặt.

Tướng kinh cho rằng, có năm màu sắc : Màu xanh chủ về ưu sầu, màu trắng chủ về khốc lóc, màu đen chủ về bệnh tật, màu đỏ chủ về lo sợ, màu vàng chủ về vui sướng. Căn cứ vào năm màu sắc và 4 mùa để phán đoán:

Ba tháng mùa Xuân, màu xanh làm vua ; màu hồng là tướng; màu trắng là tù; màu vàng, màu đen là tử.

Ba tháng mùa Hạ, màu đỏ là vua; màu trắng, màu vàng là tướng; màu đen là tù; màu xanh là tử.

Ba tháng mùa Thu, màu trắng là vua; màu đen là tướng; màu xanh, màu vàng là tù; màu đỏ là tử.

Ba tháng mùa Đông, màu đen là vua; màu xanh là tướng; màu vàng, màu đỏ là tù; màu trắng là tử.

Nếu nhan sắc phù hợp với mùa làm vua, làm tướng là tốt; nhan sắc không phù hợp với mùa, gặp tù, tử, là điềm xấu của vua, của tướng.

Ví dụ:

Có lần, anh Quản Lộ tiếp hai người khách. Hai khách về, Quản Lộ nói với anh :

- Hai người này, ngực và tai đều có khí dữ (hung khí), sẽ gặp tai họa, hồn phách lênh đênh trên biển, còn xương thịt thì đem về nhà.

Không lâu, hai người đó bị chết đuối.

Tướng kinh viết : Quyết định, cao quý hay bần tiện do xương cốt; tuổi thọ ngắn dài, do tinh khí hư hay thực.

Sách còn cho rằng : Con người sống nhờ hít thở, hít – thở tương đương, dài thư thái, là tuổi thọ cao; hít thở gấp gáp, vào ra không bằng nhau, tuổi thọ ngắn.

Xương thịt cứng rắn, trường thọ nhưng đời sống ít vui; xương thịt mềm mại, tuổi thọ ngắn nhưng đời sống lại vui vẻ.

Ví dụ 1:

Đại phu Tương Trọng, nước Lỗ, đi sứ nước Tề về kể :

- Tôi ở nước Tề, có lần thấy vua Tề vừa ăn vừa nói, vừa nhai vừa nuốt, sớm muộn cũng chết.

Quả nhiên, không lâu vua Tề chết.

Ví dụ 2:

Trịnh Diệu công đến nước Tấn để liên minh. Trong lúc cử hành lễ dâng ngọc bích, Trịnh Diệu công có vẻ hoảng hốt, lúng túng, không xứng đáng với người tể lễ. Đại phu Trinh Bá, nước Tấn thấy vậy nói :

- Ánh sáng của mắt tán loạn, chân bước không vững, e rằng, vua Trịnh chẳng còn sống được bao lâu !

Quả nhiên, Trịnh Diệu công chết trong năm đó.

Ví dụ 3:

Chu Giải công sai Lưu Khang công và Thành Túc công đem quân đánh nước Tần.

Lúc ở miếu thổ địa, dâng tiến thịt, thái độ của Thành Túc không được cung kính, lễ lược sơ sài.

Lưu Khang công nói :

- Tôi nghe, con người bẩm thụ khí của trời đất mà sinh ra, gọi là mệnh. Hành vi của con người phải tuân theo chuẩn tắc, lễ nghĩa; theo lễ nghĩa để củng cố vận mệnh của mình; theo chuẩn tắc thì phúc lộc mới dồi dào.

Nay, là việc lớn của quốc gia, tế lễ là nghi thức không thể thiếu, không thể sơ sài, trước khi chiến trường. Ông ta, tế lễ mà thiếu cung kính, dâng thịt lại sơ sài, là coi thường tính mệnh của mình, e rằng sẽ rước lấy nguy hiểm.

Tháng 5, năm ấy, Thành Túc công chết trên đất khách.

Ví dụ 4:

Tổng Nguyên công mở tiệc mời Đại phu Thúc Tôn Chiêu đến dự; hai người uống rượu, nói chuyện, vui cười, rồi khóc lóc.

Quan bồi yến là Nhạc Kì thấy vậy, rời chiếu và nói với người khác :

- Tôi nghe người ta nói, bị ai dẫn đến vui vẻ khoái lạc, hoặc vui vẻ khoái lạc dẫn đến bị ai; con người không tự chủ được, tức là mất tâm chí rồi. Tôi đoán, nhà vua và đại phu không thể sống lâu.

Năm sau, người chết trước, kẻ chết sau.

Ví dụ 5:

Chu Ân công và Lỗ Định công bái kiến lẫn nhau. Ân công cầm ngọc khuê cao lên, mặt ngẩng lên. Còn Lỗ Định công cầm ngọc khuê thấp, mặt cúi xuống.

Tử Cống thấy vậy, nói với quan Thái tử họ Ngô rằng :

- Một vị thì ngược mặt lên cao, biểu thị sự kiêu ngạo, kiêu ngạo thì gần với hôn ám, loạn lạc. Một vị thì cúi gầm mặt xuống, tức là tinh thần quá suy sụp; tinh thần suy sụp thì gần với bệnh tật. Đó là điềm chết chóc hoặc mất nước.

Lời đoán của Tử Cống rất chính xác và ứng nghiệm.

3. Tướng thuật và quan chức :

Tướng xương mặt : Thời cổ, quan chức được phân làm 9 bậc (cửu phẩm), theo tướng thuật, thì mỗi bậc, tướng mặt của quan chức có đặc trưng như sau :

Cửu phẩm : Xương lưỡng quyền cao, da thịt tươi nhuận.

Bát phẩm : Phụ cốt (phần xương ở giữa trán và lông mày) lộ ra, mũi thẳng.

Thất phẩm : Xương phụ và phần tóc ở trán có góc cạnh, cằm ngay thẳng.

Lục phẩm : Trán cao đầy đặn, lông mày ngay thẳng.

Ngũ phẩm : Phục tê cốt (tức có xương từ trán chạy xuống sống mũi, giống con tê giác); góc xương phụ đầy đặn.

Tứ phẩm : Trán rộng, đầy đặn, bên ngoài huyệt Thái dương đầy đặn.

Tam phẩm : Phụ tê cốt (xương phụ như con tê giác) hoặc long giác (sừng của con rồng).

Nhị phẩm : Đỉnh đầu cao, có xương long giác đẹp hoặc xương phụ như con tê giác.

Nhất phẩm : Các xương cốt hoàn mỹ, không có khuyết điểm, khí chất, tinh thần đầy đủ.

Tướng xương, quan hệ đến chức nghiệp và chức vụ:

Tướng xương như rồng là thuộc văn, sử làm chức tam công.

Tướng xương như hổ, thuộc võ, làm chức tướng quân.

Tướng xương như con trâu, làm đến chức tể phụ.

Tướng xương như con ngựa, làm đến chức vũ sử.

Tướng xương như con chó, là thanh quan, làm đến chư hầu.

Tướng xương như con chuột là rất giàu sang.

Tướng các bộ vị trên mặt, căn cứ những bộ vị trên mặt để tuyển chọn hoặc bổ nhiệm quan chức :

Thiên trung chủ về quý khí, nếu thiên trung đầy đặn, có thể làm quan.

Thiên đình chủ về khí thừa tướng, nếu đầy đặn, có thể làm đến thượng công.

Tư không chủ về khí tam công, nếu đầy đặn có thể làm chức tam công.

Trung chính chủ về khí quần chính, nếu đầy đặn có thể trở thành nhân vật nổi tiếng, chuyên bình phẩm người trong thiên hạ.

Ấn đường chủ về ấn (tín) thiên hạ, nếu đầy đặn có thể làm quan coi việc ấn tín.

Sơn căn, ngang bằng nhưng có xương lạ gồ lên, có thể làm quan hoặc quan hệ với hoàng thất.

Cao quảng, đầy đặn có thể làm phương bá (bá chủ một cõi).

Vũ khố đầy đặn, có thể làm quan chủ về binh giáp, giấy tờ, kho quân đội.

Phụ giác tốt có thể làm quan xa, chức thứ sử các châu quận.

Biên địa tốt có thể làm quan ở các châu.

Nhật giác tốt làm đến công hầu.

Phòng tâm tốt có thể làm quan coi về xe ngựa của nhà vua.

Dịch mã tốt, làm quan coi về việc tậ bệnh.

Ngạc giác tốt làm đến chức khanh.

Thượng ngự, chủ về đế và khanh.

Hổ mi, lông mày giống cọp, có thể làm đại tướng.

Ngưu giác tốt, chỉ làm quan nhỏ dưới trưởng của tướng quân.

Huyền giác tốt, có thể làm tướng quân.

Dương xích tốt, có thể làm quan phụ tá ở các châu.

5. Tướng làm giặc :

Có sáu loại tướng làm giặc (lục tặc tướng).

Đầu nhỏ, thân lớn, phát dục không đều; là đệ nhất tặc tướng.

Mắt không có ánh sáng, ngực lưng lép xẹp; là đệ nhị tặc tướng.

Cử động lực bất tòng tâm, mặt khô khốc, thanh âm quái dị, thần sắc lơ đãng; là đệ tam tặc tướng.

Mũi không đều đặn, đầu mũi xệ xuống, mắt lé ti hí; là đệ tứ tặc tướng.

Chân dài, lưng ngắn, môi át cả mũi; là đệ ngũ tặc tướng.

Miệng mồm méo mó, môi nhỏ lại dài, nhiều lời, ít tin; là đệ lục tặc tướng.

7. Ngũ hành, tứ thời, ngũ tạng, ngũ quan và ngũ thường:

Ngũ hành là mộc, hỏa, kim, thủy, thổ.

Tứ thời là Xuân, Hạ, Thu, Đông.

Ngũ tạng là gan, tim, phổi, thận, tì.

Ngũ quan là mắt, lưỡi, mũi, tai, lỗ.

Ngũ thường là nhân, lễ, nghĩa, trí, tín.

Giữa ngũ hành, tứ thời, ngũ tạng, ngũ quan và ngũ thường, có mối quan hệ như sau :

Mộc chủ mùa Xuân, Xuân chủ gan, gan chủ mắt, mắt chủ nhân.

Hỏa chủ mùa Hạ, Hạ chủ tim, tim chủ lưỡi, lưỡi chủ lễ.

Kim chủ mùa Thu, Thu chủ phổi, phổi chủ mũi, mũi chủ nghĩa.

Thủy chủ mùa Đông, Đông chủ thận, thận chủ tai, tai chủ trí.

Thổ chủ mùa Hạ, Hạ chủ tì, tì chủ môi, môi chủ tín.

Chẳng hạn, tóc mượt mà, môi hồng là người rất giỏi về kỹ thuật.

Mũi nhỏ như thu lại, là người, đầu mũi tẹt, là người keo kiệt bủn xỉn.

Tai nhỏ, răng nhỏ dày, là người hay gièm pha, nịnh nọt.

Ví dụ 1:

Phạm Lãi nhìn tướng Câu Tiễn và nói : Việt vương cổ dài, mỏ như mỏ quạ, là người có thể sống chung khi hoạn nạn, không thể sống chung lúc an vui.

Khi Câu Tiễn đánh thắng nước Ngô, Phạm Lãi từ quan và trốn đi Ngũ hồ để tránh họa.

Ví dụ 2:

Úy Liêu cho rằng :“ Tần Thủy Hoàng sống mũi cao, tròn mắt dài, ngực như ngực con chim ưng, tiếng nói như sài lang, là người ít thi ân, ít tin ai, tâm địa như lang sói. Lúc khó khăn thì sẵn sàng hạ mình đồng cam cộng khổ với người dưới, nhưng khi đã lên đỉnh vinh quang thì giết người như nghé. Hạng người như vậy, không nên giao thiệp dài lâu ”.

Ví dụ 3:

Quan đại phu nước Tấn tên là Thúc Hưởng muốn lấy con gái đẹp nổi tiếng của một vu quan (quan chuyên về bói toán).

Bà mẹ khuyên rằng : Ngày xưa, có cô gái da ngăm đen rất đẹp, tên là Huyền, lấy một ông quan coi về âm nhạc tên là Quỳ. Sau sinh được người con trai tên là Bá Phong, tâm địa tham lam độc ác, người ta gọi là con heo.

Sau này, bị Hậu Nghệ giết chết. Ông quan coi về âm nhạc, tên là Quỳ, không được dự trong những buổi tế lễ. Từ Hạ, Thương, Chu những ông vua mất nước, trong đó có một phần mê gái đẹp. Thiên hạ có nhiều gái đẹp, nếu đẹp mà có đức hạnh thì tốt, người đẹp không có đức hạnh thì quả là tai họa.

Thúc Hưởng nghe lời mẹ, không có ý lấy con gái đẹp của vu quan nữa.

Ví dụ 4:

Ngụy An Hỷ hỏi Tử Tòng :

- Ta thấy tính cách của Mã Hồi rất thẳng thắn, cương trực, khí tiết, ta muốn cho ông ta làm tể tướng, có được không ?

Tử Tòng thưa :

- Mã Hồi mắt nhỏ mà dài, trông giống mắt lợn, tướng dài tuy ngay thẳng, cương trực, khí tiết, nhưng trong lòng gian trá.

Tôi xem tướng, ngàn người chỉ sai một. Riêng, trường hợp Mã Hồi, tôi đoán không sai.

Ví dụ 5:

Bình Nguyên quân xem tướng Bạch Khởi, rồi tâu với Ngụy vương rằng :

- Bạch Khởi, đầu nhỏ cằm (hạ ba) bạnh, hai tròng mắt đen trắng rõ ràng, mắt nhìn không chuyên chú. Đầu nhỏ cằm bạnh, biểu thị hành động quả quyết; hai tròng mắt đen trắng phân minh, là năng lực quan sát mạnh; nhìn không chăm chú, là ý chí kiên định. Người này chỉ nên dùng trong cuộc chiến đấu lâu dài, không nên cho làm tiên phong trong những trận đối kháng.

Ví dụ 6:

Có người xem tướng Vương Bôn và cho rằng : Mắt như mắt lợn, đầu như đầu chim ưng, miệng như miệng cọp, tiếng nói như sài lang, thích ăn thịt người thế nào cũng bị người giết chết.

Quả nhiên, Vương Bôn chuyên quyền, đoạt chính quyền nhà Tây Hán, sau thất bại, bị giết chết.

8. Ích lợi của tướng thuật:

Các nhà tướng thuật cho rằng, tướng mạo và vận mệnh của con người có mối quan hệ đặc biệt, như âm với vang.

Sách Tả truyện viết : “ Không lo lắng tức bi ai sẽ đến, nếu lo lắng niềm vui sẽ đến ”.

Tâm lí và thần chí con người thường có những dự cảm về tương lai của mình và về tương lai của người khác. Nhà tướng thuật là người có dự cảm cao hơn người khác.

Chẳng hạn, Biển Thước thấy Sái Hoàn công bị bệnh cần phải chữa trị.

Sái Hoàn công kiêu căng, không nghe lời dự cảm của Biển Thước, nên bệnh xâm nhập vào tạng phủ, không còn chữa chạy được nên phải chết.

Nhiều người, đang ở ngôi vị cao quý, lên xe xuống ngựa, ăn toàn cao lương mỹ vị nhưng cuối đời lại chết đói ở đầu đường xó chợ, chẳng qua là không lo lắng, không dự cảm được vận mệnh của mình.

Nhưng cũng có người, thời niên thiếu bần hàn, bện giày dệt chiếu để sinh nhai, nhưng dự cảm được tương lai, tự cường, nỗ lực sau trở thành những anh hùng vô địch hay trở thành những vị đế vương.

Trên những ngã đường sinh nhai, nhiều thầy bói toán đã dùng tướng thuật làm cần câu cơm, lừa bịp người ta, khiến cho tướng thuật bị coi thường, nghi ngờ, đôi khi bị xếp vào loại mê tín, hoặc thuật của bọn bàng môn tả đạo.

Thật ra, những nhà tướng thuật chân chính, có tài năng, đã giúp con người tránh được tai họa, tránh điều dữ, làm điều lành. Đặc biệt, trong việc dùng người, chọn người.

7. LUẬN VỀ KẺ SĨ

Phản kinh cho rằng, muốn hoàn thành sự nghiệp vương bá thì phải chiêu mộ, vơ vét, hết anh hùng hào kiệt trong thiên hạ.

Thiên này, luận về kẻ sĩ, nêu những cách chiêu hiền đãi sĩ và cách dùng kẻ sĩ của các bậc vua chúa.

1. Nhân tài và quốc gia :

Hoàng Thạch công cho rằng : “ Quy định của thời thái bình là chư hầu có hai đội quân, phương bá có ba đạo quân, thiên tử có sáu đội quân.

Trong thời loạn, ân trách của thiên tử không được ban ra khắp chốn, quy định và tổ chức này tan vỡ, các thế lực liên minh với nhau để mong đè bẹp các thế lực khác.

Để cân bằng hoặc phân cao thấp về lực lượng và chính trị, các thế lực ra sức chiêu mộ nhân tài, anh hùng, hào kiệt.

Nếu được nhân tài, anh hùng, hào kiệt thì hưng thịnh, mất nhân tài, anh hùng, hào kiệt thì suy vong ”.

Vì thế, Tề Hoàn công cho gọi một vị quan nhỏ có tài tên là Tắc, một ngày gọi ba lần nhưng Tắc không đến. Tề Hoàn công nói :

- Kẻ sĩ có tài năng coi thường tước vị, bổng lộc, tất nhiên là coi thường nhà vua. Nhưng ta là không thể coi thường nghiệp bá và xem thường kẻ sĩ.

Tề Hoàn công đã đích thân năm lần đến nhà Tắc.

Sách Thượng thư cho rằng, nếu được người hiền năng để bá làm thầy, thì có thể xưng vương trong thiên hạ.

2. Trọng sĩ, thượng hiền :

Tề Tuyên vương triệu Nhan Xúc. Nhan Xúc đến. Tề Tuyên vương nói :

- Xúc lại đây !

Nhan Xúc cũng nói :

- Vua lại đây !

Tuyên vương không vui. Kẻ tả hữu nói :

- Vua là bậc quân thượng. Xúc là bề tôi. Vua bảo Xúc lại đây ! Xúc cũng bảo

Vua lại đây ! Như vậy có hợp lẽ không ?

Xúc đáp :

- Vua bảo Xúc lại đây ! Mà Xúc lại thì Xúc là kẻ mộ quyền thế. Xúc bảo Vua lại đây ! Mà vua lại, thì vua là người chuộng kẻ sĩ.

Để cho Xúc này mang tiếng là kẻ mộ quyền thế, không bằng để cho nhà vua được tiếng là chuộng người hiền sĩ.

Tuyên vương giận lắm, nói :

- Vua quý hay kẻ sĩ quý ?

- Kẻ sĩ quý chứ vua đâu có quý !

- Có chứng cứ gì không ?

Xúc đáp :

- Có chứ ! Xưa, nước Tần tiến đánh nước Tề, nhà vua ra lệnh : Trong khoảng năm chục bước, chung quanh mộ Liễu Hạ Huệ, ai dám vào đốn củi, bị tội chết, không tha.

Vua lại ra lệnh : Ai mà chặt được đầu của vua Tề thì được phong làm vạn hộ hầu, thưởng ngàn nén vàng.

Vậy, xét cái đầu của ông vua sống, không bằng năm mồ kẻ sĩ đã chết.

Nhan Xúc lí luận một hồi, Tuyên vương phục lắm, liền phong làm thầy.

3. Thời nào cũng có người tài :

Sách Nhan ngữ viết : “ Tắm rửa không nhất thiết phải đến sông lớn, đến biển khơi, có thể tắm nơi nước sạch. Ngựa không nhất thiết con nào cũng như con thiên lí mã, miễn sao nó đủ sức lực để người ta dùng nó. Kẻ sĩ cũng không nhất thiết, ai ai cũng hiền đức, chỉ mong họ thông hiểu đạo lí khi hành động. Cũng không mong tất cả mọi người xuất thân từ gia đình cao quý, mà chỉ mong họ trung trinh là tốt ”.

Ví dụ 1:

Thuần Vu Khôn nói với Tề Tuyên vương :

- Người xưa thích ngựa quý, đại vương cũng thích ngựa quý; người xưa thích ăn cao lương mỹ vị, đại vương cũng thích của ngon vật lạ; người xưa mê gái đẹp, đại vương cũng mê gái đẹp. Chỉ khác, người xưa chuộng kẻ sĩ, thì nhà vua không chuộng kẻ sĩ.

Tề Tuyên vương nói :

- Thời bây giờ làm sĩ có kẻ sĩ, nếu có thì ta đã mời họ đến rồi !

Thuần Vu Khôn thưa :

- Ngày xưa, có ngựa kì, ngựa kí; ngày nay tuy không có ngựa kì ngựa kí nhưng chuồng ngựa của đại vương vẫn có nhiều con ngựa tốt.

Ngày xưa, có những món ăn quý hiếm; ngày nay có thể không có, nhưng mâm thức ăn của đại vương lúc nào cũng có những món ăn ngon.

Ngày xưa, có những người đẹp nổi tiếng như Mao Trường, Tây Thi; ngày nay có thể không có những người như Mao Trường, Tây Thi nhưng ở trong cung của đại vương có vô số người đẹp phơi phới.

Ngày xưa, vua Nghiêu, vua Vũ, vua Thang có rất nhiều hiền sĩ; ngày nay, có thể không có thể không có người giỏi như thời vua Nghiêu, vua Vũ, vua Thang, nhưng chắc chắn có rất nhiều kẻ sĩ.

Chẳng qua, đại vương không có đức tính yêu hiền sĩ như vua Nghiêu, vua Vũ, vua Thang mà thôi !

Ví dụ 2:

Lỗ Trọng Liên nói với Mạnh Thường Quân :

- Ông chưa thực lòng coi trọng nhân tài !

Mạnh Thường Quân hỏi :

- Ông lấy lí do gì mà nói tôi không trọng nhân tài ?

Lỗ Trọng Liên nói :

- Này nhé, trong chuồng của ông có hàng trăm con ngựa, con nào cũng được ăn no, con nào cũng được phủ gấm vóc, nhưng chưa chắc ông đã biết trong đó đã có con ngựa nào hay. Ở hậu cung của ông có hàng trăm cô gái đẹp, cô nào cũng ăn mặc lụa là, đeo trang sức, ăn ngon, nhưng chưa chắc ông đã biết cô nào đẹp như Mao Tường, Tây Thi.

Trong nhà ông thì có bao nhiêu nhân tài ? Trong thiên hạ có bao nhiêu nhân tài ? Chắc ông không biết. Vì thế, tôi nói ông không thực bụng coi trọng nhân tài.

4. Kẻ sĩ và cơ hội :

Trương Thượng nói : “ Vì sao khi đói người ta ăn cơm hẩm vẫn ngon, khi no người ta ăn cao lương mỹ vị vẫn thấy ngán ? Ăn cơm hẩm ngon vì người ta thiếu ăn, ăn cao lương mỹ vị thấy ngán vì người ta quá thừa mứa. Hoàn cảnh khác nhau, thì cuộc sống khác nhau ”.

Trần Bình nhờ Ngụy Vô Tri tiến cử với Lưu Bang, Lưu Bang mới biết và trọng dụng. Hàn Tín là bậc kì tài nhưng phải dựa vào Tiêu Hà mới được tin dùng. Cho nên, có tài là một việc, thời cơ và cơ hội là việc khác.

Ngày xưa, những nhân tài, anh hùng, hào kiệt như Y Doãn, Lữ Vọng, không được phát hiện, không có người tiến cử, chưa chắc đã có cơ hội tiến thân.

5. Tài năng và đạo đức:

Sách Hoài Nam tử viết : “ Giả sử con chồn con thỏ đều kéo được xe thì chẳng cần con ngựa. Trong thiên hạ, cô gái nào cũng đẹp cả, thì làm sao có Mao Trường ?

Vì vậy, những người có tài năng nổi trội, mới trở thành anh hùng, hào kiệt ”.

Người xưa có nói : Khối ngọc mài dũa có hình dạng như chiếc thuyền nhưng không thể dùng khối ngọc để qua sông. Cục vàng rèn thành hình mũi tên rất đẹp nhưng không thể dùng để bắn.

Tương tự, người cốt cách thanh cao nhưng không hiểu việc người thì không thể đảm trách công việc trong thời loạn. Người ôn văn nhã luyện nhưng không có tài

trị lí quốc gia thì không thể phụ tá cho những bậc quân vương mưu đồ tranh bá.

Ví dụ:

Trần Bình được Hán vương phong làm đô úy, bọn Quán Anh, Giáng hầu đều gièm Trần Bình rằng :

- Bình tuy đẹp trai tốt mã như ngọc giát mũ, kì thực chưa chắc đã ra gì ! Thần nghe nói, Bình lúc ở nhà thì ăn trộm của chị dâu. Thờ Ngụy thì Ngụy chẳng dùng, phải bỏ chạy về Sở. Về với Sở, cũng chẳng hợp, lại bỏ chạy về với Hán. Nay, đại vương cho làm quan lớn, giám hộ quân quan. Bọn chúng tôi nghe nói, Bình nhận vàng của các tướng, ai đút lót nhiều thì được chỗ tốt, ít thì bị chỗ xấu. Bình là một kẻ loạn thần phản phúc. Xin đại vương xét cho.

Hán vương sinh nghi, đòi Ngụy Vô Tri lại trách. Vô Tri tâu :

- Thần nói về tài năng. Bệ hạ lại hỏi về phẩm hạnh. Có phẩm hạnh cao như Vĩ Sinh, Hiếu Kỉ chẳng đủ tài năng để giúp cho việc quyết thắng, thì đại vương dùng để làm gì ?

Sở – Hán đang chống nhau, thần tiến cử người có kì mưu là chỉ xét : Liêu kẻ sĩ đó có đủ giúp cho quốc gia hay không ? Còn chuyện ăn trộm vàng của chị dâu, nhận vàng của các tướng, thì nghi ngờ để làm gì ?

Hán vương khen phải.

6. Những cách chiêu hiền :

Hoàng Thạch Công nói : “ Người có phẩm hạnh cao khiết, không nên dùng tước vị, bổng lộc để đổi đãi. Người tiết tháo không nên dùng uy lực để dọa dẫm. Nên dùng lễ để đãi người có phẩm hạnh cao khiết; dùng đạo lí, lí tưởng để thu phục người tiết tháo ”.

Ví dụ:

Yên Chiêu vương hỏi Quách Ngỗi :

- Nước Tề thừa lúc nước tôi có nội loạn, đánh úp và phá nước Yên. Tôi biết, nước Yên nhỏ, sức yếu, không thể nào báo thù nhưng tôi vẫn mong được người hiền giúp sức cùng trị nước để rửa hận cho tiên vương. Xin hỏi tiên sinh, tôi phải làm sao ?

Quách Ngỗi đáp :

- Bậc Đế vương thân cận với bậc sư phó, bậc Vương thân thân cận với bạn bè, bậc Bá thân cận với bề tôi, còn ông vua mất nước thì thân cận với bọn tay chân. Chịu khuất tiết mà thờ người hiền, quay mặt về hướng Bắc mà thụ giáp, thì người giỏi gấp trăm lần mình sẽ đến với mình.

Tiến trước người ta, nghỉ sau người ta, chịu hỏi người ta trước, rồi lặng im nghe người ta, thì người giỏi gấp mười lần mình mới đến với mình.

Dựa vào cái kì, cầm cái trượng (những vật tượng trưng cho quyền lực), liếc mắt mà sai bảo người ta, thì chỉ những kẻ tồi tớ đến với mình.

Còn như tàn bạo, đánh đập người ta, giậm chân nhảy nhót, la hét mắng mỏ người ta, thì chỉ bọn đê tiện, nô lệ mới đến với mình.

Nếu như nhà vua thực tâm muốn chọn những bậc hiền giả khắp nước, thì nên đích thân từ cửa, bước xuống đón tiếp học, thiên hạ sẽ nghe danh nhà vua triều kiến hiền thần thì tất cả cao sĩ đều đến nước Yên.

Yên Chiêu vương nghe theo.

Hoàng Thạch Công nói : “ Kẻ sĩ quy phục vì lễ nghĩa, kẻ không sợ chết là vì tưởng thưởng. Cho nên lễ nghĩa và tưởng thưởng phải rõ ràng, để chiêu mộ nhân tài ”.

Ví dụ :

Thái tử của Ngụy Văn hầu gặp Điền Tử Phương, Ngụy Văn hầu chấp tay hành lễ. Điền Tử Phương không hành lễ. Ngụy Văn hầu nói :

- Người cao sang, quyền quý có quyền kiêu ngạo, kẻ nghèo nàn lấy gì mà kiêu ngạo ?

Điền Tử Phương đáp :

- Người nghèo nàn có quyền kiêu ngạo, còn kẻ cao sang quyền quý thì không được quyền kiêu ngạo.

Thái tử Ngụy Văn Hầu hỏi :

- Tại sao ?

Điền Tử Phương đáp :

- Nhà vua kiêu ngạo thì mất nước, đại phu kiêu ngạo thì mất toi đất phong. Còn kẻ nghèo không nghe lọt tai thì xỏ giày cỏ mà đi, có gì đâu mà lưu luyến. Vì vậy, người nghèo là có quyền kiêu ngạo.

Từ câu chuyện trên, xem ra việc đối đãi với kẻ sĩ không phải dễ.

7. Được nhân tài và dùng nhân tài :

Ví dụ :

Tể tướng nước Tề là Tống Yên, một buổi chiều làm việc xong liền hỏi các quan dưới quyền :

- Có ai tình nguyện đi theo tôi đến các chư hầu không ?

Thấy không ai trả lời, Tống Yên than :

- Buồn thay ! Các đại phu dễ được những thật là khó dùng.

Trần Nhiêu đứng gần Tống Yên nói :

- Thế ông có biết tại sao, các đại phu dễ được mà khó dùng không ?

Tống Yên hỏi :

- Ông nói tôi nghe thử !

Trần Nhiêu đáp:

- Ông có tín nhiệm người ta đâu, ông có dùng người ta đâu ? Khiến ai nấy buồn bực, phản uất, ông không tự trách mình còn trách người ta. Không những vậy, ông còn phạm nhiều điều sai lầm.

Tống Yên hỏi :

- Tôi sai lầm ở chỗ nào, ông nói cho tôi rõ ?

Trần Nhiêu nói :

- Trong kho đầy nhóc lúa gạo, một sĩ đại phu, mỗi tháng chỉ nhận được 3 đấu gạo, lệnh người ta đến, người ta không đến. Là sai lầm thứ nhất.

Hoa viên của ông rộng rãi, bát ngát, trong nhà ông có nhiều người đẹp đi tới đi lui, nói cười vui vẻ, trong kho riêng lựa là chẳng thiếu, nhiều loại đồ cũ nát không dùng. Các sĩ đại phu chẳng có miếng đất cắm dùi, nhà trống hơ trống hoác, vợ con mè nheo, áo vải bạc màu. Là sai lầm thứ hai.

Quân chủ coi thường tài vật, nhưng dân chúng có người phải liều chết mới kiếm được miếng ăn, hỏi sĩ đại phu, ai không buồn bực, đau lòng xót xa ?. Ông làm tế tướng, chẳng thấy điều ấy. Là sai lầm thứ ba.

Đã như vậy, làm sao dùng được người ? Chỉ làm cho kiếm sắc trở thành dao cùn.

Tổng Yên nghe xong, nói :

- Đúng là tôi đã quá sai lầm.

8. Nhân tài và dư luận :

Người xưa nói : Mắt của con người chỉ dễ thấy những vật thường thấy, tai của con người chỉ nghe rõ những âm thanh quen tai. Tính con người hợp nhau, mới gặp nhau, họ cũng đã thấy gần nhau.

Nhưng cái gì chưa từng thấy, chưa từng nghe, không thích hợp với mình thì người ta có thể phản bác.

Hàn Phi tử cho rằng, con người thấy chí tương đồng với mình thì tán thưởng, thấy chí không tương đồng với mình thì dè bĩu chê bai.

Ví dụ :

Sở Tương vương hỏi Tống Ngọc :

- Tại sao có nhiều người không tán đồng ý kiến của ông ?

Tống Ngọc thưa :

- Loài chim thì có chim phượng, loài cá thì có cá kình. Chim phượng đã bay thì bay cao đến chín vạn tầng mây, trên bầu trời cao rộng. Con chim nhỏ làm sao bay cao mà biết được trời rộng ? Con cá kình đã bơi thì sáng ở Côn Luân, chiều đã đến Mạnh Tân. Con cá nhỏ ở ao, sông làm sao biết được biển rộng ?

Tương tự, thánh nhân tâm chí cao xa, người thế tục làm sao biết được ?

Đã không biết được thì không tán đồng. Có người không tán đồng ý kiến của tôi cũng là chuyện thường tình.

Có sách cho rằng : Quân nhân, người ít hiểu văn chương, mà điều cốt văn chương, không phải là văn chương không hay. Dương Hùng chê bai sử kí Tư Mã Thiên, không phải sử kí Tư Mã Thiên dở.

Những bề tôi bị Kiệt, Trụ giết không hẳn là họ ngu đần.

Những người mà vua Nghiêu, vua Vũ không dùng chưa hẳn là họ không có tài năng.

Những lời đồn đại, dèm pha của thế tục chưa hẳn là đúng cả.

Cho nên phải xem xét thận trọng và phân biệt đúng sai.

Người ta cũng nói, không ra khỏi cửa thì không biết được người đi trong đêm.

Khương Thái công nói : Trí năng của người tầm thường như mọi người, thì không nên tôn làm thầy, tay nghề của một người không hơn những người khác, thì không nên dùng làm thợ.

Lão tử thì nói : “ Kẻ phạm phu tục tử nghe nói đến Đạo thì cười to, không cười

to sao gọi là Đạo ? ”.

9. Phải có thời gian :

Lời xưa có nói : Biết người không phải dễ, biết mình lại càng khó hơn.

Ví dụ

Hãn Minh du thuyết Thân Quân Phân hai người đàm luận tâm đầu ý hợp.

Nhân lúc hứng chí Hãn Minh hỏi Xuân Thân Quân :

- Không biết giữa ông và vua Nghiêu, ai thánh minh hơn ai ?

Xuân Thân Quân nói :

- Chẳng lẽ tôi hơn vua Nghiêu chẳng ?

Hãn Minh hỏi :

- Thế ông có thấy tôi giống vua Vũ không ?

Xuân Thân Quân nói :

- Ông thật giống vua Vũ.

Hân Minh nói :

- Nói cho vui thôi ! Ông không bằng vua Nghiêu, tôi cũng không bằng vua Nghiêu. Vì vua Vũ vốn là hiền năng phục vụ vua Nghiêu đến ba năm hai người mới hiểu được nhau. Ông mới gặp tôi, tôi mới gặp ông chưa hiểu nhau hết được, nên không thể sánh ông với vua Nghiêu, tôi cũng không thể sánh với vua Vũ.

Sách Lễ kí viết : Chỉ có Bá Nhạc mới biết thiên lí mã, nếu không có con mắt tinh đời như Bá Nhạc thì trên đời chưa chắc đã biết đến thiên lí mã. Kẻ sĩ cũng tương tự như vậy !

Ví dụ

Khổng tử bị vây giữa đất Trần – Thái, ông hỏi đệ tử vì sao ông lại rơi vào cảnh khốn cùng. Nhan Hồi thưa :

- Đạo đức của thầy quá vĩ đại, thiên hạ không biết hết được. Tài năng của thầy quá cao, người đời không dung nạp được. Thiên hạ không dung thầy, người đời không dung nạp thầy thì họ tự xấu hổ. Người xấu hổ không phải là thầy.

10. Phát hiện và tiến cử nhân tài :

Sách Cốc lương truyện viết :

“ Trẻ ra đời, lớn lên mà không biết tránh họa nước lửa, là lỗi tại mẹ.

Lên tám tuổi mà không biết ra mắt thầy để học là lỗi tại cha.

Theo thầy để học tập, nhưng không có phương pháp học tập, tâm chí không thông, trí thức nông cạn, là lỗi của chính mình.

Học giỏi, trí thức uyên bác, có chí hướng lớn lao nhưng không có tiếng tăm, là lỗi tại bè bạn.

Nổi tiếng nhưng không được cử làm quan, là lỗi tại các quan.

Làm quan tốt, có người tiến cử nhưng vua chẳng tin dùng, là lỗi tại nhà vua”.

Khổng tử cũng cho rằng : “ Phẩm hạnh không tốt là lỗi của mình; có phẩm hạnh nhưng chẳng có tiếng tăm là sai lầm của bè bạn ”.

Người xưa cho rằng : “ Người đi đường xa phải dùng xe ngựa, muốn qua sông phải dùng thuyền, kẻ sĩ muốn thành công trong sự nghiệp phải nhờ tiền tài, vật chất và ngoài lực.

Chẳng hạn, Lỗ Ban, thợ mộc giỏi, được quốc vương giao cho việc xây dựng cung thất, lầu đài đình tạ, ông phải có gỗ, gạch ngói và những người thợ khác.

Nếu một mình Lỗ Ban, ông chỉ xây được một căn nhà nhỏ.

Hoặc Âu Dã, người thợ đúc giỏi, muốn đúc một cái chuông lớn, phải có đồng, có những dụng cụ khác và những người thợ khác giúp đỡ.

Người quân tử muốn tham dự việc triều chính, thì thố được tài năng cũng phải được quân vương phát hiện tài năng hoặc qua sự tiến cử của người khác.

Nếu vua Vũ không có vua Nghiêu phát hiện tin dùng, thì chắc suốt đời cày ruộng ở Lịch sơn. Nếu Khương Thái công không gặp gỡ Văn vương, thì suốt đời chỉ là tên đồ tể giết bò, mổ trâu ở Triều Ca.

Thận Đáo cho rằng, con rắn trườn là nhờ có sương, con rồng bay lên là dựa vào mây nhưng khi mây sương tan, con rắn con rồng không khác con giun đất ”.

Hàn Phi tử nói : “ Vật nặng một ngàn cân nhưng không chìm là chở bằng thuyền, không có thuyền thì một đồng xu cũng chìm lìm. Nói cách khác, không có chỗ dựa thì không thể thành công ”.

10. Nhãn lực và nhãn quan của những người cầm quyền

Sách Li loại viết : “ Mắt người ta có thể nhìn rõ một vật xa hàng trăm bước nhưng không thể nhìn thấy lông mi của mình. Tức là nhãn quan, nhãn lực của con người có giới hạn ”.

Người xưa cho rằng, vua của một nước không chỉ có một mưu thần lo xa nghĩ sâu, trong triều không chỉ có một người có trí khôn. Vì vậy, làm vua không thể không

có nhãn lực phát hiện nhân tài.

Ví dụ:

Hán Cao tổ dùng mưu kế của Trần Khôi mà đánh được Nam Dương; không nghe mưu kế của Lâu Kính nên bị vây khốn ở Bình Thành.

Quảng Vũ quân vốn là người đa mưu, túc trí, Hàn Tín dùng mưu của Quảng Vũ quân mà đánh thắng Yên, Tề.

Trần Dư không thu nạp ý kiến của các mưu sĩ, nên bị thất bại ở Việt Thủy.

Ngô Công không dùng mưu của Cung Chi Kỳ mà nước Tấn bị diệt.

Cừu Do không dùng mưu kế của Xích Chương bị họ Trí tiêu diệt.

Vua Triệu không nghe lời của mẹ Triệu Quát, nên thất bại ở trận Trường Bình.

Cho nên, những người cầm quyền phải biết nghe ý kiến, mưu kế của nhân tài.

11. Quốc gia – trung thần và mưu sĩ :

Một quốc gia không thể thiếu những trung thần và mưu sĩ.

Có sách cho rằng, nếu thiên hạ không loạn lạc hoặc tai họa thì những người hiền đức không có dịp thi thố tài năng.

Lão tử nói : “ Đại đạo hư nát, thì mới sinh nhân nghĩa, quốc gia hỗn loạn thì mới có trung thần xuất hiện ”.

Nếu không có cuộc giao tranh giữa nhà Thương đánh bại nhà Hạ ở trận Minh Điều thì Y Doãn không chứng tỏ tài năng, cũng chỉ là một bồi thần tầm thường.

Như đã nói, nếu nhà Chu không đánh nhà Thương ở trận Mụ Dã, thì Thái công cũng chỉ là một anh đồ tể hoặc một ông già lụ khụ ngồi câu cá bên dòng sông Vị.

Cho nên, người hiền năng thực sự là hiền năng, người tài năng được thi thố tài năng, phần lớn là do quân chủ biết dùng người hiền năng và người có tài năng.

Hoàng Thạch Công cho rằng : Dùng lưới mà gom hết anh hùng trong thiên hạ, khiến cho kẻ địch phải sức cùng lực kiệt.

Anh hùng, hào kiệt là rường cột của quốc gia; họ sẽ giúp sức dạy dân nuôi dân,

có họ thì dân chúng mới ủng hộ. Họ sẽ ra những kế sách lớn, dân chúng sẽ nghe theo, làm theo, mà không hề ta thán.

Vì vậy, một nước phải có nhiều trung thần, mưu sĩ, kẻ cầm quyền phải biết dùng, biết nghe trung thần, mưu sĩ thì mới thành công trong việc cai trị đất nước.

8. CHÍNH THỂ

Chính thể là bàn đến thể chế chính trị của quốc gia và đạo làm chính trị của nhà vua. Muốn xây dựng một thể chế chính trị tốt đẹp cần phải có vua sáng, thần tử hiền năng, đức (đề cao đạo đức) và hình (hình phạt) đi đôi, thưởng phạt rõ ràng, lấy nông nghiệp (nông tang) làm gốc, làm cho dân đủ cơm ăn áo mặc, chính trị rõ ràng, nước giàu, dân sống yên ổn.

1. Cái gốc thể chế chính trị :

Chu Vũ vương hỏi Dục tử :

- Làm thế nào khi thủ thì thành công, khi công thì được ?

Dục tử thưa :

- Đạo lí thủ và công giống nhau, cơ bản là hòa mục và hà khắc.

Thủ thường nặng về hòa mục, nhẹ về hà khắc. Công thường nặng về hà khắc, nhẹ về hòa mục. Muốn quốc gia ổn định thì cân nhắc giữa hòa mục và hà khắc.

Chính lệnh ban bố đến các chư hầu, chính trị bình thì dân hòa, gọi là văn chính; đối với kẻ sĩ lấy cung kính làm đầu, gọi là văn lễ; quyết đoán hình ngục, lấy con người làm gốc, gọi là văn chu.

Văn chính, văn lễ, văn chu là căn bản của chính trị, là căn bản của việc trị quốc, lập dân, là thủ đoạn của công và thủ.

Thi tử nói : “ Đức tượng trưng sự sinh sôi không ngừng nghỉ của vạn vật.

Nghĩa tượng trưng sự hòa hợp của trời, đất và vạn vật.

Lễ tượng trưng trời, đất, vạn vật vận hành, sinh trưởng có thứ tự.

Trời, đất, vạn vật hòa hợp, vận hành, sinh trưởng có thứ tự, chính là nhân.

Đức, nghĩa, lễ, nhân là căn bản của chính trị ”.

Văn tử cho rằng : “ Người đã vô liêm sỉ thì không cách gì để quản lí, người không hiểu biết lễ nghĩa thì không thể thực hành được pháp trị.

Pháp luật nặng về việc tàn sát con người, không thể làm cho con người trở nên có hiếu với cha mẹ, không thể làm cho học hòa thuận với anh em. Trừng phạt bọn trộm cắp cũng không thể làm cho con người biết thế nào là liêm sỉ.

Cho nên, những bậc vua thánh (thánh vương) thường cho thiên hạ thấy sự yêu ghét của mình một cách rõ ràng; dùng phê bình, khen thưởng để lãnh đạo dân chúng; thân cận và đề bạt người hiền, xa lánh bọn tiểu nhân, ít thi hành hình phạt, xây dựng lễ nghĩa và bổ nhiệm những người hiền năng.

Đề cao nhân nghĩa chưa chắc làm cho những người trong thiên hạ đối xử tốt với nhau, nhưng đối xử nhân nghĩa với một người, thì thiên hạ theo đó mà noi gương.

Bạo tàn tuy không ảnh hưởng đến tất cả mọi người, nhưng bạo tàn với một người, thì cả thiên hạ đều quay lưng lại.

Vì vậy, khi ban hành thực thi một chính sách, một pháp lệnh, hoặc bãi bỏ một pháp lệnh, một chính sách, người cầm quyền phải cân nhắc hết sức cẩn thận”.

2. Cui trọng nông nghiệp :

Triều Thác tâu với Hán Văn đế :

- Hiện tại đất đai, dân chúng, lương thực tích trữ ít hơn thời vua Nghiêu vua Vũ là tại sao ?

Nguyên nhân, đất đai không được khai khẩn, không tích cực điều động nông dân đến những vùng đất mới để khai hoang lập nghiệp, chưa tận dụng hết những tài nguyên của núi rừng, sông ngòi; nhiều nông dân bỏ quê hương, ruộng đồng làng mạc, không chí thú với nghề nông.

Việc gặt là coi trọng lương thực và sinh sản, dùng thưởng phạt là tiêu chí, nơi nào làm ra nhiều lương thực, sinh sản nhiều thì thưởng, nơi nào không làm ra lương thực và không sinh sản thì phạt.

Chiêu mộ bách tính đến vùng biên cương để khai hoang vỡ hóa, sinh cơ lập nghiệp, người nào giỏi có thể thăng quan tiến chức, người nào bị tội thì có thể được tha.

Nếu người giàu có tước vị, nông dân có tiền, lương thực dư dả, tài nguyên quốc gia chắc chắn sẽ sung túc.

Nếu thi hành chính sách này, chỉ 3 năm vùng biên cương có thể khởi sắc.

Hán Văn đế hạ chiếu : Chuộng những đồ vật điêu khắc tinh tế là xa xỉ, lãng phí tổn hại đến nông nghiệp, thích gấm vóc đẹp đẽ sẽ ảnh hưởng đến nghề dệt vải. Tổn hại đến nông nghiệp sẽ dẫn đến đói, tổn hại đến nghề dệt vải sẽ dẫn đến lạnh. Dân chúng lâm vào cảnh đói rét sẽ sa chân vào vòng nguy hiểm.

Ta tự cày cấy, hoàng hậu tự trồng dâu nuôi tằm, để cung phụng, phụng thờ tôn miếu, không làm phiền hà dân chúng.

Chỉ hi vọng thiên hạ trăm họ chăm lo nông nghiệp, siêng năng dệt vải, tích lũy lúa gạo, vải vóc để phòng khi đói rét.

Sách Diên thiết luận cho rằng : Ruộng đất phì nhiêu nhưng lương thực không đủ cho dân là do công nghiệp quá thịnh, bỏ ruộng vườn hoang phế.

Có rừng, có biển mà những nhu yếu về lâm sản, hải sản không đủ cho dân dùng hàng ngày, là có nhiều nghề chế tác cầu kì, xa xỉ.

Hán Cảnh đế hạ chiếu : Nông nghiệp là căn bản của thiên hạ. Vàng, châu ngọc, khi đói không thể ăn được cho đỡ đói, khi lạnh không thể dùng vàng, ngọc để mặc cho đỡ lạnh.

Nay, mệnh lệnh cho các huyện, các chư hầu khuyến khích dân chúng coi trọng nông nghiệp, cày bừa canh tác, trồng dâu nuôi tằm, gieo trồng nhiều loại cây trái tạo thành rừng, để cho dân hàng ngày có đủ cơm ăn áo mặc.

Nếu các quan sử thuế người khai thác, thu gom vàng ngọc, dù nhiều hay ít cũng bị luận tội.

Nơi nào để thất thoát, mất trộm, mất cắp, hai ngàn thạch lương thực, không khai báo thì cũng bị xử là đồng lõa với trộm cắp.

Thân Giám nói : Kẻ không sợ chết dọa cũng bằng thừa, người không quý sinh mệnh của mình, thì khuyến khích cũng vô ích. Chi bằng, người cầm quyền lo cho dân có cuộc sống giàu có, thì dân tâm mới an ổn.

3. Pháp lệnh, dân tâm và nhân tình :

ÚyLiêu cho rằng : Ban bố pháp lệnh là làm cho dân chúng đồng lòng. Ban bố mệnh lệnh rồi, sau đó lại sửa thì nhân dân không tin. Pháp lệnh sửa là do không đầy đủ.

Doãn Văn tử nói : “ Cha ra lệnh cho con, con không làm được, là lệnh không cha không phù hợp với con.

Quan địa phương ra lệnh : Vợ con là quy,ù nhưng có quyền mua bán vợ bé.

Những người làm vợ bé và những người con của vợ bé, sẽ lo lắng thở than, oán hận vì không phù hợp với họ.

Nếu có khuyên họ rằng : Đừng oán hận, đừng lo lắng. Thì cũng trở thành vô nghĩa ! Vì lệnh không cận nhân tình.

Cho nên, ra một quyết sách, một mệnh lệnh phải vô cùng thận trọng ”.

Văn tử cho rằng : “ Nguyên tắc cơ bản của việc trị lí quốc gia là lấy lợi ích của dân chúng làm điểm xuất phát; nguyên tắc tối cao là chính trị đi đôi với giáo hóa ”.

Tuân tử viết : “ Quan sát địa thế cao hay thấp, chia vùng để gieo trồng ngũ cốc, người quân tử không bằng người nông dân. Rành rẽ đường đi nước bước, mua bán vận chuyển hàng hóa, người quân tử không bằng thương nhân. Chế tạo đồ dùng một cách khéo léo, tinh xảo, người quân tử không bằng người thợ.

Nếu xét phẩm hạnh, nói năng hợp tình hợp lý, nắm bắt được lợi hại của sự việc, tuyển ra làm quan, thì không ai bằng người quân tử ”.

Văn tử cho rằng : “ Biết người năng lực kém mà giao cho chức vị cao, là đã ngầm bảo người ta không làm tròn chức trách.

Biết người không chuyên tâm mà vẫn giao việc khó, là đẩy người ta vào cảnh khốn cùng.

Tương tự, ban hành luật pháp, dân chúng không thực hành được, là giăng lưới luật pháp để bẫy dân, đưa dân vào rọ ”.

3. Nhân nghĩa và hình pháp:

Khổng tử cho rằng : Người cầm quyền không giữ đạo nghĩa, mất đạo nghĩa, quay lại giết người dưới trướng, là không hợp với quy phạm đạo đức.

Ngược lại, ba quân bại trận, không chém tướng sĩ, thì luật pháp sẽ không có chỗ dựa, không thể dùng hình phạt để nghiêm trị những kẻ phạm pháp.

Người cầm quyền không lo giáo hóa dân chúng, dân chúng sai lầm phạm tội, đó không phải lỗi dân chúng, trước hết là lỗi ở kẻ cầm quyền.

Giết người một cách tùy tiện, gọi là tặc (giặc); tự ý trưng thu, vơ vét tài vật, gọi là bạo (tàn bạo); không dự báo, không cảnh báo, không ngăn cấm, lại đi trách người, trách dân, trừng phạt dân, gọi là ngược (độc ác).

Tặc, bạo, ngược là ba tệ đoan của chính trị. Phải bỏ ba tệ đoan này mới thực hành được pháp trị.

Trước tiên, phải dùng đạo đức để thuyết phục dân chúng.

Nếu dân không theo, thì phải dùng các hiền tài tiến hành giáo hóa dân chúng.

Nếu dân chúng không tuân theo việc giáo hóa, rõ ràng phong khí xã hội đã đến hồi hư nát.

Khi phong khí xã hội đã hư nát, dùng luật pháp để đe nẹt, dùng hình phạt nghiêm khắc để trừng trị, cũng đã quá muộn màng.

Viên An cho rằng : “ Nền móng của pháp luật là nhân, lễ, nghĩa, trí. Phái sinh của luật pháp là pháp, lệnh, hình, phạt.

Không có nền móng thì không xây dựng được luật pháp, không có phái sinh thì không thể hoàn thiện được luật pháp.

Nho gia quan niệm, trị lí quốc gia chỉ cần nhân, nghĩa, không nên thực thi hình pháp. Vì chỉ đề cao nhân nghĩa, không dùng hình pháp, nên nhiều người khinh nhờn, tà ác nổi lên khắp nơi.

Ngược lại, những người theo Pháp gia như Thương Ưởng, Hàn Phi tử quan niệm , trị lí quốc gia chỉ cần hình pháp, không cần nhân, nghĩa.

Chỉ dùng hình pháp, không có nhân nghĩa nên nhân dân sinh lòng oán hận, từ oán hận thành phản nộ, dân đã phản nộ sẽ sinh ra biến loạn ”.

Trọng Trường Thống cho rằng : “ Nhà Tần dùng Thương Ưởng dùng luật pháp, giăng lưới như mắt võng, đưa thiên hạ vào tròng khốn khổ. Trần Thắng, ở Đại trạch, chỉ cần hô một tiếng thì thiên hạ lập tức hưởng ứng.

Vì vậy, nhân nghĩa là gốc, hình pháp dựa vào đó mà thực thi, hỗ tương cho nhau, là luật pháp tốt để trị lí quốc gia”.

Hoàn Phạm viết : “ Vua Kiệt nhà Hạ, vua Trụ nhà Thương, không dùng nhân nghĩa làm căn bản, lạm dụng hình phạt để vằm người làm mắt, mổ bụng moi tim, tàn bạo quá mức dẫn đến diệt vong.

Pháp luật khoan thứ là thể hiện đức nhân, pháp luật quyết đoán là nghĩa, nhân nghĩa là cơ bản của luật pháp ”.

Tôn tử cho rằng : “ Dùng văn để ban bố mệnh lệnh, dùng võ để thực thi, văn võ

đầy đủ thì tất thắng ”.

4. Thi hành luật pháp :

Sách Lã thị xuân thu viết : “ Xác lập lòng tin, chinh đốn quốc gia theo thứ tự. Làm vua mà biết được đạo lí này thì sự nghiệp dài lâu, làm tôi mà biết được đạo lí này thì có thể phò tá bậc đế vương ”.

Sách Trung luận viết : “ Trời sinh ra chúng sinh, con người ai cũng có tình cảm.

Người khi sống thì hiền hách, khi chết thì được lưu danh, ai nấy đều thấy được an ủi. Khi một người bị tội, bị trừng phạt, bị giết, những người thân thuộc cũng xót xa.

Sở dĩ, người bị giết, không lo tu thân, để cái ác một ngày một nảy nở; đó cũng chỉ là một nguyên nhân, nguyên nhân sâu xa khác là do luật pháp.

Chẳng hạn, người đáng thưởng thì không thưởng, kẻ đáng trừng trị thì không trừng trị. Khiến những người làm việc thiện mất lòng tin, sinh ra nghi ngờ, một ngày nào đó sinh ra oán hận, dẫn đến sai lầm. Làm cho những người làm việc ác, coi thường pháp luật, những tên vô liêm sỉ mặc sức lọt lưới pháp luật.

Một đất nước, ngày nào trên đường phố cũng có kẻ bị bêu đầu thị chúng, nhiều tù nhân lần lượt chờ ngày ra pháp trường. Nhưng mỗi ngày có những vị quan được thăng quan tiến chức, bổng lộc càng ngày càng hậu. Thì quả là những việc chẳng lành ! ”.

Trương Duệ khen Gia Cát Lượng : “ Tiên sinh khi thường không bỏ sót người thân kẻ sơ. Lúc phạt cũng không thiên vị kẻ quen người biết hoặc kẻ quyền thế hay không quyền thế ”.

Văn tử nói : “ Nợ ít thì dễ trả, công việc dễ dàng thì mau hoàn thành, nhiệm vụ không nặng nề thì dễ tiến thân, quốc sách giản dị thì thần dân mới dễ kiến công lập nghiệp. Nếu không làm vậy, thì cả vua tôi còn lâu mới ngăn ngừa được việc ác.

Thi hành luật pháp một cách tùy tiện bất công, tội nhẹ mà hình phạt nặng, tội ác ít mà bị xử như kẻ đại gian, lúc đó bọn người cấp dưới tha hồ bịt mắt, lừa gạt cấp trên. Dù có dùng hình phạt tàn khốc cũng không ngăn ngừa được gian trá, tà ác ”.

Sách Tân ngữ viết : “ Tần Thi Hoàng thiết lập hình pháp, dùng xe mà phanh thây người, xây dựng trường thành để ngăn chặn Ngô, Việt. Quốc gia loạn lạc, luật pháp rườm rà, kẻ ác hoàn hành. Tần Thi Hoàng mất cả thiên hạ, không phải là không có duyên cớ, một trong những nguyên nhân là hình phạt quá tàn khốc ? ”.

5. Chính trị và dân tâm

Chính hay chính trị là thuận ứng với dân tâm và sự việc.

Thấy nhân dân vất vả, buồn rầu, làm cho dân nhàn nhã, vui vẻ.

Thấy dân bần cùng, thiếu thốn, bị khinh rẻ, làm cho dân giàu có, dư dả và được tôn quý.

Thấy dân bị lâm nguy, làm cho dân được sống an toàn.

Thấy dân tuyệt tự, không sinh sản, tuổi thọ ngắn, giúp dân sinh sản, để có người kế thừa và sống trường thọ.

Nếu làm cho dân thỏa mãn được bốn điều trên, thì ở xa xôi đến mấy, họ cũng thấy gần gũi với chính quyền.

Ngược lại, làm chính trị mà không làm được bốn điều trên, nhân dân sẽ không tin, không phục chính quyền.

Án tử nói : Mưu lược hợp với nghĩa, tất sẽ được, việc gì hợp với nhân, nhất định sẽ thành công. Làm việc gì mà trái với nhân nghĩa thì thất bại.

6. Làm chính trị không nên cưỡng bách :

Sách Lã thị xuân thu nói : “ Cây cối rậm rạp thì cầm thú lui tới nghỉ ngơi; nguồn nước sâu rộng, cá tôm hội tụ, thánh vương hiền minh, hào kiệt tứ phương theo về.

Bậc thánh vương không ép buộc người ta theo mình mà tìm cách để cho người ta quy phục. Dù có bắt người ta cười, người ta cười nhưng tiếng cười không mang

niềm vui. Bắt người ta khóc, người ta khóc, nhưng tiếng khóc không có chút bi ai.

Cường bách dân chúng thực hiện chính sách, may lắm chỉ thu lượm được thu được những cái vụn vặt, không thể gặt hái những thành công lớn ”.

7. Chính trị và thời cơ :

Phạm Lãi nói : “ Tiết lệnh chưa đến, thì không thể bắt cây trồng sinh trưởng, hình thể chưa đủ thì không mong thành công ”.

Quản Trọng nói : “ Thánh nhân là người nắm bắt thời cơ, không quay lưng lại với thời cơ ”.

Người xưa nói : “ Thánh nhân chuẩn bị đầy đủ, chỉ đợi thời cơ đến ”.

8. Cây nào quả ấy :

Tuân tử cho rằng : “ Học tập phương pháp trị nước của các bậc đế vương, thực hành theo đế vương thì xưng vua.

Học tập phương pháp trị nước của bậc bá, thực hành theo bá thì xưng bá.

Bắt chước cách trị nước của các ông vua mất nước, thực hành theo những ông vua mất nước, thì mất nước.

Lấy nhân nghĩa để đối đãi với bề tôi và với những người cộng sự, có thể xưng vương.

Lấy chính trực và sự thành tín để đối xử với bề tôi và với những người cộng sự, có sự xưng bá.

Vua, tôi và những người cộng sự dùng âm mưu thanh toán lẫn nhau, thì có thể trở thành ông vua mất nước.

Cho nên, bậc minh quân nên học tập, chọn lựa phương pháp trị nước và cách đối đãi với bề tôi và với những người cộng sự ”.

9. Chính trị và việc chọn người :

Quản Trọng nói : “ Người ở địa vị cao mà không giữ gìn nhân nghĩa, nói về nhân nghĩa, thì không nên giao chính quyền cho người ấy.

Người có địa vị, không biết nhường địa vị cho người hiền năng hơn mình, thì không nên cho người đó ở địa vị cao quý.

Người thấy bà con thân thích bị phạm tội mà không dùng hình phạt, thì không nên giao binh quyền cho người ấy.

Người không biết coi trọng nông nghiệp thì không nên cho người ấy làm trưởng quan.

Làm vua biết chọn người hiền, tín nhiệm người tài năng thì được nhân dân yêu mến. Làm tướng biết khuyến khích quân sĩ, quân sĩ sẵn sàng hi sinh tính mạng. Nếu được như vậy, thiên hạ sẽ được trị lí ”.

Phó tử cho rằng việc, khảo hạch để chọn lựa quan sử, gồm có 6 nội dung :

Một, về trị lí giáo hóa, phải là người coi trọng đạo đức.

Hai, về thanh chính, liêm minh, quan sử phải là người cẩn thận trong hành vi.

Ba, về nhân sự, phải biết cách dùng người.

Bốn, về thuế khóa, phải cẩn thận và thu một cách chính đáng.

Năm, về nông tang (nghề nông, trồng dâu nuôi tằm), phải coi trọng nông nghiệp.

Sáu, về xử án, phải tuân thủ luật pháp và công bằng.

9. ĐẾ VƯƠNG VÀ NHỮNG BÀI HỌC LỊCH SỬ

Thiên này đề cập đến những nguyên nhân về sự thành công và thất bại, hưng thịnh và suy vong của các bậc đế vương và các vương triều trong lịch sử Trung Hoa, từ thời Tam hoàng, Ngũ đế đến đời nhà Đường.

1. Tam hoàng, Ngũ đế và đức chính :

Tam hoàng : Là Phục Hy, Nữ Oa và Thần Nông. Tương truyền, Tam hoàng coi trọng việc tu thân và trị nước, lấy đức chính để giáo hóa nhân dân trong bốn biển, nhưng trăm họ không hề biết là công lao của họ (tức là thực hành vô vi nhi trị).

Ngũ đế: Là Hiên Viên Hoàng đế, Chuyên Húc, Đế Cốc, Đế Nghiêu và Đế Thuấn. Sở dĩ gọi là đế, vì Ngũ đế căn cứ phép tắc của trời đất, tự nhiên, mà ra hiệu lệnh, làm cho thiên hạ thái bình.

Thời Ngũ đế, vua và tôi đều khiêm nhường, không tranh công lao, dùng đức chính để giáo hóa dân chúng, thiên hạ thần phục. Vua tôi đều coi trọng sự nghiệp trị nước, không dùng vật chất để khuyến khích, cổ vũ lẫn nhau. Mỗi quan hệ vua tôi tốt đẹp và thiên hạ đều vui vẻ.

Có sách ghi : “ Hiên Viên Hoàng Đế là người đầu tiên, thuận ứng với phép tắc của trời đất, căn cứ vào thời vụ nhà nông để gieo trồng ngũ cốc, rất cẩn thận trong việc sử dụng, tiết kiệm tài nguyên của thiên hạ. Ông thuộc thổ, thổ đức, nên lấy xưng hiệu là Hoàng Đế.

Chuyên Húc chăm lo nuôi dưỡng các tài nguyên, tận dụng sức đất (địa lực); ông còn căn cứ vào các hiện tượng thiên nhiên (thiên tượng) để làm ra lịch pháp, coi trọng việc giáo hóa cho dân, tôn kính và thành tâm tế lễ các thần linh.

Đế Cốc với vùng đất rộng lớn, ông đã làm cho sản vật dồi dào nhưng tiết kiệm trong việc sử dụng tài vật; vỗ về giáo hóa quần chúng, mưu lợi cho nhân dân, đưa đón mặt trời, mặt trăng, tôn kính quý thần; ông là người trang nghiêm, đạo đức cao thượng.

Đế Nghiêu, nhân đức rộng lớn như trời, trí năng như thần thánh. Trăm họ và vạn vật hướng về ông như hướng về mặt trời, như mạ lúa gặp mưa nắng điều hòa.

Dân chúng dưới thời ông rất giàu nhưng chẳng có một ai kiêu căng, nhiều người rất mực tôn quý nhưng chẳng có ai kiêu ngạo.

Đế Thuấn, vô luận việc lớn hay việc nhỏ đều tuân thủ nguyên tắc là trừng trị điều ác, biểu dương điều thiện (trừng ác dương thiện), trăm họ vui vẻ thần phục, tuân thủ pháp độ.

Nói chung, Tam hoàng, Ngũ đế được xem như những người dùng đức chính (đạo đức và chính trị) thành công nhất trong lịch sử Trung Quốc, là mẫu mực cho các vị vua sau này ”.

2. Thu phục dân tâm và chí hướng của thiên hạ :

Hàn Tín nói : “ Hạng Vũ phóng hỏa giết người, tàn hại sinh linh, trăm họ không

phục, dùng bạo lực bắt người ta theo. Danh nghĩa là làm chủ thiên hạ, thực tế là đã mất lòng dân. Hạng Vũ tuy đang mạnh nhưng rất dễ suy yếu ”.

Gia Cát Lượng nói : “ Trên danh nghĩa, Kinh Châu quy thuận Tào Tháo, vì Tháo dùng đại quân để đàn áp, nên đã mất dân tâm. Nếu tướng quân (Tôn Quyền) và Lưu Dự Châu (Lưu Bị) đồng tâm hiệp lực, sẽ đánh bại được Tào Tháo ”.

Cho nên, bậc vương giả phải thu phục dân tâm, làm cho dân tin phục, gọi là hàng tâm, phục chí.

Có sách cho rằng, muốn thành công trong sự nghiệp trị nước, đề phòng suy yếu và thất bại, bậc quân chủ phải tạo dựng một nền chính trị rõ ràng; thiết lập quân đội mạnh, lương thực đầy đủ, nhưng không nên hiếu chiến, không phát động chiến tranh, thì thiên hạ mới thái bình.

Về quan hệ, vua không nghi ngờ tôi, tôi không nghi ngờ vua, thì quốc gia yên ổn, vua ngồi vững trên ngai, quần thần theo đạo nghĩa mà tiến thoái.

Được như vậy, quốc gia sẽ đạt đến cảnh giới hoàn mỹ, hoàn thiện.

3. Cải cách và bài trừ tệ đoan :

Ba ông vua sáng lập các triều đại Hạ, Thương, Chu, làm nên công nghiệp, được xem là những ông vua sáng suốt, nhưng mỗi người, mỗi thời đại, đã xây dựng chế độ khác nhau, tạo phong khí khác nhau.

Thời nhà Hạ, người ta đề cao chữ trung, lâu ngày chữ trung biến thành ngu trung, thô bạo; để cải cách tệ đoan này, người ta đề cao chữ kính.

Đến thời nhà Ân, chữ kính đã biến thành mê tín, tin vào quỷ thần; để cải cách tệ đoan này, người ta lại đề cao chữ văn, gọi là văn trị.

Đến thời nhà Chu, chữ văn hoặc văn trị lại trở thành phù hoa, khinh bạc; để cải cách tệ đoan này, người ta lại đề xướng chữ trung.

Suy ra, mỗi thời đại đề cao một khái niệm, lâu dần sẽ trở thành tệ đoan, tệ đoan đã phát sinh thì phải tìm cách bổ cứu thay đổi, đó là việc làm của người làm chính trị.

4. Đức và hình :

Sách Tả truyện ghi, Tấn Văn công hỏi Tử Phạm về tình hình dân chúng.

Tử Phạm tâu :

- Nước Tấn chiến tranh đã nhiều năm, nhân dân không được an cư lạc nghiệp, nên ít người biết thế nào là đạo nghĩa.

Tấn Văn công nghe theo Tử Phạm; về ngoại giao, ông phò Chu Nhượng vương lên làm vua; về nội trị, ông toàn tâm toàn ý mưu lợi cho nhân dân và coi trọng việc giáo hóa dân. Dân Tấn yên tâm làm ruộng và sinh sản.

Không lâu, Tấn Văn công nói với Tử Phạm là muốn dùng binh. Tử Phạm nói :

- Dân chúng chưa hiểu rõ thế nào là chữ tín, cần phải làm cho họ biết thế nào là tín.

Tấn Văn công đem quân đánh và vây nước Nguyên, ông tuyên bố cho nước địch và quan đội biết là 3 ngày là triệt thoái quân đội ra xa 30 dặm.

Tấn Văn công làm đúng như lời đã tuyên bố. Từ đó, trong thiên hạ ai cũng cho Tấn Văn công là người biết giữ chữ tín; người nước Tấn rất coi trọng chữ tín. Ngay các thương nhân nước Tấn cũng bắt chước nhà vua, coi trọng chữ tín hơn cả lợi lộc. Chữ tín trở phong khí của nước Tấn.

Không bao lâu, Tấn Văn công lại hỏi Tử Phạm về dân tình. Tử Phạm thưa :

- Dân chúng chưa biết thế nào là cao quý, thế nào là bần tiện, chưa phân biệt tôn ti, lễ nghĩa.

Tấn Văn công liền tổ chức lễ duyệt binh rất quy mô và uy nghiêm, cử quan chấp pháp thi hành mệnh lệnh.

Chẳng bao lâu dân nước Tấn có thói quen phục tùng mệnh lệnh, không hề nghi ngờ và do dự, có thể sử dụng vào chiến tranh.

Trận Thành Bộc, quân Tấn đại thắng quân Sở, giải cứu được nước Tống và lên làm bá chủ.

Cho nên, căn bản trị nước là đức và hình, đức và hình tương phụ tương thành, không thể thiếu đức cũng không thể thiếu hình.

Trời có hai khí âm và dương cấu thành mới sinh ra bốn mùa, nên đạo trị nước cũng do đức và hình cấu thành. Những bậc thánh nhân cầm quyền dùng đức nhiều hơn hình như thời ngũ đế; vừa dùng đức vừa dùng hình như thời tam vương; ít dùng đức, dùng hình nhiều như thời ngũ triều; không dùng đức chỉ dùng hình, dùng bạo chính, dẫn đến mất nước như thời nhà Tần.

Thời cổ, có ba phương pháp trị lí quốc gia :

Một, thực hành chính trị theo vương đạo, coi trọng sự giáo hóa.

Hai, thực hành chính trị theo bá đạo, chủ yếu dựa vào quyền uy.

Ba, thực hành chính trị theo lối cường quyền, chủ yếu dựa vào áp bức.

Giáo hóa không được thì dùng quyền uy, bất lực trong việc dùng quyền uy, thì áp bức, áp bức thì phải dùng hình phạt, đã lạm dụng hình phạt thì không đáng là bậc vương giả.

Ngu Thế Nam, nhà Đường, cho rằng : “ Tần Thi Hoàng bỏ nhân nghĩa, dùng bạo

lực để tóm thâu sáu nước, ngồi trên cao mà thống trị thiên hạ, thiên hạ không theo thì dùng hình, dùng hình đã trở thành tệ đoan. Đó là nguyên nhân của sự thất bại ”.

5. Đế nghiệp và sự lâu dài :

Có người cho rằng, Hán Cao tổ Lưu Bang và Quang Vũ đế, đều quật khởi từ quê nhà, bình định chiến loạn, hoàn thành sự nghiệp, mở ra triều đại mới.

Lưu Bang khoan dung đại độ, Lưu Tú cẩn thận; cả hai người đều chiêu mộ, bảo hộ hiền tài cùng cứu nhân dân ra khỏi nước lửa.

Nhưng thử hỏi, ai hơn ai kém ?

Tào Thực nhận định : Hán Cao tổ Lưu Bang, quật khởi chống nhà Tần tàn bạo, tranh hùng và chiến thắng Hạng Vũ, truyền sự nghiệp vĩ đại cho con cháu. Xét về công trạng, có thể sánh bằng vua Thang, vua Vũ. Xét về phẩm hạnh cũng không có gì đáng chê, đáng trách.

Nhưng Lưu Bang mất rồi, Lữ Hậu quá tàn bạo : Sai người chặt tay, chặt chân, khoét mắt, xẻo mũi Thích phu nhân và cho uống thuốc độc. Cầm tù Triệu vương Như Ý và cho uống độc dược. Những người thân thuộc của Lưu Bang cũng bị tàn sát. Lữ hậu thao túng triều cương và cuối cùng thoán đoạt mọi quyền lực.

Phải chăng, Hán Cao tổ là người không biết nhìn xa trông rộng ?

Hoặc, những mưu thần của Hán Cao tổ, được xem là những bậc kì tài, cổ kim khó sánh, chỉ giúp ông ta tranh giành thiên hạ, ngồi vững trên ngôi báu, không thể giúp ông ta giữ gìn sự nghiệp một cách ổn định lâu dài ?

Tào Thực cũng nêu những công lao hiển hách của Quang Vũ đế Lưu Tú, rồi đưa ra những kết luận : Luận về công lao không phải là tầm thường; luận về danh tiếng, thật là lừng lẫy; luận về đạo đức, không có tì vết; luận về phẩm thì không có gì là không minh bạch. Xét về thế lực thiên hạ ủng hộ thì không lớn, văn thần võ tướng cũng không mạnh, sự nghiệp ổn định lâu dài.

Vậy, Quang Vũ đế Lưu Tú vĩ đại hơn Lưu Bang.

6. Trời và người:

Tuân Duyệt thì cho rằng : Hán Cao tổ Lưu Bang, xuất thân từ bình dân, dùng kiếm mà tóm thâu thiên hạ, không như Nghiêu, Thuấn nhường ngôi cho nhau.

Lưu Bang tự mình lãnh đạo các thuộc hạ, khác vua Thang, vua Vũ ủy nhiệm cho các quan chức. Lưu Bang như rồng gặp mây, như hổ gặp gió, chinh bạo, phạt loạn, gộp thâu thiên hạ, lên ngôi báu, lịch sử xưa nay hiếm thấy như có thần linh phù trợ.

Vũ vương nường cá là cung kính nhận thiên mệnh, Lưu Bang giận dữ chém rắn trắng mà khởi nghiệp; hành sự hai người tuy khác nhau, nhưng phải chăng đó là linh tính và sự cảm ứng của tinh khí ?

Vì vậy, sách Thượng thư viết : “ Công việc của trời, con người thay thế trời để làm ”.

Kinh Dịch thì cho rằng : “ Vũ vương làm cách mệnh là trên thuận với trời, dưới ứng với lòng người ”.

Như đã nói, nhà Hạ sùng thượng sự trung thành, sinh thói tệ là thô lỗ, thô lậu, cho nên nhà Ân bổ cứu bằng cung kính.

Lâu dần cung kính sinh thói tệ là mê tín, nên nhà Chu bổ cứu bằng văn minh, lễ giáo, gọi là văn trị. Lâu dần, văn minh lễ giáo trở thành thói tệ là giả dối, phù hoa, nên phải bổ cứu bằng sự trung thành.

Trải qua 3 thời đại, đạo trị nước, mới hoàn thiện, điểm cuối là trung thành như lại bắt đầu từ khởi điểm là trung thành.

Giai đoạn Chu – Tần, văn trị càng ngày càng sinh nhiều tệ đoan, nhà Tần không lo cải cách, lại dùng bạo chính để cai trị, nên không giữ được chính quyền.

Ngược lại, nhà Hán, biết cải cách những tệ đoan nên giữ được chính quyền.

7 . Vua và công thần :

Khổng Dung bình : “ Chu Vũ vương thừa kế sự nghiệp năm đời của Hậu Tắc, trải qua năm đời, tích lũy văn hóa từ mặt trời mặt trăng, nhưng điềm lành chỉ có

một con cá nhỏ tự nhảy vào thuyền, một con chim đỏ đậu trên mái nhà.

Hán Cao tổ thì tu nhân tích đức chưa được mấy đời, chém rắn trắng khởi nghiệp, khiến mẹ con rắn phải rơi nước mắt. Khi Lưu Bang tiến vào Trường An thì điềm lành xuất hiện, trên không, mặt trời, mặt trăng tụ lại.

Chu Vũ vương đánh vua Trụ và giết vua Trụ để bêu đầu thị chúng. Lưu Bang khi vào kinh thành nước Tần thì tha chết cho vương tử Anh.

Chứng tỏ, đức khoan dung đại độ của Chu Vũ vương không bằng Lưu Bang ”.

Ngu Thế Nam từng nói : “ Bậc đế xem trung thần, mưu sĩ là thầy, bậc bá xem thần tử là bạn, bậc bá xem quần thần là bề tôi.

Lưu Bang có ba công thần là Trương Lương, Tiêu Hà, Hàn Tín là tam kiệt; Lưu Tú có 28 tướng. Chúng ta không so sánh tài năng giữa tam kiệt với hai mươi tám tướng, ai hơn ai ?

Lưu Bang thấy các công thần cường thịnh thì tìm cách giết đi, ít người được hưởng phúc trọn đời.

Lưu Tú đãi ngộ các công thần rất hậu hĩnh, ai nấy đều hưởng vinh hoa phú quý trọn đời.

Riêng điểm này, rõ ràng Lưu Tú hơn hẳn Lưu Bang.

Công nghiệp chống Tần, diệt hạng Vũ của Lưu Bang tuy lớn lao, nhưng chỉ là một người vĩ đại trong hàng bá chủ, chưa phải là bậc vương giả ”.

8. Khoan dung và trị nước :

Có người hỏi : Vì sao Ban Cố ca ngợi Chu Thành vương, Chu Khang vương, Hán Văn đế và Hán Cảnh đế ?

Ngu Thế Nam giải thích : Chu Thành vương, Chu Khang vương, chăm lo dạy dân chúng từ ngu muội trở thành thuần hậu, tích lũy nhân đức từ mặt trăng mặt trời để giáo hóa dân, thành ngọn gió nhân đức thổi rạp những ngọn cỏ ác.

Cho nên, người đời ca ngợi Chu Thành vương và Chu Khang vương.

Hán Văn đế lấy nhân từ, khoan dung làm gốc, dùng phương pháp thanh tĩnh, giản dị để trị dân, mục đích để bài trừ những tệ đoan của nhà Tần, xoa dịu những đau thương tàn khốc của Hạng Vũ, khôi phục lại phong khí thuần hậu, ôn hòa trong nhân dân. Việc làm này không phải dễ dàng ?

Sau này, Hán Cảnh đế nối tiếp công việc của Văn đế.

Vì vậy, người đời hết lòng ca ngợi Hán Văn đế và Hán Cảnh đế.

Sách Hán văn viết : “ Văn đế tức vị trong 23 năm, không xây thêm cung điện, không mở rộng thêm hoa viên, xe ngựa y phục vẫn không có gì thay đổi. Ông mưu lợi và tích lũy cho dân.

Triệu Đà, ở phía Nam, tự xưng làm đế, Hán văn đế không lấy đó làm điều, còn gọi anh em của Triệu Đà đến ban thưởng rất hậu, khiến cho Triệu Đà cảm động mà thần phục mà xưng là thần.

Hán Văn đế còn kết anh em với Hung Nô. Khi Hung Nô trở mặt đem quân xâm phạm bờ cõi, Hán Văn đế phái đại tướng đến trấn thủ biên ải, chỉ ra lệnh thủ không được công, không được xâm phạm Hung Nô, không được tàn hại dân chúng.

Ngô vương giả bệnh không đến triều, Hán Văn đế không giận, còn sai người ban thưởng cho Ngô vương. Có người khuyên nên giam lỏng Ngô vương, Hán Văn đế tỏ ý nghe theo nhưng không hành động.

Lang trung Trương Vũ ăn của đút của Ngô vương, Hán Văn đế biết được nhưng không trừng trị, sau này còn tìm cách ban thưởng cho Trương Vũ, khiến cho Trương Vũ vô cùng cảm động.

Hán Văn đế lấy đức để chinh phục người, cho nên dân trong nước giàu có, ông chấn hưng lễ nghĩa, nên ít người phạm tội và ít dùng hình phạt.

Văn đế là vị vua có lòng nhân ”.

Có người hỏi Phó Huyền :

- Hán Văn đế bỏ nhục hình, ông có phải là người có đức nhân không ?

Phó Huyền đáp :

- Đó chỉ là lòng nhân của một kẻ thất phu, tầm thường. Đã cai trị một đất nước, phải mưu cầu lợi ích cho thiên hạ lâu dài, không nên chú ý những việc vụn vặt như vậy !

Ban Cố cũng cho rằng, Hán Văn đế tuy nhân đức nhưng cũng không cần phải bỏ nhục hình.

Sách Cảnh đế viết : “ Khổng tử cho rằng, nhân loại kế thừa chân truyền của ba thời đại về đạo trị nước là chính xác. Tệ đoan ở cuối đời nhà Chu và nhà Tần là pháp luật hà khắc dày như lưới và người phạm tội quá nhiều.

Đến đời nhà Hán, cần phải bỏ đi sự hà khắc của pháp lệnh, của hình pháp để dân được nghỉ ngơi.

Đời Văn đế, lấy cung thuận và cần kiệm làm phương lược trị quốc. Đến đời Cảnh đế vẫn theo phương lược của Văn đế, trong khoảng 50 - 60 năm, thay đổi được nhiều tệ đoan và hủ tục, nhân dân trở nên thuần hậu.

Cho nên, Thành Khang (nhà Chu), Văn đế (nhà Hán) là những vị vua thực hành

vương đạo ”.

9. Công lao và đức độ :

Có người hỏi : Hán Vũ đế là người hùng tài đại lược có xứng đáng là một vị đế vương hay không ?

Ngu Thế Nam bình : Hán Vũ đế kế thừa sáu đời làm vua, nước giàu mạnh, lại có nhiều anh hùng, hào kiệt giúp đỡ. Trong nước, lễ nhạc hưng thịnh, ngoài biên cương rộng mở đất đai, sáng lập chế độ coi trọng trung ương tập quyền.

Nhưng Hán Vũ đế cũng như Tần Thi Hoàng, công là đệ nhất, nhưng rồi sa vào xa xỉ và bạo ngược. Cho nên công lao thì lớn, nhưng về đức hạnh thì không đầy đủ.

Ban Cố lại cho rằng : Nhà Hán tiếp nhận những tệ đoan của đời trước, cho nên Hán Cao tổ bình loạn, xây dựng chính trị, Văn đế, Cảnh đế chăm lo nuôi dưỡng dân chúng và nghiên cứu chế độ lễ nhạc của thời cổ.

Vũ đế lên ngôi, trước hết là bỏ bách gia, độc tôn Nho thuật, suy tôn lục kinh; tiếp là tuyển chọn nhân tài ưu tú trong cả nước, để họ kiến công, lập nghiệp.

Vũ đế cho xây dựng Thái học, xác định lịch pháp, quy phạm âm luật, đề xướng thơ phú, tế lễ trăm thần. Hán Vũ đế kế thừa nghiệp lớn của tổ tông, làm cho sự nghiệp càng thêm xán lạn.

Hán Vũ đế là người có hùng tài, đại lược, ông dùng chính sách khoan dung, cải biến những tệ đoan của thời trước, làm cho dân trở nên khiêm cung, cần kiệm.

Ông xứng đáng được ca ngợi là một bậc vương giả.

10. Tuổi tác và sự sáng suốt :

Có người nói rằng : Chu Thành vương khi lên ngôi, còn rất trẻ, nhưng có nhiều kẻ như Quán, Sái dấy loạn bốn phương.

Hán Chiêu đế mới 8 tuổi đã lên ngôi, thì Yên vương, Thượng Quan Kiệt mưu phản.

Thành vương không hề nghi ngờ lòng trung thành của Chu công. Hán Chiêu đế ủy nhiệm quyền nhiếp chính cho đại tướng Hoắc Quang.

Vậy Chu Thành vương và Hán Chiêu đế, ai tài giỏi hơn ai ?

Ngụy Văn đế bình : Chu Thành vương thừa kế khí chất cao đẹp của cha là Vũ vương, bẩm thụ khí chất của mẹ hiền khi đang nằm trong bụng.

Lúc bé, Chu Thành vương có Chu Công làm Thái bảo, Chiêu Công làm Thái phó, Lữ Vọng làm thái sư. Ông được những vị thầy đạo đức cao và tài giỏi chỉ dạy về lễ nghĩa, từ lệnh. Tuy còn trẻ nhưng dáng vẻ của Chu Thành vương uy nghiêm, khí chất tốt đẹp.

Chu Thành vương không nghe lời dèm pha của Sái Thúc và Quản Thúc, ông vẫn tin tưởng Chu Công là người có phẩm đức cao thượng tài năng, và giao binh quyền cho Chu Công bình phản loạn, khiến trời nổi sấm rền.

Nếu như Chu Thành vương hồ đồ, nghe lời gièm pha của Sái Thúc, Quản Thúc thì đâu có được như vậy ?

Thân phụ của Hán Chiêu đế không nhân đức như Vũ vương; mẹ của ông cũng không hiền đức như mẹ của Chu Thành vương.

Lúc nhỏ, Hán Chiêu đế sống với chị gái, phụ tá chỉ có Hoắc Quang và Thượng Quan Kiệt.

Các thầy dạy Hán Chiêu đế không có những phẩm của người có nhân có hiếu, cũng không phải là những người có tài an bang tế thế.

Hán Chiêu đế sống trong thâm cung và dưới những bàn tay chăm sóc của những người phụ nữ.

Nhưng Hán Chiêu đế bẩm thụ được thiên tính, có được những phẩm chất tốt đẹp. Năm 14 tuổi đã tỏ ra là một nhà chính trị tài giỏi, một vị vua sáng suốt.

Nguyên đại tướng quân Hoắc Quang và Thượng Quan Kiệt cùng chấp chính và giúp Hán Chiêu đế. Hán Chiêu đế rất sủng ái Hoắc Quang, khiến Thượng Quan Kiệt đố kỵ và căm ghét, muốn loại bỏ Hoắc Quang ra khỏi vũ đài chính trị.

Thượng Quan Kiệt âm mưu với Yên vương, viết và gửi một bức thư cho Hán Chiêu đế, cho rằng, Hoắc Quang cùng cố ngự lâm quân để chuẩn bị mưu phản.

Nhận được thư, Chiêu đế không nghi ngờ, mà còn khen Hoắc Quang là người trung thành.

Xét về sự bẩm thụ khí chất từ cha mẹ, về giáo dục, thì Hán Chiêu đế không được may mắn như Chu Thành vương.

11. Hà khắc và khoan dung :

Có người hỏi rằng : Xét về minh xét chính sự thì Hán Tuyên đế và Hán Quang Vũ, ông vua nào tài giỏi hơn ?

Ngu Thế Nam cho rằng : Hán Tuyên đế biết rằng dân rất khổ, nên ông rất chăm lo việc chính sự, đề bạt và trọng dụng hiền tài. Ông học theo các pháp gia như Thân Bất Hại, Hàn Phi tử, nên coi trọng pháp luật và dùng nghiêm hình làm sách lược trị nước.

Người xưa có nói : Mộng làm vua không thành, thì sinh ra thói tệ là phải dùng quyền mưu để xưng bá. Mộng làm bá không thành, thì quyền mưu sẽ sinh ra thói tệ không lường, mà kết quả là danh bại, thân liệt.

Cho nên, Hán Tuyên đế, dùng pháp trị, chỉ thành bá nghiệp.

Còn Hán Quang Vũ là người đại nhân, đại nghĩa, nên đã hoàn thành sự nghiệp đế vương.

Chuyện kể, Nguyên đế khi còn làm thái tử, tâu với Tuyên đế là nhà vua đã thi hành luật pháp quá nghiêm. Tuyên đế nghiêm sắc mặt và nói :

- Nhà Hán chúng ta phải dùng bá đạo. Vì vương đạo chỉ dùng đến nhân nghĩa để giáo hóa thì nguy hại đến quyền lực.

Câu nói trên, chứng tỏ mưu lược của Tuyên đế chưa sâu xa và to lớn, chỉ thiên về hình pháp mà thiếu sự khoan dung.

Khi Hán Cao tổ tiến vào Quan Trung, ban hành 3 chương về luật pháp, làm cho dân Tần rất vui vẻ. Vì Hán Cao tổ vừa biết dùng nghiêm hình và đức bao dung.

Quách Gia nói với Tào Tháo :

- Cuối thời nhà Hán chính trị thất bại vì quá khoan dung. Viên Thiệu muốn bỏ tể doan đó mà dùng hình một cách cứng rắn, làm trên dưới đều phải phục tùng.

Sách Tả truyện viết : “ Khi đã quá hà khắc, phương hại đến dân chúng thì phải thực thi sự khoan dung. Dùng khoan dung để điều tiết sự hà khắc, dùng hà khắc để điều tiết sự khoan dung. Nhà chính trị giỏi là biết cân bằng giữa hà khắc và khoan dung ”.

12. Nhiều tài, nhiều nghề và việc trị nước :

Có người hỏi : Hán Nguyên đế nhiều tài, nhiều nghề, ôn văn nhã nhĩ, thế có ích gì cho việc văn trị hay không ?

Ngu Thế Nam nói : Một đế vương gọi là tài giỏi là do văn đức và võ công. Văn đức rộng khắp trời đất là xây dựng điển chương chế độ; võ công là dẹp trừ bạo loạn, an định nhân dân.

Còn như biết đánh trống, thổi tiêu, làm thơ, phổ nhạc, là chức trách của quan coi về nhạc, là những công việc nghệ nhân.

Có sách viết : Hán Nguyên đế nhiều tài, nhiều nghề (đa tài, đa nghệ) nhưng đó không phải là ưu điểm của một vị đế vương.

Sách Trung luận viết, người biết rõ những chuyện vụn vặt, thì thường sơ sài về những việc lớn, rõ những sự việc ngay bên mình thường hồ đồ những chuyện ở xa. Xưa nay, những người mất nước thường là như thế !

Người rành những chuyện nhỏ, xét những vật gần (tường tiểu sự, sát cận vật) là người thích nghe âm nhạc, những ca khúc hay, xem thư pháp, nâng niu những đồ vật điêu khắc tinh xảo; xuất khẩu thì thành chương, giỏi biện luận, đối đáp như nước chảy; tiểu thuyết, thi từ cái gì cũng thông, cũng thạo. Hoặc, bắn tên, đánh xe, viết thư pháp, thuật số cái gì cũng biết.

Người nhìn xa, có đạo lớn (số viễn, đại đạo), là người nhân từ bao dung tất cả

mọi sinh linh, đủ ân huệ để vỗ về bách tính, sáng suốt chiếu rọi bốn phương, trí năng đủ nhìn xa vạn dặm; quyền lực theo thời cuộc mà biến hóa vô cùng, vô tận; chính sách tốt đẹp làm cho kinh tế phồn vinh; uy phong làm cho gian đảng từ bỏ ý đồ đen tối; vũ dũng đủ để bình định bạo loạn.

Biết phân biệt những điều phải trái do thần dân phản ánh, việc gì chưa rõ phải khảo sát tình tường. Biết rõ lẽ thịnh suy, hưng vong, anh nguy.

Đó là những tố chất không thể thiếu của bậc đế vương.

Lịch sử đã từng minh chứng : Lỗ Trang vương giỏi ca hát, nhảy múa mà người đời làm thơ chê cười. Lỗ Chiêu công thích ăn mặc đẹp, cuối cùng trở thành ông vua mất nước, phải sống lưu vong.

Cho nên, có người cho rằng, bậc quân chủ có sức nhìn mẫn nhuệ, có thể nhìn những vật li ti, tai có thắm âm tình tường như Sư Khoáng, có tài bắn bách phát bách trúng như Hậu Nghệ, viết thư pháp giỏi như Sử Trữ, cũng chỉ là một tài năng rất nhỏ, không phải tài năng lớn của người cai trị quốc gia.

13. Đại danh sĩ và người thất học :

Có người hỏi : Ban đầu Vương Bôn là cung kính, khiêm nhượng, được xem là một đại danh sĩ. Khi thoán đoạt nhà Hán, lên làm vua, Vương Bôn kiêu ngạo, xa xỉ hoang dâm, là tại sao ?

Ngu Thế Nam cho rằng : Vương Bôn tính tàn bạo, gian trá, hư nguy. Khi chưa

phát đạt thì tỏ ra cao khiết để mong người ta ca ngợi. Khi đã đắc chí, ở ngôi cao, sinh kiêu ngạo, xem ai chẳng ra gì, mục hạ vô nhân.

Vương Bôn khéo đeo mặt nạ, khi mặt nạ rơi xuống thì bản tính lộ ra. Khi đã lộ ra, chẳng ai khuyên nổi, không biết hối hận, làm cho thiên hạ gặp oan uổng trùng trùng, oán hận ngất trời. Cuối cùng Vương Bôn cũng bị Quang Vũ đế tiêu diệt.

Ban Cố cho rằng : Vương Bôn xuất thân từ hoàng thân, quốc thích, ban đầu thì khuất thân dưới những người quyền quý, luôn tỏ ra khiêm cung, liêm khiết để lấy lòng mọi người.

Dưới thời Hán Thành đế, Ai đế, Vương Bôn lúc nào cũng tỏ ra cẩn thận, khiêm cung, chính trực, trên cả nhân nghĩa và đạo đức, trong nước có danh, ở nhà có tiếng.

Nhân lúc nhà Hán suy vong, 3 lần ngai vàng gần như không chủ, Vương Bôn dựa vào thế lực của những người thân thuộc và Vương Thái hậu để bước lên đỉnh cao quyền lực, cuối cùng đoạt ngai vàng nhà Hán.

Vương Bôn tự xưng làm vua, nhưng lại không ở yên trên ngai vàng, tung hoành ngang ngược, tàn bạo như Hạ Kiệt, Thương Trụ nhưng lại tự cho mình là Hoàng Đế, Ngô Vũ tái sinh.

Y dựa vào uy thế và sự gian trá để hành xử, trên chẳng có trời, dưới chẳng có đất, giữa đời cũng chẳng có pháp luật, tàn hại sinh linh.

Nhân dân, không có một ngày vui, từ thành thị đến thôn cùng, xóm vắng, ai ai cũng oán hận, cốt nhục phân li, bạn bè li tán, quốc gia xiêu đổ tan hoang, thành ấp tan hoang, xóm làng hoang phế.

Vương Bôn, đúng là loại loạn thần, tặc tử, làm vua nhưng không xứng đáng là vua !

Tôn Quyền nói về Lữ Mông : Hồi trẻ tuổi, Lữ Mông không được học nhiều. Lúc lớn, Lữ Mông chăm học, trở thành một người có học thức, trí tuệ và mưu lược chỉ đứng sau Chu Du. Lữ Mông từng nói, muốn thành tựu sự nghiệp đế vương, trước hết phải san bằng trở ngại và Lữ Mông đã trừ khử Quan Vũ (một đại anh hùng thời đó) tại Mạch Thành.

Chúng ta, người học thức, hiểu nhiều biết rộng, nổi tiếng là danh sĩ như Vương Bôn, nhưng đạo đức, tư cách, chưa chắc bằng người ít học như Lữ Mông.

14. Trung hưng sự nghiệp tổ tông :

Có người cho rằng : Thiệu Khang, nhà Hạ; Lưu Tú, nhà Hán, hai người có công phục hưng sự nghiệp tổ tông, nhưng ai tài giỏi hơn ai ?

Ngu Thế Nam nói : Hai người đều phục hưng sự nghiệp của tiên vương, công tích trở nên to lớn, tươi sáng. Việc trung hưng giống nhau, nhưng công trạng không giống nhau.

Lưu Tú tiêu diệt tên Vương Bôn tàn ác, an định dân tâm, phục hưng sự nghiệp tổ

tông trong thời loạn, tương đối dễ.

Vương thất nhà Hạ đã bị diệt vong đã hai đời (Hậu Nghệ và Hậu Túc), lúc Thiếu Khang còn nằm trong bụng, mẹ đã phải trốn ra nước ngoài. Lớn lên, không có cha dìu dắt, chẳng có người phụ tá, ở đất khách quê người, chịu nhiều cay đắng, công việc phục hưng không dễ.

Khi lớn lên, phục hưng được sự nghiệp của cha ông, Thiếu Khang quả là người giỏi giang.

15. Trung hưng sự nghiệp và để lại sự nghiệp :

Tào Mao hỏi Tuân Khải :

- Vương triều nhà Hạ suy vong, Đế Tương (cha của Thiếu Khang) bị giết, Thiếu Khang chiêu tập các quý tộc trung hưng sự nghiệp của Đại Vũ. Hán Cao tổ, vốn xuất thân từ dân giả, diệt nhà Tần và Hạng Vũ. Thế thì công nghiệp ai lớn, ai nhỏ ?

Tuân Khải đáp :

- Sáng tạo và kế thừa, khó dễ khác nhau. Thiếu Khang tuy có công đức trung hưng nhưng công tích chỉ tương đương với Hán Quang Vũ Lưu Tú.

Công tích của Lưu Bang lớn hơn Thiếu Khang và Lưu Tú một bậc.

Tào Mao nói :

- Thiếu Khang bị nước mất nhà tan, làm thân lữ khách, có khi phải làm nô lệ. Tuy nhiên Thiếu Khang thường thi ân bố đức, thi hành mưu lược, cuối cùng tiêu diệt được thế lực của đối phương. Ông khôi phục lại sự nghiệp của Đại Vũ, tu sửa tông miếu của nhà Hạ, có nơi để tế lễ, các quý tộc nhà Hạ còn lưu lạc tha phương. Tuy chưa phải là người đại nhân, đại đức nhưng có công trung hưng nhà Hạ.

Còn Lưu Bang biết tận dụng sự đổ nát trong thiên hạ, thiết lập được chính quyền và tạo nên hình thế. Làm con phải biết dựa vào những người thân thích; làm vua biết dựa vào thừa tướng hiền minh; làm cha thì phải bảo vệ con cái.

Lưu Bang sau khi tạ thế, đã khiến cho xã tắc nghiêng ngả.

Xét như vậy, thì Lưu Bang không bằng Thiếu Khang.

16. Công - tội đế vương :

Thời Hậu Hán, do Hoàn đế và Linh đế làm cho suy vong, loạn lạc. Hoàn đế và Linh đế ai có tội nhiều hơn ?

Ngu Thế Nam nói : Hoàn đế là người khí khái, quả quyết, nhưng giần giữ bất thường, bị quốc cữu là Lương Dực nắm hết quyền hành, hoạn quan chuyên quyền, kết bè, kết phái, nền chính trị đen tối, động loạn khắp nơi, Hoàn đế phải

bó tay.

Người xưa có nói : Dân chúng không còn đường sinh sống, thiên hạ khóc than, cũng chính là thời cơ cho những bậc vua mới xây dựng công nghiệp.

Hán Linh đế nổi ngôi, đất nước suy vong, dân chúng mệt mỏi, do Hoàn đế để lại, chính là lúc rất dễ thiết lập nền chính trị tốt đẹp (thiện chính), nhưng ông ta đã không làm, dẫn đến cảnh nước mất nhà tan.

Xem thế, tội của Linh đế lớn hơn Hoàn đế.

Hoàn đế có lần hỏi Thị trung Ài Diên :

- So với các Hoàng đế nhà Hán thì ta như thế nào ?

Ài Diên thưa :

- So với các vị Hoàng đế nhà Hán, thì ngài chỉ là bậc trung.

Hoàn đế hỏi :

- Vì sao ?

Ái Diên thừa :

- Thượng thư Trần Phiên chủ trì chính vụ, thực hành nhân chính. Nhưng các hoạn quan lại phóng túng, phá hoại, nên việc khó thành. Cho nên nói, ngài chỉ là bậc trung trong hàng đế vương nhà Hán.

Ngu Thế Nam cho rằng : Ở đầu nguồn mới nhả ra, chỉ đóng được một chén, nước ở hạ du, phải dùng thuyền lớn mới vượt qua được.

Hán Nguyên để dùng bọn gian thần như Hoảng Cung, Thạch Hiễn, đến thời Hoàn đế, Linh đế thì bọn hoạn quan như Đồn Siêu, Trương Nhượng lớn mạnh đã nắm hết quyền hành, khiến giang sơn điên đảo.

Như người bệnh nhẹ, lâu dần trở thành nặng, thấm vào lục phủ ngũ tạng, khó lòng chạy chữa. Không dập một đốm lửa nhỏ, sẽ sinh đám cháy lớn.

Người xưa nói : Lạnh thì dễ chọn áo, đói thì dễ ăn. Triều Thác nói : Quốc gia nên động loạn, đôi khi chính là cơ hội của các bậc đế vương.

Không nắm bắt cơ hội, thì chưa phải là một vị vua có chí lớn.

17. Tranh giành thiên hạ :

Nhà Hán suy yếu, thiên hạ rối bời, Tào Tháo dựa vào Thiên tử, hiệu lệnh chư hầu. Lưu Bị chiếm đất Thục làm căn cứ địa. Tôn Quyền trấn thủ Giang Đông.

Mỗi người tìm cách xây dựng sự nghiệp đế vương, nhưng ai tài giỏi, hơn ai ?

Ngu Thế Nam bàn :

- Tào Tháo là người mưu lược, ít ai sánh được, thân làm thừa tướng nhưng bụng đầy mưu mẹo. Tuy vậy, Tào Tháo là người gian trá, phản phúc vô thường, đa nghi, làm những việc không nên làm. Chẳng hạn, sát Phục hoàng hậu, giết Khổng Dung, thăm sát Thôi Diễm, bắt Hoàn Thiệu quỳ gối không cho đứng lên.

Tào Tháo bất nhân, bất đức, chuyên dùng hình phạt, bạo ngược đến cùng cực. Tháo tự cho mình như Chu Văn vương, thực tế thì không phải như vậy. Đúng như Hứa Thiệu đã nói : Thời trị là năng thần, thời loạn là gian thần.

Lưu Bị lấy lễ mà đối đãi với Lưu Chương, không hề nghi ngờ Gia Cát Lượng, là một vị quân chủ nhân đức. Gia Cát Lượng là bậc kì tài trong thiên hạ có thể ví với Y Doãn, Khương Thái công. Vua tôi đồng tâm, như cá gặp nước.

Nước Thục nhỏ hẹp, binh lực lại yếu, vừa đối kháng với Ngụy, hòa và phòng bị nước Ngô, cho nên lực bất tòng tâm.

Nếu có được đất rộng, binh đông như Tào Tháo, thì Lưu Bị, Khổng Minh, Quan Vũ, Trương Phi có thể xây dựng sự nghiệp lớn lao hơn nữa.

Tôn Quyền lấy quan hệ anh em làm căn bản, bổ nhiệm và tin dùng văn võ bá quan, lấy sông Trường Giang sâu hiểm để bảo vệ đất nước. Tôn Quyền không bằng Lưu Bị và Tào Tháo.

Trần Thọ cho rằng, mưu trí, tài năng của Lưu Bị không bằng Tào Tháo nhưng công khai sơn, phá thạch, lớn hơn Tào Tháo ?

Nguyên Lưu Bị có Gia Cát Lượng, ông ta tinh thông lễ nghĩa có tài hô phong hoán vũ, cúc cung tận tụy, có tài phò tá đế vương. Lưu Bị là có Quan Vũ, Trương Phi là anh hùng hào kiệt, hết mực trung thành.

Lưu Bị là người có bản lĩnh, biết kết hợp tài tình giữa quang minh chính đại với âm mưu gian trá, trọng dụng những người có tài năng xuất chúng và còn dùng những người tầm thường.

Giá như Lưu Bị lấy được Trung Nguyên, thì sự nghiệp còn lớn lao hơn, mà Tào Tháo không thể sách được.

Tào Tháo hỏi sứ giả Đông Ngô là Triệu Tư :

- Ngô vương (Tôn Quyền) là người thế nào ?

Triệu Tư đáp :

- Ngô vương là người thông tuệ, nhìn xa và nhân từ, có trí năng, tướng mạo anh

hùng và mưu lược.

Tào Tháo nói :

- Người thử chứng minh ta xem ?

Triệu Tư nói :

- Lỗ Túc xuất thân từ nghèo khó nhưng được trọng dụng, thế là thông tuệ.

Lữ Mông vốn là một sĩ tốt, vẫn được cất nhắc, thế là nhìn xa.

Bắt được tướng Ngụy chỉ cầm tù chứ không giết, thế là nhân từ.

Lấy được Kinh Châu không tổn mũi tên, hòn đạn; thế là trí năng.

Chiếm cứ 3 châu, ngồi như hổ nhìn thiên hạ, thế là tướng mạo anh hùng.

Bỏ những khuyết điểm, cầu toàn, cung phụng bề hạ, chứng minh là anh hùng mưu lược.

Trước khi lâm chung Tôn Sách nói với em trai là Tôn Quyền:

- Thống lĩnh thiên binh, vạn mã, quyết chiến trên sa trường, em không bằng anh. Cử người hiền, tín nhiệm người tài năng, dùng được người kì tài, bảo vệ Giang Đông thì anh không bằng em.

Trần Thọ cho rằng : Tôn Quyền tự hạ mình, nhấn nhọc để dùng nhân tài, coi trọng mưu kế, cho nên thu dụng được anh hùng hào kiệt, trấn giữ Giang Đông, chia ba thiên hạ, xây dựng nghiệp bá.

18. Kì tài và kì tài :

Có người hỏi : Tư Mã Ý mưu kế sâu xa, Gia Cát Lượng là bậc kì tài trong thiên hạ, ai hơn ai ?

Ngu Thế Nam nói : Tư Mã Ý xuất thân là một thư sinh, tham dự và phò tá Tào Ngụy, có văn tài vũ lược, có tài vượt nguy hiểm. Nhưng Tư Mã Ý là kẻ thích âm mưu, không nói chuyện nhân nghĩa, có tật nghi ngờ và đố kỵ, mưu kế đa đoan.

Chẳng hạn, giả đau, giả điếc để cướp đoạt chính quyền, lừa Doãn Lí, ở Hà Nam, ra khỏi để trừ khử, lừa Tào Sảng và đưa Tào Sảng vào tròng, giam Tào Sảng vào ngục, giết, rồi đi tru di cả ba họ.

Tư Mã Ý không phải là chính nhân quân tử, không thể sánh với Khổng Minh.

Trương Vi, người Đông Ngô, so sánh Gia Cát Lượng và Tào Mã Ý như sau : Gia Cát Lượng và Tào Mã Ý đều ở giai đoạn nhà Hán suy vong, thiên hạ loạn lạc, mỗi người thờ một chủ, hùng cứ ở mỗi phương.

Gia Cát Lượng, ở Thục Hán, đất hẹp chỉ có một châu, quân chỉ có số vạn, lấy Kì Sơn làm nơi công thủ.

Đất đai của Tào Mã Ý đất đai rộng gấp mười lần Thục, thành lũy kiên cố, quân đông và tinh nhuệ.

Nếu Gia Cát Lượng có điều kiện như Tào Mã Ý thì công nghiệp của Gia Cát Lượng sẽ lớn lao hơn.

15. Sự hiền minh :

Có người hỏi, Tào Mã Sư và Tào Mã Chiêu là hai anh em, nhưng ai hiền minh hơn ai ?

Ngu Thế Nam nói : Ngụy đế Tào Duệ mất, con nuôi là Tào Phương lên ngôi, Tào Phương dùng Tào Sảng làm phụ chính. Tào Mã Ý giết Tào Sảng, nắm lấy đại quyền.

Tào Phương ở trên ngai vàng được 3 năm, thì Tào Mã Ý qua đời, Tào Mã Sư làm phụ chính. Tào Mã Sư phế truất Tào Phương lập Tào Ngang lên ngôi. Tào Mã Sư mất, em Tào Mã Sư là Tào Mã Chiêu làm phụ chính.

Tư Mã Chiêu giết Tào Ngang và lập Tào Ánh. Tào Ánh thoái vị và nhường ngôi cho nhà Tấn.

Tấn Vũ đế là Tư Mã Viêm lên ngôi, diệt Đông Ngô, thống nhất thiên hạ. Khi Tấn Huệ đế lên ngôi thì thiên hạ đại loạn, mở đầu cho giai đoạn gọi là Ngũ triều, là một thời đại biến loạn không ngừng.

Ngu Thế Nam còn nói : Khi Tư Mã Ý giết Tào Sảng, Tư Mã Sư trấn tĩnh xem như không có chuyện gì xảy ra; lúc Vô Khâu và Văn Khâm phản loạn, Tư Mã Sư đem quân đi bình định. Chứn tỏ, Tư Mã Sư là người có mưu lược sâu xa, vũ dũng hơn người nhưng vẫn suốt đời làm bề tôi; uy danh lớn hơn vua nhưng vẫn giữ được danh tiết.

Tư Mã Chiêu nắm trọn quyền bính, Nam bình định Hoài Hải, Tây bình Thục Hán, công trạng rất lớn.

Khi Tào Mao tức vị, Tư Mã Chiêu lại không dùng sự thông minh tài trí để phò tá nhà vua như Y Doãn, Chu Công mà lại áp bức, truy sát nhà vua để cướp ngôi, để lại tiếng xấu trong sử sách.

Cho nên, Tư Mã Sư hiền minh hơn Tư Mã Chiêu.

19. Vua hiền minh hay không hiền minh ?

Thời Đông Tấn, từ Nguyên đế trở về sau, ông vua nào là hiền minh nhất ?

Ngu Thế Nam nói : Sau khi dời đô đến Kiến Khang, nhà Đông Tấn, thì đại thần chuyên quyền, nhà vua chỉ làm bù nhìn, không thể ban bố được mệnh lệnh.

Trong lúc ấy, Vương Đôn chiêu tập những người trong tông tộc, phát triển quân sự, trấn giữ Trường Giang, mưu đồ lật đổ ngai vàng.

Nếu như, Tấn Minh đế không sáng suốt quyết đoán, không có thừa tướng Vương Dị trung thành, thì chắc là không giữ gìn được giang sơn, đất nước.

Tấn Minh đế ngôi mới ba năm, thời gian tuy không dài, nhưng ông biết chọn và dùng những người hiền năng, vừa dựa vào Lạc Dương để di dân, vừa lợi dụng thời cơ là những đầu lĩnh người Hồ như Lưu Thông, Thạch Cần suy yếu đem quân Bắc phạt, lấy lại Trung Nguyên.

Có thể nói, kể từ Nguyên Đế trở về sau Tấn Minh đế là ông vua hiền minh của nhà Tấn.

20. Thông minh và khôn vặt :

Có người hỏi, Sở vương Hoàn Huyền vốn là bậc kì tài, mưu kế sâu xa nhưng tại sao lại bị diệt vong ?

Ngu Thế Nam nói : Lòng dạ của bậc quân chủ phải như cái hang sâu thẳm, có thể dung nạp không khí, phải rộng rãi như đất trời mới thu phục được lòng tin của mọi người.

Hoàn Huyền chỉ là một người khôn vặt (tiểu thông minh), nông cạn, không có lòng khoan dung rộng rãi và sự khiêm tốn.

Thời Đông Tấn, thiên hạ loạn lạc, vì người ta không thần phục uy quyền của hoàng thất, còn Hoàn Huyền và Trương Nha Vũ tự ý hoàn hành.

Cho nên, Lưu Tục có cơ hội chiêu mộ quần hùng quật khởi và tiêu diệt Hoàn Huyền.

21. Thời gian và công nghiệp :

Ngu Thế Nam nói : “ Tào Tháo là con cháu của Tào Thắc, gia thế vào hàng hiển quý, 30 năm làm quan nhà Hán.

Đến lúc董卓 làm loạn, Tào Tháo ở Sơn Đông kêu gọi anh hùng, hào kiệt, đứng lên đánh đuổi, tiêu diệt董卓. Tào Tháo là người có công với nhà Hán.

Tư Mã Ý quyền nghiêng cả triều đình, tung hoành tiêu diệt phản loạn, địa vị thế lực khó ai sánh kịp. Nhưng hai người ở yên địa vị không dòm ngó ngai vàng.

Lưu Tục vốn là một người tầm thường, cầm kiếm đứng lên mở nghiệp, chưa đầy một tháng đã chiếm được nửa châu, đem quân thôn tính những thế lực đối địch, đánh đâu thắng đấy.

Phong độ của Lưu Tục khoáng đạt hơn Lưu Bang, mưu lược có thể sánh với Quang Vũ đế Lưu Tục. Lập nên công nghiệp trong thời gian rất ngắn.

Nên nói, Lưu Tục, hơn hẳn Tào Tháo và Tư Mã Ý ”.

Bùi Tử Dã cho rằng, kì tích của Tống Vũ đế Lưu Tục hơn Tào Tháo và Tư Mã Ý rất nhiều.

Lưu Tục là một người bình thường nhưng từng bước đánh bại nhiều đối thủ và đối thủ mạnh nhất là Hoàn Huyền, bình định Ba Thục, uy chấn Khương Hồ, thu lấy Trung Nguyên.

Sau khi lập được đại công mới lên ngôi, lấy nhân nghĩa để thu phục thiên hạ.

22. Vua và đạo tặc :

Tống Hiếu Vũ đế và Minh đế, là những người như thế nào ?

Tống Hiếu Vũ đế tên là Lưu Tuấn, con thứ ba có Tống Văn đế, là thứ sử Giang Châu. Văn đế bị em là Lưu Chiêu sát hại, Lưu Tuấn khởi nghĩa ở Giang Châu, chinh phạt và diệt Lưu Chiêu.

Tống Minh đế tên là Úc, con thứ 18 của Tống Văn đế, lên ngôi hiệu là Hiếu Vũ đế, 28 người con bị giết. Minh đế chết, con là Lưu Tục kế vị, Lưu Tục hoang dân vô độ, bị Tiêu Đạo Thành giết chết.

Ngô Thế Nam cho rằng : “ Tống Hiếu Vũ đế và Minh đế sự tàn nhẫn khác nhau nhưng bản tính thì giống nhau ở chỗ : Diệt hiền lương, huynh đệ tương tàn. Trong triều chẳng có một người nào tài giỏi như Trần Bình, Chu Bột để chọn làm tể tướng.

Ở bên ngoài cũng chẳng ai biết sỉ nhục đế làm ngoại giao, biết cách đối đáp, ứng xử. Quyền lực của hoàng đế toàn trao cho những kẻ tầm thường ngu dốt ”.

Trang tử quan niệm : “ Vơ vét của cải bỏ vào trong ruộng, trong hòm, buộc lại, khóa lại, là cách làm của phường đạo tặc ”.

Có người nói, làm vua không lo cho dân, còn tìm cách vơ vét của dân, thì chẳng khác nào là phường đạo tặc. Quan niệm của Trang tử và câu nói này giành cho Tống Hiếu Vũ đế và Minh đế.

23. Cách làm cho đất nước thái bình thịnh trị :

Có người cho rằng, Tề Cao đế Tiêu Đạo Thành, thời Nam Triều, trong những năm Vĩnh Minh, có phải là thời thái bình thịnh trị hay không ?

Ngô Thế Nam nói : Tề Cao đế Tiêu Đạo Thành sau khi sáng lập sự nghiệp, ông khuyến khích việc cày cấy canh nông, bản thân ông cũng rất giản dị và tiết kiệm.

Ngược lại, Tề Vũ đế Tiêu Di muốn làm cho cung điện nguy nga tráng lệ, chạm khắc cầu kì.

Tuy nhiên, về chính sự, khởi thảo pháp lệnh Tề Vũ để Tiêu Di ủy thác cho Thiếu phó Vương Kiệm, nên lễ giáo, văn hóa rất hưng thịnh.

Người ta khen Tề Cao để chăm lo việc nước.

Nhưng khen Tề Vũ để biết chọn tể tướng, khiến đất nước thái bình thịnh trị.

Sau đây là một số ví dụ :

Ví dụ 1:

Khổng tử cho rằng Vệ Linh công là người vô đạo. Khang tử hỏi lại rằng :

- Nhưng tại sao ông ta không mất nước ?

Khổng tử nói :

- Trọng Thúc quản lí về ngoại giao, Chúc Đà quản lí việc tế lễ tông miếu, Vương Tôn Giả thống lĩnh quân đội. Những việc trọng yếu của quốc gia do những hiền tài quản lí, mất nước làm sao được !

Ví dụ 2:

Điền Đan, tướng nước Tề, đi ngang sông Nãi thủy, thấy một ông lão bị rét cóng, Điền Đan liền cởi áo mặc cho ông già.

Tề Nhượng vương nghe được, không bằng lòng, nói :

- Điền Đan cố ý thi ơn bố đức, lấy lòng dân, là hã có ý đồ, trước sau hã cũng cướp giang sơn của ta. Phải ra tay trừ khử hã, không thể dung dưỡng hã.

Có một người thợ làm chuỗi ngọc biết được, tâu với Tề Nhượng vương rằng :

- Đại vương không nên ghét và giết Điền Đan mà phải tỏ ra nhân từ với hã. Đại vương cho người nói rằng : Ta thương dân đói, Điền Đan đem cơm gạo đến cho dân. Ta thương dân rét, Điền Đan, cởi áo cho dân. Không ai hiểu thấu lòng ta bằng Điền Đan. Sở dĩ, Điền Đan có những nghĩa cử như vậy, đều do ta giáo dục.

Có như vậy, không những nhân dân kính phục đại vương, thương mến Điền Đan mà đại vương còn sai khiến và lợi dụng được Điền Đan.

Tề Nhượng vương nghe theo người thợ làm chuỗi ngọc.

Ví dụ 3:

Hán Cao tổ bệnh nặng, Lữ Hậu ở bên cạnh, hỏi xem nên cử ai làm thừa tướng.
Hán Cao tổ đáp :

- Tào Tham.

Lữ hậu lại hỏi :

- Sau Tào Tham là ai ?

Hán Cao tổ nói :

- Vương Lăng. Nhưng Vương Lăng quá chất phác, thật thà, nên phải có Trần Bình có lắm mưu nhiều kế giúp đỡ. Tuy Trần Bình nhiều mưu mẹo nhưng cũng không thể làm một mình được vì thiếu chất phác, thật thà.

Chu Bột là người khoan hậu, có trách nhiệm, nhưng học vấn tu dưỡng văn hóa chưa đầy đủ. Tuy vậy, Chu Bột có thể bảo vệ được họ Lưu và an định thiên hạ, nên phong Chu Bột làm Thái úy, nắm giữ binh quyền.

Ví dụ 4:

Tổng Cao Tông Lưu Tục, Nam Tống, bị bệnh nặng, dặn thái tử rằng :

- Đàn Đạo Tú tuy có tài nhưng chí hướng không cao xa. Từ Tiến, Phó Lượng không có mưu đồ nhưng bất chấp mọi sự. Tạ Hối, theo ta Nam chinh, Bắc chiến, ừng biết rất giỏi cho làm tướng nhưng không nên để ở kinh thành.

24. Giáo dục và đế vương :

Có người hỏi, hai triều Tống và Tề, có 5 ông vua bị phế truất, bị giết, nước mất nhà tan là do đâu ?

Ngũ Thế Nam nói : Người trí và người ngu khác nhau là do bẩm thụ khí chất khác nhau, do giáo dưỡng, giáo dục và tu dưỡng khác nhau.

Kẻ tôn quý người bần tiện, phần nhiều cũng do phương pháp giáo dục của người thầy tốt hay không tốt.

Thầy dạy các thái tử ở hai triều Tống và Tề, đa số là những người tạp nham, vàng thau lẫn lộn, không có ông thầy nào đức độ, tài giỏi như Chu Công, Chiêu Công.

Vì vậy, năm ông vua bị phế truất đều là những người dung tục, tầm thường, không có tài cán gì, thì chẳng có gì lấy làm lạ !

Ví dụ 1:

Giả Nghị nói : Chu Thành vương lúc làm thái tử có 3 vị thầy, Chu Công làm

Thái bảo, Chu công làm Thái phó, Thái công làm Thái sư.

Bảo có nghĩa là bảo dưỡng thân thể thái tử. Phó là dùng đạo đức nhân nghĩa để chỉ dạy thái tử. Sư là dùng tri thức, lễ giáo để giáo dục thái tử; gọi là tam công.

Ngoài ra, còn có Thiếu phó, Thiếu bảo và Thiếu sư, gọi là tam thiếu, là những người tả hữu, sinh hoạt cùng thái tử.

Tam công và tam thiếu dùng hiếu, nhân, lễ, nghĩa để giáo dục thái tử, dẫn dắt thái tử tránh xa những điều tà ác, những kẻ gian ác, những hành vi độc ác.

Những người được chọn làm chức Tam công, tam thiếu là những người đoan trang, chính trực trong thiên hạ, từ đi đứng, cử chỉ, ăn nói, để thái tử noi theo, học theo.

Ví dụ 2:

Tần Thủy Hoàng phong Triệu Cao làm thầy thái tử Hồ Hợi. Đúng là thầy nào trò ấy.

Thầy, lúc nằm quyền bệ cong chân lí, chỉ hươu nói ngựa, kết bè kết cánh, giết người không gớm tay. Học trò lên ngôi tha hồ hưởng thụ và tàn ác. Đó cũng là một trong những nguyên nhân sụp đổ của nhà Tần.

Ví dụ 3:

Thái tử Tư Mã Quyết phạm tội, Diêm Soạn dâng sớ tâu lên Tấn Huệ đế :

Thần biết rằng, tiên đế đã tạo điều kiện cho thái tử Quyết ở lâu trong cung cấm, vinh hiển, phú quý, cuộc sống sung sướng và được mẹ yêu chiều.

Việc chọn thầy, đều là những thầy giáo xuất thân từ danh gia vọng tộc, ít chọn những Nho sĩ ưu tú xuất thân từ nghèo khổ.

Bên thái tử không có những thầy giỏi, có tên tuổi như Vệ Quán, Chu Nhân, Cấp Âm.

Chỉ có Trịnh Trang tuy cương trực nhưng không phải là phụ thần giỏi, không thể dạy được hiểu trung cho thái tử.

Lễ chế ngày xưa quy định, thái tử phải đối xử bình đẳng với kẻ sĩ ở mọi tầng lớp khác nhau. Phải tận mắt thấy những người nghèo hèn và những người cao quý. Đông cung thái tử cũng là một trong những nguyên khí quốc gia, phải làm gương cho những văn nhân, mặc khách, thân hào nhân sĩ.

Nay, thái tử Quyết buông những lời phản nghịch, là do không tuân thủ quy định, không chịu sửa đổi, nên phải bị trừng phạt. Nếu suy nghĩ sâu xa là do việc tuyển lựa thầy giáo.

Vì vậy, cần phải tuyển thêm những người gọi là du nghệ (làm trò giải trí, mua vui) để làm thầy làm bạn với thái tử; tuyển những người xuất thân từ nghèo khó

nhưng có phẩm hạnh cao, thanh liêm chính trực, có học vấn cao để dạy dỗ thái tử. Cho thái tử gần gũi với những trung thần của triều đình, trò chuyện với những người hiếu thuận với cha mẹ, khuyên thái tử tránh xa những người cao sang quyền quý nhưng hay buông lời khinh bạc. Đó là kế sách vẹn toàn cho thái tử.

25. Văn võ toàn tài và ngôi vua :

Lương Nguyên đế là con thứ bảy của Lương Vũ đế, tên là Giáng, làm Thứ sử Kinh Châu, nổi tiếng là thông minh. Bình định được tướng quân Hầu Cảnh phản loạn. Nhưng Lương Nguyên đế lại chết về tay Minh đế.

Có người hỏi, tại sao thông minh vũ dũng như Nguyên đế mà còn bị giết ?

Ngu Thế Nam giải thích : Tư chất Lương Nguyên đế rất thông minh, vũ dũng, nói chung tài kiêm văn võ. Ông lợi dụng hình thế thuận lợi để thảo phạt nghịch tặc.

Lúc thành công và kế vị còn lưu luyến cố đô là Kiến Khang, không biết xử với anh em thân thuộc, đưa họ đi thật xa, biến anh em thành thù địch và trở thành người cô độc.

Không những vậy, còn nghe lời dụ dỗ, đường mật của đối thủ mạnh là Tây Ngụy.

Kết quả, tuy văn võ toàn tài, bị cường địch thôn tính, thân bị giết và mất nước.

Sách Hoài Nam tử viết : “ Nhân và trí là biểu hiện sự cao đẹp của tài năng.

Nhân là yêu người, trí là hiểu người; nhân còn có nghĩa là không dùng hình pháp một cách bạo ngược; trí còn có nghĩa là không để quốc gia rơi vào cảnh hỗn loạn. Đó là nguyên nhân làm cho thời Hạ, Thương, Chu cường thịnh.

Trí Bá có trí hơn người nhưng vẫn phải chạy trốn sợ người ta giết chết, lí do là không yêu người, thiếu lòng nhân.

Tề Vương Khang, lanh lợi hơn người, nhưng vẫn bị người Tần bắt làm tù binh. Nguyên nhân là không biết chọn người hiền, không biết tín nhiệm những người có tài năng.

Cho nên, tối cao của lòng nhân là yêu người, tối cao của trí là biết người ”.

26. Sự dũng cảm và ngai vàng :

Có người hỏi : Vũ đế, thời Bắc Chu, là người có hùng tài và võ lược, luôn tiến trước quân sĩ nhưng tuổi thọ ngắn. Liệu ông ta sống lâu hơn, thống lĩnh quân đội, thì có thể bình định, thống nhất thiên hạ hay không ?

Ngu Thế Nam nói : Chu Vũ đế kiêu dũng vô địch, quả đoán cương cường, mưu lược hơn người. Ông cổ vũ sĩ khí, hiệu lệnh nghiêm minh, điều động quân đội không hơn không kém Việt vương Câu Tiễn hoặc đại tướng Nhương Thư của nước Tề. Nhưng đó chỉ là một mãnh tướng, không phải là một hoàng đế độ

lượng.

Bậc quân chủ trong thời loạn, việc đầu tiên và căn bản là phải tuyển tướng tài, chứ không phải một thân một mình mà đánh thắng cả thiên hạ.

Lưu Hưởng cho rằng : Biết người là đạo của bậc quân chủ, biết việc là đạo của bề tôi. Nhiều tài nhiều nghệ, anh dũng thiện chiến, chưa chắc đã phải là một vua giỏi.

Cho nên, Vũ đế Bắc Chu vũ dũng, cho ông sống lâu hơn, chưa chắc ông đã trở thành ông vua giỏi.

28. Rượu gái và ngai vàng :

Có người hỏi, Văn Tuyên đế đắm chìm trong rượu, gái, dâm loạn, hành vi cuồng phóng như vua Kiệt, vua Trụ nhưng tại sao ông ta không bị mất nước ?

Ngu Thế Nam cho rằng : Tề Hoàn công hoang dâm, xa xỉ, lười biếng, mỗi lần nghe nói đến chuyện nhân nghĩa thì ngáp dài ngủ gà ngủ gật. Nhưng việc nội chính, Tề Hoàn Công giao toàn quyền cho Quản Trọng, kết quả là lên ngôi bá chủ.

Tề Tuyên đế bạo ngược, bủn xỉn nhưng lại xa hoa, xưa nay ít có. Nhưng mọi việc triều chính đều giao cho tể tướng và người phò tá cai quản, nên đất nước yên ổn.

Ưu điểm của Tề Hoàn công và Tề Tuyên đế là biết dùng người.

25. Chí lớn và sự nghiệp :

Trần Vũ đế, Nam triều, xuất thân từ bình dân, khai sáng sự nghiệp đế vương, có xứng đáng hay không ?

Ngu Thế Nam nói : Trần Vũ đế là bậc kì tài, có tầm nhìn xa trông rộng, có chí lớn phục quốc, nên như rồng bơi trong biển lớn, như báo nhảy lên đỉnh núi cao. Ông quét sạch bè đảng hoạn quan, phía Tây chống với Bắc Chu, phía Bắc đánh bại thế lực Bắc Tề. Trần Vũ đế có chí lớn, có mưu lược, chính lệnh đưa ra không hề sơ suất và làm nên sự nghiệp. Tuy không bằng Tống Vũ đế Lưu Tục nhưng ông trội hơn Tề Cao đế Tiêu Đạo Thành.

29. Thừa kế và sự nghiệp :

Tùy Văn đế xuất thân từ áo vải, làm nên sự nghiệp, Tây bình định đất Thục, Nam bình định Giang Đông, so với Tư Mã Viêm, ai tài giỏi hơn ?

Ngu Thế Nam nói : Tùy Văn đế dựa vào thế lực của họ hàng bên ngoại, nhân nhà Bắc Chu suy yếu, ông nắm lấy quyền lớn, làm chức tể phụ, sau lên ngôi hoàng đế. Ông lưu tâm đến chính trị, chú ý ban ân trạch cho dân, vỗ về giới quyền quý, làm cho triều đình an ổn và các địa phương ổn định. Tùy Văn đế bình định vùng Giang, Hoài, thống nhất chế độ, thiên hạ thái bình.

Sau khi đã tiêu diệt được triều Trần, Tùy Văn đế trở nên xa xỉ vô độ, tuy uy danh

lan khắp bốn phương nhưng ông không quan tâm những vấn đề phức tạp của chính trị.

Châu ngọc, đá quý chất đầy cung thất, cung tần mỹ nữ đầy cả hậu cung, Tùy Văn đế còn cho xây dựng cung Nhân thọ, làm cho kho nhà nước tiêu hao. Tài vật trong dân chúng khô kiệt, các người bậc trung bị phá sản.

Không những vậy, Tùy Văn đế càng ngày càng nghi ngờ đủ thứ, giết hại con của các phi tần, giết luôn cả mẹ của thừa tướng.

Kỉ cương triều chính rối loạn, lễ giáo suy vi, hoàng hậu tham dự triều chính, giết thái tử, lập thái tử mới. Triều thần, tướng giỏi kẻ bị đuổi, người bị giết. Càng cuối đời, Tùy Văn đế càng ngày càng sai lầm.

Nhà Tùy chỉ tồn tại hai đời, không phải là trời định, mà một phần do sự phế lập thái tử.

Tùy Văn đế không thể so sánh với Tư Mã Viêm.

Ví dụ 1:

Hán Cao tổ muốn phế thái tử, lập Triệu vương Như Ý lên làm thái tử. Thúc Tôn Thông can rằng :

- Ngày trước, Tấn Hiến công muốn phế thái tử Thân Sinh, lập con của Li Cơ là

Tử Hề lên làm thái tử, khiến cho nước Tấn rối loạn hơn 10 năm, làm trò cười cho thiên hạ.

Tần Thủy Hoàng trừ trừ không lập Phù Tô lên làm thái tử, nên khi Tần Thủy Hoàng mất, Triệu Cao lợi dụng giả chiếu chỉ lập Hồ Hợi lên làm vua, là một trong những nguyên nhân dẫn đến diệt vong.

Nay, bệ hạ bỏ con vợ chính, lập con vợ thứ lên làm thái tử, tôi nguyện chết trước mặt bệ hạ.

Hán Cao tổ nói :

-Khanh đừng làm vậy ! Ta chỉ nói chơi thôi mà.

Ví dụ 2:

Viên Thiệu muốn bỏ con trưởng là Viên Đàm, lập Viên Thượng lên làm thế tử. Lúc họp quần thần, Thư Thụ can rằng :

- Người ta nói rằng, một con thỏ hoang chạy ngoài ruộng, cả trăm người đuổi bắt vì con thỏ chưa thuộc về người nào.

Từ xưa đến nay, việc lập con kế nghiệp thường căn cứ vào tuổi tác và phẩm đức, phẩm đức và con trưởng. Việc này ảnh hưởng sự thành bại đến mai sau, cần phải cân nhắc kỹ lưỡng. Nếu cứ cố chấp thì tai họa sẽ nhen nhóm và bùng lên.

Viên Thiệu không nghe. Sau khi, Viên Thiệu đại bại dưới tay Tào Tháo. Viên Thượng, Viên Thượng, quay dáo đánh nhau, lại làm mồi ngon cho Tào Tháo.

Cho nên, bỏ con vợ lớn, lập con vợ bé làm thái tử khiến cho thiên hạ nghi ngờ, đã nghi ngờ dễ sinh loạn lạc. Cộng thêm, thế lực con đích, con thứ tương tranh, thì thiên hạ đại loạn.

Lúc cha còn sống thì loạn manh nha. Cha chết, loạn phát sinh và bùng nổ.

30. Nguồn gốc và quốc hiệu :

Lí Khang hỏi Khổng tử về đức của Ngũ đế. Khổng tử nói rằng :

- Trời có ngũ hành là mộc, hỏa, kim, thủy, thổ. Ngũ hành theo thời lệnh mà thay thế, biến hóa, nuôi dưỡng và sinh thành vạn vật. Ngũ hành có những tính chất luân lưu, có trước có sau, tương sinh và tương khắc.

Những bậc đế vương thời cổ, khi thay đổi triều đại, thường căn cứ vào ngũ hành để thay đổi quốc hiệu. Ngay cả việc sinh, tử của nhà vua cũng căn cứ vào sự phối hợp của ngũ hành.

Về Ngũ đế, Thái Hạo phối hợp với mộc, Viêm Đế phối hợp với hỏa, Thiệu Hạo phối hợp kim, Chuyên Húc phối hợp với thủy, Hoàng Đế phối hợp với thổ.

Về niên hiệu của đế vương, thì lấy đức tính và sự phái sinh đức tính của ngũ hành làm căn bản, từ đó xác định màu sắc và tỏ sự tôn trọng.

Chẳng hạn, nhà Hạ thuộc kim, lấy đức tính của kim làm căn bản, kim sinh thủy (phái sinh), thủy thuộc màu đen, cho nên rất coi trọng màu đen.

Nhà Ân thuộc thủy, lấy đức tính của thủy làm căn bản, thủy sinh mộc (phái sinh), coi trọng màu trắng (mộc là màu xanh nhưng người ta lấy theo phái sinh : mộc sinh thổ, thổ sinh kim, kim là màu trắng).

Nhà Chu thuộc mộc, lấy đức tính của mộc làm căn bản, mộc sinh hỏa, hỏa màu đỏ, nên coi trọng màu đỏ.

Vì vậy, màu sắc áo quần của người thuộc ba thời đại Hạ (đen), Thương (trắng), Chu (đỏ) khác nhau.

Đến đầu nhà Hán, Giả Nghi căn cứ vào sự tương khắc của ngũ hành và cho rằng, nhà Hán ứng với đức tính của thổ, tức là tương khắc với nhà Tần, thuộc thủy (thổ khắc thủy).

Lưu Hưởng cho rằng, mộc đại biểu cho phương Đông, sản sinh từ phương Đông, nên họ Bào Hy thuộc mộc và đức của mộc.

Từ đó, căn cứ vào sự tương khắc là mộc khắc thổ, thổ khắc thủy, thủy khắc hỏa, hỏa khắc kim, kim khắc mộc.

Đến đời nhà Hán thuộc hỏa, hỏa đức; vì Hán Cao tổ khởi nghiệp, ban đêm nghe thần Mẹ khóc, báo hiệu Bạch đế chết và Xích đế lên thay, tức là Lưu Bang thuận theo mệnh trời để nắm chính quyền.

Tính từ thời thượng cổ, theo sự khắc chế của ngũ hành, nhà Tần đang ở trong giai đoạn thủy sinh mộc, thủy lại khắc hỏa, nên vận mệnh nhà Tần không tồn tại lâu dài.

Bàn về sự bắt nguồn, hưng khởi của các đế vương, người ta thường căn cứ vào ngũ đức của Ngũ đế. Chẳng hạn, Hán là hậu duệ của Nghiêu, Nghiêu thuộc hỏa đức.

Sĩ Bao luận và nói với Viên Thiệu : Đỏ là màu của hỏa, đức của hỏa đã suy, đã tận. Viên Thiệu là hậu duệ của vua Vũ, Vũ thuộc thổ, thổ đức, vậy vua Vũ sẽ bảo hộ ông.

Nói chung, các vua chúa thường truy tìm nguồn gốc của mình từ thời Ngũ đế để chứng minh mình là người có chân mạng đế vương.

10. ĐẠO LÀM TÔI

Thiên này bàn về đạo làm tôi, căn cứ vào kinh nghiệm lịch sử và phân loại bề tôi thành hai loại là bề tôi tốt (lương thần) và bề tôi gian ác (ác thần).

Sáu loại bề tôi tốt, chân chính là thánh thần, đại thần, trung thần, trinh thần và trực thần. Là sáu loại bề tôi chân chính (lục chính).

Sáu loại bề tôi gian tà là cụ thần, du thần, gian thần, sàm thần, tặc thần và loại thần vong quốc. Là sáu loại bề tôi gian tà (lục tà).

Nhà vua biết dùng lục chính, đất nước hưng thịnh, yên ổn trên ngai vàng.

Dùng nhầm lục tà, đất nước suy vong, thân bại danh liệt.

1. Thánh thần, đại thần, trung thần, trinh thần và trực thần :

Thánh thần : Là người có cái nhìn sáng suốt hơn mọi người, phát hiện sự việc, sự vật vừa manh nha, xem xét sự mất còn, chuẩn bị đối sách để đề phòng tai họa, giúp nhà vua tránh họa, tìm phúc, ở yên ổn trên ngai vàng, là thánh thần.

Đại thần : Khiêm tốn, cẩn thận, khuyến khích nhà vua tuân theo lễ nghĩa, tuyên dương những đức tính tốt đẹp của nhà vua, đề xuất với nhà vua những ý kiến, kiến nghị ích quốc lợi dân; cùng với nhà vua hoạch định những kế hoạch lớn lao, lâu dài, không để cho nhà vua lâm vào cảnh thất bại, là trung thần, là đại thần.

Trung thần : Thức khuya dậy sớm, vì công việc quên ăn quên ngủ; tiến cử người hiền tài; thường xuyên tổng kết và nhắc quân chủ những phương pháp trị dân, trị nước, nhắc lại những kinh nghiệm thành bại trong lịch sử; khích lệ quân chủ chăm lo việc nước, là trung thần.

Ví dụ :

Có người hỏi Viên An :

- Thiếu phủ Dương Phụ có phải là trung thần hay không ?

Viên An đáp :

- Dương Phụ chỉ được xem là chân sĩ, chưa phải là trung thần.

- Vì sao ?

- Khi phát hiện hành vi của nhà vua vượt ra ngoài quy củ, thì nhanh chóng nói cho nhà vua biết là đã sai lầm. Nếu để những sai lầm của nhà vua ảnh hưởng đến thiên hạ thì không phải là trung thần.

Tư không Trần Quần, biết sai lầm của nhà vua, tâu trình không được, ông đã làm mười bản tấu chương chỉ sự sai lầm của nhà vua, có những vấn đề mà người khác không biết, không hiểu. Tư không Trần Quần được xem là trung thần.

Trí thần : Quan sát, suy xét việc thành bại, những việc nào sắp sinh tai họa thì lập tức bổ cứu, thấu đáo, không hề sơ suất, diệt ngay mầm họa, chuyển họa thành phúc, chuyển nguy thành an, làm cho nhà vua bớt đi những lo lắng, là trí thần.

Trình thần : Hết lòng vì việc công, tuân thủ luật pháp; làm tròn chức vụ; liêm khiết, chính trực; tiết kiệm trong việc ăn mặc, là trình thần.

Trực thần : Gặp vua bất tài hôn ám, quốc gia loạn lạc, sống giữa cảnh vàng thau lẫn lộn, nhưng bản thân giữ được sự trong sạch, không a dua, không xu thời nịnh thế, dũng cảm dám phạm đến nhà vua để chỉ ra những sai lầm của nhà vua; gọi là trực thần.

Sáu loại bề tôi trên, đại biểu cho lương thần, còn gọi là lục chính.

2. Cự thần, du thần, gian thần, sàm thần, tặc thần và loại thần vong quốc :

Cự thần : Chỉ chăm chăm lo địa vị bổng lộc, không chí thú với công việc, giuông gió bẻ măng, ngo quanh ngo quắt đứng núi này trông núi nọ, gọi là cự thần.

Du thần : Không phân biệt phải trái, quanh co hay thẳng thắn, vua nói cái gì cũng khen hay, khen phải; đón ý của vua để làm cốt lấy lòng nhà vua, không kể hậu hoạn; gọi là du thần (du : nịnh hót).

Gian thần : Bên ngoài tỏ vẻ khiêm tốn, cẩn thận, khéo ăn khéo nói, nhưng lòng dạ sâu hiểm, gian trá, đố kỵ những người hiền năng; chuyên nói khuyết điểm của những người không cùng phe đảng, nói tốt cho những người cùng phe cánh, làm cho sự thưởng phạt của nhà vua trở nên sai lệch, chính lệnh không được thi hành; gọi là gian thần.

Sàm thần : Dùng lời lẽ, văn chương để che dấu tâm địa, nói năng khoa trương; làm loạn triều chính; chuyên làm cho những người ruột thịt chia lìa; gọi là sàm thần.

Tặc thần : Tự cho mình là vinh hiển, phú quý; cậy quyền cậy thế, bài xích người khác; kết bè kết đảng; vơ vét của cải; âm mưu cải mệnh quân chủ; gọi là tặc thần (tặc : giặc)

Loại thần vong quốc : Dùng lời ngon ngọt, khoa trương để mê hoặc quân chủ; che mắt quân chủ; đưa quân chủ đến những việc làm bất nghĩa; lập bè kết đảng; đổi trắng thay đen, điên đảo phải trái; âm thầm bêu xấu những điều ác của quân chủ, làm cho người trong nước, ngoài nước đều biết; gọi là loại thần mất nước (vong quốc chi thần).

Sáu loại bề tôi vừa nêu, đại biểu ác thần, còn gọi là lục tà cho sự thưởng phạt của nhà vua trở nên sai lệch, chính lệnh không được thi hành; gọi là gian thần.

Sáu loại bề tôi vừa nêu, đại biểu ác thần, còn gọi là lục tà.

Sách Hoàn phạm nêu chín loại ác thần như sau :

Một, việc nhỏ tỏ ra trung thành nhưng gặp việc lớn thì bất trung bất kính, dùng sự trung thành nhỏ để che dấu sự bất trung. Bình thường thì giữ chữ tín, khi gặp chuyện lớn thì quên tín; dùng tín nhỏ nòi để che đậy sự bất tín.

Hai, bên ngoài tỏ vẻ nghiêm khắc, can đảm, nói toàn chuyện nhân nghĩa nhưng

khi gặp chuyện lớn, thì sợ hãi, khiếp nhược, bỏ cả nhân nghĩa; dùng can đảm để che đậy khiếp nhược, đội lốt nhân nghĩa để làm chuyện bất nhân, bất nghĩa.

Ba, đả kích, hãm hại đồng僚 nhằm đạt đến mục đích chuyên quyền, độc đoán; đội trên đạp dưới; là người đổ kị.

Bốn, lợi dụng việc chinh lý tà thuyết để xáo trộn phải trái; dùng ngôn ngữ và hành vi, mục đích làm tổn thương đến những người hiền năng; là người sàm ngôn.

Năm, lập bè kết đảng, dùng trọng hình để ra uy; đả kích người khác để củng cố thế lực; là kẻ gian tà.

Sáu, quanh co khuất lấp; giả bộ cung kính với bề trên, chà đạp hãm hại kẻ dưới; giả làm chuyện công để làm chuyện tư, mưu lợi cho mình; là người trí trá.

Bảy, tìm cách kết thân với trọng thần để dựa hơi hùm rung nhất khí, lấy lòng đồng僚 để cầu cơ hội thăng quan tiến chức; là người giả dối.

Tám, nói hươu nói vượn, lăng xăng lút xít, nghe người ta nói để phụ họa, thấy người ta làm thì bắt chước; là người dễ gây tai họa.

Chín, vân vân dạ dạ theo ý chí của quân chủ, chuyên làm cho quân chủ vui lòng, để cho quân chủ tín nhiệm, từ đó thực hiện những ý đồ đen tối; là kẻ gian nịnh.

Quân chủ sáng suốt, biết người, không nên dùng những loại người như trên.

3. Trung thần và cái chết :

Tử Cống hỏi thầy :

- Trần Linh Công và đại thần công khai nói chuyện dâm loạn trong triều. Quan đại phu là Tiết Dã khuyên Trần Linh Công nhưng cuối cùng Tiết Dã bị Trần Linh Công và bọn tay chân âm mưu giết chết.

Tỷ Can khuyên Trụ vương không nên làm điều ác, cũng bị Trụ vương giết chết. Tỷ Can, Tiết Dã đều là trung thần nhưng khác nhau ở chỗ nào ?

Khổng tử đáp :

- Xét về thân thuộc, Tỷ Can là chú của Trụ vương, là thân thích ruột rà.

Xét về quan chức, Tỷ Can là Thiếu sư của vua Trụ, là người phải coi trọng trung nghĩa.

Tỷ Can can ngăn vua Trụ là muốn giữ gìn xã tắc, tông miếu của nhà Ân Thương, hy vọng dùng cái chết của mình để cho Trụ vương hối hận và tỉnh ngộ.

Là cái chết của trung thần, xuất phát từ lòng nhân.

Xét về thân thuộc, Tiết Dã và Trần Linh Công, chẳng phải là ruột rà thân thích.

Xét về địa vị, Tiết Dã chỉ là ông quan nhỏ, đơn thân độc mã giữa đám đại thần dâm loạn, có nói cũng không làm cho Trần Linh Công lay chuyển, có can Trần Linh Công cũng không nghe.

Tiết Dã nên tránh xa hôn quân và đám đại thần dâm loạn càng sớm càng tốt.

Tiết Dã liều chết can ngăn, rước lấy cái chết, thật chẳng có giá trị gì, là uổng phí sinh mệnh !

4. Trung thần và thờ hai vua (hai triều đại) :

Có người hỏi rằng : Thúc Tôn Thông trước thờ Tần Nhị Thế, sau thờ Hán Cao tổ, là người thế nào ?

Tư Mã Thiên nói : Nguyên tắc của những người minh triết, khi gặp ông vua thiếu sáng suốt là lấy sự tiến thoái làm sách lược.

Thúc Tôn Thông hi vọng một nên chính trị bao giờ cũng phải thiết lập thể chế nhân nghĩa, nhưng tùy thời đại mà tiến, thoái. Cuối cùng ông đã trở thành đại tông sư của Nho gia.

Người xưa nói, người quân tử thẳng nhưng không thẳng đuột, cong nhưng không quá cong queo, người đại trí lại như kẻ ngu đần. Thúc Tôn Thông

5. Nhân nghĩa và tính mệnh :

Thái công cho rằng : Sử quan mà không can gián nhà vua, thì không phải là sử quan tốt.

Giữa triều đình, Chu Vân công khai trách Trương Vũ : Ông ở ngôi cao, ăn lộc nước mà không tận tâm, tận lực với chức vụ; ông chỉ chăm chăm giữ cái mũ ô sa (mũ quan chức), né tránh công việc, dưới không hiểu dân tình, trên chẳng hiểu việc nước. Giết không tha !

Ban Cố than thở : Làm người khó thay ! Hòa theo thế tục thì quay lưng với đạo đức, nhân nghĩa. Theo đạo đức nhân nghĩa, quay lưng với thế tục, thì tai họa tới liền. Vì thế mà người xưa không nhận tước lộc.

Phạm Hoa cho rằng : Một lòng vì nghĩa thì nguy hiểm đến tính mệnh, chuyên tâm tự bảo vệ tính mệnh thì bất nghĩa. Nếu trọng đạo nghĩa thì nên bỏ sinh mệnh, nếu như coi trọng sinh mệnh thì bỏ đạo nghĩa.

Có người hỏi : Đâu Vũ và Trần Phiên, hai người đều đấu tranh với bọn hoạn quan, cuối cùng chết dưới tay bọn hoạn quan là vì sao ?

Phạm Hoa nói : Hai triều Hán Hoàn đế và Linh đế phong khí xã hội thối nát, hoàn cảnh chính trị cực kì nguy hiểm, quyền thế của bọn hoạn quan rất mạnh.

Đậu Vũ và Trần Phiên là những người thông minh tài trí. Trong hoàn cảnh đất nước loạn lạc, điêu linh, nếu lánh đời tiêu dao thoát tục, hoặc lấy sự thanh cao để bảo toàn sinh mạng là bất nhân, bất nghĩa, nên hai người đấu tranh không khoan nhượng với những thế lực tà ác và chết dưới tay bọn tà ác.

Đậu Vũ, Trần Phiên tuy không thành công nhưng đã thành nhân, hai ông coi trọng chữ nghĩa mà xem nhẹ tính mệnh, được hậu thế khen ngợi, tiếng thơm còn mãi trong sử sách.

6. Nghĩa khí và bè bạn :

Có người hỏi : Thời Tam quốc, Tào Hồng vì cứu bạn Trương Siêu mà chết, cái chết ấy như thế nào ?

Phạm Hoa nói : Tào Tháo đem quân vây hãm Trương Siêu ở Ung Khâu, tình thế rất nguy hiểm. Là bạn của Trương Siêu, đồng thời là bạn của Viên Thiệu, Tào Hồng xin Viên Thiệu đem quân cứu Trương Siêu. Nhưng Viên Thiệu hòa hoãn với Tào Tháo, nên từ chối và án binh bất động.

Tào Tháo phá vỡ quân Ung Khâu, giết cả nhà Trương Siêu.

Tào Hồng nghe tin, tức giận vừa muốn cất binh cự Tào Tháo, vừa tuyệt giao với Viên Thiệu.

Viên Thiệu nổi giận, đem quân vây đánh và giết chết Tàng Hồng.

Từ anh hùng hào kiệt đến kẻ tầm thường, khi kết làm bạn bè rất coi trọng chữ nghĩa và nghĩa khí.

Nhưng nghĩa khí của anh hùng hào kiệt khác nghĩa khí của người bình thường.

Người bình thường thấy bất bình là rút đao tương trợ.

Là hào kiệt, tranh hùng trong thiên hạ phải liệu thời thế và lượng sức.

Một mình Tàng Hồng cũng không thể cứu được Trương Siêu, chẳng cự nổi Tào Tháo, chẳng đánh nổi Viên Thiệu.

Thế mà Tàng Hồng đối chọi với hai thế lực mạnh nhất thời ấy là Tào Tháo và Viên Thiệu, vừa không cứu được bạn, vừa thiệt thân, là việc làm vô ích.

7. Tướng tài và dũng khí :

Có người hỏi : Trong cuộc tranh hùng long trời lở đất giữa Hán và Sở, Lý Bố nổi danh là tráng sĩ của Sở.

Sau khi Lưu Bang giành được thiên hạ, truy lùng Lý Bố. Lý Bố không chịu tự sát, lại thay hình đổi dạng, trốn chui trốn nhủi, cam làm tên nô lệ không chịu chết, là tại sao ?

Tư Mã Thiên giải thích : Giữa lúc Hạng Vũ và Lưu Bang tranh hùng, Lý Bố nổi danh là người dũng cảm, từng suất quân xung phong hãm trận, chém tướng, đoạt cờ, xem cái chết như lông hồng, nổi danh là tráng sĩ.

Nhưng khi Lưu Bang lấy được thiên hạ, truy sát Lý Bố. Lý Bố cải trang trốn chạy, có khi làm nô lệ, không phải Lý Bố sợ chết hoặc thiếu dũng khí.

Sự thực, Lý Bố rất tự tin vào tài năng của mình, không sợ người đời cười chê, sỉ nhục, coi trọng sinh mạng của mình. Vì thế, sau này Lý Bố đã trở thành danh tướng của nhà Hán.

Những bậc hiền nhân, có cái chết nhẹ như lông hồng, cũng có cái chết nặng hơn Thái Sơn. Những người nhìn xa trông rộng, tin vào tài năng rất quý trọng sinh mệnh của mình.

Trong cảnh cùng đường tuyệt lộ, họ vẫn tìm ra con đường sống, đó là người dũng cảm, có dũng khí.

Khác với những kẻ tì thiếp, tâm địa hẹp hòi, chỉ cần gặp vài nghịch cảnh, gặp điều oan khuất, xem đó là đường cùng và tự sát.

7. Sự nghiệp và cái chết:

Tư Mã Thiên nói : “ Ngụy Báo, Bành Việt là những người bình dân, lợi dụng lúc Hán - Sở tranh hùng, hai người đã phất cờ đứng dậy, mỗi người hùng cứ một phương, xưng làm vua, nổi tiếng thiên hạ.

Đến lúc làm chư hầu, Ngụy Báo, Bành Việt muốn phản nhà Hán, âm mưu bị bại lộ, cam tâm bị bắt làm tù binh, không chịu chết, nhưng sau này cả hai đều bị giết, là tại sao ? ”.

Tư Mã Thiên giải thích : “ Thường những người tài trí, mưu lược hơn người, thường mong có cơ hội để thi thố tài năng, lúc sa cơ thất thế cũng vẫn còn hi vọng. Ngụy Báo, Bành Việt không tự sát, cam tâm làm tù binh là ôm mối hi vọng ấy.

Những người thuộc phái Tung hoành, nguyện vọng lớn nhất của cuộc đời là xây dựng sự nghiệp. Ngụy Báo, Bành Việt là những người như vậy ”.

8. Trí và dũng :

Tư Mã Thiên bình Lạn Tương Như như sau : “ Biết rõ về cái chết thì không còn sợ chết. Chết thì không khó nhưng biết chết như thế nào mới là khó.

Ở giữa triều đình nước Tần, Lạn Tương Như tay cầm ngọc Biện Hòa, miệng bài xích vua tôi nhà Tần, mắt nhìn đăm đăm vào cột trụ, chăm chăm đập đầu vào trụ, người gan nhỏ không thể làm được việc đó.

Lạn Tương Như đi sứ không làm nhục nước, được vua Tần nể trọng, uy danh nổi khắp thiên hạ. Nhưng khi về Triệu lại hết sức nhường nhịn Liêm Pha.

Lạn Tương Như là thần tử trung trinh, biết rõ đại nghĩa, biết chọn cái chết, đúng là trí dũng song toàn.

9. Nhục lớn và nhục nhỏ :

Quản Trọng nói : Bị bắt nhốt trong tù xa, tôi không lấy đó làm nhục, nhưng cái nhục lớn nhất là không trị lí được quốc gia.

Tôi không cảm thấy bỏ công tử Củ làm điều xấu hổ, tôi chỉ cảm thấy xấu hổ khi không làm cho nước Tề trở thành bá chủ.

10. Nghèo và chí hướng :

Đời Tống, Tông Xác, nhà rất nghèo, Dữu Nghiệp nhà rất giàu, Dữu Nghiệp thường khinh rẽ Tông Xác.

Mỗi lần nhà có tiệc, Dữu Nghiệp đãi đằng khách khứa nhiều món ngon vật lạ, cho Tông Xác ngồi chiếu dưới, ăn cơm hầm và tương cà. Tông Xác thản nhiên ngồi ăn, không buồn không giận.

Sau này, Tông Xác làm Thứ sử Dự Châu, ông mời Dữu Nghiệp là trưởng sử.

Bùi Tử Dã cho rằng : Tông Xác nghèo khổ mà không buồn rầu, đạm bạc mà không than thở, bị coi khinh nhưng không bỏ chí hướng của mình. Dữu Nghiệp là có chí hướng, nhẫn nhục và đại lượng.

11. Tình bạn và đất nước :

Có người hỏi : Lê Thực Kì là bạn thân của Lữ Lộc, sau này Lê Thực Kì vì Lưu Bang mà bỏ Lữ Lộc. Như vậy, Lê Thực Kì có phải là người bất nghĩa, bán đứng bạn bè hay không ?

Ban Cố cho rằng : Người tầm thường thấy lợi là quên nghĩa, bán đứng bạn bè. Lê Thực Kì không phải hạng người ấy. Vì lợi ích của đất nước, vì sự an nguy của quốc gia, bất đắc dĩ Lê Thực Kì mới bỏ Lữ Lộc.

11. Hai chữ trung - hiếu :

Ví dụ 1:

Nguyên Cận Sung giữ Phàm thành. Lữ Bố cho bắt mẹ Cận Sung buộc Cận Sung phải giao thành. Cận Sung không nghe.

Tháo cũng sai Trình Dục khuyên Cận Sung giao thành cho Lữ Bố để làm tròn đạo hiếu. Cận Sung vừa khóc, vừa nói : Tôi giữ thành, quyết không hai lòng. Có người hỏi : Cận Sung không đến sự an nguy của cha mẹ, chỉ lo cố thủ thành trì thì có phải là trung thần hay không ?

Từ Chúng cho rằng : Tào Tháo và Cặn Sung là nghĩa vua tôi, đối với cha mẹ là chữ hiếu. Cặn Sung bỏ cha mẹ để làm tròn đạo vua tôi là người nghĩa, là trung thần.

Ví dụ 2:

Vương Lăng phò Lưu Bang. Hạng Vũ muốn Vương Lăng bỏ Lưu Bang cho bắt mẹ Vương Lăng cầm tù. Vương Lăng quyết tâm đi theo Lưu Bang, để Hạng Vũ muốn xử mẹ mình ra sao thì xử.

Người đời không chê Vương Lăng là người bất hiếu mà còn khen là người tận trung.

Ví dụ 3:

Công tử nước Ngụy là Điền Khai Phương đi theo Tề Hoàn công, làm quan nước Tề, mười năm không về thăm mẹ. Tề Hoàn muốn phong cho Điền Khai Phương làm Thừa tướng.

Quản Trọng can rằng :

- Muốn làm trung thần, trước tiên phải làm con hiếu. Khai Phương mười năm không về thăm mẹ, không làm tròn đạo hiếu, lấy đâu mà làm trung thần ?

Tề Hoàn công nghe ra, bỏ ý định phong Điền Khai Cường làm thừa tướng.

Ví dụ 4:

Từ Thứ lắm mưu nhiều kế, giúp Lưu Bị chống Tào Tháo; quân tướng của Tháo thua mấy trận liểng xiểng.

Tháo bắt mẹ Từ Thứ giam lại, buộc Từ Thứ phải về Tào. Lưu Bị để Từ Thứ về

Tào làm tròn đạo hiếu. Từ đó, Thứ không bày một mưu kế nào cho Tào Tháo.

12. Quan hệ vua tôi :

Tào Phi hỏi Vương Lang :

- Tử Sản trị lý nước Trịnh, không có người nào dám lừa dối ông ta. Chẳng hạn, Tử Tặc ở Đan Phụ, Tây Môn Báo ở Nghiệp Quận, không dám dối gạt ông ta.

Vương Lang thưa :

- Ông vua có đức sáng, quần thần cảm ơn đức, không dám dối gạt ông ta.

Ông vua minh xét, nhất cử nhất động của ông ta đều minh bạch, quần thần không dám dối gạt ông ta.

Ông vua nghiêm minh, thưởng phạt rõ ràng, quần thần ai mà dám gạt ông ta.

Ông vua coi trọng đạo đức, lễ nghĩa, giỏi đối xử với quần thần, quần thần cảm ơn đức, làm sao nỡ dối gạt ông ta.

Vua tôi trên dưới một lòng, đồng tâm nhất trí, chính trị đạt đến cảnh giới cao, thì không ai dối gạt ai.

Ngược lại, vua không sáng, thiếu minh xét, pháp luật không nghiêm, thưởng phạt không rõ, vua tôi không coi trọng lễ nghĩa, đạo đức, tất vua tôi nghi kỵ nhau, quần thần sẽ có người dối gạt nhà vua.

Sách lược tốt, quan hệ vua tôi tốt, nền chính trị tốt, sản sinh những người chân thực.

Sách lược không tốt, quan hệ vua tôi không tốt, nền chính trị kém, đẻ ra bọn dối lừa.

13. Nhân nghĩa và tiết kiệm :

Có người hỏi : Lý Văn tử và Công Tôn Hoảng là những người tiết kiệm, nhưng có người được khen và người bị chê ?

Khổng tử nói đại ý : “ Người nhân nghĩa là người đem mưu trí mưu lợi cho thiên hạ, là đích thực. Người sợ luật pháp phải sống nhân nghĩa, hoặc lợi dụng nhân nghĩa, dùng trí xảo để mưu lợi cho mình, là bọn giả nhân giả nghĩa ”.

Phạm Diệp nói : “ Nhận thức về chữ nhân, khác với động cơ thực hành chữ nhân; vì có người dùng chữ nhân để mưu lợi ”.

Lý Văn tử làm khanh, chấp chính nước Lỗ, vợ con thê thiếp đều tiết kiệm trong việc ăn uống và ăn mặc, dân nước Lỗ đều khen. Lý Văn tử là người nhân nghĩa.

Công Tôn Hoảng, tể tướng nhà Hán, bổng lộc rất hậu, nhưng lúc nào cũng ăn mặc tuềnh toàng, ra vẻ tiết kiệm, để mua danh bán tiếng, nên bị người ta chê cười. Công Tôn Hoảng dùng nhân nghĩa để mưu lợi, là giả nhân giả nghĩa.

14. Tướng tài và nguyên khí quốc gia :

Có người đặt vấn đề : Bạch Khởi, tướng nước Tần, đại thắng trận Trường Bình, một đêm giết 40 vạn quân Triệu đã đầu hàng. Bạch Khởi có được xem là một kì tướng hay không ?

Hà Yến nói : Nếu 40 vạn quân Triệu biết đầu hàng cũng sẽ chết thì họ liệu chết để đánh đến hơi thở cuối cùng, chưa chắc họ đầu hàng.

Sau trận thảm sát hàng binh ở Trường Bình, sáu nước liên minh lại với nhau quyết tử với Tần, ít có quân sĩ nước nào chịu đầu hàng nhà Tần. Khiến Tần hao

quân tổn tướng và lừa cả những người trên 50 tuổi phải ra chiến trường.

Nước Tần tuy thắng trận Trường Bình nhưng nguyên khí quốc gia đã bắt đầu suy yếu.

Bạch Khởi giết 40 vạn hàng binh là muốn diệu võ giương oai, làm cho sáu nước phải kinh hồn táng đờm, tham công, làm thương tổn đến nguyên khí quốc gia thì chưa phải là tướng tài hoặc kì tướng.

Hoàng Thạch Công cho rằng : “ Lấy nhu chế cương. Nhu là đức, cương là giặc, nhu thì được thiên hạ giúp, dùng cương thì thiên hạ ta oán. Chẳng hạn, Trụ vương dùng mãnh, cầm quân trăm trận trăm thắng nhưng kết cục mất cả thiên hạ ”.

15. Nhân nghĩa, mưu trí và sự nghiệp :

Có người hỏi : Nhạc Nghị án binh không công phá hai thành Tức, Mặc, kết quả là mất cơ hội tạo dựng sự nghiệp. Có phải việc làm của Nhạc Nghị là sai lầm hay không ?

Hạ Hầu Huyền nói đại ý : Quân 5 nước do Nhạc Nghị thống lĩnh thế như chẻ tre, hạ 70 thành của nước Tần, không phải ông không đủ tài năng, mưu lược để triệt hạ hai thành còn lại.

Nhạc Nghị chỉ bao vây hai thành Tức, Mặc, vừa công vừa thủ, mục đích :

Một, không muốn tiếp tục tàn hại bách tính của nước Tề, thực hành nhân nghĩa, dùng nhân nghĩa để thu phục nước dân chúng nước Tề và các nước khác.

Hai, kéo dài chiến tranh để nước Tề phát sinh biến loạn, tiếp tục thu dụng những người tài của nước Tề, buộc Tề phải đầu hàng.

Nhạc Nghị quyền biến, cẩn thận, biết nhìn xa trông rộng, là tướng tài, chỉ có Yên Huệ vương là người biết tin dùng Nhạc Nghị.

Rất tiếc, người kế vị Yên Huệ vương bị bọn gian thần bịt mắt, không tin dùng ông ! Nhạc Nghị phải trốn sang nước khác.

Nhạc Nghị tuy là vị tướng nhân nghĩa, mưu trí nhưng không hoàn thành sự nghiệp!

16. Sai lầm và sinh mạng :

Có người hỏi : Thương Ưởng du thuyết Tần Hiếu công, phá thế hợp tung của sáu nước, giúp Tần dựng nên đế nghiệp. Hỏi ông có xứng đáng là một phụ tá giỏi hay không ? Thương Ưởng bị giết chết, ông sai lầm ở chỗ nào ?

Chuyện kể, Thương Ưởng đến đất Tần nhờ Cảnh Giám tiến cử với Tần Hiếu vương.

Lần đầu, nghe Thương Ưởng nói về vương đạo, quá cao xa, gần cả trăm năm

mới thành. Tần Huệ công chẳng hiểu gì cả, ngáp vật, rồi ngủ khì.

Lần thứ hai, nghe Thương Ưởng nói về bá đạo, là những thuật làm cho dân chóng giàu nước mau mạnh, xưng hùng xưng bá với chư hầu. Tần Huệ công sung sướng, vội vàng quỳ xuống xin Thương Ưởng chỉ giáo. Từ đó, phong chức và giao mọi quyền hành cho Thương Ưởng.

Lưu Hưởng cho rằng : Thương Ưởng làm chính trị ở nước Tần, bên trong khuyến khích dân chúng cày cấy, phát triển nông nghiệp; bên ngoài cổ động tướng sĩ giết địch để lập công và trọng thưởng. Ông chấp pháp nghiêm minh, không sợ quyền thế, bất kể thân sơ.

Sách Thượng thư khen : Thương Ưởng không thiên lệch, không lập bè kết đảng riêng tư.

Có người phân tích : Thời Xuân thu, Quản Trọng phò tá Tề Hoàn công, đưa Hoàn công lên ngôi bá chủ, lấy tín nghĩa làm đầu đối với các nước chư hầu. Các nước chư hầu tin tưởng vào Tề Hoàn công và Quản Trọng.

Nhà Tần, khi Thương Ưởng phò tá Tần Huệ công, bỏ tín nghĩa, dùng sức mạnh và thủ đoạn bắt các nước chư hầu phải theo Tần, nếu không thì cất quân trừng phạt, miễn sao phải thừa nhận Tần là bá chủ, nên ai nấy đều oán hận trong lòng.

Đó là sự khác nhau giữa Tề Hoàn công và Quản Trọng với Tần Huệ công và Thương Ưởng.

Có người kết luận : Thương Ưởng làm chính trị, trong nước, lập pháp nghiêm
khốc và hà khắc; bên ngoài, phế bỏ tín nghĩa; cho nên chưa phải là người phụ tá
nhân đức và giỏi giang.

Tần Hiếu công xem trọng cái lợi gần, mong sự nghiệp mau thành, đó là sai lầm của Tần Hiếu công.

Thương Ưởng là người hiểu rõ vương đạo, nhưng vì hình thế, muốn hoàn thành nguyện vọng chủ quan của Tần Huệ vương, phải thực hành bá đạo, không chịu thối lui, khi thực hành bá đạo lại không cẩn thận, rốt cuộc bị phản thù xé xác, đó là sai lầm của Thương Ưởng.

17. Pháp luật, quân kỉ và nhân tài :

Thời Tam quốc, Mã Tắc để thất thủ Nhai Đình. Gia Cát Lượng chiếu theo quân pháp và xử chém. Tướng Uyển thấy thế nói với Gia Cát Lượng :

- Thời Xuân Thu, nước Sở và nước Tấn giao chiến. Tướng nước Sở là Tử Ngọc bại trận, vua Sở có buộc Tử Ngọc phải tự sát. Vua nước Sở nghe tin rất mừng.

Hiện nay, việc thiên hạ chưa định mà xử trảm Mã Tắc, một đại tướng nhiều mưu trí, liệu có nên chăng ?

Khổng Minh lau nước mắt, nói :

- Tôn Tử có nói : Sở dĩ không thắng được địch là do kỉ luật không nghiêm minh. Ngày xưa, em của Tấn Điệu công không nghe mệnh lệnh, bị Tư mã Ngụy Giáng xử tử.

Hiện nay, bốn phương chiến tranh liên miên, không giữ kỉ luật làm sao giành được thắng lợi ?

Tướng Uyển làm thỉnh.

Chuyện kể, Tấn Văn công lệnh cho Tuân Lâm Phủ đem quân chống với Sở. Tuân Lâm Phủ đại bại.

Lúc trở về, Tấn Văn công muốn xử tử Tuân Lâm Phủ, Sĩ Trinh tử can rằng :

- Không nên ! Ngày xưa, quân Tấn và Sở giao chiến tại Thành Bộc. Quân Tấn đại thắng, thu rất nhiều chiến lợi phẩm, quân sĩ mở tiệc mừng ba ngày.

Riêng Tấn Văn công mặt buồn rười rượi. Kẻ tả hữu hỏi. Tấn Văn công nói :

Nước Sở mà còn dùng Tử Ngọc làm tướng, mối lo của ta vẫn còn. Nếu hai bên giao chiến chưa chắc ta đã giành được thắng lợi.

Mấy hôm sau, nghe tin nước Sở giết Tử Ngọc, Tấn Văn công vui lộ ra nét mặt. Tả hữu hỏi. Ông nói : Tử Ngọc chết rồi, nếu hai bên giao chiến, ta sẽ có cơ thắng lợi ! Sau này, nước Sở suy yếu không vực dậy được.

Nay, Tuân Lâm Phủ tận tâm, tận lực, là rường cột của nước nhà, mới bại một

trận thì không nên giết đi.

Vả lại, mặt trời có bị che lấp, trăng có thể bị che phủ, người quang minh lỗi lạc chẳng có gì che nổi được họ.

Tấn Văn công nghe lời Sĩ Trinh tử, tha chết và phục chức cho Tuân Lâm Phụ.

Căn cứ vào câu chuyện trên, Tập Tạc Xi, học giả đời Đông Tấn, nói :

Nhân tài đất Thục lúc ấy như lá mùa Thu, ít hơn Ngụy, lại còn giết tướng giỏi như Mã Tắc. Gia Cát Lượng không thắng nổi nước Ngụy là điều đương nhiên.

Cho nên, pháp luật với nhân tài đôi khi mâu thuẫn với nhau.

18. Công lớn, công nhỏ :

Có người hỏi : Chu Bật và Hoắc Quang ai dễ thành công hơn, công lao ai lớn hơn ?

Có người phân tích : Chu Bật vốn là đại thần của Lưu Bang, ai nấy đều quy phục; ông lại làm đến chức Thái úy, trong tay lại có trăm vạn quân; lại có những mưu sĩ như Trần Bình, Vương Lăng giúp đỡ, có Lưu Thực Kì nổi danh du thuyết.

Do đó, việc dẹp Lữ hậu, khôi phục lại nhà họ Lưu của Chu Bột dễ thành công.

Hán Vũ đế bệnh nặng, trước lúc lâm chung, phó thác cho Hoắc Quang phò ấu chúa, chủ trì việc triều chính. Trong thời gian Hoắc Quang chấp chính, thiên hạ thái bình, đất nước giàu có. Sau đó, Yên vương Lưu Đán làm loạn, Hoắc Quang đích thân đem quân đánh dẹp, ổn định được đại cuộc.

Tiếp, Hoắc Quang phế truất Lưu Hạ, ông vua tầm thường, hôn ám, bạo ngược, hoang dân, đưa về Xương Ấp làm Hải Hôn hầu, lập hoàng đế mới là Lưu Tuân lên ngôi, gọi là Tuyên đế, làm cho nhà Hán trung hưng.

Công việc của Hoắc Quang khó khăn hơn Chu Bột, nhưng ông đã thành công, có thể sánh với Y Doãn, Chu Công.

19. Trung thần và bề tôi của xã tắc :

Viên Ang hỏi Hán Văn đế :

- Theo ý của bề hạ, Chu Bột là người như thế nào ?

Hán Văn đế đáp :

- Chu Bột là bề tôi của xã tắc.

Viên Ang thưa :

- Người được gọi là bề tôi của xã tắc là cùng chịu hoạn nạn, mất còn với quân chủ.

Khi Lữ hậu thoán ngôi, chuyên quyền, con cháu của họ Lưu kẻ bị hại, người bị giết không ít. Trong lúc ấy, Chu Bột làm thái úy, nắm binh quyền trong tay nhưng không hề tỏ thái độ của mình.

Sau khi Lữ hậu mất rồi, văn võ đại thần muốn diệt gia tộc nhà họ Lữ, lúc ấy Chu Bột mới ra tay, hoàn thành được sự nghiệp bảo toàn công nghiệp của nhà họ Lưu.

Chu Bột chỉ là trung thần, chưa phải là bề tôi của xã tắc (xã tắc chi thần).

19. Mỗi người một vẻ :

Thời Hậu Hán, Thái úy Trần Phiên dâng sớ lên Hán Hoàn đế, đề cử ba người là Viên Hoảng, Từ Trĩ và Vĩ Trước. Hán Hoàn đế xem sớ xong, hỏi Trần Phiên :

- Trong 3 người người này, ai tốt nhất ?

Trần Phiên tâu :

- Viên Hoảng xuất thân từ danh gia vọng tộc, thông hiểu đạo an thân và lập mệnh, phẩm hạnh tiết tháo, được xem là thánh nhân ở Quý Châu.

Từ Trĩ xuất thân từ nhà nghèo, ở Hà Nam, là người khiêm tốn, cẩn trọng.

Vĩ Trước ở kinh thành, gần triều đình, là người rất hiểu lễ nghĩa, là người không bao giờ cho mình là tài, là giỏi, không tự khoe mình.

Cả 3 người là những người kiệt xuất thời nay, không thể nói ai hơn ai kém.

20. Các loại tướng sủng :

Khi còn làm thái tử, Tùy Dạng để hỏi Hạ Nhược Bật :

- Dương Tổ, Hàn Cầm Hồ, Sử Vạn Tuế là những người như thế nào ?

Hạ Nhược Bật nói :

- Dương Tổ chỉ là mãnh tướng, không phải là tướng có mưu lược (mưu tướng : tinh thông binh pháp).

Hàn Cầm Hồ là đấu tướng (chỉ đánh trận), không phải là lãnh tướng (lãnh tướng : coi trọng kỉ luật quân đội, tổ chức quân đội).

Sử Vạn Tuế là kị tướng (xông trận), không phải là đại tướng (đại tướng : chiêu mộ anh hùng, hào kiệt).

Thái tử khen :

- Ông luận rất hay !

21. Bài học lịch sử:

Người xưa cho rằng : Thời Đại Vũ hưng thịnh, thời Kiệt suy vong; vua Thành Thang hưng thịnh, vua Trụ diệt vong.

Vua Hạp Lữ, nước Ngô, vô địch thiên hạ nhưng bị Câu Tiễn, nước Việt, bắt làm tù binh.

Tần Mục công vốn vang danh khắp chư hầu nhưng đại bại và chết dưới tay Tần Nhị Thế.

Chu Thành vương khi lên ngôi vẫn chỉ là chú bé còn nằm trong tã, hiệu lệnh, sai khiến được chư hầu là nhờ Chu Công phò tá.

Triệu Linh vương, 55 tuổi, bị vây khốn và chết đói trong cung Sa Khâu, là do dùng nhầm Lý Đoái.

Sở Chiêu vương bị nước Ngô đánh bại, phải lưu vong. Thân Bao Tư đến Tần, khóc bảy ngày bảy đêm, để xin binh cứu viện. Sở Chiêu vương mới được trở về nước và ngồi lại trên ngai vàng.

Nhờ Điền Đan dùng trâu lửa đánh bại quân Yên, ngôi vị Tề Nhượng vương mới yên ổn.

Từ những dẫn chứng trên, cho thấy : Việc thành bại của các triều đại, các vua chúa khác nhau, nguyên nhân cũng khác nhau.

Một trong những nguyên nhân cơ bản là biết chiêu mộ nhân tài hay không; biết phân biệt người chính- kẻ tà, dùng người hay không biết dùng người. Đó là bài học kinh nghiệm, rút ra từ lịch sử.

QUYỂN 2 (11- 20)

11. TU DƯỞNG ĐẠO ĐỨC

Thiên này nêu những nguyên tắc tu dưỡng đạo đức và xử thế theo truyền thống văn hóa và triết học Trung Hoa.

Tu dưỡng và nắm vững được những nguyên tắc này thì ít thất bại.

Khổng tử cho rằng : “ Tính tương cận, tập tương viễn ”. Tức, bản tính con người vốn lương thiện, tốt đẹp nhưng ho hoàn cảnh mà tập nhiễm những dục vọng, dần dần xa rời bản tính. Cho nên, con người cần phải tu dưỡng đạo đức.

Hơn nữa, con người vốn là bất toàn, dễ sinh ra những thói tệ, cần rèn luyện, tu dưỡng để phòng thói tệ phát sinh.

1. Ưu điểm và khuyết điểm của con người:

Sách Nhân vật chí nêu những ưu điểm và khuyết điểm của con người:

Một, người nghiêm khắc, cương trực, thường xem tật ác như kẻ thù, là ưu điểm; khuyết điểm là khó hòa thuận với mọi người.

Hai, ôn hòa, khoan dung độ lượng là ưu điểm; khuyết điểm thiếu quyết đoán.

Ba, cường tráng, mạnh mẽ, can đảm là ưu điểm; khuyết điểm là thiếu nhẫn nại.

Bốn, cẩn thận, chu đáo là ưu điểm; khuyết điểm là hay nghi kỵ, quá lo được mất.

Năm, tính khí mạnh mẽ, tháo vát là ưu điểm; khuyết điểm là tự tin và ngoan cố.

Sáu, nói năng lưu loát, giỏi biện luận, phân tích là ưu điểm; khuyết điểm là hay khoa trương, đôi khi nói tràng giang đại hải, thiếu thực tế.

Bảy, có lòng bác ái, thích làm điều thiện, hay cứu khổ, cứu nạn, tạo phúc cho nhân dân, là ưu điểm; khuyết điểm là không phân biệt được nết tẻ, thiện ác.

Tám, thanh cao, liêm sỉ, cần kiệm, chất phác, không lo nghèo khó, là ưu điểm; khuyết điểm là hay giáo điều, câu nệ, tiểu tiết.

Chín, chí hướng cao xa, tài năng hơn người, thích hành động, là ưu điểm; khuyết điểm là luôn cảm thấy bất ổn, không chịu sự câu thúc.

Mười, trầm tĩnh, làm việc gì cũng cẩn thận, chu đáo, là ưu điểm; khuyết điểm là khiếm nhược và chậm chạp.

Mười một, túc trí, đa mưu, bụng đầy thao lược, tính toán sâu xa, trí trá không lường là ưu điểm; khuyết điểm là đôi khi quá gian trá, dễ trở thành gian thần.

Cho nên, con người phải biết ưu điểm của mình và rèn luyện, tu dưỡng, để bổ khuyết những khuyết điểm.

2. Sáu nguyên tắc của đạo làm người :

Sách Văn tử cho rằng : Đạo làm người là tâm đức tiểu (tâm tiểu), chí đức đại (chí đại), trí đức viên (trí viên), hành đức phương (hành phương), năng đức đa (năng đa), sự đức thiếu (sự thiếu).

Tâm tiểu, là làm gì cũng phải cẩn thận, không nên buông lỏng dự vọng, là cách phòng hoạn nạn phát sinh.

Chí đại, là chí lớn nuốt cả đất trời, thống nhất phong tục trong thiên hạ, định đoạt phải trái cho thiên hạ, chủ tể về chính trị trong thiên hạ.

Trí viên, là có trước có sau, tránh cực đoan, thông hiểu bốn phương, mưu lược sâu xa.

Hành phương, là hành vi ngay thẳng, trong trắng không ô nhiễm thói hư tật xấu, dù gặp cùng khốn vẫn giữ được tiết tháo, mọi hành vi không buông thả phóng túng.

Năng đa, là tài kiêm văn võ, làm việc gì cũng tuân thủ nguyên tắc, quy tắc, quy phạm.

Sự thiếu, là làm cho sự phức tạp thành đơn giản, dễ lãnh đạo, dễ làm, là lấy tĩnh chế động.

3. Mật quyết của vua chúa :

Có người cho rằng, theo quy luật của Trời, vật cực tắc phản, thịnh rồi sẽ suy; cho nên :

Người thông minh, trí tuệ như người ngu độn.

Bác học, giỏi biện luận như người hư tâm, khiêm tốn.

Người vũ dũng, gan dạ phải biết sợ hãi.

Người phú quý hiển hách, phải nghĩ đến lúc khốn cùng.

Người thi ân bố đức khắp chốn, nhưng giữ đức khiêm nhường.

Đây là 5 nguyên tắc, hoặc 5 mật quyết của các bậc vua chúa ngày xưa, để bảo vệ mình và thiên hạ.

4. Những chuẩn tắc thuộc về hành vi :

Sách Tả truyện nói, muốn cho họa và loạn lạc không phát sinh là :

Không tự cho mình là giàu có.

Không dựa vào sự sủng ái, tin dùng.

Không quay lại ý nguyện của cộng đồng.

Không xem thường lễ nghĩa.

Không tự cho mình là người có tài năng.

Không vì một chuyện nhỏ mà nổi giận.

Không mưu tính làm việc gì, không phù hợp với đạo đức.

Không nên xúc phạm những cái gì, thuộc về chính nghĩa.

Đó là chuẩn tắc hành vi của người xưa.

5. Những cách mở cửa cho tai họa vào :

Sách Linh kinh viết :

Vui vẻ tự đắc là nông cạn.

Không biết mình sai lầm là hồ đồ.

Chấp nê, không tỉnh ngộ là ngu đần.

Nói cho người ta giận là chuốc lấy họa.

Miệng nói khác với lòng mình, sẽ bị người ta phỉ nhổ.

Chính lệnh thay đổi xoành xoạch là không bền lâu.

Giận mất uy nghiêm dễ bị người ta đả kích.

Làm cho người cảm thấy bị sỉ nhục là tự rước lấy tai ương.

Giết bộ hạ là tự rước lấy nguy hiểm.

Khinh mạn, bất kính là tự mua tai họa.

Có xác không hồn là cô độc.

Xa trung thần, gần gian nịnh là tự chuốc lấy tiêu vong.

Coi thường chữ tín, siểm nịnh, bỏ người hiền, chạy theo kẻ tầm thường, là rước lấy họa.

Tự mình phong quan chức cho mình, tư lợi sẽ rước tai ách.

Ham mê tửu sắc, dâm loạn, gặp kẻ dưới không có tâm thiếu đức, thế nào cũng tan vỡ.

Lãng nhục, áp chế kẻ dưới không thẳng được, sẽ rước lấy thất bại.

Hữu danh vô thực là thùng rỗng kêu to, chẳng ai nể trọng.

Giành phần hơn cho mình, phần thiệt để cho người, thì bị người coi khinh.

Cho thì ít, muốn lấy lại nhiều, bố thí thì ân nhỏ giọt mà mong người ta báo đáp, thì không được báo đáp.

Quyền cao, phú quý quên lúc sẽ nghèo hèn, thì địa vị khó bền.

Dùng người không chính, sẽ gặp nguy hiểm.

Bày đặt danh vị quan chức, ắt loạn triều chính.

Tiết lộ âm mưu bí mật, ắt thất bại.

Thu nhiều, chi ít, ắt gặp cùng khốn.

5. Quốc bảo, quốc khí, quốc dụng, quốc yêu :

Tuân tử phân loại :

Người có lí luận trị nước, bản thân đem hết sức mà thi hành, gọi là quốc bảo.

Người tuy không xây dựng lí luận, bản thân đem hết sức mà thi hành, gọi là quốc khí.

Người chỉ có lí luận, bản thân không đem hết sức thi hành, gọi là quốc dụng.

Người miệng thì hay nhưng làm việc gì hỏng việc ấy hoặc nói một đằng, làm một nẻo, gọi là quốc yêu (bọn yêu quái trong nước).

6. Công dụng của chính tâm :

Phó Huyền cho rằng :

Căn bản của việc lập đức là chính tâm.

Tâm có chính thì thân (bản thân) mới chính.

Thân chính thì trái, phải (quần thần, bách quan) mới chính.

Trái phải (quần thần, bách quan) chính thì triều đình mới chính.

Triều đình chính thì quốc gia mới chính.

Quốc gia chính thì thiên hạ mới chính.

Hoặc :

Thiên hạ bất chính, phải chinh đốn quốc gia.

Quốc gia bất chính, phải chinh đốn triều đình.

Triều đình bất chính, phải chinh đốn bách quan.

Bách quan bất chính, quân chủ phải phản tĩnh.

Thấy bản mình bất chính thì phải tu dưỡng nội tâm.

Tự phản tĩnh, tu dưỡng nội tâm của bậc quân chủ có ảnh hưởng rất lớn đến bách quan, triều đình, quốc gia và thiên hạ.

Vua Vũ, vua Thang trị lí thiên hạ thành công đều do chính tâm.

Thi tử cho rằng : Tâm là chủ tể của thân. Thiên tử dụng tâm, là chủ tể của thiên hạ, tâm bất chính thì thiên hạ đại loạn.

Chư hầu dụng tâm, là của tả hữu, của quốc gia, tâm bất chính thì quốc gia bị diệt

vong.

Kẻ thất phu, dù chỉ là sự phối hợp giữa tâm và thân thể, tâm bất chính thì tính mệnh cũng khó bảo toàn.

12. NHỮNG MẦM LOẠN LẠC

Phản kinh đề cập đến những nguyên nhân sinh ra loạn lạc, từ vua chúa, phong khí quốc gia và những mầm mống sinh tai họa.

Người cầm quyền phải biết để đề phòng và trị lí.

1. Lục chủ :

Tuân tử cho rằng, có 6 loại quân chủ là vương chủ, trị chủ, tồn chủ, suy chủ, nguy chủ, vong chủ :

Một, tính tình nhân từ, đầu óc luôn tỉnh táo, chí ở đại đồng thiên hạ, nhất cử nhất động đều làm gương cho bách tính, không cho mình là đầy đủ, ít tư dục; gọi là vương chủ (bậc đế vương trong hàng vua chúa).

Hai, tính tình khoan hậu, quên mình vì việc công, chăm học thích hỏi, làm việc hết sức, tuân thủ lễ nghĩa, làm việc gì cũng không để tình cảm cá nhân xen vào; gọi là trị chủ (trị : trị lí, cai trị).

Ba, chăm lo chính sự, chăm chăm lo bảo vệ sự nghiệp của cha ông, một tơ hào không sai chạy; xử trí công việc thì việc công trước, việc tư sau; gọi là tồn chủ.

Bốn, tính tình thất thường, chỉ lo bảo vệ giang sơn, không giữ nhân luân, để cho trên dưới tranh quyền giành lợi, không rõ công tư, không phân biệt phải trái; gọi là suy chủ (suy : suy bại, suy vong).

Năm, xem tình nặng hơn nghĩa, tư nhiều hơn công, chế độ vượt quá quy phạm đạo đức, chính giáo thất thường; gọi là nguy chủ (nguy : đang gặp nguy hiểm, lâm nguy).

Sáu, thân cận với bọn tiểu nhân, gian tà, bài xích hiền lương và trung thần, buông lỏng tình dục, không tuân theo lễ nghĩa, chế độ luật pháp, tùy tiện thưởng phạt, lạm dụng hình phạt, văn phong phù hoa giả tạo, không hồi cải, không nghe nói thẳng, đui giết trung thần; gọi là vong chủ (vua mất nước).

Sáu loại quân chủ vừa nêu, gọi là lục chủ.

2. Cửu phong *:

Một, quan hệ vua tôi tuy thân cận nhưng vẫn giữ gìn lễ nghĩa; văn võ bá quan tuy bất đồng về chính kiến nhưng vẫn hòa thuận với nhau; không tranh quyền đoạt lợi, nhường nhịn nhau; toàn tâm toàn ý với công việc.

Phong khí của một quốc gia được trị lí tốt, gọi là lí quốc chi phong.

Doãn Văn tử cho rằng : Người trên không áp chế kẻ dưới, người dưới không xúc phạm người trên, trên dưới hòa hợp, không làm những việc mà quốc gia cấm kị, mọi người chí công vô tư, dù trải qua khó khăn nguy hiểm cũng không nản lòng, đất nước vững như bàn thạch, không có nước nào dám dòm ngó xâm phạm; gọi là trị quốc.

Hai, lễ giáo, phong tục không thuần nhất hoặc bất nhất; làm quan mà không kính trọng; trong hàng quan chức có nhiều người công kích những thói tệ của quốc gia; bình dân bách tính hoang mang, bàn tán xôn xao.

Phong khí của quốc gia đang suy bại, gọi là suy quốc chi phong.

Doãn Văn tử cũng cho rằng : Tuổi tác nhà vua đã cao, hậu cung có nhiều phi tần nhưng con cháu không nhiều, tông tộc xa lánh; gọi là suy quốc.

Ba, vua và tôi ai cũng muốn nổi tiếng; trong triều đình ai nấy đều tranh công, sĩ đại phu mua danh bán tiếng; nhân dân đua nhau tranh lợi.

Phong khí của một nước có nhiều nghịch lí, đảo lộn và trái ngược, gọi là quai quốc chi phong (quai : trái ngược).

Bốn, vua quá nhiều ham muốn (tư dục); quan có nhiều hành vi quanh co khuất lấp, quỷ kế đa đoan; pháp quy không ổn định; luận về chính trị mỗi người một phách.

Phong khí của một nước đang rối rắm, nhiều loạn, gọi là loạn quốc chi phong.

Doãn Văn tử cho rằng : Vua sủng hạnh đại thần, đại thần chỉ yêu nhà vua, pháp luật của quốc gia bị phế bỏ, dân bỏ xứ, ruộng vườn hoang phế; gọi là loạn quốc.

Năm, thấy xa xỉ gọi đó là phồn vinh; kiêu ngạo hãnh tiến tự xem là cao quý; bắt chức học đòi xem đó là tiến bộ; cho những người tuân thủ lễ nghĩa là kẻ ngoan cố không thể giáo hóa; lợi dụng luật pháp hoặc kẻ hờ của luật pháp để mưu lợi cá nhân.

Phong khí của một nước không có ai làm chủ, đổ nát hoang tàn, gọi là hoang quốc chi phong.

Sáu, chính trị hà khắc, bới lông tìm vết, lợi dụng công vụ vơ vét làm của riêng; làm hại nhân dân, dân không chịu nổi; đặt điều bêu xấu những người trung thành với đất nước.

Phong khí của nước có nhiều tên bán nước, phản quốc, gọi là phản quốc chi phong.

Thúc Hưởng cho rằng : Đại thần coi trọng bổng lộc nên không dám buông lời can gián nhà vua, cận thần sợ đắc tội không dám nói thẳng, trên chẳng biết tình hình bên dưới, là mầm của tai họa.

Bảy, vua tôi, quan dân trên dưới cách tuyệt, trong ngoài nghi kỵ lẫn nhau, đại thần tranh quyền, quan nhỏ tranh lợi.

Phong khí của quốc gia đang bị lâm nguy, gọi là nguy quốc chi phong.

Tám, vua không cần nghe ý kiến của tôi, tôi cũng chẳng thềm khuyên can vua, vua tôi chỉ thích nghe lời phụ nữ; ai ai cũng có quyền ra ban bố chính lệnh.

Phong khí của quốc gia sắp mất nước, gọi là vong quốc chi phong.

3. Những phong khí khác :

Một, trong cung không có người nào được sủng ái, trong triều không có người nào được biệt nhậm, gia tộc hưng vượng nhưng lớn bé đều có thứ tự. Là phong khí của một quốc gia hưng vượng.

Hai, hoạt động nông nghiệp đúng thời vụ, quốc khố sung túc, quân đội hùng tráng, lương thực đầy đủ, cương thổ ngày càng mở rộng. Là phong khí của một cường quốc.

Ba, Doãn Văn tử cho rằng : Quốc gia cùng khốn, tư gia giàu có, xem thường quân quyền, thế lực quan lại mạnh. Là phong khí của triều chứng mất nước.

4. Tứ loạn :

Quản tử cho rằng có 4 điều loạn là gia loạn, tông loạn, quốc loạn và chúng loạn :

Một, ở nhà vợ chính nghi kị vợ bé, là nhà loạn (gia loạn)

Hai, con của vợ chính và con của vợ bé nghi kị lẫn nhau là tông tộc loạn (tông loạn)

Ba, trong triều, đại thần và tể tướng nghi kị lẫn nhau là nước loạn (quốc loạn).

Bốn, bổ nhiệm quan chức tầm thường, không có tài năng, cai trị các nơi, là dân chúng loạn (chúng loạn).

Bốn điều vừa nêu, gọi là tứ loạn.

Có người giải thích thêm :

Xác lập thiên tử, không nên để các chư hầu nghi kị.

Phân phong cho chư hầu, không để cho đại phu nghi kị.

Lập vợ chính, không để tì thiếp sủng ái nghi kị.

Lập con vợ chính, không để con của những người vợ lẽ nghi kị.

Nếu nghi kị sẽ sinh ra sự tranh giành, làm thương tổn lẫn nhau.

Một quốc gia lập hai đại thần làm chủ việc chính sự, sẽ phát sinh động loạn.

Không những vậy, đại thần nào cũng sẽ dựa vào nhà vua để giành cao thấp, ắt nhà vua phải chết trong cuộc tương tranh.

Một gia tộc giành quyền thừa kế cho hai con vợ chính, sẽ phát sinh sự tranh giành quyết liệt, gia tộc tan hoang.

Đại thần nghi kị nhà vua, là nguy cho quốc gia. Con vợ thứ nghi kị con vợ chính, em nghi kị anh, nguy hại cho gia đình, gia tộc.

5. Tứ nguy :

Quản tử cho rằng : Một quốc gia lâm nguy biểu hiện qua bốn phương diện :

Một, tể tướng không được lòng dân.

Hai, đại thần không đồng tâm hiệp lực lo việc nước.

Ba, tướng dẫn quân ra trận, vừa thấy quân địch đã sợ hãi.

Bốn, dân không có sản nghiệp.

Đó là bốn điều nguy hiểm của quốc gia, gọi là tứ nguy.

6. Ba công cụ và 6 mầm tai họa :

Quản tử cho rằng : Trị lí quốc gia có 3 công cụ, nước loạn có 6 mầm tai họa ẩn náu. Ba công cụ trị lí quốc gia :

Một, hiệu lệnh.

Hai, hình phạt.

Ba, bổng lộc và thưởng phạt.

Nếu thực hành 3 công cụ không tốt, chính là tự mình gieo mầm tai họa :

Một, hiệu lệnh không được ban bố đến dân chúng.

Hai, dùng hình phạt để uy hiếp dân chúng.

Ba, dùng bổng lộc và thưởng phạt nhưng không khích lệ được dân chúng, bọn không có công, chẳng có tài bỗng nhiên giàu có.

Sáu mầm tai họa do nhà vua tự gây ra, là :

Một, chuyên dùng những kẻ thân tín.

Hai, nghe bọn tân khách du thuyết.

Ba, hối lộ, ăn của đút.

Bốn, ham mê nữ sắc.

Năm, đi lại nhà tiêu nhân.

Sáu, thích của quý, ham đồ lạ.

Có người cho rằng : Một chế độ kiện toàn là nền chính trị rõ ràng, khi vượt ra khỏi tay thì không nắm lại được, quốc gia được trị lí. Nếu ngược lại, quốc gia sẽ bị suy kiệt.

Vua Nghiêu, vua Vũ giỏi trị lý quốc gia, là do chế độ kiện toàn, nền chính trị rõ ràng. Hồ Hối, Vương Bôn trị lý quốc gia không tốt, lúc suy vong hết thuốc chữa, là do chế độ không kiện toàn, nền chính trị đen tối, hắc ám.

7. Pháp lệnh, danh phận, thể chế và pháp luật

Thương Ưởng cho rằng : Pháp lệnh là tính mệnh của con người, là căn bản của quốc gia.

Chẳng hạn, một con thỏ hoang chạy ở ngoài đồng, thì có cả trăm người đuổi bắt, biến thành một trăm con thỏ, vì nó không được xác định thuộc về ai cả.

Nhưng, có người bán một con thỏ ngoài chợ, tên trộm cướp táo tợn nhất cũng không dám bắt lấy, vì con thỏ đã được xác định người có quyền sở hữu.

Do đó, xác định danh phận là nguyên tắc căn bản của việc trị lý quốc gia; không xác định được danh phận sẽ sinh hỗn loạn.

Thánh nhân cho rằng, thể chế chính là nguồn gốc của quốc gia, thể chế hỗn loạn phát sinh loạn lạc, thể chế ổn định thì loạn khó phát sinh.

Thánh nhân theo thể chế mà chế định luật pháp, luật pháp phải rõ ràng, dễ biết, ngay những người bình thường cũng hiểu được, ai ai cũng thực hành được, ai ai cũng tuân thủ luật pháp, biết tránh họa tìm phúc, là cách trị lý bản thân của mình. Bậc minh chủ là dùng thể chế để trị lý, thì thiên hạ sẽ đại trị.

Sách Tả truyện cho rằng : Một quốc gia nhanh chóng diệt vong là do nhiều chính lệnh.

Nói chung, vua và các đại thần cần hiểu rõ đạo lí thịnh suy, những quy luật thành bại, rút tĩa những kinh nghiệm lịch sử; từ đó tìm ra cách trị lí tốt nhất, đề phòng những mầm mống tai họa. Đó là những ông vua sáng suốt, là những bề tôi giỏi.

(1) Cửu phong : Tác giả và một vài tài liệu chỉ nêu tám phong kh

13. NHỮNG ĐIỀU NGHỊCH LÍ

Thiên này chuyên bàn về sự thành công, thất bại, được mất của các chế độ chính trị. Nêu những nghịch lí, những tệ đoan, phát sinh từ những khái niệm đạo đức, chính trị và nêu những phương pháp điều chỉnh. Đây là mục quan trọng, cũng là tên của sách.

1. Những tệ đoan phát sinh từ nhân, nghĩa, lễ, nhạc, danh, pháp, hình và thưởng:

Doãn Văn tử cho rằng : “ Nhân, nghĩa, lễ, nhạc, danh, pháp, hình, thưởng là tám loại pháp độ có từ thời Ngũ đế, Tam vương ”

Nhân : Nguyên gốc là lòng bác ái, thương người, có tính chất đại chúng, lâu dần thiên về ân huệ riêng tư để mua chuộc lòng người, ngược với nguyên bản của nhân.

Án tử cho rằng : Chiếu theo lẽ chế, một gia tộc không thể bố thí rộng cho cả những người trong nước; ngự đại phu cũng khó có thể chiếm hết lợi ích của nhà công.

Khổng tử nói : “ Thiên tử yêu cả thiên hạ; chư hầu chỉ yêu khu của mình cai quản, không thể thực thi nhân nghĩa vượt quá khu vực của mình, phòng ngừa dùng ân nghĩa riêng tư để mua chuộc dân tâm”.

Nghĩa : Nghĩa là tình nghĩa, nghĩa khí, lâu ngày trở bị người ta lợi dụng, thành tư nghĩa, cái nghĩa riêng tư, đi ngược lại đại nghĩa.

Ví dụ 1:

Ngu Khanh, người Triệu, vì tư nghĩa bỏ tướng ấn, giúp bạn là Ngụy Tề trốn ra khỏi nước, không còn ngó ngàng đến quân chủ.

Ví dụ 2:

Tín Lăng Quân, nước Ngụy, kết bạn với Bình Nguyên Quân, nước Triệu.

Được tin Bình Nguyên Quân bị quân Tần vây hãm ở Hàm Đan, Tín Lăng Quân, xuất vương lệnh giả, giết tướng nước Ngụy là Tấn Bĩ, rồi đem quân cứu Bình Nguyên Quân.

Tín Lãng Quân xem trọng nghĩa khí đối với bạn, gọi là tư nghĩa, xem nhẹ đại nghĩa đối với đất nước; có công với nước bạn nhưng có tội với nước của mình.

Lễ : Là sự nhường nhịn người, cẩn thận trong lời nói và việc làm, lâu ngày sinh những nghi thức rườm rà, phức tạp, tuế toái, là trái với tinh thần của lễ.

Ví dụ 1:

Có người kiến nghị, nên chế định lại quy phạm lễ nghĩa, Hán Văn đế nói : “ Lễ nghĩa quá rườm rà là không thực tế, không thể giáo hóa được dân chúng ”. Rồi ông ra lệnh không được chế định lại quy phạm lễ chế.

Ví dụ 2:

Quách Gia nói với Tào Tháo : “ Viên Thiệu câu nệ, trói buộc người ta vào nhiều nghi lễ rườm rà, phiền toái. Còn ông thì tự nhiên, không câu nệ tiểu tiết, thế là ông sáng suốt hơn Viên Thiệu ”

Nhạc : Dùng để hun đúc tính tình, lâu ngày nhạc biến thể làm cho con người phóng lãng, đậm dật, ngược lại với bản ý của nhạc.

Sách Lễ kí viết : “ Âm nhạc nước Trịnh, nước Vệ là loại trong bậc trên dẫu, đậm dật, là loại âm thanh mất nước”

Tử Sản nói : “ Sống trong dư dã người ta thường sinh trụy lạc, âm nhạc mà thái

quá đậm đặc mạnh mẽ; lễ nghĩa tế toái, phiền hà, sẽ sinh bệnh hình thức, không thể dùng nó để giáo dưỡng, sẽ sinh ra dối trá ”

Danh : Là thiết lập danh vị để xác định đẳng cấp thấp cao, lâu dần biến thành sự chiếm đoạt địa vị, ngược với ý tưởng ban đầu của danh.

Người xưa cho rằng : Danh vị khác nhau, đẳng cấp khác nhau thì sự đãi ngộ cũng khác nhau. Sở dĩ, thánh nhân chế định lễ chế là xác định đẳng cấp tôn ti cao thấp. Căn cứ vào chế định mà quy định xe, ngựa, ăn mặc. Qua ăn mặc, xe, ngựa, biểu hiện công đức lớn hay nhỏ.

Lúc còn hàn vi, Lưu Bang thấy nghi trượng, quân đội của Tần Thi Hoàng quá uy phong, buột miệng khen : “ Thế mới đúng là bậc trượng phu ! ”

Đó cũng là một trong những căn nguyên khiến người ta nảy sinh ra sự thoán đoạt.

Vì thế, Khổng tử nói : “ Lễ nghĩa không làm cho người ta thêm trung tín, đó là đầu mối của tai họa”

Pháp : Là pháp luật, nhằm ước thúc và quy phạm hành vi của con người, lâu dần người ta phá vỡ danh phận và đẳng cấp, ngược lại với ý định ban đầu của pháp.

Sách Đạo đức kinh viết : “ Pháp lệnh quá minh xét, trộm cướp nổi lên như rươi”

Giả Nghi nói : “ Pháp luật ước thúc người ta rất dễ thấy, lễ nghĩa ước thúc người ta đủ điều nhưng lại khó thấy ”

Ông còn nói : “ Một pháp lệnh vừa công bố, bọn gian tà nổi lên như măng mọc mùa Xuân, bọn lương gặt muốn gặt cả thiên hạ. Đó chính là mặt trái của pháp lệnh ”

Hình phạt : Hình phạt nhằm uy hiếp những người không chấp hành lập pháp, những kẻ tàn hại nhân dân, lâu dần biến thành bạo chính, ngược với hình phạt.

Thưởng : Nhằm kích thích con người tận tâm, phát huy tài năng, sau này trở thành sự cạnh tranh ác liệt để tranh công, là phản tác dụng.

2. Những tệ đoan phát sinh từ văn tự, xây dựng viên lâm và thượng hiền :

Văn tự : Văn tử cho rằng : “ Thánh nhân sáng tạo văn tự là để tiện xử lý sự vụ, giúp người tầm thường ghi nhớ, giúp người thông minh nhớ lâu, làm cho trí thức và văn hóa phát triển.

Nếu phong khí của một xã hội hư nát, thì văn tự trở thành công cụ kiếm ăn của bọn viết sách, viết sử, là giao kiếm của bọn gian thần dùng để giết trung thần và những người hiền lương ”

Trang tử kể : Một bọn học Nho muốn nghiên cứu kinh Thi, kinh Lễ, khai quật một cái mộ cổ. Thầy của họ bảo họ :

- Mặt trời sắp mọc rồi ! Xong chưa ?

Họ đáp :

- Chưa lột xong quần áo nhưng trong miệng có hạt châu mà trong kinh Thi có nói tới :

Lúa mạch xanh xanh

Mọc bên sườn đồi

Sống không bố thí

Chết ngậm hạt châu làm gì ?

Rồi họ nắm tóc kéo lên, nắm râu kéo xuống để mở miệng người chết ra, dùng cái dùi sắt khẽ cạy hàm, thận trọng lấy hạt châu ra, mà không làm hư nó.

Qua câu chuyện trên, Trang tử muốn nói, cây bút, chữ nghĩa, kinh điển (Thi, Thư) chẳng qua là công cụ của bọn đạo tặc !

Chúng đào bới kinh sách để kiếm ăn, như đào trộm những ngôi mộ cổ.

Xây dựng viên lâm : Ngày xưa, các đế vương ây dựng khu rừng cây cảnh (viên lâm) mục đích để cung phụng tông miếu, huấn luyện quân sĩ.

Nếu gặp quân chủ hoang dâm, thì bắt dân xây dựng để vui chơi, săn bắn, hưởng lạc, khiến cho dân khổ sở, bỏ cả mùa màng, vườn ruộng.

Ví dụ 1:

Tề Tuyên vương hỏi Mạnh tử :

- Ta nghe nói, Chu Văn vương xây dựng vườn cây cảnh rộng 70 dặm mà dân cho là nhỏ, quả nhân xây dựng viên lâm rộng chưa đến 10 dặm mà dân chúng cho là lớn, là tại sao ?

Mạnh tử nói :

- Chu Văn vương cho xây dựng viên lâm, vì dân chúng được vào đó hái củi, bắt thú, nên dân chúng cho là nhỏ.

Nay, đại vương xây dựng viên lâm để trồng kì hoa dị thảo, nuôi muông thú để riêng mình săn bắn. Người dân vào đó kiếm củi, săn bắn, thì sẽ bị bắt, bị trị tội, bị giết, khác nào giăng bẫy mà bắt dân, nên dân chúng cho là rộng.

Ví dụ 2:

Sở Linh vương cho xây dựng đài Chương Hoa. Ngũ Cử can rằng :

- Tiên vương xây lâu đài, đình tạ là để huấn luyện quân sĩ, quan sát khí tượng.

Nay xây dựng đài Chương Hoa sẽ hưởng đến việc cày bừa của dân, tài chính của quốc gia sẽ cạn, chính sự sẽ lơ là, ảnh hưởng đến đời sống của trăm họ.

Coi trọng người hiền : Người xưa, trọng người hiền, mời người hiền, cử những người hiền làm quan, mục đích là tạo phong khí tốt đẹp trong xã hội : Dùng những người chí công vô tư, đem ân đức của triều đình đến với mọi người trong thiên hạ, dân chúng an cư lạc nghiệp, mà cảm ơn đức của nhà vua.

Khi chính trị đã thối nát, thì không còn phong khí đó; lúc ấy, quan lớn, quan nhỏ, quan trên quan dưới, quan trong quan ngoài, sẽ kết bè, kết cánh.

Chúng sẽ làm hao tổn của công mà mưu lợi cho riêng mình, gây nhà nước mà béo bản thân, chính quyền bại hoại.

Lúc ấy người hiền sẽ rút ra khỏi chính quyền, tìm đường thoái ẩn, ngược lại với chính sách coi trọng người hiền (thượng hiền).

Khương Thái công nói với Chu Văn vương :

- Bệ hạ đừng cả tin nghe lời bọn bè đảng giao hoạt trong việc tuyển người. Vì người bại hoại chúng gọi là người tốt, kẻ ngu độn, chúng cũng ca ngợi là người tài trí. Chúng làm cho bệ hạ quay lưng lại với người hiền.

Thủ đoạn của bọn bè phái là khi đã đông rồi, chúng lần lượt dìu nhau lên vũ đài chính trị, chúng còn ít thì chúng đả kích để loại bỏ người hiền.

Chu Văn vương hỏi :

- Thế thì phải làm sao ?

Khương Thái công đáp :

- Phân định rõ chức và quyền của quan văn, quan võ; tùy theo nhu cầu mà tuyển người; khi tuyển, khảo hạch, thì khảo sát thật kỹ giữa danh và thực; thông qua thi tuyển, khảo hạch, mà bổ nhiệm.

Đó là cách tuyển chọn những kẻ sĩ hiền năng, là cách thượng hiền tốt nhất.

Người xưa có nói : Những kẻ bè phái thường coi trọng bè phái hơn là đạo nghĩa, chúng sẽ bịt mắt quân chủ. Khi ở triều tranh danh, lúc ở chợ đoạt lợi, cháy nhà mới ra mặt chuột, lúc đó mới biết ai là bạn. Gấp lập công, để mau kiếm lợi, thường mất nhiều được ít, dục tốc thì bất đạt.

4. Tố chất và biến chất :

Sách Hàn Phi ngoại truyện cho rằng, thời cổ sĩ đại phu có năm tố chất là quý, giàu (phú) dũng, trí, mạo, những tố chất này dần dần bị biến chất.

Một, phẩm hạnh tôn quý của kẻ sĩ nhân nghĩa, yêu dân. Nhưng đã có địa vị, có quyền thế, họ không còn yêu dân, không bảo vệ dân chúng, mà chỉ bảo vệ cái ghế của mình, thuộc hạ của mình, trở thành bạo ngược; là bất nhân, bất nghĩa.

Hai, khi đã giàu có, xa xỉ vô độ, xem tiền như rác, nhưng không cứu tế cho những người khốn khổ, không bố thí cho những kẻ bần cùng; là ngược với lòng bác ái.

Ba, cường tráng, vũ dũng nhưng không đem thân bảo vệ đất nước, không giết địch lập công, cậy sức mạnh hiếp kẻ yếu, hờ một chút khoa chân múa tay điệu võ dương oai; là trái ngược với vũ dũng.

Bốn, thông minh tài trí, nhưng không đem thông minh, tài trí để giúp dân, giúp nước, lại cấu kết với bọn tà ác, dùng thông minh tài trí để mưu việc tà ác; là phản thông minh, tài trí.

Năm, tướng mạo đường đường, phong độ hiên ngang nhưng không giữ lễ nghĩa, đem cái mã bên ngoài để mê hoặc phụ nữ, hoang dâm, buông lỏng tình dục; là tướng mạo ngược với phẩm hạnh.

5. Những phó tác dụng khác :

Hình phạt nghiêm minh: Khương Thái công nói : “ Hình phạt nghiêm minh, làm cho dân sợ, nhưng quá dân quá sợ, sẽ sinh biến cố, chợ sẽ xuất hiện kẻ cắp”

Khen thưởng : Khương Thái công nói : “ Chỉ dựa vào công lao mà tưởng thưởng, sẽ quấy động lòng tham; nguyên, con người lòng tham không đáy, khi không thỏa mãn, sẽ sinh oán hận.

Cho nên, ông vua sáng suốt, luôn nghĩ đến dân, giảm áp lực cho dân, làm cho dân vui vẻ; không quá chú trọng đến việc dân quy thuận hay không quy thuận, đi hay ở, chỉ chú trọng làm cho dân vui với công việc, nơi ăn chốn ở yên lành. Đó là cảnh tượng thái bình ”

Sự độc chiếm : Ân tử cho rằng : “ Làm tôi mà muốn vua sủng ái riêng mình, mong vua xa lánh người khác là bất trung.

Làm con mà mong cha mẹ chỉ yêu mình, mong cha mẹ lạnh nhạt với cha mẹ, là con bất hiếu.

Làm vợ mong độc chiếm ông chồng, mong chồng bỏ thế thiếp phòng không chiếc bóng, là bà vợ đố kỵ ”

Sách Lã thị xuân viết : “ Âm dương hòa thuận thì vạn vật mới sinh trưởng, chẳng phải chỉ một âm hoặc một dương. Sương ngọt và mưa tưới tắm cây cỏ mới tươi nhuận, không phải chỉ có sương hay chỉ có mưa.

Vua của một nước có muôn vạn thần dân chứ không phải chỉ một người, cho nên không nên sùng ái một người ”

Thân tử nói : “ Người phụ nữ độc chiếm ông chồng, thì thê thiếp làm loạn; một đại thần được vua sùng ái, thì quần thần sẽ bỏ đạo đức, bỏ cái tâm của mình. Sự đổ kị của vợ con sẽ làn tan nát gia đình, sự độc đoán chuyên quyền của đại thần, dễ dẫn đến sự băng hoại của quốc gia. Cho nên, bậc minh quân không nên đối xử thiên lệch, có như vậy quần thần mới tận tụy và phòng chống chuyên quyền, độc đoán”

Tôn văn hoặc thượng võ : Hàn Phi tử cho rằng : “ Nho sinh dùng văn từ để nhiều loạn pháp lệnh, bọn hiệp khách dùng võ dũng để phạm cấm lệnh.

Đó là cái tệ của việc tôn sùng văn hoặc tôn sùng võ. Vì vậy, việc trị nước phải coi trọng cả văn lẫn võ ”

Tào Tháo nói : “ Đơn thuần dựa vào võ thì quốc gia bị diệt vong nhưng nếu chỉ đề cao văn thì quốc gia cũng không còn”

Ngô tử thì cho rằng : “ Vua nước Tang chuyên dùng nhân nghĩa đạo đức, bỏ quân bị, kết quả nước mất nhà tan. Vua nước Hô, coi trọng vũ lực, kết cục mất nước. Từ kinh nghiệm lịch sử, bậc vua sáng, bên trong đề cao văn đức, bên ngoài phải tăng cường quân bị, trong nước văn minh rực rỡ, nước ngoài không thể dòm ngó, xâm phạm, thiên hạ thái bình ”

Sách Linh kinh viết : “ Văn thần phải biết võ lược thì mới có thể phò tá quân chủ; võ thần biết văn chương, thì có thể phò tá được quân chủ. Văn võ kiêm toàn thì giao cho trọng trách coi về quân sự; văn võ khiếm khuyết thì không nên giao

binh quyền”

Sự liêm khiết : Tử Lộ cứu một người rơi xuống sông, khỏi chết đuối. Cha mẹ người ấy cảm ơn, đem biếu Tử Lộ một cái đầu bò. Tử Cống nhận.

Khổng tử khen rằng : “ Việc làm của Tử Lộ, từ nay sẽ khiến cho những người nước Lỗ sẵn sàng cứu những người gặp nguy hiểm ”

Nhà Tử Cống giàu, nuôi nô lệ, trong đó có một nô lệ được người nhà đem tiền xin chuộc. Tử Cống không lấy tiền và cho người nô lệ về với gia đình.

Khổng tử than rằng : “Thế thì từ nay, người nước Lỗ sẽ ít người có cơ hội được chuộc con cái ! ”

Việc thu lễ đầu bò của Tử Lộ có thể xem là không liêm khiết, nhưng tạo nên một phong khí tốt lành trong xã hội, người ta sẽ sẵn sàng cứu người.

Tử Cống không thu tiền chuộc là liêm khiết, trả người là việc thiện, nhưng việc làm của Tử Cống tạo tiền lệ không tốt đến việc giải phóng nô lệ.

Sự liêm khiết và làm việc thiện của Tử Cống, vô tình đã đi ngược với liêm khiết, điều thiện và sinh tệ đoan.

Phong khí và phản phong khí : Khuông Hành cho rằng : “ Triều đình là cột trụ của thiên hạ là gương mẫu của thiên hạ. Vì vậy :

Công, khanh, đại phu khiêm tốn, cung kính dùng lễ mà nhường nhau, thì dưới không có sự tranh giành.

Công, khanh, đại phu, lo việc thi ân bố đức, thì dưới không có bạo loạn.

Công, khanh, đại phu đề cao và thực hành tiết kiệm, thì dưới coi trọng đạo nghĩa.
Công, khanh, đại phu khoan dung, đôn hậu, trí huệ, thì trăm họ kính mến.

Bốn điều trên, sẽ tạo ra phong khí chính trị tốt đẹp trong xã hội. Ngược lại:

Trong triều, các quan chức cãi cọ nhau, tranh giành nhau không nghỉ, thì dưới xảy ra những cuộc tương tranh.

Trong triều có đại thần độc đoán, chuyên quyền, thì dưới có lắm kẻ tranh danh, đoạt lợi.

Trong triều, có kẻ uy hiếp nhà vua, dưới sẽ có nhiều người làm hại người trên.

Trong triều, các đại thần chạy theo lợi lộc, dưới trộm cắp nổi lên như rươi.

Bốn điều trên, biểu thị phong khí chính trị đã đến hồi hư nát ”

Trung thần : Thận Đáo nói : “ Trung thần mà không cứu đất nước ra khỏi loạn lạc, thì chưa chắc đã là trung thần ?

Chẳng hạn, thân phụ của vua Vũ là người không tốt, nhưng vua Vũ hết lòng giữ đạo hiếu với cha; khiến cha trở nên người tốt, cha không còn mang tiếng là người cha ác. Vua Trụ có nhiều trung thần, nhưng ông lại mang tiếng xấu ngàn năm.

Suy ra, con hiếu chưa phải là do từ cha mẹ, trung thần không làm cho ông vua mê muội trở nên sáng láng lánh.

Cho nên, làm vua, hoặc người lãnh đạo, không nên bắt người ta phải tận trung một cách mù quáng, hoặc để họ đi quá giới hạn, vượt quá địa vị, chức quyền, tức là đã đi ngược với chữ trung đích thực ”

Ví dụ:

Dưới thời Hán Nguyên đế, triều thần là Kinh Phòng dâng sớ đàn hặc Thạch Hiên, rồi bị biếm làm Thái thú Ngụy quận. Ông lấy làm lo lắng, viết thư dâng Nguyên đế, trong đó có đoạn :

“ Học trò của tôi là Diêu Bình nói với tôi rằng, tôi chỉ là một người tiểu trung, không được là người đại trung. Là tại sao ?

Trước kia, Tần Thi Hoàng, hoạn quan Triệu Cao mới bắt đầu được tham dự triều chính.

Có một vị bác sĩ can gián nhà vua và chỉ trích Triệu Cao, bị Triệu Cao sát hại. Từ đó, chẳng ai dám hé răng và Triệu Cao cứ thế vững vàng trên con đường nắm quyền lực. Đó cũng là một trong những nguyên nhân nhà Tần sớm diệt vong.

Hiện nay, tôi bị biếm đến làm quận thủ, tôi chỉ có một thỉnh cầu là mong bệ hạ đừng thương xót tôi, hãy giết tôi, để tôi tỏ rõ tấm lòng trung và được cái tiếng là đại trung. Đừng để học trò Diêu Bình chê cười, tôi chỉ là một kẻ tiểu trung ! ”

Vua chúa và trộm cướp : Trang tử viết : “ Đề phòng những kẻ ăn trộm mở tráp, moi đây, cạy rương, người ta lấy giây cột, rồi khóa thật chắc những thứ đó lại, tự cho như vậy là khôn, là thông minh.

Nhưng nếu có một tên cướp khiêng cả rương, xách cả đây, vác cả rương mà đi, nó chỉ sợ đứt giây cột, khóa bị gãy.

Vậy, hành động trước kia, tự cho là khôn, là thông minh, hóa ra bây giờ lại thấy dại, làm sẵn cho kẻ cướp, để kẻ cướp mang của đi một cách an toàn hay sao ?

Nói cách khác, thông minh theo thế tục là cách dọn sẵn cho kẻ cướp, giúp kẻ cướp “

Tôn tử binh pháp nói : “ Quân ít, thế yếu chỉ khư khư phòng thủ, thế nào cũng bị đội quân mạnh bắt làm tù binh. Tức phải biết tùy cơ ứng biến, tùy thời mà lập thế.

Quân chủ thông minh là biết cướp thiên hạ và đừng để bị cướp cả thiên hạ ? “

Ví dụ

Quan đại phu nước Tấn hỏi quan đại phu nước Tề là Án Anh :

- Tình hình nước Tề thế nào ?

Án Anh đáp :

- Nước Tề hết thời rồi ! Nước Tề sẽ lọt vào tay họ Điền. Nhân dân không ủng hộ vua Tề mà quy phục họ Điền, nên đất nước sẽ thuộc về họ Điền.

Nước Tề có 4 vật dùng để đo đếm là đậu, khu, phủ và chung; cứ 4 thăng là một đậu, 4 đậu là một khu, 4 khu là một phủ, 4 phủ là một chung.

Họ Điền dùng những vật đo đếm này để thu mua một lượng lương thực lớn, còn nhà nước thu mua một lượng lương thực rất nhỏ.

Những sản vật từ rừng núi, cá muối từ biển, khi chở đến kinh đô cũng không cao hơn nơi sản xuất. Vì vậy, không khuyến khích được dân chúng khai thác, săn bắt, làm lụng.

Dân làm được 4 phần, nhà nước thu hết 3 phần, chỉ còn một phần, may lắm chỉ đủ ăn, đủ mặc.

Lương thực, của cải trong kho nhà nước đầy ắp, có loại ẩm mốc, hư nát, trong lúc dân chúng thiếu thốn, đói khát.

Chưa kể, giá giày dép rớt xuống thảm hại, giá nạng gỗ tăng vọt, vì hình phạt nặng nề, có nhiều người bị chặt chân.

Trong lúc ấy, họ Điền bố thí cho dân, vỗ về dân, y như mẹ lo cho con cái. Dân chúng theo họ Điền như nước chảy. Chứng tỏ, chính quyền nước Tề sắp rơi vào tay họ Điền ”

Theo cách nói của Trang tử. nước Tề đang tom góp của cải của nhân dân bỏ vào ruộng, vào hòm, vào đầy, buộc lại, khóa kỹ càng, cho đó là thông minh.

Nhưng cách làm của nước Tề là giúp cho họ Điền, thông minh hơn, cướp cả thiên hạ.

Nói thêm về nhân nghĩa : Đệ tử hỏi Đạo Chích :

- Bọn trộm cướp có đạo lí gì không ?

Chích trả lời :

- Sao lại không ? Đột nhập vào nhà và ra an toàn; đại ca đi trước, rút thì rút sau, bảo vệ cho đàn em, là nghĩa khí và dũng hơn người. Phân tích, phán đoán để việc trộm cắp thành công, là trí hơn người. Trộm được của cải, phân phát cho mọi người, là nhân. Nếu không có dũng, trí, nhân, làm sao thành kẻ trộm ?

Muốn luận về vấn đề này, chúng ta tham khảo vài ví dụ sau :

Ví dụ 1:

Phạm Hoa nói : Đồng Trác bản tính tàn bạo hung hãn, gặp lúc nhà Hán suy vong, hăn như con cọp sống chà đạp cường thường, tàn hại sinh linh. Đồng Trác còn hơn phường trộm cướp.

Ví dụ 2:

Họ Lý chấp chính nước Lỗ, bắt dân làm phu phen đi mở một con rạch lớn trong 5 tháng.

Tử Lộ thấy dân phu làm lụng cực nhọc, đói khổ, liền vét hết bổng lộc, gạo tiền, đem cho các dân phu.

Khổng tử nghe tin, sai Tử Cống đến xem tình hình như thế nào ?

Tử Cống đến, thấy Tử Lộ đang loay hoay giả gạo, nấu cơm, phục dịch cho dân phu.

Tử Lộ thấy Tử Cống đến, thì cự nự :

- Thầy sai ông đến, chẳng qua là ghen tị với nghĩa cử nhân nghĩa của tôi chứ gì ?
Chẳng lẽ trên đời này, chỉ có thầy mới là người nhân nghĩa ?

Tử Cống về thưa lại với thầy những lời Tử Lộ nói.

Khổng tử nghe xong, nói :

- Theo lễ chế, chỉ có thiên tử mới thực thi hành nhân ái khắp thiên hạ, chư hầu thực thi nhân ái ở đất được phong, quan đại phu chỉ giữ chức phận của mình, kẻ sĩ thì lo việc nhà cho vẹn.

Nếu như thực thi nhân nghĩa mà vượt quá quyền hành, quá chức vụ, ra ngoài phạm vi của mình là trái với lễ chế. Tử Lộ chưa thông lễ ấy nên mới trách ta !

Ví dụ 3:

Hiển vương Lưu Đức là vua của nước chư hầu, nói năng lễ phép, cử chỉ đường hoàng, nổi tiếng là người nhân nghĩa.

Một hôm, Lưu Đức vào yết kiến Hán Vũ đế. Hán Vũ đế tỏ ra không vui nói :

- Ngày xưa, vua Thang đất chỉ có 70 dặm, Chu Văn vương chỉ có 100 dặm, hai ông đều làm nên đại nghiệp. Nay, ta phong cho ông đất rộng hơn hai ông ấy nhiều, không biết ông sẽ làm gì đây ?

Ra về, Hiến vương Lưu Đức vừa buồn, vừa lo sợ. Từ đó, bỏ hết nhân nghĩa, sống buông thả, vui chơi, đàn hát, chìm đắm trong rượu và gái đẹp, để to ra mình là người không có chí lớn. Lúc ấy, Hán Vũ đế mới yên lòng.

Nói chung, làm người phải có nhân, có nghĩa, không có nhân nghĩa sẽ trở thành kẻ tàn bạo, nhưng thực thi nhân nghĩa phải đúng với chức vụ, quyền hạn và phạm vi của mình. Vượt quá quyền hạn, chức vụ, phạm vi nhân nghĩa trở thành mối họa cho bản thân.

Vì vậy, Thi tử cho rằng : “ Vua tôi, cha con, trên dưới, lớn bé, phú quý hay bần tiện, xa hay gần, phải giữ đúng bốn phận của mình, đúng địa vị của mình, đúng với việc làm của mình, làm việc gì cũng hợp tình hợp lí. Đó là nhân, là nghĩa ”

Như trên đã nói, Đạo Chích cho rằng, kẻ trộm cũng có nhân nghĩa; về lí luận nghe có vẻ xuôi, nhưng về bốn phận là không đúng, đó lí luận, đạo lí của kẻ trộm.

6. Sự vận dụng chế độ và luật pháp:

Tuân tử cho rằng : “ Hậu Nghệ chết, thì chế độ pháp luật thời Hậu Nghệ cũng

không còn. Thời Hạ, Vũ qua đi, thì chế độ, pháp luật thời Hạ, Vũ biến mất.

Vì, chế độ và luật pháp không thể tồn tại độc lập, mà phải dựa vào sự vận dụng của con người, con người vận dụng thì tồn tại, không vận dụng thì mất đi ”

Trang tử kể : “ Một gia tộc ở nước Tống, giỏi chế thuốc có công dụng chống lở loét khi gặp lạnh, cha truyền con nối nhưng nghèo vẫn hoàn nghèo.

Một người khách biết được, liền đem ngàn vàng đổi lấy phương pháp chế thuốc.

Người khách đem phương thuốc du thuyết vua Ngô.

Nhân nước Việt đem quân đánh Ngô. Vua Ngô sai quân chống trả. Nhờ phương thuốc mà quân Ngô không mắc bệnh lở tay, cầm vững vũ khí, hăng hái đánh bại quân Việt.

Vua Ngô thắng trận, phong cho người khách tước hầu và thưởng rất hậu hĩnh.

Cùng một phương thuốc, không biết dùng nó, thì nghèo khó mãi mãi, biết dùng nó, thì trở nên giàu sang, phú quý ”

Tương tự, chế độ, pháp luật, biết dùng hợp thời, biết vận dụng, sẽ đạt được hiệu quả rất lớn.

14. PHẢI TRÁI

Thiên này bàn về phải - trái, thị – phi, theo quan điểm chính trị, một cách biện chứng, không theo cảm tính, không nghe theo một chiều, để xử lý công việc, trị lý quốc gia.

Mỗi vấn đề đều có những ý kiến thuận, gọi là chính phương, và có những ý kiến nghịch, gọi là phản phương, tuy trái ngược nhau nhưng lại bổ túc cho nhau.

1. Sinh mệnh :

Kinh Thi viết : “ Thông minh hơn người, hiểu biết hơn người là tự biết bảo vệ mình”

Kinh Dịch cho rằng : “ Sinh mệnh là đức lớn nhất trong khoảng trời đất”

Sách Luận ngữ viết : “ Trong lúc nguy hiểm, kẻ sĩ có thể xả thân vì nghĩa, thấy việc nghĩa thì làm, đó là dũng. Hoặc, người quân tử hi sinh tính mệnh là người nhân, tham sống sợ chết không phải là người nhân ”

2. Cá biệt và phổ biến :

Quản tử viết : “ Nếu trong cuộc sống gặp khó khăn thì nên học kinh nghiệm của người xưa. Nếu thấy tương lai mình mờ mịt thì nên nhìn lại quá khứ của mình ”

Người xưa nói : “ Người đã mang bệnh trầm kha, sẽ khó sống, nước mang bệnh trầm kha, thì sẽ mất ”

Sách Lã thị xuân thu viết : “ Thấy người ăn cơm mắc nghẹn chết, mà cấm mọi người ăn cơm là sai lầm. Thấy người đi thuyền bị đắm mà chết đuối, rồi cấm người ta đi thuyền là sai lầm. Thấy nước khác chiến bại, mất nước, mà nước mình bỏ quân đội, là sai lầm; nếu không muốn nói là ngu dốt ! ”

Đỗ Như, thời Tam quốc, nói : “Gian thần, tặc tử đời nào chẳng có, không phải trăm năm mới xuất hiện một gian thần, cũng không phải một trăm dặm mới có một tên tặc tử.

Cho nên, dùng người mà cứ nghi ngờ, thì không dùng được. Giống như thấy một người ăn cơm mắc nghẹn, rồi cấm mọi người ăn cơm, thì người chết đói sẽ đông như rạ ”

3. Sự căm ghét:

Khổng tử nói : “ Căm ghét đến nỗi vạch trần những cái riêng tư của người là là người chính trực vô tư ”

Quản tử nói : “ Tuy căm ghét nhưng không nói những việc làm ác của người, là người có lòng nhân ”

Tào Hy, thời Tam quốc, nói : “ Che đậy điều ác, xiển dương điều thiện, là nghĩ

lớn của người quân tử; bảo vệ, tuyên dương bạn, là chí tình với bạn.

Nhưng cũng có người nói năng theo kiểu chợ búa, không thành thực, thiếu công chính, mục đích để hủy báng người khác.

Cũng có người đọc lơ mơ mấy quyển sách, không thông nghĩa sách, không rõ thiện ác, chẳng hiểu phải trái, nhưng lại cứ đem sách vở dẫn chứng, làm cho nhân tâm thế đạo, lộn tùng phèo ”

4. Đại sự và tiểu tiết :

Việt tuyệt thư viết : “ Người mê sắc đẹp là người không trinh khiết, kẻ khoe khoang thì không giữ chữ tín”.

Sách Hán thư viết : “ Muốn làm việc lớn, không câu nệ tiểu tiết, cử hành đại lễ, không nên quá chi li ”.

5. Tham lam và không tham lam :

Hoàng Thạch công nói : Tham đất đai rộng lớn, sẽ có ruộng vườn hoang phế. Thi hành nhân đức rộng lớn thì đất nước hùng mạnh. Muốn bảo vệ mình, trước hết phải an phận thủ thường, tham lam quá sức sẽ sinh hành vi tàn bạo. Lấy bạo tàn để thống trị, thì chỉ thành công nhất thời, chung cục là thất bại.

Tư Mã Thác, thời Chiến quốc, nói : “ Muốn quốc gia giàu mạnh, phải mở mang

lãnh thổ; muốn có quân đội mạnh, phải làm cho dân giàu; muốn xưng vương thống trị thiên hạ, phải thi hành đức chính. Đó là bốn điều kiện để làm nên vương nghiệp ”.

6. Vàng và lửa :

Sách Tả truyện viết : “ Tấm lòng thuần khiết, không gian tà, lo gì kẻ dèm pha ?”

Người xưa nói : “ Cẩn thận trong lễ nghĩa, sợ gì kẻ khác đặt điều, thật vàng không sợ lửa”.

Có người lại nói : “Tuy không thực, nhưng kẻ dèm pha nói đi, nói lại, nói tái nói hoài, thì người ta tin là thực, như vàng nấu mãi cũng phải chảy.

Kẻ siểm nịnh, biết cách nịnh, nịnh hoài, người ta cũng xiêu lòng như nước chảy đá mòn, nhẹ như cái lông hồng, nhưng chất mãi cũng chìm thuyền, chất đầy trục xe cũng phải gãy ”.

7. Vô hạn và giới hạn :

Khổng tử nói : “ Người quân tử không giống những đồ dùng, không cần trang trí, trang sức bên ngoài, chỉ lo tu dưỡng lâu dài; trí của thánh nhân rộng vô biên, thấu hiểu cả vạn vật ”.

Liệt tử nói : “ Trên đời chẳng cái gì có tính vạn năng, không phải cái gì thánh

nhân cũng biết hết, người thế gian không sử dụng hết những tính năng của vạn vật. Cho nên, trời sinh dục chúng sinh, đất chở vạn vật, thánh nhân giáo hóa dân chúng ”.

8. Bụng dạ và chí hướng:

Khổng tử nói : “ Lòng quân tử thì rộng rãi, bụng tiểu nhân thì hẹp hòi ”.

Ông lại nói : “ Công tử Trùng Nhĩ (nước Tấn) bụng muốn xưng bá nhưng khi đến nước Tào, nước Ngụy, bị coi khinh, thì sỉ nhục mới hiện ra. Việt vương Câu Tiễn, bụng muốn xưng hùng, ở trận Cối Kê, bị Ngô Phù Sai đánh bại, lúc đó nhục nhã mới hiện ra.

Người có địa vị, bụng dạ hẹp hòi, không lo xa, ắt phải mang nhục ”.

9. Mình nhìn mình và người khác nhìn mình:

Hàn Phi tử nói : “ Người xưa, không tự thấy mình được, cho nên người ta phát minh ra cái gương soi; trí tuệ còn hoài nghi thì ta phải dùng sự phản tỉnh, nhìn lại mình cho chính xác”.

Lão tử nói : “ Giỏi nghe người khác nhìn mình, nói về mình, thì biết mình. Thẳng người là mạnh, tự thẳng mình là sáng ”.

11. Người đẹp và phục trang :

Đường Thư cho rằng : “ Thích khách Chuyên Chu tuy dấu dao trong người để đâm Ngô vương Liêu, ai cũng khen là dũng cảm. Người đẹp Tây Thi, tuy mặc áo ngắn bằng vải thô người ta vẫn khen đẹp ”.

Thận tử cho rằng : “ Mao Trường, Tây Thi là những người đẹp nổi tiếng nhưng lấy da thú làm áo quần, mặc vào cũng chẳng ai ngó. Hai nàng ấy, mặc lụa là gấm vóc đẹp, thì người đời trố mắt ra nhìn. Mĩ nữ cũng nhờ quần áo đẹp lại càng thêm đẹp ”.

12. Trước và sau :

Hạng Lương nói : “ Ra tay trước, chế ngự được người, ra tay sau, bị người chế ngự”.

Sách Quan chí nói : “ Ra tay trước, dùng thanh thế đoạt người, là ưu thế ”.

Dật Tăng Kinh nói : “ Nếu gây họa trước, chết là cái chắc ”.

13. Đức và quyền:

Thận tử nói : “ Người hiền năng mà phục tòng người thiếu đức, là vì quyền lực quá nhỏ; người thiếu đức mà phục tòng người hiền năng, về sau địa vị sẽ được tôn quý ”.

Giả Nghi nói : “ Từ xưa đến nay, hễ dân chúng oán ghét tất sẽ bị diệt vong, dân chúng ủng hộ nhất định thắng lợi. Trụ tự xưng là thiên vương, Kiệt tự xưng thiên phụ nhưng bị dân chúng oán ghét nên đều diệt vong.

Cho nên, quyền không đủ để cho người ta tôn sùng, danh hiệu không đủ để cho người ta ca ngợi ”.

14. Chinh phạt và mưu sát:

Hiên Cố và Hoàng Sinh tranh luận trước mặt Hán Cảnh đế. Hoàng Sinh nói :

- Thành Thang và Chu Vũ vương không phải thọ mệnh của trời mà làm vua, mà do giết Kiệt và Trụ mà lên làm vua.

Hiên Cố nói :

- Không phải vậy ! Kiệt, Trụ hoang dân vô độ, nên dân tâm quy phục vua Thang, vua Vũ. Vua Thang, vua Vũ thuận ý dân mà phạt Kiệt, Trụ, dân chúng theo vua Thang, vua Vũ mà đánh Kiệt, Trụ. Dân chúng ủng hộ, nên hai ông ấy làm vua.

Hoàng Sinh nói :

- Cái mũ mới thì người ta đội lên đầu, đôi giày mới thì người ta xỏ chân để đi, mọi vật đều có trên có dưới, có đầu có đuôi.

Kiệt, Trụ tuy vô đạo, dẫu sao cũng là vua. Thang, Vũ tuy sáng suốt nhưng cũng là bề tôi.

Quân chủ sai lầm, thần tử không can gián để quân chủ sửa đổi, lại còn thừa cơ đem quân tiến đánh, thế không gọi là những kẻ mưu sát, thì gọi bằng gì ?

15. Thưởng phạt :

Khương Thái công nói : “ Trừng phạt nghiêm minh, khiến cho người ta sợ, người ta sợ quá thì phát sinh biến cố; thưởng phạt phân minh, là gợi lòng tham, tham nhưng không thỏa mãn, sinh oán hận”.

Gia Cát Lượng nói : “Dùng pháp luật để thiết lập sự uy nghiêm, chấp pháp nghiêm minh, để cho người ta biết có ơn thì báo đáp; dùng tước lộc, địa vị để phân biệt đẳng cấp, làm cho người ta cảm thấy vinh dự ”.

16. Vua và dân chúng :

Văn tử nói : “ Người thống trị cũng cần được giáo hóa, không phải thích gì làm nấy.

Vua thích dùng cảm, người trong nước sẽ thích đánh nhau, xã hội rối loạn; vua hiếu sắc, người trong nước sẽ dâm loạn hủ hóa ”.

Tần vương nói : “ Ta nghe vua Sở có cái kiếm sắc bén không có gì sánh bằng; lại có một thuyền lớn chở bọn đàn ca, hát xướng.

Kiếm sắc bén có thể làm cho binh sĩ dũng cảm; nhưng lấy thuyền chở bọn đàn ca, hát xướng, biểu thị không phải là người có chí hướng cao xa.

Cho nên, ta phải dùng mưu lược cao xa, để làm nhụt cái dũng cảm của sĩ tốt của Sở ”.

17. Lập công :

Mặc tử nói : “ Vua tuy hiền minh nhưng không vui khi thấy đại thần không lập nên công trạng; cha tuy hiền từ nhưng rất buồn khi thấy con mình vô dụng ”.

Tào Thực nói : “ Khoan thứ người có tội, nghiêm khắc bảo người lập công, là ông vua hiền minh; lạnh nhạt với đứa con ngu độn, yêu mến đứa con thông minh, là người cha nhân từ ”.

Sách Tam lược viết : Người có chí lớn luôn luôn mong có cơ hội để thi triển tài năng. Bậc minh quân luôn tạo cơ hội, điều kiện cho những người có chí lớn phát triển tài năng.

18. Tương đồng và tương phản :

Hàn Phi tử viết : “ Thông thường, cùng quan điểm, dễ đồng ý với nhau, khác

quan, sinh mâu thuẫn bài bác lẫn nhau ”.

Chu Dịch viết : “ Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu; thủy có tính âm thấp nên chảy xuống thấp, hỏa có tính nóng, nên thường bốc lên cao, mây theo rồng, gió thì theo hổ ”.

Chu Dịch lại viết : “ Hai người phụ nữ ở chung một nhà nhưng chí hướng không đồng với nhau ”.

Người xưa nói : Hai con đực không thể ở chung một hang, hai con giao long không thể ở chung một vực sâu.

Cho nên, cái gì tương đồng thì hay sinh tương phản, hai người đẹp thì ganh ghét, đố kị nhau, hai kẻ quyền quý thì tìm cách dè bĩu nhau.

19. Chế độ và pháp quy :

Hàn Phi tử nói : “ Ngay cả vua Nghiêu tài giỏi chưa chắc đã làm cho mọi người thống nhất và hiểu hết pháp quy, chế độ. Vì vậy, làm chế độ, pháp quy phải căn cứ vào trình độ trung bình của dân chúng.

Hề Trọng, nguyên là người thợ nổi tiếng kim cổ về việc chế tạo bánh xe, nếu lấy hết thước vuông, thước tròn, giây dọi ... thì ông ta cũng đành bó tay.

Những bậc vua chúa thường thường bậc trung, dùng bút mực thảo ra chế độ,

pháp quy, mà không có căn cứ, thì mong gì thành công ! Khác nào, Hề Trọng làm bánh xe mà không có dụng cụ để đo đạc, tính toán ”.

Sách Hoài Nam tử viết : “ Mũi tên bắn đi xa, xuyên thủng những vật cứng, là nhờ sức của cây nỏ; mũi tên trúng mục tiêu, không sai chạy là nhờ sự xác định chính xác.

Thưởng cái thiện, trừng phạt cái ác chính là chức năng của chính lệnh.

Mọi người thông suốt và chấp hành chính lệnh là nhờ ở tinh thành.

Sở dĩ, cái nỏ có sức rất lớn nhưng không có người sử dụng, thì mũi tên khó trúng thì mũi tên không thể bật ra và trúng mục tiêu.

Không có người nào thông suốt chính lệnh và không thi hành, làm sao đạt được hiệu quả ? ”.

Đỗ Như nói : Người dưới xem thường người trên, là do luật pháp lộn xộn, không có thứ tự.

Nếu, cứ cho rằng, dân ai cũng hiểu luật pháp, chấp hành luật pháp, thì vua Nghiêu, vua Vũ đâu cần đến ông Hậu Tắc, ông Khiết; vua Thang, vua Vũ đâu cần ông Y Doãn, ông Lữ Thượng phò tá ?

20. Chuẩn bị và không chuẩn bị:

Có người cho rằng, không chuẩn bị thì không thể ứng phó với những tai họa xảy ra.

Sách Tả truyện viết : “ Ngày xưa, những người cầm quyền sáng suốt rất giỏi phòng tai họa ”.

Sách Tả truyện lại viết, Đại phu Sĩ Vi nói với vua Tấn : “ Tôi nghe nói, không có tang mà bi thương, tất chuyện lo buồn sẽ đến; binh lính không bệnh hoạn, mà xây thành, chắc trong nước sẽ có loạn; đã có mầm nội loạn thì phải có cách đối phó ”.

Sách Xuân Thu ngoại truyện kể : Chu Cảnh vương, muốn đập vỡ cái chuông để lấy đồng đúc tiền. Đồn Mục công can rằng :

- Không nên ! Ngày xưa, khi bị thiên tai, tùy theo nặng hay nhẹ, người ta căn cứ vào tai họa mà cho đúc tiền để phát hành, để cứu người.

Nay, nước Chu là một nước yếu, thiên tai cũng không ít, nhân tâm đang lìa tán nhưng cũng còn cứu vãn được, nếu phá chuông, đúc tiền thì dân tâm càng lìa tán, tai họa càng chất chồng. Cho nên, tôi nói là không nên.

21. Đánh và không đánh :

Sách Tả truyện viết : “ Người xưa có câu, một ngày thả địch, thành mỗi họa ngàn năm ”.

Lại có chuyện kể, quân Tấn và quân Sở gặp nhau tại Yên Lăng. Tướng nước Tấn là Phạm Văn Tử không có ý đánh nhau với Sở và nhận định : Người xưa, mỗi lần xuất quân, phải có nguyên nhân.

Nay, Tần, Địch, Tề, Sở xem ra thế rất mạnh, nhưng con cái các tướng lĩnh đều suy nhược. Xét thực lực, ta có thể hàng phục được Tần, Địch, Tề; chỉ có Sở là địch thủ.

Những người không phải là thánh nhân, khi cai trị đất nước, nếu bên ngoài an định, thì bên trong sẽ sinh nội loạn (do chuyên quyền, kiêu ngạo phát sinh).

Nay, ta biết là trong triều đang có mâu thuẫn, muốn chuyển mâu thuẫn này ra bên ngoài thành họa nạn ở bên ngoài, nên ta chần chừ chưa vội giao chiến.

22. Hào phóng và keo kiệt:

Sách Tam lược viết : “ Không nên để người giàu lòng nhân nghĩa trông coi về tiền bạc, của cải, họ sẽ dùng của cải, tiền bạc để thi ơn bố đức, dân chúng sẽ trở thành thuộc hạ của họ ”.

Sử kí Tư Mã Thiên kể : Đứa con trai thứ hai của Chu công phạm tội giết người, bị giam ở nước Sở.

Chu công định sai con út đem một ngàn dật vàng sang Sở cứu đứa con thứ hai. Nhưng người con trưởng nặng nề đòi đi bằng được.

Kết cuộc người con trai cả không cứu được em; người em bị xử tử, chỉ còn việc đem xác về chôn.

Chu công nói :

- Tôi vốn vẫn biết thế nào, nó cũng làm chết em nó. Không phải nó không yêu em nó. Có điều nó đã chẳng dẫn được cái lòng xót của. Từ nhỏ, nó đã sống bên cạnh tôi, nó biết làm ăn vất vả thế nào, cho nên nó quý đồng tiền mồ hôi nước mắt chẳng nỡ phung phí. Còn thằng út thì giàu từ trong trứng giàu ra, lọt lòng mẹ đã lên xe xuống ngựa, nay đi bắn, mai đi săn, làm sao biết được đồng tiền từ đâu đến, nên nó khinh tiền, chẳng biết tiếc tiền. Sở dĩ, tôi muốn sai thằng út đi vì nó khinh tiền, dám phung phí. Thằng cả nó không dám phung phí nên nó làm chết thằng hai.

23. Bổng lộc và ý chí :

Sách Luận ngữ viết : “ Bổng lộc ít sẽ sinh ra bạo loạn; ban thưởng ít người ta sẽ không hoàn thành nhiệm vụ”i.

Thận tử cho rằng : “ Vua chúa ngày xưa không dùng những người quay lưng lại với bổng lộc, không sai họ xử lí những công việc phức tạp”.

Chuyện kể, sau khi Điền Đan có công đánh bại kẻ địch, đến gặp Lỗ Trọng tử. Lỗ Trọng tử nói :

- Lần này ông cầm quân nhưng không thể đánh bại được quân địch nữa.

Diễn Đan hỏi :

- Tại sao ?

Lỗ Trọng tử đáp :

- Ngày trước, ở Tức Mặc, ông ngồi trên cái sọt, đứng trên đất, quyết tử, tự thân đốc thúc binh sĩ. Binh sĩ nức lòng, đánh bại được quân Yên.

Ngày nay, ông được phong đất đai trù phú rộng rãi, vườn cây cảnh bao la, lưng ông mang vàng ngọc lung lẳng, đập dìu lên xe xuống ngựa, hưởng thụ những khoái lạc ở đời, còn đâu ý chí quyết tử như hồi xưa, thế thì lấy gì mà thắng ?

24. Bổng lộc và lòng trung thành:

Người xưa nói : “ Không nên quên những lúc nghèo khó, không bỏ người vợ lúc còn hàn vi ”.

Người xưa lại nói :“ Người quá nhiều bạn, tình bạn chân chính ngày càng ít; người được bổng lộc quá hậu hĩnh, thì lòng trung thành dần dần mất đi ”.

25. Hiền tài và quốc gia :

Sách Xuân Thu hậu ngữ kể : Xuân Thân Quân, vua nước Sở, định phong cho Tôn Vũ ở ấp Tể. Có người khách can rằng :

- Ngày xưa, vua Thành Thang lấy đất Hào làm căn cứ, Chu Vũ vương lấy đất Cảo làm căn cứ địa. Những đất ấy rộng chưa đầy một trăm dặm, mà hai ông ấy thấu cả thiên hạ. Nay, Tôn Vũ là người hiền minh, ông phong cho ông ta 100 dặm, tôi nghĩ rằng đó là việc làm nguy hiểm.

Xuân Thân Quân nghe lời người khách, không phong đất cho Tôn Vũ nữa. Tôn Vũ chạy sang nước Triệu. Nước Triệu phong Tôn Vũ làm Thượng khanh.

Không lâu, có một người khách nói Thân Xuân Quân :

- Ngày xưa, Y Doãn bỏ nhà Hạ đến với nhà Thương, kết quả nhà Hạ bị diệt. Quản Trọng bỏ nước Lỗ về nước Tề, kết quả Tề là nước yếu, mạnh lên dần và xưng bá. Một nước có người hiền, được các nước khác tôn trọng. Nay, Tôn Vũ là người hiền mà ông không dùng, e là sai lầm.

Xuân Thân Quân khen phải. Sai người mời Tôn Vũ về nước.

26. Nước và lửa :

Hàn Tuyên vương hỏi Sàm Lưu :

- Ông nghĩ thế nào khi ta dùng cả hai người là Công Thúc và Công Trọng ?

Sàm Lưu đáp :

- Không nên ! Ngày trước, nước Tấn dùng đến sáu ngựa khanh, kết quả đất nước bị chia năm xẻ bảy. Vua Ngụy dùng cả Tê Thủ và Trương Nghi, làm mất cả vùng đất Tây Hà.

Nay, ngài dùng cả Công Thúc và Công Trọng, mỗi người đều muốn củng cố thế lực của mình lập ra phe cánh riêng, phe nào ít và yếu sẽ mượn thế lực của quốc gia. Quần thần cũng bắt chước, kéo bè kết cánh, mượn danh nghĩa của nhà vua để hiệu lệnh cho thần dân, kết quả là đất nước sẽ bị chia năm xẻ bảy. Đó là việc làm nguy hiểm !

Chuyện kể : Tướng nước Ngụy là Công Tôn Diễn không ưa Tể tướng Điền Nho. Công Tôn Diễn nhờ người nói với vua Ngụy rằng :

- Đại vương có thấy người ta buộc con bò vào con ngựa để kéo xe hay không ? Con ngựa và con bò cùng kéo một chiếc xe, khó khăn lắm cũng chỉ được trăm bước. Nay, đại vương dùng Công Tôn Diễn làm tướng, lại nghe kế sách của Tể tướng Điền Nho, chẳng khác buộc con bò con ngựa lại bắt chúng kéo một chiếc xe, hai con vật đều khổ sở mà chẳng làm được việc gì ! Xin đại vương xem xét !

Trịnh Huyền nói : “ Trời đất quan hệ với nhau rất mật thiết, trời đất không thông với nhau, thì không thể sinh dưỡng được vạn vật. Bậc thánh nhân sáng suốt không dùng một phương pháp nhất định để trị lý thiên hạ.

Sở dĩ, mọi con đường đều quy về một mối, đó là quy luật của đại tự nhiên; lấy đất để chế định, theo thời để vận dụng, đó là nguyên tắc để trị lý quốc gia. Biết được quy luật, nắm rõ quy tắc thì không phương hại đến đại cục.

Nước và lửa bao giờ cũng tương khắc với nhau, nhưng biết dùng thì nước và lửa có công dụng rất lớn. Chẳng hạn không có nước – lửa thì làm sao nấu được đồ ăn, thức uống ?

Mọi việc trong đời cũng như nước và lửa, biết vận dụng thì thành công, không biết vận dụng thì thất bại ”.

Sách Chu Dịch cho rằng : “ Trời cao, đất thấp, hình tượng khác nhau, nhưng cùng cùng có công năng hóa dục vạn vật. Nam nữ bản chất khác nhau, nhưng tình chí hướng về nhau, giống nhau. Hình thức của vạn vật khác nhau, nhưng đạo lý bên trong đều giống nhau ”.

27. Nuôi cọp và nuôi chim ưng :

Trần Đăng nói với Tào Tháo : “ Ông dùng Lữ Bố khác nào nuôi cọp, ăn thịt hiền hạ hết rồi, đói quá nó sẽ xơi cả ông ”

Tào Tháo nói : “ Dùng Lữ Bố cũng như nuôi chim ưng, cho ăn đói thì nó quanh quẩn, cho nó ăn no thì nó bay mất, lấy gì mà săn thú ”

28. Hào kiệt và hậu hoạn :

Lưu Bị về với Tào Tháo. Tháo cho Bị làm Dự châu mục. Có người nói với Tháo rằng :

- Tôi thấy rằng, chí của Lưu Bị không phải nhỏ, nên trừ khử hẳn đi, để tránh hậu hoạn.

Tào Tháo hỏi Quách Gia.

Quách Gia nói :

- Làm như vậy là không hợp với đạo lí ! Ông cầm kiếm vì nghĩa mà cất binh, trừ bạo để yên dân, phải chân thành chiêu mộ anh hùng hào kiệt trong thiên hạ, thì anh hùng, hào kiệt trong thiên hạ mới về với ông.

Nay, Lưu Bị là người nổi tiếng anh hùng, về với ông; ông tìm cách giết đi. Ông vừa mang lấy tội là giết anh hùng, hào kiệt, vừa gây sự nghi ngờ trong thiên hạ. Thử hỏi anh hùng, hào kiệt nào dám về với ông nữa, thì lấy ai giúp ông mưu tính chuyện thiên hạ ?

Giết một người, mà làm cho cả thiên hạ thất vọng, ảnh hưởng đến sự an nguy của sự nghiệp. Phỏng có nên chăng ?

Tào Tháo khen :

- Nói rất hay !

Phó Huyền cho rằng, một người như Quách Gia không nói như lời vừa kể, mà nói ngược lại : Lưu Bị là người có tài, có mưu lược lớn, rất được lòng người, bên cạnh lại có Quan Vũ, Trương Phi sức địch vạn người, đều là những người quyết đem sinh mệnh giúp Lưu Bị. Xem thế, rõ ràng mưu kế Lưu Bị rất khó dò. Người xưa có nói :

Một ngày thả giặc, sẽ lo suốt đời. Chi bằng, nhanh chóng giết phứt hẳn đi !

Tào Tháo muốn tạm dùng chữ tín để thu phục anh hùng trong thiên hạ, nên không nghe lời Quách Gia.

29. Tin và không tin :

Chu Dịch viết : “ Lúc dừng thì dừng, lúc làm thì làm, một tĩnh một động không mất thời cơ, là người sáng suốt ”.

Sách Thượng thư viết : “ Người ta tôn kính thiên đạo, vì trời cho người ta thời gian. Vì thế, các bậc đế vương tôn trọng trời đất và âm dương, thời tiết của bốn mùa và thuận ứng với thiên đạo để làm chính trị ”.

Khương Thái Công nói với Vũ vương : “ Trời không quyết định chuyện thắng bại trên chiến trường, bại trận thường có 9 nhân tố :

Một, không tuân theo tuân pháp lệnh và quân pháp mà thi hành; giết người tùy tiện.

Hai, không dùng đức dày để đối đãi với người, chỉ dựa vào âm dương thuật số (bói toán).

Ba, không phán đoán được thực lực của địch, không biết địch mạnh hay yếu, chỉ dựa vào thiên mệnh.

Bốn, không dùng mưu trí để giành thắng lợi, chỉ dựa vào thiên tượng để quyết định hành động.

Năm, không cố động sĩ khí, chỉ hi vọng vào trời ban phúc

Sáu, không dựa vào địa hình để bày binh bố trận, chỉ trách trời không cho mình có địa lợi.

Bảy, thấy địch nao núng khiếp sợ, không anh dũng tiến công; chỉ tin vào cái mai rùa bói toán chuyện tốt, xấu.

Tám, không huấn luyện tinh thần dũng cảm cho quân sĩ, lại đi cúng tế quỷ thần.

Chín, không đủ bản lĩnh để bày binh bố trận, chỉ chờ may rủi, mong địch rơi vào cảnh sa cơ thất thế.

Ở vào những trường hợp trên, thì trời đất đâu chưa thấy, quỷ thần đâu chưa nghe, mà đã thất bại.

Cho nên, tướng lĩnh sáng suốt đừng bắt chước chuyện tin trời đất, quỷ thần”

Tư Mã Thiên nói : “ Những quy định của âm dương gia phức tạp, nhiều cấm kỵ, như trói chân, trói tay người ta, buộc người phải ngó trước, ngó sau ”

Phạm Hoa cũng nói : “ Pháp thuật của âm dương gia sinh nhiều thói tệ, tô điểm trang trí cho quỷ thần ”

30. Dùng người :

Dữ Phụng nói : Đạo trị nước, trước tiên là bỏ bỏ tay chân tà ác. Dù người có ngu đần nhưng thành thực thì dùng, dù thông minh nhưng tâm thuật bất chính thì không dùng.

Có người cho rằng, bậc quân chủ không yêu mình, thì không thể hiểu người và yêu người khác.

Hoàn Huyền nói : “ Không thể sai người đẹp đi bắt mãnh thú, không thể bảo đức bé đi câu con cá lớn. Dù có tin tưởng đến mấy, họ cũng làm được, vì năng lực

của họ có hạn. Việc nhỏ đã thế, huống chi làm vua mà không biết chọn người ? ”

Chuyện người nước Tống kể : “ Người ở quán rượu, đem rượu đến nhà bán cho chủ.

Con chó thấy người lạ, chạy ra sủa om sòm, không cho người bán rượu vào nhà.

Vì bản năng và trí lực con chó có hạn, nó không biết ai khác ngoài chủ nó.

Là vua, thì không dùng những người như vậy ! ”

31. Thật thà và xảo trá :

Người xưa nói : Người xảo trá không giống người ngu đần.

Chuyện kể : Tấn Huệ đế lập thái tử, Trung thư lệnh là Hòa Kiêu can rằng :

- Thời thế bây giờ hiểm ác, thái tử là người nhân từ, chất phác, liêm khiết, e không đủ tố chất làm vua.

Tấn Huệ đế không nghe. Kết cục nước Tấn bị bại vong.

32. Văn chương và sự thực :

Sách Tả truyện viết, Khổng tử khen Tử Sản : “ Văn chương dùng để biểu đạt tư tưởng, chỉ chú trọng về văn chương thì mấy ai hiểu được tư tưởng, tư tưởng mà không có văn chương, thì không thể đi xa.

Khi nước Tấn xưng làm bá chủ, nước Trịnh thường sai người đến nước Tấn để bàn luận, nếu không có Tử Sản giỏi biện luận và văn tài, làm sao có được mối quan hệ như thế ? ”

Sách Luận ngữ cho rằng : “ Thuộc như cháo ba trăm bài ca dao trong Kinh Thi mà không hiểu chính sự thì cũng đừng bổ nhiệm làm quan, nếu phái người đến các nước lân bang, không giỏi việc đối đáp, chỉ thuộc thơ phú thì cử đi làm gì ? ”

Chuyện kể, Hán Văn đế đến lâm viên chơi, gặp một tên quan nhỏ chuyên nuôi hổ, nói năng hoạt bát, Hán Văn đế vui lắm, định phong chức cho hẳn làm quan trưởng.

Trương Thích nói rằng :

- Bệ hạ có biết Giáng hầu Chu Bột là gì không ?

- Làm trưởng chứ làm gì ?

- Thế Dương hầu Trương Tương Như là gì ?

Hán Văn đế nói :

- Làm trưởng chứ làm gì !

Hai người này làm quan to nhưng nói năng ấ a ấ úng, nay có một tên quan nhỏ ở dưới hai ông, ăn nói lưu loát, nói cả ngày không mệt, thì hai ông ấy sẽ như thế nào ?

Lại nữa, nhà Tần thường dùng bọn đao bút lại (người xưa dùng dao khắc gọi là đao bút, quan coi về giấy tờ, gọi là đao bút lại). Bọn này khi khắc chữ, thêm mắm thêm muối, tạo nên phong khí sùng thượng văn từ sai cả sự thực, sinh ra nhiều cái tệ hại. Nhà Tần mất, một phần cũng do thói tệ này.

Nay, bệ hạ tỏ ra biệt nhãn ưu ái, phong chức cho tên quan nhỏ dẻo mồm dẻo miệng khéo nói, e rằng trong triều ngoài quận sẽ bắt chước, dùng văn chương, biện luận để che dấu sự thực, thì rất là nguy hại.

Hán Văn đế nghe vậy, bỏ ý định phong chức cho tên quan nuôi hổ.

33. Nương tựa và độc lập :

Sách Hoài Nam tử viết : “ Ở biển Đông có một loài cá tên là Diệp, chúng thường bơi theo cặp, ở phương Bắc có một loài thú thường thay phiên nhau đi săn mồi, ở phương Nam có một loài chim tên là Kiêm, bay theo cặp. Các loài vật còn biết nương tựa, giúp đỡ nhau, huống chi là làm vua ?

Nếu như, làm vua mà không không nương tựa vào anh hùng, hào kiệt, không được anh hùng, hào kiệt trong thiên hạ giúp đỡ thì rất khó thành công ”.

Cô Quyển tử nói : “ Cha mẹ của vua Nghiêu không phải là những người hiền; anh của vua Thuấn không phải là người anh tốt, hai người em là Quản Thúc và Sái Thúc bị giết; bề tôi vua Thang, vua Vũ cũng không phải là những người tài giỏi nhưng vua Thang, vua Vũ đánh bại vua Trụ, vua Kiệt. Cho nên, bậc quân chủ cũng nên dựa vào những người chung quanh ”.

34. Địa vị và phẩm hạnh :

Khổng tử nói : “ Người không có địa vị, trước tiên phải tự xem xét lại phẩm hạnh của mình”

Sử kí Tư Mã Thiên kể : Khổng tử bị vây ở giữa đất Trần, Thái, muốn thoát mà không có lối, lương thực lại hết, các đệ tử lại ngã bệnh vì đói.

Khổng tử biết, học trò mình có ý oán trách, nên gọi Tử Lộ lại hỏi :

- Đạo ta sai chăng ? Làm sai ta đến nỗi này ?

Tử Lộ nói :

- Có lẽ đức nhân ta chưa đủ, cho nên người chẳng tin ta. Có lẽ trí mưu ta chưa đủ, nên người chẳng để cho công việc ta trót lọt.

Khổng tử nói :

- Nay anh Do ! Nếu có đức nhân mà người ta tin thì tại sao Thúc Tề, Bá Di lại chết đói ở núi Thú Dương ? Nếu cứ đủ mưu trí là công việc trót lọt, thì tại sao Tỉ Can lại bị moi tim ?

35. Hành động và mục đích :

Có người cho rằng : “ Vua Thần Nông tiêu tụy, vua Nghiêu ốm nhom, ốm nhách, vua Vũ da đen thui đen thui, vua Hạ Vũ tay chân chai sần, Y Doãn cục cung phò tá vua Thành Thang, Khương Thái công bỏ nghề đồ tể vào nhà Chu, Mặc tử muốn thực hiện chí hướng, cứ chạy đôn chạy đáo lòng cả gối, mòn cả trán, Khổng tử ngồi ở đâu cũng không ấm chiếu.

Mấy vị vừa nói trên, đâu phải vì địa vị, bổng lộc, mà vì mong muốn trừ họa, đem lại hạnh phúc cho nhân dân ? ”

Lý Tư nói : “ Giúp thiên hạ mà không có quy củ, làm một cách tùy tiện là trối buộc thiên hạ. Còn vua Nghiêu, vua Vũ thì tự trối buộc mình với thiên hạ.

Nếu bắt người khác hi sinh để cho mình được tôn quý là dễ tiện.

Mình hi sinh cho người khác được cao quý thì người khác là kẻ đê tiện.

Từ xưa đến nay, đều là như vậy.

Riêng vua Nghiêu, vua Vũ vì thiên hạ mà hi sinh, thì không biết nói như thế nào ? ”

36. Kẻ sĩ :

Sách Luận ngữ viết : “ Tôn trọng những người xuất thế, ẩn cư thì nhân dân thành tâm quy phục. Ngụy Văn hầu dùng lễ mà đãi học trò Khổng tử là Tử Hạ, tôn kính danh sĩ Đoàn Can Mộc, mỗi lần Ngụy Văn hầu đi ngang nhà Can Mộc thì xuống xe, đi bộ ”

Tần muốn đánh Ngụy, có người nói rằng : “ Ngụy Văn hầu rất hiền và sáng suốt, dùng nhân nghĩa để trị nước, vua tôi trên dưới hòa hợp.

Sau này, Tần diệt Ngụy, nhưng người vẫn còn cũng khen Ngụy Văn hầu ”

Hàn Phi tử nói : “ Hình dáng con ngựa không giống con hươu; con ngựa giá đáng một ngàn vàng, con hươu chẳng có giá trị gì !

Vì con ngựa thì người ta sử dụng được, còn con hươu người ta không sử dụng được; ẩn sĩ mà nhà vua không sử dụng được, thì chẳng khác gì con hươu.

Vì thế, Khương Thái công đến nước Tề không giết kẻ sĩ nào, còn Khổng tử ở nước Lỗ (vì dùng được), giết Tư khấu Thiếu Chính Mỗ (vì không dùng được) ”

Trước khi tiến đánh, Triệu Linh vương sai Lý Tỳ đến dò xét nước Trung Sơn.

Lý Tỳ về tâu rằng :

- Nên đánh ! Vì quân chủ tôn trọng hiền sĩ, thì chiến sĩ mỗi một không vui; quân chủ quá đề cao việc học, thì những kẻ làm nghề nông lơ là.

Nghề nông mà lơ là thì quốc gia nghèo khó, quân sĩ buồn rầu mệt mỏi, thì sức chiến đấu suy nhược. Bên ngoài binh yếu, bên trong nghèo khổ, không mất nước quả là lạ ?

Triệu Linh vương khen :

- Phải !

37. Âm đức :

Sách Thượng thư viết : “ Trần Bình nói, ta có nhiều mưu ngầm, đó là điều Đạo gia rất cấm kị. Đời ta hết là thôĩ, con cháu không ngóc đầu lên được nữa, là vì trong chỗ không ai biết, ta đã gieo nhiều mầm họa.

Về sau, chặt chút của ông là Trần Chưởng, nhân là thân thích họ Vệ, có xin tục phong cho họ Trần, nhưng rốt cuộc không được ”

Phạm Diệp bình về Cảnh Yểm : “ Cảnh Yểm ba đời làm tướng là Đạo gia rất kị. Tuy ba đời làm tướng đều có nhiều công trạng nhưng cũng đã giết hại quá nhiều người, chẳng lẽ gia tộc cứ thịnh mãi hay sao ? ”

38. Phương pháp lớn và những câu ngạn ngữ tầm thường :

Kinh Dịch viết : “ Nhân gian thường tôn trọng những người phú quý”

Hoặc : “ Thánh nhân dùng những phương pháp lớn, quý giá để bảo vệ quyền lực và tước vị”

Tôn tử viết thư dâng lên Xuân Thân Quân, ông viết : “ Ngạn ngữ có câu như, cái sầy nầy cái ung, tuy tầm thường, nhưng không phải là không có lí.

Chỉ những vị vua trẻ tuổi, kiêu ngạo mới không thấy được đạo lí sâu xa của những câu ngạn ngữ nên mang họa vào thân.

Chẳng hạn, vua Sở sai công tử Ngữ sang công cán ở nước Trịnh. Công tử Ngữ chần chờ chưa chịu đi, bỗng nghe tin vua Sở bị bệnh. Công tử Ngữ lấy cớ vào thăm, lén dùng mũi giết chết vua Sở và tự lên làm vua.

Thôi Trữ có vợ rất đẹp. Tề Trang công tư thông với vợ Thôi Trữ. Thôi Trữ đem quân và đồng đảng vây bắt Trang công. Trang công trèo tường chạy trốn, bị bắn vào chân ngã xuống, bị Thôi Trữ giết chết. Thôi Trữ đưa em Trang công lên làm vua.

Lí Đoái nắm chính quyền, bị Sở Linh vương vây một trăm ngày, Lí Đoái chết đói.

Nạo Xỉ nắm quyền lớn ở nước Tề, bị Tề Mẫn vương rút gân, treo ngược lên cái rường của miếu mà chết.

Cái sảy là mụn nhỏ, ở ngoài da, ngứa ngáy một chút nhưng không chịu được, không chịu chữa ngay, thành ung độc chết người, gọi là cái sảy nẩy cái ung, tức là phải đề phòng tai họa ngay từ đầu.

Cho nên, làm vua phải biết ý tứ sâu xa của những câu ngạn ngữ ”

39. Thánh nhân và đạo tặc :

Kinh Dịch viết : “ Chuẩn bị đầy đủ những nhu yếu cho dân, chuẩn bị khí giới cho thiên hạ, mưu cầu hạnh phúc cho dân, chỉ có thánh nhân mới làm được như vậy !”

Trang tử nói : “ Thánh nhân không chết thì đạo tặc không hết. Giao cho thánh nhân trị thiên hạ tức là làm lợi cho bọn trộm cướp.

Dùng cái đấu, cái hộc (bằng mười cái đấu), để đong lúa, là lợi dụng đấu, hộc để ăn cắp; dùng cán cân và quả cân để cân, là lợi dụng cân và quả cân để ăn cắp; dùng thẻ và ấn để cho người ta tin, là lợi dụng thẻ và ấn để ăn cắp; dùng nhân nghĩa để sửa đổi người khác, là lợi dụng nhân nghĩa để ăn cắp.

Làm sao biết được điều ấy ?

Vì ai ăn cắp một cái móc (đai lưng) thì bị tử hình, ai ăn cướp một nước thì thành chư hầu.

Ở trong phủ các chư hầu, người ta chỉ nói đến nhân nghĩa. Như vậy, chẳng phải là ăn cắp bằng nhân nghĩa, thánh trí đấy ư ?

Cho nên, kẻ nào theo gót bọn đạo tặc thì cướp được chức vị chư hầu, mượn nhân nghĩa, lợi dụng đấu, hộc, cán cân, quả cân, thẻ và ấn ăn cắp. Những người như vậy, dù ta có hứa thưởng chức cao, tước lớn cũng không răn chúng được; dù có dọa trừng trị bằng hình phạt nặng, cũng không ngăn bọn họ được.

Tóm lại, bọn trộm cướp được lợi lớn, mà không sao cấm chúng được.

Đó là cái tội của thánh nhân ! ”

40. Cùng và biến :

Chu Dịch viết : “ Người quân tử lúc cùng thì giữ khí tiết, tiêu nhân gặp lúc cùng

thường làm bậy ”

Chu Dịch viết : “ Cùng tất biến, biến tất thông, thông tất lâu dài. Lâu dài vì có trời che chở, tốt lớn, lợi lớn, mọi việc không sai ”

Sử kí viết : “ Tục ngữ có câu, kể chi nhân với nghĩa, túi đầy là đức cao.

Cho nên, ông Bá Di lên án hành động của vua nhà Chu là xấu xa, cam chịu chết đói trên núi Thú Dương, mà vua Văn, vua Vũ đâu vì thế mà sút mẻ cái vương hiệu. Tên Chích, tên Dực (là những tên cướp) bạo tàn, mà đàn em không ngớt khen ngợi là nghĩa khí.

Thế thì, câu : Trộm cái câu liêm thì bị tội chết, cướp nước người ta thì được công nhiên thừa nhận là vua chư hầu; đã thành vua chư hầu rồi thì trong nhà ai cũng đầy những người gọi là nhân nghĩa (Thiết câu giả tru, thiết quốc giả hầu; hầu chi môn, nhân nghĩa tồn). Quả nhiên, câu này không phải là hư ngôn.

Thế mà, có những kẻ học nết nghiêm cẩn, khư khư ôm lấy chút đạo nghĩa, bấy lâu cam sống lẻ loi, thì sao họ không hạ bớt lí tưởng, thấp xuống vài ba nấc, chiêm chước với đời, cùng với thiên hạ nổi chìm mà kiếm chút đỉnh công danh, có phải là hơn không nhỉ ? ”

41. Làm việc thiện :

Trần Bình vương Lưu Thương, đời Đông Hán, cho rằng : “ Làm việc thiện là điều vui ”

Người xưa nói : “ Có những thời đừng nên ôm việc, hễ ôm rơm thì nặng bụng.

Vì không thành công, người ta gọi là yêu nghiệt, nếu thành công sẽ sinh ra cuồng vọng ”

42. Cực và phản :

Bàng Thông nói : Người giỏi nói về đạo đức, giỏi bình phẩm những người khác, cho mình hơn người khác là người loại thùng rỗng kêu to.

Sách Nhân vật chí viết : Đạo người quân tử, trước là tổn mình, ích người, nhưng lại ích mình; bỏ đi một phần công lao sẽ được khen tặng gấp hai lần.

Còn tiểu nhân, chỉ biết trước ích mình, tổn người, thực tế là tổn mình; muốn chiếm tiện nghi cho mình trước, nhưng sau thì mất cả.

Không tự khoe công lao, thực tế thì công lao được thừa nhận; không tranh danh đoạt lợi, thực tế lại được, cả danh cả lợi; nhượng bộ đối phương, thực tế chiến thắng đối phương. Chẳng hạn, thời Xuân thu :

Khước Chí đề cử người khác là muốn, thực tế là muốn danh vọng mình lên cao, để họ ở dưới thấp. Lạn Tương Như đánh xe vào ngõ tránh mặt Liêm Pha nhưng lại thắng được Liêm Pha.

Vương Thúc tranh cao thấp với người khác, rốt cuộc phải trốn ra nước ngoài. Khấu Tuần đối chọi với Giả Phục, kết cuộc Giả Phục được người ta khen là người hiền.

Thường, vật cực tặc phản, người quân tử gọi đó là Đạo.

43. Gia đình và thiên hạ :

Sách Hiếu kinh viết : Đạo trị gia cũng như đạo làm quan, phải giải quyết và lo hết những việc trong gia đình.

Có người nói, mưu sĩ của Hán Cao tổ là Lê Thực Kì, không có đủ gạo hăm để nuôi những người trong gia đình.

Danh thần Trần Phiên, Đông Hán, nói : Đã là đại trượng phu lo quét sạch tai họa, loạn lạc cho thiên hạ, không nên vun vén cho nhà mình.

44. Tu thân và chí lớn :

Đại thần Công Tôn Hoảng, Tây Hán, nói : Làm hết sức mình gọi là nhân, chăm chỉ học hành gọi là trí, biết liêm sỉ gọi là dũng. Đó là 3 nguyên tắc để tu thân. Nếu như không khép mình vào nguyên tắc, không tu thân, thì không thể quản lí được người khác. Vì không quản lí được mình, làm sao quản lí được người khác. Đó là chân lí bất biến cả trăm năm.

Sách Hoài Nam tử viết : “ Người tính toán chi li tư hào thì khó lo được những việc lớn trong thiên hạ; quá lo những việc nhỏ, thì dễ hồ đồ trong những việc lớn.

Người tần mẫn lo chuyện nhà chuyện cửa, cứ chăm chăm lo chuyện lễ nghĩa chốn hương lân, thì bụng dạ đâu mà nghĩ đến bình định cả chín châu, chí đâu là lo cứu nguy cho thiên hạ ”.

45. Tiến cử và trung gian :

Thương Ưởng hỏi Triệu Lương :

- Tôi với Bách Lý Hề ai hơn ai ?

Triệu Lương đáp :

- Bách Lý Hề cày ruộng ở nước Sở, nghe Tần Mục công là người hiền, sáng suốt, muốn đến nước Tần. Nhưng không có tiền đi đường, phải làm nô lệ ở Tần, có khi phải làm nghề chăn trâu. Tần Mục công biết được chuộc và mời về giao cho trọng trách trị lý nước Tần. Tần Mục công rất kính trọng Bách Lý Hề.

Còn ông nhờ sủng thần Cảnh Giám đề bạt với vua Tần. Ông làm sao sánh được với Bách Lý Hề ?

Sách Sử kí viết : Lạn Tương Như được trưởng thái giám Mậu Hiền tiến cử với

vua Triệu, được vua Triệu tin dùng.

46. Ưu khúc và cầu toàn :

Trâu Diễn viết Đàm thiên luận, được các vương tôn, đại thần thời ấy tôn trọng. Trâu Diễn đến thành Đại Lương, nước Ngụy, được Ngụy Huệ vương lấy lễ khách chủ để đãi; ông đến nước Yên, Yên Chiêu vương đích thân ra chào đón.

Xét về học thuật, Trâu Diễn không thuộc về chính thống nhưng được các vua chúa trọng vọng.

Còn Khổng tử thì bị vây khốn ở giữa khoảng Trần – Sái. Mạnh tử bị khốn ở nước Tề, nước Lương.

Học thuật của hai ông được xem là chính phái nhưng tình cảnh hai ông ấy hoàn toàn khác Trâu Diễn là tại sao ?

Vì Vệ Linh công thỉnh giáo Khổng tử về binh pháp; Khổng tử không chỉ giáo. Ngụy Huệ vương hỏi Mạnh tử về chuyện đánh nước Triệu; Mạnh tử không tán đồng.

Có người cho rằng : Y Doãn sở trường về tài nấu nướng nhưng bỏ cả song nôi, yết kiến vua Thang, được vua Thang tin dùng, phò tá vua Thang thống nhất thiên hạ. Bách Lý Hề, lúc cùng khổ phải đi chăn trâu, được Tần Mục công tin dùng, Bách Lý Hề lập nên sự nghiệp.

Cho nên, trong việc kiến công lập nghiệp, cũng không nên quá cầu toàn, đi đường thẳng, đôi khi phải nhân nhượng vì đại cục; khi đã được tin dùng, đã chấp chính thì cũng có thể thực hiện được chí hướng và nguyện vọng của mình.

47. Cấp trên và cấp dưới :

Trần Phiên, được xem là người cao khiết, tiết tháo; Lý Ứng được xem là người chính trực có tài trị lý thiên hạ ?

Trần Phiên tiết tháo, cao khiết nhưng thường hay phạm đến nhà vua. Lý Ứng thì đối đãi bình dị với người dưới, dễ gần gũi. Mạo phạm người trên là việc khó, gần gũi người dưới là việc dễ.

Diêu Tín, người đời Tấn, nói : Cao Dao thường mạo phạm vua Vũ nhưng lại giúp vua Vũ quản cả trăm quan, trị lý thiên hạ.

Trần Bình nói với Vương Lăng : Can gián nhà vua, tranh luận phải trái với nhà vua, tôi không bằng ông; nhưng củng cố chính quyền của họ Lý thì ông không bằng tôi.

Dũng cảm can gián, dám đắc tội với nhà vua thì Vương Lăng hơn cả Trương Lương, Trần Bình.

Sau này, Chu Vân trung thần của Lưu Tú, can gián dám đắc tội với nhà vua hơn cả các trung thần khác, như Ngô Hán và Trịnh Vũ.

48. Những tội nhân của lịch sử :

Sử kí Tư Mã Thiên viết : “ Hàn Phi tử nói, Nho sinh thường dùng văn từ làm loạn luật pháp, hiệp sĩ thường chứa vũ khí, thành phạm cấm lệnh.

Hàn Phi tử chê cả hiệp lẫn Nho, song Nho sinh vẫn được người đời sau ca ngợi nhiều lắm !

Ví như bọn Nho sinh dùng thủ đoạn, mảnh lối, mà quắp ngôi công hầu khanh tướng, làm tay chân, vây cánh cho vua chúa đương thời, để công danh của mình cũng được rạng rỡ trong sử sách, thì chẳng nói làm chi !

Còn Nho sinh như ông Quý Thứ, ông Nguyên Hiến nằm khểnh nơi quê nhà, đọc sách thánh hiền, giữ gìn tiết tháo của người quân tử, vì chính nghĩa mà chẳng duồng theo gió, không phụ họa theo thế nhân, thì thế nhân cũng lại cười.

Vì vậy, ông Quý Thứ, ông Nguyên Hiến, suốt đời ở nhà trồng hơ, trồng hoác, cồng cở sơ sài, mặc áo vải, ăn cơm rau. Các ông khuất hơn bốn trăm năm rồi, vẫn có nhiều người hoài niệm !

Nay, những trang du hiệp, hành vi tuy không hợp với chính nghĩa, nhưng đã nói thì giữ lời, đã làm thì làm kì được, đã hứa thì chẳng tiếc tính mạng, để cứu người trong cơn nguy khốn. Đã vì người, mà xông pha vào nơi sống chết, một mất một còn. Ấy thế, mà chẳng khoe khoang tài giỏi, hổ thẹn khi nghe người ta tâng bốc hành vi của mình.

Kể ra, cũng có chỗ rất đáng trọng ! Mà trong cuộc sống, gian nan, nguy cấp là chuyện thường gặp ”.

Sách Thượng thư viết : “ Thiên tử và chư hầu kiến lập quốc gia, còn đại phu thì đến với bá tánh, đẳng cấp trên dưới phân biệt rõ ràng.

Vì thế, mới có chế độ về đẳng cấp để ràng buộc, dưới thuận tòng, trung thành và kính nể người trên và làm tròn chức phận của mình.

Khổng tử nói : Thiên hạ có đạo, chính quyền của quốc gia không rơi vào tay các đại phu.

Trăm quan ai làm nhiệm vụ đó, tuân thủ luật pháp, làm tròn chức phận, nếu vượt quá sẽ bị trừng trị hay bị giết chết. Đây là cách làm cho trên dưới hòa thuận, trị lý tốt quốc gia ”.

Lịch sử chứng minh : Vương thất nhà Chu suy yếu, lễ nhạc, chế độ và sự chinh phạt thuộc về các chư hầu. Sau thời Tề Hoàn công, Tấn Văn công, các ngườ
khánh nắm đại quyền, mệnh lệnh của quốc quân (nhà Chu) như bị phế bỏ.

Thời Chiến quốc, các nước chư hầu, nước thì theo hợp tung, nước thì theo liên hoành, dùng võ lực để chinh phạt lẫn nhau, xưng hùng xưng bá.

Công tử của các nước như Tín Lăng quân (nước Ngụy), Bình Nguyên quân (nước Triệu); Mạnh Thường quân (nước Tề), Xuân Thân quân (nước Sở) mượn thể tiếng của vương công, lăm đất nhiều tiền, mời mọc, thu nhận văn nhân, du hiệp, trộm cắp, đến những kẻ chỉ biết làm chó sủa gà kêu, để củng cố thế lực.

Tạo phong khí chiêu hiền đãi sĩ, thực tế là củng cố quyền hành, xâm phạm lợi ích của quốc gia.

Thế lực, quyền hành của các đại thần, các công tử, còn lấn át thế lực của nhà vua. Chẳng hạn, tể tướng Ngưu Khanh bỏ lợi ích của quốc gia cứu Ngụy Tề. Tín Lăng quân (nước Triệu) trộm hồ phù, giả quân lệnh, giết đại tướng của nước mình, đoạt quân quyền để giải cứu Bình Nguyên quân (nước Triệu).

Nghĩa cử, nghĩa khí của những người này được các nước chư hầu rất coi trọng, tên tuổi họ nổi danh khắp thiên hạ.

Tín Lăng quân, Bình Nguyên quân, Mạnh Thường quân, Xuân Thân quân, công khai luận bàn về đại hiệp, nghĩa sĩ và tôn sùng nghĩa sĩ, nghĩa hiệp. Họ không làm tròn chức phận, lại còn kết bè, kết phái, hình thành thế lực để đối chọi và

phá hoại thế lực của quốc gia.

Đến đời nhà Hán, thống nhất thiên hạ, thực hành quốc sách vô vi nhi trị, chính trị khoan dung, xem nhẹ hình phạt, cho nên bọn du hiệp rất thịnh hành. Chẳng hạn, Ngụy Kỳ hầu Đậu Anh và Vũ Anh hầu Điền Phấn, ngay ở chốn kinh thành cũng công khai thi nhau mời mọc thu nhận những du hiệp như Quách Giải, Kịch Tân, tạo nên những thế lực mạnh hơn những vương công, quý tộc khác.

Bọn khách khứa, tay chân của Đậu Anh, Điền Phấn tha hồ sách nhiễu dân chúng, từ đầu phố đến cuối ngõ. Nhưng thiên hạ, vẫn khen, đó là những anh hùng, hào kiệt !

Thực ra, việc làm của họ là phạm pháp, đáng ra phải bị bắt gia, vào ngục để trừng trị.

Vì vậy, Tăng tử cho rằng : “ Quốc quân đã mất đạo, thì dân chúng mẹ xa con, vợ lìa chồng ”.

Một bậc minh quân nắm chính quyền, phải nêu rõ những tiêu chí chính trị cho thiên hạ rõ. Sau đó, dùng lễ pháp một cách thống nhất trong tư tưởng và hành động, đồng thời cấm hẳn những việc mà cấp trên đã cấm.

Nếu theo tiêu chuẩn đạo đức chính trị : Đối với thời tam vương Hạ, Thương, Chu, thì Xuân Thu, ngũ bá là tội nhân. Đối với thời Ngũ bá, thì Thất hùng là tội nhân. Đối với thời Thất hùng, thì bốn công tử Tín Lăng quân, Mạnh Thường quân, Bình Nguyên quân, Xuân Thân quân là tội nhân.

Còn như bọn du hiệp, nắm quần sinh sát dân chúng trong tay, thì tội trạng đã quá rõ ràng !

49. Cử hiên và không cử hiên :

Thi tử nói : “ Làm bề tôi mà tiến cử người hiên, sử dụng người hiên là có công”.

Sách Sử kí viết : “ Bảo Thúc Nha tiến cử Quản Trọng, thiên hạ không khen Quản Trọng là người tài năng, mà khen Bảo Thúc Nha là người hiên ”.

Tô Kiến trách Vệ Thanh :

- Ông tuy ở ngôi vị cao quý nhưng người ta không ca ngợi ông. Mong ông đề bạt và tuyển dụng hiên tài.

Vệ Thanh nói :

- Ông không nhớ, Ngụy Kỳ hầu, Vũ Anh hầu, mời mọc đãi đằng khách khứa, chiêu hiên nạp sĩ, khiến nhà vua ghét đến tận xương. Thân cận với các sĩ đại phu, chiêu hiên đãi sĩ, đôi khi là thủ đoạn muốn lấn át quyền uy của nhà vua.

Bốn phạm làm bề tôi, dựa theo luật pháp mà hành xử, làm tròn chức phận là được rồi ! Hà tất làm những việc mà ông xúi dục !

50. Tiểu kết :

Ban Cố cho rằng : “ Vương đạo suy vi, chư hầu tranh nhau làm cho nước mình mạnh lên, mỗi vua chư hầu tốt xấu khác nhau. Cho nên, học thuyết của Bách gia, Chư tử nổi lên.

Mỗi học thuyết, mỗi nhà, tự cho quan điểm, lí luận của mình là hay hơn hết, mục đích là để du thuyết các nước hư hầu. Những học thuyết có chỗ tương khắc, đối chọi nhau như nước với lửa nhưng lại tương thành; nhân và nghĩa, kính và hòa khác nhau nhưng lại hỗ tương cho nhau. Vì thế, Kinh Dịch cho rằng : Thiên hạ chỉ có một mục tiêu nhưng có vô số con đường để đi đến mục tiêu; thiên hạ chỉ có một chân lí, nhưng truy cầu chân lí có vô số phương pháp khác nhau ”.

Đó là ý nghĩa của mục thị – phi.

15. SÁNG TẠO VÀ ỨNG BIẾN

Muốn trị nước, kiến công lập nghiệp, phải dựa vào sự phát triển của thời đại mà tùy cơ ứng biến mà thay đổi pháp độ, căn cứ vào nhu yếu của thời đại mà chế định chính sách. Nếu không thay đổi pháp độ, không thay đổi chế định chính sách, khư khư giữ theo lề lối cũ thì sẽ thất bại.

Tuy vậy, trong biến pháp có thể đem lại hạnh phúc cho nhân dân, cũng có những biến pháp đem lại tai họa, đưa nhân dân vào con đường thống khổ.

1. Thuận với thời đại, nắm bắt thời cơ :

Sách sử ghi lại cuộc tranh luận giữa Vệ Ưởng với các quần thần của Tần Hiếu công, tiêu biểu là Cam Long và Đồ Chí, về biến pháp như sau :

Tần Hiếu công dùng Vệ Ưởng, Ưởng muốn thay đổi pháp độ, nhưng Hiếu công lại sợ thiên hạ dị nghị. Vệ Ưởng nói :

- Hành động không kiên quyết thì danh vọng không thành tựu, thực thi mà không chính xác, thì việc làm sẽ uổng công.

Vả lại, những hành vi hơn người, bao giờ chẳng bị thế tục chỉ trích, những con người có trí lự siêu việt, bao giờ chẳng bị bọn người tầm thường chê bai !

Kẻ ngu, công việc xong rồi mà vẫn chưa hiểu, người trí thì thấy sự thế từ lúc còn chưa manh nha. Việc mới bắt đầu làm thì chớ có tính toán với nhiều người, chờ khi có kết quả, hãy nên cùng họ tọa hưởng kì thành.

Bàn về đạo lớn nên nắm vững những nguyên tắc cao cả, chứ không thể dung hòa với thói đời; lập nghiệp lớn thì phải tùy cơ lập đoán, chứ đừng thắc mắc giải thích cùng đám đông.

Thế nên, thánh nhân nếu làm được cho nước mạnh, thì không cần theo lẽ lối cũ, nếu làm lợi cho dân, thì không cần giữ lễ xưa.

Hiếu công khen :

- Hay !

Cam Long nói :

- Không phải thế ! Đấng thánh nhân không thay đổi tục dân để dạy dân, bậc trí giả không đổi phép nước để trị nước. Thuận với tục dân mà dạy dân, cho nên không không khó nhọc mà thành công; chiếu theo phép nước sẵn mà trị nước, cho nên người ta không bờ ngỡ, mà nước được yên vui.

Vệ Ưởng nói :

- Lời ông Long nói là lời thế tục ! Người tầm thường thì yên theo tục cũ, kẻ cầu nệ sách vở thì lú lẫm, chật hẹp về kiến văn. Hai điều ông nói, áp dụng để làm quan giữ phép thì được, chứ để bàn về những nguyên tắc cao cả, vượt ra ngoài vòng phép tắc thông thường thì quá kém. Tam đại đều lập nên nghiệp vương mà đâu có theo cùng một lệ, Ngũ bá cùng lập nên nghiệp bá, đâu có theo cùng một thứ pháp ? Các bậc trí giả, hiền giả thì biến pháp, cải chế; còn người ngu, kẻ bất tiểu thì khư khư giữ chặt lấy lễ xưa.

Đỗ Chí nói :

- Lợi không gấp trăm lần thì không biến pháp, công không gấp mười lần, thì không thay đổi khí cụ, đồ dùng đã quen (dịch khí). Bắt chước phép xưa không sợ lỗi, nói theo lễ xưa không sợ dờ.

Vệ Ưởng nói :

- Trị đời thì không bo bo theo một đạo, làm lợi cho nước không bắt chước cái cũ. Cho nên, vua Thang, vua Vũ không theo cổ mà dựng nên nghiệp vương; vua Kiệt (nhà Hạ), vua Trụ (nhà Ân) không đổi lễ mà mất nước. Làm ngược lại phép xưa không phải là điều đáng chê; noi theo lễ cũ không phải là điều đáng quý.

Hiếu công nói :

- Hay !

Và dùng Vệ Ưởng làm Tả thứ trưởng, quyết định cho phép biến pháp.

Mạnh tử cho rằng : Đất đai phì nhiêu nhưng không bằng thuận theo thời tiết mà gieo trồng; người có trí năng không bằng người biết nắm bắt nhưng nhu cầu của thời đại.

Phạm Lãi cũng cho rằng : “Thời tiết chưa đến, không nên bắt cây phải mọc, thời cơ chín muồi chưa đến, thì không mong thành công”.

Sách Luận ngữ viết : “Bình thời, thánh nhân chuẩn bị đầy đủ, chỉ đợi thời cơ ”

Tóm lại, muốn kiến công, lập nghiệp, phải thuận ứng với thời đại, nắm bắt thời cơ.

2. Mỗi thời đại, mỗi phương pháp, mỗi sách lược trị nước :

Hoàn Phạm nói : “Tam hoàng lấy đạo để trị lí thiên hạ; Ngũ đế dùng đức để giáo hóa thiên hạ; Tam vương dùng nhân nghĩa để giáo dục và lãnh đạo dân; Ngũ bá, thì dùng quyền thuật và mưu trí để xưng bá.”

Cũng có người giải thích : Không dùng chế độ, pháp lệnh và hình phạt để trị nước, gọi là hoàng. Dùng pháp độ nhưng không dùng hình phạt, gọi là đế. Thường người làm việc thiện, diệt người ác, được phân phong, gọi là chư hầu. Dùng binh để thảo phạt, kết ước liên minh, gọi là bá.

Văn tử nói : “Đế xem đức là quý, vương coi trọng nhân nghĩa, bá thì coi trọng sức mạnh. Đạo không đủ thì dùng trí, đức mỏng thì dùng hình phạt, lễ không rõ thì dùng quyền thuật.”

Suy ra, mỗi thời đại, các đế vương, vua chúa dùng phương pháp, sách lược khác nhau để xây dựng sự nghiệp.

3. Thuật trị nước theo vương đạo :

Trừ tai họa cho dân và khiến cho dân được cơm no, áo ấm:

Mạnh tử nói : “Một mái nhà với 5 mẫu ruộng, chung quanh trồng dâu, phụ nữ nuôi tằm, người năm mươi tuổi trở lên có thể mặc vải tơ. Một nhà, có 5 người, cày cấy, gieo trồng một trăm mẫu ruộng, chăm chỉ làm lụng, thì không sợ đói rét.

Trong nhà nuôi gia súc, không đưa ra ngoài, thì người già có đủ thịt để ăn. Trên không có quan tham, dưới dân không sống xa xỉ, thuế má ít, lao dịch không dồn dập, quan chỉ sống với bổng lộc, không kiếm chác thêm, thì dưới dân không tranh giành lợi ích cho cho mình. Có như vậy, dân thu nhập có thể tương đương với nhau, khoảng cách giữa kẻ giàu và người nghèo không thái quá ”

Dùng lễ nghĩa và luân lí đạo đức để giáo hóa cho dân :

Có người cho rằng, một minh quân phải luôn phản tỉnh trong sách lược trị lí quốc gia, đó là cách củng cố vương quyền và sự thống trị.

Ở trong cung, xe ngựa, áo quần không vượt quá những điều đã quy định. Vương hậu, cung phi; hoặc các bậc tam công coi về việc triều chính; dù bên trong cung hay bên ngoài cung cũng phải giữ đúng tho thứ tự.

Dùng đất đã thuần, phối hợp với đất mới khai hoang phân phong cho các chư hầu quản lí đất và dân chúng, cấm dân không nên xa xỉ nhưng cũng không để cho dân thiếu hụt.

Xây dựng trường học, tiến hành việc dạy dân về lễ nghĩa, khiêm tốn, ăn ở thuận hòa với nhau. Có như thế, thì loạn lạc mới không phát sinh. Đó là cách giáo dục của vương đạo.

Hình phạt nghiêm minh để thiết lập cái uy của quốc gia, dạy dân phân biệt thiện và ác, tránh việc ác, làm điều thiện :

Chẳng hạn, Trước tiên, Đế Vũ lệnh cho Đại Vũ đi trị thủy; tiếp phân phó ông Tắc gieo trồng ngũ cốc; tiếp là sai ông Khiết coi về việc giáo hóa. Rồi mới bảo ông Cao Đào chế định hình phạt. Nhờ vậy, thiên hạ thái bình.

Thuận ứng với tự nhiên, ân trạch ban ra khắp trăm họ, làm cho nhân dân an lạc :

Vua phải xem trời là cha, đất là mẹ, điều hòa âm dương, thuận ứng với bốn mùa, điều lí ngũ hành, giáo dưỡng nhân dân, nuôi dưỡng chúng sinh, có nên mới gọi là vua.

Chữ vua gần với chữ vãng (người ta tìm đến), vì ân trạch của vua dồi dào, tưới nhuận khắp bốn phương, dưỡng dục cả vạn dân, thiên hạ không tranh giành nhau mà đều hướng về vua, nên gọi là vương hoặc vãng .

3. Thuật trị nước theo bá đạo :

Những nguyên tắc chính của bá đạo :

Muốn hoàn thành nghiệp bá, vua ở trên cao, bề tôi ở dưới thấp, một mình nắm hết quyền lớn, chính lệnh thống nhất, thưởng phạt tất dân tin, pháp lệnh nghiêm minh, trăm quan tận tụy với chức vụ, uy lệnh đã ra thì phải thi hành.

Sự xuất hiện của bá chủ :

Có người giải thích : Bá chủ vì dân mà trừ họa, mưu lợi cho nước giàu, bình

mạnh.

Bá chủ vì loạn thế mà quật khởi, hoặc hưng binh tạo phản xưng làm bá chủ.

Ngoài hai loại trên, một số bá chủ thường tuân thủ luật pháp, đề xướng giáo hóa bằng văn, xem xét thời thế mà chế định chính sách cho thích hợp, giỏi nghe những sách lược tốt, để làm nên công nghiệp.

Đó là những thuật của bá chủ, bá đạo.

Sự khác biệt căn bản giữa vương đạo và bá đạo :

Có người cho rằng : Vương đạo thì thuần chính, lấy đức trị làm gốc; bá đạo thì rất phức tạp, lấy pháp trị làm chính. Đây là điểm khác biệt giữa vương đạo và bá đạo.

4. Thuật trị nước theo Đạo gia hoặc phái Hoàng Lão :

Đạo gia còn gọi là Hoàng lão, thuật trị nước thường coi trọng vô vi nhi trị, được thể hiện qua việc biết vận dụng các lực lượng, coi trọng vô thanh, thanh tĩnh và vô vi.

Vô vi nhi trị :

Đạo đức kinh viết : “ Ta thực hành vô vi, nhân dân được tự ta giáo hóa”.

Văn tử giải thích : “ Thực hành vô vi, tương tự không mời thì cũng đến, nhưng đuổi cũng không đi; làm việc gì cũng căn cứ theo quy luật, dựa vào lực lượng bên trong, rồi thuận theo tự nhiên, thì mới thành công”

Vận dụng các lực lượng :

Có người nói : “ Người tài trí, chăm chỉ học tập, hay hỏi, có thể trở thành thánh nhân. Người có dũng lực, giỏi hướng về người khác thỉnh giáo, thì cuộc chiến nào cũng thắng lợi ”

Người thông minh là người biết lợi dụng trí tuệ của nhiều người giúp cho mình hoàn thành sự nghiệp, biết dựa vào lực lượng của nhiều người để chiến thắng gian nan.

Tương tự, thánh nhân luôn phát huy thế lực trên nhiều phương diện, lợi dụng các thế lực một cách hợp lí.

Vua Thang, vua Vũ tuy là bậc thánh nhưng nếu chèo thuyền thì không giỏi bằng anh chèo thuyền. Ông Y Doãn tuy là bậc hiền tướng, nhưng cưỡi ngựa đâu bằng anh lính kị. Khổng tử và Mặc tử là những nhà bác học nhưng không thể trèo cao, len lỏi vào rừng rậm như người thợ rừng.

Do trí năng của con người có hạn, muốn nhìn thấu bốn biển, có chí lớn khắp thiên hạ, không thể không dựa vào trí năng, tài mắt của những người khác và các

lực lượng trong thiên hạ.

Trí năng của một người không thể nhận thức được toàn bộ chân lí, sự dũng cảm của một người không thể trở thành anh hùng vô địch. Điều này, quá rõ ràng.

Cho nên, làm quân chủ ngồi trên điện, nhưng phải nắm hình thế thiên hạ rõ như trong lòng bàn tay của mình. Muốn được vậy thì phải biết người ta, lấy những ưu thế của người (của quần thần), làm ưu thế của mình.

Sách Lã thị Xuân thu viết : “Trời không có một hình trạng cụ thể nào, nhờ vậy mới sinh dưỡng vạn vật; thánh nhân không tự mình làm việc gì, nhưng lại làm cho các quan chức làm hết sức”.

Mặt trời mùa Đông ấm, trăng mùa Hạ mát, nên thiên hạ, vạn vật đều hướng về, đó là quy luật tự nhiên.

Tương tự, con người cảm một cách tinh thành thì người ta tự tìm tới.

Vô thanh :

Văn tử nói : “ Cháu bé chưa đầy ba tháng tuổi, chưa biết phân biệt những điều lợi hại, người mẹ dạy con nói, khi con nói bi bô, trầm trồ, khiến người mẹ vui sướng. Đó là tình cảm tự nhiên, thiêng liêng của người mẹ ”

Cho nên, có người nói ngôn ngữ hữu thanh tác dụng rất nhỏ, ngôn ngữ vô thanh

có tác dụng rất lớn.

Văn tử còn nói : “ Không nói mà người ta tin; không thi ân huệ, mà được tiếng là nhân ái; không giận mà người ta thấy uy nghiêm. Đó là lực lượng rất lớn.

Nói để cho người ta tin; thi ân huệ để người cho rằng nhân ái, giận làm cho người thấy sự uy nghiêm. Đó cũng chỉ là những tình cảm chân thực của lòng mình.

Còn nói mà người ta không tin; thi ân người ta không khen là nhân ái; giận nhưng người ta cũng chẳng sợ. Chẳng qua, đó là tự hư trương thanh thế ! ”

Ông Cao Đào là người nói lắp, được đế Vũ giao cho việc hình pháp nhưng chẳng có người nào bị hình phạt thảm khốc.

Sư Khoáng tuy mù mắt, được phong làm Tể tướng nhưng nước Tấn không hề loạn lạc.

Trang tử cho rằng : “ Đức lớn của trời đất là không lời, bốn mùa phân chia giới hạn nghiêm ngặt chẳng nói, vạn vật cứ theo quy luật cũng chẳng nhiều lời”

Thánh nhân thì vô vi, đại thánh thì bất động, họ chỉ quan sát trời đất, bắt chước tự nhiên.

Không nói mà năng phát ra hiệu lệnh, không thấy mà không chỗ nào là không

thấy, đó là bậc thầy của các loại phương pháp, chính là thuật của Hoàng Lão.

Thanh tĩnh và vô vi :

Văn tử nói : “Thánh nhân dùng phương pháp, bậc thầy của mọi phương pháp, gọi là Đạo, căn cứ vào Đạo để hành động gọi là công việc của Đạo (Đạo sự).

Tương tự, vàng, đá chỉ có một âm thanh duy nhất, không cải biến, nhưng làm công việc theo Đạo thì như chiếc đàn cầm, cải biến theo âm điệu của từng khúc nhạc. Đạo chính là gốc của phương pháp trị lí quốc gia, gốc của pháp độ và lễ nhạc”.

Ví dụ

Tào Tham làm Thừa tướng ở nước Tề, ông vận dụng thuật thanh tĩnh, vô vi của Hoàng Lão để trị lí quốc gia, nước Tề rất phồn vinh.

Lúc Tào Tham được gọi về triều thay Tiêu Hà, ông nói với vị Tể tướng mới của nước Tề :

- Nước Tề, quyền lớn nằm ở tư pháp, mong ông sử dụng thật cẩn thận, đừng dùng nghiêm hình, làm dân lo sợ.

Tể tướng mới nói :

- Việc trị lí quốc gia thật khó ! Không dùng nghiêm hình làm sao mà trị được ?

Tào Tham nói :

- Sở dĩ việc dùng hình ngục phải cẩn thận, khi hình phạt quá nghiêm khắc, thì những tên tội phạm khó mà có đất sống. Khi chúng đã thấy cùng đường, tuyệt lộ, chúng sẽ có những hành vi nghiêm trọng hơn, xã hội sẽ sinh rối loạn. Nên dùng sự khoan dung là tốt nhất.

Lịch sử chứng minh : Pháp luật nhà Tần quá nghiêm khắc, thiên hạ đứng lên chống lại. Thời Hán Vũ đế, pháp luật quá nghiêm, không thiếu những người bị án oan.

Nói cách khác, pháp luật đã biến thành tệ đoan.

Đạo đức kinh viết : “Ta vô vi thiên hạ theo đó mà được giáo hóa, ta yên tĩnh, nhân dân theo đó mà đi theo chính đạo”.

Thái sử công viết : “Tào Tham làm tể tướng nhà Hán, thanh tĩnh, quả dục (bớt dục vọng), theo đạo Hoàng lão. Sau khi nhà Tần thống trị hà khắc, Tào Tham đã biết vận dụng cơ hội để làm cho thiên hạ vui vẻ, nên ai nấy đều ca ngợi Tào Tham”.

Thuật vô vi nhi trị của Hoàng lão, tương tự với đạo trị nước của thời Ngũ đế.

5. Thuật trị nước theo Nho gia :

Nho gia đề xướng thuật trị nước theo đạo đức, nhân nghĩa, được thể hiện qua thất giáo và tam chí.

Thất giáo : Nhân lúc nhàn rỗi, Khổng tử nói với Tăng Sâm :

- Ngày trước, những bậc đế vương sáng suốt, việc trị nước bên trong tu dưỡng 7 điều (thất giáo), bên ngoài lo ba đến (tam chí).

Tăng Sâm thưa :

- Xin thầy cho biết thế nào là bảy điều ?

Khổng tử giải thích :

- Một, tôn kính người già, để thần dân hiếu thuận với cha mẹ.

Hai, kính trọng những bậc trưởng giả, để thần dân tôn trọng những bậc trưởng bối.

Ba, vui khi làm việc thiện, để thần dân có giàu lòng nhân ái.

Bốn, thân cận với những người hiền, để thần dân kết bạn với những người quân tử.

Năm, tôn trọng nhân đức, để thần dân có lòng nhân hậu.

Sáu, ghét kẻ tham lam, để thần dân không tranh danh đoạt lợi, không làm những điều vô si.

Bảy, đề cao sự khiêm nhường, để thần dân coi trọng, giữ gìn lễ nghĩa.

Có người cho rằng, bảy điều cần tu dưỡng (thất giáo) hoặc 7 công việc mà triều đình cần phải làm sau khi bậc minh chủ phải phân phong cho chư hầu, hoạch định đất đai, để chư hầu giữ đất và dạy dân :

Một, triều đình cần phải phái quan chức đến các chư hầu để khảo sát, khảo hạch các quan lại theo định kì.

Hai, đề bạt những người hiền.

Ba, thăm hỏi ủy lạo những người cô đơn, góa bụa.

Bốn, vỗ về an ủi và nuôi dưỡng các cô nhi.

Năm, cứu tế những nhà nghèo khó.

Sáu, khuyến khích nhân dân hiếu đễ.

Bảy, khuyến khích kẻ sĩ phát triển tài năng.

Nếu triều đình làm tốt bảy công việc trên thì bốn phương tám hướng, không có người phạm pháp.

Tam chí : Về tam chí Khổng tử giải thích với Tăng Sâm :

- Một, lễ đến, tuy không nhường nhịn người khác nhưng thiên hạ sẽ đại trị.

Hai, thưởng đến nhưng không lãng phí, kẻ sĩ sẽ vui.

Ba, nhạc đến, tuy vô thanh, nhưng thiên hạ, hòa bình, đất nước thịnh vượng.

Có cách giải thích rõ hơn về tam chí :

Một, mình quân biết rõ những người hiền và kẻ sĩ như biết lòng bàn tay của mình, biết phân biệt danh và thực, biết dùng hiền tài, dùng tước vị và sắp xếp, để tỏ lòng tôn trọng, gọi là lễ đến, tuy không nhượng nhưng thiên hạ bình trị (chí lễ bất nhượng nhi thiên hạ bình trị).

Hai, dùng lợi lộc làm cho kẻ sĩ giàu có, gọi là thưởng đến nhưng không lãng phí, làm cho kẻ sĩ vui (chí thưởng nhi bất phí nhi nhân sĩ duyệt).

Ba, thiên hạ ca ngợi quân chủ là người sáng suốt, gọi là nhạc tuy vô thanh nhưng thiên hạ hòa (chí nhạc vô thanh nhi thiên hạ hòa).

Cũng có giải thích khác :

Một, vua mà yêu thần dân như tâm phúc của mình, thì thần dân yêu vua như yêu cha mẹ.

Hai, nhà vua giữ chữ tín như bốn mùa không sai chạy, thì thần dân cũng giữ chữ tín như lạnh qua, nắng lại.

Ba, nhà vua sáng suốt thấy xa mà như gần, kẻ xa cũng trở thành gần, như cây cỏ hướng về ánh sáng.

Đó là những cách phòng bị quân địch, xa cả ngàn dặm, của một minh quân.

Nói chung, Nho gia coi trọng đạo đức, nhân nghĩa trong việc trị nước, tương tự

với thuật trị nước của Tam vương.

5. Quan niệm nước theo Mặc gia :

Mặc tử nói : “ Thời viễn cổ xa xưa, người ta chưa biết xây dựng cung thất, chỉ ở hang động trên núi cao, khi thánh nhân xuất hiện thì người ta mới biết xây dựng cung thất. Cung thất không cao nhưng tránh được ẩm thấp và triều cường; chu vi không rộng nhưng cũng tránh được gió lạnh; tường vách không cao nhưng cũng đủ để phân biệt nam - nữ; vật liệu xây dựng cung thất mộc mạc, không phải dùng để hưởng thụ và vui thú. Cho nên, ngày xưa xây dựng cung thất nhưng không hao phí tài vật, không làm tiêu hao sức lực của dân.

Ngày nay, các bậc vương hầu, từ vua chúa đến bọn quần thần đua nhau xa xỉ; dùng bạo lực bắt dân khổ sở phục dịch xây dựng cung thất, lâu đài đình tạ nguy nga, tráng lệ, làm tiêu hao của cải đất nước, quốc gia khốn cùng.

Những năm đói kém, kho lương chẳng còn gì, để cứu tế cho dân chúng, là do nạn xây dựng cung thất.

Thời viễn cổ xa xưa, người ta chưa biết may mặc áo xiêm, chỉ dùng vỏ cây, da thú để che thân, mùa Đông thì mang da thú dày cho đủ ấm, mùa Hạ, che lá cho đủ mát.

Lúc thánh vương ra đời, thấy vậy liền dạy người ta may áo, may xiêm; mùa Đông thì dùng xiêm áo bằng bông, mặc cho ấm; mùa Hạ mặc xiêm y loại bằng vải thô gai cho mát mẻ; người ta, ăn mặc miễn sao đủ ấm, đủ mát, không chạy theo cái hào nhoáng bên ngoài. Các bậc đế vương sống tiết kiệm nên rất dễ cung phụng, dân sống cần kiệm, nên cũng rất dễ quản lí.

Ngày nay, các vua chúa ăn mặc hoàn toàn khác ngày xưa; bắt người ta tìm những lụa là quý trong thiên hạ; rồi lại dùng những người thợ may áo may xiêm diêm dúa; không những thế còn dát vàng, đính ngọc, một cách cầu kì.

Vua chúa chẳng những ăn mặc cầu kì xa xỉ, mà còn hoang dâm, hủ hóa, lễ đâu bọn quần thần chẳng a dua, bắt chước ?

Những người cai trị đã như thế, thì đất nước không loạn lạc mới thật là lạ ! ”

Nói chung, quan niệm trị nước của Mặc gia là phải cần kiệm, là gốc để cho quốc gia giàu mạnh.

6. Quan niệm về thuật trị nước của Thương Ưởng, Thân Bất Hại, Hàn Phi tử :

Thương Ưởng : Thương Ưởng cho rằng : “Pháp lệnh là gốc của sinh mệnh, là căn bản trong việc trị lí thiên hạ”.

Ông đưa ra ví dụ : “ Một con thỏ hoang chạy, thì cả trăm người đuổi theo để bắt, vì con thỏ ấy không thuộc về ai cả, vì không xác định được danh phận của nó.

Một con thỏ được đem bán ở ngoài chợ, thì tên cướp táo gan nhất cũng không dám cướp con thỏ, vì con thỏ được xác định danh phận.

Danh phận không định thì tài giỏi như vua Nghiêu, vua Vũ, vua Thang cũng không đuổi mà bắt được con thỏ. Danh phận đã định rồi, thì tên trộm cũng không dám làm những điều xằng bậy. Thánh nhân chế định pháp lệnh, xác định vị trí quan lại, thực tế là để xác định danh phận.

Khi danh phận đã được định, thì kẻ lừa dối cũng trở thành người đàng hoàng, giữ chữ tín; ngay cả tên đạo tặc cũng không dám tung hoành ngang ngược, mà phải sống an phận thủ thường ”

Doãn Văn tử cũng cho rằng : “ Danh phận đã định, tất vạn vật không tranh; chức trách đã định, tất tư dục không phát sinh.

Con người không tranh, không phải là do trong lòng không có tư dục, mà do danh, phận đã được định. Tư dục không phát sinh, không phải con người không có tư dục, mà do chức trách quy định rõ ràng.

Con người ai cũng có tư tâm, tư dục, ai cũng muốn tranh giành, muốn lợi lộc. Định danh phận và chức trách là phương pháp hay nhất để ngăn chặn tư tâm, tư dục.”

Nối tiếp tư tưởng của Thương Ưởng, Lí Tư dâng sớ lên Tần Nhị Thế : “ Hàn Phi tử nói, mẹ mà quá thương con làm hại con, chủ mà không nghiêm thì đầy tớ rất hung hăng.

Là tại sao ? Vì mẹ dạy con không nghiêm, chủ dạy tớ không nghiêm.

Thương Ưởng đặt ra luật pháp nhưng những người thi hành luật pháp một cách tùy tiện đối với những người thấp kém, tội nhẹ thì xử nặng, là vì quá nhiều người thuộc tầng lớp này phạm pháp.

Nhưng hiện nay, không dùng luật pháp, thì người phạm tội càng nhiều, không khác người mẹ hiền, làm hại con cái, dù có đem kinh sách thánh ra mà lí luận cũng khó mà ổn định”

Thân Bất Hại : Thân Bất Hại nói : “ Vua như thân thể, bề tôi như tay, vị trí nhà vua là căn bản, tôi hành động theo nhà vua. Cho nên, làm vua phải dùng quyền thuật, phân chức trách và khảo sát bề tôi cả về danh lẫn thực để họ có thể đỡ dần.

Danh và phận cũng giống như cái vồng của thánh nhân, giăng mắc giữa trời để không ai thoát được ”.

Hàn Phi tử : Hàn Phi tử cho rằng : “ Mắt nhà vua sáng nhưng không sáng bằng hạt li châu, tai có thính nhưng không thể thính bằng Sư Khoáng. Nếu chỉ nghe cái mình đã từng nghe, chỉ thấy cái đã nhìn thấy, thì dễ bị người ta lừa dối.

Nhà vua nổi tiếng trong thiên hạ, tuy ở trong thâm cung nhưng cũng có thể quan sát, minh xét mọi việc trong bốn biển, là phải dựa vào phương pháp : Phạt nặng những kẻ ăn gian nói dối, báo cáo láo và thưởng hậu hĩnh cho những người cáo gian”

Tuân tử cho rằng : “ Chức trách rõ ràng, sự nghiệp có thứ tự, dùng hết những người tài năng, các quan chức tận tụy với công việc, thì không nơi nào mà không trị lí được.

Nếu làm vua, phẩm đức càng ngày càng tăng tiến, liêm khiết càng ngày càng hoàn thiện, lại biết lắng nghe mọi việc một cách rõ ràng không bỏ sót.

Làm thiên tử mà được như vậy, thì không nhìn mà thấy, không nghe mà lại sáng tai, không khảo sát suy nghĩ mà biết rõ đạo lí, không hành động mà sự nghiệp lại thành công; bất động mà thiên hạ thuận tòng theo ý chí, không bắt mà người ta vẫn theo. Đó mới chính bảo pháp trị lí quốc gia.”

Thi tử nói : “ Bậc minh quân trước hết là xác định tự mình bảo vệ quyền và thế, hình tượng bao giờ cũng đoan trang, tâm bao giờ cũng tĩnh không và linh mẫn, mắt nhìn suốt cả chín châu nhưng không hỗn loạn, tai nghe tám hướng bụi trần nhưng lòng không rối; dưới trăm quan văn võ ai nấy hết lòng; vua tôi đàm luận tâm đầu ý hợp.

Nếu đạt được cảnh giới ấy, thì vua tuy ngồi ở miếu đường nhưng xử trí mọi công việc trong thiên hạ, sẽ không sơ sài và bỏ sót điều gì.

Lại nói, bậc minh quân không nên miễn cưỡng nhìn hay nghe một sự vật, một sự việc, một âm thanh. Vật đến thì nhìn, âm thanh đến thì nghe, sự việc đến thì ứng, không nên khinh thường, sơ suất một việc gì, dù xa hay gần cũng phải xử lí một cách thận trọng chu đáo.

Làm vua mà được như vậy, thì những người hiền, người sáng không thể bỏ đi, những kẻ ti tiện nhất cũng phải cung kính. Mọi vật, mọi sự không thể nào thoát ra khỏi sự chế ngự của nhà vua.”

Thi tử lại cho rằng : “ Khi thượng triều, quần thần đề đạt ý kiến, thì vua phải lắng nghe, đó là chức trách của nhà vua. Nếu quần thần đề bạt người, thì nên hỏi rõ người ấy là ai cho thật tường tận. Nếu thưởng phạt, thì phải khảo sát cân nhắc hơn kém, không để cho thói tề về thưởng phạt nảy sinh. Trăm quan văn võ, ai làm chức phận của mình, không được hành động vượt quá chức phận. Người ưu tú thì được đề bạt, người kém phải bị trừng trị, biếm truất.

Tốt và xấu, trung và gian, phải sử dụng nhiều biện pháp để quan sát, phân tích đánh giá, làm cho đen – trắng rõ ràng ”

Có người cho rằng, vua Nghiêu, vua Vũ, trị lý thiên hạ, phân phó cho những người xử lý sự vụ bằng cách định danh phận rõ ràng, làm cho thiên hạ đại trị.

Nếu danh không chính thì thiên hạ đại loạn. Vì thế, thánh nhân rất coi trọng chính danh.

Giả sử, hôn quân không hiền mà bảo rằng hiền, tôi bất trung mà gọi là trung, không có pháp mà gọi là pháp, tức là danh, phận không chính.

7. Những tội nhân của lịch sử :

Hoàn Phạm nói : “ Thương Ưởng, Thân Bất Hại, Hàn Phi tử, coi trọng âm mưu và sự gian trá, lấy sự hà khắc mà đối đãi với người, phế bỏ sự giáo hóa lễ nghĩa, dùng nghiêm hình mà trị lý thiên hạ, không theo phép tắc của người xưa, mở ra thời kì thuần phong bại tục. So sánh với Y Doãn, Chu Công thì bọn họ là tội nhân.

Thương Ưởng, Thân Bất Hại, Hàn Phi tử đều cho rằng, vua là cao, thần tử là thấp, nước giàu, binh mạnh, tuân thủ pháp độ, kiên trì chế pháp, là những vấn đề khả thủ.

Thực chất, họ chỉ là người xu thời phụ thế đón ý người trên, phá hoại kỉ cương; là những kẻ chuyên giết người tàn bạo; tàn hại bách tính.

So Ninh Thành, Chất Đô (đời Hán), Thương Ưởng, Thân Bất Hại, Hàn Phi tử là tội nhân.

Thương Ưởng, Thân Bất Hại và Hàn Phi tử thường cho rằng, áp chế bọn cường hào, vọng tộc, bênh vực, vỗ về kẻ cô quả yếu đuối; tự cho rằng bản thân mình là liêm khiết, sai bảo các quan là tuân thủ luật pháp; đó là những điều khả thủ.

Thực sự, họ là những người nắm luật pháp nhưng lại là những kẻ phạm pháp, bao nhiêu người trong thiên hạ đều chịu oan uổng; họ củng cố quyền lực, vun quén những gì đẹp đẽ làm của riêng, bao nhiêu thói tặc không kể hết !

Thương Ưởng, Thân Bất Hại, Hàn Phi tử là những tội nhân của lịch sử.”

8. Tiểu kết :

Mục chúng ta vừa đọc, nêu các thuật trị nước gồm vương đạo, bá đạo, Đạo gia, Nho gia, Thương Ưởng, Thân Bất Hại và Hàn Phi tử. Mỗi thuật có xuất phát điểm khác nhau, thời đại khác nhau, lí luận khác nhau, thành bại khác nhau và những thói tặc phát sinh cũng khác nhau, có những bậc thánh quân, minh quân

cũng có những người là tội nhân lịch sử.

Đây cũng là những kinh nghiệm vinh quang và cay đắng của lịch sử Trung Hoa.

16. CHÍNH LUẬN

Thời Xuân thu – Chiến quốc, được xem là thời hoàng kim của văn hóa Trung Hoa, là thời trăm nhà tranh tiếng, gọi là Bách gia chư tử, như : Nho gia, Đạo gia, Âm dương gia, Pháp gia, Danh gia, Mặc gia, Tung hoành gia, Tạp gia, Nông gia, Tiểu thuyết gia.

Mục này giới thiệu một số học thuyết, nhằm bổ sung cho ba mục trước là Phản kinh, Thị phi và Tào biến.

1.Nho gia và sáu kinh :

Học thuyết của Nho gia xuất phát từ chức quan Tư đồ.

Tư đồ chủ quản về việc giáo hóa nhân dân, giúp vua hòa thuận với âm dương, xiển dương việc giáo hóa.

Sáu kinh (lục kinh) của Nho gia chú trọng đến nhân nghĩa đạo đức, thuật về những ông vua đạo đức và hiền minh như vua Nghiêu, vua Thuấn, vua Văn, vua Vũ, tôn Khổng tử làm thầy.

Nội dung sáu kinh :

Khổng tử nói : “ Nội dung của sáu kinh tuy khác nhau nhưng cùng mục đích là giáo hóa dân chúng, có tác dụng trị lí xã hội.

Kinh Lễ là những quy phạm về hành vi con người.

Kinh Nhạc là để bồi dưỡng tâm chí bình hòa, thuần khiết của con người.

Kinh Thi dùng để biểu đạt tình chí.

Kinh Thư là hướng dẫn về sự xử sự của con người.

Kinh Dịch dùng để dự đoán sự biến hóa một cách thần kì.

Kinh Xuân thu, nói đơn giản rõ ràng về đạo nghĩa ”

Tư Mã Viêm nói :

“ Kinh Lễ nói đơn giản về đạo đức, chú trọng về hành vi.

Kinh Nhạc viết về nhạc, chủ đề chính là hòa hợp.

Kinh Thượng thư ghi lại những kì tích và chính trị của các vị vua ngày trước.

Kinh Thi nói về núi sông, khe suối, cầm thú, cây cỏ, trồng mái, về phong thổ và dân tình.

Kinh Xuân thu là biện chứng về phải trái, thuyết lí làm cho người ta thấy được sự sáng suốt của cõi lòng

Chu Dịch nói một cách đơn giản và rõ ràng về trời đất, nguyên lí biến hóa của âm dương, bốn mùa và ngũ hành ”

Mục đích và kết quả của sáu kinh :

Kinh Lễ giáo hóa dân biết cung kính, khiêm tốn, biết tôn ti và tiết kiệm.

Kinh Nhạc giáo dân có lòng rộng rãi và bình dị.

Kinh Thư giáo hóa dân thông đạt đạo lí, biết nhiều và nhìn xa.

Kinh Thi giáo hóa dân lương thiện, ôn nhu, thuần hậu.

Kinh Xuân thu giáo hóa dân biết dùng ngôn từ, lời giản dị mà ý tứ sâu xa.

Kinh Dịch giáo hóa dân tâm chí thuần khiết, thấy được những lẽ tinh vi.

Sự hỗ tương của sáu kinh :

Không dạy Kinh Lễ, lòng dân nóng nảy bất an.

Không dạy Kinh Nhạc, dân sống phù hoa dâm dật.

Không dạy Kinh Thư, dân hay du nhình, lời nói không thực.

Không dạy Kinh Thi, dân chúng ngu muội.

Không dạy Kinh Xuân thu, thứ tự từ triều đình ra đến bên ngoài hỗn loạn.

Không dạy Kinh Dịch, dân gian xảo, tà ác.

Sự cần thiết của âm nhạc :

Tử Hạ nói : Nghệ thuật hóa âm thanh khác nhau, gọi là âm nhạc.

Thời thịnh, âm nhạc khoan thai, vui vẻ phản ánh nền chính trị khoan dung.

Thời loạn thì âm nhạc oán hận và phẫn nộ, phản ánh nền chính trị hà khắc.

Nước mất thì âm nhạc bi thương, phản ánh nhân dân đang chìm trong họa nước lửa.

Kinh Nhạc viết : “ Chính trị và âm nhạc tương quan với nhau.

Vì, ngũ âm là cung, thương, giác (giốc), chinh (chủy), vũ; cung tượng trưng vua, thương tượng trưng tôi, giác tượng trưng dân, chinh tượng trưng sự (việc), vũ tượng trưng vật (sự vật). Ngũ âm không loạn, thì âm thanh không tạp loạn và đình trệ.

Âm cung loạn, nhạc hoang vắng, tản mạn; biểu thị vua kiêu ngạo, ngang ngược.

Âm thương loạn, nhạc tà ác, tịch mịch; biểu thị bề tôi bại hoại.

Âm giác loạn, nhạc ưu uất; biểu thị dân đang oán hận.

Âm chinh loạn, nhạc ai oán; biểu thị sự việc phiền toái, phức tạp.

Âm vũ loạn, nhạc nguy vong; biểu thị tài vật thiếu thốn.

Nếu cả năm âm đều loạn, mất cả âm điệu, xô đẩy nhau, gọi là nhạc khinh mạn; biểu thị đất nước đang diệt vong.

Âm nhạc còn liên quan đến ngũ tạng (tì, phổi, gan, tim, thận) và phẩm đức (thánh, nghĩa, nhân, trí, lễ) của con người.

Âm cung phát động đến tì, phát sinh thánh.

Âm thương phát động đến phổi, phát sinh nghĩa.

Âm giác phát động đến gan, phát sinh nhân.

Âm chinh phát động đến tim, phát sinh lễ.

Âm vũ phát động đến thận, phát sinh trí.

Nghe âm cung, làm cho tâm người ta cảm thấy ôn nhu, thư thái, khiến lòng dạ rộng rãi.

Nghe âm thương, khiến cho người ta trở nên cương trực, ngay thẳng, hướng về chính nghĩa.

Nghe âm giác, làm cho người ta giàu lòng trắc ẩn, trở thành người giàu nhân ái.

Nghe âm chinh, làm cho người ta vui với điều thiện, làm điều thiện và có lòng khoan hậu.

Nghe âm vũ, khiến hành vi của người ta trở nên đoan chính, tuân theo lễ ”

Sách Lễ thi xuân thu viết : “ Một đất nước diệt vong hoặc giết người, thì không có âm nhạc đích thực, nếu có cũng không đem lại cho người ta niềm vui đích thực.

Đó là loại nhạc, làm cho người ta chìm đắm trong khoái lạc, hoặc tiếng cười của kẻ đắc chí, hoặc là tiếng ca bi thương của những người cùng khổ, hoặc là tiếng nhảy loi choi của những kẻ cuồng điên. Xưa nay, nhạc mất nước là như thế ! ”

Phạm Hoa viết : “ Chuông trống không phải là gốc âm nhạc nhưng khi sử dụng các loại nhạc khí cũng phải dùng chuông, trống.

Heo, bò, dê không phải là những con vật biết hiếu kính, nhưng hiếu kính với cha mẹ thì không thể thiếu thịt những con vật ấy để phụng dưỡng.

Cho nên, sáng tạo nhạc khí và âm nhạc không thể quên mục tiêu của âm nhạc, nếu không để ý đến mục tiêu, thì âm nhạc, nhạc khí mất hết ý nghĩa.

Dùng âm thanh, âm luật để sáng tác âm nhạc phải dựa vào khí chất của nội tâm. Nếu không dựa vào khí chất của nội tâm, khác nào người miệng nói hiếu kính, mà chẳng dùng thịt heo, bò, dê để phụng dưỡng cha mẹ.

Âm giác, Đông phương, chủ về nhân.

Âm chinh, Nam phương, chủ về lễ.

Âm cung, Trung ương, chủ về tín.

Âm thương, Tây phương, chủ về nghĩa.

Âm vũ, Bắc phương, chủ về trí.

Đây là thường thức về nhạc lí ”

Bàn thêm về Kinh Thi

Thái sử công cho rằng, phần Đại nhã của Kinh Thi, nói về những bậc vương công, đại nhân, dùng đức tính để giáo hóa dân chúng.

Phần Tiểu nhã của Kinh Thi, thông qua những chuyện chê bai để nói về việc lợi hại, được mất, ảnh hưởng đến tầng lớp thống trị.

Tuy nội dung hai phần Đại nhã, Tiểu nhã khác nhau, nhưng tông chỉ là nhân đức, thống nhất với nhau.

Sự quan trọng của lễ :

Ban Cố viết : “ Con người hấp thu hai khí âm dương của trời đất mà có tình cảm vui, giận, buồn, sướng.

Nhân tính tiên thiên (bẩm sinh) thì không thể tiết chế, nhưng thánh nhân biết tiết chế hậu thiên (tập nhiễm những thói xấu trong xã hội) nhưng không làm mất nhân tính, cho nên căn cứ vào quy luật tự nhiên để chế định chế độ lễ nhạc.

Mục đích của chế định lễ nhạc là thông với thần minh, thiết lập nhân luân, để con người tu tính tính tình, tiết chế nhân sự để hợp với đạo trung.

Theo nhân tính, nam nữ có tình với nhau thường sinh lòng đổ kị, nên phải đặt ra lễ hôn nhân; trong giao tế, kẻ già người trẻ đều phải theo thứ tự, ngôi thứ, nên thiết lập lễ ăn uống hội hè; khi ai điếu hoặc tưởng niệm tổ tiên là việc thường tình, nên phải lập lễ tang; giữa bề tôi và vua phải có lòng tôn kính, nên phải chế định lễ triều quan.

Nếu bỏ lễ hôn nhân, tất trai gái quan hệ bừa bãi, dân loạn sẽ gia tăng; nếu bỏ lễ

ăn uống hội hè thì lớn nhỏ lộn xộn, tranh giành lẫn nhau, chẳng ra thể thống gì cả; nếu bỏ lễ tang thì nhân tình đơn bạc, dễ quay lưng với những người đã khuất; nếu bỏ lễ triều quan, thì quan hệ vua tôi điên đảo, dưới vô lễ với trên, trên có thể giết dưới.

Cho nên, Khổng tử nói : Cùng cố vị trí của nhà vua, trị lý dân chúng, không có lễ là không được. Phòng ngừa những phong tục quái dị, lạ đời, không có âm nhạc là không được ”

Kinh Xuân thu :

Sĩ Toại nói : “ Xuân thu nêu 36 sự kiện ông vua bị thảm sát, 52 sự kiện về những ông vua mất nước phải, phải sống lưu vong không thể bảo vệ được xã tắc.

Từ đó, suy ra những nguyên nhân được, mất, trong căn bản trị nước ”

Sĩ Toại còn nói : “ Thời đại của Khổng tử, trên không có quân chủ hiền minh, dưới không có sự trọng dụng đại thần, nên ông viết Xuân thu, mục đích nêu cao nhân nghĩa thống nhất vương pháp.

Nếu như Khổng tử gặp ông vua hiền minh, ông là trọng thần của xã tắc thì trên dưới ai cũng làm tròn chức vụ, ông không phải khổ công viết sách để lập thuyết ”

Nhận định về Nho gia và sáu kinh :

Tư Mã Thiên đánh giá : “ Nếu nói về việc chế định lễ nghĩa để phân biệt vua – tôi, cha – con, chồng – vợ, lớn – bé thì sáu kinh là chuẩn tắc.

Nói về chữ nghĩa, sáu kinh đạt đến cả ngàn vạn chữ, linh hoạt như khói sóng, không học thuyết nào sánh được.

Học thuyết của Nho gia tuy quảng bác nhưng thiếu yếu lĩnh, dùng nhiều sức lực nhưng hiệu quả rất thấp ”

2. Đạo gia :

Học thuyết của Đạo gia bắt nguồn chức Sử quan, chuyên ghi lại những kinh nghiệm lịch sử về sự thành - bại, mất – còn.

Về thuật trị nước, Đạo gia chủ trương giữ lấy thanh tĩnh, hư vô, nhu nhược làm căn bản.

Về học thuyết, Đạo gia gần gũi với Đế Nghiêu, khiêm nhượng, cung kính; bác đại tinh thông như Kinh Dịch.

Sau này, các Đạo sĩ cuồng phóng, chủ trương cấm lễ nhạc, bỏ nhân nghĩa, chỉ cầu thanh tĩnh vô vi. Đó là tệ đoan của Đạo gia.

Tư Mã Viêm viết : “ Ưu điểm của Đạo gia làm cho tinh thần của con người trở thành chuyên nhất, hành vi khinh linh siêu thoát, hơn cả Nho gia và Mặc gia.

Đạo gia hấp thu tinh hoa Danh gia và Pháp gia, thuận ứng với thời đại mà biến di, thuận với vạn vật mà biến hóa, xử sự với người với vật không có gì là không thích hợp.

Học thuyết của Đạo gia đơn giản dễ hiểu, dùng sức rất ít mà hiệu quả cao. Đạo gia chủ trương vô vi, đề cao không làm mà làm tất cả (vô vi nhi vô sở bất vi) nhưng thực tế là rất dễ thực hành; mặc dù lí luận có chỗ rất ảo diệu khó hiểu, nếu chỉ một người lí giải thì không hiểu hết.

Pháp quy có hữu có vô, thuận ứng thời thế mà xác định; chế độ có hưng có phế, phải căn cứ vào sự biến hóa mà xác định.

Cho nên, thánh nhân thì không mai một, bởi vì họ luôn luôn thuận ứng với thời thế mà biến hóa. Theo Đạo gia, quân chủ lấy hư vô làm căn bản, lấy sự trôi chảy làm căn bản, quần thần ai ở vào vị trí ấy, chức phận ấy, tự nhiên như vậy, không tốt lắm hay sao ?”

3. Âm dương gia :

Học thuyết của Âm dương gia bắt nguồn từ các quan coi về thiên văn và lịch pháp, tôn kính và thờ phụng trời, quan sát sự vận hành của mặt trời, mặt trăng, các sao để tìm ra quy luật, từ đó tính toán xác định tiết lệnh bốn mùa mà chỉ đạo nông nghiệp. Đó là thế mạnh của Âm dương gia.

Sau này, một số đồ đệ của Âm dương gia trở thành bàng môn tả đạo, câu nệ, mê tín, đưa ra nhiều sự trối buộc. Đó là thói tệ của Âm dương gia.

Tư Mã Viêm nói : “ Thuật của Âm dương gia rộng lớn và tường tận nhưng quá nhiều cấm kỵ, ước thúc trói buộc người ta.

Âm dương gia căn cứ vào bốn mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông, theo phương vị bát quái, 12 sao, 24 tiết khí, để xác định việc nên làm và những điều cấm kỵ, nếu thuận theo sự xác định thì hưng thịnh, nếu làm ngược lại thì diệt vong.

Âm dương gia còn cho rằng, quy luật lớn của bốn mùa là Xuân sinh, Hạ trưởng, Thu thu, Đông tàng, quy luật này quan hệ đến những việc lớn liên quan đến quốc kế, dân sinh, nếu không tuân theo quy luật này thì thiên hạ đại loạn”

Sách Tả truyện viết : “ Ở núi non, đồng ruộng, người ta săn bắt bất kể ngày đêm, tổ chức ăn uống mà không tế lễ (tổ tiên, trời đất), ra vào không tuân thủ lễ tiết; đến mùa làm ruộng bắt dân lao dịch, không cho làm ruộng, gian thần lộng hành; âm mưu thịnh hành; thì xuất hiện loại cây lạ, thẳng không ra thẳng, cong không ra cong.

Phế bỏ pháp quy, đuổi công thần, giết thái tử, cho thiếp làm vợ cả; sẽ xuất hiện núi lửa, phun lên trời.

Dùng vật liệu xây dựng cung thất lâu đài tráng lệ, hậu cung dâm loạn, thân thích xâm phạm nhau, anh em làm nhục nhau; nghề nông bị mất mùa thất bát.

Thượng võ, hiếu chiến, coi khinh bách tính, tu sửa thành quách, xâm phạm nước người; sẽ phát sinh hiện tượng đao sắc không thể cắt đứt được da.

Giản hóa việc thờ cúng tông miếu, không thờ cúng trời đất, phế bỏ tế lễ, ngược với thiên thời, sẽ xuất hiện hiện tượng nước chảy ngược”

4. Pháp gia :

Học thuyết Pháp gia bắt nguồn từ các quan coi về việc hình ngục, dùng thưởng phạt một cách nghiêm minh để hỗ trợ cho việc trị lí thiên hạ. Đó là điểm mạnh của Pháp gia.

Sau này, nhiều người thuộc Pháp gia bỏ nhân nghĩa, xem nhẹ việc giáo hóa, chuyên dùng hình ngục để đạt đến mục đích chính trị. Đó là tệ đoan của Pháp gia.

Tư Mã Thiên cho rằng : “ Pháp gia vô tình, nghiêm khắc, khắc bạc, ít ân huệ; vua là trên, tôi là dưới là việc không thể thay đổi hoặc cải biến.

Pháp gia không phân biệt thân hay sơ, không kể cao quý hay thấp hèn, nhất luật mọi người phải tuân theo pháp luật, dù là thầy trò, những người thân thiết cũng theo pháp luật mà xử đoán. Đây cũng chỉ là thuật trị lí tạm thời, không thể lâu dài. Cho nên nói Pháp gia nghiêm nhưng ít ân huệ ”

5. Danh gia :

Danh gia bắt nguồn từ những ông quan coi về việc lễ (lễ quan). Người xưa phân định địa vị khác nhau, lễ nghĩa cũng khác nhau, gọi là chính danh phận. Không

tử cũng cho rằng : “ Nhất định phải chính danh”.

Nói cách khác, chính danh phận là điểm mạnh của Pháp gia.

Sau này, những người theo Pháp gia bày đặt ra nhiều vấn đề chi li tiểu tiết. Đó là sự biến tướng và thói tệ của Pháp gia.

Tư Mã Viêm nói : “ Danh gia dạy người ta kiệm ước nhưng lại bỏ đi sự chân thực. Pháp gia đề xướng danh và thực nhưng không chú ý đến việc nghiên cứu cho tường tận ”

6. Mặc gia :

Học thuyết Mặc gia bắt nguồn từ những quan bảo vệ tông miếu. Chủ trương của

Mặc gia là ở nhà tranh vách đất, coi trọng sự tiết kiệm, tôn trọng và nuôi dưỡng những người già có đức cao, vọng trọng, khiêm ái, đề bạt những người hiền năng, coi trọng việc tế lễ tổ tiên, sùng bái quỷ thần, thuận theo bốn mùa mà hành sự nhưng lại phản đối thiên mệnh, dùng hiếu kính để giáo hóa thiên hạ, thần dân phải phục tòng quân chủ. Đó là những ưu điểm của Mặc gia.

Sau này, những môn đồ của Mặc gia chỉ chủ trương tiết kiệm, nhưng phủ định lễ chế, chủ trương khiêm ái nhưng không kể đến thân sơ. Đó là thói tệ của Pháp gia.

Tư Mã Viêm nói : “ Tiết kiệm là căn bản nhưng tiết kiệm theo Mặc gia thì rất

khó thực hành một cách toàn vẹn.

Mặc gia ca ngợi đức hạnh của vua Nghiêu, vua Vũ : Ở nhà cao 3 thước, ba bậc thềm được đắp bằng đất, lợp bằng cỏ tranh, cột kèo bằng gỗ nhưng không điêu khắc, không chạm trổ. Uống nước thì dùng bát bằng đất, ăn thì dùng âu bằng sành, gạo thì gạo thô, nước thì nước lá đậu. Mùa Hạ mát mặc áo thô, mùa Đông lạnh, mặc áo da hươu.

Thời Nghiêu, Vũ, khi có người chết thì dùng cây ngô đồng làm quan tài, quan tài chỉ dày ba tấc (thốn), khóc lóc thương xót thì cũng chừng mực, để làm gương và giáo hóa dân chúng.

Cho nên nói, Mặc gia chủ trương tiết kiệm nhưng khó thực hành là vậy ! ”

Hán Vũ đế hỏi Đông Trọng Thư :

- Các bậc đế vương thời cổ rất tiết kiệm, không may cờ đen, cờ vàng để trang trí nhưng tại sao đến đời nhà Chu thì lại chế càng xe rất to để đi lại, trong triều lại có 8 đội ca múa hát xướng, mỗi thời mỗi khác là tại sao ?

Đông Trọng Thư thưa :

- Mục đích chế tạo nghi trượng có nhiều màu sắc là để phân biệt trên dưới, tôn quý, nghèo hèn, để cho dân nhìn vào đó mà tu dưỡng đạo đức.

Thời Xuân thu, các vua chúa thường căn cứ vào các mùa trong năm để quy định màu sắc của áo quần, là thuận với đạo trời. Dĩ nhiên, việc xây dựng cung thất, màu sắc cờ xí đều có quy định rất rõ ràng.

Khổng tử nói : “ Xa xỉ, se sua là người kiêu ngạo, nhưng quá tiết kiệm là người thô lậu ”.

Cho nên, thánh nhân không quá coi trọng và câu nệ trong việc tiết kiệm. Riêng, đạo trị nước thì vua phải kiệm ước, nhưng không nên bắt ép dân phải quá tiết kiệm, thắt lưng buộc bụng. Đó là vương đạo.

7. Tung hoành gia :

Tung hoành gia bắt nguồn từ các quan coi về việc ngoại giao.

Tung hoành gia có thể xử lí những việc phức tạp liên quan đến việc ngoại giao. Khi đã nhận mệnh nhà vua, họ tùy cơ ứng biến, ăn nói hoạt bát, biện luận giỏi và hoàn thành nhiệm vụ. Là sở trường của Tung hoành gia.

Sau này, các đệ tử thuộc phái Tung hoành, đa số là người gian trá, quay lưng với tín nghĩa. Đó là sự thoái hóa, biến chất tệ hại của Tung hoành gia.

Tuân Duyệt gay gắt lên án phái Tung hoành : “ Trong xã hội có ba loại du, gọi là tam du, nguy hiểm hơn bọn trộm cướp, là du hiệp, du thuyết và du hành.

Theo bá đạo, kết bè kết đảng, hoành hành tác oai tác phúc, gọi là du hiệp.

Khua môi múa mép, dâng hiến mưu mẹo, thủ đoạn cho các vua chúa để mưu cầu danh lợi, gọi là du thuyết.

Giỏi dùng văn chương, chữ nghĩa, rao giảng kinh sách thánh hiền để người khác tin tưởng, rồi kết bè lập đảng, tranh danh đoạt lợi, gọi là du hành.

Ba loại này làm băng hoại đạo đức, phá vỡ pháp độ, gieo sâu độc vào lòng người, là những nguyên nhân làm cho xã hội rối loạn, mà ngày xưa các bậc đế vương đã đề phòng.

Du hiệp, du thuyết, du hành thịnh hành vào thời loạn, bắt đầu nổi lên từ cuối thời nhà Chu và nhà Tần.

Sở dĩ bọn tam hiệp ngóc đầu lên là do trên vua chúa không hiền minh, dưới bề tôi không trung trực; pháp độ không được lập; kỉ cương bị bỏ phế.

Lại thêm, quân tử phạm lễ nghĩa, tiểu nhân phạm pháp; người ta coi trọng sự phù phiếm hơn sự thực, gấp lập công, mong chóng lợi, coi thường ân tình ruột thịt, lấy chữ lợi để kết giao bè bạn; chẳng xem trọng việc tu thân, chỉ thích người ta ca tụng; triều đình trở thành chợ búa, để bọn quyền quý tới lui mua danh, bán lợi.

Hỏi sao, đạo đức xã hội không sa sút ? ”

Ở đoạn khác, Tuân Duyệt tinh táo hơn, pha chút ngậm ngùi :

“ Du hiệp chính đạo, gọi là dũng nghĩa, là người cứng rắn, vũ dũng, bất khuất, giữ chữ tín, không sợ nguy hiểm, có thể quên tính mạng để cứu bạn bè. Bọn du hiệp tà đạo, từ lí luận đến hành vi, chẳng khác bọn trộm cướp.

Du thuyết chính đạo, còn gọi là trí biến, là người biết phân biệt đúng sai, đi sứ bốn phương, không làm nhục quân mệnh, làm lợi cho quốc gia, an định xã tắc, giải trừ mê hoặc. Bọn du thuyết tà đạo, tâm thuật bất chính, trí trá không lường.

Du hành chân chính, còn gọi là quân tử, là người giữ đạo đức, yêu dân chúng, dùng văn để kết bạn, dùng khoan dung để đãi người, sự nghiệp văn chương thành công. Ngược lại, bọn du hành tà đạo, thì gian trá hết chỗ nói.

Trong xã hội, có một người chính lại có một kẻ tà, khác biệt nhau rất lớn, hỏi không buồn sao được ?

Nếu chính đạo được thực hành, thì bọn du hiệp, du thuyết, du hành, theo tà đạo, đâu có cơ hội ngóc đầu lên ? ”

8. Tạp gia :

Tạp gia bắt nguồn từ các chức quan nghị sự.

Sở dĩ, gọi là Tạp gia vì học phái này tổng hợp cả Nho gia, Mặc gia, Danh gia và

Pháp gia, thành một thể thống nhất, rất tinh thông đạo lí trị nước. Đó là ưu điểm.

Về sau, các môn đồ của Tạng gia, lí luận huyền thuyên vô bờ bến nhưng lại không có yếu lĩnh, chẳng có tông chỉ. Đó là tệ đoan.

9. Nông gia :

Nông gia bắt nguồn từ những quan trọng coi về nông nghiệp.

Nông gia dạy dân gieo trồng ngũ cốc, khuyến khích nhân dân trồng dâu nuôi tằm, khiến cho dân cơm no áo ấm.

Khổng tử cũng từng nói : “ Người cai trị phải chăm lo hai việc là lương thực và nhân dân.

Đó là sở trường của Nông gia”

Sau này, môn đồ Nông gia chủ trương vua và quần thần cũng phải đi cày cấy, canh tác là việc không thể làm được, đi ngược với thứ tự và đẳng cấp. Đó là so83 đoan của Nông gia.

10. Tiểu kết :

Thay đổi cách nhìn về lịch sử :

Ban Cố cho rằng : “ Sử kí, Tư Mã Thiên biện luận về phải trái, quan điểm của Tư Mã Thiên khác với những thánh nhân ngày xưa.

Về chủ trương chính trị, trước tiên là suy tôn Đạo gia, Hoàng lão, sau mới đến lục kinh (Nho gia).

Thuật về những kì tích của du hiệp, hạ thấp ẩn sĩ, đề cao gian hùng.

Về tài chính, kinh tế, coi trọng phú quý và quyền thế, xem việc bần hàn là sỉ nhục.

Tóm lại, về phép xử trí của Sử kí chưa thật là đầy đủ.

Nhưng nói về nguyên ủy và sự lí, Sử kí biện luận rõ ràng nhưng không rơi vào phù phiếm, chất phác nhưng không thô, văn chính trực nhưng tôn trọng sự thực, không khen lao, không che đậy kể những điều tà ác. Cho nên, hậu thế khen Sử kí ghi lại chân thực lịch sử ”

Xác định mục tiêu :

Văn tử nói : “ Thánh nhân làm việc gì cũng đồng quy về một mối.

Nhạc khúc của các nước Tần, Sở, Yên, Ngụy tuy không giống nhau nhưng cùng biểu đạt được tình cảm và niềm vui của con người.

Tiếng khóc của các dân tộc ít người khác nhau nhưng biểu đạt được tình cảm bi thương của con người.

Nói chung, tình cảm bên trong thường bộc lộ ra bên ngoài, những biểu hiện bên ngoài phản ánh nội tâm ”

Cải biến, khác biệt và tương đồng :

Phạm Hoa nói : “ Học thuyết của Bách gia chư tử xuất hiện lâu đời, tông chỉ chung và căn bản là củng cố chính quyền quốc gia, phải bỏ những tệ đoan và biến hóa theo từng thời đại; nguyên nhân, hình thế chính trị biến ảo bất định, không thể không cải biến.

Thời viễn cổ, các thánh vương bắt chước đạo trời, đạo đất, thuận ứng với tự nhiên, không cần đến viết thành lời về điển chương và pháp độ (vô ngôn) để trị lý thiên hạ.

Thời đại Hạ, Thương, Chu, sự hưng suy thay đổi, sự ích lợi và tổn thất đã nhiều, giữa chất phác và văn minh giao thoa, giữa bảo thủ và tiến thủ đưa đẩy, khi chiến tranh, lúc hòa bình, tình hình xã hội cũng khác với thời viễn cổ; trong việc trị lý quốc gia cái gì còn sử dụng thì sử dụng, cái gì lỗi thời thì phải bỏ đi.

Chẳng hạn, ở cương vị nhà vua, mặc y phục bằng gai sợi, tuy là tiết kiệm nhưng

không xứng với ngôi vị thì phải thay đổi, nhưng là nhất trí với tông chỉ trị lý quốc gia.

Hoặc, khoan thứ với quý tộc nhưng phải nghiêm trị loạn thần tặc tử, khi xử cũng có khoan và có nghiêm khác nhau, nhưng cùng mục đích là ngăn chặn được loạn thần tặc tử.

Thời viễn cổ và thời Hạ, Thương, Chu khác nhau về điển chương, chế độ, hình thức sai biệt, nhưng lại tương đồng về bản chất.

Lại nói những việc gần đây (ám chỉ cuối nhà Chu và nhà Tần), người mang giày cỏ (vốn là giày mát đi mùa Hạ) mà chống chọi với mùa Đông, rồi cho rằng mình tiết kiệm, thì quả là bị tâm bệnh, nhưng ăn mặc diêm dúa quá mức cho phép, là xa xỉ. Cấm lệnh mà không nghiêm, khác nào dung túng xúi giục thuộc hạ lãng mạ bức hiếp kẻ yếu đuối. Dùng hình nghiêm khắc để chứng tỏ sự uy mãnh, sẽ dẫn đến cảnh thiên hạ chia lìa, phân li.

Cuối đời nhà Chu đến nhà Tần, chính trị suy bại, những việc tuế toái vừa nêu trên đã xảy ra.

Vì vậy, việc dùng hay bỏ một chế độ, quyết định sự hưng vong của một quốc gia.

Pháp độ đơn giản hay phức tạp là do thời gian, phối hợp với chính sách khoan dung, hay nghiêm khắc, mà quy định.

Ví dụ : Tử Sản dùng đỉnh để khắc rõ ràng và chi tiết những điều nghiêm hình nhưng thực ra là rất khoan dung. Khi vào đến Quan Trung, Lưu Bang ban hành ba chương rất đơn giản (về khoan dung và nghiêm cấm). Tiêu Hà, làm tể tướng, ra pháp quy rất nghiêm khắc.

Khi Tào Tham thay Tiêu Hà, không sửa đổi pháp quy của Tiêu Hà nhưng dùng vô vi nhi trị; sử gọi là Tiêu Hà ra pháp quy, Tào Tham dựa vào đó mà làm (Tiêu quy Hà tùy), tức khoan dung và uy mãnh kết hợp với nhau.

Đãi cát tìm vàng :

Việc nghiên cứu về học thuyết và quan điểm về chính trị của Bách gia chư tử rất cần thiết. Quá trình nghiên cứu không nên quá câu nệ vào lí luận và ngôn từ, cũng không nên thiên kiến : Nếu tôn sùng thanh tĩnh vô vi của Đạo gia, sẽ cho Nho gia là kém cỏi. Nếu cho rằng, danh thực của Danh gia là hay, thì sẽ cho học thuyết Đạo gia là hoang đường. Nếu chỉ suy tôn các thánh vương thời cổ đại, xem thường các học thuyết cận hiện đại, thì cũng không biết dựa vào đâu mà thực hành ?

Phương pháp hay nhất phát hiện ưu điểm, sở trường của mỗi học thuyết và những tệ đoan của học thuyết, tức là phải đãi cát tìm vàng.

17. MƯU BÁ ĐỒ VƯƠNG

Thiên này nêu những nguyên nhân dẫn đến sụp đổ của các triều đại và sự quật khởi của các anh hùng, hào kiệt, tranh giành thiên hạ, xưng bá, xưng vương, từ nhà Hán đến nhà Đường.

1. Tình hình Trung Hoa cuối đời nhà Chu suy vong và nhà Tần :

Ngũ bá:

Theo sử sách, thời nhà Chu, thiên hạ thái bình được 300 năm, thời vua Thành Khang là thời thịnh nhất, ngót 40 năm không dùng đến hình phạt; rồi nhà Chu suy nhược kéo dài 300 năm.

Lúc nhà Chu suy, Ngũ bá nhân đó mà dấy lên; các bá chủ phụ tá thiên tử, tìm điều lợi bỏ điều hại, tiêu trừ bạo ngược, ngăn cấm tà ác, khuông chính thiên hạ, tôn kính thiên tử.

Khi Ngũ bá chết, hiền nhân không còn xuất hiện, thiên tử lại càng cô đơn, cô độc, hiệu lệnh của thiên tử (nhà Chu) ban ra chẳng ai thi hành, chư hầu thao túng hoàn hành, nước mạnh ăn hiếp nước yếu, nước đông người đánh nước ít người, thiên hạ rối bời.

Các đại gia tộc xâu xé đất nước :

Nước Tề, Điền Thường nắm đại quyền.

Nước Tấn có 6 đại gia tộc tranh giành quyền lực là Phạm, Trung Hàng, Tri, Triệu, Ngụy và Hàn.

Sau này, 3 đại gia tộc bị diệt là Phạm, Trung Hàng, Tri, chỉ còn 3 đại gia tộc là Triệu, Hàn, Ngụy, gọi là tam Tấn, hình thành các nước chư hầu thời Chiến quốc.

Chưa kể, ở mỗi nước các đại thần, các dòng họ lớn nổi lên tranh giành quyền lực.

Ví dụ 1 :

Tề Cảnh công và Ân tử cùng ngồi đàm đạo ở trong điện. Tề Cảnh công thở dài nói :

- Cung điện, ngai vàng đẹp quá ! Nhưng không biết tương lai, ai ngồi vào chỗ ta nhỉ ?

Ân tử nói :

- Thế ngài không sợ họ Trần hay sao ? Họ Trần tuy công lao không lớn nhưng hay ban ân huệ cho người khác. Ông ta giữ lại rất ít bổng lộc, còn bao nhiêu ban phát cho người ta.

Nay, ngài mang tiếng là tàn bạo, bủn xỉn, còn họ Trần lại được tiếng nhân hậu. Thế nào, họ Trần cũng ngồi vào chỗ của Ngài.

Kinh Thi có viết : Ta không có đức tốt đẹp nhưng nhờ anh giúp đỡ, bằng cách anh cứ ca hát, nhảy múa tối ngày. Là thế đó !

Quả nhiên, sau này quyền lớn của nước Tề, rơi vào họ Trần. Y như lời dự đoán của Ân tử.

Các nước tranh hùng, thanh toán lẫn nhau

Ví dụ 1:

Ngô vương Hạp Lư hỏi Ngũ Tử Tư :

- Ta có nên đánh nước Sở hay không ?

Ngũ Tử Tư nói :

- Nước Sở có nhiều năm quyền lớn nhưng chẳng một ai lo lắng cho đất nước. Nay ta phái ba cánh quân, chia nhau quấy nhiễu nước Sở, một cánh quân đến, thì Sở đem toàn lực ra chống cự. Địch tiến ta lui, địch lui ta tiến, cứ thế làm cho nước Sở mỏi mệt, kiệt sức, ta dốc toàn quân tiến đánh, thế nào cũng thắng nước Sở.

Ngô vương Hạp Lư y kế. Kết cuộc, Ngô thắng Sở.

Ví dụ 2:

Việt vương Câu Tiễn hỏi Đại phu Văn Chủng :

- Ta muốn đánh nước Ngô thì phải làm thế nào ?

Văn Chủng nói :

- Có bảy sách lược để đánh bại nước Ngô :

Một, làm cho nước Ngô tin thiên mệnh, cúng bái quỷ thần, đâu đâu cũng nhiễm không khí tà ác.

Hai, dâng mỹ nữ, châu ngọc làm cho Ngô vương mê mẩn tâm thần.

Ba, chọn thợ giỏi, giúp nước Ngô xây dựng cung điện, lâu đài làm cho hao tổn tài vật.

Bốn, mua chuộc bọn gian thần, ngày đêm ton hót, làm cho Ngô vương trở nên tự cao tự đại.

Năm, cho người xúi giục những người cường trực can gián, trung gian lúc ấy lẫn lộn, tàn sát lẫn nhau.

Sáu, làm cho nước Ngô mất mùa, lương hực thiếu thốn (vay lúa giống, trả lúa luộc)

Bảy, huấn luyện quân tinh nhuệ, chờ nước Ngô suy nhược thừa cơ tiến đánh.

Việt vương y kế. Kết quả nước Ngô bị diệt.

Ví dụ 3:

Trịnh Hoàn công muốn đánh nước Côi (thời nhà Chu, ở huyện Mật, Hà Nam, Trung Quốc). Ông sai người viết một danh sách thật dài, gồm tên tuổi lương thần, hào kiệt, biện sĩ nước Côi, lấy máu gà bôi vào, tỏ ý thề sẽ ban chức tước cho những người về với nước Trịnh. Rồi sai một người lanh lợi khéo ăn khéo nói, sang nước Côi.

Chẳng bao lâu, vua nước Côi sinh nghi kị, giết các lương thần, hào kiệt, biện sĩ. Nước Côi rối loạn.

Trịnh Hoàn công đem quân thôn tính nước Côi.

Nói chung, các vua chúa không từ một âm mưu, thủ đoạn nào để thôn tính lẫn nhau.

Ví dụ 4

Trí Bá liên kết với Hàn, Ngụy, cùng đánh Triệu. Nhưng Hàn, Ngụy có ý phản. Trí Bá muốn đánh Hàn, Ngụy và giết những người phản bội. Trí Quả can rằng :

- Hàn Ngụy phản ta nhưng không nên đánh nhau với họ mà tìm cách cầu thân với họ.

- Có gì mà phải cầu thân ? Cầu thân bằng cách nào ?

Trí Quả nói :

- Mưu thần của Ngụy Tuyên tử là Triệu Hà, mưu thần của Hàn Khang tử là Ân Quy, chúng ta sẽ khuyên các mưu thần khuyên chủ họ đừng đổi ý, quyết tâm đánh Triệu, đánh thắng sẽ phong cho họ một huyện có một vạn hộ. Thế là họ không quay lưng lại với ta.

Trí Bá không nghe. Rốt cuộc, Trí Bá chết dưới tay Hàn và Ngụy.

Kết cục của cuộc tranh hùng và xâu xé :

Như đã nói thời kì này, các nước mạnh thôn tính nước yếu, các nước yếu thì ra sức phòng thủ, binh lính khô giáp đầy đường, hai phái hợp tung và liên hoành từ đó mà nổi lên, dân chúng các nước khổ sở, không bút mực nào tả xiết.

Trải qua những chinh phạt liên miên lẫn nhau giữa các nước trong thời Xuân thu – Chiến quốc, từ 20 còn lại 7 nước chư hầu là Tần, Sở, Tề, Ngụy, Triệu, Hàn, Yên. Trong đó Tần là nước mạnh nhất.

Tần tóm thu sáu nước

Sử kí Tư Mã Thiên viết : “ Nước Tần bắt đầu hưng thịnh từ đời Tương công đến đời Văn công, Mục công, tiếng tăm mới nổi, đến đời Hiến công, Hiếu công và những đời sau, mới dùng chính sách tầm ăn dâu mà xâm chiếm sáu nước, rồi qua một trăm năm nữa, đến đời Tần Thi Hoàng mới thôn tính được chư hầu. Dùng đức như những nước kia (Ngu, Hạ, Thương, Chu), dùng sức như nước này (Tần) mà muốn thống nhất thiên hạ cũng còn khó khăn dường ấy !

Tần xưng đế rồi, lo rằng chiến tranh dây dưa mãi là tại có các nước chư hầu, cho nên mới bỏ hết chế độ phong kiến, san cho bằng những thành trì danh tiếng, nấu cho chảy những đầu mác, mũi tên, sát hại anh hùng hào kiệt những hòng cuộc an toàn vạn đại.

Thế nhưng đế vương vẫn cứ từ nơi ngõ hẻm, xóm quê mà dấy nghiệp, liên kết với các hào kiệt mà đánh dẹp cường Tần”

2. Anh hùng, hào kiệt quật khởi diệt nhà Tần :

Khi Tần Thi Hoàng mất, thiên hạ đại loạn, anh hùng, hào kiệt quật khởi, khắp nơi để chống Tần.

Tiêu biểu : Trần Thắng, Ngô Quảng, ở Đại Trạch. Vũ Thần, Trương Nhĩ, ở Triệu. Hạng Lương và Hạng Vũ, ở Ngô. Điền Đan, ở Tề. Chu Thị, ở Ngụy. Hàn Quảng, ở Yên. Lưu Bang, ở Tứ Thủy. Trong đó, có những lực lượng đáng kể như sau :

Trần Thắng và Ngô Quảng :

Trần Thắng người Dương Thành tự là Thiệp. Ngô Quảng, người Dương Hạ, tự là Thúc. Trần Thiệp thưở nhỏ đi cày thuê, có lần ngừng cày lên gò nghỉ, trầm ngâm hồi lâu, rồi ngâm ngùi than thở :

- Một mai giàu sang, sẽ không quên nhau.

Một người thợ cày khác, nghe nói, cười bảo :

- Chú đi cày thuê, còn giàu sang cái nỗi gì ?

Trần Thắng thở dài nói :

- Chao ôi ! Con yến, con sẽ biết thế nào được chí con hồng, con học.

Tháng bảy, năm thứ nhất đời Tần Nhị Thế, chín trăm trai tráng thôn tá bị bắt đi làm lính thú Ngự Dương, đồn đóng ở làng Đại Trạch.

Trần Thắng và Ngô Quảng cũng ở trong số những người này và cùng được cử làm đồn trưởng.

Gặp lúc mưa to, đường nghẽn, thành ra không tới đồn được đúng kì. Theo quân pháp, không tới đúng kì thì bị chém.

Trần Thắng và Ngô Quảng bàn với nhau :

- Bây giờ mà trốn cũng chết, mà tính đại sự thì cũng chết, đằng nào thì cũng chết, chi bằng chết cho nước là hơn.

Thế rồi, hai người bàn với nhau, tìm cách gây uy tín với binh lính.

Ngô Quảng thường cố ý nói đi nói lại chuyện bỏ trốn, cốt để viên sĩ quan giận mà làm nhục mình, hầu gây bất bình trong quân lính. Quả nhiên viên sĩ quan nọc Quảng ra đánh, gươm của viên sĩ quan tuốt trần. Quảng vùng dậy, cướp gươm, giết tên sĩ quan. Còn Trần Thắng giúp sức, giết nốt viên sĩ quan thứ hai. Rồi hiệu triệu thuộc hạ rằng :

- Các anh gặp mưa, không tới đúng kì. Tới không đúng kì thì bị tội chém. Giả sử không bị chém đi nữa, thì thân làm lính thú, vẫn là chết bảy còn ba. Vả chăng, đã là tráng sĩ, không chết thì thôi, chứ chết thì chết cho đại sự. Làm vương, hầu, tướng, há cứ phải để cho bon con giòng cháu giống ?

Bọn thuộc hạ, đồng thanh :

- Kính xin vâng lệnh !

Hai người bèn mạo danh nghĩa phò công tử Phù Tô và Hạng Yên để đáp ứng mong muốn của dân. Rồi đắp một mô đất làm đàn ăn thề, dùng đầu lâu của hai viên sĩ quan làm tế vật. Trần Thắng tự lập làm tướng quân, Ngô Quảng làm đô úy mà tấn công đồn làng Đại Trạch, tiếp thu được nghĩa binh của đồn nay, kéo đến huyện Cơ. Hạ được huyện Cơ rồi, sai người Phù Lê là Cát Anh đem quân về Đông đánh huyện Trất, Kha, Khố, Chạ và Tiều. Lúc đến gần đất Trần đã có tới sáu bảy trăm cỗ xe, hơn một ngàn binh kị và mấy vạn lính. Khi tấn công đất Trần, thì các quan quận thú và huyện lệnh đều vắng mặt, chỉ có mỗi viên thú thừa ra nghênh chiến nơi cổng thành, dưới chòi tranh. Chống không nổi, viên thú thừa tử trận. Quân tiến đóng ở đất Trần. Vài ngày sau, Trần Thắng và Ngô Quảng hiệu triệu các vị tam lão và các vị nhân sĩ trong vùng đến hội thảo. Các vị này đều nói :

- Tướng quân đeo giáo, cầm gươm đánh kẻ vô đạo, giết quân bạo Tần, để khôi phục xã tắc cho nước Sở, công đó đáng được làm vua.

Trần Thắng bèn xưng vương, lấy quốc hiệu là Trương Sở.

Sau này, Trần Thắng bị người đánh xe là Trang Cổ giết, để đầu hàng Tần. Cuộc đời làm vua của Trần Thắng chỉ vỏn vẹn sáu tháng.

Vũ Thần và Trương Nhĩ :

Vũ Thần và Trương Nhĩ khởi binh ở nước Triệu, Vũ Thần tự xưng là Vũ Tín quân. Bàng Thông du thuyết viên huyện lệnh huyện Phạm Dương là Từ Công :

- Tôi là người bình dân, đến thăm ông, điếu tang ông trước và cũng có thể giúp ông cải tử hoàn sinh.

Từ Công hỏi :

- Tại sao ông lại điếu tang tôi ?

Bàng Thông nói :

- Ông làm huyện lệnh ở Phạm Dương đã mười năm, giết rất nhiều người, làm cho biết bao người thành vợ góa, con cô; ông cũng dùng cực hình tra khảo, chặt tay chặt chân nhiều người, cha mẹ anh em thân thuộc của những người đó đau lòng xót dạ. Nhiều người căm giận ông.

Nay, thiên hạ đại loạn, nhà Tần cũng sắp sụp đổ, tất nhiên dậu đổ bìm leo, nhiều người sẽ nổi dậy và tìm cách giết ông để trả thù.

Hơn nữa, Vũ Tín Quân không sớm thì muộn Vũ Tín Quân sẽ cất binh đánh huyện Phạm Dương. Vũ Tín Quân sẽ chiêu hàng, bọ tay chân của ông, vốn tham phú quý sẽ bán đứng ông và giết ông trước để đầu hàng.

Xem ra, ông cũng khó thoát chết nên tôi đến điếu tang ông trước.

Từ Công hỏi :

- Còn làm cách nào, ông cải tử hoàn sinh cho tôi ?

Nay ông chỉ có việc nhờ tôi thuyết phục Vũ Tín Quân để ông đầu hàng. Nếu ông đã đầu hàng rồi thì Vũ Tín Quân sẽ lấy được các vùng thuộc nước Yên. Được thế thì không những mạng ông còn, quyền chức bổng lộc cũng không mất. Aáy là cải tử hoàn sinh.

Từ Công nghe theo lời Bàng Thông. Vũ Tín Quân dùng một trăm cỗ xe, hai trăm quân kỵ đến tiếp quản huyện Phạm Dương. Sau đó, 30 thành của Triệu và Yên đều đầu hàng Vũ Tín Quân.

Hạng Lương, Hạng Vũ và Lưu Bang lập Sở Hoài vương :

Hạng Lương, chú Hạng Vũ, khởi nghĩa ở Cối Kê, khi đem quân huyện Tiết, được tin Trần vương (Trần Thắng) chết, Hạng Lương triệu tập các biệt tướng ở huyện Tiết để thương nghị.

Phạm Tăng, là người thích bày mưu định kế, lúc ấy đã bảy mươi tuổi, đến dự họp và thuyết Hạng Lương :

- Trần Thắng thua là phải rồi ! Thật vậy, nước Tần diệt sáu nước, trong số đó nước Sở là vô tội. Từ khi vua Sở Hoài vương vào đất Tần không trở về, người Sở luôn thương tiếc, cho nên Sở Nam công nói : Người Sở dù chết nhiều, chỉ còn ba hộ nhưng diệt Tần sau này chính là Sở. Nay, Trần Thắng khởi xướng

đánh Tần, không lập hậu duệ nước Sở mà tự lập làm vua, cái thế đó không được trường cửu.

Nay, ngài dấy lên ở Giang Đông, các tướng Sở ở khắp nơi nổi dậy, đều tranh về giúp ngài, vì nghĩ rằng họ Hạng đời đời làm tướng nước Sở, có thể lập lại được ngôi cho hậu duệ nước Sở.

Hạng Lương cho lời nói của Phạm Tăng là phải, mới sai người về các làng mạc tìm cháu của Sở Hoài vương, tên là Tâm, lúc đó đang chăn cừu, rồi lập nên làm vua, vẫn tập hiệu Sở Hoài vương, để đáp ứng lòng dân Sở. Hạng Lương tự xưng là Vũ Tín quân.

Hạng Vũ là cháu của Hạng Lương, lúc cùng Hạng Lương dấy binh, Vũ mới hai mươi bốn tuổi. Tịch người cao hơn tám thước, sức nhấc nổi vạc, tài khí hơn người, bọn trai tráng đất Ngô Trung phải kính sợ.

Có lần Tần Thi Hoàng tuần du đến núi Cối Kê, qua sông Chiết Giang. Hạng Lương và Hạng Vũ cùng đứng xem. Hạng Vũ nói : Bắt quách hăn mà lên thay thế được đấy !

Lưu Bang vốn là một nông dân, làm đình trưởng đất Tứ Thủy, không được học nhiều chữ nghĩa nhưng tính tình rất hào phóng. Lưu Bang bán hết gia sản, chiêu nạp bạn bè chuẩn bị cho sự nghiệp lớn. Có lần Tần Thi Hoàng tuần du ngang Tứ Thủy, tiền hô hậu ủng, uy danh lẫm liệt. Lưu Bang đứng ngắm, khen : Ôi đại trượng phu phải như thế chứ ! Tương truyền, Lưu Bang dùng ba thước kiếm chém rắn trắng, dấy nghiệp chống Tần ở đất Bái, nên gọi là Bái Công.

Khi quân Hạng Lương đóng quân ở đất Tiết, Lưu Bang đem quân đến và cùng

lập vua Sở.

Nói chung, Hạng Vũ và Lưu Bang đều ở dưới trướng của Hạng Lương.

Sau khi được lên làm vua Sở Hoài vương họp quần thần và ước rằng : Nếu ai tiến quân và Hàm Dương (kinh đô nước Tần) trước thì được làm vua đất Quan Trung.

Hạng Lương đem quân đánh Chương Phủ, cùng với quân Điền Vinh và Tư Mã Long Thư cứu Đông A.

Sau khi thắng ở Đông A, Hạng Lương truy kích quân Tần.

Khi đến Định Đào, Hạng Lương phá được quân Tần lần nữa.

Vừa thắng quân Tần hai lần, Hạng Vũ lại chém được Lí Do, nên quân Sở rất tự kiêu xem thường quân Tần. Tống Nghĩa can Hạng Lương :

- Thắng trận mà tướng kiêu, quân lười thì sẽ thua, Nay quân ta hơi lười mà quân Tần mỗi ngày một đông, tôi lấy làm lo cho ngài.

Hạng Lương không nghe.

Quả nhiên, quân Tần dốc toàn lực cho Chương Hàm đánh tan quân Sở ở Định Đào. Hạng Lương tử trận.

Tướng Tần là Chương Hàm đánh bại quân Hạng Lương, không còn lo lắng nữa, liền đem quân lên phía Bắc đánh Triệu.

Sau khi Hạng Lương tử trận, Sở Hoài vương sai Tống Nghĩa và Hạng Vũ đi cứu nước Triệu, giải vây cho vua Triệu đang bị vây ở Cự Lộc, lại phái Tiết Công Lưu Bang tiến vào Vũ Quan.

Hạng Vũ trên đường giải vây nước Ngụy :

Tống Nghĩa đem quân đi đến An Dương thì ngừng lại, bốn mươi ngày sau không tiến quân. Hạng Vũ nói :

- Tôi nghe quân Tần đang vây vua Triệu ở Cự Lộc, nếu ta đưa quân gấp qua Hoàng Hà, quân Sở ngoại công, quân Triệu nội kích, thì thế nào quân Tần phải vỡ.

Tống Nghĩa lí luận :

- Không phải ! Ruồi râu đốt được trâu bò nhưng không đè bẹp được chấy rận. Nay Tần đánh Triệu, Tần thắng thì cũng mệt mỏi. Ta lợi dụng lúc họ mệt mà đánh, nếu Tần không thắng thì ta sẽ dàn binh Tây tiến, tất sẽ lấy được Tần. Cho nên, tốt hơn hết là để cho Tần- Triệu quần nhau. Ông ra tiền tuyến thì hơn Nghĩa này, còn ngồi mà tính toán thì ông không bằng Nghĩa.

Hạng Vũ lui ra nghĩ : Nay, mất mùa, dân nghèo, quân phải ăn khoai đỗ, hết lương thực, mà ông ta còn thết tiệc đãi khách, chùng chình lí luận. Thật là vô lí !

Sáng sớm Hạng Vũ giả đến thăm, chạy tuốt vào trong trướng, chém đầu Tống Nghĩa. Rồi ra, nói với các tướng :

- Tống Nghĩa âm mưu với Tề, phản Sở. Sở vương có mật lệnh cho Vũ này phải giết hẳn.

Thế là các tướng đều nem nép, không dám kháng cự, cùng tôn Hạng Vũ lên làm quyền thượng tướng. Sau vụ, Hạng Vũ giết Tống Nghĩa, gọi là khanh tử quán quân, tên tuổi và uy quyền của Hạng Vũ chấn động cả chư hầu.

Hạng Vũ sai Dương Dương quân và Bồ tướng quân lĩnh hai vạn quân vượt Hoàng Hà sang cứu Cự Lộc, có thắng nhưng không thắng lớn. Trần Dư xin thêm viện binh, đưa hết quân qua Hoàng Hà, đánh chìm hết cả thuyền bè, đập vỡ nồi chõ, đốt hết lều trại, chỉ cho mang theo ba ngày lương, có ý bảo tướng sĩ phải tử chiến, không rút lui. Thế là, quân Sở vừa đến nơi bủa vây quân Vương Li, đụng độ với quân Tần, giao chiến chín lần, cắt đường tiếp vận, phá cả quân địch, giết chết Tô Giác, bắt sống Vương Li. Thiệp Nhàn không chịu đầu hàng, bị thiêu chết.

Lúc ấy, quân Sở mạnh nhất thiên hạ. Quân chư hầu đến cứu Cự Lộc đóng tới mười doanh lũy mà không dám xuất quân. Khi quân Sở đánh quân Tần, họ đều đứng ở doanh lũy ngó xuống xem, thấy quân Sở một chọi mười, hò hét vang trời, quân chư hầu đều hoảng sợ.

Phá xong quân Tần, Hạng Vũ triệu tập các tướng lĩnh của chư hầu ở viên môn. Bọn này đều quỳ gối mà lết tới, không một anh nào dám ngẩng mặt.

Do đó, Hạng Vũ trở thành thượng tướng quân của các nước chư hầu, chỉ huy tất cả.

Tiếp theo, Hạng Vũ thuyết được tướng Tần là Chương Hàm và làm cỏ 20 vạn hàng quân của Chương Hàm, chôn cả ở phía Nam thành Tân An.

Lưu Bang trên đường tiến vào Quan Trung :

Lại nói, Lưu Bang đánh Uyển Thành, thái thú Lữ Kỉ cố thủ, Lưu Bang không thắng nổi, định tiến binh về hướng Tây. Trương Lương hiến kế :

- Nếu chúng ta rút quân tiến về Tây thì trước mặt là quân Tần, phía sau quân Uyển Thành sẽ đuổi theo truy kích, thì nguy hiểm vô cùng.

Cho nên, cần phải chiêu hàng, không lộ mặt sau, lúc đó tiến về Tây thì mới an toàn.

Lưu Bang khen phải, thuyết Lữ Kỉ đầu hàng.

Lưu Bang tiến đánh Vũ Quan. Lưu Bang muốn đem hai vạn quân đánh quân Tần ở ải Nghiêu Quan. Trương Lương nói với Lưu Bang :

- Quân Tần còn mạnh, không nên coi thường. Thần được biết, viên tướng trấn thủ Nghiêu Quan là con nhà hàng thịt. Phưởng con buôn, đem lợi ra mà nhử thì dễ lắm. Xin Bái công cử trấn hủ thành trì ở đây mà chinh đồn trận thế, dự bị lương thực cho năm vạn miệng ăn, ngoài ra cấm cờ trên các ngọn núi làm kẻ nghỉ binh, sai Lịch Dị Cơ đem cửa báu mà đút lót tướng Tần.

Quả nhiên, tướng Tần ở Nghiêu Quan muốn làm phản, đề nghị liên kết với quân Lưu Bang tiến về Tây đánh úp Hàm Dương. Lưu Bang toan chấp nhận. Trương Lương lại can :

- Đó là một mình hăn muốn làm phản, chưa chắc sĩ tốt đã nghe theo, sĩ tốt không nghe theo thì nguy, chi bằng thừa lúc họ chênh mảng thì đánh gấp.

Lưu Bang nghe theo, tung quân đánh, đại phá quân Tần, tiến lên phương Bắc, tới huyện Lam Điền. Giao tranh một trận nữa, quân Tần lại thua. Lưu Bang kéo quân đến Hàm Dương. Tần vương là Tử Anh ra hàng.

Vào cung nhà Tần, thấy lầu đài màn trướng, chó ngựa, châu báu, đàn bà con gái kể đến hàng ngàn Lưu Bang muốn ở lại. Phàn Khoái khuyên Lưu Bang nên rút ra ngoài. Lưu Bang không chịu. Trương Lương khuyên mãi, Lưu Bang quân ra đóng ở Bái Thượng.

Lưu Bang thảo ra 3 chương (1), gọi là ước pháp cấm quân sĩ làm hại người Tần

Người Tần đem rượu ngon, thịt thà dâng lên, Lưu Bang không nhận. Người Tần, ai cũng khen Lưu Bang là người nhân nghĩa.

Lưu Bang nghe lời Tào Vô Thương, sai tướng trấn thủ ở Vũ Quan, muốn xưng vương ở Quan Trung.

Hồng Môn đại yến, Lưu Bang bị hất cẳng :

Sau khi chôn hai mươi vạn tù binh xong, Lưu Bang vừa tiến vào Quan Trung, đến Hàm Cốc quan bị quân trú phòng của Lưu Bang chặn lại, không tiến được, lại thêm được tin Lưu Bang đã lấy được Hàm Dương, Hạng Vũ giận lắm, ra lệnh cho bọn Đương Dương quân phải hạ bằng được Hàm Cốc quan.

Hạng Vũ kéo bốn mươi vạn quân đến phía Tây Hí Thủy. Lúc ấy, mười vạn quân Lưu Bang đóng đồn ở Bá Thượng.

Tả tư mã của Lưu Bang là Tào Vô Thương, sai người nói với Hạng Vũ :

- Bái công muốn làm vua đất Quan Trung, cho Tử Anh làm tể tướng, lấy hết cả của cải châu báu.

Hạng Vũ giận lắm, nói :

- Ngày mai khao quân, phải đập cho quân đội Bái công một trận tan tành !

Phạm Tăng nói với Hạng Vũ :

- Lúc ở Sơn Đông, Bái công tham của cải, thích hầu non; nay vượt ải vào đất Tần, của cải không lấy, đàn bà không gần, điều đó chí hăng không nhỏ. Phải đánh cho mau đừng để lỡ.

Hạng Bá, chú Hạng Vũ, vốn thân Trương Lương, biết được chuyện Hạng Vũ muốn đập Bái công, liền lập tức báo cho Trương Lương biết.

Hạng Bá Lương lại khuyên Lưu Bang phải đích thân đến tạ tội với Hạng Vũ.

Sáng hôm sau, Lưu Bang dẫn hơn một trăm xa kị đến Hồng Môn ra mắt Hạng Vương.

Phạm Tăng bàn với Hạng Vũ phục võ sĩ và tìm cách giết Lưu Bang. Trong tiệc, Hạng Vũ do dự.

Lưu Bang tìm cách ra ngã sau, cùng bốn người là Phàn Khoái, Hạ Hầu Anh, Cầm Cường và Kỉ Tín chạy trốn về doanh trại.

Mấy hôm sau, Hạng Vũ tiến quân về Tây, làm cỏ thành Hàm Dương, giết vua Tần là Tử Anh, đốt hết cung thất Tần, ba tháng chưa tắt ngọn lửa, vơ vét sạch của cải, đàn bà, đem theo về Đông.

Hạng Vũ đóng đô ở Bành Thành lập Lưu Bang làm Hán vương, phong cho đất Ba, Thục, Hán Trung và cho đóng đô ở Nam Trịnh. Đất Quan Trung được chia ba, một phần cho những hàng tướng của nhà Tần, mục đích chẹn đường sang

phía Đông của Hán vương.

Khi được phong làm Hán vương, Lưu Bang tỏ ra hậm hực lắm, muốn đánh nhau với Hạng Vũ. Tiêu Hà can rằng :

- Đại vương tuy ở dưới một người là Hạng Vũ nhưng còn ở trên cả vạn người, không nên lấy đó làm thẹn hoặc xấu hổ. Vấn đề bây giờ là về Hán Trung, vũ về dân chúng, thu nạp hiền tài bình định đất Ba, đất Thục để lo sự nghiệp lâu dài.

Hạng Vũ nghe theo.

3. Lưu Bang sáng lập nhà Hán :

Hàn Tín hỏi Hán vương :

- Người cùng tiến về Đông cùng với đại vương tranh ngôi bá chủ thiên hạ hiện nay có phải là Hạng vương hay không ?

Hán vương đáp :

- Phải !

Tín hỏi :

- Nếu tự xét thì đại vương và Hạng vương ai dũng cảm hơn, cường cường hơn và nhân nghĩa hơn ?

Hán vương lặng một chút, đáp :

- Ta không bằng.

Tín mừng, vái Hán vương hai vái, nói :

- Tôi cũng thấy đại vương không bằng Hạng vương. Nhưng thần đã từng thờ Hạng vương, nên biết rất rõ con người của ông ấy.

Hạng vương tính nóng nảy, hay cáu kỉnh, lúc cáu mà hét, thì cả ngàn người bên cạnh chẳng ai dám ho he, nhưng ông ta biết tin dùng những tướng lãnh hiền tài.

Cái dũng của ông ta chỉ là cái dũng của kẻ thất phu mà thôi.

Hạng vương thấy người thì cung kính từ ái, nói năng lời thôi dài dòng, thấy người đau yếu thì sụt sùi chia cơm sẻ áo nhưng khi phong tước cho người có công thì mân mê chiếc cần muốn mòn cả góc, dùng dằng không dứt ra được như không muốn trao cho người ta.

Đó là cái tính khí vụn vặt, cái lòng nhân đức kiểu đàn bà.

Hạng Vũ làm bá chủ thiên hạ, thu phục được các nước chư hầu mà không ở lại Quan Trung, lại đi đóng đô ở Bành Thành, là không giữ đúng lời Nghĩa đế đã ước, phong vương thì phong cho những người thân cận tin yêu, khiến chư hầu bất bình.

Chư hầu thấy Hạng vương dời Nghĩa đế ra ở Giang Nam, thì họ cũng muốn đuổi chúa họ đi mà giành quyền cai trị những vùng đất đai tốt.

Hạng vương đi đến đâu tàn diệt đến đấy, thiên hạ thù oán, trăm họ không quy phục. Sở dĩ, người ta theo Hạng Vũ vì bị ép buộc mà thôi !

Tuy có cái danh là bá chủ, kì thực là mất hết dân tâm. Cho nên nói, cái mạnh ấy dễ yếu.

Đại vương nên làm ngược lại những điều của Hạng vương. Nếu đại vương tin dùng những người vũ dũng trong thiên hạ, thì có nơi nào mà chẳng diệt trừ xong; lấy thành ấp trong thiên hạ mà phong cho những bầy tôi có công thì người nào mà chẳng thu phục được; đem nghĩa binh theo những kẻ sĩ nóng lòng Đông tiến, thì quân nào chẳng đánh tan ?

Vả lại, mấy ông vua Tam Tần (Chương Hàm, Trương sử Hân, Đồng Ế) cầm quân đã mấy năm ròng, con em nước Tần bị giết chết không biết bao nhiêu mà kể. Họ còn nói dối, dẫn binh sĩ của họ đầu hàng chư hầu, rồi đến Tân An, bị Hạng vương lừa, chôn sống hơn hai mươi vạn, chỉ còn để sống sót bọn Chương Hàm, Trương sử Hân và Đồng Ế.

Cha anh người Tần căm thù ba tên này đến tận xương tủy.

Nay, Sở vương dùng sức mạnh uy hiếp, phong ba tên này làm Tần vương, nhưng dân Tần có ưa gì đâu ?

Đại vương lúc vào Vũ Quan, không tơ hào của dân, trừ cho dân Tần một chế độ chính trị tàn bạo và cùng với dân Tần giao ước ba điều, nên dân Tần không ai là không muốn đại vương cai trị họ.

Theo lời Nghĩa đế đã giao ước với chư hầu, đáng lẽ đại vương phải làm vua đất Quan Trung, dân Quan Trung đều biết điều đó. Đại vương bị hất cẳng phải vào Hán Trung, dân Tần không ai là không giận. Nay, đại vương cất quân Đông tiến, thì có thể truyền hịch cũng đủ thành công.

Hán vương nghe, lấy làm mừng, bèn theo kế hoạch của Hàn Tín.

Sử ghi, năm 205, Lưu Bang kéo quân ra khỏi Quan Trung, phủ dụ các phụ lão ngoài quan ngoại, lại lập Hàn Tín là Hàn vương.

Tháng ba năm đó, nhân việc đám tang cho Nghĩa đế, Lưu Bang triệu tập chư hầu các nơi đến cùng thảo luận việc đi hỏi tội giết vua của Hạng Vũ.

Tháng tư năm ấy, thừa lúc Hạng Vũ đem quân đến đất Tề, bỏ trống Bành Thành, Lưu Bang phái Tiêu Hà giữ Quan Trung, Hàn Tín đem quân đi chinh phạt các chư hầu phía Bắc.

Còn Lưu Bang dẫn 56 vạn quân các chư hầu tiến thẳng đến Bành Thành. Nhưng lại bị Hạng Vũ đánh cho đại bại. Về sau, nhờ Tiêu Hà vận lương kịp thời và thuyết phục được Anh Bố phản lại Hạng Vũ, trận thế của Lưu Bang mới ổn định.

Hán – Sở tranh hùng :

Lúc đón tin thắng trận của Hàn Tín liên tiếp được báo về : Hàn Tín đã vượt sông Hoàng Hà, quét sạch quân Ngụy vương, Triệu vương, Đại vương, Yên vương, Tề vương. Cuối cùng, Hàn Tín hợp với quân của Lưu Bang để đánh Hạng Vũ.

Khiến cho Hạng Vũ rơi vào thế đầu đuôi không cứu được nhau buộc phải cầu hòa với Lưu Bang.

Năm Hán vương thứ tư (203.TCN) Hán – Sở định ước với nhau lấy sông Hồng Cầu làm ranh giới, phía Tây thuộc Hán, phía Đông thuộc Sở.

Sau khi kí xong hiệp ước, Hạng Vũ kéo quân về phía Đông, muốn nghỉ ngơi và chinh đồn lại lực lượng.

Còn Lưu Bang nghe lời các mưu sĩ là Trần Bình, Trương Lương nhân cơ hội quân Sở mệt mỏi, đói khát thì phải đánh ngay để kết thúc cục diện.

Thế là, Lưu Bang chia đất cho Hàn Tín, Bành Việt rồi liên minh với nhau tiến đánh Hạng Vũ.

Tháng mười hai, Cao đế thứ năm (202.TCN) trận Cai Hạ, quân Sở hoàn toàn đại bại, Hạng Vũ chạy đến Mã Giang thì tự sát. Tây Sở bị diệt vong.

Tháng hai Hán Cao đế thứ năm (202.TCN) Lưu Bang lên ngôi hoàng đế, lấy quốc hiệu là Hán, mở đầu nhà Hán.

Trong thời gian làm vua, Lưu Bang đã giết một số công thần như Đĩnh Công, luộc Hàn Tín, làm mất Bành Việt.

Lưu Bang làm vua được bảy năm. Trong trận chiến tiêu diệt Anh Bố, Lưu Bang bị trúng tên. Năm sau (195.TCN) vết thương phát tác, Lưu Bang chết.

Các đời vua nhà Hán :

Vương triều nhà Hán có 29 vị vua, trong đó có một số vị vua nắm thực quyền như Lưu Bang, Lưu Hoàn, Lưu Khởi, Lưu Trần, Lưu Tú, Lưu Trang, những ông vua khác quyền hành thường rơi vào tay ngoại thích hoặc hoạn quan thao túng.

Nhà Hán được chia làm hai thời kì là tiền Hán và hậu Hán hoặc Tây Hán và Đông Hán. Giữa hai thời kì tiền Hán và hậu Hán, là khoảng thời gian bị ngoại thích chuyên quyền, bị Vương Bôn cướp ngôi khoảng 15 năm, thời kì Vương Bôn nắm quyền gọi là Tân vương triều. Ngoài ra, còn có một người nữa tên là Lưu Huyền trong hoàng tộc nhà Hán tự xưng vương, gọi là Huyền Hán vương triều. Tân vương triều và Huyền Hán vương triều rất ngắn ngủi.

Tây Hán là kể từ khi Lưu Bang lên ngôi, Đông Hán là kể từ lúc Lưu Tú lấy lại ngôi vị, quyền lực của nhà Hán.

Những ông vua cuối cùng của nhà Hán :

Vị vua thứ 27 của nhà Hán là Linh đế Lưu Hoảng tin dùng hoạn quan là Tào Tiết và đồng bọn. Bọn này giả chiếu chỉ bắt giết Thái phó Trần Phiên và Lí Ưng. Lưu Hoảng thì kiêu ngạo, xa hoa dâm dật, trong triều thì thế lực hoạn quan ngày càng mạnh, nạn mua quan bán tước công khai hoàn hành, bên ngoài thì giặc Khăn vàng nổi lên như rươi.

Linh đế Lưu Hoảng chết, Thiếu đế Lưu Biện lên nối ngôi. Lúc ấy Đồng Trác nắm hết quyền hành, phế Lưu Biện làm Hoảng Nông vương, lập Lưu Hiệp lên làm vua, gọi là Hiến đế, Đồng Trác tự phong mình làm Tướng quốc.

Tư đồ Vương Doãn cùng với Lữ Bố âm mưu, phối hợp trong ngoài giết chết Đồng Trác. Giết Đồng Trác xong, Vương Doãn và Lữ Bố cùng nắm quyền triều chính. Không lâu, bộ tướng của Đồng Trác là Lí Quyết tấn công Trường An, giết chết Vương Doãn, tự xưng là Tướng quân.

Năm Bình hưng thứ hai (195) bắt Lưu Hiệp, cuối cùng Lưu Hiệp rơi vào tay Tào Tháo. Từ đó, Tào Tháo nắm giữ hết việc triều chính.

Tào Tháo chết, năm Diên Khang, con trai thứ hai của Tào Tháo là Tào Phi phế Lưu Hiệp xuống làm Sơn Dương công.

Vương vị của nhà Hán vĩnh viễn mất đi. Nhà Hán tồn tại khoảng 196 năm.

4. Những người sáng lập vương triều từ Tào Ngụy đầu đời Đường :

Tào Tháo người sáng lập chính quyền Tào Ngụy:

Sau khi董卓 vào kinh, phế Thiệu đế Lưu Biện xuống làm Hoảng Nông vương, lập Lưu Hiệp lên làm Hiến đế, kinh thành đại loạn.

Tào Tháo, tự là Mạnh Đức, người Phi Quốc Tiều, thân phụ là Tào Tung, con nuôi của hoạn quan Tào Tung, được Hán Linh đế cho làm hiệu úy.

Tháng giêng, năm Sơ Bình Nguyên (190), các thế lực ở vùng ở Quan Đông, liên minh với nhau, tôn Viên Thiệu làm minh chủ, cùng tiến đánh董卓.董卓 chạy về phía Tây, liên minh tan vỡ. Các thế lực quay lại thôn tính lẫn nhau, trải qua mấy năm đánh nhau kịch liệt, chỉ còn một số thế lực cát cứ hùng mạnh : Viên Thiệu chiếm cứ ba châu là Kí, Thanh, Tịnh. Lưu Bị, Lữ Bố chiếm Từ Châu. Tôn Sách chiếm cứ Giang Đông. Công Tôn Toản chiếm cứ Từ Châu. Lưu Biểu chiếm cứ Kinh Châu. Lưu Yên chiếm Ích Châu. Mã Đằng và Hàn Toại chiếm cứ Lương Châu. Công Tôn Độ chiếm cứ Liêu Đông. Riêng Tào Thái chiếm cứ hai châu là Nghiêu và Dự.

Sau khi đã nắm được con bài Hiến đế trong tay, quyền hành đều tập trung vào tay Tào Tháo.

Năm 200, trận Quan Độ với hai ba vạn quân, Tào Tháo đã đánh bại 10 vạn quân

của Viên Thiệu. Viên Thiệu tức hộc máu mà chết. Tháo còn đuổi hai con của Viên Thiệu là Viên Hy và Viên Thượng chạy đến Liêu Đông. Thái thú Liêu Đông là Tôn Khang giết Viên Thượng và Viên Hy đem thủ cấp đến cho Tào Tháo. Tào Tháo bình định được vùng Hà Bắc.

Tào Tháo đem quân đánh Lưu Biểu. Lưu Biểu chết, con Lưu Biểu là Lưu Tông đầu hàng Tào Tháo. Tào Tháo cũng đem quân đánh bại Mã Siêu và Hàn Toại ở Quan Trung.

Năm Hiến đế thứ 15, Tào Tháo mất ở Lạc Dương, con thứ hai của Tào Tháo là Tào Phi lên nắm quyền và bắt Hiến đế phải nhường ngôi, lập nên nhà Ngụy.

Nhà Ngụy trải qua năm đời vua, các đời vua sau này càng ngày càng kém cỏi, chính quyền rơi vào tay họ Tư Mã. Nhà Tào Ngụy tồn tại 46 năm.

Tư Mã Ý sáng lập nhà Tấn :

Tư Mã Ý, tên là Ý, tự là Trọng Đạt, họ Tư Mã, người đất Oân, Hà Nội. Thưở nhỏ, Tư Mã Ý đã từng đi theo Tào Tháo và làm tướng dưới thời Ngụy Văn đế, Ngụy Minh đế. Ông đã từng đánh Mạnh Đạt, diệt Công Tôn Độ, bắt Vương Lãng, nhiều lần giao chiến với Gia Cát Lượng.

Khi Ngụy Văn đế mất, ủy thác cho Tư Mã Ý và Tào Sảng phò tá Tào Phương, mới 8 tuổi. Tào Sảng âm thầm tước bỏ bớt quyền hành của Tư Mã Ý. Tư Mã Ý giả nhường nhịn nhưng rồi âm mưu diệt Tào Sảng, quyền lớn rơi vào tay Tư Mã Ý.

Tư Mã Ý chết, con là Tư Mã Sư kế vị chức thừa tướng. Tư Mã Sư rất ngang ngược, muốn giết làm đổ. Lúc ấy, Tào Phương đã 20 tuổi, lấy làm bất mãn, âm thầm chuẩn bị lực lượng chống lại Tư Mã Sư. Không ngờ cơ mưu bị tiết lộ, Tư Mã Sư phế truất Tào Phương làm Tề vương, bắt về ở Hà Nội và lập cháu của Tào Phi là Tào Mao lên nối ngôi, lúc này Tào Mao mới 14 tuổi.

Tư Mã Sư chết, em là Tư Mã Chiêu tự lập là Đại tướng quân. Tư Mã Chiêu còn lòng hành hơn cả Tư Mã Sư.

Tào Mao thấy thế lại âm mưu với Vương Kinh, Vương Nghiệp tìm cách lật đổ Tư Mã Chiêu. Không ngờ Vương Kinh, Vương Nghiệp lại là tay chân, tâm phúc của Tư Mã Chiêu.

Để thực hiện âm mưu giết Tư Mã Chiêu, Tào Mao dẫn đầu một tốp vệ binh và vài trăm đứa trẻ ở trong cung âm thầm chạy đến nhà Tư Mã Chiêu.

Nhưng mới đi nửa đường bọn vệ binh và đám con trẻ bị Thái tử Xá Nhân Thành giết chết. Tư Mã Chiêu truất phế Tào Mao và lập Tào Hoàng, còn gọi là Tào Anh, 15 tuổi, lên ngôi.

Tư Mã Chiêu chết, con trai Tư Mã Chiêu Viêm nắm quyền thay cha, rồi bắt Tào Hoàng thoái vị để mình lên làm hoàng đế. Tào Anh bị phế truất xuống làm Trần Lưu vương. Tư Mã Viêm đổi tên nước Ngụy thành nước Tấn.

Trải qua 10 năm chuẩn bị đầy đủ về quân sự và kinh tế, năm 280, Tấn diệt Đông Ngô, thống nhất lãnh thổ.

Nhưng sau khi Tư Mã Chiêu qua đời, Tư Mã Trung lên ngôi, lập Giả Nam Phong làm hoàng hậu, đã gây nên một cuộc nội chiến kéo dài 16 năm, tập đoàn dòng họ Tư Mã say lây trong những cuộc tàn sát đẫm máu. Nhân cơ hội đó, các lực lượng như Hung Nô, Yết Khương, Tiên Tê nổi lên như ong.

Nhà Đông Tấn gồm 17 đời vua, kéo dài 104 năm, là thời gian khá dài đối với nền chính trị thối nát. Chính quyền bính gần như nằm trong tay mấy chục dòng họ quan lại như Viên, Tạ, Vương, Tiêu, Chu, Trương, Lục ... bọn này tha hồ chiếm đoạt đất đai, đày đọa nhân nhân, để chúng có một cuộc sống xa hoa, hoang dâm và phè phỡn.

Lưu Dụ sáng lập nhà Tống :

Lưu Dụ, tự là Đức Hưng, người Bành Thành, làm thứ sử Giang Châu. Thưởng nho gia cảnh bần hàn, sau đi lính thành một vị tướng thuộc Bắc phủ quân của Đông Tấn.

Đời vua thứ 16 của Đông Tấn là Tư Mã Đức Tông, ông vua mắc bệnh tâm thần, không phân biệt được nóng lạnh, no đói. Mọi việc lớn nhỏ đều do cha con Tư Mã Đạo tử giải quyết.

Năm 402, Sở vương Hoàn Huyền, con trai của Hoàn Ôn, đem quân vây đánh Kiến Khang. Hoàn Huyền giết cha con Tư Mã Đạo tử, ép Tư Mã Đức Tông nhường ngôi và lên làm vua, đổi quốc hiệu là Sở, giáng Tư Mã Đức Tông làm Bình Cố vương, lệnh đến ở Tầm Dương.

Hoàn Huyền ngồi chưa ấm trên ngai vàng, thì tháng 3 năm 404, Lưu Dụ dẫn quân đánh vào Kiến Khang, giết chết cả họ Hoàn Huyền. Hoàn Huyền chạy và

lôi theo Tư Mã Đức Tông đến Giang Lăng.

Tháng 5 Hoàn Huyền thua trận, bị giết chết. Lưu Dụ đưa Tư Mã Đức Tông về làm vua lần thứ hai.

Tháng 12 năm 418, Lưu Dụ sai Trung thư thị lang Vương Thi Chi thắt cổ Tư Mã Đức Tông. Rồi lập Tư Mã Đức Văn lên làm vua.

Tháng 6 năm 420, Lưu Dụ sai Phó Lược, thảo sẵn một tờ chiếu nhường ngôi, rồi bắt Tư Mã Đức Văn sao chép lại. Tư Mã Đức Văn phải làm theo, làm nghi lễ nhường ngôi, tôn Lưu Dụ lên làm hoàng đế, mở đầu cơ nghiệp cho nhà Tống.

Tư Mã Đức Văn bị giáng làm Linh Lăng vương, về ở Mạt Di.

Tháng 9 năm sau, Lưu Dụ sai Lang trung lệnh Trương Vĩ đem rượu đến để đầu độc Tư Mã Đức Văn. Trương Vĩ đi giữa đường tự uống rượu độc chết.

Ít lâu sau, Lưu Dụ lại sai Hữu vệ tướng quân Thúc Độ đi giết Tư Mã Đức Văn. Thúc Độ tìm cách dùng chăn bông bị đầu, cho đến khi Đức Văn chết ngạt, kết thúc vị vua cuối cùng của Đông Tấn.

Nhà Tống (Nam triều) tồn tại 60 năm, trải 8 đời vua, sau bị nhà Tề tiêu diệt.

Tiêu Đạo Thành sáng lập nhà Tề :

Vị vua cuối cùng của nhà Tống Lưu Chuẩn lên ngôi lúc 11 tuổi. Tiêu Đạo Thành giữ quyền bính. Ít lâu sau, Tiêu Đạo Thành phế bỏ Lưu Dục, giáng xuống làm Nhữ Âm vương, năm sau thì bị giết. Nhà Tề, do Tiêu Đạo thành sáng lập, tồn tại 26 năm, trải qua 7 đời vua.

Tiêu Diễn sáng lập nhà Lương :

Tháng 12 năm 501, đại thần Tiêu Diễn (có sách ghi là Tiêu Diễn Thiết) đồng mưu với Thứ sử Ung Châu là Vương Trân Quốc, sai người giết chết Tiêu Bảo Quyển, ông vua thứ 7 của nhà Tề, lập con trai thứ tám của Tiêu Bảo Quyển là Tiêu Bảo Dung lên ngôi, mọi quyền hành nằm trong tay Tiêu Diễn.

Ít lâu sau, thừa dịp Tiêu Bảo Dung đi tuần du, Tiêu Dung sai người ép nhà vua phải nhường ngôi, rồi lại sai người đến thắt cổ Tiêu Bảo Dung.

Nhà Lương tồn tại 56 năm, trải 9 đời vua.

Trần Bá Tiêu sáng lập nhà Trần :

Vị vua cuối cùng của nhà Lương là Tiêu Phương Trí. Trần Bá Tiêu làm chức Thượng thư lệnh, nắm hết quyền hành. Không lâu, Trần Bá Tiêu ép nhà vua nhường ngôi, giáng Tiêu Phương Trí làm Giang Âm vương. Một năm sau Giang Âm vương bị giết chết.

Nhà Trần tồn tại 33 năm, trải năm đời vua.

Dương Kiên sáng lập nhà Tùy :

Năm 580, vua Bắc Chu là Tuyên đế Vũ Văn Vân qua đời, Tĩnh đế Vũ Văn Siễn lên ngôi mới 8 tuổi, nên quyền hành nằm trong tay Tùy Quốc Công Dương Kiên, thân phụ của Hoàng thái hậu.

Thời gian chấp chính Dương Kiên đã có công đánh dẹp các thủ lĩnh nổi dậy ở các địa phương. Ông cũng giết hàng loạt những vương công, dòng tôn thất để mở đường cho việc lên ngôi.

Năm 581, thời cơ chín muồi, Dương Kiên phế truất Tĩnh đế Vũ Văn Siễn, lên ngôi lập ra nhà Tùy. Nhà Tùy tồn tại 39 năm, trải 5 đời vua.

Vị vua cuối cùng của nhà Tùy là Thát đế Dương Thống, mọi quyền bính đều nằm trong tay Đoàn Đạt, Vương Thế Sung, Nguyên Văn Đô. Sau đó, Vương Thế Sung phế truất Dương Thống, giam vào điện Hàm Lương, tự xưng làm hoàng đế. Ít lâu sau, Vương Thế Sung sai người đem rượu độc cho Dương Thống. Dương Thống than thở, cầu xin : Xin kiếp sau không còn phải sinh vào nhà đế vương.

Lý Uyên sáng lập nhà Đường

Năm 572, Lý Uyên được thế tập tước vị của cha làm Thái nguyên Lưu thủ vào cuối đời nhà Tùy. Năm 617 Lý Uyên cùng khởi nghĩa chống nhà Tùy. Cuối cùng Lý Uyên đem quân đánh vào Trường An, tước đoạt mọi quyền bính nhà Tùy và bắt vua nhà Tùy phải thoái vị. Lý Uyên xưng làm hoàng đế, sáng lập nhà Đường.

5. Thành bại và kinh nghiệm lịch sử :

Bảo tăng kinh viết : “ Vua Nghiêu nhường ngôi cho vua Thuấn là thể hiện văn đức; Hán Ngụy nhường ngôi cho họ bên ngoài là thuận ứng với đại thế; vua Thang, vũ Vũ làm cách mạng là phù hợp với ý trời và ý dân; Hán Cao tổ và Hán Quang Vũ, chinh phạt làm nên sự nghiệp đế vương.

Cho nên, những bậc đế vương thuận ứng với thời thế thì được thiên hạ, ứng với thời thì hưng, đó là ý nghĩa muôn đời”

Phạm Hoa viết : “ Từ xưa đến nay, mất nghiệp lớn, tông miếu bị phế bỏ, dẫn đến bại vong là do nhiều nguyên nhân. Thời Tam đại là do sắc đẹp phụ nữ; thời Tần là do chính trị bạo ngược; thời Tây Hán là do ngoại thích. Nguyên nhân thành bại khác nhau, nhưng có một quy luật chung : Thành công là do biết dùng người hiền năng, vì dân mà trừ hại, làm lợi cho dân. Thất bại là do tin dùng bọn tiểu nhân, xa xỉ vô độ.

Khổng tử khuyên, không phải là không có lí : “Nên xa bọn tà ác tiểu nhân, thanh trừ thế lực tà ác ”.

(1) Ước pháp tam cương : Giết người thì bị chém; đánh người bị thương thì bị tội; ăn trộm thì bị trừng phạt.

18. BẢY NƯỚC TRANH HÙNG

Thời Chiến quốc, 7 nước tranh hùng, chia làm hai trục hợp tung và liên hoành.

Từ đó, rút ra những bài học lịch sử chế độ phân phong, phong đất cho chư hầu và chế độ quận huyện từ cuối đời nhà Chu cho đến nhà Đường.

1. Thời Chiến quốc :

Người ta cho rằng, chế tạo cái vại lớn để cho dân dùng để chứa đồ, chứng tỏ sự giàu có. Nhưng cái vại quá lớn thì một người khó dùng, khó giữ, nếu quá giàu cũng khó giữ được của. Lịch sử cũng có những nét tương đồng.

Nhà Chu rút kinh nghiệm lịch sử của hai triều Hạ và Thương, thiết lập 5 tước, phân phong cho tám trăm chư hầu, trong đó có 55 chư hầu cùng dòng họ. Đó là căn bản của sự tồn tại vương triều nhà Chu.

Nhà Tây Chu hưng thịnh vì có Chu Công, Chiêu công phụ tá. Đến khi vương thất nhà Chu suy yếu, thì có Ngũ bá phụ trợ.

Nhưng chế độ phân phong từ thời Tam thánh (Văn vương, Vũ vương và Chu Công) đã đến thời kì cuối nhà Chu đã sinh ra nhiều tệ đoan.

Đến thời Chu U vương, Chu Bình vương, mỗi ngày một suy bại, tước lộc của nhà Chu phần nhiều do các đại thần tâu hữu ban thưởng, việc chinh phạt chư hầu cũng do các đại thần quyết định.

Tình hình các nước chư hầu rối ren : Nước Ngô bị nước Việt tiêu diệt, nước Tấn bị chia làm ba, nước Trịnh bị nước Hàn kiêm tính, nước Lỗ bị nước Sở diệt. Tình hình này trải qua 40 năm, hình thành thời Chiến quốc, có bảy nước, gồm Yên, Triệu, Hàn, Ngụy, Tề, Sở và Tần.

Trong bảy nước, nước Tần là mạnh nhất muốn thôn tính sáu nước, làm cho sáu nước này lo lắng.

Nhân dịp này, Tô Tần, người Lạc Dương, khởi xướng thuyết hợp tung liên minh 6 nước chống Tần.

Sau đó, Trương Nghi, người nước Ngụy, bạn học của Tô Tần, đến Tần, khởi xướng thuyết liên hoành, liên minh với các nước, chọi với thuyết hợp tung.

1. Tô Tần thuyết sáu nước theo hợp tung :

Thuyết vua Yên :

Tô Tần lên phía Bắc, thuyết vua Yên Văn hầu :

- Nước Yên phía Đông có Triều Tiên, Liêu Đông, phía Bắc có Lâm Hồ, Lô Phiền, phía Tây có Vân Trung, Cửu Nguyên, phía Nam có Hồ Đà, Dịch Thủy, đất vuông trên hai trăm dặm, quân lính được vài chục vạn, binh xa được bảy trăm cỗ, chiến mã được sáu ngàn con, lúa thóc đủ chi dùng trong mười năm.

Phía Nam có Kê Thạch, Nhạn Môn phì nhiêu, phía Bắc sản xuất táo và lật cũng đủ ăn, như vậy gọi là cái kho của Trời.

Cái cảnh quốc gia an lạc, khỏi phải lo lắng thấy quân bị diệt, tướng bị giết, không đâu hơn nước Yên.

Đại vương có hiếu tại sao được như vậy không ?

Sở dĩ, Yên không bị giặc cướp là nhờ có Triệu che chở phía Nam. Tần và Triệu đánh nhau năm lần, Triệu thắng ba lần, Tần thắng hai lần, cả hai đều mệt mỏi, khốn đốn, mà đại vương dùng toàn lực của nước Yên để khống chế họ ở phía sau. Yên không bị xâm phạm là vì lẽ đó.

Vả lại Tần muốn đánh Yên thì phải vượt Văn Trung, Cửu Nguyên, qua miền Đại và Thượng Cổ, toàn là những đất xa xôi, đi liên tiếp mấy ngàn dặm, dù có chiếm được thành của Yên thì cũng không có cách nào giữ được. Vậy, Tần không thể hại Yên, điều này đã quá rõ.

Ngược lại, Triệu muốn đánh Yên, lệnh xuất quân đã ban bố rồi, không đầy mười ngày sau, vài chục vạn quân Triệu đã đến Đông Viên, qua Hô Đà và sông Dịch, không đầy bốn mươi ngày sau quân Triệu đã tới sát kinh đô của Yên.

Tôi nói rằng Tần đánh Yên thì chiến trường xa ngàn dặm, Triệu đánh Yên chiến trường chỉ gần trăm dặm. Không lo cái họa ở trong trăm dặm mà xem nặng cái họa ở ngoài ngàn dặm, thì không có gì sai lầm bằng.

Cho nên, đại vương nên kết thân với Triệu, hợp tung các nước trong thiên hạ hợp nhất, thì nước Yên không còn lo lắng gì nữa.

Vua Yên nói :

- Nước của quả nhân nhỏ, phía Tây bị cường Tần áp bức, phía Nam giáp hai cường quốc là Tề và Triệu. Nay chủ quân vui vẻ chỉ giáo cho chính sách hợp tung để nước được an, quả nhân xin đem nước Yên để hợp tung.

Vua Yên tặng Tô Tần xe ngựa, vàng lụa để Tô Tần về Triệu.

Thuyết vua Triệu :

Tô Tần từ Yên sang Triệu, thuyết vua Triệu :

- Trong thiên hạ, từ bậc khanh tướng, nhân thần đến kẻ sĩ áo vải, không ai không phục hành vi cao cả và nghĩa khí của đại vương. Và đã từ lâu ai cũng mong được gặp đại vương mà bày tỏ lòng trung và xin đại vương chỉ dạy.

Hiềm vì Phụng Dương Quân ghen ghét kẻ hiền năng mà đại vương lại không nắm hết mọi quyền, cho nên những khách ở nước ngoài và những kẻ sĩ du thuyết không dám đến trước mặt đại vương để bày tỏ hết lòng trung.

Nay Phụng Dương Quân đã chết, từ nay đại vương được tiếp xúc với nhân dân, cho nên tôi mới dám tới đây, bày tỏ lòng trung và dâng ý kiến với đại vương.

Tôi nghĩ rằng, không gì bằng chính sách an dân, gốc của sự an dân là chọn nước để giao hảo, khéo chọn nước để giao hảo thì dân được an nhàn, không khéo chọn nước để giao hảo thì dân chúng lao đao.

Nay, Tề và Tần là hai địch thủ lớn nhất của Triệu, nên dân Triệu không được an nhàn, nếu dựa vào Tề để đánh Tần, thì nhân dân cũng phải vất vả.

Nếu đại vương nghe mưu kế của tôi, nên hợp tung với nước Yên, nước Tề, nước Sở, nước Hàn, nước Ngụy.

Nếu được vậy, thì nước Yên sẽ cống hiến sản vật ở đồng bằng như dạ, áo lông, chó ngựa; Tề sẽ đem sản vật biển như muối, cá; Sở tất đem những sản vật từ đất Vân, Mộng như quýt, bưởi; Hàn, Ngụy cũng sẽ đem những sản vật, dùng vào việc tắm gội, của họ đến nước Ngụy. Đại vương vừa được cắt đất vừa được thu tiền tài hóa vật.

Ngày xưa, vua Thang, vua Vũ phải phát động chiến tranh, giết Kiệt, Trụ; thời Ngũ bá, các bậc bá phải chịu hi sinh tương sĩ mới có được những điều lợi như vừa nói.. Nay đại vương chỉ ngồi khoanh tay, rũ áo mà được tất cả, đó là điều mong mỏi của tôi.

Nếu đại vương thân thiện với Tần, Tần sẽ xâm lược Hàn, Ngụy; đại vương thân thiện với Tề, Tề sẽ xâm lược Sở, Ngụy.

Khi Ngụy suy yếu thì phải cắt đất Hà Ngoại; đất Hà Ngoại bị dâng rồi thì con đường đến Thượng Quận bị ngăn.

Hàn suy yếu thì phải cắt đất Nghi Dương; đất Nghi Dương dâng cho người ta thì đất Thượng Quận bị cách tuyệt.

Sở đã suy yếu rồi, thì sẽ không còn ai cứu viện.

Ba kế sách trên, không thể không tính cho kĩ.

Nếu Tần đem binh chiếm Chỉ Đạo thì Nam Dương biến động, rồi cướp nước Hàn, vây nước Chu, tự nhiên Triệu sẽ tan rã.

Nếu Tần mà chiếm nước Vệ, được đất Kì, thì nước Tề phải triều kiến nước Tần.

Tần đã đến được Sơn Đông thì tất đem quân nhắm vào nước Triệu, quân Tần khi đã qua sông Hoàng Hà, vượt Lâm Chương, chiếm Phiên Ngô, thì tất quân Tần và quân Triệu sẽ giao chiến ngay dưới chân thành Hàm Đan. Đó điều tôi lo cho đại vương.

Trong lúc này, các nước ở Sơn Đông không nước nào mạnh bằng Triệu. Đất Triệu rộng hai ngàn dặm, binh giáp được vài chục vạn, chiến xa được ngàn cỗ, chiến mã được vạn con, lúa chi dùng được mười năm. Phía Tây có Trường Sơn, phía Nam có Hà Chương, phí Đông có Thanh Hà, phía Bắc có nước Yên nhưng Yên là một nước yếu, không đáng lo.

Trong thiên hạ, Tần không hận nước nào bằng nước Triệu, mà Tần không dám cử binh đánh Triệu là vì sao ?

Là Tần sợ Ngụy, Hàn đánh lén ở sau lưng. Vậy, Hàn, Ngụy là cái phen che chắn phía Nam của Triệu.

Nếu Tần đánh Ngụy, Hàn thì tình hình sẽ khác hẳn. Vì Hàn, Ngụy không có núi cao, sông rộng ngăn chặn, Tần cứ tiến dần như tằm ăn dâu khi đến kinh đô của hai nước này mới dừng. Hàn, Ngụy lúc ấy sẽ thờ Tần. Lúc đó, không còn ai che chắn phía Nam cho Triệu nữa. Đó cũng là điều tôi lo cho đại vương.

Tôi nghe vua Nghiêu không có được ba trăm mẫu ruộng, vua Thuấn không có một tấc đất mà làm chủ thiên hạ. Vua Vũ không có một trăm người theo, sau này làm vua chư hầu. Quân lính không quá ba ngàn người, chiến xa không quá ba trăm cỗ mà vua Thang, vua Vũ lên ngôi thiên tử. Chính là các ông ấy hiểu cái lẽ cường thịnh.

Cho nên bậc minh quân, ở ngoài thì lượng sức mạnh yếu của địch, trong thì xét sĩ tốt nhiều ít, có hiền tài hay không ? Không đợi đến lúc giao chiến mới lo. Cái lẽ tồn vong, thắng bại đã thấy trước ở trong lòng rồi, đâu phải vì nghe người khác nói rồi quyết đoán hồ đồ.

Tôi trộm đem địa đồ trong thiên hạ ra mà xét, đất của các chư hầu rộng gấp năm lần đất Tần, binh sĩ của các nước chư hầu nhiều có thể gấp mười lần quân Tần. Nếu sáu nước đoàn kết một lòng, quay về phía Tây đánh Tần thì Tần tất bại.

Nay, sáu nước để cho Tần đánh tan, hướng về phía Tây mà thờ Tần, làm bề tôi của Tần.

Phá tan nước người hoặc bị người phá tan nước, người làm bề tôi cho mình hoặc mình làm bề tôi cho người, hai điều này hoàn toàn khác nhau. Bọn người chủ trương liên hoành đều muốn cắt đất của chư hầu để cầu hòa với Tần. Họ cầu hòa với Tần chẳng qua vì bản thân họ. Họ có thể xây cất đài lầu đài, dập dìu nghe tiếng đàn tiếng sáo, nếm cao lương mỹ vị, phía trước có xe ngựa, phía sau có sân rộng, có người đẹp hầu hạ. Còn chuyện, cái họa của Tần ập đến thì mặc kệ nhà vua. Xin đại vương xét cho kỹ về việc này !

Tôi nghe nói, bậc minh quân không nên do dự, không nghe lời dèm pha, mà sẵn sàng gạt bỏ những lời nói chẳng có gì làm bằng cứ.

Cho nên, tôi xin dâng lên đại vương cái kế làm cho vua được tôn quý, đất đai được mở rộng, binh lực hùng cường. Đó là đại vương nên hợp tung, thân thiện với các nước Hàn, Ngụy, Tề, Sở, Yên, Triệu để chống đỡ với Tần. Khiến cho các vị tướng quốc, tướng soái trong thiên hạ đều họp bên bờ sông Viên, các nước trao đổi con tin với nhau, giết ngựa trắng cùng thề với nhau :

Tần mà đánh Sở thì Tề, Ngụy đem binh tinh nhuệ ra giúp Sở. Hàn sẽ cắt đứt đường vận lương của Tần. Triệu sẽ đem quân qua Hà Chương. Yên sẽ giữ phía Bắc miền Thương Sơn.

Tần mà đánh Hàn, Ngụy thì Sở sẽ cắt đứt phía sau của Tần. Tề sẽ đem binh tinh nhuệ ra giúp Hàn, Ngụy. Triệu sẽ đem quân qua Hà Chương. Yên sẽ giữ miền Văn Trung.

Tần mà đánh Tề thì Sở sẽ cắt đứt phía sau của Tần. Hàn sẽ giữ thành Cao. Ngụy sẽ chặn ở Ngạc Đạo. Triệu sẽ đem quân ra Hà Chương, đóng ở Bắc Quang. Yên sẽ đem quân tinh nhuệ ra giúp Tề.

Tần mà đánh Yên, thì Triệu sẽ giữ Thường Sơn. Sở sẽ đem quân đóng ở Vũ Quan. Ngụy sẽ đem quân đóng ở Hà Ngoại. Tề đem quân đóng ở Bột Hải. Hàn và Ngụy đem quân giúp Yên.

Tần mà đánh Triệu, thì Hàn sẽ đem quân đóng ở Nghi Dương. Sở sẽ đem quân đóng ở Vũ Quan. Ngụy sẽ đem quân đóng ở Hà Ngoại. Tề sẽ đem quân qua Bột Hải. Yên sẽ đem quân tình nhuệ giúp Triệu.

Nước chư hầu nào bội ước, thì năm nước kia đem quân tiến đánh. Sáu nước hợp tung, thân thiện với nhau thì Tần không dám đem quân ra khỏi Hàm Cốc mà đánh phá Sơn Đông. Như vậy, sự nghiệp đại vương sẽ thành.

Vua Triệu nói :

- Quả nhân tuổi nhỏ, cầm quyền chưa được bao lâu, chưa từng nghe được kế hoạch trường cửu để trị nước. Nay, quý khách có ý bảo vệ thiên hạ, an định chư hầu, quả nhân kính cần đem nước Triệu làm theo kế hoạch của quý khách.

Rồi vua Triệu phong Tô Tần làm Vũ An quân, tặng trăm cỗ xe trang sức đẹp dễ, ngàn nén vàng, trăm đôi bạch ngọc, ngàn tấm vóc, để Tô Tần đi liên hiệp với chư hầu.

Thuyết vua Hàn :

Tô Tần thay vua Sở thuyết Hàn Tuyên vương theo kế hoạch hợp tung :

- Hàn, phía Bắc có các miền Củng Lạc thành cao kiên cố; phía Tây có Nghi Dương và Trường Bản hiểm yếu; phía Đông có đất Uyển, đất Nhượng và sông Vị; phía Nam có núi Hình; đất rộng ngàn dặm, binh số tới mười vạn.

Cung cứng, nỏ mạnh trong thiên hạ đều được sản xuất tại Hàn, các loại tên như Khê Tử, Thiếu Phủ, Thời Lực và Cự Lai đều bắn được xa cả sáu trăm bước. Quân Hàn đưa chân mà đạp nỏ, thì liên tiếp trăm phát không ngừng, xa thì bắn trúng bụng, gần thì xuyên qua tim.

Kiểm và kích của Hàn đều sản xuất ở Minh Sơn, Thường Khê, Mặc Dương và Hợp Bá, những loại kiếm tốt như Đặng Sư, Uyển Phùng, lại có kiếm quý như Long Uyên, Thái A, ở trên cạn là chém đứt ngựa bò, ở dưới nước thì có thể chém đứt giáp cứng.

Những khí giới khác như mộc, ủng bằng da, giáp sắt che cánh tay, áo da che vai, lườn, dây đai cột mộc ... loại nào cũng có.

Quân Hàn dũng cảm, bận áo giáo cứng, đạp nỏ mạnh, thì một người chống nổi một trăm người, điều này ai cũng rõ.

Nước Hàn cường thịnh mà đại vương lại hiền năng, vậy mà đại vương muốn hướng về phía Tây thờ Tần, tự xưng là thần.

Rồi đại vương chịu xây cất hành cung cho Tần, chịu nhận áo mào cân đai của Tần, rồi cứ mùa Xuân đến thì lo tiến cống, cung cấp đồ tế tự cho Tần, chấp tay đứng hầu Tần.

Nếu đại vương làm vậy, vừa làm nhục xã tắc vừa bị thiên hạ chê cười. Phỏng có nên chăng ?

Nếu đại vương mà thờ Tần, thì Tần sẽ đòi đất Nghi Dương, Thành Cao. Năm nay đem đất dâng cho Tần, thì sang năm Tần lại đòi thêm đất, đòi đến khi nào hết đất mới thôi ! Nếu không cho thì mang họa.

Đất đai của đại vương thì có hạn, mà lòng tham của Tần thì vô bờ. Vậy lấy đất đâu mà dâng hoài, dâng mãi ?

Tục ngữ có câu : Thà làm đầu gà hơn là làm đít trâu. Đại vương thờ Tần có khác gì cái đít trâu của Tần như câu tục ngữ đã nói ? Thật là đáng xấu hổ !

Vua Hàn giận tím mặt, vung tay, nắm chặt kiếm, ngửa mặt lên trời, nói :

- Quả nhân thà chết chứ không chịu thờ Tần !

Thuyết vua Ngụy :

Tô Tần thuyết Ngụy Tương vương :

- Nước đại vương phía Nam có sông Hồng Câu, Trần, Nhữ Nam; phía Đông có sông Hoài, sông Dĩnh, sông Nghi, Hoàng, Hải Diêm, Vô Sơ; phía Tây có trường

thành; phía Bắc có đất Quyển, Diễn và Toan Tảo; đất rộng ngàn dặm. Đất đai tuy hẹp nhưng nơi nào cũng có nhà cửa, ruộng vườn, không có nơi nào bỏ hoang. Dân đông, xe ngựa nườm nượp ngày đêm qua lại không ngớt. Nước của đại vương không thua kém gì nước Sở.

Thế mà, những người theo sách liên hoành mưu tính việc nước, khiến cho nhà vua bên ngoài thì giao kết với nước Tần, cường bạo như hổ lang; họ lại còn dựa vào Tần để bức bách nhà vua. Thật không tội nào lớn bằng ?

Như đã nói, nước Ngụy là nước mạnh trong thiên hạ, đại vương lại là ông vua hiền minh. Thế mà, lại muốn hướng về phía Tây để thờ nước Tần, xây cất hành cung để đón Tần, nhận áo mào cân đai của Tần, rồi Xuân – Thu nhị kì lo việc cống nộp cung phụng vào việc tế tự cho Tần. Tôi trộm lấy làm hổ thẹn cho đại vương !

Tôi nghe, Việt vương Câu Tiễn chỉ có ba ngàn quân mà bắt được Ngô vương phù Sai ở Can Toại. Vua Võ nhà Chu chỉ có ba ngàn quân và năm trăm cỗ xe bằng da mà chém được vua Trụ ở Mỵ Dã. Các vị ấy đâu có cần binh nhiều, mà do chấn phát được uy phong.

Nay, đại vương có vài chục ngàn võ sĩ, quân khăn xanh thiện chiến có hai chục vạn, quân xung phong có hai chục vạn, có mười vạn quân làm việc lật vật. Binh xa có sáu trăm cỗ, chiến mã có năm ngàn con.

Quân đội, xe ngựa của đại vương nhiều hơn vua Võ và Câu Tiễn rất nhiều !

Nay, đại vương lại bị bọn sủng thần áp bức, rồi nghe lời họ mà muốn thờ Tần. Nếu muốn thờ Tần, trước hết phải gửi vương tử làm con tin, phải cắt đất mà

dâng cho Tần. Thế là chưa dùng binh, mà nước đã hao tổn.

Làm bề tôi mà ở ngoài thì dựa vào nước Tần để áp bức vua, ở trong thì bắt nhà vua để cắt đất. Vậy, bọn chủ trương thờ Tần, chính là gian thần. Đại vương phải suy xét cho kỹ !

Sách Chu thư có câu : Liên miên chẳng chịt, biết gỡ thế nào đây ? Khi nó mới manh nha thì không chịu nổi, thì khi lớn, nó sẽ to bằng cái cán búa. Không biết lo trước thì sau rước lấy họa lớn.

Nếu đại vương nghe tôi, sáu nước hợp tung, kết ước với nhau, thì tránh được cái họa của cường Tần.

Vua Ngụy đáp :

- Quả nhân bất hiếu, chưa từng được nghe lời dạy bảo sáng suốt. Nay, ngài đem mệnh lệnh của vua Triệu mà bảo cho quả nhân, quả nhân kính đem nước Ngụy mà theo lệnh.

Thuyết vua Tề :

Tô Tần thay vua Triệu, thuyết Tề Tuyên vương :

- Tề, phía Nam có núi Thái Sơn, phía Đông có núi Lang Nha, phía Tây có sông Thành Hà, phía Bắc có biển Bột Hải; như vậy, một nước có bốn bề hiểm trở. Đất

Tề rộng hai ngàn dặm, binh lính được vài chục vạn, lúa chất như gò núi, chiến xa của Tề tốt, cùng với binh năm nước (Triệu, Hàn, Ngụy, Yên, Sở) tiến thì nhanh như tên, tấn công thì mạnh như sấm chớp, ào tới như mưa, như gió.

Nếu như có chiến tranh, thì quân (nước địch) cũng chưa chắc vượt được núi Thái Sơn, chưa chắc cắt đứt được sông Thanh Hà, chưa chắc qua được Bột Hải ?

Lâm Tri có bảy vạn nóc nhà, mỗi nhà ít nhất có ba người trai trẻ, nếu bắt lính tổng cộng có hai mươi một vạn, chưa kể ở những huyện khác.

Lâm Tri lại là nơi giàu có, đời sống sung túc, người dân nào cũng biết thổi sáo, gảy đàn, nhiều người thích chơi chọi gà, đua chó, đá cầu, đánh cờ.

Đường phố náo nhiệt, bánh xe qua lại sát nhau, người chen vai nhau, vạt áo tiếp nhau như những bức màn, tay áo đưa lên như những bức rèm, mồ hôi vẩy ra thành mưa. Nhà nào cũng giàu có, đôn hậu, người nào cũng hiền ngang, chí khí.

Sự cường thịnh của Tề và nhờ sự hiền minh của đại vương, nên không nước nào chống nổi.

Nay, đại vương lại muốn quay về Tây, mà thờ Tần, e thật đáng thẹn ?

Hơn nữa, sở dĩ Hàn – Ngụy sợ Tần, vì biên giới giáp với Tần. Nếu xảy ra chiến tranh thì chỉ trong vòng mười ngày đã phân ai thắng, ai bại ?

Nếu Hàn, Ngụy có thắng Tần thì cũng hao binh tổn tướng một nửa, không giữ nổi cả bốn bề, còn không thắng thì mất nước. Cho nên, Hàn và Ngụy không có cách nào khác, phải thần phục Tần.

Tần mà đánh Tề, thì sự thế hoàn toàn khác hẳn. Vì, phía sau có Hàn, Ngụy quấy rối. Lại còn phải đem quân qua miền Dương Tấn của nước Vệ và miền Cang Phụ hiểm trở, đường hẹp, xe không tránh nhau được, ngựa không sánh đôi được, một trăm người giữ chỗ hiểm yếu thì cả ngàn người khó qua. Tần muốn vào sâu hơn nữa phải len lết như con sói, vì phải dè chừng Hàn, Ngụy đánh tập hậu.

Vì lẽ đó, mà Tần chỉ làm bộ hàm hồ, hù dọa nhưng không dám tiến đánh Tề. Việc này, là rõ như hai lần năm là mười !

Tần đã chẳng làm gì được Tề mà Tề lại muốn quay về Tây để thờ Tần, quả là sai lầm ! Làm mất đi cái uy thế của một cường quốc.

Vua Tề nói :

- Quả nhân vụng tính, nay ông đem lời vua Triệu bảo ban, quả nhân kính đem xã tắc mà theo kế hoạch hợp tung.

Thuyết vua Sở :

Tô Tần thuyết Sở Uy vương :

- Sở là cường quốc trong thiên hạ, đại vương là hiền vương trong thiên hạ.

Nước Sở, phía Tây có Kiềm Trung, Vu quận; phía Đông có Hạ Châu, Hải Dương; phía Nam có hồ Động Đình, núi Thương Ngô; phía Bắc có sông Phần, núi Hình hiểm trở.

Miền Tuân Dương rộng năm ngàn dặm, binh sĩ được trăm vạn, chiến xa ngàn cỗ, chiến mã một vạn con, thóc lúa đủ chi dùng trong mười năm, đủ giúp đại vương lập sự nghiệp bá vương.

Nước Sở hùng cường, đại vương lại hiền minh, thiên hạ không sao địch nổi. Vậy, mà nay đại vương muốn quay mặt về phía Tây thờ Tần, thì chư hầu không một nước nào không quay mặt về phía Nam hướng về Chương Đài mà thần phục Tần.

Trong thiên hạ, Tần lo nhất là Sở, Sở mạnh thì Tần yếu, Sở yếu thì Tần mạnh, thế hai nước là một mất, một còn. Cho nên, đại vương nên theo hợp tung để cô lập nước Tần.

Đại vương mà không hợp tung, thì Tần sẽ dẫn hai đạo binh, một đạo ra khỏi Vũ Quan, một đạo đi xuống Kiềm Trung, như vậy đất Yên, đất Dĩnh phải chấn động.

Tôi nghe nói, nước chưa loạn thì phải lo trị nước, lo trước việc chưa phát sinh, khi nước đã đến chân thì không nhảy kịp. Nên đại vương phải tính sớm mới được.

Nếu đại vương theo kế sách của tôi, thì tôi xin khiến các nước ở Sơn Đông, bốn mùa tiến cống đại vương, tuân theo pháp chế của đại vương, đem tôn miếu xã tắc mà phò thác cho đại vương, thao luyện quân sĩ để đại vương tùy ý mà sử dụng.

Lúc ấy, hậu cung của đại vương sẽ chật ních con gái đẹp, hát hay của Hàn, Ngụy, Tề, Yên, Triệu, Vệ; chuồng của đại vương sẽ đầy ngựa tốt và lạc đà của Triệu.

Tần là nước hổ lang, có ý thôn tính thiên hạ, là kẻ thù của thiên hạ; những người muốn cắt đất cho Tần, theo liên hoành, đều là kẻ thù của thiên hạ. Làm bề tôi mà cậy uy lực của Tần mà hiếp đáp nhà vua là bất trung, là đại nghịch.

Đại vương theo hợp tung, chư hầu sẽ cắt đất để thờ Sở, còn đại vương theo liên hoành thì phải cắt đất và thờ Tần, cái nào lợi hơn ? Xin đại vương quyết định.

Vua Sở nói :

- Nước của quả nhân, phía Tây giáp với Tần, Tần có ý chiếm Ba Thục, thôn tính Hán Trung. Tần là nước hổ lang, không thể kết thân được.

Hán, Ngụy lại bị Tần uy hiếp, quả nhân cũng không thể thân thiết với hai nước đó; nếu họ phản bội, thì mưu kế chưa thành mà Sở đã lâm nguy.

Nếu nước Sở của quả nhân dốc lực chống Tần, thì cũng chưa chắc thắng nổi.

Trong triều thì chẳng có ai mà tin cậy, cho nên quả nhân ăn không ngon, ngủ không yên, như ngọn cờ treo lay lắt, không biết dựa vào đâu ?

Nay ông muốn thống nhất thiên hạ, vỗ về các nước, bảo tồn các nước lân nguy, quả nhân xin kính cẩn đem xã tắc mà theo kế hoạch của ông”

Sau khi thuyết nước sáu nước Tề, Sở, Yên, Hàn, Ngụy liên minh theo thuyết thuyết hợp tung, để chống Tần, Tô Tần làm tung ước trưởng. Nước Triệu phong Tô Tần làm Vũ Anh quân. Mười lăm năm sau, Tần đem quân qua khỏi Hàm Cốc, bắt đầu thôn tính sáu nước.

3. Trương Nghi thuyết các nước theo liên hoành, phá thế hợp tung :

Tần Huệ vương nói với Hàn Tuyên tử :

- Tô Tần khinh quả nhân quá lắm ! Hắn muốn dùng cái trí của hắn để lừa gạt các vua Sơn Đông, dùng kế hợp tung, khinh Tần. Triệu vốn cậy đông, nên bày mưu cấp vàng lụa cho Tô Tần đi kết ước các chư hầu. Chư hầu không thể hợp nhất được, kế đó như cột chân gà với nhau, bắt chúng cùng đậu một chỗ. Quả nhân phần uất, nén giận lâu, nay muốn sai Vũ An hầu đi giảng giải với các chư hầu.

Hàn Tuyên tử khuyên :

- Không nên ! Phá thành phạt ấp thì nên dùng Vũ Anh hầu. Đi sứ chư hầu thì dùng khách khanh Trương Nghi.

Tần Huệ vương nghe theo, dùng Trương Nghi vào việc phá thế hợp tung.

Trương Nghi thuyết vua Ngụy :

Trương Nghi thuyết vua Ngụy :

- Đất Ngụy vuông không đầy ngàn dặm, binh không quá ba vạn người, bốn bề là đồng bằng, thông với các nước chư hầu như các tay hoa tុ lại ở bầu xe, không có núi cao sông rộng để ngăn cách. Từ Trịnh tới Vương không đầy trăm dặm, từ Trần tới Lương chỉ hai trăm dặm, rong ngựa chưa mệt thì đã tới nơi.

Phía Nam, Ngụy tiếp với Sở, phía Tây tiếp với Hàn, Bắc tiếp với Triệu, Đông tiếp với Tề, phải đặt lính thú cả bốn mặt. Những nơi hiểm yếu phải xây thành, đắp lũy liên tiếp nhau thành hàng, phải đào kinh để vận chuyển lương thực, phải cất lẫm để chứa thóc, số lẫm sẽ không dưới mười vạn. Theo địa thế, Ngụy vốn là chiến trường :

Nếu phía Nam, Ngụy liên hiệp với Sở không liên hiệp với Tề, Tề sẽ đánh Ngụy ở phía Đông.

Nếu phía Đông, Ngụy liên hiệp với Tề mà không liên hiệp với Triệu, thì Triệu sẽ đánh Ngụy ở phía Bắc.

Không liên hiệp với Hàn, Hàn sẽ đánh phía Tây. Không thân với Sở, Sở đánh ở phía Nam. Thế Ngụy gọi là chia bốn, xẻ năm là thế.

Nếu đại vương mà không thờ Tần, thì Tần đem binh đánh Hà Ngoại, chiếm Quyển Diễm, Yên và Toan Tả, áp chế Vệ mà cướp Tấn Dương, thì Triệu không xuống phía Nam được.

Triệu không xuống phía Nam được, Ngụy cũng không lên phía Bắc được; thì chính sách hợp tung hết thi hành. Lúc đó, nước của đại vương dù không muốn nguy cũng không tránh khỏi.

Tần kẹp cứng Hàn rồi mới đánh Ngụy, Hàn đã bị Tần kẹp thì không thể không nghe. Tần và Hàn đã hợp nhất rồi, thì sự diệt vong của Ngụy chỉ còn là ngày tháng. Đó là điều đáng lo cho đại vương.

Lại nữa, nước mà Tần muốn làm cho suy yếu chính là nước Sở, mà làm cho Sở suy yếu không chỉ bằng dùng Ngụy. Sở tuy là nước có tiếng giàu có, thực chất là trống rỗng, quân lính tuy nhiều nhưng chỉ là loại ba hoa, đánh là chạy dài, không dám quyết chiến. Binh của Ngụy mà đánh về phía Nam, nhất định là thắng Sở, khiến cho Sở suy vong mà Ngụy sẽ mạnh lên.

Đánh Sở làm cho Tần vui lòng, cũng là cách đem cái họa của nước mình gán cho nước người, để nước mình được yên, là điều hay.

Nếu đại vương không nghe tôi, Tần sẽ đem binh qua phía Đông, lúc đó đại vương muốn theo Tần cũng không kịp nữa.

Vua Ngụy nói :

- Quả nhân ngu xuẩn, trước kia tính bậy. Nay, xin làm thần thuộc của Tần ở phương Đông, xây cất hành cung để đón Tần, nhận áo mũ cân đai của Tần, Xuân – Thu nhị kì tiến cống để cung phụng việc tế tự của Tần và xin nhượng cho Tần đất Hà Ngoại.

Trương Nghi thuyết vua Sở :

Trương Nghi thuyết Sở Hoài vương :

- Nước Tần đã chiếm nửa thiên hạ, binh lực địch nổi bốn nước, có núi Chung Nam và Thái Hoa làm áo, có sông Long Môn làm đai, bốn phía hiểm trở, non sông vững vàng, binh sĩ hùng hổ trên trăm vạn, chiến xa ngàn cỗ, chiến mã vạn con, lúa thóc chất cao như núi, vua thì uy nghiêm sáng suốt, tướng thì đã trí lại dũng. Tuy Tần không xuất quân mà chiếm được Thường Sơn hiểm trở dễ như cuốn chiếu, chặt gãy cái xương sống của thiên hạ, nước nào chậm phục tòng thì bị diệt ngay.

Hơn nữa, những kẻ chủ trương hợp tung kia có khác đuổi một bầy dê để săn mãnh hổ, dê địch sao nổi hổ, lẽ đó quá rõ ràng. Nay đại vương không kết thân với hổ mà lại kết thân với bầy dê, quả là lầm lẫn !

Sở và Tần là hai cường quốc trong thiên hạ, bá chủ thiên hạ không Tần thì Sở, không Sở thì Tần, nếu hai nước ngang nhau, đánh nhau thì một còn một mất.

Nếu đại vương không liên kết với Tần, Tần sẽ đem quân chiếm Nghi Dương, Hàn sẽ bị cắt đứt, Tần đánh Hàn Đông, chiếm Thành Cao, thì Hàn phải thần phục. Hàn đã thần phục Tần, thì Ngụy cũng nổi gót mà theo.

Tần sẽ đánh phía Tây, Hàn và Ngụy sẽ đánh phía Bắc, thì Sở sẽ lâm nguy.

Tôi nghe nói, binh lực không bằng người thì đừng khiêu chiến, thóc lúa không bằng người thì đừng cầm cự với người. Nhưng bọn hợp tung lại không xét điều đó, cứ khua môi múa mép, chỉ bàn lợi mà chưa bàn cái hại. Cho nên, đại vương phải tính thật kỹ, đừng nghe lời chúng.

Tần phía Tây có Ba Thục, thuyền sắp hàng hai, chở lúa khởi hành từ Vĩn Sơn, theo dòng mà xuôi tới Dĩnh, đường dài ba ngàn dặm. Góm thuyền chở lính, mỗi chiếc chở được năm chục người với ba tháng lương thực, trôi theo dòng, mỗi ngày ba trăm dặm. Đường tuy dài mà không phí sức mồ hôi của ngựa, không đầy mười ngày đã đến Cản Quan. Làm cho Cản Quan kinh hoàng, rồi theo Lãng mà qua Đông, lúc ấy những đất như Kiềm Trung, Vu Quận đâu còn thuộc đại vương nữa.

Tần lại đem quân ra khỏi Vũ Quan, hướng về Nam mà tiến, cắt đứt miền Bắc của Sở. Tần chỉ đánh Sở trong vòng ba tháng là Sở nguy. Nếu Sở trông cậy vào cứu viện của chư hầu, thì phải mất hơn nửa năm viện binh mới tới.

Suy vậy, thì Sở không địch nổi Tần rồi !

Đại vương đã năm lần đánh Ngôm thắng được ba lần mà diệt Ngô, binh lính cũ chết hết rồi, lính mới thì phải rải ra đi giữ các thành chiếm của Ngô. Bây giờ, lại muốn đánh nước lớn, thì dân chúng khốn khổ và oán hận đại vương, biết ngần nào ? Đó là điều nguy cho đại vương.

Tần vốn đã mười năm không xuất quân ra cửa Hàm Cốc là âm mưu muốn thôn tính thiên hạ.

Trước đây, Sở đã từng gây hấn với Tần, đánh nhau ở Hán Trung. Sở không thắng được, chết tướng bại quân mất toi Hán Trung. Vua Sở giận, khởi binh đánh úp Tần ở Lam Điền, ai dè thua nữa !

Nay, Tần – Sở lại đánh nhau, Hàn, Ngụy sẽ dùng toàn lực để khống chế phía sau Tần và Sở, đúng là cò tra tranh nhau, ngư ông đắc lợi. Thật không có gì nguy hiểm cho bằng ?

Tần đem binh đánh Vệ và Dương Tấn, tất là đóng cái bụng của thiên hạ. Lúc đó đại vương đem quân đánh Tống, chỉ vài ba tháng là chiếm được Tống, rồi tiến binh qua phía Đông và chiếm các nước chư hầu ở vùng sông Tứ sẽ thuộc về đại vương.

Tần và Sở ở sát nách nhau, về hình thế là thân cận với nhau. Nếu đại vương theo mưu kế của tôi, tôi xin cho thái tử của Tần làm con tin ở Sở, thái tử của Sở làm con tin ở Tần, thái tử của Tần làm con tin ở Tần, xin đem con gái của Tần gả cho đại vương để trông nom quét dọn, dâng đại vương một đô ấp có vạn nóc nhà để đại vương lấy thuế dùng vào việc tắm gội, trước khi tế lễ. Hai nước sẽ vĩnh viễn kết làm anh em, suốt đời không đánh nhau.

Vua Sở nói :

- Nước Sở là nước hẻo lánh, thô lậu, ở gần Đông Hải, quả nhân thì tuổi nhỏ, chưa quen tính kế lâu dài cho quốc gia. Nay được quý khách đem chính sách sáng suốt dạy bảo, quả nhân xin nghe lời.

Trương Nghi thuyết vua Tề :

Trương Nghi thuyết Tề Mẫn vương : “ Cường quốc trong thiên hạ, không nước nào mạnh hơn Tề, các bậc đại thần, các bậc cha anh đông đúc, giàu có và vui vẻ, không có nước nào bằng Tề.

Nhưng đại vương đã tính sai, chỉ nghĩ đến nhất thời, chưa nghĩ đến kế vạn đại. Vì đại vương nghe những lời đường mật của bọn hợp tung.

Chắc chúng nói rằng : Tề, phía Tây có nước Triệu hùng cường, Nam thì có Hàn, Ngụy là những nước dựa vào biển. Là những tường đồng vách sắt che chắn cho Tề. Tề lại có đất rộng dân đông, binh lính mạnh, dũng cảm, thì tuy có trăm nước Tần cũng chẳng làm gì nổi Tề ?

Thực tế chứng minh, Tề với Lỗ đánh nhau ba lần. Lỗ ba lần đều thắng, mà sau đó lại nguy vong. Chỉ có cái danh là thắng, mà thực tế là thua. Cái lí rõ ràng, là nước Tề lớn mà nước Lỗ nhỏ.

Nay, tình hình Tần và Triệu không khác gì Tề và Lỗ. Tần và Triệu đánh nhau ở phía trên Hà Chương hai lần. Triệu thắng cả hai. Ở dưới Phiên Ngô, Tần và Triệu giao chiến hai lần. Triệu lại thắng hai lần. Tuy thắng bốn lần nhưng Triệu phải mất vài chục vạn quân, chỉ còn đủ sức giữ Hàm Đan. Triệu có cái danh thắng Tần thực tế là nguy vong. Cũng vì Triệu yếu mà Tần mạnh.

Nay Tần và Sở đã thông hôn với nhau, thành hai nước anh em. Nước Hàn dâng đất Nghi Dương, nước Ngụy dâng đất Hà Ngoại, nước Triệu lại đến Mạnh Trì để

triều kiến vua Tần, cắt đất Hà Gian cho Tần.

Nếu đại vương không thờ Tần, Tần xua Hàn, Ngụy đánh miền Nam của Tề, thống suất hết binh mã của Triệu qua Hà Quan mà tiến về Bác Quan. Rồi Lâm Tri, Tức Mặc sẽ không còn là đất của đại vương nữa. Lúc ấy, đại vương có muốn thờ Tần, e cũng không kịp. Mong đại vương nghĩ kĩ ”

Vua Tề nghe lời Trương Nghi, đem ba trăm dặm đất có nguồn lợi cá và muối dâng cho Tần.

Trương Nghi thuyết vua Triệu :

Trương Nghi thuyết Triệu Vũ Linh vương : “ Đại vương muốn thống lĩnh thiên hạ để chống Tần, quân Tần không dám ra khỏi cửa Hàm Cốc đã mười lăm năm rồi.

Uy quyền của đại vương đã lan ra khắp miền Sơn Đông và cả thiên hạ. Tề quốc sợ sệt, cúi nép, chi lo chinh đồn binh khí, huấn luyện quân sĩ, sửa sang chiến xa, rèn luyện xạ kị, gắng sức cày ruộng trữ lúa, bảo vệ bốn bề biên cảnh, ở trong cảnh sợ sệt buồn lo, không dám vọng động. Vì đại vương có ý trách nước Tần.

Đại vương ra uy phía Tây chiếm Ba Thục, nước Hán Trung, phía Đông thu phục Đông Chu. Tây Chu phải dời chín đỉnh và giữ bến Bạch Mã.

Vì sầu muộn đã lâu, nay vua Tần đem binh giáp đóng ở Thăng Trì, định qua Hà Chương, chiếm cứ phiên Ngô, nghênh chiến với Triệu ở dưới chân thành Hàm

Đan, định tới ngày Giáp tý thì giao chiến với Triệu.

Việc đánh Triệu là noi gương Chu Võ vương diệt Ân, Trụ, nên sai tôi cung kính đến báo trước với đại vương biết.

Hiện nay, Tần và Sở đã kết làm anh em, Hàn, Ngụy đã thành nước phiên thuộc của Tần ở phía Đông. Tề đã dâng đất cho Tần. Như vậy, là Tần đã chặt đứt mất cánh tay của Triệu rồi. Người đã bị chặt mất cánh tay làm sao mà chiến đấu ? Đàng đã tan rồi, một mình bị cô lập, sao tránh được nguy nan.

Tần lại sau ba tướng thống suất binh sĩ : Một đạo chen ở Ngộ Đạo, rồi bài Tề đem binh qua Thanh Hà đóng phía Đông Hàm Đan. Một đạo đóng quân ở Thành Cao, đốc suất quân Hàn, Ngụy, đóng ở Hà Ngoại. Một đạo đóng ở Thằng Trì, cùng hen nhau : Bốn nước liên kết đánh Triệu, đánh xong chia nhau thành bốn phần.

Sở dĩ, trước đây đại vương tin chính sách là vì bị Tô Tần quyến rũ, Tô Tần còn mê hoặc các nước chư hầu, lấy trái làm phải.

Nay, đại vương nên hẹn với Tần ở Thằng Trì, hội kiến nhau và kết thân với nhau, là tốt hơn cả ”

Vua Triệu nghe lời Trương Nghi.

Rồi cho đánh trăm cỗ xe đến Thằng Trì để triều kiến vua Tần, cắt đất Hà Giang cho Tần.

Trương Nghi thuyết vua Yên :

Trương Nghi thuyết Yên Chiêu vương : “ Xưa, không nước nào thân với nước Đại bằng bằng nước Triệu, vua Triệu (Tương tử) đem chị gả cho vua Đại.

Có lần, vua Triệu hẹn với vua Đại họp ở Câu Chú.

Vua Triệu sai người làm một cái dấu bằng kim loại có thể nện vào đầu người chết ngay, rồi ngầm bảo người đầu bếp làm như vậy ! như vậy !

Lúc vua Triệu và vua Đại ngồi uống rượu, người đầu bếp dâng canh nóng, bất thần lấy cái dấu nện vào đầu vua Đại, óc vua Đại phọt lầy cả đất. Chị vua Triệu, tức vợ vua Đại nghe tin lấy cái trâm tự đâm mà chết, nên có sự tích về núi Ma Khê. Vua Triệu cướp nước Đại.

Cho nên, vua tham tàn thì không thân với ai được !

Yên thân với Triệu, nhưng đã hai lần Triệu đánh Yên, vây kinh đô nước Yên và bức bách đại vương. Đại vương phải cắt mười thành tạ tội với Triệu, Triệu mới chịu lui binh.

Nay, vua Triệu (Triệu Vũ Linh vương) đã vào Thăng Trì triều phục Tần, đem đất Hà Gian để dâng cho Tần.

Nếu đại vương không thờ Tần, thì Tần đem binh tới Vân Trung, Cửu Nguyên ... thì đại vương sẽ mất Dịch Thủy và Trường Thành. Nếu đại vương thờ Tần, thì Triệu không dám dòm ngó, bức hiếp đại vương nữa ”

Vua Yên nghe lời Trương Nghi, cắt năm thành ở đuôi núi Thường Sơn dâng tần và thờ Tần.

Úy Liêu giúp vua Tần phá thế hợp tung :

Úy Liêu, người nước Ngụy, thuyết vua Tần : “ Từ thời Tần Hiếu công đến nay, vương thất nhà Chu càng ngày càng suy yếu, các chư hầu thôn tính lẫn nhau, vùng Quan Đông chia thành sáu nước. Hiện tại, các chư hầu thần phục nước Tần, các huyện còn đang nghe theo mệnh lệnh của trung ương. Nếu một ngày nào đó, các chư hầu quá sợ Tần, họ hợp tung lại để chống Tần, lúc đó Tần chống đỡ làm sao cho xuể. Trí Bá, Phù Sai, Mân vương thất bại vì không tính trước, không phòng xa. Nay, đại vương cho người đem ba vạn lượng vàng, phá vỡ ý tưởng hợp tung, để mua lấy đại cục và thống nhất thiên hạ của nước Tần ”

Vua Tần nghe theo, bí mật sai mưu sĩ đem vàng đi đến các nước, ai nhận vàng thì kết giao với Tần, nếu không nhận vàng, kết giao với Tần, thì tìm cách giết chết. Không bao lâu, nhân tâm sáu nước li tán, Tần sai những tướng giỏi, tiến đánh các nước.

Phạm Chuy dâng kế phá hợp tung :

Mưu sĩ nước Triệu chụm nhau bàn tán hợp tung chuẩn bị đánh Tần, vua Tần rất lo lắng. Ứng hầu Phạm Chuy nói : Kẻ sĩ trong thiên hạ không có cố gì mà oán nước Tần, họ tụ tập bàn chuyện đánh Tần, chẳng qua là muốn chút lợi lộc, phú

quý.

Đại vương có thấy bầy chó của đại vương hay không ? Chúng cùng nằm, cùng đứng với nhau. Nếu vất cho chúng một khúc xương, chúng sẽ tranh nhau và cắn nhau chí chóe !

Đại vương nên sai người đem năm ngàn nén vàng và một đội âm nhạc, đến Vũ An, nước Triệu, mở tiệc đãi họ, cho họ người ít vàng, lúc ấy bọn gọi là kẻ sĩ sẽ tranh cãi nhau, chuyện hợp tung tan ra mấy khối ”

Tần vương nghe theo.

4. Nhà Tần với chế độ quận huyện :

Sau khi sáu nước bị diệt thì nhà Chu cũng không còn, nguyên nhân chính là thay đổi chế độ phân phong, bỏ chế độ phân phong thời Tam đại.

Nhà Tần lên, tự xưng là Hoàng đế, nhưng không phong anh em. Trong triều không có tình ruột thịt phò tá, bên ngoài không có phen dậu các chư hầu bảo vệ.

Cho nên, Trần Thắng, Ngô Quảng, Hạng Vũ, Lưu Bang quật khởi một cách dễ dàng.

Tuân Duyệt cho rằng : “ Các nước được phong hầu thời cổ, tuy lớn, nhỏ khác nhau, qua khảo sát nếu phát sinh tệ đoan thì phải tìm cách biến đổi.

Thời nhà Hạ, nhà Thương, nước chư hầu nhỏ, lớn cũng không quá một trăm dặm, nên chư hầu yếu mà thiên tử mạnh.

Đến thời vua Kiệt, vua Trụ bắt Aáp hầu làm thịt, bắt Cửu hầu làm tương, nghe thiên hạ đồn Văn vương là người đức độ, thì bắt Văn vương giam vào Dữu Lý.

Nhà Chu xây dựng sự nghiệp, rút kinh nghiệm thời Kiệt, Trụ, lại phong đất cho các cho chư hầu lớn hơn, năm trăm dặm trở lên, đề cao địa vị của các chư hầu, chế ước quyền lực của vương thất.

Đến cuối đời nhà Chu, các chư hầu lớn mạnh, thanh toán lẫn nhau, vương thất nhà Chu suy yếu, tai họa trùng trùng.

Đến thời nhà Tần, lại rút kinh nghiệm cuối đời Chu, phế bỏ chế độ phong hầu, chỉ phân ra các quận, huyện, dùng cường quyền để thống trị thiên hạ; mục đích của nhà Tần là tăng thêm quyền lực của quân chủ, không đếm xỉa đến nguyện vọng của dân chúng. Hoàng đế nhà Tần trở nên độc đoán, chuyên quyền, không sợ một ai, lại thêm xa xỉ, hoang dâm, nên chỉ thống trị được 40 năm, thì bị diệt vong. Quân chủ mà bạo ngược, vô đạo thì dân chúng căm ghét, thiên hạ đại loạn, thì chính quyền bị diệt vong, không có thuốc nào chữa được ”

5. Nhà Tây Hán với chế độ phân phong :

Hán Cao tổ :

Đầu nhà Hán, sau khi bình định trong nước xong, anh em ruột thịt nhà Hán rất ít, nên việc phân phong có hai loại : Các công thần được phong đất trên một trăm người, anh em dòng họ gần xa chỉ có trên chín mươi người. Các châu, huyện của các chư hầu san sát nhau, có nơi kéo dài cả mười thành trì.

Đến khi Lữ hậu chuyên quyền, thì việc phân phong không còn được thực hiện.

Đến khi nhà Hán diệt được tập đoàn ngoại thích họ Lữ, Thái Tông Lưu Hoảng lên ngôi mới tiếp tục dựa vào các thế lực chư hầu.

Nhưng rồi, ngày qua ngày, thế lực các chư hầu ngày càng bành trướng, vượt ra ngoài quyền kiểm soát và khống chế của trung ương; có những chư hầu hoang dã vô, vô sỉ, với ý đồ phản nghịch hưng binh uy hiếp chính quyền.

Hán Văn đế :

Giả Nghị tâu với Hán Văn đế : “ Muốn thiên hạ an định thì phải có biện pháp cai quản các chư hầu và tước đoạt và phân tán lực lượng các chư hầu. Lực lượng chư hầu yếu thì rất dễ khu xử, lực lượng các chư hầu yếu thì rất khó khu xử. Lực lượng yếu, đất đai nhỏ thì ít phát sinh ý đồ xấu.

Mối quan hệ giữa trung ương với các địa phương như chân với tay, thân thể có thể chỉ huy được những hoạt động của chân tay. Nay, bệ hạ nên ra lệnh cho các chư hầu như Tề, Triệu, Sở cắt đất phân phong cho các con cháu của họ, thành những chư hầu nhỏ. Đây là việc làm có trăm điều lợi cho triều đình, không có gì là phương hại cho triều đình ”.

Hán Văn đế nghe theo, làm giảm bớt sức mạnh và đất đai của một số chư hầu như Tề, Triệu.

Hán Cảnh đế :

Tiêu Thác tâu với Hán Cảnh đế : “ Trong quá khứ, Cao tổ sau khi an định thiên hạ, anh em rất ít, con cái còn nhỏ, cho nên muốn an định thiên hạ, Người đã phân phong đất đai cho người cùng dòng họ rất rộng. Chẳng hạn, thứ tử Lưu Phi được phong làm Tề vương, có đến 72 thành; thứ tử là Lưu Giao được phong làm Sở vương, có đến 40 thành; thứ tử Lưu Tị được phong làm Ngô vương với 25 thành. Đất đai của ba vị hầu vương chiếm hết một nửa đất đai trong thiên hạ.

Nay, Ngô vương và thái tử kết thù kết oán, thường giả bệnh không vào triều kiến, nếu chiếu theo luật pháp ngày xưa thì phải giết đi. Nhưng Văn vương đã không giết, chỉ phạt bằng trượng, như thế là quá nhân nghĩa. Nay, Ngô vương lại không hề hối cải, lại còn tỏ ra ngang ngược. Y cho đúc tiền, thu muối, tụ tập những bọn người vong mệnh trong thiên hạ, với ý đồ mưu phản. Nếu tước đoạt tước hầu thì hãn cũng tạo phản, không tước đoạt thì hãn cũng tạo phản. Hãn tạo phản sẽ sinh ra họa lớn ”.

Hán Cảnh đế nghe theo, mời quần thần thương nghị, tìm các tước đoạt bớt quyền của Ngô vương, thì được tin Ngô vương đã tạo phản.

Hán Vũ đế :

Phụ Yển tâu với Hán Vũ đế : “ Chư hầu thời cổ, đất đai không rộng quá một trăm dặm, nên bất luận mạnh hay yếu thì cũng rất dễ khống chế.

Hiện tại, quận huyện các chư hầu liên tiếp nhau, rộng cả ngàn dặm, quản lí lỏng thì chư hầu sinh dân dật, xa xỉ, quản lí nghiêm, quá chặt các chư hầu liên minh với nhau, chống lại triều đình. Nếu như triều đình dựa vào pháp chế mà tước đoạt bớt đất đai, quyền lực của họ, họ sẽ phản đối âm ỉ, có thể khởi binh phản loạn.

Hiện nay, trong các chư hầu chỉ có khoảng 10 người, phân phong cho trưởng (con vợ chính) còn chẳng phong cho ai một tấc đất nào.

Do đó, bệ hạ nên hạ chiếu cho các chư hầu, phân phong đất anh em, con cháu, gọi là ân lệnh. Anh em con cháu các chư hầu sẽ cảm ơn đức bệ hạ và hoan hô.

Thực tế, là làm cho các chư hầu suy nhược, đất đai bị phân chia, không có khả năng chống lại trung ương nữa ” Hán Văn đế nghe theo.

Sau khi loạn 7 nước xảy ra, Hán Cảnh đế đặt ra quan sử để quản lý các chư hầu.

Đến đời Hán Vũ đế, đặt quan sử, còn gọi là tả quan và quan phụ ích pháp, còn gọi là phụ ích, quản lí các chư hầu nhằm hạn chế thế lực các chư hầu. Các chư hầu chỉ có được thu thuế ở đất mình được phân phong, không tham gia vào chính trị.

Đến thời Ai đế, Bình đế, các chư hầu, các bà con thân thích xa gần chỉ ở trong những những đại viện, được che bởi bốn bức tường cao, không được nhân sĩ trong vùng coi trọng. Nói cách khác, chư hầu chỉ còn danh, không có thực, không phải là chỗ dựa của bá tánh.

Cuối đời nhà Tây Hán, vương thất nhà Hán suy yếu, các chư hầu cũng suy yếu, cả gốc lẫn ngọn đều yếu, khí số nhà Hán gần như hết.

Nhân đó, ngoại thích Vương Bôn vùng lên cướp ngôi nhà Hán, xem thân thích nhà Hán như nô tì, phải khom lưng, quỳ gối để nghe chiếu lệnh. Vương Bôn mất, thiên hạ lại rơi vào cảnh đại loạn.

5. Nhà Đông Hán với chế độ quận, huyện :

Khi vua Quang Vũ khôi phục lại uy quyền của họ Lưu, trung hưng nhà Hán, ông rút kinh nghiệm những thói tề của thời Tây Hán và đã cải cách, bỏ việc phân phong, đổi thành chế độ quận huyện.

Ngồi Ngao hỏi Ban Bưu :

- Cuối đời nhà Chu không thể chế ngự được thiên hạ, sinh thời Chiến quốc phân tranh, quần hùng quật khởi, chưa hầu cát cứ, suốt cả trăm năm.

Tình thế đất nước hiện nay có khác gì thời Chiến quốc hay không ?

Ban Bưu nói :

- Sự hưng phế của nhà Chu và nhà Hán khác nhau. Nhà Chu phân chư hầu thành

năm bậc, các chư hầu đều tham dự việc triều chính.

Thường cây, gốc đã suy trước, thì cành lá mạnh lên. Vì vậy, cuối đời nhà Chu xuất hiện tình trạng hỗn loạn, thuyết hợp tung, liên hoành nổi lên, là do lịch sử tạo nên.

Nhà Hán rút kinh nghiệm thể chế nhà Chu và nhà Tần, thiết lập chế độ quận huyện, hoàng đế nắm quyền lớn, các thần tử không ai nắm đại quyền.

Đến thời Hán Thành đế đều dựa vào ngoại thích, nên các thời Ai đế, Bình đế đều rất ngắn ngủi. Ba đời vua sau, thì nhà Tây Hán diệt vong.

Vì Vương Bôn dùng thủ đoạn chính trị để cướp ngôi, lòng người không phục, thiên hạ ai cũng lắc đầu, thở dài ngao ngán.

Vương Bôn chấp chính chỉ trong vòng 10 năm, trong ngoài đều gặp nguy khốn, nghĩa quân nổi lên khắp nơi.

Các lộ nghĩa quân đều lấy danh nghĩa họ Lưu, nhà Hán, dân chúng theo họ. Mặc dù, hiện nay các anh hùng hào kiệt mỗi người cát cứ một phương, để lập căn cứ nhưng dân chúng ai ai cũng nghĩ đến nhà Hán. Đó là điểm khác biệt hiện nay với thời Chiến quốc ”

Tuân Duyệt nói : “ Đến khi nhà Hán xây dựng cơ nghiệp, rút kinh nghiệm từ nhà Chu, nhà Tần, rồi áp dụng cả chế độ nhà Chu và nhà Tần, vừa phân phong cho chư hầu, vừa thiết lập quận huyện, nên lại xảy ra chuyện sáu vua phản nghịch.

Nguyên nhân chính của sự thành công hay thất bại, là do chính quyền mạnh hay không mạnh, có cai trị và khống chế được các chư hầu hay không ? ”

6. Nhà Ngụy với chế độ quận huyện :

Nhà Ngụy Ngụy Thái tổ Tào Tháo đã rút tía được những bài học tồn vong, thịnh suy, những bi kịch, biết dùng những sở trường, bỏ những sở đoản của những triều đại trước.

Nhưng Tào Tháo không phân phong đất cho con cháu; nếu có phong tước vị cũng chỉ là hữu danh vô thực, quyền thế cũng không khác gì người bình dân.

Cho nên, bên trong nội bộ gốc không sâu, ngoài không có những những liên minh vững vàng, như không có cành. Vì thế, không anh định được xã tắc, sự nghiệp không bền (46 năm).

7. Nhà Đường với chế độ quận huyện :

Ngày nay (nhà Đường), các châu mục, các quận thú không khác gì bá, hầu thời cổ, đất rộng cả ngàn dặm, còn nắm cả đại quyền lệnh cho quân đội, hoặc họ liên minh với nhau hoặc kết anh em với nhau, trong lúc ấy tông thất chẳng có một ai mạnh bằng họ, cho nên phải có sách lược phòng bị.

Hình thế ngày nay không khác gì ở cuối thời Chu, thời Tần, thời Hán (Tây Hán), thời Ngụy, nên phải nghiên cứu, rút kinh nghiệm lịch sử.

Tuân Duyệt nói : “ Tuy đã phế bỏ chế độ phân phong, thiết lập chế độ quận huyện, nhưng thực chất chẳng khác gì chế độ phân phong thời cổ ”.

8. Tiểu kết :

Tóm lại, nhà Chu cai trị thiên hạ được 800 năm, những đời vua về sau trở nên suy yếu; các vua nhà Chu trên danh nghĩa là chủ của thiên hạ nhưng không có thực quyền. Vì thế, các vua chư hầu không xem nhà Chu ra gì, Sở Trang vương thì đòi chính đỉnh tượng trưng vương quyền của nhà Chu, Tấn Văn công thì vượt qua lễ chế của nhà Chu. Các chư hầu theo hợp tung, liên hoành, chiến loạn liên miên. Vị vua cuối cùng của nhà Chu là Chu Noãn vương bị đầy làm thứ dân. Nhà Chu bị gạt ra khỏi vũ đài chính trị.

Sau khi thôn tính sáu nước, nhà Tần rút kinh nghiệm cuối đời nhà Chu, bỏ chế độ phân phong, thực hành chế độ quận huyện. Tần Thi Hoàng nắm hết đại quyền và chuyên dùng những anh em, họ hàng toàn là những kẻ thất phu, còn những công thần có công lao khuyến mả không có lấy một tấc đất cắm dùi.

Khi Tần Thi Hoàng mất, anh hùng hào kiệt từ trong giới bình dân nổi lên khắp nơi như Trần Thắng, Ngô Quảng, Lưu Bang, Hạng Vũ nổi lên tranh đoạt giang sơn của nhà Tần và thiên hạ.

Cho nên, có thể nói : Chính trị thối nát, dùng hình phạt tàn khốc, sẽ dẫn đến chỗ anh hùng, hào kiệt khởi nghĩa, đó là nguồn gốc của sự diệt vong.

Thông thường, chặt một cây cành lá xum xuê thì rất khó, đốn một gốc cây mục

thì rất dễ. Thời trước (nhà Chu) phong đất đai theo năm tước chư hầu, như cây lâu ngày cành lá xum xuê. Thời Tần, phân chia theo quận huyện, như lại như gốc cây mục.

Căn cứ lịch sử của các chính quyền, việc phân chia theo chế độ quận huyện thì bình dân dễ quật khởi, họa nhiều hơn phúc; việc theo chế độ phân phong, thì dễ sản sinh ra các chư hầu hợp tung hoặc liên hoành với nhau để tạo thế lực, nhưng phúc nhiều hơn họa.

Nhưng nét chung của cả hai chế độ phân phong và quận huyện, là ở chỗ biết trừ những tệ đoan thì chính quyền mạnh, không trừ tệ đoan thì chính quyền yếu.

Lịch sử cũng cho thấy, từ thời Tần đến nhà Tùy, mất chính quyền thì lập tức bị suy yếu, được thiên hạ thì bền lâu, tất cả đều do hình thế của quốc gia quyết định.

19. TAM QUỐC

Thời Tam quốc, tuy thời gian không dài nhưng có nhiều hào kiệt nổi lên, tranh hùng và cuối cùng chia ba thiên hạ.

Từ đó, nêu nguyên nhân sự xâu xé giữa các thế lực và nêu nguyên tắc về trị lý quốc gia.

1. Tình hình thời Tam quốc :

Năm 190, Đông Trác đốt thành Lạc Dương, vương triều Đông Hán chỉ còn trên danh nghĩa. Các thế lực vùng ở Quan Đông liên minh tôn Viên Thiệu làm minh chủ, cùng tiến công chống Đông Trác.

Đông Trác chạy về phía tây thì liên minh của Viên Thiệu cũng tan rã, các thế lực cát cứ và thôn tính lẫn nhau, sau đó chỉ còn tám thế lực hùng mạnh :

Viên Thiệu chiếm cứ ba châu là Kí, Thanh, Tịnh.

Tào Tháo chiếm hai châu là Nghiêu, Dự.

Lưu Bị, Lã Bố chiếm Từ Châu.

Tôn Sách chiếm cứ Giang Đông.

Công Toản chiếm cứ Từ Châu.

Lưu Biểu chiếm cứ Kinh Châu.

Mã Đằng, Hàn Toại chiếm cứ Lương Châu.

Công Tôn Cự chiếm cứ Liêu Đông.

Trong các thế lực cát cứ, Tào Tháo cướp được con bài Hiến đế, tập trung quyền hành chính trị, lấy đó làm ưu thế để sai khiến các chư hầu.

Sau 67 năm chinh chiến, mười thế lực bị tiêu diệt hết tám, chín, chỉ còn 3 thế lực, thế lực lớn là Ngụy, hai thế lực nhỏ Thục, Ngô.

2. Những chủ nhân đất Thục :

Sách Hoa dương quốc chí cho rằng, theo bát quái, đất Thục thuộc quẻ Khôn, theo địa chi thì thuộc Mùi, cho nên những người Thục thích ăn ngon.

Đất Thục phì nhiêu, rộng cả ngàn dặm, có lịch sử lâu đời, nước này được gọi là một phủ của trời (thiên phủ chi quốc).

Công Tôn Thuật

Dưới thời Vương Bôn, Công Tôn Thuật lấy đất Thục làm căn cứ địa. Công tào Ích Châu là Lý Hùng khuyên Công Tôn Thuật :

- Nay, đất nước loạn lạc, thất phu nổi lên, dân chúng hoang mang. Tướng quân đang trấn giữ vùng đất rộng ngàn dặm, rộng hơn gấp mười lần vua Thang, vua Vũ ngày xưa. Nếu tướng quân lợi dụng tình thế, bố đức, ra uy thì có thể dựng nên nghiệp bá.

Hiện nay, dân chúng ở Sơn Đông rất đói, dân chúng chẳng có cơm ăn, lại thêm nạn binh cách nhiều nường, thành ấp bỏ không.

Đất Thục rộng trên ngàn dặm, đất đai phì nhiêu, sản vật hoa quả không thiếu, lương thực đủ đầy, vải vóc dư dả, lo đủ cho cả cái ăn cái mặc của thiên hạ; gỗ quý, tre trúc dùng hoài không hết; lại thêm, muối, sắt dồi dào, vận chuyển đường thủy thuận lợi.

Bắc có Hán Trung, đường hiểm trở; Đông giữ Ba Quận có thể khống chế được cửa Hán Quan. Địa bàn Thục vuông tròn ngàn dặm, chiến sĩ cả trăm vạn, nếu thời cơ thuận lợi thì xuất binh công thành chiếm đất, nếu bất lợi thì phòng thủ vững chắc, lo việc nông tang. Đông xuống Hán thủy, thì ta như con cọp ngồi nhìn đất Tần; thuận theo dòng Giang Nam, thì uy chấn cả Kinh, Dương. Ta được cả thiên thời, địa lợi, nên hi vọng sẽ thành công. Nay, tôn hiệu chưa định, thiên hạ nghi ngờ, nếu ông lên ngôi thì dân chúng sẽ quy phục.

Công Tôn Thuật nói :

- Đế vương là do thiên mệnh an bài. Tôi có tài đức gì đâu mà xưng làm vua ?

Lý Hùng nói :

- Thiên mệnh đâu phải là bất biến, trăm họ ủng hộ thì có thể làm nên sự nghiệp. Ông còn do dự làm gì ?

Công Tôn Thuật nghe theo Lý Hùng, tự lập làm Thiên tử, đặt quốc hiệu là Thành

gia, tôn sùng màu trắng. Công Tôn Thuật phái các tướng khai thông Bạch Thủy, trấn thủ Nam Trịnh và Hán Quan.

Đến khi Lưu Huyền thất bại, Lưu Tú đem quân bình định ở Sơn Đông, chưa bình định đến vùng Tây Nam, anh hùng hào kiệt vùng này đều theo Công Tôn Thuật.

Kinh Hàm, người Bình Lăng, nói với Công Tôn Thuật :

- Xưa nay, các bậc đế vương hoàn thành công nghiệp thường coi trọng việc dùng binh.

Hiện tại, Quách Ngao thừa cơ chiếm Ung Châu, binh cường ngựa mạnh, mọi người quy phục, uy hiếp Sơn Đông. Lưu Tú mãi lo đánh Sơn Đông, chưa để mắt đến Quan, Lũng, nơi chiếm 3 phần tư thiên hạ.

Nhân cơ hội này, bệ hạ nên xuất kích để tranh giành thiên hạ, nếu như cứ cố thủ, cục cung khép nép thờ Hán thất, thì làm sao làm nên công nghiệp ?

Nếu như bệ hạ xuất binh, tất trong thời gian ngắn bình định được Vô Thủy, tức là đã chiếm được tám chín phần thiên hạ.

Khi đến đất Lương Châu, bên trong nuôi dưỡng làm cho nước có vạn cỗ xe (nước mạnh), đem nhu yếu để cung ứng cho ban quân ở bên ngoài, thì không có gì hay bằng.

Muốn vậy, bệ hạ nên hạ lệnh cho Điền Nhung chiếm Giang Lăng, rồi đến Giang Nam, lợi dụng núi non hiểm trở, xây dựng tu bổ dinh lũy; mặt khác phát mệnh lệnh đến Ngô, Sở thì Trường Sa và phía Nam tất quy phục; rồi xuất binh đến Hán Trung, bình định được Tam Phủ, thì Vô Thủy, Lũng Tây ắt thần phục. Nếu làm được như vậy, thì đại nghiệp sẽ thành.

Công Tôn Thuật liền triệu tập quần thần để bàn bạc. Bác sĩ Ngô Trạ nói :

- Ngày trước Chu Vũ vương phạt Trụ, tám trăm chư hầu tuy không hẹn ước nhưng cũng đến liên minh. Vũ vương tuy có binh lực mà vẫn phải chờ thiên mệnh. Tôi chưa từng nghe vị đế vương nào chỉ dựa vào sự giúp đỡ của những kẻ tả hữu mà xuất binh ra ngoài ngàn dặm cả ?

Kinh Hàm nói :

- Hiện nay, Lưu Tú đang nắm trọn binh quyền, nhưng đó chỉ là đạo quân ô hợp, chưa quen xông pha trận địa, chưa từng giết địch, công thành, có thể phá được. Bây giờ mà ngồi bàn chuyện vua Vũ, thì chi bằng nhường cho Quách Ngao làm Tây Bá cho rồi !

Công Tôn Thuật, không nghe theo kế sách của Kinh Hàm.

Sau này, Lưu Tú sai Sầm Bành và Ngô Hán đem quân đánh Thục, công phá cửa Kinh, đại quân tiến thẳng vào Giang, Quan.

Ngô Hán tiến quân đến tận thành đô, Công Tôn Thuật đem quân ra nghênh

chiến. Công Tôn Thuật bị thương ở phổi, chết. Ngô Hán giết hết vợ con Công Tôn Thuật và hủy diệt cung thất.

Lưu Yên và Lưu Chương :

Thời Đông Hán, chính trị thối nát, hoàng thất gặp nhiều hoạn nạn, anh hùng lại quật khởi, triều đình sai Lưu Yên làm Ích Châu mục. Lưu Yên chết, con là Lưu Chương lên làm Ích Châu mục.

Lưu Bị và miếng đất cấm dùi Tân Dã:

Lưu Bị (161-223), tự Huyền Đức, người huyện Trác, thuộc một chi xa trong hoàng tộc, hậu duệ của Trung Sơn Tĩnh vương Lưu Thắng. Lúc còn nhỏ, cha là Lưu Hoảng mất sớm, Lưu Bị cùng mẹ buôn giày, dệt chiếu để sống.

Năm Lưu Bị 28 tuổi, nhân lúc nhà Đông Hán loạn lạc, được bạn bè, bà con giúp đỡ, bèn chiêu binh mãi mã, liên kết với bạn bè và kết nghĩa với Quan Vân Trường, Trương Phi, ba người thân thiết như ruột thịt, gọi là vườn đào kết nghĩa.

Lưu Bị không mấy thích đọc sách, tính ôn hòa, ít nói, mừng giận không hề lộ ra mặt, có chí lớn, thích kết giao với anh hùng hào kiệt trong thiên hạ.

Dáng người, mình cao bảy thước, hai tai dài xuống gần vai, hai tay buông khỏi đầu gối, mắt trông thấy được tai, mặt đẹp như ngọc, môi đỏ như son.

Khi loạn Khăn Vàng (Hoàng Cân) nổi lên, Lưu Bị chiêu quân toàn anh em bạn bè tham gia đánh Khăn Vàng.

Một thời gian, Lưu Bị không có đất cắm dùi, lang thang như kẻ không nhà, hết nhờ vả người này đến người khác, từ Tôn Toàn, Đào Khiêm, Lữ Bố đến Tào Tháo, Viên Thiệu, Lưu Biểu.

Năm 196, bị Viên Thuật đánh, Lưu Bị nhờ Lữ Bố, đánh thắng Viên Thuật, được Lữ Bố phong làm Sách sử Dự Châu, nên gọi là Lưu Dự Châu.

Ba năm sau, Lưu Bị lại theo Tào Tháo đánh Lữ Bố. Lữ Bố thua trận, bị Tháo bắt trói chặt như trói hổ. Tháo chưa muốn giết Bố, hỏi Lưu Bị. Bị cho rằng để Bố khác nào nuôi hổ. Tháo liền giết Bố.

Trước khi chết, Bố năn nỉ Lưu Bị nói giúp với Tháo một lời nhưng Bị tảng lờ. Lữ Bố chửi rầm lên : “ Mày thật là thằng bất tín ! Thằng tai to kia, mày quên mất công tao bắn kích ở nha môn ”. Lữ Bố chửi cứ chửi. Lưu Bị lơ thì cứ lơ.

Năm 199, nhân cơ hội Tháo sai quân đánh Viên Thuật, Lưu Bị mừng quá, sắm sửa hành trang bốn tẩu, như hổ về rừng như cá về biển.

Lưu Bị chiếm được Từ Châu, hình thành thế đối đầu với Tào Tháo.

Năm sau, Tháo tiến đánh, Lưu Bị bỏ chạy sang nhờ Lưu Biểu, Tháo bắt được vợ con Lưu Bị và tướng Vân Trường.

Lưu Bị lại phải chạy sang Kinh Châu nhờ Lưu Biểu. Lưu Biểu cho Lưu Bị ở Tân Dã.

Lúc này, Lưu Bị như người bệnh trầm kha, quân không đầy một ngàn, không luyện tập, chạy ăn từng bữa.

May nhờ Từ Thúc tiến cử Gia Cát Lượng, Lưu Bị mới có sách lược rõ ràng.

Lưu Bị và Gia Cát Lượng :

Sau ba lần lui tới lều tranh, Lưu Bị đã được Gia Cát Lượng đưa ra Long trung đối sách, còn gọi là Long trung quyết sách gồm tám chữ : Đông hoà Tôn Quyền, Bắc cự Tào Tháo.

Theo Khổng Minh, nhường thiên thời cho Tào Tháo, địa lợi cho Tôn Quyền, riêng Lưu Bị phải lấy nhân hoà làm gốc, nhân hoà là cốt tuỷ của Long trung quyết sách.

Lưu Bị đã nói, sách lược của Khổng Minh đã mở sáng chỗ tối tăm, gạt đám mây đen trông thấy trời xanh cho Lưu Bị.

Cò trai tranh nhau, ngư ông đắc lợi :

Năm 208, Tào Tháo cất 83 vạn quân đánh Đông Ngô, Khổng Minh mượn cánh buồm thuận gió sang Giang Đông thuyết phục Tôn Quyền, Chu Du đánh Tào.

Lúc ngọn lửa Xích Bích nổi lên, Tôn Quyền, Chu Du ham truy sát quân Tào, Lưu Bị, Khổng Minh đã nhanh chân chiếm Nam Quận, Tương Dương và Kinh Châu.

Chu Du nghe tin, tức tối, hậm hực nói với Lỗ Túc : “ Chúng ta dùng mưu lập mẹo, hao binh tổn tướng, tổn kém tiền lương; bọn hăn ngồi ăn cỗ, ta chịu sao được ?” Nhưng việc đã rồi, Chu Du tức cũng đành ngậm bồ hòn.

Lưu Bị nghe lời Y Tịch lấy thêm bốn quận là Võ Lăng, Trường Sa, Quế Dương và Linh Lăng .

Từ đó, Lưu Bị có đất dụng võ, hồi phục được căn bệnh ngặt nghèo, không còn sống vất vả như kẻ vô gia cư nữa.

Khi ở Kinh Châu, Bàng Thống nói với Lưu Bị :

- Kinh Châu hoang tàn, nhân khẩu rất thiếu. Đông thì có Tôn Quyền, Bắc thì có Tào Tháo, cục diện chia thành ba chân vạc đang hình thành. Ích Châu là nước mạnh, dân giàu, bách tính có hơn cả trăm vạn, binh mã, tài vật dồi dào. Nếu chiếm Ích Châu, thì có thể thành việc lớn.

Huyền Đức nói :

- Nay ta đánh nhau với Tào Tháo, như nước địch với lửa, Tháo gấp thì ta chậm rãi; Tháo tàn bạo thì ta nhân nghĩa; Tháo quý quýệt thì ta thực thà; việc gì ta

cũng khác với Tháo thì mới thành công. Nếu vì một chút lợi nhỏ mà bỏ cả tín nghĩa thì ta không làm.

Bàng Thống nói :

- Tình huống khác nhau, thì sách lược phải khác nhau, không nên bo bo giữ đạo nghĩa một cách cứng nhắc. Kiềm tính nước yếu, diệt hôn quân, là việc làm từ thời Ngũ bá, nghịch thì buông thuận thì giữ, đó là sách lược hay. Còn việc nhân nghĩa thì lúc nào báo đáp chẳng được, miễn không thất tín thì thôi. Khi đã có một nước lớn, tha hồ thực hành chữ tín. Nay, không chiếm Ích Châu, thì người ta cũng chiếm mất, lúc đó hối cũng không kịp.

Trong lúc đang bàn bạc, thì Tôn Quyền sai sứ giả đến nói lại ý của Tôn Quyền :

- Trương Lỗ là tai mắt của Tào Tháo, mưu đồ chiếm đoạt Ích Châu, Lưu Chương không thể bảo vệ được mình. Nếu Tháo mà chiếm được Ích Châu, thì Kinh châu sẽ gặp nguy hiểm. Vì vậy, tôi (Tôn Quyền) đánh Lưu Chương, ông (Lưu Bị) tiến công Trương Lỗ, tôi và ông đầu đuôi cứu ứng lẫn nhau, liên hoàn như Ngô - Sở thì dù có mưu Tào Tháo cũng không lo.

Lưu Bị chưa biết trả lời sứ giả Đông Ngô ra sao, thì quan Chủ bạ Ân Quan nói :

- Nếu ta nghe lời Đông Ngô tiến đánh Trương Lỗ, đánh không thắng, quay về lại bị Đông Ngô trở mặt tấn công, thì nguy to.

Lưu Bị nghe xong, liền trả lời sứ Đông Ngô :

- Ích Châu dân giàu nước mạnh, địa thế hiểm trở, Lưu Chương tuy hèn yếu nhưng cũng có thể giữ được. Trương Lỗ tuy là tên dối trá nhưng rất trung thành với Tào Tháo. Hiện nay, quân Trương Lỗ đang đóng quân bên ngoài đất Thục, rừng rậm dài cả vạn dặm, dù cho Ngô Khởi, Tôn Tử cũng khó đánh. Nay, Tào Tháo đã chiếm được hai phần ba thiên hạ rồi, tướng sĩ và ngựa uống cạn cả nước sông, nước biển, lại đang dòm ngó Đông Ngô. Nay, tôi (Lưu Bị) và ông (Tôn Quyền), liên minh đánh Trương Lỗ, Lưu Chương, quả là thất sách.

Nghe sứ giả về bẩm báo, Tôn Quyền biết ý đồ của Lưu Bị, không thuyết việc lấy Ích châu và đánh Trương Lỗ nữa.

Sứ giả Trương Tùng :

Nói về Lưu Chương ở Ích Châu, vốn đã giết mẹ và em của Trương Lỗ, nghe tin Trương Lỗ cất quân vào lấy Tây Xuyên, lấy làm lo lắng.

Trương Tùng hiến kế, nên cầu cứu Tào Tháo để Tháo cử binh đánh Trương Lỗ giải nạn cho Tây Xuyên. Lưu Chương nghe theo.

Trương Tùng vốn người xấu xí, trán gồ nhọn, mũi tẹt, răng vầu, mình lùn không đầy năm thước, tiếng nói oang oang.

Tùng đến Hứa Đô, chờ đợi ba ngày, phải dứt cho lính canh mới ra mắt Tào Tháo.

Tháo thấy Tùng xấu xí, ăn nói lí sự, lại xúc phạm Tháo. Tháo sai người nện cho

Tùng một trận nên thân và đuổi về.

Trương Tùng phải sang Kinh Châu gặp Lưu Bị.

Lưu Bị biết tin Tùng đến, cho Triệu Vân ra tận Aùnh Châu để đón, dâng cơm và rượu.

Vừa đến địa đầu Kinh Châu, lại có Quan Vân Trường, phụng mệnh Lưu Bị, lo quán xá, rượu cơm. Sáng hôm sau, Tùng mới đi mấy dặm, lại thấy Lưu Bị, Khổng Minh đã xuống ngựa đứng chờ.

Lưu Bị mở tiệc ba ngày, đãi đằng Tùng, không hề nói động đến chuyện Tây Xuyên.

Lúc từ biệt về, Lưu Bị lại tiễn ra ngoài 10 dặm, đặt tiệc tiễn đưa, ra chiều lưu luyến. Thấy vậy, Trương Tùng khuyên Lưu Bị lấy Tây Xuyên làm cơ sở và dâng địa đồ Tây Xuyên cho Lưu Bị. Khổng Minh sai Vân Trường tiễn Trương Tùng 20 dặm mới quay lại.

Trương Tùng về Tây Xuyên rồi bàn bạc với Pháp Chính, Mạnh Đạt, khuyên Lưu Chương viết thư mời Lưu Bị vào Tây Xuyên giúp đỡ chống Trương Lỗ.

Bệnh ngoài da và bệnh gan ruột :

Mưu thần của Lưu Chương là Hoàng Quyền đòi chém Trương Tùng, tuyệt giao

với Lưu Bị và khuyên Lưu Chương đắp thành cao hào sâu để phòng thủ. Còn Hiệp Luỹ thì phân tích :

- Trương Lỗ xâm phạm bờ cõi chẳng qua là cái mặt ghẻ ngoài da, nhưng mời Lưu Bị vào Tây Xuyên thì khác nào bệnh ở trong lục phủ, ngũ tạng.

Huống chi Lưu Bị là con thú dữ ở đời, trước kia theo Tào Tháo rồi muốn hại Tháo; sau nhờ Tôn Quyền, liền cướp Kinh Châu. Xem tâm địa như thế, thì ở với nhau làm sao được. Nếu Bị vào đây, chắc Tây Xuyên hỏng mất !

Chương mắng :

- Chớ nói càn ! Huyền Đức là họ hàng với ta, có đâu nỡ cướp cơ nghiệp của ta !

Nói xong đuổi Hoàng Quyền, Hiệp Luỹ ra; sai Pháp Chính đi sứ.

Mùa đông năm ấy, Lưu Bị đem năm vạn quân, rầm rộ tiến vào Tây Xuyên. Bàng Thống làm quân sư Hoàng Trung làm tiền bộ, Ngụy Diên làm hậu quân, còn Lưu Bị với Quan Bình, Lưu Phong đi trung quân.

Lưu Bị ra lệnh rất nghiêm, quân sĩ ai xâm phạm một chút của dân là bị chém.

Nhân dân dắt già, ẵm trẻ, đứng xem chật đường, đốt hương lễ bái. Lưu Bị dùng lời lẽ ôn tồn uỷ lạo.

Pháp Chính đem quân ra đón. Sau đó, Lưu Chương cũng đem ba vạn quân mã và hơn ba ngàn xe lương thực ra Bồi Thành đón Lưu Bị.

Hiệp Luỹ tự treo mình ở cửa thành, viết thư can ngăn Lưu Chương. Chương không nghe. Luỹ tự cắt dây, rơi xuống chết.

Hai cạp cùng chung một núi :

Trong ba năm cùng đánh Trương Lỗ, Lưu Chương lúc nghe Hoàng Quyền, lúc thì tin Lưu Bị, tình thế của Lưu Bị lâm vào cảnh rất nguy hiểm.

Bàng Thống thấy thế, nói với Lưu Bị :

- Hiện tôi có ba kế để đoạt Ích Châu : Bí mật phái người đến đốc thúc các đạo quân tinh nhuệ của ta quay lại, ngày đêm gấp rút chiếm cách thành trì, Lưu Chương không phòng bị, trở tay không kịp, đó là thượng sách.

Dương Hoài, Cao Bái là hai tướng giỏi, nắm hết quân đội, hai người này đã nhiều lần dâng thư khuyên Lưu Chương đừng để ta vào đất Thục, Lưu Chương không nghe. Vậy, ta giả tung tin là Kinh Châu có việc gấp, ta sẽ rút quân về, hai người này thế nào cũng đến tiễn đưa ta, nhân đó mà bắt giam vào ngục, thì ta sẽ nắm hết quân đội và chiếm lấy Ích Châu, là trung sách.

Hoặc là ta tạm rút quân về Bạch Đế để Kinh Châu có thể cứu ứng kịp thời, đó là hạ sách. Nếu không thực hiện ba kế sách này, thì rất nguy hiểm.

Lưu Bị thực hành theo trung sách của Bàn Thống để chiếm Ích Châu. Lưu Chương hàng Lưu Bị. Bị cho Chương làm Trấn Oai tướng quân, ở huyện Công An.

Lưu Bị lấy được Tây Xuyên, nghe lời Triệu Vân, trả ruộng đất cho dân. Còn Gia Cát Lượng thì đặt ra pháp luật cai trị. Từ đó, quân dân yên ổn, Lưu Bị chia quân giữ khắp 41 châu, đâu đâu an cư lạc nghiệp.

Lưu Bị khởi binh, không có đất cắm dùi, sau được Kinh Châu nhưng chưa phải chốn yên thân, mé Đông có Tôn Quyền như hổ nhe nanh, mé Bắc có Tào Tháo như kình há miệng; lúc được Tây Xuyên thì như cất cánh bay lên, không sợ ai đè nén nữa.

Lưu Bị xưng đế :

Năm 119, Tào Phi xưng đế. Hai năm sau, Lưu Bị cũng xưng đế ở Thành Đô, phong Gia Cát Lượng làm Thừa tướng, lấy quốc hiệu là Hán, sử sách gọi là Thục Hán.

Như đã nói, năm 223, sau khi đàn quân đánh Ngô, phục thù cho Vân Trường, bị thất bại, Lưu Bị hồi hận, ốm và mất.

Lưu Bị mất, Lưu Thiện lên nối ngôi.

Thục – Ngô liên minh :

Sau khi Lưu Bị mất, Khổng Minh cho mời Đặng Chi, tự Bá Miêu, đến, hỏi rằng :

- Nay, Thục, Ngô, Ngụy chia ba như thế chân vạc, ta muốn đánh hai nước kia để thống nhất thiên hạ, thì nên đánh nước nào trước ?

Đặng Chi thưa :

- Cứ như ý tôi, Ngụy tuy là giặc nhà Hán như thế to lắm, khó lay chuyển nhưng từ từ tính liệu mới xong. Nay, chúa thượng vừa lên ngôi, dân chưa được yên, hãy nên hòa với Đông Ngô, kết làm môi răng, giải cái oan cũ của tiên đế xưa. Đó là kế lâu dài, không biết ý thừa tướng ra sao ?

Khổng Minh tâu với nhà vua, cử Đặng Chi đi sứ Đông Ngô.

Đông Ngô được tin Tây Thục sai sứ đến. Trương Chiêu nói :

- Đây là mẹo của Gia Cát Lượng lui quân, sai Đặng Chi sang thuyết khách chứ gì !

Quyền hỏi :

- Nên xử ra sao ?

Chiêu nói :

- Ta nên đặt một cái vạc to chứa vài trăm cân dầu trước điện, đun sôi sùng sục; lại kén hơn ngàn võ sĩ lực lưỡng, to lớn, cầm đồ khí giới từ cửa cung đến trước điện.

Rồi triệu Đặng Chi vào ra mắt, ta nên mắng phủ đầu, đừng để cho hắn mở mồm nói trước; bắt chước Lịch Tự Cơ đến dụ nước Tề, mà mồi bụng ra, xem hắn ứng đối thế nào ?

Quyền sai người làm y lời Trương Chiêu, rồi cho triệu Đặng Chi vào.

Chi áo mũ chỉnh tề, đi vào cửa cung, thấy hai bên võ sĩ oai phong凛冽, kẻ thì đao to, búa lớn, người thì gươm ngắn giáo dài, đứng sắp hàng đến tận cửa điện.

Chi hiểu ý, ngang nhiên đi vào. Đến trước điện, lại thấy cái vạc dầu đang sôi. Các võ sĩ đưa mắt nhìn Đặng Chi. Đặng Chi cười tủm tỉm.

Cận thần đưa Chi đến trước rèm Tôn Quyền, Chi chỉ vái dài, không lạy.

Quyền sai cuốn rèm lên, mắng :

- Sao ngươi không lạy ?

Chi đáp :

- Thiên sứ nước lớn không lạy chúa nước nhỏ !

Quyền nổi giận mắng :

- Người không biết liệu sức, muốn bắt chước Lịch Sinh đến dụ nước Tề phải không ? Biết điều thì nhảy vào vạc dầu cho sớm !

Đặng Chi cười âm lên, nói :

- Ai cũng nói Đông Ngô, không ngờ lại sợ một tên học trò ?

- Ta sợ gì một đứa thất phu ?

Chi nói :

- Nếu sợ, thì Đặng Bá Miêu này can cố gì lại lặn lội đến đây mà dạy bảo cho các người ?

Quyền hỏi :

- Gia Cát Lượng sai người làm thuyết khách, đến dỗ ta bỏ Ngụy mà quay về với Thục chứ gì ?

Chi nói :

- Ta tuy là một người học trò nước Thục, chỉ vì lợi hại của nước Ngô mà tới đây, thế mà nước Ngô lại dàn quân đùn vạc, để dọa một sứ giả, sao mà lòng dạ hẹp hòi đến thế ?

Quyền nghe nói, có vẻ hổ thẹn, quát mắng võ sĩ lui ra, mời Chi lên điện ngồi tử tế, hỏi rằng :

- Việc Ngô – Thục lợi hại ra làm sao, xin tiên sinh chỉ dạy, cho biết ?

Đặng Chi hỏi :

- Đại vương muốn hòa với Thục hay hòa với Ngụy ?

Quyền nói :

- Ta muốn hòa với Thục nhưng chỉ ngại Thục chủ còn ít tuổi, kiến thức nông nổi, không giữ được thủy chung mà thôi !

Chi nói :

- Đại vương là một đấng anh hào trên đời, Gia Cát Lượng cũng là bậc tuấn kiệt; Thục có núi non hiểm trở, Ngô có ba sông vững bền. Nếu hai nước liên hòa với nhau, kết làm môi răng, tiến lên thì có thể nuốt được thiên hạ, lui về có thể giữ được thế chân vạc.

Nay, nếu đại vương xưng thần với Ngụy, Ngụy tất bắt đại vương vào châu, bắt gửi thái tử làm con tin; nếu đại vương không nghe tất Ngụy cất quân sang đánh; Thục bấy giờ cũng thuận dòng tiến sang. Như thế, đất Giang Nam không còn là của đại vương nữa.

Nếu đại vương cho lời nói của tôi là không phải, tôi xin chết ngay trước mặt đại vương, cho tuyệt nòi, tuyệt giống thuyết khách đi !

Nói xong, cởi áo, xăm xăm định nhảy vào vạc dầu. Quyền vội cho người ngăn lại, mời vào đại điện, trọng đãi hàng thượng khách.

Quyền nói :

- Lời tiên sinh hợp với ý ta lắm, ta muốn hòa với Thục chủ, tiên sinh nói giúp cho ta được không ?

Đặng Chi nói :

- Mới rồi đại vương muốn giết tôi, bây giờ đại vương muốn sai tôi, đại vương còn phân vân chưa quyết như thế, thì làm sao cho người ta tin được ?

Quyền nói :

- Ý ta đã quyết, tiên sinh chớ nghi ngại !

Quyền lưu Đặng Chi lại, rồi sai Trương Ôn đi sứ sang Thục.

Từ đó, Ngô tuyệt giao với Ngụy và liên minh với Thục.

Thục mất về tay nhà Ngụy :

Sau khi Khổng Minh mất. Ngụy sai tướng Đặng Ngải đánh Thục.

Quân Thục đại bại. Lưu Thiện đầu hàng Ngụy.

Thời Tây Tấn và Nam triều

Thời Tây Tấn, Lý Đặc chiếm cứ đất Thục. Lý Đặc bị đại tướng nhà Tấn tie76u diệt.

Thời Nam Triều, Tiêu Tung giết Thứ sử Ích Châu là Mao Cừ, tự lập làm vua. Sau này, bị đại tướng nhà Tống là Chu Linh Thạch đem quân giết Tiêu Tung.

Tình hình đất Thục trước và sau thời Tam quốc là như vậy.

2. Các chủ của đất Ngô :

Theo thiên văn, nước Ngô và Việt thuộc hai sao Ngưu và Đẩu; những vùng như Cối Kê, Cửu Giang, Đơn Dương, Dự Chương , Lô Giang, Quảng Lăng, Lâm Hoài, thuộc về Ngô; những vùng như Thương Ngô, Tích Lâm, Hợp Phố, Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam, Nam Hải, thuộc về Việt.

Người xưa cho rằng, những người ở vùng Trường Giang, Ngũ Hồ, thân thể nhẹ nhàng, cuộc sống trôi nổi nhưng không dễ lung lạc, chỉ có chính đạo mới thu phục được họ. Quốc gia có đạo thì họ quy phục, quốc gia vô đạo thì họ quay lưng lại.

Sách Tả truyện viết : “ Nước Ngô giống con heo lớn, như con rắn to, có thể nuốt nước được nước lớn, nếu có tai họa thì cũng sống ngắc ngoải khá lâu”.

Anh Bố :

Dưới thời nhà Hán, nghe tin Anh Bố làm phản, Lưu Bang nửa tin, nửa ngờ, liền họp quần thần thương nghị. Nhữ Nam hầu là Đổng Công tâu:

- Tôi biết một người tên là Tiết Công, nước Sở, rất giỏi mưu lược, có thể hỏi ông ta.

Lưu Bang cho mời Tiết Công đến. Tiết Công nói :

- Anh Bố mưu phản có gì là lạ ? Nếu Anh Bố dùng thượng kế, thì nhà Hán sẽ mất Sơn Đông, dùng hạ kế thì thắng bại chưa rõ, dùng hạ kế, thì bệ hạ chẳng có gì mà lo lắng thái quá.

Lưu Bang hỏi :

- Thế nào gọi là thượng kế, trung kế và hạ kế ?

Tiết Công nói :

- Thượng kế, Đông chiếm được Ngô, Tây chiếm được Sở, thì thôn tính được Tề và Lỗ, rồi hiệu lệnh cho cả Yên, Triệu, cố thủ ở những nơi này, thì Sơn Đông xem thuộc về Anh Bố rồi.

Trung kế, Đông chiếm Ngô, Tây chiếm Sở, kiêm tính Hàn, Triệu, khống chế lương thực vùng Ngao, Thương, trấn thủ ở Thành Cao, thì thắng bại chưa rõ.

Hạ kế, Đông chiếm Ngô, Tây lấy đất Sái, chú trọng vào nước Việt, thủ Trường

Giang, thì bộ hạ cứ gối cao mà ngủ ngon, chẳng có gì mà phải lo.

Lưu Bang hỏi :

- Thế thì hãn (Anh Bõ) sẽ dùng kế sách nào ?

Tiết Công nói :

- Anh Bõ sẽ dùng hạ kế.

- Vì sao hãn không dùng thượng kế và trung kế ?

Tiết Công nói :

- Nay Anh Bõ lấy Li Sơn là căn bản, là nơi khó phát triển thành một nước lớn. Hơn nữa, ông ta chỉ những việc trước mắt, không thấy những việc lâu dài. Cho nên, tôi đoán ông ta chỉ dùng được hạ sách.

Lưu Bang khen :

- Hay !

Quả nhiên Anh Bố hành động đúng theo dự đoán của Tiết Công.

Ngô vương Lưu Ty :

Sau này, Ngô vương là Lưu Ty mưu phản. Đại tướng Điền Lộc Bá hiến kế cho Lưu Ly :

- Nếu xuất phát chỉ có bộ binh, không có quân kỵ đột phát ở bên ngoài, thì rất khó thành công. Nay, tôi tự nguyện lãnh năm vạn quân kỵ, thuận theo sông Hoài đoạt lấy Hoài Nam, Trường Sa, công Vũ Quan rồi cùng hợp lại với đại vương, thì có thể thành công.

Thái tử của Ngô vương lại can Ngô vương :

- Quân đại vương mang tiếng là đội quân mưu phản, cho nên không thu nạp những cánh quân khác, không chừng họ trở giáo với quân ta thì nguy to.

Ngô vương không nghe ai cả.

Sau đó, một tiểu tướng tên là Hoàn, tâu rằng :

- Quân ta phần nhiều là bộ binh, có thể chiến đấu những nơi có địa hình gập ghềnh khúc khuỷu, khó giao chiến ở những nơi bằng phẳng. Quân Hán, phần đông là kỵ binh chiếm ưu thế những nơi bình địa. Hơn nữa, đại vương phải tiến nhanh về Tây, chiếm Lạc Dương, nơi có nhiều quân trang, quân dụng, đánh giữa

hai vùng Lương – Sở để lấy lương thực, dựa vào núi sông hiểm trở, rồi phát hiệu lệnh cho chư hầu. Tuy chưa nhập quan nhưng cục diện đã định. Nếu như đại vương tiến binh chậm, rồi cứ rề rà ở các thành thị, quân kị của nhà Hán đến rất nhanh, chiếm được vùng Lương – Sở thì ta rất bất lợi.

Ngô vương lại mời các lão tướng đến bàn. Mấy lão tướng nói :

- Anh này trẻ tuổi hăng hái, thích mạo hiểm, kế sách chẳng có gì là hoàn bị cả.

Ngô vương không nghe kế sách của Hoàn tướng quân. Lưu vương thống suất toàn bộ binh mã. Cuối cùng, Ngô vương bị Thái úy Chu Á Phu, nhà Hán, đánh bại.

Hoài Nam vương :

Cha Hoài Nam vương Lưu An là Lưu Trường bị triều đình bắt giam vào ngục và chết, ông ta án triều đình và muốn làm phản, Hoài Nam vương hỏi Ngũ Bì :

- Ta muốn hưng binh tiến về hướng Tây, chư hầu sẽ hưởng ứng, giả sử có người không hưởng ứng thì làm thế nào ?

Ngũ Bì thưa :

- Nam giữ Hành sơn tiến đánh Lô Giang, thu thập thuyền bè ở Tầm Dương, rồi khống chế Thủy thành ở Cửu giang, cắt đường thông với Dự Chương, rồi dùng

cung nỏ cứng để giữ. Đông giữ Giang Đô, Cối Kê, thông với đất Việt. Nếu được như vậy thì có thể xưng hùng ở giữa vùng Giang – Hoài.

Hoài Nam vương khen :

- Sách lược ấy rất hay.

Tuy vậy, âm mưu của Hoài Nam vương sớm bại lộ, bị triều đình giết chết.

Tôn Kiên, Tôn Sách :

Đến đời Hán Linh đế, Hiến đế, hoạn quan chuyên quyền, đại quyền của triều đình bị lọt vào tay các thần tử.

Lúc ấy, Tôn Kiên giết thái thú Trương Tư để chiếm Trường Sa, Viên Thuật cũng thừa cơ chiếm Nam Dương làm căn cứ. Tôn Kiên và Viên Thuật liên minh với nhau chiếm Kinh Châu của Lưu Biểu.

Tôn Kiên chết, Tôn Sách lên thay, Tôn Sách đem binh đánh bại thứ sử Dương Châu là Lưu Dao, nhân đó chiếm cứ Giang Đông và vẫn liên minh với Viên Thuật.

Khi nghe tin Viên Thuật tự xưng làm vua, Tôn Sách gửi thư khuyên Viên Thuật không nên sớm xưng vương. Viên Thuật không nghe. Tôn Sách tuyệt giao với Viên Thuật.

Khi Tào Tháo với Viên Thiệu tranh hùng tại Quan Độ, Tôn Sách chuẩn bị vượt sông đánh chiếm Hứa Xương. Tào Tháo và các tướng tá nghe tin Tôn Sách vượt sông, ai nấy đều kinh hoảng. Mưu sĩ Quách Gia thưa với Tào Tháo rằng :

- Tôn Sách là anh hùng hào kiệt, sức lực hơn người, một mình dẫn trăm vạn quân, bỏ thuyền tiến vào Trung Nguyên là quá khinh suất. Cho nên, chỉ cần một tên thích khách giết ông ta là đủ.

Nghe vậy, Tào Tháo rất yên lòng.

Quả nhiên, Tôn Sách chết vì thích khách. Tôn Sách chết, em là Tôn Quyền lên thay.

Tôn Quyền :

Diện mạo Tôn Quyền được miêu tả như sau : Cằm vuông, miệng lớn, mắt biếc, râu tía, hình dong kì vĩ, cốt cách dị thường.

Trước khi chết, Tôn Sách nói với Tôn Quyền : “Quyết hơn thua giữa ta và địch, tranh hùng cùng thiên hạ thì em không bằng anh. Nhưng cất người hiền, dùng người tài, khiến ai cũng hết sức khâm phục, giữ đất Giang Đông, thì anh không bằng em ”.

Lúc ấy, Quyền làm chủ sáu quận nhưng tình hình chính trị bất ổn, vì bộ tộc Việt Sơn ở vùng Giang Nam không phục Tôn Sách, thường hay gây bạo loạn.

Để ổn định tình hình, Tôn Quyền thực hiện hai sách lược là chiêu hiền đãi sĩ và thu phục bộ tộc Việt Sơn.

Tôn Quyền rất trọng vọng các cựu thần như Chu Du, Trương Chiêu, lại mời thêm được Lỗ Túc, Gia Cát Cẩn, Cỗ Ung.

Tôn Quyền cho mở một nhà tiếp khách ở Ngô Hội, sai Cỗ Ung, Trương Hoành ra đón đãi tân khách bốn phương.

Suốt mấy năm liền, họ tiến cử lẫn nhau rất nhiều : Hám Trạch, Nghiêm Tuấn, Kính Văn, Trình Bình ... khách tứ phương tấp nập tới Giang Đông. Tôn Quyền trọng đãi rất trọng thể.

Lại được những tướng giỏi như Lã Mông, Lục Tốn, Từ Thịnh, Phan Chương, Đinh Phụng.

Lợi dụng lúc Tào Tháo và Viên Thiệu tranh hùng, Tôn Quyền đem toàn lực trấn áp, thu phục bộ tộc Việt Sơn, bổ sung thêm được trên 50 vạn nhân khẩu.

Tôn Quyền oai chấn Giang Đông và rất được lòng dân.

Tôn Quyền và Kinh khẩu đối sách :

Một hôm, các quan về cả, Quyền mời Lỗ Túc ở lại uống rượu.

Đến tối, nằm cùng giường, gác chân lên nhau. Nửa đêm, Quyền hỏi Túc :

- Nay nhà Hán suy yếu, bốn phương rối loạn, ta nối nghiệp cha anh, muốn làm việc Hoàn công, Văn công, ông có kế gì dạy bảo ta không ?

Túc nói :

- Xưa, Cao tổ nhà Hán muốn tôn Nghĩa đế mà không làm được, là vì Hạng Vũ làm trở ngại.

Nay, ví Tào Tháo như Hạng Vũ, tướng quân làm thế nào mà làm được những việc như Hoàn công và Văn công đã làm ?

Tôi nghĩ, nhà Hán không thể phục hưng, Tào Tháo cũng không thể trừ được tướng quân, tướng quân chỉ nên giữ Giang Đông, để xem những biến cố trong thiên hạ.

Nay nhân phương Bắc lăm việc, ta hãy trừ Hoàng Tổ, đánh Lưu Biểu, lấy hết các miền quanh Trường Giang, dựng hiệu để vương để tính việc lớn. Đó là sự nghiệp Hán Cao tổ.

Tôn Quyền mừng lắm, mặc áo, đứng dậy và tạ ơn Lỗ Túc.

Quyền biết Lỗ Túc rất có hiếu với mẹ, hôm sau đưa quần áo, biếu mẹ của Lỗ Túc.

Đối sách của Tôn Quyền gồm ba bước :

Thứ nhất, làm cho Giang Đông vững vàng. Thứ hai, phát triển thế lực, mở rộng chiếm Kinh Châu, thượng du Trường Giang. Thứ ba, gồm thủ thiên hạ.

Các kế sách trên, gọi chung là kinh khẩu đối sách.

Diệt Hoàng Tổ :

Một hôm, Cam Ninh nói với Tôn Quyền :

- Nay, vận nhà Hán mỗi ngày một suy, Tào Tháo tất cướp ngôi vua và cướp Nam Kinh. Lưu Biều không có chí lớn, con cái lại ngu hèn, không thể giữ nổi cơ nghiệp. Minh công nên tính sớm, nếu chậm thì Tào Tháo nâng tay trên mắt.

Giờ đây, nên đánh Hoàng Tổ trước. Hoàng Tổ già rồi nên lú lẫn, lại tham lam, xâm phạm của dân, ai cũng oán ghét, khí giới bỏ rì, quân không có kỉ luật.

Nếu Minh công sang đánh, tất phá được Hoàng Tổ. Phá được Tổ rồi, khuê trống vào phía Tây, giữ cửa sở đánh lấy Ba Thục, như thế nhất định nghiệp bá tất

thành.

Tôn Quyền mừng rỡ nói :

- Đó thật là những lời vàng ngọc !

Liên cử Chu Du làm đại tướng, tổng chỉ huy lực quân, Lã Mông làm tiền bộ tiên phong, Đồng Tập, Cam Ninh làm phó tướng; Quyền tự dẫn 10 vạn quân đi đánh Hoàng Tổ.

Hoàng Tổ đại bại, bỏ Giang Hạ chạy về Kinh Châu, lại bị Cam Ninh mai phục, bắn rồi chặt đầu Hoàng Tổ đem về cho Tôn Quyền.

Quyền muốn chia quân giữ Giang Hạ. Trương Chiêu bàn :

- Không nên giữ cái thành trở trối ấy làm gì ! Hãy rút quân về Giang Đông. Lưu Biểu được tin ta giết Hoàng Tổ, tất lại báo thù; ta đem quân nghỉ ngơi đánh quân khó nhọc, chắc chắn Lưu Biểu sẽ thua, ta thừa thế đánh rần thì Kinh Tương nhất định về tay ta.

Liên minh với Lưu Bị chống Tào :

Năm 208, sau khi thu tóm phương Bắc, Tào Tháo nghe lời Tuân Du, một mặt mời Tôn Quyền hội thảo ở Giang Hạ, cùng bắt Lưu Bị và chia xẻ Kinh Châu, mặt khác điểm binh mã, hư trương thanh thế, muốn Quyền sợ hãi mà đầu hàng.

Lúc ấy Tôn Quyền đóng quân ở Sài Tang, được tin đại quân đến Tương Dương, Lưu Tôn đã ra hàng mà quân Tào sớm khuya sẽ đến Giang Lăng.

Quyền bèn họp các mưu sĩ để bàn kế phòng thủ. Lỗ Túc nói :

- Kinh Châu tiếp giáp với nước ta, giang sơn hiểm trở, nhân dân giàu có, nếu chiếm được đất ấy, thì đủ để dựng nghiệp đế vương.

Nay Lưu Biểu mới chết, Lưu Bị mới thua, tôi xin phụng mệnh sang Giang Hạ viếng tang, nhân tiện phủ dụ các tướng của Lưu Biểu đồng tâm hiệp lực, nếu Lưu Bị nghe theo thì việc lớn chắc xong.

Tôn Quyền nghe theo.

Khổng Minh nhân cơ hội đó sang Giang Đông thuyết Chu Du và Tôn Quyền liên minh cùng chống Tào.

Trận Xích Bích, Tào Tháo đại bại :

Có người cho rằng, Tào Tháo phạm sai lầm trong việc dùng binh : Quân đội không quen thủy thổ, nhiều người đau ốm; quân sĩ không quen đánh thủy; mùa đông rét mướt, ngựa không có cỏ khô mà ăn; phía sau lưng có còn nhiều cái họa Mã Đằng, Hàn Toại.

Hơn nữa, Tháo lại liên tiếp trúng kế của Khổng Minh và Chu Du : Kế liên hoàn của Bàng Thống, kế phản gián của Chu Du, khổ nhục kế của Hoàng Cái; đặc biệt là hỏa công và mượn ngọn gió đông của Khổng Minh. Kết cục, 80 vạn quân Tào tan rã, Tháo suýt chết về tay Hoàng Cái và Quan Vũ.

Sau chiến thắng Xích Bích, Tào Tháo rút quân về phương Bắc, Tôn Quyền xưng hùng ở Giang Đông.

Chí của Tôn Quyền :

Chu Du bàn với Tôn Quyền :

- Hiện nay Tào Tháo đã thất bại, nội bộ không ổn, không còn sức lực để giao chiến với tướng quân. Ta nên cử tướng Tôn Du tiến binh vào đất Thục, lấy Thục xong thì tính nốt đến Trương Lỗ, sau đó giữ vững đất Thục, thì vừa có cả trong ứng ngoại viện. Rồi ta chiếm Tương Dương, uy hiếp Tào Tháo, đó là kế hay.

Tôn Quyền nghe theo kế sách của Chu Du. Nhưng Chu Du chết, Tôn Quyền không thực hiện được kế sách.

Ngụy tiếp tục đánh Ngô :

Hoàng Vũ nguyên niên, Ngụy vương Tào Tháo sai đại tướng Tào Nhân đem 10 vạn binh mã đánh Nhu Tu, bị Chu Hoàn đánh bại.

Bảy năm sau, Ngụy vương Tào Tháo lại sai Đại tư mã Tào Hưu đem 10 vạn binh mã đánh Hoàn thành.

Nghe tin, Tào Hưu đem quân đánh Hoàn thành, Chu Hoàn nói với Tôn Quyền:

- Tào Hưu là bà con thân thích với Tào Tháo nên mới được làm tướng chứ không phải là tướng giỏi. Hắn sẽ bị đại bại. Khi bại trận hắn sẽ chạy đến Hiệp Thạch, nơi đây chỉ có 2 con đường nhỏ, đường lại ngoắc ngoắc, ta chỉ cần một vạn tinh binh mai phục ở đó, tất diệt được Tào Hưu, nếu thừa thắng ta tiến đến Thọ Xuân, Hoài Nam, thừa cơ uy hiếp Lạc Dương.

Tôn Quyền hỏi Lục Tốn. Tốn cho rằng chiến lược trên khó thi hành. Tôn Quyền nghe Lục Tốn.

Tào Hưu bị tướng giữ Hoàn Thành là Chu Phương lừa, bại trận phải lui binh.

Tôn Quyền nắm giữ Giang Đông 50 năm, làm vua 24 năm, mất năm 71 tuổi.

Đông Ngô bị diệt:

Tôn Quyền chết. Tôn Hạo lên thay. Tôn Hạo dâm dật, xa xỉ, lạm sát, tin dùng gian thần, nước Ngô càng ngày càng suy yếu.

Đến đời, Tấn Thế tổ vua nhà Tấn sai tướng Đỗ Dự phát binh tiêu diệt Đông Ngô.

Đất dụng võ của nhà Đông Tấn :

Đến đời Tấn Nguyên đế, Trung nguyên phát sinh biến loạn, Nguyên đế vượt Trường giang đến Giang Đông lập nên nhà Đông Tấn. Sau này, các nhà Tống, Tề, Lương, Trần đều dùng đất Giang Đông làm đất dụng võ.

4. Ngụy :

Tào Tháo : Tào Tháo tiểu tự là A Man, có tên nữa là Cát Lợi.

Lúc Tháo còn trẻ, thích săn bắn, ham múa hát, nổi tiếng là tay cơ biến, quyền mưu.

Người chú thấy Tháo chơi bời vô độ, giận mách với cha Tháo là Tào Tung. Bị cha trách mắng, Tháo nghĩ ra một kế (vô trung sinh hữu).

Thấy ông chú đến, Tháo vội nằm lăn ra đất làm như bị trúng phong.

Người chú thấy vậy, cả sợ vội đến báo với Tào Tung. Tung vội chạy lại xem, thấy Tháo chẳng bệnh gì cả, bèn hỏi :

- Chú mày nói mày trúng phong. Nay đã khỏi rồi chẳng ?

Tháo nói :

- Thừa cha ! Từ thuở bé tới giờ con có bệnh ấy đâu. Chẳng qua chú thù ghét con, nên đặt điều đẩy thôi.

Tung tưởng thật.

Từ đấy, người chú có kể tội Tháo, thì Tào Tung cũng không buồn nghe. Nhân thế, Tháo càng phóng đảng hơn xưa.

Bấy giờ, có một người tên là Kiều Huyền, bảo Tháo :

- Thiên hạ sắp đại loạn, nếu không có người tài giỏi thì không dẹp được. Xem ra, người làm được việc này chỉ có bác !

Hà Ngung, người đất Nam Dương, cũng tán vào :

- Nhà Hán sắp mất, yên được thiên hạ chỉ có Tào Tháo.

Hứa Thiệu, đất Nhữ Nam, có tiếng là tài giỏi biết người. Tháo đích thân đến hỏi. Thiệu nói :

- Anh là năng thần của đời trị và gian tà của đời loạn.

Tháo nghe nói, mừng lắm.

Năm 20 tuổi, Tháo thi đỗ hiệu liêm, được bổ làm quan lang, sau lại được thăng chức đô úy huyện Lạc Dương.

Lúc mới nhậm chức, Tháo sai treo hơn mười cái roi ngũ sắc ở bốn cửa huyện, không kể hào quý, hễ ai phạm pháp đều không tha.

Chú quan trung thường là Kiến Thạc vác giao đi đêm. Tháo đi tuần bắt được, cũng đem nọc đánh ngay.

Bởi thế, trong ngoài kinh sợ, không ai dám làm trái phép.

Sau, Tháo lại được phong chức lệnh doãn Đốn Kì.

Năm 184, Khăn Vàng nổi loạn, Tháo được thăng chức đô úy, đem năm trăm ngàn quân kị mã và bội binh đến giúp Dĩnh Xuyên.

Tình cờ giữa đường gặp Trương Lương, Trương Bảo thua chạy, Tháo đón đánh một trận kịch liệt, chém hơn một vạn người, cướp được cờ, trống, ngựa, khí giới rất nhiều. Trương Lương, Trương Bảo liêu chết mới chạy thoát.

Tháo vào hội kiến Hoàng Phủ Tung, Chu Tuấn, rồi lại dàn quân đuổi Trương Lương, Trương Bảo.

Hai năm sau, triều đình nội loạn, Đồng Trác đem quân về phế Thiếu đế, lập Hiến đế làm nhiều điều tàn bạo.

Trong tiệc rượu ở nhà Vương Doãn, các quan bàn việc trừ Đồng Trác. Tháo tự nguyện vào tận tướng phủ dùng bảo đao đâm chết Đồng Trác.

Việc ám sát không thành, Tháo chạy về Trần Lưu. Giương cao ngọn cờ nhân nghĩa :

Sau khi ám sát hụt Đồng Trác, Tào Tháo chạy về Trần Lưu, làm tờ hịch phát đi các đạo, dựng ngọn cờ trắng đề hai chữ nhân nghĩa để chiêu tập binh mã trừ Đồng Trác.

Chỉ có mấy ngày, thiên hạ kéo đến đông như nước chảy. Tháo còn gửi hịch đi các trấn, các trấn đều khởi binh hưởng ứng.

Tào Tháo giết trâu, mổ ngựa, hội 18 chư hầu, bàn việc tiến binh. Các chư hầu tôn Viên Thiệu làm minh chủ.

Khi Đồng Trác bắt vua thiên đô từ Lạc Dương đến Trường An thì chư hầu không muốn tiến quân đánh Đồng Trác nữa.

Tào Tháo hỏi Viên Thiệu :

- Nay董卓 đã kéo về Trường An, ta thừa thế đuổi theo mới phải, Bản sơ
đóng quân tại đây là ý làm sao ?

Viên Thiệu đáp :

- Chư hầu đều mỗi một, đuổi theo tôi sợ không được việc gì !

Tháo nói :

- Thằng giặc董卓 đối cung thất, bức vua thiên đô; trong nước rối động, dân
không biết theo ai. Ấy là lúc trời hại nó đấy. Nhân lúc này, đánh một trận là yên
thiên hạ, sao các ông không đánh ?

Chư hầu đều nói :

- Ta không nên kinh động.

Tháo nói :

- Đồ trẻ con, không đáng mưu việc lớn !

Nói xong, Tháo cùng các tướng tá ngày đêm đuổi theo Đông Trác, nhưng bị thua ở Vinh Dương, đành phải trở về.

Viên Thiệu sai người đón Tháo vào trong trại, mở tiệc giải sầu.

Trong lúc uống rượu. Tháo nói :

- Ta trước kia, khởi nghĩa lớn, cốt là vì nước trừ hại. Các ông đã có bụng trượng nghĩa đến với tôi; ý tôi muốn phiên Bản sơ đem quân Hà Nội sang đóng ở Mạnh Tân; còn các quân Toan, Tào giữ cửa ải Ngao Thương, ngăn Hoàn Viên, Đại Cốc, không chế những nơi hiểm yếu.

Công Lộ đem quân Nam Dương đóng ở Nam Triết, tiến vào cửa Vũ Quan để làm cho cái uy thế ở Tam Phụ lớn lên.

Nơi nào cũng thành cao, hào sâu, không đánh nhau chỉ giữ làm nghi binh để cho thiên hạ rõ hình thế, cho ta là kẻ thuận đi trừ gian thì việc lớn có thể định ngay được.

Thế mà, các ông dùng dằng mãi, chẳng tiến quân, làm mất cả lòng mong đợi của thiên hạ, tôi lấy làm xấu hổ quá !

Lữ Thiệu không nói gì.

Tháo thấy bọn Thiệu mỗi người một ý nghĩ, không làm được việc lớn, bèn tự kéo quân về Dương Châu. Chư hầu, ai cũng về nhà nấy.

Bốn hướng đều là kẻ thù :

Lúc Tào Tháo quật khởi tuy thuận lợi, Duyện Châu là đất hiểm nhưng lại hẹp, lương thực thiếu thốn, binh lực ít, lực lượng yếu; lại nhiều kẻ thù : Phía Bắc có Viên Thiệu như cọc rình mồi; phía Nam có Lưu Biểu, Viên Thuật; Tây có Mã Đằng, Hàn Toại, Lưu Tú ... Tào Tháo như lọt thỏm vào giữa bốn phương, tám hướng, đều có kẻ thù.

Để giải quyết tình huống trên, Tháo tuân chiếu đem quân cùng Pháo Tín, tiến quân đánh giặc ở Thọ Dương.

Pháo Tín chết, còn Tháo đuổi giặc đến tận Tế Bắc, giặc hàng vài vạn người, Tháo lại dùng ngay giặc làm tiền khu, quân đi đến đâu giặc hàng đến đấy.

Trong vòng một trăm ngày, Tháo chiêu an được bốn mươi vạn quân hàng; đàn ông, đàn bà kéo theo hơn cả một triệu người. Tháo tuyển những quân tinh nhuệ đặt riêng cánh quân là Thạch Châu, còn bao nhiêu cho về làm ruộng.

Từ đó, uy danh Tào Tháo ngày càng lớn, tiếng đồn về tận kinh đô. Triều đình phong cho Tào Tháo làm Chấn đông tướng quân.

Tháo ở Duyện Châu, chiêu mộ, thu dùng những hiền sĩ. Từ bấy giờ, Tháo vẫn có nhiều người tài, võ nhiều tướng giỏi ; uy danh lừng lẫy cả Sơn Đông.

Tào Tháo kiểm miếng ăn :

Tào Tháo muốn đánh Từ Châu, vằm thây Đào Khiêm để trả thù cho bố. Mưu sĩ Tuân Úc can rằng :

- Xưa nay, Cao tổ giữ Quan Trung, vua Quang Vũ giữ Hà Nội, đều là mong sâu rễ bền gốc; tiến lên thì đánh được giặc, lui về thì giữ được thành, cho nên có lúc nguy khốn, nhưng sau lại làm nên việc lớn.

Minh công lúc đầu khởi sự ở Duyện Châu mà đất Hà, đất Tế là đất hiểm trong thiên hạ như Quan Trung, Hà Nội ngày xưa.

Nay, Minh công sang lấy Từ Châu, thì Lữ Bố thừa cơ lấy mất Duyện Châu; nếu không lấy được Từ Châu, thì Minh công sẽ về đâu ?

Nay Đào Khiêm tuy chết nhưng đã có Lữ Bị, dân Từ Châu quy phục Lữ Bị, tất hết lòng vì Lữ Bị.

Minh công bỏ Duyện Châu đánh Từ Châu, khác nào bỏ cái lớn, đi tìm cái nhỏ, bỏ gốc tìm ngọn, đem sự yên mà đổi lấy sự nguy.

Xin Minh công xét lại.

Tháo nói :

- Năm nay mất mùa, thiếu lương ăn, quân sĩ cứ đóng ở đây cũng không xong.

Tuân Uùc nói :

- Không bằng ta tiến về mặt Đông, lấy đất Trần, cho quân sang ăn ở đó.

Vả lại, dư đảng Khăn vàng là Hà Nghi, Hoàng Thiệu ở Nhữ Nam và Dĩnh Xuyên cướp bóc vàng lụa các châu quận, lương thực nhiều nhưng giặc dễ phá.

Phá chúng nó, lấy lương thực nuôi quân sĩ, như thế triều đình cũng mừng, dân chúng cũng hả. Chính là việc thuận lòng trời !

Tháo mừng lắm, liền cho Hạ Hầu Đôn, Tào Nhân ở lại giữ Nhân Thành, còn Tháo đem quân đi lấy đất Trần, Nhữ Nam và Dĩnh Xuyên.

Ấm con bài chủ :

Năm 192, Hán Hiến đế về Trường An, Vương Doãn và Lữ Bố trừ được Đồng Trác. Không lâu, lại có loạn Lí Thôi và Quách Dĩ.

Hán Hiến đế lại chạy về Lạc Dương; Thái úy Dương Bưu vào tâu với nhà vua

nên truyền Tào Tháo vào chầu nhà vua. Nhà băng lòng.

Tào Tháo ở Sơn Đông nghe tin xa giá vua về đến Lạc Dương, họp những mưu sĩ để bàn. Tuân Uức nói :

- Ngày xưa, Tấn Văn công phụng Tương vương làm vua, chư hầu ai cũng phục; Hán Cao tổ để tang Nghĩa đế ai cũng theo.

Nay, thiên tử mắc nạn, nhân dịp này tướng quân cất nghĩa binh phụng thiên tử, theo nguyện vọng của dân chúng, sách lược ấy rất hay. Nếu không, người khác sẽ làm trước ta.

Tháo nghe được cả mừng, lại tiếp được chiếu của vua, Tháo liền cất quân.

Lí Thôi, Quách Dĩ bị Tào Tháo đánh tan tác, trốn về phía Tây, hốt hơ hốt hã như chó lạc chủ, tự biết thân không còn nơi nương tựa, hai đứa liền trốn vào rừng làm giặc cỏ kiếm ăn.

Tào Tháo làm việc phi thường :

Sau khi thắng Lí Thôi, Quách Dĩ, Tào Tháo đem quân đóng ở thành Đại Lương. Đồng Chiêu hiến kế nên rước nhà vua về Hứa Đô, đó là việc phi thường để an bụng các tướng. Tháo Nghe theo và tâu với Hiến đế. Hiến đế cũng phải nghe Tào Tháo.

Khi đến Hứa Đô, Tháo cho sửa sang cung miếu, xã tắc, cùng các toà, các dinh, các nha môn, xây thành quách và lập khi tàng.

Tháo thưởng người có công, phạt người có tội, các việc đều do Tháo xem xét.

Tháo tự phong mình là Đại tướng quân Vũ đình hầu; phong các quan chức, cất đặt tướng tá.

Từ đó, quyền to trong nước đều rơi vào tay Tào Tháo; các việc lớn của triều đình, trước trình Tào Tháo, sau mới tâu vua.

Việc Tào Tháo bỏ Lạc Dương, không chỉ là để nắm chắc con bài chủ trong tay là Hiến đế, thu tóm đại quyền mà còn giải quyết vấn đề lương thực.

Thành Lạc Dương lúc ấy được miêu tả như sau : Cửa nhà bị đốt cháy hết cả, đường sá rậm rạp, cỏ mọc cao lấp mắt, trong cung điện chỉ có tường đổ, vách nát.

Vua sai Dương Phụng cất tạm một cái cung nhỏ để ở, trăm quan vào mừng phải đứng trong gai góc.

Năm ấy, lại mất mùa luôn, dân Lạc Dương chỉ còn vài trăm nóc nhà cũng không có cái gì để ăn, phải ra ngoài thành bóc vỏ cây, đào rễ cỏ.

Các quan từ thượng thư trở xuống phải ra thành hái rau; có nhiều người bị đe

chết ở chỗ tường vách nát.

Không chỉ ở Lạc Dương mà nhiều nơi dân chúng phải lưu vong, các thành ấp khác cũng không có người ở, đi xa hàng trăm dặm không thấy nhà dân, ruộng vườn bị bỏ hoang; xương trắng đầy đồng, ngàn dặm không có tiếng gà gáy, cho sữa.

Kinh tế kiệt quệ, cứ như thế thì không đủ lương thực nuôi quân.

Sau khi về Hứa Đô, Tào Tháo liền áp dụng luật phân ruộng đất, chia làm hai loại gọi là quân đồn và dân đồn.

Dân đồn là mỗi mẫu đất gồm có 50 – 60 người canh tác, chiêu mộ các lưu dân trở lại và những người nguyên là giặc Khăn vàng.

Tuỳ theo đất đai mà phối hợp với trâu bò, nông cụ. Hàng năm, căn cứ vào thực tế mà nộp tô thuế.

Quân đồn là những vùng trú quân, quân sĩ thời bình thì cày cấy, khi có tác chiến thì đánh trận.

Áp dụng thuật phân điền thành công, sách sử ghi : Từ chỗ xương trắng đầy đồng, không có tiếng gà gáy, cho sữa; nay từ Thọ Xuân đến Kinh sư đâu cũng có quan nông, binh điền, vang tiếng chó sủa, gà gáy.

Thuật phân điền có ý nghĩa rất lớn về chiến lược, mỗi nơi đều có tích trữ lương thực, có thể chinh phạt bốn phương, từ yếu trở thành mạnh, từ yếu thế thành ưu thế.

Tránh thực, đánh hư lần lượt đánh bại các đối thủ :

Tương tự lúc khởi binh, Tào Tháo chiếm ưu thế về chính trị lấy lấy thiên tử lệnh chư hầu (Gia Cát Lượng gọi là thiên thời) nhưng vẫn ở trong hoàn cảnh bất lợi về địa hình, gọi là tứ chiến chi địa, bốn mặt đều thọ địch :

Phía Tây nam, có Lưu Biểu trấn Kinh châu, đất rộng ngàn dặm, quân giáp trên mười vạn, như cộp dũ thủ thế, chờ thiên hạ có biến, thực hiện cái chí bốn phương của mình.

Phía chính Nam thì có Viên Thuật, đất rộng lương nhiều, xưng hùng xưng bá ở Thọ Xuân.

Đông Nam thì có Lưu Bị, Lã Bố ở Từ Châu. Lã Bố dũng mãnh như hổ đói, chờ cơ hội là phản công.

Ở Nam Dương thì có Trương Tú, ở Quan Trung có Mã Đằng, Hàn Toại; Ích Châu thì có Lưu Chương nhưng ở xa Tào Tháo, áp lực này không lớn lắm.

Luận về anh hùng, Tào tháo tự cho mình có chí nuốt cả trời đất, cho bọn Hàn Toại, Trương Tú, Trương Lỗ chỉ là bọn tiểu nhân nhưng nhúc; Viên Thuật chỉ là xương khô trong mã; Lưu Biểu chỉ là hư danh, không có thực tài.

Quan trọng nhất ở phía Bắc là Viên Thiệu, danh gia vọng tộc, bốn đời làm tam công; gồm Thanh Châu, U Châu, Tinh Châu, đất đai rộng lớn; quân mặc áo giáp có vài trăm vạn, văn võ bá quan nhiều.

Viên Thiệu muốn tiến xuống Nam Hạ để thống nhất đất nước, nuốt cả thiên hạ.

Viên Thiệu là kẻ thù lớn nhất của Tào Tháo.

Mặc dù, dưới mắt Tào Tháo, Viên Thiệu không phải là anh hùng nhưng tạm thời phải hoà hoãn với Viên Thiệu.

Tháo theo sách lược viễn giao cận công, xa thì giao thiệp, gần thì tiến đánh; để tự mình mạnh lên, chờ nội bộ Viên Thiệu mâu thuẫn mới tiến đánh.

Để tiêu diệt các đối thủ, Tào Tháo vận dụng sách lược đánh chỗ thực, đánh vào chỗ hư, chưa vội đối đầu với Viên Thiệu, mà diệt trừ những lực lượng chung quanh đang trực tiếp đe dọa Hứa Đô : Viên Thuật, Trương Tú, Lưu Biểu, Lữ Bố và Lưu Bị.

Tào Tháo diệt Lữ Bố :

Để diệt Lữ Bố, Tháo các mưu kế : nuôi hổ và để hổ tranh ăn.

Một mặt, Tào Tháo mượn danh thiên tử phong cho Lữ Bố làm Tả tướng quân là các nuôi hổ hoặc chim cắt để thanh toán cáo thỏ là Viên Thuật, Viên Thiệu, Lưu Chương, Trương Lỗ.

Mặt khác, dùng mưu kế hai hổ tranh ăn là mật sai Lưu Bị giết Lữ Bố nhưng không thành; tiếp đó là dùng kế xua hổ nuốt sói, xúi Lưu Bị và Viên Thuật đánh nhau.

Lữ Bố hoang mang lúc thì theo Lưu Bị, lúc phản Lưu Bị, lúc liên kết với Viên Thuật, Lưu Biểu; khi thì theo Tào Tháo, phản phúc vô lường, nên bị cô lập.

Cuối cùng Tào Tháo bắt được Lữ Bố. Tháo trói thật chặt. Lữ Bố phàn nàn xin nới cho một tí. Tháo nói : Trói hổ phải trói cho chặt chứ. Rồi Tháo lệnh đem Lữ Bố xuống lầu thắt cổ.

Đánh Trương Tú và Lưu Biểu :

Năm 198, sau khi thắng Viên Thuật, Tào Tháo lại đem quân đánh Trương Tú ở Nam Dương và đánh Lưu Biểu ở Kinh Châu.

Ban đầu, Tháo thua nhưng sau đó đánh bại Trương Tú, lại dùng mưu phân hóa hai thế lực này, năm 199, Trương Tú đầu hàng Tào Tháo.

Đánh Lưu Bị :

Lữ Bố chết, Lưu Bị chiếm Từ Châu, năm 200 Tháo đem quân đánh Lưu Bị. Lưu Bị chạy sang cầu cứu Viên Thiệu. Tháo bắt Quan Vũ và vợ con Lưu Bị; Quan Vũ đầu hàng, dưới danh nghĩa hàng Hán không hàng Tào.

Trong vòng hai năm, dưới chiêu bài thiên tử lệnh chư hầu, tránh chỗ mạnh đánh chỗ yếu, xa ngoại giao, gần tiến đánh, Tháo diệt Lữ Bố, Viên Thuật, buộc Trương Tú phải đầu hàng, đuổi Lưu Bị, Tháo làm chủ cả vùng Hoàng Hà, thoát khỏi cảnh bốn mặt thọ địch, càng ngày càng mạnh để đối địch với Viên Thiệu.

Tào Tháo tử chiến với Viên Thiệu :

Năm 200, Viên Thiệu sai Trần Lâm thảo hịch gửi đi khắp nơi và dẫn 30 vạn quân, hàng vạn kị binh tiến vào Hứa Xương để trừ Tào Tháo.

Trước khi xuất binh, Viên Thiệu lôi kéo Trương Tú, Tôn Sách (Đông Ngô), Lưu Biểu, cùng liên kết đánh Tào.

Tháo cũng xuất 34 vạn quân ra nghênh chiến.

Để cô lập Viên Thiệu, Tào Tháo dùng thuật chặt cành yếu cây, cho Trương Tú đầu hàng; hẹn cùng với Tôn Sách (Đông Ngô) diệt Thiệu; thuyết Lưu Biểu, nên Lưu Biểu hứa hẹn với Viên Thiệu nhưng lại không xuất binh.

Thành ra, Viên Thiệu xuất binh một mình để đánh Tào.

Xét về thực lực, Viên Thiệu quân nhiều, lương thực sung túc; Tào tháo lương thực ít hơn, bất lợi về tình thế, cần phải đánh nhanh mới thủ thắng.

Trước khi xuất chinh, Tuân Uức phân tích quân sĩ, văn thần và võ tướng của Thiệu như sau :

Thiệu binh nhiều mà không nghiêm chỉnh.

Điền Phong tính cương trực mà hay phạm người trên.

Phùng Kỉ tính quả quyết nhưng không làm được việc.

Thẩm Phối tự cho mình là phải nhưng không có mưu mẹo.

Nhan Lương, Văn Xú tuy khoẻ nhưng chỉ là đồ thất phu, chỉ đánh một trận.

Còn những đồ tầm thường nhưng nhúc, dầu có trăm vạn cũng chẳng kể vào đâu !

Tháo khen, Tuân Uức giỏi tính toán.

Tào Tháo dẫn quân đến Lê Dương đào hào, đắp lũy, không tiến, chờ Viên Thiệu.

Tướng Hứa Du thì không bằng lòng Thẩm Phối cầm quân, Thư thụ thì giận Viên Thiệu không dùng mưu của mình, nội bộ lục đục, không ai muốn tiến binh.

Viên Thiệu cũng nghi hoặc không tiến quân.

Hai bên ghìm giữ nhau từ tháng tám đến tháng mười.

Tào Tháo thấy thế, bèn phân các tướng chống giữ, còn mình về Hứa Đô.

Một hôm, nhân mùa xuân ấm áp, Viên Thiệu muốn tiến quân. Điền Phong can gián. Thiệu không nghe, sai Nhan Lương làm tiên phong tiến quân đánh xứ Bạch Mã.

Tháo dẫn 15 vạn quân, chia làm ba đội xuất phát; Tháo dẫn trước 5 vạn đến Bạch Mã, dựa vào núi mà đóng quân.

Trong trận đầu, Tào Tháo mất hai tướng là Tống Hiến và Ngụy Tục.

Thấy Nhan Lương dũng mãnh, Tháo dùng kế mượn giao giết người và kích tướng, khiến Quan Vũ ra trận. Quan Vũ xông vào trận, chặt đầu Nhan Lương, buộc đầu vào cổ ngựa, cầm đao ra khỏi trận.

Quân Hà Bắc rối loạn, quân Tào thừa thế chém giết không biết bao nhiêu mà kể; quân Tào thu được lương và khí giới rất nhiều.

Viên Thiệu lại sai đại tướng Văn Xú sang sông Hoàng Hà, đóng quân ở bến Diên Tân để đánh quân Tào, trả thù cho Nhan Lương.

Tháo cho tiền quân làm hậu quân, hậu quân làm tiền quân, tức là cho chở lương thực đi trước. Lúc Văn Xú đến, quân Tào bỏ lương thực mà chạy. Tháo lại cho thả ngựa lung tung.

Quân Văn Xú tranh nhau cướp lương thực, ngựa, hàng ngũ rối loạn. Quân Tào vây bọc lại, quân Văn Xú tháo chạy.

Lần nữa, Tháo lại mượn Quan Vũ ra đối địch và chém Văn Xú, Văn Xú chết ngay dưới chân ngựa.

Tháo thúc quân đánh, quân Hà Bắc ngã xuống sông chết quá nửa; quân Tào lấy lại lương thực và ngựa.

Viên Thiệu cất quân đến Quan Độ. Hạ Hầu Đôn, cấp báo. Tháo khởi 7 vạn binh nghênh địch. Viên Thiệu hạ lệnh, đem 70 vạn quân dàn ra bốn phía cắm trại, trại đóng liền nhau 90 dặm.

Quân Tào nghe tin về báo, ai nấy đều run sợ.

Tháo cùng các mưu sĩ bàn bạc. Tuân Du nói :

- Quân Thiệu tuy nhiều nhưng không đáng sợ. Quân ta tinh nhuệ hơn, mỗi người có thể đánh được mười người nhưng cần đánh ngay, nếu kéo dài ngày, không đủ lương thực thật đáng lo.

Tháo truyền lệnh tiến quân.

Hai bên đối trận, Tháo thua chạy. Quân Thiệu thúc quân đuổi theo chém giết.

Tháo thua to lui về Quan Độ. Thiệu cũng đem quân đến gần Quan Độ hạ trại.

Hai bên lại ghìm giữ nhau hơn một tháng, thể lực của Tháo kém dần, lương thảo hết, muốn bỏ Quan Độ.

Đang lúc lúng túng, Tháo nghe lời Hứa Du, vừa là bạn cũ vừa là bộ hạ của Viên Thiệu về hàng Tào; đem quân đột kích đốt sạch kho lương Viên Thiệu ở Ô Sào.

Viên Thiệu mất các tướng (chết hoặc hàng Tào), mất lương thực, lòng quân rối loạn. Tháo thừa thế tấn công, phá vỡ 70 vạn quân Viên Thiệu.

Viên Thiệu chỉ còn 800 quân chạy đến phía bắc sông Lê Dương. Quân Thiệu nghe tin lại ừn ừn kéo về đông như kiến.

Thiệu về đến Kí Châu tập hợp quân bốn châu của con cháu, lại được hai, ba mươi vạn, đóng quân ở Trường Bình.

Tào Tháo tiến quân, dùng kế bồi thủy nhất chiến, bày trận ở bờ sông Hoàng Hà.

Thiệu trúng kế, quân Thiệu bị đánh tan tác; Thiệu bị truy kích, con cháu đều bị thương, quân sĩ bị thương vong gần hết. Thiệu ôm ba con khóc lóc một hồi, bất giác ngã gục xuống. Mọi người xúm quanh cứu chữa. Miệng Thiệu chảy máu tươi ròng ròng, nói :

- Từng xông pha mấy mươi trận, không ngờ hôm nay đến nỗi này ! Đó là trời giết ta ! Các con ai về nhà nấy, thề cùng giặc Tào một trận sống mái.

Viên Thiệu về Kí Châu, ốm nằm liệt giường, đến năm 202 thì chết.

Kẻ thù số một của Tháo đã mất; năm 207, Tháo thống nhất cả phương Bắc.

Năm 200, trong trận Quan Độ, Tào Tháo với 2-3 vạn quân đã đánh bại 20 vạn quân của Viên Thiệu, đặt nền móng thống trị ở vùng hạ du sông Hoàng Hà.

Trải qua thêm bảy năm chinh chiến; năm 207, Tào Tháo bình định xong Ô Hoàn, thống nhất được miền Bắc.

Trận Xích Bích :

Sau một thời gian nghỉ ngơi; năm 208, Tào Tháo dẫn quân xuống Giang Nam,

định thôn tính Tôn Quyền. Tôn Quyền liên minh với Lưu Bị để chống Tào Tháo.

Trong trận Xích Bích, liên minh Tôn Quyền – Lưu Bị, với 5- 6 vạn quân đã đánh bại 20 vạn quân của Tào Tháo (Tam quốc chí nói 83 vạn ?), hình thành thế chia ba thiên hạ.

Giấc mộng chưa thành của Tào Tháo :

Mộng của Tào Tháo là nuốt cả trời đất, năm 208, Tháo định thôn tính Giang Nam.

Tháo đại bại ở trận Xích Bích, giấc mộng ấy chỉ là giấc mộng; Tháo truyền lại giấc mộng ấy cho con, cháu.

Vì chính trị, Tháo không phế truất Hiến đế, nên cuối đời Tháo chưa phải là hoàng đế.

Sau khi Tào Tháo đã chết, Tào Phi lên nối ngôi, phong tặng ông là Thái tổ hoặc Vũ đế.

Ngụy - Thục giao tranh :

Sau khi Tào Phi lên làm vua gọi là Văn đế. Văn đế Tào Phi hỏi Giả Hủ :

- Ta đem quân đánh những kẻ nghịch thần không nghe hiệu lệnh của ta là hai nước Ngô và Thục, nếu đánh thì đánh nước nào trước ?

Giả Hủ thưa :

- Việc công thành, phá địch, đầu tiên phải xem trọng quyền mưu, muốn kế nghiệp tổ tông thì phải xem trọng đạo đức và giáo hóa. Bệ hạ vừa mới lên ngôi, nên dùng lễ nhạc để giáo hóa và phòng biến loạn, chưa vội dùng binh.

Ngô, Thục chỉ là hai nước nhỏ nhưng lại dựa và núi sông hiểm trở để phòng thủ. Lưu Bị là anh hùng, Gia Cát Lượng là người tài giỏi; Tôn Quyền thì có Lục Tốn dụng binh hư thực khó lường, đất lại nhiều sông hồ hiểm trở; cho nên khó mà thôn tính một cách nhanh chóng. Tôi trộm nghĩ, khi nào không còn Lưu Bị, Khổng Minh, Tôn Quyền, triều đình Thục, Ngô lộn xộn, thì lúc ấy ta tấn công cũng chẳng muộn.

Tào Phi không nghe, sai Tư Mã Ý đem quân vừa đánh Thục. Khổng Minh cũng kéo quân ra nghênh chiến.

Tư Mã Ý ở trong trại Vị Bắc, truyền lệnh :

- Nay dinh trại Vị Nam đã mất rồi, các tướng nói nói đánh nhau nữa thì chém !

Các tướng vâng mệnh, chỉ việc giữ trại không dám ra.

Quách Hoài nói với Tư Mã Ý rằng :

- Mấy bữa nay Khổng Minh dẫn quân ra tuần tiễu, tất là muốn tìm đất hạ trại.

Ý nói :

- Nếu Khổng Minh ra núi Võ Công, men sườn mà sang mé đông thì chúng ta nguy cả. Nhược bằng họ ra phía tây nam sông Vị, đóng trên gò Ngũ Trượng, thì ta mới không việc gì.

Sai người dò xem, quả nhiên Khổng Minh đóng ở gò Ngũ Trượng.

Ý mừng quá giơ tay lên trán mà rằng :

- Đó là hồng phúc của đại Ngục hoàng đế ta !

Bèn sai các tướng giữ vững không ra đánh, đợi cho quân Thục sinh biến sẽ hay.

Khổng Minh dẫn một toán quân ở gò Ngũ Trượng, đã nhiều lần sai người khiêu chiến, quân Ngục nhất định không ra. Khổng Minh bèn lấy cái yểm và đồ trắng của đàn bà, đựng vào trong một cái hòm, sai người đưa tới trại Ngục.

Các tướng không dám dầu diễm, dẫn người đưa thư ra mắt Tư Mã Ý. Ý sai mở

hòm, thấy có yếm đàn bà và một phong thư. Thư nói rằng :

Trọng Đạt đã làm đại tướng, thống lĩnh quân Trung nguyên, không dám mặc giáp, cầm gươm quyết sống mái mà chịu ngồi núp trong hang, trong hố, để tránh lưỡi dao, mũi tên, thế thì khác gì đàn bà ?

Nay sai người đưa khăn yếm, quần áo trắng của đàn bà đến, nếu không ra đánh thì phải lạy hai lạy mà nhận lấy; nếu còn biết xấu hổ, có chí khí người con trai thì phê vào giấy này, y hẹn ra giao chiến.

Tư Mã Ý xem xong, trong bụng căm giận nhưng gượng cười, nói :

- Khổng Minh coi ta như mụ đàn bà ư ?

Liền chịu nhận lấy đồ ấy, trọng đãi người đưa thư và hỏi chuyện ăn ngủ, công việc của Khổng Minh.

Sứ giả bẩm rằng :

- Thừa tướng tôi thức khuya dậy sớm; hình phạt từ hai chục roi trở lên, cũng phải coi xét, mà mỗi ngày chỉ ăn được vài thương mà thôi !

Ý nói với các tướng rằng :

- Khổng Minh ăn ít làm nhiều, sống lâu làm sao được !

Sứ giả từ về, đến gò Ngũ Trượng ra mắt Khổng Minh, thuật lại việc Tư Mã Ý chịu nhận khăn áo đàn bà, và các lời hỏi han.

Khổng Minh than rằng:

-Ý thực là biết ta!

Chủ bộ Dương Ngung can rằng :

- Tôi thấy thừa tướng hằng ngày cứ phải coi xét sổ sách, thiết nghĩ không nên. Ôi ! việc trị nước phải có thể thống, trên dưới không xâm phạm với nhau. Ví như đạo trị việc nhà, tất phải có đứa ở trai coi việc cày bừa, đứa ở gái coi việc thối nấu, nghề nghiệp không thiếu việc gì, cần cái gì có cái ấy; ông chủ nhà chỉ việc thung dung ngồi một chỗ, nằm cao thành thoi, ăn uống mà thôi ! Nếu việc nào cũng xuất thân làm lấy, thì sức lực mỗi mệt, tinh thần kém sút, mà không nên được việc gì. Đó không phải là trí khôn không bằng kẻ ăn người ở đâu, đạo làm chủ nhà phải thế. Cho nên cổ nhân có nói : Ngồi mà bàn đạo lí, gọi là tam công; đứng ra mà làm việc, gọi là sĩ đại phu. Ngày xưa, Bính Cát lo việc con trâu thờ, không lo gì kẻ đánh nhau chết dọc đường; Trần Bình làm tướng, không biết số tiền thóc ở kho bao nhiêu, nói rằng đã có người coi riêng từng việc.

Nay thừa tướng thân xét đến cả việc nhỏ nhặt, mồ hôi toát ra cả ngày, chẳng nhọc nhằn lắm ru ? Lời Tư Mã Ý nói, xin thừa tướng xét cho mới được.

Khổng Minh khóc nói:

- Ta không phải là không biết thế đâu, nhưng vì chịu ơn tiên đế thác cô cho ta rất trọng, chỉ sợ người khác không được hết lòng như ta. Vậy ta phải chịu khó nhọc như thế.

Chúng nghe nói, ai nấy cùng cảm động, ứa nước mắt. Tự bấy giờ, Khổng Minh nghe trong mình tinh thần bàng hoàng, nên không dám tiến binh vội.

Các tướng Ngụy thấy Khổng Minh đưa khăn áo đàn bà cho Tư Mã Ý. Ý chịu nhận, không dám ra đánh. Các tướng cùng vỗ bụng căm tức, vào trước bầm rầy:

- Chúng tôi là danh tướng nước Ngụy, chịu sao nỗi người Thục sỉ nhục thế này? Vậy xin ra đánh để quyết một trận sống mái.

Ý nói :

- Ta có phải muốn chịu nhục đâu, bởi vì thiên tử giáng chiếu, sai giữ vững không cho ra đánh, nếu ta khinh động, thì trái quân mệnh.

Các tướng bức dọc, không bằng lòng. Ý nói :

- Các người muốn đánh, đợi ta tâu với thiên tử, rồi sẽ đồng lực ra đánh giặc, được chăng ?

Các tướng nói :

- Chúng tôi xin vâng lời.

Ý sai sứ mang biểu đến Hợp Phì tâu với Ngụy chủ.

Tào Tuấn xem xong, hỏi các tướng :

- Tư Mã Ý trước xin giữ vững không ra đánh, nay lại dâng biểu xin đánh là có sao ?

Vệ úy Tân Tỷ tâu :

- Tư Mã Ý vốn không có bụng muốn đánh, đây là Gia Cát Lượng sỉ nhục, các tướng căm tức, cho nên dâng biểu lên, là có ý muốn cầu chiếu chỉ để trấn bụng các tướng mà thôi.

Tuấn lấy làm phải, sai Tỷ cầm cờ tiết đến trại Vị Bắc, truyền lời dụ không được ra đánh. Nếu ai nói đến chuyện đánh, thì ghép vào tội trái chiếu chỉ nhà vua.

Các tướng đều tuân theo. Ý nói với Tân Tỷ :

- Ông thực là biết bụng tôi lắm !

Các tướng Thục nghe tin ấy, vào bẩm với Khổng Minh.

Khổng Minh cười nói :

- Đó là Tư Mã Ý trấn bụng ba quân đó.

Khương Duy hỏi :

- Sao thừa tướng lại biết ?

Khổng Minh nói :

- Ý vốn không dám đánh, xin đánh là thị oai với các tướng mà thôi. Có câu : Tướng ở ngoài, dù vua sai khiến có điều gì, không nghe cũng được. Lẽ đâu xa ngàn dặm, mà phải xin lệnh đánh bao giờ. Đây là nhân các tướng giận, Tư Mã Ý cho mượn ý Tào Tuấn để trấn bụng các tướng và truyền lệnh ra để quân ta trở biếng mà thôi !

Không lâu, Khổng Minh lâm bệnh mất, quân Thục tự rút quân về.

Nhà Ngụy diệt Thục :

Tư Mã Chiêu sai Đặng Ngãi làm Chinh Tây tướng quân, đem 40 vạn quân đánh Thục; lại sai Chung Hội làm Chinh Đông tướng quân, lãnh 20 vạn quân giả đánh Ngô; dụng ý làm cho Thục – Ngô không cứu ứng được nhau.

Tướng Thục là Khương Duy đại bại rút về cố thủ ở Kiếm Các. Tướng Ngụy, Chung Hội tấn công Kiếm Các.

Tháng bảy, năm đó, Đặng Ngãi xuất quân từ Âm Bình khai thông con đường dài bảy trăm dặm, gặp núi thì phá núi, gặp sông thì bắc cầu, gặp cây cỏ thì chặt, tiến đến Giang Du.

Tướng Thục là Gia Cát Chiêm ở Bồi huyện đem quân nghênh địch. Quân Thục đại bại, Đặng Trung chặt đầu Gia Cát Chiêm. Lưu Thiện đầu hàng.

Nhà Tấn diệt Ngô :

Tư Mã Chiêu mất, Tư Mã Viêm lên thay. Chủ nước Ngô lúc bấy giờ là Tôn Hựu, nghe tin Tư Mã Viêm đã cướp ngôi nhà Ngụy, biết là Ngụy sắp đánh Ngô, lo lắng thành bệnh mà chết.

Quần thần lập Tôn Hạo lên làm vua. Tôn Hạo sai Lục Kháng đóng quân ở cửa sông chực lấy Tương Dương.

Có người báo về Lạc Dương, Tấn đế Tư Mã Viêm liền hội các quan để bàn bạc, rồi sau Dương Hựu cất quân chống Đông Ngô.

Dương Hựu đến Tương Dương chỉ thủ chứ không công, rất được lòng dân, lại còn sai người đem quà cáp biểu xén cho Lục Kháng.

Tôn Hạo thúc Kháng tiến quân, Kháng do dự, Tôn Hạo liền cách chức Lục Kháng.

Dương Hựu cho đây là cơ hội, dâng sớ xin đánh Ngô. Nhưng Tư Mã Viêm nghe lời bọn Giả Sung, Tuân Húc, Phùng Thâm, không cho tiến binh. Dương Hựu cũng xin từ chức. Tư Mã Viêm cử Đỗ Dự lên thay.

Vương Tấn, Thứ sử Ích Châu, dâng sớ, có đoạn viết : “Tôn Hạo hoang dân hung ác, nếu một mai Hạo mất mà lập vua hiền khác thì rất khó đánh ”.

Khoảng 10 ngày sau, Đỗ Dự cũng gửi biểu về, đại ý nói : “ Không để cho Tôn Hạo dời đô sang Giang Nam, thì rất khó đánh ”

Lúc ấy, Tư Mã Viêm mới sai các tướng, điều động binh sĩ đi đánh Đông Ngô.

Thế quân Tấn như chẻ tre tiến vào đất Ngô.

Chẳng bao lâu, Tôn Hạo đem theo một cỗ áo quan để xin hàng quân Tấn.

4. Bài học lịch sử về phân phong :

Về nguyên nhân chư hầu làm phản, thời nhà Hán chứng minh : Hoài Âm hầu Hàn Tín dựa vào thế lực mạnh và người Hồ. Trần Hy dựa vào binh mạnh. Bành Việt dựa vào nước Lương. Kinh Bối dựa vào binh sĩ và lương thực. Phàn Khoái, Chu Bột, Lệ Thương, Quyền Anh, dựa vào nhiều thành trì, trên 10 thành, để mưu phản.

Riêng, Trường Sa vương được phong ấp với hai vạn năm trăm hộ dân, do thế lực yếu nên trung thành với nhà Hán, dân được an định lâu dài.

Đến thời Tam quốc, đất nước Trung Hoa bị chia làm ba, gọi là thế chân vạc, nguyên nhân : Ngô chiếm được Giang Đông, nhiều sông, hồ, dựa vào sông hồ để cát cứ. Thục chiếm được Tây Xuyên, nhiều núi non hiểm trở, dựa vào núi non hiểm trở để xưng hùng, xưng bá.

Cho nên ngày xưa, các bậc đế vương chỉ phong chư hầu diện tích là 100 dặm, không phong đất rộng hơn hoặc nhiều thành trì; hoặc gần các nước khác; hoặc gần các nước Di, Địch; hoặc những đất có địa thế hiểm trở như núi, sông biển. Khi thấy chư hầu nào mạnh thì phải tước bớt quyền lực và thế lực.

Người nắm chính quyền không thể không xét về những vấn đề trên ?

20. NHỮNG ĐIỀU RĂN SỢ

Địa vị, thân phận của một nhà vua rất mực tôn quý, cho nên lời nói, việc làm phải thận trọng. Không thận trọng trong lời nói, việc làm thì thân bại, danh liệt, nước mất, nhà tan.

1. Cách gìn giữ ngai vàng :

Chu Dịch viết : “Vua Thang, vua Vũ làm cách mệnh là thuận với ý trời, ứng với người”.

Sách Thượng thư viết : “An ủi vỗ về ta, đó là chủ của ta; tàn hại ta, thì đó là kẻ thù của ta”.

Đồng Trạng Thư cho rằng : “ Quân chủ kẻ vị phải tuân thủ pháp luật, là tiếp thụ sứ mệnh của thánh nhân”.

Người xưa nói : “ Lúc nguy cấp con chuột có thể cắn lại con mèo, kẻ thất phu cùng đường có thể chống đối lại quân chủ”.

Hoàng Thạch Công nói : “ Quân chủ không thể không có đức, nếu làm quân chủ không có đức thì bề tôi sẽ phản bội ”.

2. Ba sách lược trị nước :

Tuân tử nói : Thông thường, thiên tử tức vị, quan thượng khanh phải tâu với vua “ Hay giải trừ hoạn nạn là phúc, không giải trừ hoạn nạn là giặc”. Đó là thượng sách.

Trung ngự khanh tâu “ Nghiên cứu quá trình sự việc từ khi phát sinh đến lúc phát triển, đến lúc hoàn thành, gọi là siêu tiền; nghiên cứu được tai họa phát sinh gọi là dự kiến, đã dự kiến được thì làm cho tai họa khó phát sinh.

Sự việc đã phát sinh mới nghiên cứu, gọi là trệ hậu, đã trệ hậu thì không thành công; tai họa đã đến rồi mới nghiên cứu gọi là nhân tuần, đã nhân tuần thì không chế ngự được tai họa”. Đó là trung sách.

Hạ ngự khanh tâu : “ Chúc thọ người thì ở sảnh đường; điếu tang người thì phải đi ra cửa lớn. Họa và phúc nương tựa vào nhau như hàng xóm, chúng chuyển hóa với nhau. Cho nên phải hết sức lo sợ ! ” Đó là hạ sách.

Các quan khanh phải hiến cho nhà vua ba sách lược ấy.

3. Che dấu ánh sáng :

Văn vương ở Phong Kinh, mời Khương Thái Công đến và hỏi :

- Nay vua nhà Thương (Trụ) giết hại dân chúng vô số, ta muốn giúp dân, thì giúp bằng cách nào ?

Khương Thái Công nói :

- Trước hết, đại vương nên xem trọng việc tu dưỡng đạo đức, chiêu hiền đãi sĩ, thi ân cho bách tính và quan sát đạo trời. Đạo trời chưa giáng tai ương thì ta chưa nên phát động; đạo người chưa sinh tai họa thì ta chưa tính đến mưu kế. Chờ cho đến khi nào có thiên tai, có nhân họa thì ta mới bàn mưu, tính kế.

Đại vương nên xem lợi ích của mình gắn liền với lợi ích dân chúng, hai lợi ích này hỗ tương, tác động lẫn nhau. Khi nào dân chúng cùng yêu, cùng ghét, cùng hận, cùng vui, cùng buồn với đại vương thì xem như sự nghiệp sắp hoàn thành. Không có địch mạnh mà đại vương lại đại thắng, không có thời cơ mà đại vương đã chiếm lĩnh, tuy kẻ thù chưa xuất hiện mà đại vương đã phòng ngự vững vàng.

Khi lợi ích một người hợp với lợi ích của dân chúng, thì thiên hạ sẽ hoan nghênh đại vương; vì lợi ích của một người mà tổn hại lợi ích của cả thiên hạ, thì thiên hạ sẽ xa lánh đại vương.

Thiên hạ không phải là một người, tranh giành thiên hạ không khác mọi người cùng đi săn thú, ngày nào đó bắt được con thú, thì phải xẻ thịt chia cho mọi người.

Việc tranh giành thiên hạ cũng giống như nhiều người cùng ngồi trên một con thuyền, nếu thành công mọi người đều hưởng lợi, nếu thất bại thì mọi người đều gặp tai ương. Cho nên, phải tìm cách để giành thắng lợi và không được thất bại.

Đại vương vô tâm không tham của cải của thiên hạ, thì thu được dân tâm; vô tâm không mong chiếm đoạt chính quyền của một nước, thì lại được nước ấy làm chư hầu, vô tâm không chiếm đoạt lợi ích của thiên hạ, thì được thiên hạ tôn làm

thiên tử. Giữ chữ tín với dân dân sẽ đem lại nhiều lợi ích, giữ chữ tín với các nước, các nước sẽ đem đến điều lợi, giữ chữ tín với thiên hạ, thiên hạ sẽ đem điều lợi. Sở dĩ nói, Đạo thì không thấy được, việc lớn đến mà không nghe được, thời cơ đến mà không biết được, là như thế !

Con chim ưng dũng mãnh nhưng khi muốn bắt con mồi thì cụp hai cánh vào, con thú dữ muốn vồ con mồi thì thu mình lại. Thánh nhân bắt chước những động tác ấy, muốn loại trừ đối thủ thì che dấu ánh sáng, không cho đối phương thấy thực lực, nuôi dưỡng đạo đức (thao quang dưỡng hối).

Hiện nay, nhà Thương, bốn phương ai cũng chê bai, người người nghi hoặc. Tôi quan sát, thấy ruộng vườn hoang phế, cây cỏ um tùm; bọn đại thần gian ác đang trấn áp, chà đạp những người chính nhân quân tử; bọn quan lại đối với dân chúng bạo ngược và tàn khốc. Đó là những hiện tượng mất nước.

Văn vương khen :

- Giảng rất hay !

4. Những điều kiện để tranh và giữ ngai vàng :

Giả Nghị nói : Bề tôi giết vua, thì bị ghép vào tội đại nghịch. Còn vua Thang đuổi vua Kiệt, vua Vũ đánh vua Trụ, thiên hạ đều biết nhưng lại hưởng ứng, khen ngợi là vì sao ? Do, vua Thang, vua Vũ vì lợi ích của lâu dài của nhân dân, vì dân mà trừ bạo.

Ví dụ :

Sở Cộng vương mất, con là Linh vương kế vị. Quần Công Tử bị mất chức, liền liên kết với các quý tộc giết chết Sở Linh vương, lập Tử Can lên làm vua.

Lúc Tử Can về nước, được lập lên làm vua, thì quan Ngự khanh nước Tấn tên là Hàn Tuyên tử hỏi Thúc Hưởng :

- Ngài liệu Tử Can có thành công hay không ?

Thúc Hưởng đáp :

- Khó mà thành công.

Hàn Tuyên tử hỏi :

- Tại sao ? Có nhiều người cùng ghét những cái ông ta ghét mà !

Thúc Hưởng nói :

- Khi đã không có sự vui chung với người khác, thì làm sao có người cùng chung điều ghét. Không thành công bởi năm điều :

Một, thân phận ông ta không phải là người hiền.

Hai, nếu người hiền mà không có người nội ứng thì cũng không nên việc.

Ba, có nội ứng mà nội ứng không có mưu lược, thì xôi hỏng bỏng không.

Bốn, có mưu lược nhưng không có bách tính thì chẳng làm nên việc gì.

Năm, có bách tính mà không có đức hạnh, thì chẳng ai theo.

Hàn Tuyên Tử hỏi :

- Ngài hãy nói rõ hơn.

Thúc Hưởng giải thích :

Tử Can ở nước Tấn, nước Sở suốt 13 năm, chẳng ai nói ông ta là bậc danh sĩ; cho nên ông ta chẳng phải là người hiền.

Lúc gia tộc bị diệt, có những người trong gia tộc phản bội, chứng tỏ ông ta không có nội ứng trung thành.

Thời cơ chưa đến mà đã có người vọng động; chứng tỏ người nội ứng của ông ta thiếu mưu lược.

Tử Can lưu vong ở nước ngoài quá lâu, làm sao mà có bách tính ?

Lúc Tử Can lưu vong ở nước ngoài, người trong nước chẳng một ai nhớ đến ông ta; chứng tỏ ông ta là người không có đức hạnh.

Nói người phò tá Tử Can, thì không có ai tài giỏi như Y Doãn. Nói về địa vị, Tử Can là con thứ. Nói về thiên mệnh và thần linh, thì thiên mệnh không có, thần linh không bảo hộ. Ông ta đã mất địa vị hiển quý, mất sự sủng tín, mất bách tính, thì làm sao mà làm vua cho được.

Xét năm điều kiện của Khí Tật : Ông ta có thần linh phù hộ, là một; có bách tính tín nhiệm là hai; có mỹ đức là ba; được sủng tín hiển quý là bốn; tuổi còn trẻ, có thể kế vị nhà vua là năm. So sánh như vậy, Khí Tật có khả năng thành công hơn Tử Can.

Hàn Tuyên tử hỏi :

- Thế thì Tử Can khác Tề Hoàn công và Tấn Văn công ở chỗ nào ?

Thúc Hưởng nói :

- Tề Hoàn công là con của Vệ cơ, được cha là Hỉ Công sủng ái; có Bảo Thúc Nha, Tân Vô Tu, Thấp Bằng phò tá; có nước Dĩ, nước Vệ ngoại viện; ở trong nước thì có họ Quốc nội ứng; bản thân Tề Hoàn công không tham tài, không buông thả dục vọng, thi ân bố đức không làm mỏi mệt, cầu hoàn thiện mấy cũng không thấy đủ. Tề Hoàn công xứng đáng làm vua nước Tề.

Nói về Tấn Văn công, tiên vương nước ta, là con Cô Lí cơ, được cha là Hiến Công sủng ái; thưở nhỏ đã hiếu học, đến 17 tuổi đã là một trong năm người tài của nước ta; có những tâm phúc và tay chân phò tá như Tử Dư, Tử Phạm, Ngụy Đà; ngoại viện thì có nước Tống, nước Tần, nước Sở; nội ứng thì có họ Loan, họ Cô, họ Tiết; mặc dù Tấn Văn công lưu vong đã mười năm nhưng ý chí lúc nào cũng chuyên nhất.

Không thể so sánh Tử Can với Tề Hoàn công và Tấn Văn công được.

Đúng như lời Thúc Hưởng, Tử Cán làm vua không được bao lâu, bị em là Khí Tật giết và lên làm vua, gọi là Sở Bình vương.

5. Những nguy cơ mất ngôi, mất nước :

Lỗ Chiêu công chết ở đất Càn. Triệu Giản Tử hỏi quan viết sử :

- Họ Lý đuổi nhà vua nhưng trăm họ kính nể, các nước hư hầu thần phục. Nay nhà vua phải chết ở ngoài biên cảnh, mà chẳng có ai bị trừng phạt là tại sao ?

Quan viết sử nói :

- Mọi vật, mọi việc, đều tồn tại song phương, cũng có thể thành hai, thành ba, thành năm. Vì vậy, trời có mặt trời, mặt trăng, sao; đất có năm hình dạng; thân thể có phải có trái; phối hợp với nhau; vua thì có công, chư hầu thì có khanh, công khanh là những người phụ trợ.

Từ trước đến nay, trải qua mấy đời, họ Lý phụ trợ các vua nước Lỗ. Các vua nước Lỗ thì lo hưởng nhàn, họ Lý thì vất vả chăm lo cho dân. Lâu dần dân chỉ biết có họ Lý mà quên hẳn nhà vua của nước họ.

Nay, Lỗ Chiêu công chết ở ngoài biên cảnh mà chẳng ai thắc mắc, chẳng ai luận tội hoặc bị trừng phạt, là do vậy.

Xã tắc không bao giờ cố định, việc tế lễ cũng không nhất thiết thời nào cũng giống thời nào ? Địa vị quân thần cũng không thể cố định và bất biến.

Cho nên, Kinh Thi viết : Biển xanh hóa cồn dâu (Thương hải biến vi tang điền).

Suy ra, con cháu tam vương (Hạ, Thương, Chu) cũng trở thành những kẻ bình dân.

Theo Kinh Dịch, quẻ Đại tráng, trên là Lôi (sấm) dưới là Càn (trời), Lỗ Chiêu công chết ở đất Càn cũng là điềm báo, chính quyền đang nằm ở trong tay họ Lý. Cho nên, đạo làm vua phải hết sức cẩn thận, nắm chắc khí vật (quyền lực chính quyền) và địa vị, không nên trao cho người khác.

Lưu Hưởng cho rằng : “ Quân chủ không nghĩ đến sự an toàn của bản thân thì loạn nổi lên khắp nơi, không nghĩ đến sự sinh tồn của bản thân thì sẽ bị diệt vong. Nguyên nhân là không có sách lược để chế ngự quần thần. Nếu để bề tôi nắm trọng quyền thì có thể nguy cho quân chủ.

Chẳng hạn, các đại thần, các quý tộc thay nhau nắm quyền, vượt quyền nhà vua : Nước Tấn có sáu quan khanh. Nước Tề có họ Thôi, họ Điền. Nước Vệ có họ Tôn, họ Ninh. Nước Lỗ có họ Lí, họ Mạnh.

Kết cuộc, nước Tấn bị sáu quan khanh xẻ như bố dứa để chia nhau.

Nước Tề, Tề Trang công bị Thôi Trữ giết.

Nước Vệ, Vệ Hiến công bị Tôn Lâm Phủ và Ninh Thực đuổi đi.

Nước Lỗ, họ Lý tiếm dụng nhạc của nhà vua; họ Lý, họ Tôn, họ Thúc, cả ba nhà dùng tông miếu của nhà vua để tế lễ, những họ này đã nắm chính quyền, cuối cùng đã đuổi Lỗ Chiêu Công.

Nói chung, các đại thần, quý tộc nắm quyền, vượt quá quyền nhà vua, vua sẽ dễ mất ngôi ”.

Phạm Tuy tâu với Tần Chiêu vương : “ Ba đời Hạ, Thương, Chu đều bị diệt vong là do nhà vua thích rượu chè, ham săn bắn, không lo việc triều chính.

Nhà vua quá tín nhiệm trọng thần, trọng thần sinh lòng đổ kị với những người hiền năng, dối trên gạt dưới, tư dục nhiều nếu không được đáp ứng, lúc ấy họ không còn nghĩ đến vua nữa. Nếu nhà vua không tỉnh ngộ sẽ bị mất nước.

Nay, tôi thấy đại vương bên trong tuy có nhiều quan chức cao cấp nhưng không có một người nào tâm phúc, đại vương bị cô lập, nên bên ngoài chẳng có ai cứu viện. Tôi thấy lo cho đại vương lắm !”

Khổng tử nói : “ Quân chủ đã mất quyền thế, quốc gia nằm trong tay đại thần, là dấu hiệu của sự diệt vong ”.

6. Biến loạn của một nước và cục diện các nước chung quanh :

Khổng tử đang ở nước Vệ, nghe tin Điền Thường muốn làm loạn nước Tề nhưng còn e bọn Cao Chiêu tử, Quốc Huệ tử, Bào Mục, Ân Ngữ cho nên chuyển quân đi một nơi định đánh nước Lỗ, Khổng tử bèn họp các học trò và nói rằng :

- Nước Lỗ là nơi có mồ mã tổ tiên ta, là nước cha mẹ ta chôn nhau cắt rốn. Nay nước lâm nguy, tại sao các anh không đi cứu ?

Tử Lộ xin đi. Khổng tử không cho. Tử Trương, Tử Thạch xin đi. Khổng tử không chịu. Tử Cống tình nguyện. Khổng tử bằng lòng.

Tử Cống đến nước Tề, nói thẳng với Điền Thường :

- Ông muốn đánh nước Lỗ là ông lầm. Nước Lỗ rất khó đánh, là vì thành quách nước Lỗ mỏng và thấp; đất đai nước Lỗ rất hẹp, không có bề sâu; vua chúa nước Lỗ đần độn, không có lòng nhân, các quan đại thần lại dối trá, vô dụng, dân chúng lại ghét chiến tranh. Vì lẽ đó, không thể đánh nhau với nước ấy được.

Ông nên đánh nước Ngô là hơn. Nước Ngô thành quách cao và dày; đất đai rộng và có bề sâu; binh khí tốt, lại mới; binh sĩ cũng trẻ trung, sung sức; binh khí tốt, quân đội tinh thực tập trung cả ở đó; quan đại phu giữ thành lại là người sáng suốt. Như thế dễ đánh.

Điền Thường nổi giận, biến sắc, nói :

- Cái mà người ta cho là dễ, ông lại bảo là khó; cái mà người ta cho là khó, ông lại bảo là dễ. Ông dùng những lời lẽ ỡm ờ như vậy để dạy khôn Thường nay hoặc có ý gì ?

Tử Cống nói :

- Tôi nghe nói, bị chèn ép ở triều đình thì phải đem quân đi đánh nước mạnh, bị dân chúng không ưa thì đem quân đi đánh nước yếu. Nay tôi được biết, ông đang bị chèn ép ở triều đình, ông ba lần được phong mà cả ba lần đều huyệt. Chứng tỏ là trong đám đại thần có kẻ không ưa ông, chống đối ông. Bây giờ, ông định đánh nước Lỗ để mở mang bờ cõi cho nước Tề. Nếu ông thắng, thì là làm cho nhà vua thêm kiêu ngạo, rồi xa lánh ông, không những vậy, khiến cho các đại thần thêm hiển quý, chắc công lệnh cũng không đến lượt ông. Vua mà kiêu ngạo, sẽ sinh ra càn rỡ, quần thần mà kiêu ngạo thì sinh ra tranh giành. Lúc ấy, cái thế của ông lại càng thêm nguy hiểm. Cho nên, tôi nói đánh nước Lỗ khó là vì vậy !

Nếu ông đánh thắng nước Ngô, thì dân chúng không oán ông, quần thần sợ lâm nguy nên họ lại trông cậy vào ông, vua cũng phải chiều ý ông. Lúc ấy cái thế của ông thêm vững vàng. Cho nên, tôi nói đánh nước Ngô để là vì vậy.

Diễn Thường nói :

- Phải lắm ! Nhưng khốn nỗi là tôi đã đưa quân đến nước Lỗ mất rồi. Bây giờ mà tôi kéo quân đi đánh Ngô thì bọn đại thần sẽ nghi ngờ. Vậy, phải làm thế nào ?

Tử Cống nói :

- Ông chỉ có việc án binh bất động. Tôi xin đi sứ nước Ngô, yêu cầu Ngô vương cứu Lỗ mà đánh Tề. Nhân đó, ông đem quân nghênh chiến với Ngô.

Diễn Thường bằng lòng.

Tử Cống đi đến nước Ngô, rồi sang nước Việt, đến nước Tấn.

Sau chuyến đi của Tử Cống : Ngô vương đánh nhau với Tề ở Ngải Lăng, quân Ngô đại thắng, bắt sạch binh sĩ của của bảy tướng Tề mà cũng không triệt thoái, cứ thế tiến thẳng sang Tấn. Quân Ngô và quân Tấn gặp nhau ở Hoàng Trì, quân Tấn đại phá quân Ngô. Nhân đó, quân Việt kéo quân vượt sông Tiền Đường đánh úp nước Ngô, đóng quân cách kinh đô nước Ngô chỉ có bảy dặm. Hay tin, quân Ngô vội vã rời Tấn trở về, giao chiến với quân Việt ở Ngũ Hồ luôn ba trận mà không thắng. Cống thành của Ngô bị chọc thủng, quân Việt ồ ạt vây chặt cung Ngô, giết chết Ngô vương Phù Sai cùng với viên tể tướng.

Tử Cống đi một lần là nước Lỗ được bảo tồn, nước Tề bị rối loạn, nước Ngô bị đánh phá, nước Việt dựng nên nghiệp bá. Trong vòng 10 năm, cả năm nước Lỗ, Tề, Ngô, Tấn, Việt đều thay đổi cục diện.

7. Phản và không phản :

Vũ Thiệp và Khoái Thông thuyết Hàn Tín phản Hán, chia ba thiên hạ :

Quân Sở giao tranh với quân Hán, quân Sở mất Long Thư, Hạng vương đâm sợ, sai Vũ Thiệp, người huyện Hú Di, thuyết Tề vương Hàn Tín.

Vũ Thiệp nói với Hàn Tín :

- Thiên hạ khổ mãi về Tần, đã cùng nhau nỗ lực đánh Tần. Phá được Tần rồi, tính công, cắt đất, chia phần nhau mà làm vua, cho sĩ tốt nghỉ ngơi.

Nay, Hán vương lại đẩy quân Đông tiến, lấn phần người khác, cướp đất người khác, phá xong Tam Tần, đem quân ra Hàm Cốc, thu dụng binh lính của chư hầu để kéo sang Đông đánh Sở, định tâm không thôn tính hết thiên hạ thì không thôi, lòng tham không chán, quả là quá lắm !

Mà Há đã chắc gì thủ thắng, mấy lần số phận của Hán vương đã nằm trong tay của Hạng vương, Hạng vương để cho Hán vương sống nhưng khỏi vòng thì Hán vương bội ước, quật lại Hạng vương. Chẳng ai mà ăn ở thiếu tín nghĩa như Hán vương.

Nay, túc hạ tự cho mình đối với Hán vương là chỗ giao tình rất hậu, hết sức giúp đỡ ông ta về quân sự. Dù vậy, trước sau ông ta cũng bắt túc hạ chứ chẳng phải chơi ! Sở dĩ, túc hạ còn sống cho đến nay là vì còn có Hạng vương.

Bây giờ, túc hạ ngả về Tây thì Hán vương thắng, ngả về Đông thì Hạng vương thắng. Hôm nay Hạng vương mất, thì ngày mai túc hạ sẽ bị bắt.

Túc hạ với Hạng vương cũng phải là chỗ xa lạ, tại sao túc hạ không phản Hán, thỏa hiệp với Sở, chia ba thiên hạ mà làm vua ?

Nếu túc hạ khư khư giúp Hán đánh Sở, là bỏ mất cơ hội, đã là một bậc trí giả, không ai làm như thế ?

Hàn Tín từ tạ, nói rằng :

- Tôi thờ Hạng vương, chức bất quá là tên lang trung, vị bất quá là anh chấp kích, lời tôi nói không được nghe, mưu tôi bày không được dùng, cho nên tôi mới bỏ Sở về với Hán. Hán vương trao cho tôi ấn thượng tướng quân, đặt dưới quyền tôi mấy vạn sĩ tốt, cưỡi áo đẹp cho tôi mặc, nhường cơm ngon cho tôi ăn, lời tôi nói được nghe theo, mưu tôi bày được áp dụng, cho nên tôi mới được như ngày hôm nay. Người ta đã hết lòng tin cậy mình, mà mình lại phản bội người ta, như thế là không hay ! Dù chết, tôi cũng hề thay dạ đổi lòng. Nhờ ông cảm ơn Hạng vương giúp tôi.

Khoái Thông, người nước Tề, giả làm người xem tướng, nói với Hàn Tín :

- Kẻ hèn nay đã từng học phép xem tướng người.

Hàn Tín hỏi :

- Phép xem tướng của tiên sinh như thế nào ?

Khoái Thông đáp :

- Sang, hèn xem ở cốt cách; vui mừng, lo lắng xem ở dung nhan, khí sắc; thành bại, xem ở chỗ có quyết đoán hay không ? Dùng ba phương pháp này mà xem thì muôn người không sai một.

Hàn Tín nói :

- Phải ! Tiên sinh xem tướng ta thế nào ?

Khoái Thông thưa :

- Xin chờ một chút !

Hàn Tín nói :

- Kẻ tả hữu đã ra ngoài hết rồi.

Khoái Thông nói :

- Lúc thiên hạ khởi việc can qua, các bậc anh hùng hào kiệt đứng lên đóng dả, kẻ sĩ khắp bốn phương ùn ùn hưởng ứng, chen vai thích cánh, khí thế như gió bốc, lửa bùng. Cái mối lo duy nhất lúc ấy của mọi người là làm sao diệt được nhà Tần.

Nay, Hán – Sở phân tranh, khiến cho những người dân vô tội trong thiên hạ chết một cách thê thảm, gan mật tung tóe khắp nơi, cha con cùng phơi thây giữa đồng không kể xiết.

Quân Sở dấy lên từ Bành Thành lưu chuyển tác chiến, truy kích địch quân đến Vinh Dương, thừa cái thế thắng lợi lần lượt mở rộng đất đai, uy danh lừng lẫy khắp thiên hạ. Nhưng rồi quân gặp khó khăn ở miền Kinh, Sách, bị núi non hiểm trở từ Thành Cao trở về Tây ngăn ngáng chặn, ba năm không tiến lên được.

Hán vương đem mười vạn quân đến Củng Huyện, Lạc Dương, nhờ thế núi sông hiểm trở, một ngày khai chiến mấy lần, cũng chẳng thu được mảy may kết quả, mà còn bị thua chạy dài, không tự cứu nổi, thảm bại ở Vinh Dương, bị thương hở Thành Cao, bèn rút về vùng Uyển, Nhiếp. Nói, trí dũng mà bị kẹt cứng là như vậy đó.

Nhuệ khí bị tỏa chiết nơi ải hiểm, lương thực bị khánh kiệt nơi kho đụn, trăm họ mệt mỏi than oán, trông chừng chẳng biết tựa vào đâu ?

Cứ như tôi dự liệu, trong cái thế đó, không phải bậc hiền thánh trong thiên hạ, dĩ nhiên chẳng dập tắt được mối họa trong thiên hạ.

Hiện nay, tính mệnh của hai vị nhân chủ đều treo dưới tay của túc hạ. Túc hạ vì Hán thì Hán Thắng, túc hạ thân Sở thì Sở thắng.

Tôi nguyện phơi gan dãi mật cố gắng trình bày mưu kế nông cạn, chỉ sợ túc hạ không dùng, nếu quả túc hạ dùng mưu kế của tôi thì lợi cho cả đôi bên, đôi bên cùng tồn tại, chia ba thiên hạ, tạo thành thế chân vạc.

Túc hạ là bậc hiền thánh, binh giáp nhiều, lại nắm được nước Tề mạnh, với những điều kiện này, thì túc hạ có thể hiếp chế được hai nước Yên, Triệu, từ đó thúc xuống phía Nam, khống chế hầu phương Hán. Nhân khát vọng của dân, từ Tề kéo quân hướng về phía Tây mà ngăn chặn cuộc chém giết giữa Hán và Sở để cứu mạng sống cho trăm họ, thì trăm họ sẽ tới tấp hưởng ứng, còn ai dám không nghe theo ?

Trước giảm lực lượng của các nước lớn mạnh để thành lập chư hầu, chư hầu được thành lập rồi, thiên hạ sẽ cảm ơn đức mà quy phục Tề gồm lưu vực Giao Hà và Tứ Hà, túc hạ sẽ lấy đức mà vỗ về chư hầu, củng cố nội bộ, khiêm nhường đối với ngoài, thì các vua chúa trong thiên hạ sẽ dắt díu nhau đến châu nước Tề. Thành ngữ có câu : “ Trời cho chẳng lấy, chuốc lấy phần quấy, thời tới chẳng làm, tai ương sẽ thấy ”. Xin túc hạ nghĩ kỹ cho !

Hàn Tín nói :

- Hán vương đãi tôi rất hậu, nhường xe cho tôi đi, nhường áo cho tôi mặc, nhường bữa cho tôi ăn. Tôi nghe nói : Ngồi xe của người thì chở hoạn nạn cho người, mặc áo của người thì ôm ưu tư cho người, ăn cơm của người thì sống chết lo cho công việc của người. Tôi há vì mối lợi mà quay lưng với điều nghĩa ?

Khoái Thông nói :

- Túc hạ cho rằng thân thiện với Hán vương để xây dựng sự nghiệp muôn đời là lầm. Lúc hàn vi, Thường Sơn vương và Thành An quân là đôi bạn thề sống chết có nhau. Sau vì chuyện Trương Yểm, Trần Trạch, mà hi bên sinh xích mích, oán thù.

Thường Sơn vương phản Hạng vương, lấy đầu Hạng Anh đem dâng cho Hán vương. Hán vương mượn quân Thường Sơn vương kéo sang phía Đông, giết Thành An quân ở phía Nam Trì Thủy, bỏ đầu một nơi, chân một nẻo, làm trò cười cho thiên hạ.

Trong thiên hạ, đôi bạn ấy thương nhau không ai bằng, ấy thế mà bắt nhau, hại nhau. Là tại sao ? Là tại họa phát sinh từ chỗ nhiều dục vọng mà lòng người thì khó lường.

Nay, túc hạ muốn lấy đạo trung tín kết giao với Hán vương, mối giao tình ấy không thể khăn khít, bền chặt hơn giao tình giữa Thường Sơn vương và Thành An quân. Chuyện giữa túc hạ với Hán vương còn lớn hơn chuyện Trương Yểm, Trần Trạch.

Cho nên, tôi cho rằng, túc hạ cứ tin rằng Hán vương không hại mình, là túc hạ quá lầm.

Đại phu Văn Chủng và Phạm Lãi cứu nước Việt khỏi bị diệt vong, giúp Việt vương Câu Tiễn xây dựng nghiệp bá; công lập danh thành mà thân chết. Dã thú chết rồi, thì chó săn bị lược.

Luận về giao tình của giữa hạ với Hán vương, thì không thân bằng Trương Nhĩ với Thành An quân, luận về trung tín thì cũng không hơn được Văn Chủng, Phạm Lãi. Đó là điều túc hạ nên suy gẫm.

Vả lại, tôi nghe nói, dùng lược làm cho đảng nhân chủ gờm thì thân nguy, công trạng bao trùm thiên hạ thì không thể thưởng thế nào cho xứng. Túc hạ vượt Tây Hà, cầm tù Ngụy vương, bắt sống Hạ Duyệt, dẫn quân xuống Tĩnh Hình, giết Thành An quân, chiếm đất Triệu, hiếp chế Yên, bình định Tề, phía Nam bẻ gãy hai mươi vạn quân Sở, phía Đông giết Long Thư, hướng về Tây báo công với Hán vương. Công trạng của túc hạ như vậy, là có một không hai dưới gầm trời, dùng lược của túc hạ như vậy là siêu quần xuất chúng. Nay, túc hạ đeo cái uy để chúa gờm, ôm cái công chẳng thể thưởng, túc hạ về Sở, Sở không tin, về Hán, Hán run sợ. Thế thì túc hạ về đâu bây giờ ? Tôi trộm lấy làm nguy cho túc hạ.

Hàn Tín nói :

- Xin tiên sinh ngừng lời, để cho tôi nghĩ lại.

Vài ngày sau, Khoái Thông lại thuyết :

- Nghe người nói, phải thấy rõ sự tình, ấn định kế hoạch là đã gieo mầm thất bại hay thành công. Nghe lầm, tính sai mà được yên ổn lâu dài là chuyện hiếm có.

Với người giỏi nghe, thì không lẫn lộn lời đúng với lời sai, không hoang mang trước người miệng lưỡi, khéo nói. Với người giỏi ấn định kế hoạch, thì có lớp lang, gốc ngọn, thì không bị mê hoặc bởi lời lẽ ứng thù. Cam tâm làm công việc chẻ củi, nuôi ngựa, thì tất bỏ cái quyền của người có muôn cỗ xe; an phận ôm chút lương bổng còm cõi, thì tất bỏ cái ngôi khanh tướng. Cho nên, quyết đoán là sáng suốt, nghi hoặc thì hỏng việc.

Những việc nhỏ nhặt thì xét rất tỉ mỉ, những việc trọng đại thì lại thiếu sót; biết việc đó là thật nhưng không quyết đoán. Đó là mối họa của trăm việc.

Cho nên, con hổ dữ mà do dự thì không bằng con rết dám đốt, giống ngựa tốt như Kì, ngựa Kí mà quanh quẩn mãi, cũng không bằng con ngựa dỏ vững bước tiến lên; vũ dũng như Mạnh Bôn mà hồ nghi cũng không bằng kẻ tầm thường quyết làm tới; tuy thông minh sáng suốt như vua Thuấn, vua Vũ mà cứ rên rỉ loanh quanh chẳng làm, cũng không bằng người tuy vừa câm vừa điếc nhưng làm việc nào ra việc đấy. Đó là cái lẽ : Việc quý ở chỗ làm được; công khó thành mà dễ hỏng; thời khó được mà dễ mất. Cái thời, thời đã qua rồi, thì không trở lại. Xin túc hạ xét kĩ cho !

Hàn Tín do dự không nổi phản Hán, lại tự cho mình nhiều công trạng, thì chắc Hán vương không cướp nước Tề, bèn từ tạ Khoái Thông.

Khoái Thông thấy mình nói không đả lờ, giả điên, làm đồng cốt, để tránh họa sát thân.

Sau này, Hán Cao tổ giả tuần thú đến đất Trần, sai vũ sĩ bắt trói, bỏ Hàn Tín lên xe chở về giam lỏng ở Lạc Dương.

Cuối cùng, Hàn Tính bị Lữ hậu lừa, chém trong căn nhà treo chuông ở cung Trường Lạc và giết sạch ba họ.

Triệu Cao thuyết Lý Tư giả chiếu thư lập Tần Nhị Thế :

Tần Thủy Hoàng tuần du đến Sa Khâu, bệnh tình trở nên nặng, lệnh cho Triệu Cao viết di chiếu ử thác cho Thừa tướng Lý Tư giao cho Thái tử Phù Tô lo liệu đám tang và lên kế vị ngai vàng. Lúc ấy, Thái tử Phù Tô đang làm Giám quân ở Thượng Quận với tướng Mông Quát.

Khi Tần Thủy Hoàng tắt thở chỉ có ba người bên cạnh là Hồ Hợi, Lý Tư và hoạn quan Triệu Cao.

Nguyên Mông Quát và Mông Nghị là hai anh em, đã từng luận tội và xử Triệu Cao tội chết. Triệu Cao suy nghĩ, nếu Thái tử Phù Tô lên làm Hoàng đế, sẽ trọng dụng Mông Quát, Mông Nghị. Như thế sẽ bất lợi cho Triệu Cao. Triệu Cao liền bàn riêng với Hồ Hợi giả chiếu thư và lập Hồ Hợi lên làm Hoàng đế. Hồ Hợi mừng lắm nhưng do dự không biết làm bằng cách nào ? Triệu Cao hứa với Hồ Hợi sẽ làm việc này một cách khéo léo và chu toàn.

Triệu Cao đến gặp Lý Tư để thương lượng, hằn ca ngợi Hồ Hợi là nhân từ, trung hậu. Triệu Cao còn phân tích, nếu Thái tử Phù Tô lên làm Hoàng đế sẽ trọng dụng tướng Mông Quát. Phù Tô và Mông Quát vốn đã có hiềm khích với Lý Tư, chắc chắn sẽ không để yên cho Lý Tư.

Ban đầu, Lý Tư lạnh toát mồ hôi nhưng sau khi nghe Triệu Cao phân tích, hơn nữa chẳng có con đường nào khác, Lý Tư đành phải nghe theo Triệu Cao. Thuyết phục được Lý Tư rồi, Triệu Cao không vội phát tang, mà viết chiếu chỉ

giả, cho người thân tín đưa thư cho Thái tử Phù Tô và Mông Quát phải tự sát, vì mang tội bất trung.

Triệu Cao cho tử thi của Tần Thủy Hoàng lên một chiếc xe lớn, thường dùng để nằm, kéo cờ giống trống như khi Hoàng đế còn sống. Triệu Cao ra lệnh mọi người, kẻ nào không có phận sự không được đến gần, ai trái lệnh sẽ bị chém đầu. Nghe lệnh, ai cũng lấy làm lạ nhưng chẳng một ai dám hé răng. Các quan địa phương kiến giá nhưng chẳng ai biết Tần Thủy Hoàng đã chết.

Gặp lúc trời chuyển mùa sang thu, khí trời oi bức, xác Tần Thủy Hoàng bốc mùi hôi thối không chịu được. Triệu Cao cho xe Tần Thủy Hoàng đi theo các xe chở cá vào thành. Lại một chuyện lạ, nhưng chẳng ai dám hỏi.

Về đến kinh thành, quân hồi báo cho biết, Thái tử Phù Tô đã tự sát, và đã bắt được tướng Mông Quát giam vào ngục, Triệu Cao cho công bố di chiếu của Tần Thủy Hoàng lập Hồ Hợi lên làm Hoàng đế, gọi là Nhị Thế Hoàng đế hoặc Tần Nhị Thế.

Sau này, Triệu Cao âm mưu hại Lý Tư. Lý Tư bị Tần Nhị Thế giáng tội ngũ hình, thân xác bị vằm làm mẩu.

Khi Hạng Vũ và Lưu Bang tiến đánh Tần, Triệu Cao giết Hồ Hợi, lập Tử Anh lên làm vua và bắt Tử Anh đàm phán với Hạng Vũ và Lưu Bang. Tử Anh giết Triệu Cao.

Ứng Cao khuyên Ngô vương Lưu Tỵ phản nhà Hán :

Ngô vương Lưu Ty lấy cớ là bị bệnh, không vào triều. Triều đình muốn tước đất phong của Ngô vương, liền sai sứ thần đem chiếu thư cho Ngô vương. Ngô vương đọc xong chiếu thư, sai Ứng Cao đến gặp Giao Tây vương.

Ứng Cao nói với Giao Tây vương:

- Ngô vương rất buồn bã, bấy lâu nay không ra khỏi đất phong. Vừa rồi, sứ thần của triều đình, đem chiếu thư đến cho Ngô vương.

Giao Tây vương hỏi :

- Thế Ngô vương sai ông đến, có dặn điều gì chỉ dạy tôi chăng ?

Ứng Cao đáp :

- Hiện nay hoàng thượng bị bọn gian thần che lấp, tay chân hoàng thượng chỉ là bọn tiểu nhân, chúng đua nịnh, dèm pha, hám lợi, ghen ghét những kẻ hiền lương và thay đổi pháp lệnh.

Ngài và Ngô vương tuy được phong hầu nhưng bọn gian thần và bọn tiểu nhân ngày ngày để mắt dò xét, khiến ngài và Ngô vương ngày đêm lo lắng. Ngô vương quá lo lắng sinh bệnh, đã hai mươi năm không vào triều. Vừa rồi, sứ thần đến là mời Ngô vương vào triều để hỏi tội, không biết có được khoan thứ hay không ?

Tôi lại nghe ngài mua bán tước lộc của triều đình, chuyện này triều đình cũng đã biết, đây là tội rất nặng, đại vương không sợ là bị tước đất phong, mất chức hay sao ?

Giao Tây vương hỏi :

- Bây giờ làm cách nào ?

Ứng Cao nói :

- Cầm và hận đều hổ tương tác dụng lẫn nhau, hứng thú giống nhau thì tương cứu lẫn nhau, tính tình tương đồng thì hổ tương làm cho sự nghiệp hoàn thành, cùng lợi ích thì cùng sinh cùng tử. Ngài và Ngô vương cùng hoạn nạn, nên cùng khởi binh để trừ hoạ cho thiên hạ là hay nhất.

Giao Tây vương nghe nói, thất kinh, nói :

- Tôi cũng đang bị hoàng thượng truy bức, tình hình cũng rất nguy, chỉ có một con đường chết mà thôi ! Làm sao mà khởi binh cho được ?

Ứng Cao nói :

- Nay Tiều Thác đại phu mê hoặc thiên tử, xâm đoạt các chư hầu, chà đạp đè nén trung thần, các đại thần đều ta oán, chư hầu đều có ý phản; sao Chối xuất hiện, châu châu nhiều lần phát sinh. Đây là cơ hội, ngàn đời có một.

Bên trong, Ngô vương sẽ tìm cách giết Tiều Thác, bên ngoài ngài đem quân mã quét ngang thiên hạ, ai ai lại không hàng phục.

Nếu như đại vương đồng ý, Ngô vương sẽ lệnh cho Sở vương công Hàm Cốc quan, thủ ở Vinh Dương, Ngao Thương, để chống cự với quân Hán, tu sửa dinh lũy để đại vương đến xem. Nếu được như vậy, sẽ kiêm tính cả thiên hạ. Đại vương và Ngô vương chia thiên hạ để cai trị.

Giao Tây vương nói :

- Hay !

Sau đó, bảy chư hầu đều khởi binh. Nhưng cuối cùng đều thất bại.

Tư Mã Thiên viết : “ Từ khi nhà Hán hưng, Hiếu Văn đế thi ân bố đức, thiên hạ thái bình. Đến thời Hiếu Cảnh đế không lo đến các vua chư hầu khác họ. Tiều Thác, không có sách lược làm yếu các chư hầu, mà lại muốn tước đoạt đất đai của các chư hầu đồng tính, dẫn đến loạn thất quốc. Bảy chư hầu liên minh Tây tiến đánh triều đình. Đến đời Chủ Phụ Yển mới có sách lược tước đoạt thế lực các chư hầu, lúc ấy quốc gia mới yên ổn”.

Cho nên, sự an nguy của quốc gia đều liên quan đến sách lược”.

Ngũ Bì khuyên Hoài Nam vương không nên phản Hán :

Lệ vương Lưu Trường, mưu phản, âm mưu bại lộ bị triều đình bắt bỏ vào tù xa đày đến đất Thục, đi đến đất Ung thì bị chết đói.

Nhà vua xuống chiếu ban cho ba người con của Lệ vương Lưu Trường làm vua chư hầu, trong đó có Hoài Nam vương Lưu An. Lưu An rất oán hận triều đình, có ý làm phản nhưng chưa có cơ hội.

Một đêm, Hoài Nam vương Lưu An cùng với một số người thân tín bàn bạc, nghiên cứu địa đồ, bày binh bố trận, chuẩn bị làm phản, mời Ngũ Bì đến để thương nghị. Ngũ Bì can rằng :

- Nhà vua đã khoan dung cho đại vương, thế mà đại vương còn âm mưu làm phản là tại sao ? Tôi xin dẫn chứng về đạo hưng vong xưa nay để đại vương suy xét :

Ngày xưa, Chu Văn vương phát động chống Trụ vương mà tiếng tăm hiển hách, tạo dựng sự nghiệp tồn tại đến ba đời, đời nào cũng có những minh quân. Lúc khởi sự, Vũ vương không ước hẹn mà dân chúng cũng theo về.

Vì việc khởi binh của Văn vương hợp với ý trời thuận với lòng dân.

Trăm năm gần đây là chuyện nhà Tần, Tần Thủy Hoàng phế đạo của thánh nhân, đốt sách chôn học trò, bỏ lễ nghĩa, tôn sùng, lạm dụng hình ngục. Tướng tá của nhà Tần rong ruổi từ Đông sang Tây, chiến tranh liên miên, kinh tế kiệt quệ, nam quanh năm suốt tháng cật lực cày ruộng, mà phải ăn cám, nữ ngày đêm dệt vải mà áo chẳng ấm thân.

Tần Thủy Hoàng lại sai Mông Quát xây trường thành, từ Đông sang Tây, dài cả ngàn dặm, lao dịch đông đến cả 10 vạn người, máu nước mắt chảy thành sông suối, thiên hạ lao khổ vô cùng. Cho nên, mười nhà thì đã có năm nhà muốn chống lại Tần.

Tần Thủy Hoàng lại sai Từ Phúc đem người ra biển tìm ngọc quý hiếm, những vật lạ lùng và tìm thuốc trường thọ. Từ Phúc nói dối với Thủy Hoàng : Thần thấy ngoài biển có vị thần lớn, cần có đóng thuyền bè, rồi tuyển các đồng nam đồng nữ, đưa lên thuyền ra đó, thì thần sẽ cho thuốc trường sinh.

Thủy Hoàng tưởng thật, cho đóng thuyền bè, tuyển ba ngàn đồng nam đồng nữ theo Từ Phúc đi tìm thuốc trường sinh. Ai dè, Từ Phúc đi không về, tìm ra đảo vắng và lập một nước riêng. Dân chúng nhớ người thân, đau đớn tột cùng, lúc ấy mười nhà thì hết sáu nhà muốn chống lại Tần.

Tần Thủy Hoàng lại sai Úy Đà suất quân vượt qua Ngũ Lĩnh, đánh Bách Việt. Úy Đà đem quân đi nhưng bao giờ trở về Bắc nữa, mà xưng vương ở đất Việt. Úy Đà lại còn dâng thư cho Thủy Hoàng huy động thêm 3 vạn phụ nữ không cho xuất giá, mặc áo nhà binh. Thủy Hoàng nghe theo và huy động được một vạn rưỡi phụ nữ.

Việc này, đã làm cho dân chúng thêm phần uất, mười nhà thì đã có bảy nhà muốn chống Tần.

Lúc ấy, Hán Cao tổ cho rằng : Thời cơ đã đến rồi ! Còn đợi gì nữa. Hán Cao tổ phát động chống Tần. Hán Cao tổ cũng không ước hẹn với dân chúng nhưng dân chúng ùn ùn đi theo, như trời nắng hạn gặp mưa. Cuối cùng, nhà Tần bị diệt.

Chuyện gần đây là Ngô và Sở. Triều đình ban cho Ngô vương được tế rượu cho họ Lưu, tức xem là người trong gia tộc, lại còn ân chuẩn không phải vào triều bái kiến. Đất đai Ngô vương vuông tròn ngàn dặm, có bốn đô thành sung túc, bên trong đúc đồng để làm tiền, phía Đông là biển với nguồn lợi là muối, vùng Giang Lăng thuyền bè san sát; nước giàu, dân đông.

Thế rồi, Ngô vương hưng binh phản loạn, đem quân Tây tiến, bị phá ở Lương, bị bại ở Cô Phụ, Ngô vương bỏ chạy bị người Việt giết, để tiếng cười về sau.

Tương tự nước Ngô, nước Sở hưng binh phản loạn cũng bị thảm bại.

Nguyên nhân, Ngô – Sở khởi sự không thành công là vì đi ngược với thiên đạo, không biết thời thế và âm mưu bị bại lộ.

Hiện nay, binh lực của đại vương không mạnh bằng binh lực của Ngô, lực lượng của đại vương không bằng một phần mười lực lượng của Sở; thiên hạ lại thái bình hơn thời Tần gấp vạn lần. Cho nên, đại vương không nên mưu tính chuyện làm phản.

Tôi lại nghe, người thông minh không cần nghe thanh đã biết âm, bậc thánh nhân nhìn thông suốt tương lai của mình, nên vạn sự không hề sai chạy một li.

Ngày trước Ngũ Tử Tư hết lòng trung can gián Ngô vương Phù Sai. Phù Sai không nghe. Ngũ Tử Tư cho rằng, không sớm thì muộn, thành Cô Tô phần hoa sẽ biến thành bình địa, trở thành nơi trú ẩn của hươu nai. Sau này đúng y như lời dự đoán của Ngũ Tử Tư. Vì Tử cũng đã hết lòng khuyên can vua Trụ. Trụ cố

chấp không nghe, cuối cùng bị thiệt thân, mất nước.

Đại vương không nghe lời can gián của tôi, cứ bàn chuyện phản nghịch, biết đâu tin tức bại lộ ra ngoài, thì e rằng không tránh được tai họa.

Nếu đại vương không nghĩ lại, cứ khư khư giữ ý kiến của mình, thì cũng là cách tự viết tuyệt mệnh thư cho chính mình vậy. Tôi lấy làm lo lắng cho đại vương !

Mạnh tử nói : “ Trụ vương thân là thiên tử cao quý nhưng chết y như một kẻ thất phu ”. Câu nói này, không phải là không có ý nghĩa.

Hoài Nam vương nghe xong, đầu óc rối bời, tinh thần ủ rũ, trầm trọc suốt mấy đêm.

Mấy ngày sau, Hoài Nam vương lại cho mời Ngũ Bì đến, hỏi :

- Bây giờ có phải là thời loạn hay không ?

Ngũ Bì thưa :

- Theo sự quan sát của tôi, vua tôi đều giữ đạo nghĩa, cha con thân nhau, nam nữ khu biệt, lớn nhỏ theo thứ tự, tất cả đều phù hợp với quy phạm đạo đức. Phong tục, kỉ cương xã hội, không có gì đáng chê, đáng trách. Nước phía Nam thần phục; người Khương, người Sở đến triều cống; các nước phía Đông hàng phục; Hung Nô bị hao binh tổn tướng, nước Quyết không dám quật khởi. Hiện nay, tuy

không phải thời thịnh thế như thời xưa nhưng không phải là loạn thế. Nếu đại vương cứ nghĩ đến chuyện khởi binh tạo phản, thì chuốc lấy họa hơn là phúc.

Hoài Nam vương nghe nói, tức giận. Ngũ Bì xin lỗi và tự xin được ban tội chết. Hoài Nam vương nguôi giận, nói :

- Ngày trước, Ngô Quảng, Trần Thắng không có đất cắm dùi, người không quá một ngàn, mà dương ngọn cờ ở Đại Trạch, ra hiệu lệnh thì dân chúng đi theo, khi Tây tiến thì đông đến cả trăm vạn.

Nay, ta tuy không phải là nước lớn nhưng binh lính có trên 10 vạn, trang bị và lương thực đầy đủ, thế mà ông nói khởi sự thì mang họa là sao ?

Ngũ Bì thưa :

- Vì ngày trước, nhà Tần bạo ngược, tàn hại dân chúng, làm cho cha lìa con, vợ lìa chồng, ai nấy đều muốn thoát khỏi dầu sôi lửa bỏng, nên đi theo ngọn cờ và hiệu lệnh của Ngô Quảng, Trần Thắng.

Ngày nay, triều đình đang thi ân bố đức cho dân chúng, dân chúng sống yên ổn, ủng hộ triều đình, chẳng ai muốn chiến tranh. Vì thế, đại vương ra hiệu lệnh, phát động chiến tranh thì chẳng ai hưởng ứng. Thời nay, khác thời Ngô Quảng và Trần Thắng.

Hoài Nam vương nói :

- Thế thì ta chẳng có cơ hội nào quật khởi hay sao ?

Ngũ Bị nói :

- Tôi có một kế sách, không biết đại vương có nghe hay không ?

Hoài Nam vương hỏi dồn :

- Kế gì ?

Ngũ Bị nói :

- Hiện nay, đất Sóc rất rộng, đất đai phì nhiêu, nếu không có di dân đến đó thì rất khó giữ.

Một mặt, đại vương ngự tạo thỉnh thư của Thừa tướng và Ngự sử bắt bọn du hiệp, những anh hùng hào kiệt có âm mưu chống triều đình, những kẻ tội phạm, toàn bộ gia đình của những người này di dân đến đất Sóc, thì ít nhất sẽ có mười vạn người.

Mặt khác, ngự tạo lệnh của kẻ tay chân triều đình là Tư không và Thượng lâm trung, ra lệnh bắt các thái tử, các bề tôi thân cận của nhà vua đang ở các nước chư hầu. Làm được hai việc này, thì dân chúng oán hận, các chư hầu hoang mang kinh sợ, lúc đó đại vương khởi sự, thì sẽ thành công.

Hoài Nam vương nói :

- Hay ! Cứ thế mà làm.

Tình hình biến động đúng như Ngũ Bì dự đoán. Hoài Nam vương thấy thời cơ hành động đã đến.

Một mặt, Hoài Nam vương giả làm người phạm tội, trà trộn vào cung thuyết phục các đại tướng quân và Thừa tướng, sai người ám sát đại tướng Vệ Thanh, thuyết phục thuộc hạ của Vệ Thanh quy thuận.

Mặt khác, Hoài Nam vương lại sai người trộm y phục, cải trang thành lính của Nam Việt từ phía Đông tiến vào. Hoài Nam vương giả bộ hô to : “ Bình Nam Việt đang xâm phạm nước ta !” Cố ý cho mọi người phát binh, để thừa cơ khởi sự. Nhưng chẳng có người nào phát binh hưởng ứng. Âm mưu của Hoài Nam vương đã bại lộ. Hoài Nam vương bị giết.

Diêm Trung thuyết Hoàng Phủ Cao phản Hán

Hán Linh đế phong Hoàng Phủ Cao làm tướng, suất binh đánh quân Khăn Vàng, uy chấn thiên hạ. Lúc ấy, triều đình càng ngày càng hỗn loạn, thiên hạ cùng khốn. Diêm Trung thuyết Hoàng Phủ Cao :

- Thời cơ khó đến mà dễ mất, không thể đánh mất thời cơ; các bậc thánh nhân thường ứng với thời thế, nắm bắt thời cơ mà hành động.

Nay, thời cơ đã đến, vì vậy, tướng quân hãy nắm bắt thời cơ, thì có thể làm nên nghiệp lớn.

Hoàng Phủ Cao nói :

- Xin ông giảng cho rõ ràng hơn !

Diêm Trung nói :

- Thiên hạ không bao giờ trung thành với một người mà chỉ yêu mến ủng hộ người có đức. Tướng quân từ Mộ Xuân, vâng mệnh đem quân thảo phạt nghịch tặc, tuổi trẻ mà đã có công lớn, dùng binh như thần, mưu lược hơn người, đánh cường địch như bẻ cành củi khô, dễ như nước nóng bốc thành hơi.

Chỉ trong vòng mười tháng, xuất thần binh quét sạch kẻ địch, vang danh bốn biển uy chấn thiên hạ, công trạng của tướng quân có thể sánh với vua Thang, vua Vũ.

Công trạng của tướng quân, đáng lẽ phải được triều đình phong thưởng, tên tuổi khắc vào bia đá. Nhưng nay, gặp vua tầm thường, thiếu đức, không biết đến công lao của tướng sĩ, hỏi làm sao tướng quân được sống trong cảnh bình an ?

Hoàng Phủ Cao đáp :

- Tôi ngày đêm chăm lo việc nước, tận tâm với triều đình, sao lại sống bình an được ?

Diêm Trung nói :

- Ngày trước, Hàn Tín cảm cái ơn nhường cơm, xẻ áo, mà không nỡ phản Hán vương, bỏ lỡ cơ hội chia ba thiên hạ để lập nên đại nghiệp.

Sau này, Hàn Tín bị Hán vương lược, lúc ấy hối hận thì đã quá muộn màng.

Ngày nay, thiên tử uy thì không thể bằng Hạng Vũ, quyền lực của tướng quân còn lớn hơn cả Hoài Âm hầu Hàn Tín, chỉ cần tướng quân ra hiệu lệnh thì như gió thổi, sấm ran.

Tướng quân dùng ân đức để vỗ về những người quy thuận, dùng vũ lực để trấn áp những kẻ chống đối; trước là dùng văn để kêu gọi thuyết phục, kêu gọi kẻ sĩ và nhân dân Hà Bắc, điều động binh sĩ ở bảy châu; sau là tiến quân vượt qua Chương Hà, cho ngựa uống nước ở Mạnh Tân, rồi chu diệt bọn hoạn qua, trừ họa cho dân. Được như vậy, thì ngay những cháu bé cũng đi theo tướng quân, những người phụ nữ cũng nghe hiệu lệnh của tướng quân, huống gì là những người trai tráng và dân chúng.

Nếu khởi sự thành công, thống nhất được thiên hạ, thì đại cáo với dân chúng, thỉnh cầu Thượng đế, thuận theo thiên mệnh quay mặt về Nam mà xưng đế.

Một cột gỗ đã mục rồi làm sao mà đục đẽo, chạm trổ cho đẹp ? Một chiếc thuyền

đã hư nát làm sao có thể chống chèo với dòng nước ngược ?

Tương tự, tình hình hiện nay, hoạn quan chuyên quyền, kẻ gian lận hành, nhà vua lại chẳng có tài cán gì, không biết cách xoay xở, việc sống chết không sớm thì chiều.

Đây là thời cơ trời ban cho tướng quân khởi sự, phế bỏ nhà Hán, lập nên vương triều mới. Nếu tướng quân không khởi sự sớm, thì sau sẽ rất hối hận.

Hoàng Phủ Cao nói :

- Không mưu tính những việc gì trái với lẽ thường, không thi hành những không thuận với tình thế, người tầm thường không nên mưu đồ những việc lớn. Tôi thiết nghĩ, Khăn Vàng là giặc cỏ, tuy nhiều nhưng ô hợp, dễ đánh phá, khác với Hạng Vũ đánh quân Tần, cho nên tôi không lấy đó làm công lớn.

Hiện nay, dân chúng vẫn đang còn hướng về nhà vua, trời cũng không dung những người phản nghịch.

Nay, tôi báo công trạng về triều thì tự rước họa vào thân, nếu sau này tôi bị bọn gian thần dè bĩu chê bai, cùng lắm thì lột quan chức, bị bắt bị giết, nhưng tên tuổi trung thần, danh tiết của tôi vẫn lưu danh trong sử sách. Tôi không muốn nghe những lời phản nghịch của ông.

Diêm Trung không thuyết phục được Hoàng Phủ Cao nên tìm cách bỏ trốn.

Khi Đồng Trác lên nắm đại quyền, Lương Diễn khuyên Hoàng Phủ Cao nên cất quân đánh Đồng Trác. Hoàng Phủ Cao từ chối.

Lý Giác kêu gọi Hoàng Phủ Cao và Chu Tuyền hưng binh đánh Đồng Trác, hai người này cũng không chịu.

Phạm Diệp bình luận : “ Chu Tuyền và Hoàng Phủ Cao là những tướng tài, nhiều mưu lược, nhưng không dùng tài năng mưu lược để đánh kẻ thù lớn, làm nên sự nghiệp lớn; khư khư giữ chữ tín, câu nệ như những kẻ tầm thường.

Kết cuộc chỉ là những kẻ nhếch nhác, thảm hại, đứng trước miệng hùm, nọc rắn, làm trò cười cho những người trí sĩ ”.

Phùng Diễn khuyên Liêm Đơn phản Vương Bôn :

Vương Bôn sai tướng Liêm Đơn đem quân đến Sơn Đông để tiêu trừ trộm cướp. Liêm Đơn mời Phùng Diễn đi theo, rồi đem quân đến Định Đào.

Không lâu, Vương Bôn sai người đem chiếu thư đến trách không tận lực tiến quân tiêu trừ quân giặc.

Liêm Đơn lo sợ, liền mời Phùng Diễn đến bàn bạc. Phùng Diễn nói :

- Xưa nay thuận theo thời vận, phải quyền biến, không câu nệ tiểu tiết thì mới thành công.

Ngày trước, hai nước Tề, Tấn đại chiến, Tề bị vây hãm. Tề Khoảnh công bị lâm nguy, nhưng nhờ Phùng Sửu thế mạng, nên Tề Khoảnh công thoát nạn, không bị cầm tù.

Thời Xuân thu, Sái Trọng nắm chính quyền nước Trịnh, phế bỏ Công tử Hốt mà lập Công tử Đột lên làm vua. Công tử Hốt phải lưu vong nhưng cuối cùng lấy lại được ngôi vị.

Tề Khoảnh công thoát chết, Công tử Hốt thành công là do biết cải tử hoàn sinh, chuyển nguy thành an, chuyển họa thành phúc.

Thời Tần, Trương Lương đã năm đời làm tướng nước Hàn. Khi nước mất, Trương Lương oán hờn, đi đến Bắc Lãng Sa, thuê người ném chùy, ám sát huyệt Tần Thủy Hoàng.

Cái dũng của Trương Lương lúc đó cũng chỉ là cái dũng của Mạnh Bôn, Hạ Dục chưa phải là cái dũng của người đại trí, tiếng tăm của Trương Lương lúc ấy chưa vượt qua ngọn núi Tần, không lan ra khắp thiên hạ.

Tướng quân vốn là trung thần với nhà Hán, nhưng hiện nay anh hùng hào kiệt không còn quy phục nhà Hán nữa, trăm họ chỉ hoài niệm ân đức xưa cũ của nhà Hán, không khác người ta tưởng nhớ ơn đức của Chu công một thời vang bóng. Nếu đem cái trung ấy mà báo đáp cho nhà vua bất tài, vô dụng, hết thời, phục vụ cho những kẻ cầm quyền bạo ngược, thì khác gì làm việc ác.

Tướng quân cần phải quan sát thời thế, trước mắt nên đem đồn trú quân ở thành

lớn, rồi an ủi bọn quan lại, huấn luyện quân sĩ. Mỗi ngày cho người đem rượu thịt ra ngoài trăm dặm ủy lạo sĩ tốt, chiêu nạp hào kiệt, tính kế lâu dài, chờ thiên hạ đại biến, thì tiến quân thay trời hành đạo, trừ loạn cho thiên hạ. Đó là cách chuyển họa thành phúc, chuyển nguy thành an, là phép cải tử hoàn sinh.

Kinh Dịch viết : “ Cùng tất biến, biến tất thông, thông tất lâu dài”.

Trời đã bảo hộ thì làm việc gì cũng lợi, người sáng suốt thì dễ thành công, đã nắm được cơ hội thì không nên do dự.

Liêm Đơn sợ Vương Bôn, không nghe lời Phùng Diễn, tiến quân đến Tuy Dương. Phùng Diễn lại can ngăn :

- Người sáng suốt là dự kiến được sự việc chưa hình thành, người trí huệ biết được sự tình khi chưa phát sinh. Phàm tai họa là do xét sự việc sự vật sơ sài hoặc do chấp nhất vào những điều vụn vặt, thất bại là do bỏ lỡ thời cơ.

Thương Ưởng từng nói : “ Hành vi của những kẻ ở trên cao, thế nhân thường cho rằng phi nghĩa; những kiến giải, mưu lược độc đáo của người tài trí, những kẻ tầm thường cho rằng hồ đồ”.

Cho nên, thích nghe những lời bàn luận của kẻ lục lục thường tài thì sẽ dẫn đến đá nát vàng phai, giữ tiết tháo theo thể tục là tự bỏ đi đức hạnh của người cao minh. Chủ tể của trí huệ là quyết đoán, do dự chính là sự trì trệ. Thời cơ đã mất rồi, trăm năm không hề trở lại. Xin tướng quân hãy xét thật kĩ !

Liên Đơn không nghe Phùng Diễn, tiếp tục tiến quân. Khi đến Vô Diêm, đánh với quân Xích Mi. Liên Đơn bị quân Xích Mi giết chết.

Vương Nguyên khuyên Quách Ngao phản Hán

Lưu Tú sai sứ thần đến khuyên Quách Ngao dẫn con vào hầu hạ triều.

Bộ tướng của Quách Ngao là Vương Nguyên, thấy việc thành bại trong thiên hạ chưa định, không muốn theo Lưu Tú, liền khuyên Quách Ngao :

- Trước kia, Hoàng đế Lưu Huyền định đô ở Trường An, hào kiệt bốn phương hưởng ứng, bách tính đồng thanh phụ họa, thiên hạ thái bình. Nhưng không bao lâu thì Lưu Huyền bại vong, vì không biết sắp xếp các tướng tá.

Gần đây, Nam có Lữ Phương, Bắc có Bành Tu và những nơi có nhiều sông hồ, biển cả, có 10 người xưng vương, xưng công đều bị bại vong; nguyên nhân thường nghe bọn Nho sinh bàn luận tán hươt tán vượn, không dựa vào căn cứ địa để phòng thủ, bảo vệ an toàn cho quốc gia.

Hiện tại, vùng Thiên Thủy đất đai phì nhiêu, binh hùng ngựa mạnh, hướng về Bắc thì có thể công thủ Tây Hà và Thượng Bộ; hướng về Đông thì có thể thu phục vùng Tam Phủ.

Đây là cương giới của nước Tần, Tần đã dựa vào đất này làm bình phong phòng thủ đất nước. Nay ta chỉ cần một khối đất sét cũng có thể khoá kín cửa quan Hàm Cốc, phòng thủ để chờ cơ hội.

Nếu không thực hiện kế hoạch trên, thì nên chuẩn bị binh mã, lương thực, chiếm cứ những nơi hiểm yếu, kéo dài thời gian, để đợi biến cố xảy ra, thì mới hành động. Nếu như việc xưng vương không thành, thì cũng xưng bá một phương. Nói chung, rồng không bao giờ xa nước, rồng xa nước cũng chẳng khác gì con giun đất mà thôi !

Quách Ngao nghe lời, thực hiện kế hoạch của Vương Nguyên, phản Hán, xưng bá một phương.

Trình Dục khuyên Tào Tháo không nên liên minh với Viên Thiệu :

Tào Tháo đánh nhau với Lữ Bố ở Bộc Dương. Tình thế của Tào Tháo rất bất lợi. Viên Thiệu liên sai người thuyết phục Tháo liên minh với Thiệu, Thiệu sẽ cho Tháo đóng quân ở Nghiệp Quận. Tháo đồng ý.

Trình Dục vào gặp Tào Tháo, hỏi rằng :

- Tôi nghe tướng quân liên minh với Viên Thiệu, rồi đến đóng quân tại Nghiệp Quận, việc đó có thực hay không ?

Tào Tháo đáp :

- Việc này là thực.

Trình Dục thưa :

- Tôi nghĩ rằng, do tướng quân lo lắng quá nhiều nên đã quyết định sai lầm. Viên Thiệu chiếm đất Yên là có dã tâm thôn tính cả thiên hạ, nhưng tài trí không đủ nên chẳng thực hiện được ý đồ. Nay, tướng quân làm tay chân cho Viên Thiệu là giúp Viên Thiệu thực hiện dã tâm, quả là điều không nên.

Trình Dục tôi là kẻ ngu muội, không hiểu hết đại thể. Nhưng tôi nghĩ, ngày trước, Điền Hoàn, cam lòng ở đất Tề, cả đời làm tôi cho Hán Cao tổ; ngày nay, tướng quân về Nghiệp Quận, cam tâm làm tôi cho Viên Thiệu, thì chẳng khác gì Điền Hoàn ?

Tướng quân vốn là người thông minh, thần vũ, làm tôi Viên Thiệu mà không thấy xấu hổ. Còn tôi ngu đần nhưng lại cảm thấy thực sự là sỉ nhục.

Hiện nay, Duyện Châu tuy bị công phá, nhưng còn cả ba tòa thành trì, quân chiến đấu không dưới một vạn. Nếu như tướng quân và mọi người đồng tâm hiệp lực, có thể làm nên sự nghiệp vương bá, cần gì mà phải làm tay chân, tôi tớ cho người ta ? Xin tướng quân suy nghĩ lại.

Tào Tháo nghe lời Trình Dục, không nghĩ đến việc liên minh với Viên Thiệu và về ở Nghiệp Quận nữa.

Trần Cung khuyên Trương Mạo phản Tào Tháo

Khi các chư hầu liên minh với nhau, Viên Thiệu được phong làm minh chủ,

Thiệu tỏ ra tự cao tự đại, sai Tào Tháo đem quân giết Thái thú đất Trần Lưu là Trương Mạo.

Tào Tháo vốn thân với Trương Mạo, nên không nghe Viên Thiệu, tiến quân về phía Đông đánh Đào Khiêm. Bộ tướng của Đào Khiêm là Trần Cung đóng quân ở Đông Quận.

Về phần Trương Mạo vẫn không ngớt lo lắng phập phồng. Trần Cung thừa dịp đến nói với Trương Mạo rằng :

- Theo thời thế thì thiên hạ chia năm xẻ bảy, anh hùng hào kiệt đang khởi sự tranh hùng. Ông cũng có cả vạn người ngựa đủ sức để tranh hùng, tay nên cầm kiếm sắc, mắt như con hổ rình mồi, chờ cơ hội mà không chế người khác.

Hiện nay, quân Duyệt Châu đang Đông chinh, thành quách bỏ không. Lữ Bố là một tráng sĩ, anh dũng thiện chiến, thiên hạ ít ai địch nổi. Ông nên mời Lữ Bố, rồi cùng chiếm Duyệt Châu, rồi xem tình hình diễn biến, lúc thời cơ đến đem quân tung hoành thiên hạ. Mặc gì mà cứ lo sợ, phập phồng ?

Trương Mạo nghe lời Trần Cung, phản Tào Tháo.

Khương Duy thuyết Chung Hội phản lại nhà Tấn :

Tướng nhà Tấn là Chung Hội và Đặng Ngải cùng đem quân đánh Thục thắng lợi. Lưu Thiện đầu hàng. Chung Hội lại được mật thư của nhà Tấn bắt Đặng Ngải bỏ vấp tù xa.

Tướng Thục là Khương Duy giả hàng Chung Hội, muốn li gián Chung Hội và nhà Tấn thu lại đất đai đã mất, Khương Duy nói với Chung Hội :

- Tôi biết rằng, họ Tư Mã nhà Tấn hưng vượng đều do công lao của ông. Nay, ông bình định xong đất Thục, công lao lại càng lớn, uy danh vang lừng thiên hạ. Thông thường, làm tôi mà lập công lớn thì vua chúa phải sợ và lo lắng, là mối nguy cho ông.

Ngày trước, Hàn Tín do dự mà bị Hán vương giết. Văn Chủng thành công mà không rút lui thì bị Câu Tiễn ban ơn huệ là được tự sát. Gương kim cổ sờ sờ ra đó !

Chung Hội nói :

- Ông dẫn kim cổ, nói những điều quá xa xôi, tôi không hiểu nổi. Chi bằng, ông cứ nói trắng ra cho dễ hành sự.

Khương Duy kể tai Chung Hội nói to nhỏ. Sau cùng, Chung Hội tự xưng Ích Châu mục, phản nhà Tấn. Chung Hội kết hợp với năm vạn quân của Khương Duy, để Khương Duy làm tiên phong chống lại nhà Tấn.

Tướng sĩ nhà Tấn rất căm giận, nổi lên giết Chung Hội và Khương Duy.

Mộ Dung Hàn thuyết Mộ Dung Hội đánh Tổ Liên và Mộc Tân :

Dưới thời Tấn Hoài đế, Thái thú Liêu Đông là Bàng Bản vì tư thù mà giết Hiệu úy Lý Trăn ở Đông Di.

Tướng Tiên Ty là Tổ Liên và Mộc Tân lấy cớ là báo thù cho Lý Trăn, thực sự là muốn làm phản, khởi binh chiếm một số huyện ở Liêu Đông.

Con Đại thiên vu Mộ Dung Hội là Mộ Dung Hàn nói với cha rằng :

- Con nghe nói rằng, tranh thủ các chư hầu không bằng tranh thủ vương thất, từ xưa đến giờ, các vua chúa đều dựa vào thế lực vương thất để tạo dựng sự nghiệp.

Nay, Tổ Liên, Mộc Tân lấy cớ trả thù cho Lý Trăn, thực chất là tạo phản, triều đình đã nhiều lần đánh dẹp nhưng thất bại, chính chiến liên miên, dân chúng chết oan rất nhiều.

Nhân dịp này, phụ thân kêu gọi các vương thất cùng tiến binh đánh Tổ Liên, Mộc Tân, lập lại trật tự đất Liêu Đông, phụ thân sẽ được thiên hạ khen ngợi là vì dân dẹp loạn và lập nên sự nghiệp.

Mộ Dung Hội nghe lời con, tiến quân, giết được Tổ Liên, Mộc Tân, lập lại trật tự vùng Liêu Đông. Mộ Dung Hội hùng cứ ở Liêu Đông.

Quyền Dực khuyên Phù Kiên phản Phù Sinh

Đông Tấn, thời 16 nước, Tần vương là Phù Sinh rất tàn bạo, giết nhiều trung thần, dân Tần như sống ở trong chảo dầu sôi. Quyền Dực nói với Đông Hải vương Phù Kiên rằng : “ Xưa nay, người có đức thì hưng thịnh, người vô đức thì suy vong, đó là thiên đạo. Nay, Phù Sinh vô đức, bạo ngược, thiên hạ hoang mang, không sớm thì muộn sẽ sinh biến loạn, ai có năng lực thì người ấy chiếm ưu thế, ai không có năng lực thì sẽ bị diệt vong. Giữ sơn hà, xã tắc, tông miếu là việc trọng đại, không thể giao phó cho số mệnh đưa đẩy. Vì vậy, hi vọng đại vương nên chuẩn bị lực lượng, hành động như vua Thang, vua Vũ, trừ bạo anh dân, là thuận với ý trời”

Phù Kiên nghe lời Quyền Dực, chuẩn bị binh lực, phế trừ Phù Sinh, tự lập lên làm Tần vương.

Khổng Hy Tiên thuyết Phạm Diệp phản Hán :

Dưới thời Tống Văn đế (Nam triều), Khổng Mặc, con của Thứ sử Quảng Châu là Khổng Hi Tiên, rất giỏi chiêm tinh.

Một hôm, Khổng Mặc xem tinh tượng nói với cha : “ Vùng đất Giang Châu không còn là đất của thiên tử nữa rồi, đương kim hoàng thượng sẽ bị những người thân thuộc sát hại ”.

Lúc ấy, Bành Thành vương là Lưu Nghĩa đang bị cầm tù tại thành đô. Khổng Hy Tiên và Khổng Mặc đến thuyết Phạm Diệp đang giữ chức chiêm sự phủ của Bành Thành vương.

Khổng Mặc nói với Phạm Diệp:

- Phụ thân tôi đang ở Quảng Châu, trong triều có nhiều người dèm pha phụ thân tôi, mong Đại tướng quân cứu giúp phụ thân tôi qua khỏi cơn hoạn nạn, cha con tôi sẽ hết lòng báo đáp tướng quân. Đường kim hoàng thượng là người vô đạo, bạo ngược, trước sau thì trời cũng bỏ. Đại tướng quân là người anh minh, quả đoán, thông minh tài trí, thần minh và bách tính sẽ phù trợ và giúp đỡ Đại tướng quân. Hiện nay, dân tâm đang náo động, thiên tượng có nhiều chứng triệu lạ lùng, đây là thời cơ để hành sự, khi thời vận đã tới rồi thì không nên cự tuyệt. Khi đã thuận ứng với dân tâm rồi, thì nêu cao chính nghĩa để kêu gọi hiền sĩ, bên trong thì thu nạp những sủng thần, những người quyền quý, bên ngoài thì kết giao với anh hùng hào kiệt, tạo cái thế trong ứng ngoại hợp, khiến trong triều sinh biến loạn, lúc ấy lợi dụng uy danh của Bành Thành vương ra hiệu lệnh thì thiên hạ ai mà không theo. Tôi nguyện đem tấm thân bảy thước và ba tấc lưỡi đi thuyết các chư hầu, cùng đại tướng quân kiến công lập nghiệp.

Phạm Diệp nghe nói, biến sắc. Khổng Hy Tiên tiếp lời Khổng Mặc, nói :

- Ngày xưa Mao Toại (1) trung thành với Tào Tháo nhưng không được Tào Tháo dung nạp, Trương Ôn tận tụy với Tôn Quyền nhưng bị Tôn Quyền đuổi đi.

Mao Toại, Trương Ôn là trung thần, là hào kiệt của thời ấy nhưng nói không đăt lời mà bị sỉ nhục.

Con người ta ai cũng có phẩm đức cao thượng, liêm khiết, thẳng ngay, nhưng khi bị oan uổng, khuất lấp, khốn cùng, thì những phẩm đức cao thượng, liêm khiết, thẳng ngay, cũng khó bảo toàn.

Nay, Lưu Ban bị đả kích thậm tệ, Bành Thành vương bị đuổi, bị biếm, chư hầu ai nấy như trứng để đầu đả. Bọn cơ hội, thừa cơ nước đục thả câu, tha hồ tranh

danh đoạt lợi, giành quyền tạo thế, giết người không gớm tay.

Hàng ngày, xảy ra nhiều điều trái tai gai mắt, như đinh nhọn đâm vào tròng, như gai đâm vào thịt dù người có trái tim sắt đá, cổ tình bưng tai bịt mắt nhưng lòng vẫn đau như cắt, nước mắt không ngừng rơi.

Riêng đại tướng quân, nhiều đời tôn quý nhưng cũng không thể kết thân với hoàng thất, nhiều người trong triều xem thường tướng quân. Tôi cảm thấy rất hổ thẹn cho tướng quân !

Vốn là người đức hạnh thiếu đoan chính, Phạm Diệp nghe Khổng Hy Tiên kích tướng, liền nghe theo. Hai người âm mưu với nhau để làm phản. Cuối cùng, âm mưu bại lộ, Khổng Hy Tiên và Phạm Diệp đều bị giết.

Quách Vinh thuyết Dương Kiên phản Bắc Chu :

Đại tướng Quách Vinh, đời Bắc Chu, đi theo Dương Kiên đến Định Châu.

Dương Kiên nói :

- Bình thời, tôi thích du sơn ngoạn thủy, chẳng thích hùa theo thế tục nhưng tình thế bức bách, phải ở chức cao, chạy theo hư danh. Tôi chỉ muốn trở về nhà, vui thú điền viên, chẳng ham muốn gì cả. Ông thấy thế nào ?

Quách Vinh thưa rằng :

- Ngày nay, hoàng thượng là kẻ vô đạo, tầm thường, ai ai cũng sợ. Thiên mệnh vốn vô thường, không thể không tính liệu. Đức hạnh của mình công có thể sánh với Văn vương, danh vọng của mình công trong nước ai mà không biết. Nếu mình công đem đạo đức ấy, danh vọng ấy để định thiên hạ, an ủi bách tính lê dân, thì ngay những phụ nữ, những cháu nhi đồng cũng ủng hộ mình công.

Dương Kiên thất kinh nói :

- Ông đừng nói nữa, kéo mang họa diệt tộc bây giờ !

Dương Kiên lặng lẽ hành động, làm đến chức Tế tướng. Lúc ấy, Dương Kiên mới nói với Quách Vinh :

- Lời ông nói đều đúng cả !

Sau này, Dương Kiên lên ngôi, sáng lập nhà Bắc Chu, gọi là Tùy Cao Tổ.

Tùy Cao Tổ Dương Kiên bị bệnh nặng, biết sắp mất, liền sai sứ thần mang chiếu thư đến triệu Dương Kinh về kinh.

Bùi Văn An khuyên Dương Kinh tiến quân :

Lúc ấy, Dương Kinh đang trấn thủ ở Tịnh Châu, nghe Dương Kiên băng hà, lại

nghe Dương Tố có ý thoán đoạt nhà Tùy, liền đem quân phòng thủ và tiến chiếm Phố Châu.

Trước khi tiến quân, Tham quân Bùi Văn An nói với Dương Kinh :

- Binh quý ở thần tốc, không nên chậm chạp. Hiện nay, Cao Tổ vừa băng hà, thi thể còn quàn ở cung Nhân Thọ, chờ ngày an táng, triều đình chưa có thì giờ để bàn việc Đông chinh, ít nhất là mười ngày, nửa tháng nữa thì triều đình mới điều động binh mã.

Nếu như đại vương phái một vạn kỵ binh thiện chiến, trong vòng 10 ngày đêm tiến đến về Trường An, lấy danh nghĩa là bảo vệ kinh thành, tất triều đình chẳng ai nghi ngờ gì cả. Đại vương tiến quân sau, giương cờ giống trống mà Tây tiến, lúc ấy trong ứng ngoại hợp, thanh thế lại càng lớn mạnh, sẽ bình định thiên hạ một cách mau chóng.

Dương Kinh không nghe, tự thân thống lĩnh đại quân đóng ở Tịnh Châu và cho quân sĩ nghỉ ngơi.

Tùy Dạng đế Dương Quảng lên ngôi, nghe tin Dương Kinh làm phản, lấy làm lo sợ, họp quần thần để bàn bạc. Đại tướng Gia Khố Bật tâu :

- Hán vương (Dương Kinh) là con của tiên đế, em của bệ hạ, địa vị là chư hầu, lại nắm binh quyền, tên tuổi hiển hách, thiên hạ ai cũng mến phục. Hán vương xuất binh thì chẳng lấy gì làm lạ ?

Duy chỉ nghiên cứu sách lược tiến quân của Hán vương như thế nào mà thôi.

Nếu Hán vương, cho quân tiến về áp đảo kinh sư, phía Tây dàn quân chống cự với quân của triều đình, phía Đông giữ Sơn Đông, thiên hạ sẽ quy phục. Đó là thượng sách.

Nếu Hán vương chiếm cứ Phổ Châu, phái năm năm ngàn quân kị chiếm giữ Đồng Quan, thu phục địa bàn Bắc Tề, có thể xưng hùng để tranh hùng trong thiên hạ. Đó là trung sách.

Còn Hán vương trú quân phòng thủ ở Thái Nguyên, rồi phái bộ tướng tiến công. Đó là hạ sách.

Dương Quảng nói :

- Hiện nay Hán vương áp dụng sách lược nào ? Và ông có kế sách gì để đối chọi hay không ?

Gia Khố Bật râu :

- Xét hàng tướng lĩnh của Hán vương : Tiêu Ma là tướng mất nước, không thể mưu việc lớn. Bùi Văn An có tài nhưng tuổi còn trẻ, không được Hán vương tin dùng. Còn bọn tướng tá lúc nhúc thì không muốn xa vợ con, nơi ăn chốn ở yên ấm, không muốn chinh chiến xa xôi.

Theo tình hình này, Hán vương chỉ dùng hạ sách. Ông ta chỉ đóng quân ở Phố Châu, giữ Thái nguyên, an cư tại sào huyệt, chỉ sai bộ tướng xung kích, được trận nào hay trận ấy.

Dương Quảng liền sai Dương Tổ làm đại tướng, đại phá Hán vương. Mọi việc không ra ngoài dự đoán của Gia Khố Bật.

Lý Mật hiến kế sách cho Lưu Huyền phản Tùy Dạng đế :

Tùy Dạng đế tự thống lĩnh quân đội đi đánh Cao Li. Lễ bộ thượng thư Sở quốc công Lưu Huyền ở Lê Dương muốn làm phản. Lý Mật nói với Dương Huyền như sau :

- Nay thiên tử đích thân viễn chinh Liêu Đông, cách U Châu xa xôi đến ngàn dặm, phía Nam lại cách trở biển lớn, Bắc lại có người Hồ quấy nhiễu, ở giữa chỉ có một con đường độc đạo, lại hiểm trở. Đi xa gian nan như thế, trong 10 ngày lương thực đã cạn, tiền quân của triều đình chưa tới Cao Ly thì hậu quân đã vội lui về đường cũ; lúc ấy, có hiệu lệnh thì quân sĩ cũng không nghe.

Ông suất quân chặn đánh, quân Tùy sẽ tự động đầu hàng, không cần đánh mà vẫn thắng; đó là thượng sách.

Quan Trung là đất của trời cho, thiên phủ chi quốc, có Vệ Văn Thăng, trấn thủ ở đó nhưng không đáng lo ngại. Ông chỉ kéo đại quân đến thẳng Trường An. Thiên tử đánh Cao Ly nghe tin sẽ trở về, thì cục diện đã định, chỉ cần trấn thủ nơi hiểm yếu, có thể đánh bại quân Tùy một cách dễ dàng. Đây là trung sách.

Hoặc, gần nhất là tiến đánh Lạc Dương, lấy Lạc Dương làm nơi phòng thủ, rồi lúc ấy mới bàn đến việc tranh thắng bại ! Đó là hạ sách.

Dương Huyền vốn là người tham lam, biết Lạc Dương có nhiều châu ngọc, của cải, nên chỉ dùng hạ sách.

Dương Huyền tiến đánh Lạc Dương, thấy tình hình bất lợi, nửa đêm chạy trốn, bị quân nhà Tùy bắt được và chặt đầu.

Lí Thế Dân thuyết Lí Uyên lật đổ nhà Tùy :

Lí Uyên trấn thủ ở Thái Nguyên, nhân vì đánh Đột Quyết bất lợi, nên bị Tùy Dạng đế trách cứ. Lí Uyên lấy làm lo lắng.

Lí Thế Dân, con của Lí Uyên, thấy vậy nói với Lí Uyên :

- Con biết thân phụ có nhiều điều lo lắng ! Ngày nay, hoàng thượng hoang dân vô độ, đi ngược với

thiên đạo, nhân dân ai nấy đều oán hận, ở bên ngoài thành trộm cướp nổi lên như rươi. Thân phụ cứ câu nệ, giữ tiểu tiết, thì sớm muộn tai họa cũng giáng xuống. Chi bằng, thân phụ phát binh, khởi sự, là hợp với dân tâm. Huống chi, đất Tấn là đất dụng võ, là kho chứa của trời, lương thực sung túc, binh lực đầy đủ, nhân cơ hội này, chuyển họa thành phúc.

Thân phụ không khởi sự, ngày đêm lo lắng, thở vắn than dài thì cũng chẳng ích gì ?

Lý Uyên nghe nói, sợ quá, đuổi Lí Thế Dân ra ngoài.

Mấy ngày sau, Lý Thế Dân lại nói :

- Con cho rằng, những lời con nói hôm trước, là kế sách vẹn toàn, tránh được họa diệt tộc. Triều đình chẳng còn kỉ cương, chính trị hỗn loạn, dân tâm li tán.

Thân phụ có công mà chẳng ai đoái hoài, không được tưởng thưởng, còn bị trách mắng. Nếu thân phụ cứ khoanh tay, thì trước sau cũng bị giết, họa diệt tộc đến trong sớm chiều, con không cam lòng.

Lý Uyên nói :

- Những điều con nói, ta suy nghĩ mấy đêm, thấy rất hợp với đạo lí. Chuyện mất còn, hưng vong, thành bại đều do kế sách của chúng ta có vẹn toàn hay không ? Chúng ta phải tính toán cho thật kĩ.

Lý Uyên, Lí Thế Dân và huyện lệnh Tấn Dương là Lưu Văn Tĩnh cùng khởi sự, chiêu hiền đãi sĩ, chiêu mộ binh sĩ, trong vòng 10 ngày đã có một vạn người hưởng ứng. Sau cùng, Lý Uyên dẫn ba vạn quân tinh nhuệ tiến vào Quan Trung, lật đổ nhà Tùy, sáng lập nhà Đường.

Tóm lại, mục này đã nêu trên mười sự kiện, trên mười nhân vật phản và không phản, thất bại và thành công, từ thời nhà Hán đến nhà Đường.

Về không phản, thì có Hàn Tín, Liêm Đôn và Hoàng Phủ Cao. Hàn Tín bị Hán Cao tổ lược, Liêm Đôn bị quân Xích Mi giết, Hoàng Phủ Cao không lập nên sự nghiệp.

Phạm Diệp giải thích về việc Hàn Tín, Liêm Đôn và Hoàng Phủ Cao như sau :

“ Khi sự nghiệp của con người gặp khó khăn, thì con người ít nghĩ đến bản thân của mình, gia đình của mình; khi cuộc sống đã sung túc, nhàn nhã thì người ta rất lo sự an toàn tính mệnh và gia đình. Những người lao dịch, những kẻ tội đồ đứng trên vách đá cheo leo chẳng hề sợ rơi xuống hố, người có ngàn vàng ngồi mát trong căn nhà kiên cố cũng sợ ngôi rơi, cột đổ xuống người. Đó là tâm lí chung của con người.

Hàn Tín, Hoàng Phủ Cao, Liêm Đôn cũng không ra ngoài tâm lí đó, nên không dám làm phản là muốn bảo toàn tính mệnh của mình. Nhưng cuối cùng, thì bị giết. Ngạn ngữ có câu : “ Dám ôm cái chết thì sống, ham luyện ôm cái sống lại là con đường chết ”. Quả đúng như vậy !

Về phản mà thất bại như Triệu Cao, Ngô vương Lưu Tị, Hoài Nam vương Lưu An, Chung Hội, Lưu Huyền, Dương Kinh.

Về phản mà thành công như Quách Ngao xưng bá, Tào Tháo xưng hùng chia ba thiên hạ, Mộ Dung Hội lập được công trạng, Phù Kiên xưng làm Tần vương và Lý Uyên sáng lập ra nhà Đường.

Phản hoặc không phản, thành công hay thất bại, nguyên nhân khác nhau nhưng nói chung là những bài học cay đắng và vinh quang của lịch sử để lại cho hậu thế.

8. Tiểu kết :

Lịch sử chứng minh, thiên hạ là của người trong thiên hạ, thiên hạ không phải của một người.

Bậc vương giả phải thông hiểu : Xã tắc, quốc gia không thuộc về một dòng họ, chỉ thuận theo thiên đạo, ứng với dân tâm thì mới tồn tại dài lâu.

Có người cho rằng, giàu sang, phú quý, quyền hành chỉ là vô thường, những bậc vương công, quý tộc phải thường răn sợ.

Kinh Dịch khuyên : “ Lúc an bình phải nghĩ đến sự nguy nan, lúc còn phải phải nghĩ đến lúc suy vong”.

Đó là cách để cho tính mệnh, gia đình, quốc gia an bình.

QUYỂN 3 (21-30)

21. THUẬN ỨNG THỜI THẾ

TÙY CƠ ỨNG BIẾN

Thiên này bàn về thuận ứng với thời thế và tùy cơ ứng biến thì thành công. Không thuận ứng với thời thế, không tùy cơ ứng biến thì thất bại.

1. Trần Thắng và chiếc ngai vàng mong manh:

Như đã nói, cuối thời nhà Tần, Trần Thắng nổi lên ở Đại Trạch, tiến quân vào đóng ở đất Trần. Vài ngày sau, hiệu triệu các vị Tam lão và các nhân sĩ trong vùng đến hội thảo. Các vị này nói :

- Tướng quân mang giáo, cầm gươm, đánh kẻ vô đạo, giết quân bạo Tần, để khôi phục xã tắc cho nước Sở, công đó đáng được làm vua.

Trần Thắng liền bàn với Trương Nhĩ và Trần Dư. Hai người này đều nói :

- Tướng quân mang giáo, cầm gươm là để trừ hại cho thiên hạ; nếu tướng quân xưng vương thì thiên hạ sẽ cho rằng, tướng quân tham phú quý và có lòng riêng tây, dân tâm sẽ li tán.

Tướng quân nên sai người đi tìm con cháu thuộc dòng vương thất của sáu nước, rồi cho họ kế nghiệp; rồi tướng quân tiến quân chiếm Hàm Dương, hiệu lệnh cho các chư hầu, thì sự nghiệp vương bá sẽ thành, không nên vội vàng xưng vương ở đất Trần.

Trần Thắng không nghe, xưng vương, lấy quốc hiệu là Trương Sở.

Trần Thắng chỉ làm vua được sáu tháng.

2. Hán vương suýt hỏng việc lớn :

Năm thứ ba đời Hán, Hạng Vũ vây Hán vương rất gấp ở Vinh Dương. Hán vương lo sợ, cùng với Lịch Dị Cơ tính kế làm suy nhược lực lượng của Hạng Vũ. Lịch Dị Cơ nói :

- Xưa vua Thang đánh vua Kiệt xong rồi thì phong cho con cháu vua Kiệt ở nước Kỉ; vua Vũ đánh xong vua Trụ, phong cho con cháu vua Trụ ở nước Tống.

Nay nhà Tần bất nhân bất nghĩa, xâm chiến xã tắc của chư hầu, diệt hết kẻ kế thừa của sáu nước, làm cho họ không còn tắc đất cắm dùi.

Nếu bệ hạ có thể tái lập dòng dõi của sáu nước, họ đều được phong đất, nhận đất, thì vua tôi và dân chúng của họ tất nhiên sẽ đội ơn bệ hạ, chẳng ai là không cảm cái ơn đức ấy mà hướng về với bệ hạ, mà xin làm bề tôi bệ hạ. Ơn nghĩa có hiệu lực rồi, bệ hạ sẽ ngoảnh mặt về phía Nam mà xưng bá, dân nước Sở cũng

khép áo ngay ngắn về chầu.

Hán vương ! Hãy cho khắc ngay tướng ấn của sáu nước, tiên sinh đem tướng ấn đi, luôn thể chia đất cho họ.

Dị Cơ chưa kịp đi thì Trương Lương vào gặp Hán vương. Hán vương đang ăn, khoe với Trương Lương rằng :

- Tử Phòng, ông vào đây ! Có người bày kế cho ta làm suy giảm lực lượng của nước Sở rồi !

Rồi kể lại lời Dị Cơ cho Trương Lương nghe. Rồi hỏi :

- Ông thấy thế nào ?

Trương Lương hỏi lại :

- Ai bày mưu ấy cho bệ hạ ? Nếu theo mưu ấy thì hỏng hết việc rồi !

Hán vương vội vàng hỏi :

- Ông nói sao ?

Trương Lương nói :

- Hồng là vì có tám lễ không nên.

Xưa vua Thang đánh Kiệt mà phong cho con cháu vua Kiệt ở nước Kỉ, vì đã nắm trong tay của sinh mạng của vua Kiệt rồi. Nay, bệ hạ chưa cầm chắc trong tay sinh mạng của Hạng Tịch. Đó là lễ thứ nhất, không nên.

Vũ vương đánh vua Trụ mà phong cho con cháu vua Trụ ở nước Tống là vì đã nắm chắc trong tay cái đầu của vua Trụ rồi. Nay, bệ hạ chưa nắm chắc cái đầu của Hạng Vũ. Đó là lễ thứ hai, không nên.

Vũ vương khi mới vào nước Ân, cho trang hoàng cổng xóm nơi Thương Dung ở, phóng thích Cơ Tử đang bị giam và cho sửa sang, đắp cao ngôi mộ của Tỉ Can. Nay, bệ hạ chưa có thể đắp cao các phần mộ của các bậc thánh nhân, trang hoàng cổng xóm của các bậc hiền tài và chưa được tỏ lòng kính mộ đối với bậc trí giả. Đó là lễ thứ ba, không nên.

Vũ vương phát thóc kho Cự Kiêu, chia đụn tiền Lộc Đài cho đám dân nghèo. Nay bệ hạ chưa có thể phát thóc kho, chia tiền đụn cho dân nghèo. Đó là lễ thứ tư, không nên.

Đẹp xong nhà Ân, vua Vũ cho sửa đổi quân xa thành xe vận tải, xếp giáo mác, phủ da hổ lên, để cho thiên hạ biết, không dùng binh đao nữa. Nay, bệ hạ chưa có thể xếp vũ công dùng văn trị, mà còn phải dùng binh đao. Đó là lễ thứ năm, không nên.

Vũ vương thả ngựa chiến ở phía Nam Hoa Sơn để cho thiên hạ thấy, không cần ngựa để phát động chiến tranh nữa. Nay, bộ hạ không thể thả ngựa chiến. Đó là lễ thứ sáu, không nên.

Vũ vương thả bò ở phía Bắc Đào Lâm, để cho thiên hạ thấy rằng, không cần chúng để vận chuyển lương thực phục vụ chiến tranh nữa. Nay, bộ hạ cần phải dùng bò để chở quân lương. Đó là lễ thứ bảy, không nên.

Các kẻ sĩ trong thiên hạ đi du thuyết, bỏ cả thân thích, mộ phần, thân bằng cố hữu để đi theo bộ hạ, là ngày đêm trông chờ có ít đất đai. Nay, lập lại sáu nước, phong cho con cháu Hàn, Ngụy, Triệu, Yên, Tề, Sở, thì các du sĩ kia, người nào người ấy, họ sẽ trở về nước họ, thờ chủ họ, theo họ hàng, tìm bạn cũ, thăm mồ mã xưa, hỏi lúc đó, còn ai mưu đồ với bộ hạ nữa. Đó là lễ thứ tám, không nên.

Hơn nữa, mục đích là làm cho Sở yếu; nhưng khi sáu nước kia đã được thành lập, chưa chắc họ đã nghe hiệu lệnh của bộ hạ, cũng chưa chắc bắt được họ phải làm bề tôi, nếu họ theo Sở, hóa làm Sở sẽ mạnh thêm. Như thế không hỏng việc là gì ?

Hán vương vội nhổ miếng cơm, chửi ầm lên :

- Cái thằng Nho sinh nhãi nhép, suýt nữa làm hỏng việc của bố nó rồi !

Chửi xong, Hán vương ra lệnh hủy các ấn tướng.

Tuân Duyệt cho rằng : “ Sách lược giành chiến thắng có ba điều kiện là hình, thế và tình.

Hình là xem xét tình thế, dự đoán thành công hay thất bại. Thế là căn cứ vào tình hình để đưa ra kế hoạch, rồi tùy cơ ứng biến mà vận dụng. Tình là tố chất tâm lí.

Trương Nhĩ khuyên Trần Thắng không nên tự lập làm vua, vì lúc ấy cần thêm lực lượng để đánh Tần, tức là hình; Hán – Sở chưa trở thành hai lực lượng tương tranh là thế; tâm lí thiên hạ ai cũng muốn diệt Tần, tức là tình. Trần Thắng không căn cứ vào hình, thế, tình, nôn nóng lên làm vua nên thất bại”.

Dị Cơ suýt làm hỏng việc của Hán vương cũng vì sách lược không phù hợp với hình, thế và tình, nên có nguy cơ thất bại.

Trương Lương đã căn cứ hình thế vua Vũ với vua Trụ, khác với Hán vương và Hạng Vũ để đưa ra sách lược thích hợp, nên thành công.

3. Tần Huệ vương ngồi trên núi, xem hai cộ đánh nhau :

Thời Chiến quốc, Tần Huệ vương hỏi Trần Chấn :

- Hai nước Hàn và Ngụy đánh nhau liên miên bất phân thắng bại, theo ông, ta nên giúp nước nào ?

Trần Chấn đáp :

- Bệ hạ đã nghe chuyện này chưa ? Ở núi nọ, có hai con hổ đánh nhau, cuối cùng một con chết, con kia thắng nhưng cũng bị thương rất nặng. Ông thợ săn ngồi chờ, cuối cùng đánh con hổ bị thương chết nốt. Thế là tóm được cả hai con.

Tương tự, Hàn và Triệu đánh, nước yếu trước sau cũng bị diệt, nước mạnh cũng sẽ bị thương tích. Lúc đó, ta ra tay đánh nước bị thương, tất thắng. Thế là diệt cả hai nước.

Huệ vương khen :

- Hay !

Quả nhiên, Ngụy và Hàn mất về tay nhà Tần.

4. Hạng Vũ không dùng chiêu tọa sơn quan hổ đấu :

Cuối đời nhà Tần, chư hầu nổi lên khắp nơi, Tần sai tướng Chương Hàm, vây Triệu vương ở Cự Lộc. Sở Hoài vương phái Tống Nghĩa, Hạng Vũ đi cứu Triệu vương.

Tống Nghĩa đem quân đi đến An Dương thì ngừng lại, bốn mươi ngày sau không tiến quân. Hạng Vũ nói :

- Tôi nghe quân Tần đang vây vua Triệu ở Cự Lộc, nếu ta đưa quân gấp qua Hoàng Hà, quân Sở ngoại công, quân Triệu nội kích, thì thế nào quân Tần phải vỡ.

Tổng Nghĩa lí luận :

- Không phải ! Ruồi râu đốt được trâu bò nhưng không đè bẹp được chấy rận. Nay Tần đánh Triệu, Tần thắng thì cũng mệt mỏi. Ta lợi dụng lúc họ mệt mà đánh, nếu Tần không thắng thì ta sẽ dàn binh Tây tiến, tất sẽ lấy được Tần. Cho nên, tốt hơn hết là để cho Tần- Triệu quần nhau. Ông ra tiền tuyến thì hơn Nghĩa này, còn ngồi mà tính toán thì ông không bằng Nghĩa.

Hạng Vũ lui ra nghĩ : Nay, mất mùa, dân nghèo, quân phải ăn khoai đỗ, hết lương thực, mà ông ta còn thiết tiệc đãi khách, chùng chình lí luận. Thật là vô lí !

Sáng sớm Hạng Vũ giả đến thăm, chạy tuốt vào trong trướng, chém đầu Tổng Nghĩa. Rồi ra, nói với các tướng :

- Tổng Nghĩa âm mưu với Tề, phản Sở. Sở vương có mật lệnh cho Vũ này phải giết hẳn.

Thế là các tướng đều nem nép, không dám kháng cự, cùng tôn Hạng Vũ lên làm quyền thượng tướng. Sau vụ, Hạng Vũ giết Tổng Nghĩa, gọi là khanh tử quán quân, tên tuổi và uy quyền của Hạng Vũ chấn động cả chư hầu.

Hạng Vũ sai Đường Dương quân và Bồ tướng quân lĩnh hai vạn quân vượt

Hoàng Hà sang cứu Cự Lộc, có thắng nhưng không thắng lớn. Trần Dư xin thêm viện binh, đưa hết quân qua Hoàng Hà, đánh chìm hết cả thuyền bè, đập vỡ nồi chõ, đốt hết lều trại, chỉ cho mang theo ba ngày lương, có ý bảo tướng sĩ phải tử chiến, không rút lui.

Thế là, quân Sở vừa đến nơi bủa vây quân Vương Li, đụng độ với quân Tần, giao chiến chín lần, cắt đường tiếp vận, phá cả quân địch, giết chết Tô Giác, bắt sống Vương Li. Thiệp Nhân không chịu đầu hàng, bị thiêu chết.

Lúc ấy, quân Sở mạnh nhất thiên hạ. Quân chư hầu đến cứu Cự Lộc đóng tới mười doanh lũy mà không dám xuất quân. Khi quân Sở đánh quân Tần, họ đều đứng ở doanh lũy ngó xuống xem, thấy quân Sở một chọi mười, hò hét vang trời, quân chư hầu đều hoảng sợ.

Phá xong quân Tần, Hạng Vũ triệu tập các tướng lĩnh của chư hầu ở viên môn. Bọn này đều quỳ gối mà lết tới, không một anh nào dám ngẩng mặt.

Do đó, Hạng Vũ trở thành thượng tướng quân của các nước chư hầu, chỉ huy tất cả.

Tiếp theo, Hạng Vũ thuyết được tướng Tần là Chương Hàm và làm cỏ 20 vạn hàng quân của Chương Hàm, chôn cả ở phía Nam thành Tân An.

Tuân Duyệt cho rằng : “ Thời Chiến quốc, bảy nước tranh nhau, có nước dùng chiêu ngồi trên núi xem hai cọp đánh nhau (tọa sơn quan hổ đấu) hoặc cò trai tranh nhau, ông chài tóm gọn cả hai (cò trai tranh nhau ngư ông đắc lợi), vì không thể một mình thắng được nước địch (Chẳng hạn, Tần xem Hàn và Triệu đánh nhau, để nuốt luôn Hàn và Triệu)

Khi chống Tần, thì tình hình thay đổi, cần phải tốc chiến, tốc thắng thanh toán kẻ thù; ngồi chờ hoặc thoái lui là thất bại.

Tổng Nghĩa muốn để Tần và Triệu đánh nhau hai bên đều bị thương tích, lúc đó mới tấn công; dùng chiêu ngồi trên núi xem cọp đánh nhau, hoặc chiêu cò trai tranh nhau ngư ông đắc lợi là sai lầm. Vì hình thế lúc này, khác với hình thế với thời Chiến Quốc”.

Sách lược của Hạng Vũ căn cứ vào hình thế, tùy cơ ứng biến, nên thành công.

5. Hàn Tín đưa quân vào chỗ chết :

Hàn Tín đem quân đánh Triệu, đóng đồn cách ải Tinh Hình ba mươi dặm. Nửa đêm truyền lệnh, lựa lấy hai ngàn quân kị, mỗi người cầm một cây cờ đỏ, theo đường tắt, có núi non yểm trợ, tiến về phía quân Triệu, lại dặn :

- Triệu thấy quân ta chạy, tất đổ hết quân ra đuổi. Các người lập tức xông vào doanh trại của Triệu, giật hết cờ Triệu xuống, thay bằng cờ đỏ của ta.

Rồi Tín bảo tì tướng dừng lại, cho quân ăn điểm âm, và nói :

- Hôm nay, phá quân Triệu xong, rồi dùng bữa.

Các tướng không tin nhưng cũng vờ đáp :

- Vâng !

Và họ nói với các cấp chỉ huy rằng :

- Triệu đã chiếm được địa lợi để đóng đồn. Và chẳng, họ chưa thấy trống cờ của đại tướng chúng ta, nên chưa tấn công đội tiền phong của ta. Như vậy, e tới quãng đường hiểm trở ta sẽ bị phục kích mà phải tháo lui mất ?

Tín liền cho một vạn quân tiến lên trước, dàn thành bối thủy trận.

Quân Triệu trông thấy cười lớn.

Hừng sáng, Tín cho trương cờ đại tướng, khua trống, thúc quân ra Tỉnh Hình quan. Triệu đốc quân ra đánh.

Đánh hồi lâu, Tín và Trương Nhĩ vờ thua, bỏ cả cờ, cả trống, chạy vào đám quân đóng ở bờ sông.

Quả nhiên, quân Triệu bỏ trống doanh trại, tranh nhau cướp lấy cờ, trống, đuổi theo quân Tín và Trương Nhĩ.

Đám quân ở bờ sông hợp với quân của Tín liều chết tấn công. Còn hai ngàn khinh kị ulla vào trại quân Triệu, giật hết cờ Triệu, cắm cờ đỏ lên.

Quân Triệu đuổi theo, không bắt được Tín và Trương Nhĩ, lại còn bị phản công, muốn quay về trại thì thấy cờ Hán đã cắm đầy, quân Triệu hoảng hốt tưởng quân Hán đã bắt được Triệu vương, liền rối loạn, tranh nhau bỏ trốn, tướng Triệu chém, cũng không ngăn nổi. Hai bên đánh giáp lá cà, quân Hán bắt sống nhiều quân Triệu, chém đầu Thành Anh quân trên bờ Trì Thủy và cầm tù Triệu vương Yết.

Chư tướng đem nộp thủ cấp và tù binh, chúc mừng xong, nhân hỏi Tín rằng :

- Binh pháp có dạy : “ Bên phải và sau lưng có gò núi, bên trái có nước và trước mặt có sông chằm ”. Vậy mà tướng quân lại bảo chúng tôi dàn quân quay lưng xuống sông và nói phá quân Triệu xong thì dùng bữa, cho nên chúng tôi không phục. Ááy thế, rốt cuộc lại thắng, là sao ?

Hàn Tín nói :

- Lẽ đó có nói trong binh pháp, tại các người không xét mà thôi ! Binh pháp có nói : “ Dồn họ vào đất chết thì họ sống, đặt họ vào chỗ mất, thì họ còn ”. Và chẳng, Tín này không được sử dụng những tướng sĩ đã huấn luyện kĩ càng. Nay như xưa người ra chợ ra nơi chiến trường. Trong tình hình đó, không đặt họ vào đất chết, thì họ chạy hết, lấy quân đâu mà đánh với chác.

Chư tướng đều nói :

- Thật tình, chúng tôi chưa nghĩ ra điều này !

6. Hán vương đại bại ở Bành Thành :

Hán vương nghe tin Hạng Vũ đem quân đánh Tề, liền dẫn quân năm nước, gồm năm sáu mươi vạn người, Đông tiến đánh Sở.

Tháng tư năm đó, quân Hán vào được Bành Thành, thu hết của cải, châu báu, gái đẹp và mở hội thết tiệc.

Hạng vương hay tin đó, giao việc đánh Tề cho tướng tá, tự mình đem ba vạn tinh binh, xuống Nam, qua đất Lỗ, vòng sang Hồ Lăng, theo hướng Tây tiến đến đất Tiêu, đánh quân Hán từ sáng sớm, rồi vòng sang phía Đông đến Bành Thành. Đúng trưa phá tan quân Hán. Quân Hán bị cắt làm đôi, một cánh chạy lên phía Bắc xô nhau nhảy bừa xuống hai con sông Cốc và Tứ Thủy, bị giết hết mười vạn; một cánh chạy xuống phía Nam để rút lên núi.

Quân Sở truy kích đến sông Tu Thủy, phía Đông Linh Bích. Quân Hán tháo lui, một số lớn bị quân Sở đuổi kịp giết chết, còn thì nhảy xuống sông Tuy Thủy, chết đuối trên một vạn nữa, làm nghẽn cả dòng sông.

Hán vương bị kẹt giữa ba vòng vây hãm. May mà thoát khỏi vòng vây, Hán ba lần đẩy con xuống xe, chạy trốn về Hạ Ấp.

Tuân Duyệt cho rằng : “ Quân Hán ham rượu, gái đẹp, vợ vét của cải, vui chơi thỏa thích, mất tinh thần chiến đấu.

Quân Sở, bị mất thành, gian khổ, căm giận, buộc phải tử chiến. Nên quân Sở thắng mà quân Hán bại trận”.

7. Thối và tiến :

Tôn tử binh pháp cho rằng : “ Nếu trở ngại thì nên thối quân về quê mình, nước mình”. Ông lại nói : “ Chư hầu mà chiến đấu ngay trên mảnh đất của mình gọi là tán địa”.

Nói cách khác, lui về quê hương của quân đội hoặc tiến đến quê hương của quân đội là một lợi thế. Hạng Vũ thất bại ở Cai Hạ, một phần do quân Sở quá nhớ nhà, tan rã tinh thần chiến đấu.

Ví dụ 1:

Lúc Hán vương ở Hán Trung, Hàn Tín nói với Hán vương : “ Hiện nay, binh sĩ của chúng ta đa số là người Sơn Đông, lợi dụng nỗi nhớ cố hương của họ, nên Đông tiến để tranh thiên hạ” . Hán vương làm theo kế ấy.

Ví dụ 2:

Lưu Tú đem quân Bắc tiến, nghe nói Hàm Đan rất khó đánh, nên đến đất Kế thì dừng lại, triệu tập các tướng và muốn bàn kế triệt quân về phía Nam. Cảnh Yểm nói : “ Quân ta từ phía Nam tiến lên, sao lại quay về ? Thái thú Ngư Dương là Bành Sùng, vốn là đồng hương với ngài, Thái thú Thượng Đô là phụ thân của

tôi, hai người ấy nắm cả vạn binh mã, lo gì không hạ nổi Hàm Đan ”.

Lưu Tú nghe lời Cảnh Yên, tiếp tục Bắc tiến và thành công.

8. Viên Thiệu để vuột mất con bài chủ Hiến đế :

Cuối thời Đông Hán, Lí Ứng truy bức Hiến đế, vây khốn Hiến đế ở Tào Dương. Thư Thụ hiến kế với Viên Thiệu : “ Gia tộc của tướng quân mấy đời đều là trọng thần của triều đình, được xem là trung nghĩa. Nay, thiên tử phải lưu vong ra ngoài, tông miếu xã tắc bị hủy diệt. Theo quan sát của tôi, hào kiệt ở các châu muốn giương cao ngọn cờ đại nghĩa, thực tế ai cũng có ý mưu bá đồ vương. Về phần tướng quân, cơ bản đã bình định được các châu bộ phía Bắc, ngựa khỏe binh mạnh, kẻ sĩ quy phục, nhân cơ hội này khởi binh cứu giá. Khi cứu được thiên tử rồi thì dùng danh nghĩa thiên tử mà lệnh cho chư hầu thảo phạt những kẻ thảo nghịch, sự nghiệp lớn của tướng quân sẽ thành. Việc này, nên quyết đoán không nên do dự ”.

Viên Thiệu không nghe lời Thư Thụ.

Tào Tháo đem quân cứu giá, hiếp thiên tử, lệnh chư hầu, lập nên nhà Ngụy. Viên Thiệu thì bị Tào Tháo diệt.

9. Tiêu Diễn không cần con bài chủ :

Thời Nam triều, Tiêu Diễn khởi binh, Đỗ Ân khuyên Tiêu Diễn :

- Ngài nên tôn Nam Khang vương lên làm vua, định đô ở Tương Dương, rồi mượn danh nghĩa nhà vua ra lệnh cho chư hầu.

Tiêu Diễn không nghe. Trương Hoảng nói :

- Hiện nay, trong tay Nam Khang vương có rất nhiều tay chân tâm phúc, không dễ gì theo phương pháp hiếp thiên tử lệnh chư hầu được. Nếu ông tôn Nam Khang vương làm thiên tử, thì ông cam phận làm tôi, có khác gì những người khác đâu ?

Tiêu Diễn nói :

- Hai ông đừng bàn chuyện đó nữa ! Nếu sự nghiệp của tôi không thành công thì đá nát, vàng phai. Sự nghiệp của tôi thành công, thì ai nấy đều phải quy phục. Tôi tuy ngu dốt, nhưng tôi thấy trước mắt là chiếm cứ Giang Nam làm căn cứ địa, rồi chiêu tập các sĩ dân lại, lúc đó muốn lập ai thì lập hoặc xưng đế, xưng vương cũng chẳng muộn.

Nói xong, Tiêu Diễn phát binh chiếm miền Giang tả.

Có người cho rằng, Tào Tháo trên danh nghĩa phò thiên tử, dùng hiệu lệnh thiên tử là thuận ứng với dân tâm.

Dưới thời Tiêu Diễn, loạn lạc liên miên, dân chúng không còn tin tưởng vào thiên tử hoặc triều đình, dân chúng chỉ cần những bậc hiền nhân cứu họ ra khỏi cơn nước lửa. Hành động của Tiêu Diễn là hợp với thời thế và dân tâm.

10. Tiểu kết

Gia Cát Lượng cho rằng : “ Thái Bá ba lần nhường ngôi, thì ai cũng khen là nhân nghĩa; vua nước Yên nhường ngôi thì sinh ra loạn lạc; vua Nghiêu, vua Vũ nhường ngôi, thiên hạ cho rằng là thánh nhân; Hán Ai đế nhường ngôi, ai cũng cho là ngu dại.

Chu Vũ vương đoạt vương quyền nhà Ân, thiên hạ cho là đại nghĩa; Vương Bôn đoạt ngôi nhà Hán, ai cũng cho là nghịch tặc.

Tề Hoàn công dùng Quản Trọng mà xưng bá; Tần Nhị Thế dùng Triệu Cao thì mất nước ”.

Nói chung, sự việc có thể giống nhau về hình thức, kết cục lại tương phản với nhau, một phần là do người trị nước sáng suốt hay tầm thường.

Tình - thế khác nhau, tùy theo tình hình cụ thể mà tùy cơ ứng biến thì thành công; không căn cứ vào tình – thế thì thất bại.

Trí Bá chuyên quyền ở nước Tấn, muốn cướp ngôi nhà Tấn. Trước hết, Trí Bá mượn danh Tấn liên minh với Hàn, Ngụy cùng đánh Triệu, giao ước là chiếm được bao nhiêu đất của Triệu thì chia ba. Hàn Hổ và Ngụy Câu sợ uy Trí Bá cùng kéo quân đánh Triệu Vô Tuất.

Triệu Vô Tuất cố thủ ở thành Tấn Dương. Trí Bá liền tháo sông nước Tấn vào

thành Tấn Dương. Triệu Vô Tuất liền sai Trương Mạnh Đàm thuyết phục Hàn Hổ và Ngụy Câu phản Trí Bá. Hàn Hổ, Ngụy Câu bằng lòng.

Một hôm, Trí Bá mở tiệc ở Hàn Bích Sơn mời Hàn Hổ và Ngụy Câu đến uống rượu và xem nước ngập.

Rượu nửa chừng, Trí Bá nói :

- Chỉ còn ba bản (khoảng 9 thước), thì nước ngập thành, bây giờ ta mới biết, thế nước có thể làm mất nước. Có núi sông hiểm trở như sông Phần (Ngụy), sông Giáng (Hàn), đều là những sông to, nhưng cứ như ta nghĩ, thế thì bất lợi cho nước, chỉ tổ làm cho chóng mất nước mà thôi.

Ngụy Câu khẽ lấy cánh tay chạm vào Hàn Hổ. Hàn Hổ cũng đá vào chân Ngụy Câu. Hai người nhìn nhau có ý sợ hãi.

Tiệc tan, khi Ngụy Câu và Hàn Hổ đã về, Hy Tì, mưu sĩ của Trí Bá, nói với Trí Bá :

- Hàn, Ngụy tất làm phản !

Trí Bá hỏi :

- Sao người biết ?

Hy Tì thừa :

- Tôi tuy chưa nghe họ nói làm phản, nhưng nhĩ sắc mặt của họ thì có thể đoán được. Ngài có giao ước với Hàn, Ngụy đánh xong Triệu sẽ chia đất, nay Triệu sắp bị diệt, đáng lí họ phải vui mừng nhưng họ lại buồn ra mặt, biết là họ âm mưu làm phản.

Trí Bá nói :

-Ta cùng với hai nhà Hàn, Ngụy cộng sự với nhau, thì họ còn lo về việc gì ?

Hy Tì nói :

- Ngài có nói, thế nước không có lợi cho nước cho nước Tấn, chỉ tổ làm cho mau mất nước, tức là tháo sông Tấn vào Tấn Dương được, chắc cũng có thể tháo nước sông Phần vào An Ấp (kinh đô nước Ngụy), cũng có thể tháo nước sông Giáng vào Bình Dương (kinh đô nước Hàn). Ngài nói vậy, họ không lo sao được ?

Hôm sau, Hàn Hổ và Ngụy Câu cũng đem rượu đến dinh Trí Bá để tạ bữa tiệc hôm trước. Trí Bá cầm chén rượu nói :

- Tính tôi vốn ngay thẳng, có gì nói ngay, không để bụng. Mới rồi, có người nói, hai vị muốn làm phản, hai tướng quân có ý đó hay không ?

Hàn Hổ và Ngụy Câu đều đáp :

- Vậy nguyên soái có tin lời nói ấy hay không ?

Trí Bá nói :

- Nếu ta tin lời nói ấy, thì đã không hỏi hai hai vị rồi !

Hàn Hổ nói :

- Tôi nghe họ Triệu (Triệu Vô Tuất), tốn nhiều tiền của để li gián chúng ta, bọn ăn lễ của Triệu gièm pha để nghi ngờ hai chúng tôi mà thôi. Từ đó chúng ta xao lãng việc vây đánh Triệu, để Triệu thừa cơ thoát nạn.

Ngụy Câu phụ họa :

- Ông ấy nói rất phải ! Không có ai bỏ cái lợi gần kề là được chia đất, mà gây họa không lường về sau.

Trí Bá nói :

- Tôi biết, hai tướng quân không có ý phản, chẳng qua là Hy Tì quá lo xa.

Hàn Hổ nói :

- Ngày nay, nguyên soái không tin lời gièm pha, nhưng nay mai lại có người gièm, nguyên soái lại nghi, chúng tôi không nói lại được, tức lại rơi vào cái bẫy li gián của bọn sàm thần.

Trí Bá rót chén rượu xuống đất thề :

- Từ nay về sau, ai ngờ nhau thì như chén rượu này !

Hàn Hổ, Ngụy Câu lạy tạ, rồi ba người uống rượu vui vẻ. Gần chiều mới tan tiệc.

Hy Tì hỏi Trí Bá :

- Sao ngài lại đem lời của tôi tiết lộ cho họ biết ?

Trí Bá nói :

- Sao ông biết được ?

Hy Tì nói :

- Mới rồi tôi gặp Hàn Hổ và Ngụy Câu, hai người tròng mắt nhìn tôi, rồi đi thật mau, là họ nghĩ tôi biết âm mưu của họ, nên họ mới hoảng hốt như thế.

Trí Bá cười nói :

- Ta đã cùng Hàn, Ngụy, thề bồi với nhau, không bao giờ ngờ vực nhau nữa, ông đừng nhiều lời mà mất hòa khí.

Hy Tì lui ra ngoài, than :

- Tính mệnh Trí Bá không còn bao lâu nữa !

Hàn Hổ và Ngụy Câu về, lén thề với Trương Mạnh Đàm, sứ giả nước Triệu, hẹn đến nửa đêm thì phá đê cho nước tràn vào dinh Trí Bá, quân Triệu thừa cơ bắt Trí Bá.

Quả nhiên, Trí Bá đang ngủ, thấy nước tràn vào, không kịp trở tay, bỏ chạy. Cuối cùng, quân võ, Trí Bá bị quân Triệu bắt được. Triệu Vô Tuất lệnh đem chém.

22. THUẬT CAN GIÁN VÀ DU THUYẾT

Thiên này nêu những thành công và thất bại về can gián và du thuyết, từ đó rút ra những kinh nghiệm về thuật can gián và du thuyết.

1. Khái quát :

Khổng tử nói : “ Nói mà không nhìn mặt người ta, thì đúng là người mù”.

Ông còn nói : “ Người ta không tin mình mà mình cứ đưa ra ý kiến, thì thế nào cũng bị kẻ khác dèm pha ”.

Tuân tử nói “ Nói người ta nghe, người ta tin, là người trí huệ; nghe người ta nói mà trầm ngâm suy nghĩ, cũng là người trí huệ ”.

Thi tử nói : “ Khi hỏi ý kiến người ta, người ta nói mà mình không chăm chú lắng nghe, thì không nên hỏi làm gì ”.

Hàn Phi tử cho rằng : “ Việc du thuyết rất khó, phải biết được tâm lí của quân chủ, thì quân chủ mới nghe, mới tin.

Chẳng hạn, quân chủ thích tiếng tăm, mà lại nói đến lợi lộc; quân chủ thích tiết tháo, lại nói việc thấp hèn; thì quân chủ không nghe, không dùng; quân chủ thích lợi lộc, mà cứ đem những điều tiết tháo ra nói, thì quân chủ chẳng thông, nói chẳng đả lờ.

Người ta đã sai lầm, mà mình cứ đem những chuẩn tắc lễ nghĩa ra mà nói, khác nào chỉ trích khuyết điểm của người ta, tức là tự rước lấy nguy hiểm.

Người ta cho rằng mình giỏi mưu lược, tự mình sẽ lập được kì công, mà mình cứ nói mình cũng giỏi mưu trí, dự đoán sâu xa, khác nào tự cho mình hơn người ta, tức là tự chuốc lấy phiền hà ”.

Tuân Duyệt nói : “ Làm phận bề tôi mà nói với quân chủ là việc khó. Đôi khi vừa mới mở miệng đã chuốc lấy tai họa. Vì, chỉ ra những sai lầm của quân chủ, thì rơi vào tội mạo phạm; dùng những lời hay lẽ phải khuyên răn, thì lại mang tội là áp bức ”.

2. Không nên lo chuyện bao đồng :

Không phải chuyện của mình mà xen vào, gọi lo chuyện bao đồng, đã lo chuyện bao đồng đôi khi bị nghi ngờ.

Ví dụ

Người nước Tống, trời mưa, nên một bức tường bị đổ.

Người con về kể lại, người hàng xóm khuyên: “ Nên gọi người ta xây bức tường lại, nếu để vậy, e sẽ bị trộm ”.

Người nước Tống, nghe lời con kể, gọi người xây tường.

Đêm ấy, tường chưa xây xong, thì nhà bị mất trộm.

Chủ nhà nghi ngờ là người hàng xóm đang đêm đã lên vào ăn trộm.

4. Không nên tiết lộ cơ mưu :

Việc cơ mật người ta đã dấu trong lòng, thì không nên gọi ra, gọi ra sẽ mang tai họa.

Ví dụ

Trịnh Vũ công gả con gái cho vua nước Hồ. Đại phu Văn Kì nói :

- Chúng ta nên đánh nước Hồ, vì chúng cứ rầy rà yêu sách ta mãi.

Trịnh Vũ công nghe nói, tức giận, nói :

- Người Hồ là anh em với ta, sao người dám buông lời bất nghĩa như vậy !

Nói xong, sai người đem Văn Kì ra chém.

Người Hồ nghe tin Trịnh Vũ công nói, rất cảm động, không còn phòng bị gì cả. Bất thần, Trịnh Vũ công xuất binh ào ạt đánh nước Hồ tan tác.

4. Không nên nói không đúng lúc :

Chuyện đúng, nhưng nói không đúng lúc, dễ bị người ta chê cười.

Ví dụ:

Có người nước Vệ đón dâu. Cô dâu lên xe hỏi :

- Hai con ngựa hai bên là của ai ?

Người đánh xe đáp :

- Mượn của người ta.

Cô dâu bảo người đánh xe :

- Có đánh thì đánh hai con hai bên, đừng đánh hai giữa.

Xe tới cửa, lúc xuống xe cô dâu dẫn người theo hầu :

- Tắt bếp đi kéo cháy nhà.

Vào phòng thấy cái cối đá, cô dâu bảo :

- Dời nó lại cái cửa sổ kia, kéo vương chân người qua lại.

5. Phương pháp thăm dò :

Ví dụ 1:

Vương hậu Tề Uy vương mất, ông ta muốn lập hoàng hậu mới nhưng có những 10 hậu phi. Quần thần thương nghị, không biết chọn người nào. Tiết Công sai thợ là 10 đôi hoa tai, trong đó có một đôi đẹp nhất, dâng cho Tề Uy vương.

Ngày hôm sau, Tiết Công liền tâu với Tề Uy vương lập cô đeo đôi hoa tai đẹp nhất lên làm hoàng hậu. Tề Uy vương hợp ý lắm. Từ đó, Uy vương rất tin dùng Tiết Công.

Ví dụ 2:

Thân Bất Hại được vua Hàn rất tín nhiệm. Một hôm, vua Hàn hỏi Thân Bất Hại :

- Ta muốn liên minh với một vài nước, theo ông thì nên liên minh với nước nào ?

Thân Bất Hại nói :

- Việc liên minh là việc trọng đại của quốc gia. Đại vương nên mời Triệu Trác và Hàn Tiều để hỏi, hai ông ấy sẽ có những kiến nghị rất xác đáng.

Vua Hàn cho mời Triệu Trác và Hàn Tiều vào thương nghị. Thân Bất Hại quan sát thái độ của vua Hàn khi nghe hai người này nói. Cuối cùng, Thân Bất Hại đề nghị việc liên minh. Vua Hàn rất hài lòng.

6. Nói với người sáng, nói với người tối :

Sau khi nước Ngô đánh bại nước Việt, cầm tù Việt cường Câu Tiễn. Câu Tiễn than :

- Thế là số mệnh của ta đã hết rồi !

Đại phu Văn Chung an ủi :

- Ngày xưa, vua Thang bị tù ở Hạ Đài, Chu Văn vương bị giam ở Dữu Lí, Tấn

Văn công phải chạy sang Nhung, Địch, Tề Hoàn công phải chạy đến nước Doanh. Sau đó, những người ấy đều làm nên nghiệp vương, nghiệp bá cả.

Câu Tiễn nghe an ủi, chịu nhục ở Ngô.

Sau khi đã được thả, Văn Chủng nói với Việt vương Câu Tiễn :

- Nay tôi thấy Ngô vương rất kiêu ngạo. Ta lấy cớ mất mùa, thử cho người sang Ngô xin vay thóc xem thái độ Ngô vương thế nào ?

Nghe nước Việt sai người đến vay thóc. Ngũ Tử Tư can không nên cho Câu Tiễn vay thóc. Ngô vương không nghe.

Ngũ Tử Tư than rằng :

- Đại vương không nghe lời can gián của tôi, thì trong vòng ba năm nữa, nước Ngô sẽ thành bình địa.

Ngô vương rất tức giận. Nhân vắng mặt Ngũ Tử Tư, Thái tử Bá Hy gièm rằng :

- Ngũ Tử Tư bên ngoài xem có vẻ nhân hậu, thực tế là rất tàn nhẫn.

Ngô vương nghe nói, như lửa đổ thêm dầu, ra lệnh giết Ngũ Tử Tư.

6. Không nên nói, khi người ta đang nghĩ đến việc khác :

Ngụy Huệ vương rất yêu mến Thuần Vu Khôn.

Có lần, Ngụy Huệ vương muốn bàn chuyện riêng với Thuần Vu Khôn, đuổi quân tả hữu ra ngoài, mời Vu Khôn đến. Thuần Vu Khôn đến, trầm ngâm không nói lời nào. Lần thứ hai, Ngụy Huệ vương mời Vu Khôn đến. Ông ta cũng không nói lời nào. Ngụy Huệ vương hỏi :

- Hai lần, ta mời ông đến, thế mà ông chẳng nói năng gì là tại sao ?

Thuần Vu Khôn nói :

- Lần trước, đại vương mời tôi đến nói chuyện, nhưng đại vương lại mãi nghĩ đến chuyện mấy con ngựa. Lần sau, đại vương lại mãi nghĩ đến nhạc và nhảy múa, thì tôi nói chẳng có ích gì, nên tôi im lặng.

Ngụy Huệ vương nói :

- Lần trước, có người biếu ta mấy con ngựa quý. Lần sau, có người tặng ta ban nhạc và ca múa. Đúng là ta có nghĩ đến ngựa, đến nhạc, đến ca múa. Ông thật giỏi. Thấy cả bụng dạ của ta.

7. Cơ mưu và sắc diện :

Trí Bá chuyên quyền ở nước Tấn, muốn cướp ngôi nhà Tấn. Trước hết, Trí Bá mượn danh Tấn liên minh với Hàn, Ngụy cùng đánh Triệu, giao ước là chiếm được bao nhiêu đất của Triệu thì chia ba. Hàn Hồ và Ngụy Câu sợ uy Trí Bá cùng kéo quân đánh Triệu Vô Tuất.

Triệu Vô Tuất cố thủ ở thành Tấn Dương. Trí Bá liền tháo sông nước Tấn vào thành Tấn Dương. Triệu Vô Tuất liền sai Trương Mạnh Đàm thuyết phục Hàn Hồ và Ngụy Câu phản Trí Bá. Hàn Hồ, Ngụy Câu bằng lòng.

Một hôm, Trí Bá mở tiệc ở Hàn Bích Sơn mời Hàn Hồ và Ngụy Câu đến uống rượu và xem nước ngập.

Rượu nửa chừng, Trí Bá nói :

- Chỉ còn ba bản (khoảng 9 thước), thì nước ngập thành, bây giờ ta mới biết, thế nước có thể làm mất nước. Có núi sông hiểm trở như sông Phần (Ngụy), sông Giáng (Hàn), đều là những sông to, nhưng cứ như ta nghĩ, thế thì bất lợi cho nước, chỉ tổ làm cho chóng mất nước mà thôi.

Ngụy Câu khẽ lấy cánh tay chạm vào Hàn Hồ. Hàn Hồ cũng đá vào chân Ngụy Câu. Hai người nhìn nhau có ý sợ hãi.

Tiệc tan, khi Ngụy Câu và Hàn Hồ đã về, Hy Tì, mưu sĩ của Trí Bá, nói với Trí Bá :

- Hàn, Ngụy tất làm phản !

Trí Bá hỏi :

- Sao người biết ?

Hy Tì thưa :

- Tôi tuy chưa nghe họ nói làm phản, nhưng nhì sắc mặt của họ thì có thể đoán được. Ngài có giao ước với Hàn, Ngụy đánh xong Triệu sẽ chia đất, nay Triệu sắp bị diệt, đáng lí họ phải vui mừng nhưng họ lại buồn ra mặt, biết là họ âm mưu làm phản.

Trí Bá nói :

-Ta cùng với hai nhà Hàn, Ngụy cộng sự với nhau, thì họ còn lo về việc gì ?

Hy Tì nói :

- Ngài có nói, thế nước không có lợi cho nước cho nước Tấn, chỉ tổ làm cho mau mất nước, tức là tháo sông Tấn vào Tấn Dương được, chắc cũng có thể tháo nước sông Phần vào An Áp (kinh đô nước Ngụy), cũng có thể tháo nước sông Giáng vào Bình Dương (kinh đô nước Hàn). Ngài nói vậy, họ không lo sao được

?

Hôm sau, Hàn Hổ và Ngụy Câu cũng đem rượu đến dinh Trí Bá để tạ bữa tiệc hôm trước. Trí Bá cầm chén rượu nói :

- Tính tôi vốn ngay thẳng, có gì nói ngay, không để bụng. Mới rồi, có người nói, hai vị muốn làm phản, hai tướng quân có ý đó hay không ?

Hàn Hổ và Ngụy Câu đều đáp :

- Vậy nguyên soái có tin lời nói ấy hay không ?

Trí Bá nói :

- Nếu ta tin lời nói ấy, thì đã không hỏi hai hai vị rồi !

Hàn Hổ nói :

- Tôi nghe họ Triệu (Triệu Vô Tuất), tốn nhiều tiền của để li gián chúng ta, bọn ăn lẽ của Triệu gièm pha để nghi ngờ hai chúng tôi mà thôi. Từ đó chúng ta xao lãng việc vây đánh Triệu, để Triệu thừa cơ thoát nạn.

Ngụy Câu phụ họa :

- Ông ấy nói rất phải ! Không có ai bỏ cái lợi gần kề là được chia đất, mà gây họa không lường về sau.

Trí Bá nói :

- Tôi biết, hai tướng quân không có ý phản, chẳng qua là Hy Tì quá lo xa.

Hàn Hổ nói :

- Ngày nay, nguyên soái không tin lời gièm pha, nhưng nay mai lại có người gièm, nguyên soái lại nghi, chúng tôi không nói lại được, tức lại rơi vào cái bẫy li gián của bọn sàm thần.

Trí Bá rót chén rượu xuống đất thề :

- Từ nay về sau, ai ngờ nhau thì như chén rượu này !

Hàn Hổ, Ngụy Câu lạy tạ, rồi ba người uống rượu vui vẻ. Gần chiều mới tan tiệc.

Hy Tì hỏi Trí Bá :

- Sao ngài lại đem lời của tôi tiết lộ cho họ biết ?

Trí Bá nói :

- Sao ông biết được ?

Hy Tì nói :

- Mới rồi tôi gặp Hàn Hổ và Ngụy Câu, hai người trừng mắt nhìn tôi, rồi đi thật mau, là họ nghĩ tôi biết âm mưu của họ, nên họ mới hoảng hốt như thế.

Trí Bá cười nói :

- Ta đã cùng Hàn, Ngụy, thề bồi với nhau, không bao giờ ngờ vực nhau nữa, ông đừng nhiều lời mà mất hòa khí.

Hy Tì lui ra ngoài, than :

- Tính mệnh Trí Bá không còn bao lâu nữa !

Hàn Hổ và Ngụy Câu về, lên thề với Trương Mạnh Đàm, sứ giả nước Triệu, hẹn đến nửa đêm thì phá đê cho nước tràn vào dinh Trí Bá, quân Triệu thừa cơ bắt Trí Bá.

Quả nhiên, Trí Bá đang ngủ, thấy nước tràn vào, không kịp trở tay, bỏ chạy. Cuối cùng, quân võ, Trí Bá bị quân Triệu bắt được. Triệu Vô Tuất lệnh đem chém.

8. Bộc lộ sở thích và sinh mạng :

Có người cho rằng, ngoài việc nói năng, bậc quân chủ không nên để lộ sở thích của mình ra ngoài, bọn nịnh thần sẽ khai thác triệt để sở thích của quân chủ để đưa quân chủ vào tròng .

Ví dụ :

Tề Hoàn công thích ăn của ngon vật lạ. Dịch Nha giết con mình, làm thịt dâng Tề Hoàn công, biểu lộ lòng trung thành.

Sau này, Tề Hoàn công chết về tay bọn Dịch Nha.

Ngô vương, thích mở mang bờ cõi, xưng hùng xưng bá, Bá Hy nhân đó, muốn lấy lòng Ngô vương, phát động chiến tranh.

Cuối cùng, Ngô vương bị giết.

9. Những kinh nghiệm :

Sách Linh kinh viết : “ Lòng đang vui, sắc mặt thư thái; khí đang bốc lên, thì có sắc giận; ham muốn nhiều, sắc mặt kinh bạc; lo sợ, sắc mặt sợ sệt; lo lắng, sắc mặt nghiêm trang ”.

Kinh Dịch viết : “ Người phản bội, lời nói ngượng ngập; người nghi hoặc, lời nói toán loạn, không đầu, không đuôi; người hiền đức nói ít; kẻ xấu nổi hay nói nhiều; người vu vạ, lời nói phù phiếm, không thực; người đã mất ý chí thao thủ, lời không còn thẳng ngay, hùng tráng ”.

Sách Chu Lễ nêu 5 căn cứ để xét đoán hình ngục, có thể ứng dụng vào du thuyết, giao tiếp.

Người tâm thuật bất chính được biểu hiện trên năm phương diện :

Một, căn cứ vào ngôn ngữ, là lời nói hỗn loạn.

Hai, căn cứ vào sắc mặt, là sắc mặt đỏ, ngượng ngập.

Ba, căn cứ vào hơi thở, là hơi thở gấp.

Bốn, căn cứ vào thần thái, là tinh thần không tập trung.

Năm, căn cứ vào mắt, nhãn thần tán loạn.

23. THÀNH TÍN VÀ TRÁO TRỞ

GIAN TRÁ VÀ TRUNG THỰC

Đâu là sự thành tín và tráo trở, đâu gian trá và trung thực ?

Lấy gì làm tiêu chuẩn ?

Khổng tử nói : “ Người quân tử không nên cố chấp ”.

Ông còn nói : “ Nói phù hợp với đạo nghĩa, chính là giữ chữ tín”.

Có người cho rằng, trung nghĩa mà không phù hợp nghĩa lớn quân thần, giữ chữ tín mà không phù hợp với chức phận cao hay thấp; tức là ngược lại với đại nghĩa và chức phận.

1. Đích thực của sự thẳng thắn:

Nghiệp Công tử nói với Khổng tử :

- Ở làng tôi có một người rất ngay thẳng, thân phụ của ông ta ăn trộm một con dê, ông ta đi cáo quan.

Khổng tử nói :

- Ở quê tôi cũng có một người ngay thẳng, thân phụ ông ta ăn trộm một con dê, ông ta dấu tội cho phụ thân ông ta, thế mới đúng là thẳng ngay.

2. Trung tín và đạo nghĩa :

Nước Sở bao vây nước Tống, nước Tống cầu cứu nước Tấn.

Vua nước Tấn, sai Giải Dương đến khuyên nước Tống đừng đầu hàng nước Sở, Tấn sẽ nhanh chóng đem quân đến cứu.

Giải Dương đi đến nước Trịnh, bị nước Trịnh bắt, đem nộp Giải Dương cho nước Sở. Vua Sở dùng vàng bạc, của cải mua chuộc Giải Dương, yêu cầu Giải Dương nói ngược lại điều vua Tấn đã dặn. Giải Dương bằng lòng.

Vua Sở dùng xe, có lầu cao, cho Giải Dương ngồi trên đó, để nói với người nước Tống. Nhưng khi xe đi qua người Tống, Giải Dương vẫn nói y như lời vua Tấn đã dặn.

Vua Sở tức giận, bắt Giải Dương đến hỏi, ý muốn giết đi :

- Người đã hứa với ta, nói những lời ta đã dặn, nay lại nói khác đi. Người là kẻ tráo trở, không phải là người thành tín.

Giải Dương nói :

- Tôi nghe nói, quân vương chế định ban bố mệnh lệnh là nghĩa, bề tôi chấp hành mệnh lệnh là tín. Bề tôi phải giữ chữ tín với quân chủ, vì đó là lợi ích quốc gia. Bề tôi không thể làm tổn hại đến lợi ích quốc gia, bảo vệ lợi ích quốc gia là nhiệm vụ của các bậc công khanh.

Quân chủ đã ban bố mệnh lệnh thì không thể có sự mâu thuẫn, trái ngược, bề tôi chấp hành không thể làm cho mệnh lệnh trở nên mâu thuẫn, trái ngược.

Tôi đã nhận quân mệnh thì chết tôi cũng phải làm tròn, có đâu tham sống và tham của cải. Ngài đã dùng vàng bạc, của cải để mua chuộc tôi, là sai với đạo lí.

Tôi tạm theo ngài cốt để làm tròn sứ mệnh; nay sứ mệnh đã thành, việc sống chết của tôi do ngài định đoạt. Tôi chết cũng chẳng có gì đáng tiếc !

Vua Sở nghe nói, liền thả Giải Dương về nước.

3. Trung thân và hiếu tử :

Hàn Phi Tử cũng kể rằng : “ Nước Sở có một người thảng thăn, cha ăn trộm một con dê, anh ta liền lên quan tố giác.

Tể tướng nước Sở cho rằng, hăn trung thành với nước nhưng hăn lại bất hiếu với cha. Liền sai người bắt và trị tội.

Nước Lỗ, có một anh lính theo vua đi dẹp giặc, mỗi lần lâm trận thì anh ta tìm cách bỏ trốn.

Khổng tử hỏi anh lính. Anh lính trả lời, nếu anh ta chết thì không còn ai để nuôi dưỡng người cha già. Khổng tử khen anh lính có hiếu, liền tâu với vua nước Lỗ. Vua nước Lỗ trọng dụng người lính.

Qua hai câu chuyện trên cho thấy, đôi khi chữ hiếu và chữ trung không đi chung một đường với nhau; trung thần và hiếu tử đôi khi cũng chẳng chung đường; lợi ích của nhân dân và lợi ích của những người thống trị, cũng phải lúc nào cũng đi một hướng ”.

4. Đây là sự thực ? :

Nhan Suất yết kiến Công Trọng. Công Trọng không tiếp. Nhan Suất nói với người hầu Công Trọng rằng :

- Công Trọng không muốn gặp tôi là phải. Vì, ông ta không thành thực, còn tôi là người thành thực. Ông ta thích gái đẹp, còn tôi yêu kẻ sĩ. Ông ta keo kiệt, biển lận, còn tôi trọng nghĩa khinh tài. Phẩm hạnh của ông ta kém cỏi, làm sao sánh được với phẩm hạnh của tôi. Từ rày về sau, tôi cứ nói đúng chân tướng về con người của ông ta cho mọi người rõ.

Người hầu chạy vào kể những lời của Nhan Súc với Công Trọng.

Công Trọng nghe xong, vội vàng đứng lên, đi ra tiếp Nhan Suất.

Qua mẩu chuyện vừa kể, có lẽ chúng ta cũng không biết đâu là thật, đâu là giả ?

Nếu những lời của Nhan Suất thật, thì Nhan Suất không gặp Công Trọng.

Nếu là giả, thì chỉ là cái cớ, làm cho Công Trọng phải ra tiếp Nhan Suất.

5. Thuật che chở và đạo tiến thủ :

Nhân lúc Tô Tần đi thuyết vua Tề trả 10 thành cho nước Yên, có người gièm pha Tô Tần với vua Yên là Định vương rằng :

- Tô Tần là người bất tín trong thiên hạ. Đại vương làm vua một nước vạn cỗ xe mà tự hạ mình với ông a, suy tôn ông ta ở triều đình, tỏ cho thiên hạ thấy mình cùng bọn với tiểu nhân.

Tô Tần từ Tề về, vua Yên không cho sửa soạn quán xá. Tô Tần nói với vua Yên :

- Tôi là kẻ thô鄙 ở Đông Chu, lúc mới gặp túc hạ, thì chưa có chút công lao nào cả, mà túc hạ ra ngoài thành để đón tôi, hiển dương tôi ở giữa triều đình.

Nay, tôi vì túc hạ đi sứ qua Tề, làm lợi cho túc hạ mười thành, có công bảo tồn cho nước Yên khỏi bị nguy vong. Thế mà, túc hạ không tin tôi, thì chắc rằng có kẻ gièm pha tôi, bảo tôi là người bất tín. Nếu ai đó, nói tôi thiếu tín nghĩa, thì sự thiếu tín nghĩa của tôi chỉ có lợi cho túc hạ.

Đời ai cũng khen, tín nghĩa như Vĩ Sinh, liêm khiết như Bá Di, hiếu thuận như Tăng Sâm. Giả sử, tôi có đủ đức hạnh như ba vị đó, liệu túc hạ có dùng tôi hay không ?

Yên vương đáp :

- Dừng chứ !

Tô Tần nói :

- Rất tiếc là tôi không có đủ đức hạnh như ba vị ấy. Nếu tôi có đủ đức hạnh như ba vị ấy thì cũng không thể phục vụ được túc hạ.

Thầy Tăng Sâm hiếu thuận, không đêm nào rời xa cha mẹ, chỉ ngủ ở nhà để hầu hạ cha mẹ. Liệu túc hạ có sai được thầy ấy đi sứ sang Tề, ngày rày qua tháng khác được không ?

Ông Bá Di liêm khiết, chê Vũ vương là người bất nghĩa, chẳng chịu làm bề tôi; bỏ cả ngôi vua nước Cô Trúc, nhịn đói cho đến chết ở núi Thú Dương.

Liệu ông ấy có chịu mang khăn gói, đem theo giỏ cơm, bầu nước, đi bộ cả mấy ngàn dặm đến phụng sự ông vua một nước nhỏ như nước Yên của túc hạ hay không ?

Vĩ Sinh tín nghĩa, hẹn cô gái ở dưới chân cầu, người con gái không đến, vẫn ôm chân cầu cho đến khi chết đuối. Liệu túc hạ có thể sai ông ấy sang nước Tề để biểu dương cái uy lực của nước Yên, mà lập công được công lớn hay không ?

Vả lại, kẻ tín nghĩa là kẻ vì mình, chứ không phải vì người, là cái thuật tự che

chở cho mình, không phải là cái đạo tiến thủ.

Xưa, tam vương thay nhau hưng khởi, là vì các vị ấy dùng cái đạo tiến thủ, không dùng cái thuật tự che chở cho mình.

Nay, túc hạ có muốn dùng thuật tự che chở (tín nghĩa) cũng không được ! Mà phải dùng đạo tiến thủ.

Vì dùng thuật tự che chở, thì Tề không tiến được tới Doanh Khâu, túc hạ cũng không vượt được khỏi nước Sở, không dòm ngó được những thành trì ở ngoài biên giới nước mình.

Hơn nữa, tôi còn mẹ già ở Chu, tới đây để phụng sự túc hạ, như vậy là tôi đã bỏ cái thuật che chở cho mình (đạo hiếu), mà tính đến cái đạo tiến thủ.

Túc hạ, là người theo cái thuật che chở, còn tôi lại là người theo cái đạo tiến thủ; mục đích của túc hạ khác với mục đích của tôi.

Vì thế, tôi vốn trung tín, mà lại đắc tội với vua, là thế đó !

Vua Yên hỏi :

- Người trung tín làm sao mà lại đắc tội ?

Tô Tần nói :

- Tôi xin kể câu chuyện, hàng xóm tôi có một người đi làm quan ở xa. Người vợ cả ở nhà tư thông với người khác. Khi người chồng sắp về, nhân tình của người vợ cả rất lo. Người vợ cả nói : “ Anh đừng lo, để em chế một thứ rượu độc để sẵn cho hắn, hắn sẽ tiêu đời ! ”

Hai ngày sau, người vợ cả sai người vợ bé bưng chén rượu dâng cho chồng.

Người vợ bé, biết là có thuốc độc, dâng cho chồng thì giết chồng, nếu nói cho chồng hay, thì người vợ cả sẽ bị đuổi, bèn giả bộ trượt chân té, rượu đổ hết. Người chồng giận, lấy roi quất người vợ bé.

Người vợ bé trung tín như vậy, còn bị đòn oan.

Tình cảnh của tôi bây giờ cũng chẳng khác người vợ bé ấy !

Tôi trung tín phụng sự tước hạ, đề cao danh nghĩa của tước hạ, làm lợi cho quốc gia, thế mà còn bị tước hạ nghi ngờ, còn bị tội. Thế thì, từ rày về sau ai dám phụng sự tước hạ nữa ?

Tôi sang Tề, không hề dùng thủ đoạn dối trá để gạt họ. Tước hạ có dùng người thay tôi có sang Tề, nếu không dùng lời lẽ như tôi đã nói với Tề, thì dù người ấy có sáng suốt như vua Nghiêu, vua Thuấn, thì nước Tề cũng không chịu nghe.

Yên vương khen :

- Nói rất phải !

Từ đó hậu đãi Tô Tần hơn xưa.

24. CHÊ VÀ KHEN

Người ta đứng ở góc độ khác nhau thì cách nhìn nhận về con người khác nhau, có người chê bai, có người lại khen ngợi. Cho nên, rất khó đánh giá hết một con người. Muốn thành công, thì phải đánh giá đúng, để dùng đúng. Đó là trí tuệ của người lãnh đạo quốc gia.

Có người cho rằng, Lưu Bang có tài dùng người nhưng có lúc ông ta cũng rất lúng túng.

Trần Bình đa mưu túc trí nhưng có lúc cũng chao đảo.

Khi nghe người nói xấu Trần Bình, thì Lưu Bang lạnh nhạt, không dùng Trần Bình. Lúc nghe người khác khen Trần Bình, thì Lưu Bang lại hậu đãi và tin dùng Trần Bình.

Hán Văn đế là ông vua sáng suốt. Thái thú Ngụy Thượng là người trung thành. Nhưng nghe người ta dè bĩu, Hán Văn đế cũng đã có lần ra lệnh bắt trói, bãi chức, đòi chặt đầu Ngụy Thượng.

Ban đầu Văn để nghe người ta nói ra nói vào không dùng Phùng Đường.

Sau này có người nói tốt cho Phùng Đường, Văn để mới tin dùng và Phùng Đường mới làm nên nhiều công trạng hiển hách.

Cho nên việc nghe lời chê bai hoặc khen ngợi, phải hết sức thận trọng và phán đoán một cách chính xác. Sau đây là một số nguyên nhân, dẫn đến đánh giá sai lệch về con người :

1. Không rõ nguyên nhân và thiên kiến:

Sách Lã thị Xuân thu kể chuyện ngụ ngôn : Một người đánh mất một cái rửa, ngờ con người láng giềng lấy trộm. Từ đó, anh thấy dáng đi nó đúng là dáng đi của tên ăn trộm rửa, vẻ mặt hắn cũng là vẻ mặt thẳng ăn trộm, cách nói năng của hắn y hệt cách nói năng của bọn đạo tặc.

Ít lâu sau, anh ta đào đất lại tìm thấy cây rửa. Hôm sau, anh ta để ý nhìn đứa con người láng giềng, thấy dáng đi, vẻ mặt, nói năng cũng không đến nỗi nào.

2. Không căn cứ vào lợi hay hại ? :

Nước Trâu, ngày trước người ta hay dùng bông sợi để làm khôi giáp (nón và áo dùng để chiến đấu).

Công Tức Kị đề nghị với vua nước Trâu không nên dùng sợi bông để làm khôi giáp, mà nên dùng nguyên liệu khác để làm, tiện lợi hơn. Vua nước Trâu khen phải. Nhưng ở nhà, Công Tức Kị vẫn dùng sợi bông để làm khôi giáp. Có người tâu với vua nước Trâu rằng :

- Hẳn tâu với đại vương không nên làm khôi giáp bằng sợi bông nhưng ở nhà hẳn lại dùng sợi bông làm khôi giáp. Hẳn thuộc loại người, nói một đường làm một nẻo.

Vua nước Trâu không vui, ra lệnh dùng sợi bông để làm khôi giáp như cũ.

Có người bình rằng : Việc làm khôi giáp của vua Trâu có tính quy mô hơn, nên tìm nguyên liệu thích hợp hơn. Còn việc làm của Công Tức Kị có tính chất gia đình, quy mô nhỏ, có thể dùng sợi bông tiện lợi hơn. Vua nước Trâu không xét lợi hại của việc làm, lại tin vào người hiền kế, sau đó lại tin vào kẻ gièm pha.

3. Quan hệ và tình cảm :

Lâu Hoãn kể : Công Phụ Văn Bá làm quan ở nước Lỗ. Sau khi bị bệnh nặng, chết. Có hai người thiếp quá thương mến ông ta, khóc lóc thảm thiết và cũng tự vẫn chết theo. Mẹ của Công Phụ Văn Bá nghe con chết, bà không khóc lấy một giọt nước mắt.

Có người hỏi bà, sao con chết mà bà không thương xót và không khóc ?

Bà nói : “ Khổng tử là một bậc hiền minh, ông không được nước Lỗ dùng, phải

chu du liệt quốc. Con tôi không chịu đi theo Khổng tử. Nó ở nhà hưởng phú quý, quanh quẩn với tỳ thiếp. Các tỳ thiếp chết vì nó.

Chúng tôi yêu các tỳ thiếp hơn người hiền và người thân của nó. Vì thế, tôi không khóc ”.

Lâu Hoãn kết luận : Đó là những lời thốt ra từ miệng bà mẹ. Nếu hỏi những tỳ thiếp chắc họ sẽ nói về Văn Bá khác hơn.

Cho nên, một sự việc, xuất phát từ miệng hai người khác nhau, thì nhận được sự bình giá khác nhau.

4. Âm ảnh lịch sử :

Nhạc Dương, tướng nước Ngụy, đem quân đánh nước Trung Sơn. Con Nhạc Dương ở Trung Sơn, vua Trung Sơn đem mổ thịt người con, gửi cho Nhạc Dương. Nhạc Dương ngồi ở dưới trướng, húp hết một tô.

Ngụy Văn hầu nói :

- Nhạc Dương vì ta mà ăn thịt con.

Đỗ Sư Tán dèm rằng :

- Thịt con mà ông ấy còn ăn được, huống gì thịt ai ?

Nhạc Dương đánh bại quân Trung Sơn. Ngụy Văn hầu thưởng công nhưng không tin dùng, trong bụng thường nghi ngờ.

Nguyên nhân, thời trước Dịch Nha giết con, dâng thịt con cho Tề Hoàn công ăn. Quản Trọng nói với Tề Hoàn công : “ Trên đời, cha nào mà không thương con. Cọp cũng không ăn thịt con. Vậy, ông ta làm thịt con, thì ai ông ta chẳng thịt ?”

Sau Dịch Nha hại Tề Hoàn công. Và trở thành câu chuyện lịch sử.

Đỗ Sư Tán đối kị với Nhạc Dương đem chuyện lịch sử để ví von, nên Ngụy Văn hầu sợ và nghi ngờ Nhạc Dương.

5. Sự đối kị :

Sách Hoài Nam tử kể : Đứa con nhỏ bị chốc đầu, người mẹ ruột đem con ra gội đầu, xúc thuốc máu chảy lênh láng, đứa con khóc thét. Người mẹ ruột cho rằng, làm mạnh tay con sẽ chóng lành. Khi bà mẹ kể cũng làm y như vậy.

Bà mẹ ruột sẽ la lên, cho đó là cách trả thù bà ta và muốn giết con của bà.

Là do sự đối kị và ghen ghét.

Những nạn nhân của sự đổ kị, tiêu biểu là Khai Phương, công tử nước Vệ; Ngô Khởi, Nhạc Dương.

6. Tiểu kết :

Có người cho rằng, trong thế gian, mỗi người có những tiêu chuẩn đánh giá khác nhau về con người, nên đôi khi rất khó xác định được đúng sai, phải trái, tốt xấu.

Tương tự, bản chất nước vẫn là nước, khuôn mặt vẫn là khuôn mặt. Nhưng khi cho nước vào cái chậu hình tròn, nước có hình tròn, cho nước vào cái thùng hình vuông, thì nước hình vuông; khi soi bóng mình vào nước, nước cứ chập chờn, không thấy rõ khuôn mặt thực của mình.

Nếu cứ căn cứ vào cái đựng nước để nói về hình dáng, bản chất của nước hoặc căn cứ vào cái bóng của khuôn mặt để cho đó là khuôn mặt thì quả là sai lầm !

Cho nên, khi nghe khen hoặc chê về một con người không thể không thận trọng.

25. VÔ DỤNG VÀ HỮU DỤNG

Mọi vật tồn tại ở trong trời đất, đều có công dụng đặc biệt, nên không thể nói cái này là hữu dụng và cái kia là vô dụng.

Thuật trị nước và dùng người cũng không nên phân biệt hữu dụng và vô dụng, chỉ tự xem mình đã thông đạt hay chưa thông đạt.

1. Có thông đạt mới thấy được hữu dụng:

Huệ tử nói với Trang tử :

- Vua Ngụy cho tôi giống loại bầu lớn. Tôi đem trồng, được những quả dưa lớn, bầu nó chứa được năm thạch. Dùng cả quả bầu để chứa nước thì nó không đủ cứng để đựng nước, khiêng đi nó sẽ vỡ. Nếu xẻ nó ra thành nhiều phần thì nó lại quá nông, không chứa được bao nhiêu nước. Thành thử, tuy nó lớn, mà nó vô dụng, nên tôi đập vỡ nó đi.

Trang tử nói :

- Tại sao ông không dùng trái bầu đó để làm trái nổi để qua sông. Ông phàn nàn rằng, khi xẻ nó ra thì nó nông quá không chứa được vật gì ! Không phải vì nó vô dụng, nó nông mà chính lòng ông chưa thông đạt.

Trần Bình đa mưu, túc trí hơn người, có thể dùng để tranh đoạt thiên hạ (hữu dụng), nhưng lại bị Lưu Bang nghi kị (đôi khi trở thành vô dụng).

Chu Bột tuy mưu trí không bằng Trần Bình, chỉ có sự chất phác, trung thành, không có tài tranh đoạt thiên hạ (vô dụng), nhưng lại được Lưu Bị tin dùng (hữu dụng). Vậy, vô dụng và hữu dụng chỉ là tương đối.

2. Dùng người vô dụng để thu nạp kẻ hữu dụng hay kế dùng xương ngựa :

Yên Chiêu vương muốn chiêu hiền. Quách Ngỗi kể : “ Tôi nghe nói, thời xưa có một ông vua bỏ ra một ngàn giạt vàng để tìm mua một con thiên lí mã.

Ba năm không mua được. Viên quan mua ngựa tâu với vua : Tôi xin đi tìm ngựa. Ông vua đồng ý.

Ba tháng sau, ông quan ấy bỏ ra năm trăm giạt vàng để mua cái đầu con ngựa chết về cho nhà vua. Nhà vua giận quá nói : Ta bảo mua ngựa sống, người lại mua cái xương đầu con ngựa chết ! Thật là phí phạm.

Viên quan đáp : Xương ngựa mà còn chịu mua với giá cao, huống hồ là ngựa sống. Thiên hạ hay tin, cho rằng vua biết mua ngựa, và người ta sẽ dắt ngựa quý tới.

Quả nhiên, không đầy một năm, nhà vua mua được ba con ngựa thiên lí ”.

Vua Yên nghe chuyện, hiểu ra, tôn Quách Ngỗi làm thầy. Từ đó, những người giỏi như Trâu Diễn, Nhạc Nghị, Kịch Tân đổ về nước Triệu.

4. Dùng ẩn sĩ để chiêu mộ nhân tài :

Khổng tử cho rằng : “ Cử những người hiền sĩ ẩn dật, thiên hạ sẽ quy thuận ”.

Thời Đông Hán, triều đình mời các ẩn sĩ như Phàn Anh, Dương Hậu vào triều.

Ít lâu sau, nhiều người tài ra giúp nhà Đông Hán.

26. ÂN SINH OÁN

Thiên này nêu những nguyên nhân, do thân cận, nên chuyển từ ân chuyển sang oán.

1. Thân tình và oán hận :

Cao tử nói :

- Bài thơ Tiểu biện trong Kinh Thi là của kẻ tiểu nhân thân cận của người được nói trong thơ.

Mạnh tử hỏi :

- Làm sao ông biết được điều đó ?

Cao tử đáp :

- Giả sử, có một người Việt, không hề quen biết, không thù hận với tôi, mà giương cung bắn tôi, thì tôi sẽ cười, vì cho rằng họ lầm. Giả sử, anh hoặc em tôi, tự nhiên bắn tôi, tôi sẽ la lên và khóc, vì tôi biết rõ là anh hoặc em tôi oán hận tôi. Bài thơ ẩn chứa oán hận, nên tôi đoán kẻ làm thơ thân cận với người được đề cập trong thơ.

—

(1) Bài thơ phú tích U vương, người làm thơ là Thái phó của Thái tử.

2. Ân và oán :

Tần và Tần đối trận ở đất Hàn. Tần Huệ công sai Triệu Giản tử đi xem thế trận của Tần.

Triệu Giản tử quan sát trận thế xong, về tâu :

- Quân ta đông hơn quân Tần rất nhiều lần, nhưng tinh thần chiến đấu của quân Tần hơn ta gấp bội.

Huệ Công hỏi :

- Vì sao ?

Triệu Giản tử đáp :

- Chúng ta xuất ngoại lưu vong, đến nước Tần, được Tần giúp đỡ. Khi chúng ta về nước, Tần cũng ra sức ủng hộ. Lúc chúng ta thiếu thốn, đói rét, Tần đã cứu tế. Ba lần, Tần giúp ta, ta không trả ơn, họ oán giận ta lắm, nên chiến đấu rất hăng.

Đỗ Nghiệp thuyết Vương Âm : “ Mỗi quan hệ thân và sơ khác nhau, thường quan hệ thân cận thì dễ sinh ra oán hận.

Chẳng hạn, đối với người thân, ân tình sâu nặng mà báo đáp ít ỏi, thì có thể sinh ra oán hận. Hai bài Đường lê và Giác cung trong Kinh Thi đã nói rõ về điều này. Cho nên, đối với người thân cận phải hết sức chú ý ”.

27. KHOAN DUNG

Quân chủ phải có đức khoan dung để biến thù thành bạn, biến thành trung thần của người khác thành trung thần của mình. Đây cũng là đức tính, cũng là sách lược.

1. Tấn Văn công biến Bột Đề thành tay chân:

Bột Đề đang đem đến gặp Hồ Yển. Hồ Yển thất sắc nói :

- Đối với chúa công ta, nhà ngươi có tội to lắm. Sao không tìm đường mà trốn cho xong, đang đêm tới đây để làm gì ?

Bột Đề đáp :

- Tôi đến đây là muốn ra mắt chúa công, nhờ Quốc cữu tiến dẫn cho.

Hồ Yến nói :

- Nhà ngươi mà vào yết kiến chúa công là tự dẫn thân vào chỗ chết.

Bột Đề nói :

- Tôi có việc cơ mật muốn vào tâu với chúa công để cứu lấy tính mệnh những người trong nước.

Hồ Yến liền dẫn Bột Đề đến cửa cung, rồi gọi cửa vào trước, đem việc Bột Đề nói với Tấn Văn Công. Tấn Văn Công nói :

- Bột Đề tài cán gì mà bảo cứu được người trong nước ? Chẳng qua là hãn mọn có đức nhờ Quốc cữu tiến dẫn hãn mà thôi.

Hồ Yến nói :

- Chúa công nay mới lên ngôi, cũng nên bỏ những điều hiềm khích cũ, mà cầu lời nói thẳng mới phải. Xin chúa công cứ cho hẳn vào.

Tấn Văn công tỏ ý ngần ngại, rồi truyền nội thị ra mắng Bộ Đề rằng : “ Ngày trước người chém đứt vạt áo của ta, cái áo ấy ta còn giữ, lúc nào trông thấy cũng rùng mình. Sau, nhà người lại phụng mệnh Huệ Công sang nước Địch để giết ta, may mà lòng trời giúp ta, nhà người không giết được ta. Nay ta về nước, nhà người còn mặt mũi nào mà trông thấy ta nữa. Nhà người tìm cách mà trốn cho thật xa, ta mà bắt được thì ta trị tội người đó ! ”.

Bộ Đề đáp lại rằng : “ Chúa công lưu lạc ở nước ngoài nhiều năm, còn chưa hiểu hết việc đời hay sao ? Hiến Công là thân phụ của chúa công, Huệ Công cũng là thân đệ của chúa công. Thế mà, cha muốn giết con, anh muốn giết em. Huống chi Bộ Đề này chỉ là một kẻ tiểu thần, một đứa tiểu nhân, lúc bấy giờ chỉ biết có chủ là Hiến Công, Hiếu Công, đâu biết chúa công là ai ?

Ngày xưa, Quán Trọng vì Công tử Củ mà bắn trúng đai của Tề Hoàn công. Thế mà Tề Hoàn Công dùng Quán Trọng dựng nên nghiệp bá. Nếu Tề Hoàn Công cứ nghĩ về cái đai, để báo thù mà bỏ cả nghiệp bá hay sao ?

Nay, chúa công cho tôi vào yết kiến thò chẳng hại gì, chỉ e tôi đi rồi thì tai vạ cũng đến với chúa công !”.

Nội thị vào tâu lại. Tấn Văn Công cho Bộ Đề vào.

Bộ Đề nói âm mưu tạo phản của Lã Di Xanh và Khước Nhuế cho Tấn Văn Công nghe.

Tấn Văn công phòng bị và phá được âm mưu phản loạn của Lã Di Xanh và Khước Nhuế.

2. Vua Tần không nghe lời gièm của Trương Nghi :

Trương Nghi muốn hại Trần Chấn, nói xấu Trần Chấn với vua Tần :

- Chấn rong ruổi giữa khoảng Sở và Tần. Nay, Sở không thân thiện với Tần mà lại thân thiện với Chấn. Thế là Chấn vì mình, không phải vì nước. Hơn nữa, đại vương không nghe chuyện là Chấn muốn bỏ Tần mà qua Sở ư ?

Vua Tần gọi Trần Chấn và hỏi :

- Ta nghe người ta nói, có phải ông muốn bỏ Tần mà sang Sở không ?

Trần Chấn đáp :

- Vâng ! Có.

Vua Tần nói :

- Lời nói của Trương Nghi thật đáng tin.

Trần Chấn nói :

- Chẳng chỉ riêng Trương Nghi biết, mà những kẻ đi đường cũng biết điều đó. Hiếu Kỉ kính yêu cha mẹ, thiên hạ ai cũng muốn có con như Hiếu Kỉ. Tử Tư trung với vua, nên trong thiên hạ ông vua nào cũng muốn được có bề tôi như Tử Tư. Nô bộc tì thiếp mà bán ở trong làng xóm được là nô bộc tì thiếp tốt. Thiếu nữ mà gả trong làng được, là thiếu nữ ngoan.

Tôi mà không trung với đại vương, thì làm sao vua Sở tin sẽ trung với vua Sở. Trung với đại vương còn bị đại vương bỏ, bây giờ tôi không qua Sở thì đi đâu ?

Vua Tần khen :

- Đúng !

Rồi quên việc Trương Nghi gièm Trần Chấn.

Thấy, vua Tần không đuổi Trần Chấn, Trương Nghi lại tâu với vua Tần :

- Trần Chấn là bề tôi của đại vương mà đem tình hình trong nước nói với nước Sở. Nghi tôi không thể cộng sự với hãn. Đại vương đuổi hãn qua Sở, nếu hãn qua Sở thì đại vương tìm cách giết quách hãn đi.

Vua Tần lại gọi Trần Chấn, nói :

- Ông muốn đi đâu ? Tôi sẽ chiều ý ông, tôi sẽ sai người sửa soạn xe để cho ông đi.

Trần Chấn thưa :

- Tôi xin đi qua Sở.

Vua Tần nói :

- Lời Trương Nghi nói không sai ! Nói rằng ông muốn qua Sở.

Trần Chấn đáp :

- Sở dĩ thần phải qua Sở là để đúng với ý của đại vương và mưu tính của Trương Nghi.

Nước Sở, một người nọ có hai vợ. Có kẻ ghẹo người vợ lớn, bị bà này mắng. Kẻ ấy lại ghẹo người vợ nhỏ, người vợ nhỏ tỏ ý thuận. Khi ông chồng chết.

Có người hỏi anh ghẹo gái : “ Thế bây giờ anh cưới người nào ? ”

Anh ghẹo gái nói : “ Tôi sẽ cưới cô vợ lớn”.

Người kia hỏi : “ Anh ghẹo cô vợ nhỏ thuận, anh không cưới. Anh ghẹo cô vợ lớn, bị cô ấy mắng, bây giờ anh lại muốn cưới cô ấy ? ”.

Anh ghẹo gái đáp : “ Dễ hiểu thôi ! Trước kia, ghẹo vợ người, là muốn cô ấy thuận với mình. Bây giờ cưới vợ thì phải cưới cô trung thành với mình ”.

Sở Hoài vương là ông vua sáng suốt, tướng quốc Chiêu vương là bậc hiền tài. Nếu tôi thường đem tình hình nước Tần nói với Sở, thì hai người ấy đâu có muốn dùng tôi. Nếu đã thế, thì làm sao tôi dám sang Sở ?

Vì đại vương muốn đuổi tôi, tôi cũng chẳng biết đi đâu, chỉ bằng đến Sở.

Vua Tần khen phải. Từ đó càng thêm trọng dụng Trần Chấn.

Sau này, Trần Chấn sang Sở.

3. Hán Cao tổ tha Khoái Thông :

Hán Cao tổ cầm quân dẹp xong Trần Hi trở về, nghe tin Hàn Tín chết thì vừa

vui, vừa thương , hỏi :

- Trước khi chết, Tín có nói gì không ?

Lữ hậu đáp :

- Tín nói : Tiếc là không nghe lời Khoái Thông.

Hán Cao tổ xuống chiếu cho nước Tề bắt Khoái Thông. Khoái Thông đến. Cao tổ hỏi :

- Nhà ngươi xúi Hoài Âm hầu làm phản, có phải không ?

Khoái Thông đáp :

- Phải ! Thằng bé không nghe lời tôi nên mới chết. Chứ hễ nghe lời tôi, thì bệ hạ làm sao giết được hễ ?

Cao tổ tức giận, quát :

- Luộc thằng này !

Khoái Thông nói :

- Hỡi ơi ! Thế thì oan quá !

- Người xui Tín làm phản, còn oan cái nỗi gì ?

Khoái Thông nói :

- Kỉ cương nhà Tần suy sụp, vùng Sơn Đông rối loạn, những người khác họ đều nổi dậy, các trang hào kiệt xúm nhau dấy lên. Khác nào, nhà Tần mất con hươu mà cả thiên hạ đuổi bắt. Người nào tài cao, chân mau thì người ấy được.

Chó của tên Chích sửa vua Nghiêu, không phải vì vua Nghiêu bất nhân. Đã phàm là chó, không phải là chủ nó, thì nó sửa. Lúc ấy, tôi chỉ biết có Tín, đâu có biết bệ hạ.

Vả lại, thiên hạ thiếu gì người mài giao sắc, cầm mũi nhọn muốn làm cái việc của bệ hạ đã làm, chẳng qua là làm không nổi đó thôi. Luộc làm sao hết được ?

Cao tổ nói :

- Thôi ! Bỏ qua.

Và tha tội, thả cho Thông đi.

4. Lương Hiếu vương tha Bắc vương :

Thời Đông Hán, Ngô vương Lưu Tị và cùng bảy nước mưu phản, trong đó có Tề Bắc vương. Khi âm mưu bị bại lộ, Tề Bắc vương định tự sát. Công Tôn Cù nói với Tề Bắc vương :

- Tôi sẽ đến Lương Hiếu vương nói giúp ông. Nếu Lương Hiếu vương bầm báo lại hoàng thượng mà hoàng thượng không tha cho ông, lúc ấy ông tự sát cũng chưa muộn.

Công Tôn Cù tâu với Lương Hiếu vương rằng :

- Tề Bắc, Đông có nước Tề mạnh, Nam giáp giới với Ngô – Việt, Bắc bị Yên, Triệu uy hiếp. Nói chung, Tề Bắc là nước nhỏ, bốn phương đều có kẻ thù, không thể tranh hùng với người ta. Cho nên phải có mưu hay kế lạ thì mới giữ được nước.

Ngày xưa, nước Trịnh bị nước Tống uy hiếp, Sái Trọng phải bày mưu cho Trịnh Chiêu Công cầu thân với Tống, sau này sinh Công tử Đột, mục đích là để bảo toàn nước Trịnh và tính mệnh của Trịnh Chiêu Công.

Tương tự, Bắc vương cầu thân cầu thân với Ngô vương, mục đích tạm bảo toàn Tề Bắc và tính mạng, là gặp thời thế ắt thời phải thế.

Ngô, Sở muốn chỉ huy quân của các nước chư hầu Tây tiến để tranh thiên hạ với hoàng thượng.

Nếu Bắc vương có đem quân theo Ngô, Sở nếu có giành được đất đai, thì Bắc vương cũng chẳng có chút công lênh gì ? Không chừng, con phải giết dê bò cho Ngô, Sở khao quân ?

Vì thế, Bắc vương dự định là sẽ không đem quân theo chư hầu. Nếu quân liên minh bất bình tiến đánh, thì Tể Bắc sẽ tử thủ. Mục đích phân tán quân liên minh của Ngô, Sở. Khi lực lượng liên minh đã bị phân tán thì không thể tranh hùng với hoàng thượng và quân triều đình được.

Đó cũng là mưu hay để tỏ rõ lòng trung thành đối với hoàng thượng và triều đình.

Nay, hoàng thượng và triều đình tỏ ý nghi kỵ, khiến Bắc vương buồn rầu và lo lắng, nên sai tôi đến giải bày với ông, nhờ ông tâu giúp với hoàng thượng thì Bắc vương vô cùng biết ơn ông.

Lương Hiếu vương vui vẻ, lập tức sai người về kinh bẩm báo với hoàng đế. Hoàng đế không chỉ tha tội liên can mà còn được phong làm Vương Tri Châu.

5. Tào Tháo tha Trần Lâm :

Thời Tam quốc, Tào Tháo có bệnh nhức đầu chữa không khỏi, khi xem xong bài hịch của Trần Lâm (coi về văn thư và tấu chương của Viên Thiệu), thì toát cả mồ

hôi, quên cả bệnh nhức đầu và giận lắm.

Khi diệt xong Viên Thiệu, Tào Tháo bắt được Trần Lâm, cho người điệu Trần Lâm vào và hỏi :

- Viên Thiệu sai nhà người viết hịch để đánh ta, nhà người chửi ta thì đã đủ lắm rồi, tại sao người lại lòi ông cha ta ra mà chửi ?

Trần Lâm nói :

- Ngày xưa, Khoái Thông vì Hàn Tín mà thuyết Hàn Tín phản Hán, chia ba thiên hạ. Quán Trọng vì Công tử Hốt mà bắn Công tử Tiểu Bạch (Tề Hoàn công). Tức là khi đã thờ chủ thì phải hết lòng vì chủ.

Người ta thường nói : “ Con chó thấy vua Nghiêu, nó sủa, chực cắn, tuy vua Nghiêu hiền nhưng không phải là chủ của nó; nó thấy Đạo Chích thì nó mừng, tuy Đạo Chích là loại đầu trộm đuôi cướp, nhưng lại là chủ của nó ”.

Nếu ông là người hẹp hòi thì cứ căn vặn, lấy cớ để không dùng những hiền sĩ, thì hiền sĩ sẽ không sẽ không phục ông. Còn ông đại lượng, sẵn lòng dùng những kẻ hiền sĩ, thì hiền sĩ sẽ theo ông.

Tào Tháo khen :

- Nói rất hay !

Từ đó Tháo tỏ ra rất hậu đãi Trần Lâm.

6. Lời bàn của Phạm Diệp :

Phạm Diệp cho rằng : “ Một ngày trung thành với chúa cũ, có thể trung thành suốt đời với chúa mới ”.

Nói cách khác, người không trung thành với chủ cũ, thì chủ mới ít tin cậy và tin dùng.

Vì vậy, Tấn Huệ Công giết Lí Khắc vì Lí Khắc bất trung Hoài Công. Lưu Bang giết Ninh Công vì Ninh Công không trung thành với Hạng Vũ. Lưu Bị không dùng Hứa Tịnh, vì Hứa Tịnh không trung thành với Lưu Chương.

28. LÀM BỀ TÔI THẬT KHÓ

Thiên này bàn cái khó của phận làm bề tôi.

1. Tôi trung, con hiếu :

Ông vua nào cũng thích có trung thần để tin dùng. Nhưng Ngô Phù Sai không tin sự tận trung của Ngũ Tử Tư, giết Ngũ Tử Tư quăng xác xuống sông. Trường Hoảng một lòng trung thành với vua nhà Chu, bị vua nhà Chu chặt chân dày đến

đất Thục, ba năm máu của Trường Hoảng biến thành ngọc bích.

Cha mẹ nào cũng mong có con hiếu nhưng con hiếu chưa chắc đã làm cho cha mẹ vui lòng. Hiếu Kì giữ lòng hiếu với cha là Ân Cao tông, sau này bị người mẹ kế gièm pha, khiến Cao tông rất lo lắng. Tăng Sâm một mực hiếu thuận với mẹ, nhưng người mẹ cũng không bao giờ vui. Thế mới biết, làm tôi trung, con hiếu là rất khó.

2. Thuật trị nước và sự thân tình :

Ngụy Văn Hầu hỏi Cô Quyển :

- Giữa cha con, quân thần, có phải nương tựa, ảnh hưởng lẫn nhau để trở thành những người hiền đức hay không ?

Cô Quyển nói :

- Không phải vậy ! Ít người cha hiền như vua Nghiêu, thế mà bị con là Châu Đơ đuổi đi. Ít người con hiền như vua Vũ, thế mà đôi lúc bị cha là Cảnh (?) Sưu nhốt như nhốt chó. Ít người anh hiền như vua Vũ, thế mà bị em kiêu ngạo, vô lễ. Ít người em nào hiền như Chu Công, thế mà bị em Quản Thúc, Sái Thúc âm mưu giết đi. Ít người trung như vua Thang, vua Vũ, thế mà bị vua Kiệt, vua Trụ muốn tru diệt.

Cha con, vua tôi không thể nương tựa vào nhau và hi vọng họ sẽ trở thành những người hiền đức.

Cho nên, trị lý quốc gia phải tự tin vào bản thân mình, không nên quá nương tựa vào người khác.

3. Không nên nương tựa :

Cảnh để cho người truy bắt Dương Thắng và Công Tôn Nguy. Lương Huệ vương dẫn hai người này trong cung. Hàn An Quốc khóc và nói với Lương Huệ vương :

- Đại vương thử xem, mối quan hệ giữa đương kim hoàng thượng với Thái thượng hoàng và với Lâm Giang vương như thế nào ? Còn đương kim hoàng thượng với đại vương quan hệ như thế nào ?

Lương Hiếu vương nói :

- Mối quan hệ giữa hoàng thượng với ta là anh em, không phải là mối quan hệ cha con.

Hàn An Quốc nói :

- Đương nhiên, đương kim hoàng thượng với Thái thượng hoàng là con đối với cha, đối với Lâm Giang vương là cha với con.

Cao tổ nói, ta dùng ba thước bảo kiếm để tóm râu thiên hạ, thiên hạ này là của ta. Do đó, Thái thượng hoàng không được lâm triều để trị lý thiên hạ, sau Thái thượng hoàng bị khốn ở Lạc Dương.

Lâm Giang vương là con trưởng của hoàng thượng, đã được lập làm thái tử, nhưng ăn nói không cẩn thận đã bị phế làm Lâm Giang vương. Sau này, nhân việc tu sửa vương cung, xâm phạm đến tông miếu, Lâm Giang vương, buộc phải tự sát.

Suy ra, việc trị lý của đương kim hoàng thượng không đếm xỉa đến tình riêng, đối với cha, cũng như đối với con.

Hơn nữa, người xưa có câu : “ Cha con tuy thân nhưng cũng phải nhớ đến mối quan hệ của loài hổ báo; anh em tuy thân nhưng cũng phải biết đến mối quan hệ của loài lang sói ”.

Nay, có nhiều kẻ gièm pha đại vương là làm nhiều điều sai trái, hoàng thượng không trách cứ hoặc trừng trị. Vì đại vương rất được Hoàng thái hậu sủng ái và đại vương cũng dựa vào sự che chở của Hoàng thái hậu.

Nhưng lỡ mai kia hoàng thái hậu không còn nữa, thì lấy ai che chở cho đại vương, nên đại vương phải tự lo cho mình trước.

Lương Huệ vương nghe lời Hàn An Quốc không chứa chấp Dương Thắng và Công Tôn Ngụy nữa. Hai người này tự sát.

4. Lời khuyên :

Người xưa cho rằng, mối quan hệ giữa người và người thân hay sơ là do quyền thế hoặc lợi ích. Nếu dựa vào sắc đẹp thì khi nhan sắc tàn phai, tình nghĩa cũng phai tàn.

Mặc tử nói : “ Cha có nhân từ đến đâu cũng không dùng đứa con luôn làm cho mình bị đau đầu, nhức óc ! ”.

Hoàng Thạch Công nói : “ Làm vua không thể không có đức, không có đức thì người ta xa lánh ”. Làm thần tử không nên dựa vào sự sủng ái của quân vương.

29. ÁM ẢNH VẬN MỆNH

Phản kinh cho rằng, ai cũng có vận mệnh, quan tâm đến vận mệnh nhưng nói rõ về vận mệnh, hiểu tường tận về vận mệnh là điều rất khó.

Qua việc khái quát các học thuyết về vận mệnh, tác giả nêu quan điểm về vận mệnh dưới nhãn quan của người cầm quyền và người làm chính trị.

1. Âm ảnh vận mệnh:

Kinh Dịch cho rằng : “ Tinh thần là do nguyên khí, một loại vật chất cấu thành; hồn phách là do tinh thần cấu thành ”.

Nhưng khi ra trên cõi đời, tướng mạo con người khác nhau, tiếng nói khác nhau, sường khổ khác nhau, trí tuệ và ngu độn khác nhau, phú quý bần tiện khác nhau, tuổi thọ dài ngắn khác nhau. Phải chăng, mỗi người đều có vận mệnh ?

Các bậc thánh nhân ít bàn về vận mệnh. Nhưng đôi khi vận mệnh là nỗi ám ảnh không rời của những người trị nước, trong đó có vận mệnh của dân chúng. Có nhiều thuyết về vận mệnh và những học thuyết thường phủ định lẫn nhau.

2. Trời – chính trị và vận mệnh :

Tuân Duyệt cho rằng : “ Phàm Mặt Trời, Mặt Trăng, sao biến đổi thì tinh khí biến đổi. Tinh khí là tinh hoa của khí âm dương, căn bản là ở đất, hướng lên trời. Khi nền chính trị thiếu sót, thì trời đất (tinh khí) biến đổi một cách khác thường ”.

Nói cách khác, Tuân Duyệt cho rằng, trời và người có mối liên quan, nền chính trị của con người thiếu sót, thì trời sẽ giáng họa, tức vận mệnh của con người do trời, quỷ thần quyết định.

Chu Văn vương hỏi Khương Thái Công :

- Làm vua mà đất nước không có tai họa, có phải là do quỷ thần phò hộ hay không ?

Khương Thái Công đáp :

- Phải ! Làm vua mà bắt dân phải đóng sưu cao thuế nặng, xây cất cung điện nguy nga, thì bệnh tật hoành hành, sương móc đóng thành băng ngũ cốc không mọc được.

Làm vua mà mãi mê săn bắn, không biết tiết chế, thì trong năm thế nào cũng có gió lớn, hạt lúa sẽ lép đi.

Làm vua mà phá hoại núi non, làm tắc nghẽn sông ngòi, thì trong năm thế nào cũng có nhiều người chết vì nạn nước, lửa, cây sinh trưởng nhưng không sum suê.

Làm vua mà phát động chiến tranh liên miên, thì trong năm sẽ xuất hiện nguyệt thực, nhật thực.

Văn vương khen :

- Thái Công giảng thật chính xác !

2. Sự báo ứng và vận mệnh :

Có người nghi ngờ thuyết báo ứng : Nếu theo sách Hồng Phạm thì ác giả ác báo. Nhưng tại sao vua Nghiêu là minh quân lại gặp nạn hạn hán, ngập lụt ?

Chu Tuyên vương cầu mưa, nhưng đêm xem tinh tượng lại thở dài than rằng : “ Trời không nghe lời cầu khẩn của ta rồi ! ”.

Chu Dịch viết : “ Người tích thiện thì được hạnh phúc lớn ”. Nhưng tại sao Nhan Hồi, Bá Ngự, học trò của Khổng tử lại không được sống lâu ?

Cho nên, thiện – ác thiên biến vạn hóa, khó lòng giải thích cho tường tận và chu đáo.

Sách Sử kí viết : Có người cho rằng đạo trời không phân biệt thân hay sơ.

Trong 70 học trò, Khổng tử khen Nhan Hồi là người hiếu học nhất.

Kết cuộc, Nhan Hồi khốn khổ, chỉ ăn tấm cám cũng không đủ no, chết sớm.

Đạo Chích tụ tập cả ngàn người, tung hoành ngang ngược, giết người như nghé, còn ăn cả thịt người, thế mà hăn lại sống rất thọ.

Cho nên nói, trời báo ứng, thì thật là hồ đồ.

3. Thuyết tam thế và vận mệnh :

Khổng tử nói : “ Sống chết có mạng ”. Nhưng ông lại nói : “ Chết bất đắc kì tử ”.

Có người lại nói : “ May mà sống sót ”.

Suy ra có 3 trường hợp : Chết vì số mạng. Số chưa chết mà chết. Số chết nhưng lại thoát được. Gộp chung, ba trường hợp trên là tam thể.

Có người bài xích thuyết tam thể như sau : Thái tử nước Quắc chết, được Biển Thước cứu sống; có người nói, Biển Thước có tài cải tử hoàn sinh.

Biển Thước nói khá dí dỏm : “ Tôi chỉ có tài cứu người sống, sống lại, không có tài làm cho người chết sống lại ”.

Có người lại nói : “ Nếu như không may mắn gặp Biển Thước, thì thái tử nước Quắc có sống lại được không ? Hoặc bệnh đã nhập vào lục phủ, ngũ tạng rồi thì Biển Thước cũng khó lòng cứu được”.

Nói chung, vận mệnh của thái tử nước Quắc, một phần phụ thuộc vào tay thầy thuốc. Tức là con người có thể quyết định vận mệnh của người khác.

4. Đạo đức và vận mệnh :

Trong Pháp ngôn, Dương Hùng viết :

Hỏi :

- Ai là người sống thọ ?.

Đáp :

- Người đạo đức là người sống thọ.

Hỏi :

- Thế Nhan Hồi, Bá Ngự là người có đức hạnh, lại không sống thọ ? .

Đáp :

- Nếu Nhan Hồi bất nhân, Bá Ngự bất nghĩa, thì có đâu sống đến gần ấy tuổi.

Hỏi :

- Thế thì có người bất nhân mà vẫn sống dai, là sao ?

Đáp :

- Đó là người vọng tưởng, sống dai nhưng đâu có sống ?

Tần Cảnh Công hỏi Sĩ Uởng :

- Sáu đại gia tộc của nước Tống, thì họ nào diệt vong trước ?

Sĩ Uởng thưa :

- Họ Loan sẽ bị diệt vong trước.

Tần Cảnh công hỏi :

- Có phải gia tộc này kiêu ngạo, hoành hành quá đáng hay không ?

Sĩ Uởng thưa :

- Quả đúng vậy ! Kiêu ngạo, hoành hành quá chức phận của mình, thì rước họa vào thân, là điều chắc chắn. Có lẽ đến đời Loan Doanh sẽ bị diệt.

Tần Cảnh Công hỏi :

- Căn cứ vào đâu ?

Sĩ Ưởng thưa :

- Loan Thư là người nhân đức, thường thi ân bố đức cho dân chúng. Loan Thư mất, Loan Yểm thay cha.

Loan Yểm, tuy bạo ngược, không thi ơn bố đức nhưng dân chúng vẫn nhớ Loan Thư, như dân nhà Chu nhớ Chiêu Công, tai họa chưa phát sinh.

Nếu Loan Yểm mất, Loan Doanh lên thay, dù Loan Doanh hiền đức nhưng vẫn bị tai họa, bị diệt.

Đúng như lời Sĩ Ưởng, chín năm sau họ Loan bị diệt.

Câu chuyện trên chứng tỏ, họa và phúc không phải là người hiền hay bạo ngược, mà do mầm ác do người đời trước để lại.

5. Ân huệ nhỏ giọt và vận mệnh :

Như trên đã nói : Chu Tuyên vương cầu mưa nhưng trời không mưa là tại sao ?

Khổng tử nói : “ Tế lễ thần linh, phải tưởng tượng như có thần linh trước mặt ”.

Kinh Dịch viết : “ Không tích lũy điều thiện, thì khó thành danh ”.

Người xưa nói : “ Nước có thể ngăn được nước nhưng không thể ngăn được dòng sông chảy, sắt có thể chặt cây nhưng ba tấc sắt không thể chặt một rừng cây ”.

Sách Tả truyện viết : “ Ân huệ nhỏ không thể làm cho người ta tin, huống chi là thần linh ”.

Có người nói : “ Thi hành nhân đức quá ít lại quá nhiều. Đó là giả nhân đức”.

Suy ra, Chu Tuyên vương quá trình cai trị không tích thiện, không thành kính trong việc cầu mưa, việc cầu mưa không phải thực sự là hành động nhân nghĩa, là giả nhân giả nghĩa.

6. Chính lệnh và vận mệnh :

Phạm Diệp viết : “ Trần Bình quá nhiều âm mưu, nên con cháu đời sau bị phế bỏ. Bính Cát âm đức nhiều, con cháu đời sau tiếp tục được phong hầu ”.

Kinh Dịch viết : “ Trời có đạo trời, đất có đạo đất, người có đạo người. Trời có âm dương, đất có cứng mềm, cương nhu, người có nhân nghĩa ”.

Tuân tử phê bình thuyết âm đức và nhân nghĩa : “ Đạo trời vận hành theo quy luật cố định, không phải vì có minh quân như vua Nghiêu mà tồn tại, cũng không phải vì bạo chúa như vua Kiệt mà diệt vong.

Hành vi thuận theo quy luật thì gặp điều tốt lành, hành vi hỗn loạn, ngược theo quy luật thì gặp tai họa.

Con người coi trọng việc nhà nông, cần kiệm, thì trời không thể làm cho người ta nghèo; chuẩn bị cho đời sống đầy đủ, chăm chỉ làm việc, thì trời không thể đưa con người vào cảnh khốn cùng; ý chí vững vàng, thì trời không thể khiến cho người ta gặp tai họa.

Suy ra đạo trời và đạo người không liên quan đến nhau.

Chính trị hiểm ác, ruộng vườn hoang phế, dẫn đến cảnh gạo châu củi quế, người chết đói đầy đường. Quốc chính không rõ, làm việc gì cũng không thích nghi với thời thế, không trọng nông tang. Không lo tu sửa lễ nghĩa, trong ngoài lẫn lộn, nam nữ dâm loạn, cha con nghi ngờ nhau, thiên hạ trên dưới xa lìa nhau.

Ba điều vừa kể trên, gọi là yêu nghiệt; ba loại yêu nghiệt này, đan chéo với nhau phát sinh, thì đất nước loạn lạc ”.

Mặc tử viết : “ Thời cổ, các bậc thánh vương đề cao chữ hiếu là muốn khuyến khích con hiếu kính với cha mẹ; tôn kính người hiền lương để khuyến khích người ta làm điều thiện; ban bố chính lệnh để giáo hóa dân chúng; xác định thưởng phạt là để bỏ ác theo thiện. Đây là cách trị lý quốc gia, chuyển nguy thành an.

Kiệt, Trụ trị lí quốc gia không tốt, chuyển từ an sang nguy, nên mới bị vua Thang, vua Vũ đánh đổ, thay đổi triều đại.

Vì vậy, sự an nguy của quốc gia là do ban bố chính lệnh, không phải là do thiên mệnh ”.

7. Việc người và vận mệnh :

Sách Tả truyện viết : “ Vạn vật có nhiều hiện kì quái nhưng thánh nhân không bình luận, không nghiên cứu, vì thánh nhân cho rằng, lí luận cũng vô dụng và không phải đó là cái học thực tiễn ”.

Lương Huệ vương hỏi Úy Liêu :

- Ta nghe người ta nói, Hoàng Đế chế định hình đức, đó là thuật bách chiến bách thắng. Có đúng như vậy không ?

Úy Liêu thưa :

- Không phải như vậy ! Hình đức mà người đời đang nói khác với hình đức của do Hoàng Đế chế định.

Hình đức người đời đang nói là chỉ Mặt Trời, Trăng sao, âm dương vận hành

theo thứ tự hoặc là thiên thời.

Còn hình đức của Hoàng đế chế định là nhân sự, việc người.

Hình là dùng để thảo phạt, đức là dùng để phòng thủ, bảo vệ quốc gia.

Lương Huệ vương hỏi :

- Ông có thể giảng kĩ hơn về thiên thời hay vận mệnh và việc người hay không ?

ÚyLiêu nói :

- Nói về việc xây dựng thành trì, thì thành có bốn hướng là Đông, Tây, Nam, Bắc. Khi xây, thì thành phải cao, trì phải sâu, lúc chọn hướng thì chọn như thế nào mà có thể thủ và công, kẻ địch không phá một dễ dàng.

Tức là không chỉ dựa vào thiên thời, địa lợi mà dựa vào mưu lược con người là chính.

Nói về Thiên cung trận pháp, thì có hai loại là Bối thủy trận (lưng dựa vào sông) và Hướng pha trận (lưng dựa vào sườn núi). Vũ vương dùng Bối thủy trận để giao chiến với vua Trụ, lưng dựa vào sông Chương, mặt đối diện với sườn núi. Một vạn hai ngàn quân Vũ vương đã đánh bại mười tám vạn quân của vua Trụ. Vua Trụ bị chặt đầu treo lên cột cờ trắng để thị chúng.

Trụ vương thua Vũ vương, không phải là Trụ vương không biết Thiên cung trận, không phải thua vì trận pháp, mà không rành về nhân sự, không được lòng người.

Hoàng Đế đã nói : Trước hết phải tự xem mưu trí mình có đủ hay không ? Sau đó mới xưng là thiên tử .

Cho nên, nhân sự quyết định vận mệnh ”.

8. Đạo đức vua chúa và vận mệnh vương triều :

Chu Công nói với Chu Thành vương : “ Ân Trung Tông trị lí thiên hạ, luôn kính sợ, không hề xao nhãng việc triều chính, nên hưởng được 70 năm. Vua Ân Cao tông trị lí các bang quốc, dù lớn hay nhỏ cũng không hề trách cứ oán hận, hưởng 59 năm. Đến đời Tổ Giáp, chăm lo đời sống nhân dân, thi ơn bố đức cho dân, hưởng 33 năm. Sau nay, vua nhà Thương, xa xỉ dâm dật, tham lam hưởng lạc, cho nên chết sớm, có người 10 năm, có kẻ chỉ có 7- 8 năm, thậm chí có kẻ chỉ 3 năm. Cho nên, người kế thừa vương vị phải biết mà răn sợ ! ”.

Kinh Dịch viết : “ Muốn vận mệnh mình tốt đẹp thì nghiên cứu tường tận đạo lí trong thiên hạ, làm hết sức mình”.

9. Thời thế và vận mệnh :

Có người cho rằng : Hán – Sở tranh hùng, quân Sở giết quân Hán, thầy nghề cả

sông Tuy Thủy. Ở trận Trường Bình, Bạch Khởi chôn bốn mươi vạn quân Triệu, kinh thiên động địa.

Trong những cuộc tàn sát thê thảm như vậy, những người đạo đức, tài giỏi như Tử Du, Tử Hạ, Y Doãn, Nhan Uyên, liệu có tránh được hay không ?

Tổng Cảnh Công thấy sao hỏa tiến gần đến sao Tâm (?), cho rằng điềm xấu, lo sợ, cho gọi Tử Vĩ vào hỏi.

Tử Vĩ nói : “ Nước Tống thuộc chòm sao Tâm (?), nếu có tai họa thì giáng xuống quốc quân nước Tống, chứ bây giờ biết giáng cho ai, hoặc chuyển đi đâu ? ”.

Trang tử nói : “ Thời vua Nghiêu, vua Vũ, thiên hạ không ai gặp tai ách, nhưng không thể nói mọi người thời ấy là thông minh.

Thời vua Kiệt, vua Trụ, thiên hạ không một ai được hạnh phúc, nhưng không thể nói, mọi người thời này đều ngu ”.

Tức là họa phúc, thời thế tạo nên.

10. Lễ nhạc, pháp độ và vận mệnh :

Tần Mục công hỏi Do Dư :

- Trung nguyên dùng Thi, Thư, Lễ, Nhạc và pháp độ để trị lí thiên hạ nhưng thường phát sinh nhiều loạn lạc. Các dân tộc Di, Địch không dùng kinh điển, pháp độ để trị lí thiên hạ nhưng lại trị lí quốc gia rất tốt. Là tại sao ?

Do Dư thừa :

- Xưa Hoàng Đế định ra lễ nhạc, pháp độ và ông hết sức thực hành, nên thiên hạ an định. Những ông vua đời sau, càng ngày càng xa xỉ, dâm dật, tàn bạo, phế bỏ lễ nhạc, pháp độ; nhân dân cực khổ, oán hận, phát sinh loạn lạc.

Các vua của dân tộc Di, Địch lấy đạo đức thuần phác để đối đãi với bề tôi và dân chúng. Bề tôi và dân chúng, lấy sự trung tín để đối đãi với vua, nên việc trị lí quốc gia của họ tốt đẹp ”.

QUYỂN 4 (31-40)

31. CHO VÀ LẤY

Thiên này bàn về tư tâm nhỏ và cái tư tâm lớn, phải biết bỏ lợi nhỏ để được lợi lớn, là phương pháp của người làm chính trị.

Quản tử viết : “ Có cho thì mới lấy, đó là đạo lí và phương pháp của người làm chính trị”.

Sách Thượng thư viết : “ Muốn lấy, trước tiên phải cho”.

Hoàn Thạc Công nói : “ Không chiếm hữu thì mới có được công danh, mà công danh chính là sự nghiệp của bậc đại phu, khi đã có công danh, thì có lợi lộc của thiên tử ban phát ”.

Thi tử nói : “ Vua Nghiêu hay nuôi người giúp người, vua Vũ che chở cho những người có tội, nên hai ông ấy thu phục được dân tâm, anh định xã tắc”.

Cho nên cái tư tình của các bậc thánh nhân là rất lớn lao, tư mà lại vô tư.

Vua Thang đã từng hướng lên trời cầu xin rằng : “ Tôi là người có tội, trời hãy giáng tội vào tôi, đừng giáng tội xuống nhân dân tôi. Nếu thiên hạ, bách tính làm điều ác, trách nhiệm trước hết thuộc về tôi ”.

Văn vương nói : “ Nếu là người có lòng nhân, thì vị tất là những người trong tông tộc là người thân thích ruột thịt ”.

Ý Văn vương muốn nói, tất cả những người trong thiên hạ đều là người thân thích ruột thịt của ông.

Suy ra, các bậc thánh nhân đã gột rửa được cái tư tâm nhỏ nhặt, đạt được cái tư tâm lớn lao, bỏ cái lợi nhỏ (tham lam, vật dục) để thu hoạch cái lợi lớn (dân tâm và anh định xã tắc).

31. THÀNH CÔNG VÀ THẤT BẠI

Thiên này bàn về mối quan hệ giữa thành công và thất bại.

Văn tử viết : “ Có công mà bất nhân bất nghĩa, thì sẽ bị nghi ngờ, tuy có tội nhưng chưa mất nhân tâm, thì có thể được tín nhiệm ”.

1. Hậu thế đánh giá:

Sở Cộng vương lâm bệnh nặng, biết không sống được, liền gọi quần thần đến bên cạnh, nói :

- Ta vốn thiếu đức, tuổi nhỏ đã nắm quyền nhưng không thể kế thừa được sự

nghiệp hiển hách của tổ tiên, đã nhiều lần thất bại.

Khi ta mất rồi, các ông không nên đặt những tên thụ cho ta như đặt tên thụ cho những ông vua có công lớn. Mong các ông nhớ cho !

Sở Cộng vương mất, quan đại phu Tử Tương nói :

- Từ khi đại vương tức vị đến nay đã từng chinh phạt, vũ về các nước phương Nam, chế phục các nước vùng Hoa Hạ, công lao của đại vương rất hiển hách. Chúng ta phải lấy nguyên tắc để định công lao của đại vương để phong tên thụ cho đại vương một cách xứng đáng. Chúng ta không nên nghe lời đại vương dăn dò.

Các quan, ai nấy đều đồng ý.

2. Tự nhận thất bại để thành công :

Tướng Ngụy là Vương Sưởng, Trần Tần, đã hai lần bại trận, đại tướng quân Tư Mã Ý không bắt tội, lại còn tự nhận mình là người có lỗi.

Tập Tạc Sưởng cho rằng : “ Hai lần các tướng bại trận, hai lần Đại tướng quân Tư Mã Ý tự nhận trách nhiệm về mình. Vừa không làm cho việc bại trận không lan rộng ra, không ảnh hưởng đến tinh thần chiến đấu của quân sĩ; vừa làm cho các thuộc tướng sau này tận lực chiến đấu; vừa an lòng dân chúng. Đó là việc làm rất sáng suốt ”.

3. Mối liên quan sâu xa giữa thành công và thất bại:

Như đã nói, Bạch Khởi đánh thắng Triệu và chôn sống 40 vạn quân Triệu, được xem là thành công nhưng thực sự là thất bại. Sự thảm sát này mở đầu cho việc sáu nước liên minh liều chết chống Tần; nhà Tần đã tự làm mất dân tâm.

Nhạc Nghị đánh nước Tề, thu được bảy mươi thành, chỉ còn hai thành là Túc, Mặc. Mới xét qua, là thất bại. Thâm tâm Nhạc Nghị muốn thu phục dân tâm nước Tề, để nước này phải thần phục, là muốn thành công lớn.

Vua tôi nước Yên , không thấy mối quan hệ giữa lợi và hại, giữa thành công và thất bại, nên không tin dùng Nhạc Nghị.

32. MÊ MUỘI VÀ SÁNG SUỐT

Tư dục sinh ra thiên kiến, làm đầu óc người ta trở nên mê muội.

Tinh thần là nguồn gốc của trí tuệ, tinh thần sáng khoái thì trí tuệ sáng suốt.

Tiêu chí của trí tuệ là tâm chí; trí tuệ công chính, thì tâm chí ngay thẳng. Ngược lại, người bị tiền tài, thanh sắc, vui buồn lấn át, thì tâm chí mê loạn.

Tâm chí ngay thẳng thì thành công, tâm chí mê loạn thì thất bại.

1. Dục vọng :

Ví dụ 1:

Tề Cảnh Công nghe tin nước Lỗ dùng Khổng tử, đất nước ngày càng trở nên cường thịnh, thì rất lo sợ và bàn với quần thần.

Quan đại phu Lê Di tâm rằng :

- Tính con người ta hễ cường thịnh, thì sinh lòng kiêu dật. Chúa công đem một đội nữ nhạc cho vua nước Lỗ. Vua Lỗ mà nhận được đội nữ nhạc sẽ sinh lòng biếng và chán Khổng tử. Khổng tử sẽ ở nước Lỗ mà đi, thì chúa công sẽ gỏi cao mà ngủ yên.

Tề Cảnh Công theo kế Lê Di.

Từ khi có đội nữ nhạc Lỗ Định Công và Quý Tôn Tư chỉ lo hưởng thụ, không còn lo việc chính sự.

Ngày tế lễ Giao, Lỗ Định Công tế vội vàng rồi về cung, chẳng nghĩ đến phần tế. Người coi việc hỏi Lỗ Định Công, ông ta phó thác cho Quý Tôn Tư. Quý Tôn Tư lại giao cho kẻ gia thần.

Khổng tử muốn đi từ trước nhưng muốn đợi lễ tế Giao, hi vọng Lỗ Định Công hồi tâm. Nhưng khi đi tế Giao về, cho đến chiều tối, vẫn chưa thấy phần

thịt. Khổng tử nói với Trọng Do :

- Nếu vậy thì cũng tại lòng trời !

Khổng tử gảy một khúc đàn. Gảy xong, thầy trò Khổng tử rời nước Lỗ.

Ví dụ 2:

Vua nước Địch sai Do Dư đến nước Tần để do la tình hình. Tần Mục Công thấy Do Dư là người tài, hỏi quan sử Liêu rằng :

- Nước Địch là nước kẻ thù của ta, nếu có người giỏi giang như Do Dư thật là họa cho nước ta.

Quan sử Liêu tâu rằng :

- Thần biết vua nước Địch rất mê gái đẹp và âm nhạc Trung nguyên. Ta sẽ tuyển một đội nữ nhạc, tặng cho ông ta. Ông ta sẽ mê muội với đội nữ nhạc, không tính chuyện tranh hùng, tranh bá nữa.

Do Dư sẽ khuyên bảo vua Địch. Vua Địch sẽ không nghe. Thế là vua tôi bất hòa. Do Dư sẽ tự ý rời nước Địch.

Tần Mục công cho người làm theo kế ấy. Rốt cuộc, Do Dư về với Tần.

2. Tà thuyết :

Bình Nguyên Quân, em ruột của vua nước Triệu. Nước Tần vây thành Hàm Đan, vua Triệu cử Bình Nguyên Quân cầu cứu nước Sở để thực hành kế hợp tung.

Sau khi hợp tung đã kí kết, nước Sở sai Xuân Thân quân, đem quân cứu Triệu. Tín Lăng quân cũng giả lệnh vua, cướp quân Tấn Bỉ đem quân cứu Triệu. Bình Nguyên quân cũng lập một đội quân, đi cứu Hàm Đan.

Quân Tần, thấy quân liên minh đến liền lui binh, rồi bãi binh.

Nhân việc cứu Hàm Đan, Ngụ Khanh xúi Bình Nguyên quân xin vua Triệu gia phong.

Công Tôn Long nghe tin, vào gặp Bình Nguyên quân và nói :

- Vua cử ngài làm tướng quốc nước Triệu, không phải vì cái trí của ngài, cắt đất Đông Vũ Thành để phong cho ngài không phải vì ngài có công, mà vì ngài là thân thích của vua. Ngài không khước từ việc nhận tướng ấn, vì ngài không tự nhận rằng mình bất tài, đến nỗi vua phải cắt đất dâng cho Tần, vẫn không trách ngài là bất lực. Ấy cũng vì ngài là người thân thích với vua. Trước kia, ngài tự nhận là người thân thích, nay lại lấy tư cách một người dân để kể công, xin vua gia phong, là thế nào ? Ngụ Khanh là người bắt cá hai tay, việc thành thì hăn được thưởng, không thành thì ít ra hăn cũng có công với ngài. Thế mà ngài lại

nghe hẳn.

Tư Mã Thiên bình : “ Trong thời loạn, Bình Nguyên quân là một công tử hào hoa phong nhã nhưng tâm trí mờ mịt, không rõ những đạo lí lớn. Người xưa cho rằng : Lợi lộc làm cho người ta mê muội. Bình Nguyên quân nghe những lời tà thuyết của bọn mưu sĩ, tham lợi nhỏ, tâm trí mờ mịt, quên lợi ích của quốc gia, là một trong những nguyên nhân dẫn đến nước Triệu thất bại ở trận Trường Bình và 40 vạn quân Triệu chết thê thảm ”.

Sách Nhân vật chí cho rằng : “ Từ bi bắt nguồn từ lòng nhân ái, nhưng đôi khi từ bi không phải là nhân ái, vì gốc của nhân ái là sự lo lắng.

Người ngay thẳng là người nghiêm khắc, nhưng người nghiêm khắc chưa hẳn là người ngay thẳng.

Người từ bi mà không phát xuất từ lòng nhân ái, là do keo kiệt. Người nhân ái mà không giúp đỡ người khác, là do sợ hãi. Người nghiêm khắc mà không cương trực là do tư dục ”.

3. Quyền thế :

Ban Cố thường dựa vào thế lực ngoại thích họ Đậu. Khi họ Đậu thất bại, Ban Cố liên lụy, bị bắt giam vào ngục, ở Lạc Dương, và chết ở trong ngục.

Sách Hậu Hán thư bình luận : Lúc sinh thời, Ban Cố cảm thương Tư Mã Thiên là người có học thức uyên bác; lại trách rằng Tư Mã Thiên không biết dùng trí tuệ

để tránh khỏi tai họa bị nhục hình. Nhưng bản thân Ban Cố lại không tránh được họa”.

Có người cho rằng, thông hiểu sự lí là một việc, hành động và tuân thủ theo sự lí là việc cực khó. Tương tự, người ta thấy sợi tóc chẻ làm tư nhưng không bao giờ thấy được lông mày của mình.

Nói cách khác, việc người thì sáng, việc mình thì tối. Cái tối của Ban Cố là dựa vào quyền thế.

4. Tình cảm riêng :

Tục ngữ có câu : “ Cha mẹ không biết không biết con mình đang làm điều ác ”.

Vì cha mẹ nào cũng thương con, đánh giá con theo tình cảm riêng của mình, khiến cho đầu óc mình đắm ra mê muội, quên cả công tâm.

Phạm Diệp nói : “ Trước hết tự xem mình có tư tâm hay không ? Sau đó phán đoán, lợi hại, phải trái mới chính xác. Nếu trí tuệ bị tư tình lừa dối, thì không nên vội vàng tự cho mình là có đức khoan dung ”.

5. Tư dục và tư lợi:

Khổng tử than rằng :

- Ta chưa thấy ai là người cương trực !

Nhan Hồi thưa :

- Thân Trành có phải là người cương trực hay không ?

Khổng tử nói :

- Thân Trành là người quá nhiều tư dục, sao gọi là người cương trực được ?

Thi tử nói : “ Con chim hồng nhạn bay trên trời, có người giương cung muốn bắn, nhưng do dự không quyết đoán, vì không biết được con nhạn rồi sẽ phải chia chác cho ai ? Thế là con hồng nhạn bay đi mất ”.

Hai câu chuyện trên, ám chỉ, con người lòng nhiều tư dục, thì tự đánh mất bản tính của mình, vì tư lợi làm cho bản tính mê loạn.

33. ĐÚNG ĐẪN VÀ THỰC TẾ

Nguyên tắc trị lí quốc gia là vụ thực, cầu chân, thuận ứng với dân tâm, phù hợp với tình hình đất nước và thực sự cầu thị.

1. Trị lí quốc gia và đời sống thực tế :

Sách Hoài Nam tử viết : “ Mặt Trời, Mặt Trăng rất lớn chiếu sáng khắp vạn vật, nhưng có những nơi Mặt Trời, Mặt Trăng cũng không chiếu rọi đến.

Đèn dầu, đèn sáp tuy nhỏ nhưng người đời không thể thiếu chúng, vì chúng có thể chiếu sáng những nơi cần nhất.

Cho nên, ngày xưa các thánh nhân, mới đặt ra các quan chức ở địa phương, mục đích cùng với quân chủ và triều đình trị lí quốc gia”.

Sách Hoài Nam tử còn viết : “ Cứu người chết đuối, người ta không thể ném cho người ấy một hòn châu ngọc, mà quăng cho người ấy một sợi giây thừng ”.

Hàn Phi tử nói : “ Một người đói đã nhiều ngày, nhưng ta hứa với người ấy rằng, anh hãy đợi, ta đi tìm gạo tốt, thịt ngon, cá tươi, rồi nấu cho ông ăn.

Chắc người ấy không nghe cho rằng, đó là những hứa lời hảo huyền ”.

Hàn Phi tử cho rằng : “Việc trị lí quốc gia, là phải giải quyết cấp bách, liên quan đến đời sống hằng ngày của dân chúng.

Lập pháp mà đề cập đến những điều quá xa vời, thì phổ thông bách tính không tin. Khác nào, người đang ăn bữa rau, bữa cháo, không đủ no, mà hứa với họ sẽ đem lại cho họ gạo trắng, thịt ngon; một người đang mặc áo rách vá cả trăm

miếng, mà hứa sẽ đem cho họ lựa là gấm vóc.

Đó là nền chính trị nói trăm voi chẳng được một đọi nước xáo ”.

Doãn Văn tử cho rằng : “ Trong việc trị lí quốc gia, cần những người tuy không giỏi lí luận nhưng giỏi xử lí công việc cụ thể. Nếu có lí luận thì cũng không vượt khỏi phạm trù danh pháp và quyền thuật. Có thể nói nhiều việc, nhưng không thể bỏ qua vấn đề thuộc về nông nghiệp ”.

2. Trị lí quốc gia và tính cộng đồng :

Thông thường, người ta đề cao bốn hạng người : Những người phẩm đức cao thượng; những người có tài biện luận xuất chúng; những người có khẩu tài, nói năng hoạt bát; những người dũng cảm.

Bốn hạng người này được xem là ưu tú hơn mọi người, gọi là siêu chúng.

Nhưng một vài ba người có đạo đức cao thượng, không thể giáo hóa được cả vạn dân; năm ba người có tài biện luận xuất chúng cũng không thể giải quyết tình thế cấp bách của dân chúng; năm bảy người có khẩu tài, nói năng hoạt bát, cũng không thể thuyết phục được một ngàn nóc nhà; tám chín người dũng cảm cũng chẳng thay thế toàn thể binh sĩ chiến đấu trên chiến trường.

Đôi khi, không khéo dùng 4 loại siêu chúng lại sinh ra tai họa ”.

3. Trị lí quốc gia và phong thổ, nhân tình :

Văn tử lại nói : “ Quân chủ sáng suốt (thời bình) không nên dùng và đề cao những người được gọi là nhìn xa trông rộng (tiên tri viễn kiến), người nghe nhiều nhớ dai (bác vấn cường kí), người khinh thế ngạo vật.

Vì mỗi vùng dân chúng, có phong tục riêng, tập tục riêng, không thể lấy ba người này làm khuôn vàng thước ngọc để giáo hóa quần chúng, bắt quần chúng phải giống y như họ.

Phải dựa vào phong thổ, nhân tình mà giáo hóa dân chúng, biết siêng năng cày bừa, trồng trọt và biết chiến đấu, thuận ứng với thể tục và dân tình, làm cho nước giàu, binh mạnh; không nên sùng thượng người có tài năng đặc biệt nào đó (độc năng) hoặc một người dũng cảm hơn người (độc dũng).

Vì vậy, có người cho rằng, thánh nhân trị lí quốc gia là quý, nhưng không nên xem một số người trị lí quốc gia là quý, cùng nên với dân chúng, cộng đồng trị lí quốc gia là quý.

4. Trị lí quốc gia và nghề nghiệp:

Văn tử cho rằng : “Vô luận ở làng xóm hay ở các châu huyện; nông dân nói chuyện về thu hoạch, kẻ sĩ đàm luận về đạo đức; những người thợ trao đổi với nhau về kĩ năng, kĩ xảo; thương nhân bàn về việc buôn bán.

Cho nên, nông dân không để hao phí sức lực, kẻ sĩ không để mất đi đức hạnh,

người thợ không mất nghề sinh nhai; thương nhất không mất tiền bạc.

Khiến cho ai nấy an vui với nghề nghiệp của mình; đó cũng là phương pháp làm chính trị”.

5. Trị lí quốc gia và sự đơn giản:

Hán Cao tổ, lúc lên ngôi, quần thần quen nếp sống trên lưng ngựa và ngoài chiến trường, có khi say rượu thì ầu ẩu nhau, tuốt kiếm đâm vào cột. Hán Cao tổ đâm lo. Thúc Tôn Thông biết ý, liền xin chế định lễ nghĩa. Hán Cao tổ hỏi :

- Có phức tạp, tuế toái lắm không ?

Thúc Tôn Thông tâu :

- Lễ nghĩa phải tùy theo thời thế và nhân tình, bỏ đi những hư văn, thì chẳng có gì gọi là phức tạp và tuế toái.

Trương Thích nói về đạo lí trị lí quốc gia. Hán Văn đế nói :

- Ông nói cái gì gần gũi thôi, có thể làm được ! Đừng nói đạo lí quá cao, sâu, những việc mà ta không làm được.

6. Trị lí quốc gia và kĩ thuật giết rồng

Trang tử kể : “ Châu Hãn bỏ cả ngàn vàng theo Li Ích để học kĩ thuật giết rồng.

Nhưng học xong, chẳng bao giờ có cơ hội thực hành”. Vì rồng không xuất hiện ở thế gian. Suy ra, lí thuyết chính trị và thực tiễn chính trị khác nhau xa.

Văn tử nói : “ Nhân, nghĩa, lễ nhạc, danh, pháp, hình, thưởng là căn bản của việc trị nước; nhưng lại khuếch đại, cao quá, rộng quá, bao la cả thiên địa vạn vật; thì dân cũng chẳng lấy đó mà ăn được, là dùng được. Do vậy, thánh nhân không nói đến những từ này ”.

34. TÍCH THIỆN

Thiên này nói về việc tích thiện dưới nhãn quan của người làm chính trị.

Kinh Dịch viết : “ Nhà nào tích thiện thì gặp tốt lành”.

Hoặc, “ Không tích thiện thì không thành danh”.

Mạnh tử thì cho rằng : “ Nhân thắng bất nhân, như nước thắng lửa. Nhưng chỉ có một chén nước thì không thể dập tắt một xe lửa; tức lòng nhân không đủ hoặc không có lòng nhân, thì bất nhân nổi lên.

Việc gieo trồng ngũ cốc, khi ngũ cốc chưa chín, không ăn được, thì không khác gì loài cỏ dại, khác nào lòng nhân ái chưa thực sự là nhân ái ”.

Thi tử cho rằng : “ Một người ăn nhiều, dài ngày, trở nên béo tốt; một người chỉ ăn một vị, mới được vài ngày, rồi hỏi : Tại sao tôi không béo tốt ?. Đúng là làm trò cười cho thiên hạ.

Tương tự, người trị lí quốc gia, vừa muốn được công, vừa muốn được lợi, nên mới sớm – tối đã hỏi tại sao chưa thấy hiệu quả ? Tương tự người hỏi : Tại sao tôi không béo ? . Thật là nực cười ! ”.

Việc tích đức, tích thiện không phải một sớm, một chiều mà đầy đủ; khi chưa đầy đủ mà dựa vào đức, vào thiện, là quá nông cạn và nguy hiểm; tương tự, dùng một bát nước mà cứu một xe lửa.

Chẳng hạn, vua nước Tang, coi trọng văn đức, bỏ võ công, nên bị diệt vong.

35. THƯƠNG VÀ HẠI

Thiên này nói về sự phân tích, phán đoán không hợp lí những hiện tượng xã hội.

1. Tôi phục tòng vua :

Sở Linh vương tàn bạo, dâm dật, trước khi mất, ông ta muốn táng ở Càn Khê và đòi chôn theo hai cô gái đẹp.

Sau khi, Sở Linh vương chết, Thiên Doãn Hối làm đúng như lời của Sở Linh vương.

Thông thường, quân chủ ra lệnh chính xác, hợp với đạo nghĩa, thì bề tôi tuân phục tòng, gọi là cung thuận. Nhưng mệnh lệnh của quân chủ đi ngược với đạo nghĩa mà bề tôi nghe theo là phản với đạo nghĩa.

Thiên Doãn Hối vì phục tòng quân chủ, vừa để quân chủ mang tiếng bất nghĩa và bản thân mình cũng làm chuyện bất nghĩa.

2. Tớ thương chủ :

Tớ trung thành và thương chủ là chuyện thường tình, nhưng có khi tớ thương chủ là làm hại chủ.

Tử Phản, tướng nước Sở, cầm quân đánh nhau với nước Tấn ở Yên Lăng.

Tử Phản vốn thích rượu, trong quân cấm uống rượu, thế trận lại căng thẳng, Tử Phản thao thức không ngủ được.

Tên đầy tớ tên là Cốc Dương rất thương Tử Phản, nấu rượu để cho Tử Phản uống giải buồn.

Không ngờ, Tử Phán uống nhiều rượu, say quá không đến nơi hội quân. Quân Sở đại bại. Vua nước Sở truyền lệnh, bắt Tử Phán phải tự sát.

3. Vua sủng ái phu nhân :

Hán Văn đế rất sủng ái Thận phu nhân, ở hậu cung thường cho Thận phu nhân cùng ngồi chung chiếu.

Viên Ang thấy vậy, yêu cầu Thận phu nhân rời khỏi chiếu và ngồi thấp hơn. Hán Văn đế tức giận, quở trách Viên Ang.

Viên Ang tâu :

- Thần nghe rằng tôn và ti, trên và dưới phải ngồi theo thứ tự, không nên lộn xộn. Bệ hạ chưa sắc phong hoàng hậu, thì thân phận của Thận phu nhân chỉ là thị nữ. Nếu bệ hạ sủng ái cho ngồi chung chiếu, tức là đem lại tai họa cho Thận phu nhân.

Chắc bệ hạ còn nhớ chuyện, Lữ hậu vì ghen tức mà chặt tay chân của Thích phu nhân, làm người lộn đó sao ?

Hán Văn đế nghe Viên Ang nói, đổi giận làm vui, không cho Thận phu nhân ngồi chung chiếu nữa.

4. Bạn bè thương nhau :

Tàng Vũ Trọng nói : “ Mạnh Tôn thường cho ta thuốc ngọt là bất nghĩa với ta, Lí Tôn cho ta thuốc đắng là có nghĩa với ta, thuốc ngọt không thể cứu sống ta, thuốc đắng làm cho ta đã tật ”.

Thương Ưởng thì nói : “ Lời nói trái tai là thang thuốc tốt, lời nói ngon ngọt chính là thuốc độc ”.

5. Thiện và ác :

Hàn Phi tử nói : “ Đi lại với bọn tham ô biển lận, cho đó là bè bạn.

Lấy của công chia chác cho người khác, cho đó là nhân ái.

Quý sinh mệnh, coi thường quan chức bổng lộc, cho đó là quân tử.

Bỏ quan chức để bao che cho bè bạn, cho đó là nghĩa hiệp.

Trốn đời ẩn cư, cho đó cao khiết.

Kết bè, lập đảng để chống lệnh, cho là ngay thẳng.

Thi ân để thu phục lòng người, cho đó là đặc nhân tâm.

Bạn bè kiểu đó, là có tư tâm gian trá.

Nhân ái kiểu đó, là tổn hại vật chất của nhà nước.

Quân tử kiểu đó, khiến quốc gia khó điều khiển.

Nghĩa hiệp kiểu đó, làm cho đất nước thiếu quan chức.

Cao khiết kiểu đó, thì ai phụng sự quân chủ ?

Ngay thẳng kiểu đó, làm cho pháp lệnh khó thi hành.

Đặc nhân tâm như vậy, là cô lập quân chủ.

Người ta khen tám loại người trên là khen lao, theo tư tâm, thực tế là những kẻ thất phu, phá hoại lợi ích của quốc gia ”.

Cho nên thế gian, vàng thau lẫn lộn, chỉ có người sáng suốt mới nhận ra được người thiện, kẻ ác.

36. TRUY TÌM BẢN CHẤT

Thiên này nói về phương pháp khảo sát và đoán định về phẩm chất con người dưới nhãn quan của một người làm chính trị.

1. Bản tính – công việc và chức vụ :

Sách Trung luận viết : “ Nước tính mát, lửa tính nóng, vàng đá có tính cứng. Cho nên, mỗi người có bản chất, đặc tính riêng ”.

Hành vi của con người đều biểu hiện căn bản, bản chất bên trong, đôi khi hành vi không thể che dấu căn bản, bản chất bên trong.

Khổng tử cho rằng : “ Lập thân và xử thế phải có chuẩn tắc, trong đó chữ hiếu là căn bản; tang ma lễ nghĩa, trong đó đau khổ, bi ai là căn bản; trong chiến tranh, bài binh bố trận nhưng dũng cảm là căn bản ”.

Khương Thái Công nói : “ Dân là không hết sức làm lụng, thì không phải dân của tôi. Quan lại mà không liêm khiết, không bảo vệ bách tính, thì không phải quan lại của tôi. Tế tướng mà không làm cho nước giàu, binh mạnh; không điều lí được âm dương thuận ứng bốn mùa; không làm cho quân chủ giữ yên được địa vị; không đề bạt, huấn luyện quần thần, không hiểu danh thực của những người cấp dưới; thưởng phạt thiếu công minh; thì không phải là tế tướng của tôi ”.

2. Truy tìm bản chất :

Có người cho rằng, phẩm hạnh của con người đều được bộc lộ qua hình tích, dấu vết; đôi khi qua hình tích, dấu vết, có thể truy tìm ra bản chất.

Ví dụ

Bấy giờ, các quan Đại phu trong triều ai cũng khen quan Đại phu đất Tức A mà chê quan Đại phu đất Tức Mặc. Trâu Kị tâu với Tề Uy vương, rồi sai người dò xét tình hình thực hư thế nào.

Khi đã dò xét sự thực rồi, Tề Uy vương cho triệu hai quan Đại phu đến và triệu quần thần đến để định việc thưởng phạt. Triều thần ai cũng nghĩ, phen này quan Đại phu đất Tức A sẽ được trọng thưởng, quan Đại phu Tức Mặc sẽ gặp tai họa.

Tề Uy vương gọi quan Đại phu đất Tức Mặc và nói :

- Từ khi người đến trấn Tức Mặc, ngày nào ta cũng nghe lời chê bai. Ta sai người dò xét, thấy Tức Mặc đất đai mở rộng, nhân dân giàu có, việc quan không chậm trễ, cả một phương yên ổn. Nhưng nhà người chuyên lòng trị dân, không chịu đút lót bọn tả hữu của ta, thành ra bị chê bai. Người là một ông quan giỏi !.

Nói xong, liền phong thưởng cho quan Đại phu đất Tức Mặc.

Lại gọi quan Đại phu đất Tức A vào, nói :

- Từ khi nhà người trấn thủ đất Tức A, ngày nào ta cũng nghe những lời khen

ngợi. Ta sai người dò xét, thấy đất Tức A ruộng vườn bỏ hoang, nhân dân đói rét, quân Triệu xâm lấn bờ cõi mà người không biết đánh giặc. Người chỉ biết đem của cải đút lót cho kẻ ta hữu của ta, thành ra người được họ khen ngợi trước mặt ta. Nhà người là một tên quan tồi !

Quan Đại phu đất Tức A sụp lạy, xin được sửa đổi. Tề Uy vương không chấp nhận, truyền lệnh cho lực sĩ bỏ Đại phu đất Tức A và nôi luộc.

Rồi cho bắt luôn mười người, xưa nay thường chê Đại phu đất Tức Mặc, mà khen Đại phu đất Tức A.

Tề Uy vương trách :

- Các người là tả hữu của ta, tức là tai mắt của ta. Bọn người tham của đút lót, nên nói phải thành trái, trắng thành đen, lừa dối ta, thử hỏi dùng làm sao được ?

Nói xong, lệnh đem mười người thường được vua yêu, đem luộc sạch.

Quần thần ai nấy đều run sợ.

3. Ôn cố tri tân :

Thời Hán Nguyên đế, Thạch Hiên chuyên quyền, Kinh Phòng gặp riêng Hán Nguyên đế và tâu :

- Vì sao U vương và Chu Lịch vương bị mất ngôi, mất nước ?

Hán Nguyên để đáp :

- U vương và Chu Lịch vương là những hôn quân và dùng lầm những bọn gian nịnh, nên mất ngôi, mất nước. Chuyện ấy, ai mà chẳng biết !

Kinh Phòng hỏi :

- Thế thì căn cứ vào đâu mà nói rằng dùng lầm người ?

Hán Nguyên để nói :

- Thì căn cứ vào sự nguy vong của quân chủ, sự hỗn loạn của xã hội mà suy đoán, có khó gì đâu ?

Kinh Phòng lại hỏi :

- Tôi đọc sách, nghe Tề Hoàn công và Tần Nhị Thế (Hô Hối) đã từng cười U vương và Chu Lịch vương là những ông vua hồ đồ, dùng lầm người.

Thế mà, Tề Hoàn Công lại dùng lầm Dịch Nha, Tần Nhị Thế dùng nhầm Triệu Cao, đi theo vết xe cũ và chết thê thảm là tại sao ?

Nguyên để nói :

- Bởi vì hai ông này không ôn cố tri tân, chẳng rút kinh nghiệm.

Kinh Phòng nói :

- Bệ hạ biết được điều này thì quả là sáng suốt !

4. Tiểu kết :

Như đã nói, nước có tính mát, lửa có tính nóng, kim loại và đá có tính cứng; căn cứ vào chức vụ, những chuẩn tắc và hình tích, người làm chính trị có thể phân tích, phán đoán được bản chất của con người.

37. ĐÁNH GIÁ CON NGƯỜI

Giai tầng, hoàn cảnh, nghề nghiệp, chức vụ của con người khác nhau, thì nên có tiêu chuẩn đánh giá khác nhau, mới không sai lầm.

Khổng tử viết : “ Con người có nhiều tầng thứ, hoàn cảnh cũng khác nhau, đôi

khí phán xét con người có thể phạm sai lầm”.

Chẳng hạn, người quân tử thì có lòng khoan thứ, kẻ tiểu nhân không có lòng khoan thứ. Nhưng ta cứ trách tiểu nhân không có lòng khoan thứ, thì thật là sai lầm !

Tư Mã Thiên nói : “ Quản Trọng phò tá Tề Hoàn Công chín lần hợp chư hầu, không phò thiên hạ. Thế mà Khổng tử lại chê khí độ của Quản Trọng hẹp hòi ”.

Có người giải thích, sở dĩ Khổng tử chê Quản Trọng khí độ hẹp hòi, vì ông đặt Quản Trọng ngang hàng với những người phò tá vua Vũ làm nên nghiệp bá, như Quỳ, Long, Tắc, Khiết.

38. THỜI THẾ VÀ NHÂN CÁCH

Thông thường, người ta cho rằng, người có phẩm đức cao là quân tử, người không có đạo đức là kẻ tiểu nhân, phẩm chất bất biến.

Thực sự, quân tử hay tiểu nhân, không hẳn là do bản tính tạo nên mà còn do thời thế tạo nên.

Văn tử nói : “ Con người giàu có thì khiêm nhượng, không đủ ăn, không đủ mặc thì tranh đấu. Khiêm nhượng sinh lễ nghĩa, tranh đoạt sinh bạo loạn. Tài vật nhiều thì dục vọng giảm đi, nhu cầu đầy đủ thì ít tranh đấu ”.

Quản tử cho rằng : “ Áo cơm đầy đủ lúc đó người ta mới biết thế nào là vinh nhục ”.

Sách Hán thư viết : “ Hàn Tín khi còn nghèo khổ, tham lam, phẩm hạnh không tốt, không ai tiến cử Hàn Tín ra làm quan.

Khi Tiêu Hà tiến cử Hàn Tín với Lưu Bang. Lưu Bang nói : Hàn Tín khó mà trở thành nhân tài của quốc, thiên hạ có ai khen hãnh tiếng nào đâu ?.

Chứng tỏ, con người nghèo khổ, cơm không no, áo không ấm, khó giữ được phẩm hạnh ”.

Nguyên, Bá Di, Thúc Tề cho rằng Chu Vũ vương bất nghĩa, không chịu ăn thóc nhà Chu, trốn vào núi Thú Dương, nhịn đói mà chết.

Phó Huyền bình luận : “ Nếu Bá Di, Thúc Tề là quan chức nhỏ, bổng lộc ít ỏi, không đủ cơm nuôi mẹ, không đủ áo cho vợ, thì chưa chắc hai ông đã tỏ ra tiết tháo như vậy ? ”.

Sách Hoài Nam tử viết : “ Người đang bơi khó cứu được người chết đuối, vì tay chân họ còn phải bơi, phải lội; người đang ở trong căn nhà cháy, khó cứu người cùng đang cháy, vì tay chân họ đang bị thương. Những người ở gần rừng thì không mua củi; người ở gần hồ thì ít mua cá ”.

Tương tự, thời thái bình, chính trị tốt đẹp, kẻ tiểu nhân đạo đức kém cũng biết theo luật pháp. Thời loạn, chính trị hỗn loạn, quân tử đạo đức cao thượng cũng

phải phạm pháp.

Trang tử cho rằng : “ Thời vua Nghiêu, vua Vũ, trong thiên hạ ai cũng được đặc chí; không phải thời đó toàn người thông minh. Thời vua Kiệt, vua Trụ không có người hiền đạt, không phải thời đó toàn người ngu độn. Chẳng qua là thời thế cả ”.

Sách Tân ngữ viết : “ Đất ở gần sông thì ẩm thấp, đất ở gần núi, cây thường mọc cao, là do sự ảnh hưởng. Những con sông lớn như Trường Giang, Hoàng Hà, Hoài Hà, Tế Thủy đều chảy về hướng Đông; nhưng những con sông nhỏ lại không chảy về hướng Tây ?

Mọi dòng sông đều chảy về một hướng, chỉ khác nhau nước nhiều hay nước ít mà thôi ”.

Vì vậy, trong cuộc đời, người quân tử chưa hẳn là quân tử, tiểu nhân chưa hẳn là tiểu nhân, mà do thời thế tạo thành.

Sách Thượng thư viết : “ Nhà Ân Thương trị lí dân quá hà khắc, làm cho phong khí xã hội bại hoại, chính trị hỗn loạn, quý tộc thì thích gì làm nấy, còn dân thì tha hồ làm loạn, pháp luật không trừng trị hết ”.

Không thể nói xã hội ấy, tất cả là tiểu nhân, mà do cách trị lí.

Sách Chính luận viết : “ Phẩm chất quân tử và tiểu nhân không phải là cố định và bất biến, mà do thời thế thay đổi mà biến hóa đổi thay ”.

39. KIÊU NGẠO VÀ VÔ LỄ

Thiên này bàn về sự kiêu ngạo và vô lễ, nhưng kiêu ngạo, vô lễ không hẳn là mất lễ nghĩa.

Sách Tả truyện viết : “ Kiêu ngạo chưa hẳn là vô lễ ”.

Sách Khúc lễ nói : “ Không cung kính, chưa hẳn là vô lễ ”.

1. Hầu Doanh và Ngụy Vô Kị :

Nước Ngụy có một ẩn sĩ tên là Hầu Doanh, 70 tuổi, nhà nghèo, làm nghề gác cửa Di Môn thành Đại Lương.

Công tử Ngụy Vô Kị nghe tin ấy, đến mời, muốn hậu tặng, mà người ấy không nhận, nói rằng :

- Tôi sửa mình, giữ hạnh mấy mươi năm trời, không thể vì tình cảnh coi cửa khốn khó mà nhận quà của công tử.

Ngụy Vô Kị bèn mở tiệc mời quan khách họp mặt đông đủ. Chủ khách yên vị rồi, công tử lên ngôi chỗ bên phải, dành chỗ bên trái cho Hầu sinh, đích thân đi đón Hầu sinh Ở Di Môn.

Hầu sinh giũ mạnh áo rách, phúi cái mũ cũ, bước thẳng lên xe, ngang nhiên ngồi vào chỗ dành sẵn, thử xem phản ứng của công tử ra sao ? Công tử cầm cương, càng tỏ vẻ cung kính.

Hầu sinh nói :

- Tôi có một người quen ở đây hàng thịt trong chợ, xin vui lòng cho xe qua đó.

Công tử đánh xe vào chợ. Hầu sinh xuống thăm người quen là Chu Hối, cố ý đứng nói chuyện lâu, liếc mắt nhìn, dò ý công tử. Nét mặt công tử càng dịu dàng.

Lúc đó, văn thần, võ tướng, nước Ngụy cùng người trong tôn thất và các tân khách đang đầy nghẹt cả nhà, đợi công tử về khai tiệc.

Người trong chợ xem công tử cầm cương, lính theo hầu đều rửa thầm vì phải đợi Hầu sinh. Hầu sinh xen về mặt công tử trước sau không đổi, bèn từ biệt người quen lên xe.

Về đến nhà, công tử mời Hầu sinh ngồi chỗ cao nhất, giới thiệu và ca tụng tài đức của Hầu sinh với mọi người. Quan khách đều kinh ngạc.

Rượu đang lúc ngà say vui chén, công tử đứng lên, đến trước mặt Hầu sinh chúc mừng. Hầu sinh thừa dịp nói với công tử :

- Hôm nay, Doanh tôi làm cho công tử mất thể diện nhiều quá ! Doanh tôi chỉ là một tên gác cổng mà công tử đích thân đánh xe đến đón tôi. Ở giữa chỗ đông người, công tử không nên tỏ ra quá ư lễ độ như vậy.

Những việc Doanh tôi vừa làm, là muốn vun quén cái danh cho công tử, tỏ rõ cho cái phong độ của công tử, cho mọi người trong thiên hạ thấy công tử là người biết trọng kẻ sĩ.

2. Vương Sinh và Trương Thích:

Dưới thời Hán Văn đế, quan Đình úy Trương Thích và các quan văn võ ngồi theo thứ tự ở trong cung, đợi triều kiến hoàng đế.

Vương Sinh, chức quan nhỏ, cố tình ngồi trên cả quan Đình úy còn cự nự muốn to tiếng cãi cọ muốn làm nhục Trương Thích. Trương Thích vẫn hòa nhã, không giận.

Có người hỏi Vương Sinh :

- Tại sao ở chỗ đông người, toàn quan chức triều đình, mà ông cố tình hạ nhục quan Đình úy ?

Vương Sinh nói :

- Tôi đã già rồi, địa vị thì thấp thỏi, mưu lược cũng không có, không có cách nào

giúp đỡ được quan Đình úy. Nên tôi giả bộ vô lễ, để chứng minh quan Đình úy là người ôn hòa, lễ độ, xứng đáng là một bậc đại thần.

Từ đó, ai cũng khen Vương Sinh là người hiền và càng tôn trọng quan Đình úy Trương Thích.

3. Vệ Thanh và Hán Vũ đế :

Thời Hán Vũ đế, mỗi lần đại tướng Vệ Thanh triều kiến, ông ta không quỳ, chỉ đứng mà hành lễ. Có người hỏi Cáp Âm :

- Lúc yết kiến hoàng thượng, quần thần ai nấy đều quỳ, sao tướng Vệ Thanh là không quỳ, như thế có phải là vô lễ không ?

Cáp Âm nói :

- Chức đại tướng rất là cao quý, hơn chúng ta rất nhiều. Nếu ông ta không làm vậy, thì các tướng, binh sĩ, dân chúng không coi trọng ông ta và cũng không tỏ rõ được sự anh minh của hoàng thượng.

Nghe Cáp Âm giải thích, mọi người rất phục.

40. ĐỊNH DANH

Danh chính thì ngôn thuận, danh bất chính thì ngôn bất thuận.

Cho nên phải định danh.

Không dùng ngôn ngữ để đặt tên, định danh, thì không thể phân biệt các sự vật. Không dùng ngôn ngữ thì không biểu đạt được đạo lý và những cảm xúc của nội tâm. Không dùng ngôn ngữ thì không thể giao tiếp với nhau.

Nói cách khác, mọi vật, mọi việc, mọi trạng thái, mọi hiện tượng đều phải được định danh.

Trong lĩnh vực trị lý quốc gia, có những khái niệm thường dùng như đạo, đức, nhân, lễ, nghĩa, trí, tín ... cần phải định danh.

Hoặc, khi ban hành pháp lệnh, luật pháp, cần phải định danh các khái niệm. Có như vậy, mới dễ xác định hành vi, hành động, để đánh giá con người, sự việc, sự vật. Tất nhiên, mỗi thời đại, mỗi lãnh vực có thể sai biệt trong việc định danh.

Sau đây là một số định nghĩa hoặc định danh một số khái niệm tiêu biểu trong lĩnh vực chính trị, trị lý quốc gia:

1. Đạo, đức, nhân, lễ, nghĩa, trí, tín :

Đạo là những chuẩn tắc là sự tuần tự; chuẩn tắc của gia đình, chuẩn tắc xã hội, chuẩn tắc hành vi, chuẩn tắc của hành động, chuẩn tắc của sự việc.

Đức là nguyện vọng của con người muốn đạt đến sự đầy đủ về mọi mặt.

Nhân là bác ái, vô tư, phát triển điều lợi, tiêu trừ điều hại.

Nghĩa là làm việc gì cũng thích nghi, biện luận để xác định phải trái.

Lễ là mọi hành vi tuân thủ theo quy phạm, tiến lui hợp thời, phân biệt trên dưới.

Trí là năng lực trí tuệ, phán đoán được mất, phân biệt phải trái.

Tín là phát hiệu lệnh, mọi người thừa nhận, thống nhất được ý chí.

2. Định danh về các loại bề tôi :

Sách Thuyết phạm viết : “ Phục tùng mệnh lệnh quân chủ, có lợi cho quân chủ là thuận.

Thuận theo quân chủ nhưng bất lợi cho quân tử, gọi là du (du : nịnh bợ).

Không phục tùng mệnh lệnh của quân chủ, nhưng có lợi cho quân chủ, gọi là trung (trung : trung thành).

Không phục tùng mệnh lệnh của quân chủ, lại có hại cho quân chủ, gọi là loạn.

Khuyên can khi quân chủ phạm sai lầm, uy hiếp đến lợi ích quốc gia; quân chủ nghe theo và vẫn được tiếp tục làm quan, gọi là gián thần (gián : khuyên ngăn).

Can ngăn khi quân chủ phạm sai lầm nhưng quân chủ không nghe, lại bị cách chức, gọi là tranh thần (tranh : can gián).

Vận động quần thần cùng can gián quân chủ, trừ được tai họa cho quốc gia, gọi là phụ thần (phụ : giúp đỡ).

Sửa được mệnh lệnh sai lầm của quân chủ, chuyển nguy thành an, tránh cho quân chủ được những điều sỉ nhục, gọi là bật thần (bật : đỡ đỡ).

Gián thần, tranh thần, phụ thần, bật thần, là ngọc quý của quân chủ và quốc gia.

3. Định danh về những hạng người khác :

Trang tử viết :

“ Cầu công danh, lợi lộc với bất cứ giá nào, gọi là nịnh.

Đón ý và quan sát sắc mặt của vua để rồi lựa lời mà nói, gọi là siểm.

Không biết phải trái, cung cúc theo ý kiến của quân chủ, gọi là du.

Vui vẻ hòa theo người khác, gọi là sàm.

Khen ngợi người ta một cách giả dối, để đưa người ta vào vòng tai họa, gọi là thắc.

Không phân biệt thiện ác, âm thầm thủ lợi cho thỏa mãn tư dục, gọi là hiểm ”.

Ngạn ngữ nói :

“ Bỏ cứu hành vi của mình, gọi là hòa.

Dù vui vẻ hay không vui vẻ cũng hòa nhã với người khác, gọi là đồng.

Dùng người hiền mà cướp công lao của người hiền, gọi là đoạt.

Dùng người không hiền, nhưng cứ ca ngợi là người hiền, gọi là phạt.

Ban bố pháp lệnh chậm chạp, định tội giết chóc một cách hà khắc, gọi là bạo.

Làm tướng mà cướp đoạt của dân, gọi là đạo.

Có tội mà không hối cải, gọi là ngược.

Cung kính mà không hợp với lễ, gọi là dã.

Không tuân thủ những điều cấm, gọi là nghịch.

Cấm điều ác, thiết lập chính nghĩa, gọi là pháp.

Biết điều thiện nhưng không làm theo điều thiện, gọi là cuồng.

Biết là tà ác nhưng không cải tà quy chính, gọi là hoặc”.

Khương Thái Công nói :

“ Cướp đoạt châu ngọc, đá quý, gái đẹp, vàng bạc, vải vóc, gọi là tàn.

Dùng quan lại bạo ngược để lạm sát người vô tội, coi thường luật pháp, gọi là

tặc.

Có tiếng là người hiền nhưng không tuân thủ luật pháp, gọi tặc.

Trung thần nhưng không ở trong triều đình, gọi là tặc.

Nói năng biểu thị coi trọng nhân ái nhưng quay lưng lại với nhân ái, gọi là hư.

Không thành tâm đối đãi với, lại mong thần tử thành tâm phụng sự mình, gọi là ngu.

Con người, bầm thụ khí của trời đất mà thành gọi là mệnh.

Nhân, lễ, nghĩa, trí, tín, gọi là tín, cứng mềm, nhanh chậm, âm thanh khác nhau là do khí của thủy thổ khác nhau, gọi là phong.

Con người có tốt, có xấu, có nhận có cho, động tĩnh nhưng không cố định, không tuân theo mô thức nào, tùy theo ý chí, tình cảm của quân chủ mà biến hóa, gọi là tục ”.

4. Định danh nhạc và âm :

Ngụy Văn hầu hỏi Tử Hạ :

- Ta mặc quần áo chỉnh tề, ngồi nghe cổ nhạc nhưng tỉnh táo, không hề buồn ngủ. Khi nghe âm nước Trịnh, nước Vệ ... thì cảm thấy mỗi mệt. Ông giảng cho ta nghe thử, vì sao như vậy ?.

Tử Hạ thưa :

- Bệ hạ hỏi nhạc hay là âm, vì nhạc và âm tuy gần gũi với nhau, nhưng tính chất khác nhau ?

Ngụy Văn hầu hỏi :

- Khác nhau chỗ nào ?

Tử Hạ đáp :

- Cổ nhạc thể hiện sự vận hành của trời đất và bốn mùa thay đổi, nối tiếp nhau, theo thứ tự, khiến cho dân chúng an lạc, ngũ cốc phong phú, bệnh tật không phát sinh, tai họa không xuất hiện. Sau đó, thánh nhân chế định những chuẩn tắc quan hệ giữa cha – con, quân – thần, tạo thành kỉ cương trong thiên hạ. Kỉ cương đã định, thì thiên hạ đại định, sau đó lại định ra sáu luật, ngũ âm, huyền ca thi tụng, gọi là đức âm, đức âm là nhạc. Cho nên, nghe cổ nhạc, làm cho người ta tỉnh táo.

Vì âm Trịnh bị lạm dụng, khiến cho tâm chí loạn; âm của Tống an dật, làm cho người ta đắm đuối; âm của Vệ gấp gáp, khiến cho tâm chí nóng vội; âm của Tề thiên về tà, làm cho tâm chí trở nên kiêu ngạo. Âm của bốn nước ấy, khiến người

ta đắm chìm trong sắc đẹp, phương hại đến phẩm đức. Cho nên khi cử hành đại lễ, người ta không dùng những loại âm này.

Đó là sự khác biệt giữa nhạc và âm.

5. Định danh giữa lễ và nghi :

Về lễ:

Triệu Giản tử hỏi Thái Thúc :

- Khiêm nhường có phải là lễ không ?

Thái Thúc nói :

- Đó là ông hỏi về nghi không phải là lễ.

Triệu Giản tử hỏi :

- Vì sao ?

Thái Thúc nói :

- Lễ thuộc về thiên kinh, nghĩa thuộc về đất (thiên kinh, địa nghĩa), là những hành vi quy phạm mà bách tính phải tuân theo.

Trời thì có sự vận hành của Mặt Trời, Mặt Trăng, Sao. Đất thì có chỗ cao, chỗ thấp, có cứng, có mềm. Giữa trời đất thì có sự sinh thành của âm dương, mưa gió, sáng tối và sáu khí. Lại thêm có ngũ hành là kim, mộc, thủy, hỏa, thổ; năm vị thì có cay, đắng, ngọt, chua, mặn; năm sắc thì có xanh, vàng, đỏ, trắng, đen; năm âm thì có cung, thương, giốc, chủ, vũ.

Nếu sáu khí, ngũ hành, năm sắc, năm vị, năm âm có lúc thái quá sẽ sinh ra hỗn loạn, khiến cho trăm họ bị mê hoặc đánh mất bản tính, nên phải dùng lễ chế ước, duy trì bản tính.

Con người có tốt, xấu, sướng, giận, bi thương, vui vẻ, dùng lễ để ước thúc sáu loại tâm chí này.

Bi ai biểu hiện ở sự khóc lóc; vui biểu hiện ở ca hát, nhảy múa; sướng biểu hiện ở chồa cho chác; giận thì sinh đấu tranh. Cho nên, con người phải co hoặc duỗi cho phù hợp với quy định của lễ, thì mới thành con người ”.

Về nghi:

Có người nói về nghi, còn gọi là nghi dung (dáng vẻ, dung mạo), khi dạy con cái của các công khanh là dạy sáu nghi (lục nghi):

Nơi tế lễ, nghi dung trang nghiêm.

Khi tiếp khách khứa, nghi dung không tự ti, không tự tôn.

Nơi triều đình, nghi dung trang trọng và cung kính.

Nơi tang lễ thì nghi dung bi thương, đau khổ.

Chốn quân đội, nghi dung uy vũ, hùng tráng.

Lên xe, xuống ngựa, nghi dung chỉnh tề và theo thứ tự.

Nói chung, không định danh, không phân biệt giữa lễ và nghi sẽ sinh ra lầm lẫn và tệ đoan ”.

QUYỂN 5 (41-50)

41. XUẤT QUÂN

Thiên này bàn về mục đích chiến tranh và những nguyên tắc của người làm tướng.

Bình khí là hung khí; chiến tranh là việc nguy hiểm; chiến trường là nơi thâm phòi ngang dọc. Vì thế, các bậc đế vương bất đắc dĩ mới dùng chiến tranh để giải quyết sự phân tranh.

1. Tên gọi các cuộc chiến tranh :

Phát động chiến tranh để trừ bạo, cứu dân ra khỏi cảnh lầm than, gọi là nghĩa binh; nếu giành được sự toàn thắng có thể xưng vương.

Phát động chiến tranh để chống xâm lược, gọi là ứng binh; sự oán giận của nhân dân và quân sĩ chưa đến độ cùng cực, thì có thể thất bại.

Vì sự phản nộ mà phát động chiến tranh, gọi là phản binh; sự phản nộ của binh sĩ và dân chúng chưa lên cao, thì có thể thất bại.

Tham lam đất đai, tài vật, khởi binh để chiếm cứ, cướp đoạt, gọi là tham binh; nếu quá tham lam sẽ thất bại.

Dựa vào số đông, diệu võ dương oai với quân địch, gọi là kiêu binh; kiêu binh sẽ thất bại.

2. Nghi thức và quyền của tướng :

Khi phát động chiến tranh, trước tiên, quân chủ tuyển đại tướng, ở chính điện, quân chủ nói : “ Quốc gia an nguy đều phó thác vào tay của tướng quân, hiện tại một số nước không thần phục, hi vọng tướng quân thảo phạt, để họ thần phục ”.

Quan Thái sử trai giới và chiêm bốc, chọn ngày lành để trao phủ việt cho đại tướng.

Ngày cử hành lễ, quân chủ đến thái miếu, quân chủ mặt hướng về hướng Tây, tướng quân mặt hướng về hướng Bắc.

Quân chủ đích thân nắm việt đưa lên ngang đầu, nói : “ Từ nay trở đi, mọi việc chiến trường, do tướng quân quyết đoán”.

Tướng cung kính nhận lấy việt, đưa ngang đầu bái tạ, nói : “ Thần nghe nói, chính sự trong nước không vì bên ngoài mà do dự, ở trong quân không vì tình hình của triều đình mà dao động. Thần hai lòng thì không thể phụng sự được quân chủ, nếu do dự, không quyết đoán thì không thể nghênh địch. Thần nhận mệnh, trong quân toàn quyền quyết đoán, không bao giờ chiến bại mà trở về ”.

Tư Mã Pháp nói : “ Tiến công - phòng thủ, tiến – thoái, là do thời cơ, không cần phải tham khảo ý kiến của quân chủ ”.

Tôn tử nói : “ Tướng ở bên ngoài, có quyền không nghe mệnh lệnh của quân chủ”.

Sách Hán thư viết : “ Chỉ nghe mệnh lệnh tướng quân, không nghe mệnh lệnh quân chủ ”.

Ngạn ngữ nói : “ Bên trong thành, do quân chủ khống chế; bên ngoài thành, do tướng soái khống chế ”.

Mục đích giao toàn quyền cho tướng, là để tướng phát huy tài năng, giành thắng lợi.

42. HUẤN LUYỆN BINH SĨ

Thiên này nêu tổ chức và phương pháp huấn luyện binh sĩ thời cổ. Thống lĩnh quân đội phải quyết tâm huấn luyện binh sĩ, giới dùng những anh hùng, hào kiệt, chiêu theo tài năng cao thấp mà bố trí chức vụ, trở thành những người phụ tá, thì mới có thể trở thành uy.

1. Bộ tham mưu :

Tâm phúc : 1 người.

Mưu sĩ : 2 người.

Thiên văn : 3 người.

Binh pháp : 9 người.

Thông lương : 4 người.

Phấn uy : 4 người.

Cổ kì : 3 người.

Cổ quảng : 4 người.

Quyền sĩ : 3 người.

Nhĩ mục : 7 người.

Trảo nha : 5 người.

Du sĩ : 8 người.

Vĩ sĩ : 2 người.

Pháp toán : 2 người.

2. Các đội quân chủ yếu :

Những người có dũng khí hơn người, không sợ bị thương, không sợ chết; lập thành một đội, gọi là quân mạo tử.

Những người có sĩ khí, cường tráng, can đảm đối diện với địch; lập thành một đội, gọi là quân hăm trận.

Những người giỏi binh thư, kiếm pháp, tiễn pháp (bắn cung tên), kĩ luật nghiêm minh; lập thành một đội, gọi là quân nhuệ kị.

Những người có sức lực, bị địch đâm chém cũng không hề hấn, đoạt cờ địch, thành một đội; gọi là quân dũng lực.

Những người có khả năng trèo cao, đi xa, chạy nhanh, lập thành một đội; gọi là quân quan binh.

Những người trước đây làm quan uy phong lẫm liệt, nay mất chức, mất quyền, muốn lấy công chuộc tội, lập thành một đội; gọi là quân tử đấu.

Những người thuộc gia đình có người trận vong, muốn giết giặc để trả thù; lập thành một đội, gọi là quân tử phần (tử : chết, phần : phần nộ).

Những kẻ bần cùng, phần nộ, đau khổ; lập thành một đội, gọi là quân tất tử.

Những kẻ vô dụng, ăn bám, những người bị bắt làm tù binh, cảm thấy tiền đồ đen tối, muốn rửa những điều nhục nhã; lập thành một đội, gọi là quân lịch đồn.

Những kẻ thích dè bĩu người khác, thích tâng bốc họ hàng thân thích; lập thành một đội, gọi là quân gián điệp phi ngôn nhược địch.

Những người bị tù oan, muốn rửa sạch nhục nhã; lập thành một đội, gọi là hạnh dụng.

Những người giỏi mang vác nặng đi xa hàng trăm dặm; lập thành một đội, gọi là quân thị lệnh (thị : hầu hạ).

3. Ba trường hợp thất bại :

Quân sĩ mạnh mẽ nhưng quan lại khiếp nhược, gọi là trì quân (trì : chậm).

Quan lại mạnh mẽ, quân sĩ khiếp nhược, gọi là hãm quân.

Đội quân không có quân tinh nhuệ, gọi là bại quân.

Gặp ba trường hợp trên, thì thất bại.

Cho nên phải huấn luyện quân sĩ.

43. LẬP DOANH TRẠI

Thiên này nêu phương pháp lập doanh trại để đóng quân thời cổ.

Khương Thái Công nói : “ Xuất quân chinh chiến, phải an ổn hạ trại, bố trí trận pháp, lấy sáu làm pháp độ”.

Sáu là sáu trăm bước, sáu mươi bước; là cự li tốt nhất, đo theo gậy đo thời gian, chia thành 12 giờ.

Tướng quân ở cửu thiên (còn gọi là thanh long, dùng vị trí này để lập trại cho tướng và lập trại vào giờ thìn).

Cứ một tuần thì dời trại.

1. Những điều cấm kị khi an dinh, hạ trại :

Nha môn phải thoáng dăng, lưng quay về hướng sườn (không quay về Thái tuế và Thái âm).

Không uống nước chết (nước không lưu động).

Không đóng trại ở những nơi gọi là tử địa (ở giữa gò, mộ); địa trụ (giữa thấp, chung quanh cao); địa ngục (giữa cao, chung quanh thấp); thiên táo (miệng hang); long đầu (đỉnh núi cao như đầu rồng).

2. Bố trí trận pháp :

Tướng quân ở vị trí Thanh long.

Quân cổ (coi về trống) ở vị trí Phùng tinh.

Quân sĩ ở vị trí Minh đường.

Phục quân đóng ở vị trí Thái âm.

Quân môn ở vị trí Thiên môn.

Tiểu tướng ở vị trí Địa hộ.

Trảm đoán ở vị trí Thiên ngục.

Trị tội ở vị trí Thiên đình.

Quân lương ở vị trí Thiên lao.

Quân giới ở vị trí Thiên tàng.

Sở dĩ, bố trí trận pháp như trên là theo thiên nhân hợp nhất, không bị thế giới tự nhiên xâm phạm.

3. Nguyên tắc :

Khi an dinh hạ trại, khu đất hạ trại được xem là một vòng tròn, lấy tâm vòng tròn làm tâm điểm, chia khu đất ra làm 9 phần, rồi căn cứ theo 12 địa chi, để định vị trí, đặt tên vị trí, bố trí trận pháp.

Chẳng hạn, an dinh hạ trại tuần Giáp Tí, lấy chính Bắc là Tí, tức là vị trí Thanh long.

Rồi theo chiều kim đồng hồ, đếm những địa chi theo thứ tự : Sửu - Dần – Mão - Thìn - Tị – Ngọ - Mùi, Thân - Dậu.

Trừ vị trí Thanh long đã tính, ta có các vị trí theo thứ tự : Phùng tinh - Minh đường - Thái dương - Thiên môn - Địa hộ - Thiên đình - Thiên lao - Thiên tàng.

Nếu gặp các tuần Giáp Tuất, Giáp Thân, Giáp Ngọ, Giáp Thìn, Giáp Dần ... thì căn cứ vào địa chi để suy ra các vị trí theo trận pháp vừa nêu.

44. ĐẠO ĐỨC TƯỚNG SOÁI

Thiên này bàn về đạo đức của người làm tướng.

1. Ba trường hợp không thể xuất binh :

Trong nước bất hòa, không thể xuất quân; trong quân bất hòa, không thể xuất trận; trong trận bất hòa, không thể xuất chiến.

Vì thế, Tôn tử viết : “ Thứ nhất là Đạo ”. Đạo là sự nhất trí giữa dân chúng với quân chủ, khi đã nhất trí thì xuất binh, mới không gặp nguy hiểm.

2. Lễ pháp của tướng :

Hoàng Thạch Công nói : “ Quân sĩ chưa đào giếng xong, tướng không nên kêu khát; quân sĩ chưa an dinh hạ trại, chưa bố trí xong, tướng không nên kêu mệt mỏi.

Mùa Đông, không mặc áo da ấm; mùa Hạ không dùng quạt; đó là lễ pháp của tướng ”.

3. Dẫn chứng lịch sử :

Việt vương Câu Tiễn muốn báo thù nước Ngô, đã nằm gai nếm mật, khích lệ quân sĩ, vỗ về quần chúng.

Kết cuộc, Việt vương Câu Tiễn đánh bại nước Ngô, xưng hùng với các nước chư hầu.

Ngô Khởi đã đồng cam cộng khổ, đưa miệng hút máu mũi vết thương cho quân sĩ, khiến quân sĩ cảm động, ra trận liều chết để trả ơn chủ tướng.

Nước Tấn chinh phạt nước Tống. Quân sĩ nước Tống ở Dương Môn bị tử trận, quan chấp chính là Tử Hân vào thành thương tâm khóc lóc, quân sĩ và bách tính cảm động, một lòng chiến đấu, làm cho Tấn không đánh nổi Tống.

Sở Trang vương có rượu nhưng không uống một mình, hòa nước sông với rượu

để tướng sĩ cùng uống, làm cho tướng sĩ chiến đấu hết lòng.

Muốn cho chiến sĩ xem cái chết trên chiến trường là sống gửi thác về (sinh kí tử quy) thì bình thời tướng phải thi ân, bố đức cho quân sĩ. Đó là hàm nghĩa của chữ đạo đức.

45. CẤM LỆNH

Thiên này nêu những phương pháp trị quân.

Tôn tử viết : “ Binh sĩ mà không thân cận với tướng, nhưng bị xử tội không

đúng, thì quân sĩ không phục, quân sĩ không phục thì không dùng được. Binh

sĩ dựa thân cận với tướng, nhưng không tuân theo quân kỉ, quân pháp thì quân sĩ không phục, quân sĩ không phục, thì không dùng được”.

Tướng đối với quân sĩ như đối với con cái, vì quân sĩ đi theo tướng vào nơi chiến trường nước lửa, cùng sinh cùng tử.

Nhưng tướng quá nuông chiều quân sĩ thì không sử dụng được, gọi là kiêu tử. Vì vậy, phải có quân kỉ, quân pháp ước thúc.

Sách Kinh viết : “ Tướng thưởng binh sĩ là bên ngoài – biểu; trừng phạt là bên trong – lí ”.

Sách lại viết : “ Dùng ân huệ để ban bố mệnh lệnh cho quân sĩ, dùng pháp lệnh để ước thúc quân sĩ, thì mới thắng được quân địch ”.

1. Bảy điều cấm lệnh của Vũ Hầu :

Vũ Hầu trị quân có bảy điều cấm là khinh, mạn, đạo, khi, bối, loạn và ngộ.

Một, nghe tiếng trống mà không tiến công, trù trừ, tránh đi trước; khi nghe lệnh thối lui, không muốn lui, gọi mà không thưa; không có khôi giáp, không chuẩn bị binh khí; gọi là khinh quân (khinh : coi nhẹ, xem thường).

Hai, nhận mệnh lệnh mà truyền đạt, khi nghe truyền đạt thì không chăm chú; trong lòng ngh hoặc; không nghe theo hiệu lệnh chiêng trống, không nhìn hiệu lệnh cờ xí; gọi là mạn quân (mạn : coi thường).

Ba, không chuẩn bị lương thảo; trú đóng không đúng vị trí; tướng thưởng bất công; đố kị với người thân; cướp vật; cướp công (chặt đầu địch) của người khác; gọi là đạo quân (đạo : ăn trộm, ăn cướp).

Bốn, thay tên đổi họ, quân phục không chỉnh tề, không chuẩn bị chiêng trống; không mài dũa binh khí, tên không có đuôi (lông), cung không giương được; không nghe pháp lệnh; gọi là khí quân (khí : lừa dối).

Năm, nghe tiếng trống không tiến công, nghe tiếng chiêng không thu binh; thấy cờ hạ không bỏ xồm, thấy cờ giương không đứng dậy; không chạy theo cờ của tướng sùỵ chỉ, bảo quay lại thì không quay lại; tùy ý bắn tên, muốn gì làm nấy, làm gậy cung nỏ; thối lui không chiến đấu, lợi dụng tải người chết để trốn; gọi là bối binh (bối : lưng).

Sáu, tướng ra lệnh, binh sĩ tranh nhau chạy tới trước; làm tắc đường của kị binh cùng phối hợp chiến đấu; bảo quay lại sau, không quay; la lối ồn ào, đi hỗn loạn không theo thứ tự; nhầm lẫn làm bị thương đồng đội; quan lại không quản lí nổi, trên dưới lộn xộn; gọi là loạn quân.

Bảy, người cùng quê ai cũng biết nơi đồn quân trú đóng; tùy tiện kết thân, ai mời cũng ăn, mời mọc người này người khác vào nơi trú đóng, làm mất trật tự, không tuân theo lệnh cấm; không xin phép cấp trên, tự tiện ra vào doanh trại; gian tà phát sinh biết nhưng không báo; ăn uống với người này lại nói xấu người kia; cố ý nói năng la lối làm người khác giạt mình, làm cho quan lại nghi ngờ; gọi là ngộ binh (ngộ: sai lầm).

Phạm vào bảy tội trên thì bị chém.

2. Dẫn chứng lịch sử :

Một binh sĩ là bạn đồng hương của tướng Đông Ngô là Lữ Mông, ăn cắp cái nón lá của dân. Lữ Mông rơi lệ, nhưng ra lệnh chém đầu.

Tào Tháo ra lệnh cho tướng sĩ không được dẫm ruộng lúa của dân.

Vừa ban lệnh xong, con chim trong ruộng vụt bay, ngựa của Tào Tháo sợ hãi nhảy lồng lên, dẫm ruộng lúa. Tháo bảo các tướng luận tội chặt đầu. Các tướng sợ hãi, can ngăn. Tháo tự cắt tóc thay đầu, biểu thị sự tuân thủ mệnh lệnh.

46. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT CHIẾN ĐẤU

Dạy và huấn luyện phương pháp, kỹ thuật chiến đấu cho quân sĩ là việc rất cần.

Khổng tử nói : “ Không dạy cho người ta phương pháp, kỹ thuật chiến đấu, xem như đã bỏ

người ta ”.

Quân sĩ không được huấn luyện phương pháp, kỹ thuật chiến đấu một cách thuần thực, thì hiệu lệnh trống một đường, chiêng một nẻo, cờ xí lộn xộn, khi lâm chiến thì trăm người không chọi nổi một người, quân đội sẽ tan vỡ.

Vì vậy, tướng cầm quân phải huấn luyện kỹ thuật, phương pháp chiến đấu cho quân sĩ cho đến khi thuần thực, dùng trống, chiêng, cờ xí để ước thúc, làm cho quân sĩ thống nhất trong hành động.

Phương pháp huấn luyện là dạy một nhóm 10 người, 10 người dạy cho 100 người, cứ thế mà nhân rộng ra.

Phương pháp đại chiến, đầu tiên là bố trận; khi bố trận thì phải biết :

Cờ hiệu bên trái là Thanh long, biểu thị phương Đông.

Cờ hiệu bên phải là Bạch hổ, biểu thị phương Tây.

Cờ hiệu phía trước là Chu tước, biểu thị phương Nam.

Cờ hiệu phía sau là Huyền vũ, biểu thị phương Bắc.

Cờ hiệu lệnh ở giữa là Hiên Viên, biểu thị Trung ương.

Nơi đại tướng đứng, bên trái có mâu, bên phải có kích, trước mặt có thuẫn, phía sau có nỏ, trung ương có trống, cờ dùng để phát hiệu lệnh; trống gọi là danh, cờ xí gọi là hình.

Quân sĩ nghe tiếng trống thì tiến lên, nghe tiếng chiêng thì thu binh.

Chỉ nghe chủ tướng chỉ huy thì Ngũ trận (1) không rối loạn.

Trị lí trăm vạn hùng binh tương tự trị lí một bộ phận nhỏ; nếu huấn luyện binh sĩ thuần thực thì giao chiến với ít quân địch cũng tương tự giao chiến với nhiều quân địch.

Sở dĩ dùng trống chiêng là để cho quân sĩ nghe hiệu lệnh, dùng cờ xí để cho quân sĩ thấy hiệu lệnh, mục đích là điều động được quân sĩ, khích lệ quân sĩ, giữ gìn đội ngũ, duy trì quân pháp, tạo vẻ uy nghiêm, hùng tráng, khí thế cho cả đội quân.

Khi quân sĩ đã được huấn luyện thuần thục về chiến pháp, vũ khí được mài dũa sắc bén, đại tướng sẽ cầm cờ đại tướng tuyên thệ, gọi là thệ sư (2) trước quân sĩ; tạo không khí căm thù quân địch, hùng khí bốc ngất trời.

Đó là những phương pháp huấn luyện quân.

(1) Ngũ trận là sự biến hóa của trận, còn gọi là Ngũ hành trận, lấy trống và cờ làm chủ.

Lần thứ nhất, nổi trống, giương cờ xanh lên, hình thành khúc trận.

Lần thứ hai, nổi trống, giương cờ đỏ lên, hình thành nhuệ trận.

Lần thứ ba, nổi trống, giương cờ vàng lên, hình thành viên trận.

Lần thứ tư, nổi trống, giương cờ trắng lên, hình thành phương trận.

Lần thứ năm, nổi trống, giương cờ đen lên, hình thành trực trận.

Khúc trận thuộc mộc, nhuệ trận thuộc hỏa, viên trận thuộc thổ, phương trận thuộc kim, trực trận thuộc thủy. Gọi là Ngũ hành trận(1), biến hóa tương sinh, có thể giành thắng lợi.

Phương pháp bố trí Ngũ hành trận lấy số 55 làm cách cục : Năm người là một trưởng, 5 trưởng là một sư, 5 sư là một soái, 5 soái là một hiệu, 5 hiệu là một hỏa, 5 hỏa là một thi, 5 thi là một quân.

(2) Thệ sư thời nhà Chu : “ Ô hô ! Ở dưới trời là đất của vua, trong bốn bể đều là thần tử của vua. Hiện tại, có nước đã bỏ nhân, nghĩa, lễ, trí, tín, phế cả đạo trời, đạo đất và đạo người để dấy động can qua. Nay, ta thống lĩnh đại quân, thay trời hành đạo để thảo phạt nước ấy. Ai phục tòng hiệu lệnh thì được tưởng thưởng, ai tham sống sợ chết, thì sẽ bị chu diệt. Sinh tử, phú quý một lòng, mong các người tận tâm ”

47. THIÊN THỜI

Trước khi xuất chinh, việc quan trọng thứ hai là xét về thiên thời.

Tôn tử viết : “ Thiên thời là chỉ âm dương, lạnh nắng, quang đảng hay u ám ... là tình huống của khí hậu ”

Khương Thái Công nói : “ Tuyển ba người giỏi về thiên văn, với nhiệm vụ là quan sát khí hậu, nắm bắt được quy luật biến hóa của khí hậu ”.

Sách Kinh viết : “ Khi người ta thông hiểu cuộc sống quá khứ, hiện tại và tương

lai thì người ta không sợ, một cháu bé cũng có thể chiến đấu, một phụ nữ cũng có chấp cả năm anh chàng trai tráng ”.

1. Theo đạo trời và ý trời :

Theo các nhà quân sự, khi hành quân nhất định lưng phải quay về hướng Thái Âm, mặt hướng về Thái dương, quan sát tường tận ánh sáng ngũ hành là kim, mộc, thủy, hỏa, thổ. Nếu gặp lúc nhật thực, nguyệt thực thì phải lấy sao Thái bạch làm chủ, để tính toán các sao khác.

Trời tối đen thì nhất định chiến đấu, nếu như đêm trời quang, sáng, thì không nên xuất chiến. Khi tác chiến thì quan sát mặt Mặt Trời, Mặt Trăng, thấy sinh khí thịnh vượng nên xuất kích, thấy thiếu sinh khí, không nên xuất kích.

Đây là cách dùng thiên đạo, thuận với ý trời để chinh phạt, là yếu tố rất quan trọng, tiến đến thành công.

2. Quan sát hiện tượng tự nhiên :

Trời mưa nhỏ lâm thâm, lâm chiến ắt thắng lợi; đi ngược gió, thì nên rút lui, vì tổn sức mà không lập nên công trạng.

Trên trời mây giống như một bầy dê, là dấu hiệu quân bỏ chạy; mây giống như đàn hươu, là dấu hiệu thất bại.

Mây đen như từ doanh lũy dâng lên, mây đỏ trên không như hạ xuống quân đội; cuồng phong nổi lên, sương mù giăng đầy; dấu hiệu thấy quân xuất phát nhưng không trở về.

Trời giống như ráng mà không phải ráng, gọi là khánh vân (mây lành); giống như sao mà không phải sao, gọi là quy tà (tà tụ lại); giống như sương mà không phải sương, gọi là khấp quân (khóc quân); giống như tiếng sấm mà không phải sấm, gọi là thiên cổ (trống trời).

Hiện tượng khánh vân, biểu thị quân có đức; quy tà biểu hiện đầu hàng; khấp quân, biểu thị đại tướng bị giết; thiên cổ biểu thị bị bại trận.

Do đó, khi xuất chinh, hành quân, xuất quân phải hiện tượng tự nhiên và tính toán ngày giờ.

Về khí hậu, khi phát động chiến tranh, thường kiêng kỵ những ngày có gió lớn, mưa, tuyết, u ám không thấy mặt trời.

Về địa chi, hành động quân sự tránh những ngày Thìn, Ngọ, Dậu, Hợi, vì những ngày này hình khắc với ngày Tí.

3. Quan sát cờ :

Khi nhận mệnh đại tướng, thì người ta dựng cờ đại tướng ở nha môn, và dựng cờ rãng cửa để quan sát theo dõi mây, gió.

Khi dựng cờ đại tướng phải làm lễ tế sư; cờ hình răng cửa, được xem là linh hồn của tướng, khi dựng cờ hình răng cửa cũng phải chọn ngày tốt những ngày không khắc với ngày Tí và tổ chức tế lễ.

Nếu trời không nổi gió nhưng cờ răng cửa bay phất phới suốt ngày hướng về trại của quân địch, là triệu chứng báo hiệu chiến thắng.

Nếu có gió mạnh thổi ngược, trời u ám không thấy mặt trời, làm gãy cột cờ răng cửa, là triệu chứng của sự thất bại.

4. Công việc của chủ tướng :

Nếu quân sĩ không tôn kính chủ tướng, chuyên nói những chuyện quái dị, chủ tướng phải lo tu sửa đạo đức, xem lại pháp lệnh, ra lệnh sửa sang khôì giáp, mài sắc vũ khí, siêng năng làm việc quân, trai giới để tuyên thệ, là một cách tránh trời nổi giận.

Sau đó, chọn ngày tốt, tế lễ cờ răng hình răng cửa (nha kì), dùng heo, dê, trâu, đánh trống, mõ, thành tâm cáo với trời, tránh trời trách phạt, đồng thời chọn ngày tốt để chiêm bốc tốt xấu.

Không khí tế lễ, làm cho ngựa nhảy, mọi người vui, cờ xí giương cao, trống mõ nhộn nhịp, rập ràng, mục đích là chứng minh có thần linh trợ giúp, làm cho quân sĩ yên tâm và khích lệ tinh thần chiến đấu.

5. Những trường hợp không cần chiêm bốc (bói toán):

Nếu tướng tài, không cần chiêm bốc, thì mọi việc cũng đều thuận lợi.

Quân pháp nghiêm minh, rõ ràng, không cần chiêm bốc cũng thành công.

Phong thưởng cho những người có công, chẳng cần cúng tế, thì cũng gặp điều tốt.

Đồng cam cộng khổ, thì thảo phạt quân địch sẽ thành công.

6. Năm trợ giúp:

Vận dụng linh hoạt việc chỉ huy quân đội cần chú ý năm điều gọi là ngũ trợ :

Một, trợ mưu (dùng mưu lược).

Hai, trợ thế (tạo thêm thế).

Ba, trợ sự khiếp nhược (làm cho quân sĩ không còn sợ hãi).

Bốn, trợ sự nghi kỵ (giải trừ nghi kỵ trong quân).

Năm, trợ đất (địa hình, địa lợi).

Nhưng quan trọng là biết trời, biết đất là phương pháp dẫn đến toàn thắng.

7. Chiến trường và quan sát

Không giao chiến nhưng thấy xuất hiện đám mây hình trạng như những quả núi chẵn, ngay trên doanh trại của ta, là điềm thắng lợi.

Nếu nơi quân địch trú đóng xuất hiện những đám mây trắng như phấn, lại có những đám mây đỏ, biểu thị quân địch rất mạnh, không nên tấn công.

Nếu những đám mây có sắc màu vừa kể xuất hiện trên, thuộc không phận của ta đóng quân, là điềm thắng trận.

Nếu nơi địch quân trú đóng, xuất hiện mây trắng, mây vàng, màu sắc tươi nhuận, chứng tỏ quân địch mạnh, không nên giao chiến.

Nếu như có đám mây lớn có hình trạng như ba thước lụa, biểu thị hậu quân và tiền quân, tiến quân rất thuận lợi.

Nếu nơi quân địch trú đóng, xuất hiện đám mây có hình trạng như cái đầu gà, chung quanh lại có mây trắng, mây đỏ, biểu thị địch quân được trời giúp, không

nên tấn công.

Nếu quân ta và quân địch tương đương, sắp giao chiến, trên trời xuất hiện đám mây giống hình con rắn, hướng về phía quân địch, là điềm báo hiệu thắng lợi.

Nếu ở phía địch quân xuất hiện mây ngũ sắc liên tiếp nhau, biểu thị địch quân được thiên thời, không nên công kích.

Nếu ở phía địch có mây vàng, mây đỏ bốc lên trời, thì không nên tấn công.

Nếu như mây cứ vần vũ suốt ngày ở phía quân địch, thì không nên tấn công.

Nếu như mây và gió cùng đến là điềm báo thất bại.

Nếu ở phía địch có mây hình trạng như gan ngựa, hoặc màu tro chết, hoặc hình trạng như người nằm, là điềm báo bại trận.

Nếu như mây đen xuất hiện hình trạng như núi non vây tròn, là điềm báo thất bại.

48. ĐỊA HÌNH

Ngoài việc quan sát thiên thời phải khảo sát địa hình, địa lợi.

1. Sự quan trọng của địa lợi, địa hình:

Tôn tử cho rằng, trước khi xuất binh, việc cần bàn quan trọng thứ ba là địa lợi. Ông viết : “ Địa lợi là xa hay gần, địa thế hiểm trở hay không hiểm trở, rộng hay hẹp, để có thể tiến hay thoái.

Nếu không hiểu núi rừng hiểm trở, hình thế đầm, hồ thì không nên hành quân; không dùng hướng đạo thì không biết được địa lợi ”.

2. Địa lợi :

Thiên Cửu địa của Tôn tử binh pháp chia địa hình thành chín loại, gồm tán địa, khinh địa, tranh địa, giao địa, cù địa, trọng địa, bĩ địa, vi địa và tử địa.

Tán địa, vùng tác chiến ở trong nước; gặp tán địa thì không nên tác chiến, vì quân sĩ còn nhớ quê hương.

Khinh địa, vùng xâm nhập vào đất địch chưa sâu; không nên dừng lại, tinh thần binh sĩ chưa cao, chưa vội chiến đấu.

Tranh địa, vùng có sông, núi, quan ải, ta đến trước thì có lợi, địch đến trước thì địch có lợi; có thể lấy ít địch nhiều, lấy yếu đánh mạnh; muốn tiến công, trước phải chiếm được địa lợi.

Giao địa, vùng giao thông tiện lợi, quân ta đến, quân địch cũng có thể đến; các đội quân phải hỗ trợ nhau liên tục, phòng bị địch cắt đứt đường và quân.

Cù địa, vùng mà quân chư hầu có thể đến trợ lực với ta; nhanh chóng kết giao, kết hợp với quân liên minh.

Trọng địa, vùng ta tiến sâu vào đất địch, nơi có thành ấp; nhanh chóng đoạt tài vật, để bổ sung quân trang, quân dụng, lương thực cho quân đội.

Bĩ địa, vùng núi cao, rừng rậm, nước non giăng mắc, hồ đầm; nên nhanh chóng vượt qua.

Vĩ địa, vùng tiến quân thì hẹp, lui thì đường quanh co, khúc khuỷu, có thể lấy ít địch nhiều; dùng kì mưu thì giành được chiến thắng.

Tử địa, trước núi cao, sau có sông lớn, tiến không được, lui không xong, lương thảo thiếu; tử chiến, chiến đấu dũng mãnh thì còn, do dự thì bị tiêu diệt.

3. Địa hình :

Thiên Địa hình, Tôn tử binh pháp chia địa hình thành sáu loại, gồm thông hình, quả hình, chi hình, ái hình, hiểm hình và viễn hình.

Thông hình, nơi cao ráo, lợi cho việc vận chuyển lương thực, lợi cho việc chiến đấu; ta có thể tới, địch có thể lui.

Quải hình, nơi ta có thể tới nhưng không thể lui; địch không phòng bị thì có thể thắng, địch đã phòng bị, đánh khó thắng.

Chi hình, nơi ta xuất quân bất lợi, địch xuất quân cũng bất lợi, ta không lợi dụng được địch, địch không lợi dụng được ta, nếu địch lọt vào giữa thì có lợi cho ta.

Âu hình, nếu ta chiếm cứ trước, có đủ binh lực để phòng thủ thì chờ địch tới. Nếu địch chiếm cứ trước, phòng thủ bằng trọng binh, thì chưa nên đánh, nếu địch chưa đủ binh lực, thì thừa cơ đoạt lấy.

Hiểm hình, nơi ta chiếm cứ trước, địa thế cao, chờ địch đến; nếu địch chiếm trước, thì ta không tấn công.

Viễn hình, nơi xa bản quốc, lực lượng giữa ta với địch ngang nhau, thì không nên khiêu chiến, khiêu chiến sẽ bất lợi.

4. Những loại địa hình khác :

Đóng quân nơi cây cỏ rậm rạp, là để dễ đào thoát.

Đóng quân nơi khe suối, hang sâu, là để chống lại kỵ binh.

Đóng quân ở cửa ải có núi, rừng , là để lấy ít địch nhiều.

Đóng quân nơi có đầm lầy, cây cỏ rậm rạp tối tăm, là để che dấu hành động.

5. Địa hình và binh chủng

Vùng có sông suối, núi non, sông suối, đá, cây cỏ um tùm, chiến xa không đi được, thì dùng bộ binh.

Vùng bình nguyên rộng, chiến xa đi được, thì dùng kỵ binh, một kỵ binh có thể đánh bại mười bộ binh.

Bình nguyên rộng, ở trên cao, thì dùng quân cung nỏ, mười quân mang binh khí gần không chống được với một quân cung nỏ.

6. Địa hình và vũ khí chiến đấu :

Ở bình nguyên rộng, ít cây cỏ thì binh sĩ dùng trường kích để chiến đấu; một binh sĩ dùng trường kích có thể chống lại ba binh sĩ dùng kiếm.

Ở vùng lau sậy um tùm liên tiếp nhau, thì binh sĩ dùng trường mâu để chiến đấu; một binh sĩ dùng trường mâu có thể đánh bại hai người dùng trường kích.

Vùng có đường quanh co hiểm trở, cửa ải, thì quân sĩ dùng kiếm để chiến đấu.

7. Vài dẫn chứng :

Quân Tần vây khốn quân Triệu ở đất Yên. Triệu Xa đem quân đến cứu nhưng không vội tấn công, trước tiên chiếm cứ Bắc Sơn. Quân Tần tấn công, Triệu Xa thừa cơ phản công. Quân Tần đại bại.

Như đã dẫn chứng, Hàn Tín, lợi dụng địa hình, lập bối thủy trận, quân sĩ không có đường lui, tử chiến và đánh thắng quân Triệu.

49. LỬA VÀ NƯỚC

Trong chiến tranh phải dùng nước và lửa để hỗ trợ cho việc đánh thắng quân địch.

Sách Kinh viết : “ Dùng lửa phụ trợ tấn công, uy thế rất mạnh, dùng nước để phụ trợ tiến công, hiệu quả rất cao”.

1. Năm loại hỏa công :

Một, thiêu hủy người ngựa địch.

Hai, thiêu hủy nơi tích trữ lương thực của địch.

Ba, thiêu hủy quân nhu của địch.

Bốn, thiêu hủy kho của địch.

Năm, dùng lửa để tấn công địch.

Muốn dùng hỏa công cần phải chuẩn bị đầy đủ những điều kiện như đồ phát hỏa, đồ dẫn hỏa phải khô ráo, dễ bắt lửa.

Ngoài ra, muốn dùng hỏa công phải chọn ngày khô ráo và có; muốn biết ngày có gió người ta quan sát Mặt Trăng và các sao Cơ, sao Bích, sao Dực và sao Chấn (1).

Ví dụ 1

Lí Lăng đem quân chống Hung Nô. Lí Lăng đóng quân giữa đầm lớn. Theo mùa thì Hung Nô đóng quân trên đầu gió.

Một hôm, Lí Lăng giả bộ đốt lửa, trại bốc cháy, quân sĩ vừa chữa lửa vừa la.

Quân Hung Nô tưởng cơ hội đã đến liền đem quân tấn công.

Không ngờ, Lí Lăng cho quân mai phục, phản kích, đẩy quân Hung Nô vào thế cuối gió. Bị lửa thiêu đốt, quân Hung Nô đại bại. Lí Lăng đã dùng phản hỏa công.

Ví dụ 2

Dương Đỉnh đem quân chống quân phản loạn ở Quế Dương, ông dùng bao da, bên trong bỏ tro, chất lên xe, rồi lại chế một loại bắt lửa gọi là hỏa toại, cột vào đuôi ngựa.

Thừa dịp ở đầu gió, Dương Đỉnh đẩy xe tro, làm cho tro vỡ ra, mù mịt. Rồi đốt lửa vào đuôi ngựa, quất ngựa, ngựa chạy bừa vào quân địch.

Quân địch vừa bị tro bay vào mặt, không thấy đường, vừa bị lửa thiêu, đại bại.

2. Thủy chiến :

Tôn tử viết : “ Làm đê ngăn sông, sau đó dùng nước để nhận chìm được quân địch ”.

Ví dụ 1

Sau khi đánh bại Tề vương Điền Quang, Hàn Tín bình định Lâm Tri.

Sở vương nghe tin liền sai Long Thư cứu viện cho Tề vương Điền Quang .

Có người khách khuyên Long Thư rằng :

- Quân Hán từ bỏ quê hương, xâm nhập vào đất Tề, khí thế rất dũng mãnh, khó mà địch nổi.

Chi bằng, xây thành đắp lũy để phòng thủ; rồi để Tề vương sai những người thân tín đi kêu gọi những người đang trong những thành bị địch chiếm đóng, tất họ sẽ nổi dậy ủng hộ Tề vương mà phản Hán.

Khi các thành của Tề phản Hán rồi, thì quân Hán sẽ thiếu lương thực, vừa phải chống đỡ nhiều lực lượng, Hàn Tín phải đầu hàng.

Long Thư nói :

- Hàn Tín có tài cán gì mà sợ hấn ? Nếu đợi hấn tự đầu hàng, thì làm sao tôi có được chút công lao ?

Long Thư không nghe lời khách. Đem quân đối trận với Hàn Tín bên sông Duy Thủy.

Hàn Tín âm thầm cho quân làm một vọn bao cát, làm đê ngăn phía trên sông Duy Thủy.

Rồi Tín đem quân vượt sông công kích Long Thư. Tín đánh một hồi giả bộ núng thể rút quân lui về, muốn về lại bên kia sông. Long Thư thấy vậy cười, nói :

- Ta biết Hàn Tín là tên nhát gan mà ! .

Nói xong, Long Thư liền xua quân truy kích. Khi nửa quân của Long Thư đã xuống cả sông, Tín liền ra lệnh phá đê, xả nước.

Nước chảy xiết, mênh mông, Long Thư và quân lính không thể nào lên bờ. Hàn Tín ra lệnh phản kích, quân giết Long Thư. Quân Long Thư phần chết, phần lóp ngóp lên bờ, bỏ chạy và tan rã.

Ví dụ 2

Lô Quán phụ tá Bành Việt tấn công hạ được 10 thành trì của Sở.

Hạng Vũ nghe tin, dặn Tư mã Tào Cữu rằng :

- Hãy giữ vững Thành Cao, quân Hán có khiêu chiến thế nào cũng không nên đem quân giao chiến.

Quân Hán cho người chửi bới, sỉ nhục Tư mã Tào Cữu. Ông ta giận quá, đem quân vượt Tị Thủy, quyết sống mái với quân Hán.

Khi quân Tào Cửu đang vượt sông. Quân Hán đổ ra đánh nhầu.

Tào Cửu đại bại.

3. Sức mạnh của nước và lửa :

Trong lịch sử, có vô số trận về hỏa công và thủy chiến, có thể nêu thêm một vài ví dụ :

Người Tần bỏ thuốc độc vào sông Kinh, khiến cho quân Tần chết vô số.

Kinh vương đốt kho lương, làm cho họ Hạng bị cầm tù.

Tào Tháo xả nước sông Tứ Thủy, bắt sống và giết Lữ Bố.

Trận Xích Bích, Hoàng Cái dùng hỏa công đốt thuyền Tào Tháo, khiến Tháo phải chạy dài.

Nói chung, lợi dụng nước, lửa một cách biến hóa, là một trong những phương pháp quan trọng trong chiến tranh.

(1) Theo Tiên Thố Thành - mùa Xuân và những ngày Đinh - Đinh - mùa Hạ và

(1) Theo theo theo theo, mùa Xuân vào những ngày Thìn,巳,未; mùa Hạ vào những ngày Mậu, Kỷ; mùa Thu vào những ngày Nhâm, Quý; mùa Đông vào những ngày Giáp, Ất. Đây là những ngày thường có mưa to, gió lớn.

50. CÁC LOẠI GIÁN ĐIỆP

Thiên này giải thích các loại gián điệp và nêu công dụng của việc dùng gián điệp.

Sách Chu lễ viết : “ Gián là phản gián ”.

Lữ Vọng thì cho rằng : “ Gián là một nhánh quân đội độc lập chuyên phao tin đồn nhảm”.

Chứng tỏ việc dùng gián điệp đã xuất hiện rất sớm trong lịch sử chiến tranh.

1. Các loại gián điệp :

Người ta chia gián điệp thành năm loại, gồm : Nhân gián, nội gián, phản gián, sinh gián và tử gián.

Nhân gián, dùng những người đồng hương với quân địch để thực hiện mục đích gián điệp.

Nội gián, mua chuộc quan lại ở cửa địch để cung cấp, làm nội gián cho ta.

Phản gián, lợi dụng hoặc mua chuộc đối phương làm gián điệp cho ta.

Sinh gián, sai người đi dò xét, trinh thám, rồi về báo lại tình hình của quân địch.

Tử gián, biết là gián điệp của đối phương nhưng cũng cung cấp tin giả cho gián điệp.

2. Sức mạnh của các loại gián điệp :

Ví dụ 1

Triều đình nhà Hán phong Ban Siêu làm tướng, lãnh hai vạn năm trăm quân vừa bộ binh và kỵ binh đánh nước Sa Xa. Nước Sa Xa cầu cứu nước Quy Tư.

Quy Tư sai tướng Ôn Túc, Cô Hắc đem năm vạn quân đi cứu Sa Xa.

Ban Siêu nghe tin, triệu tập các bộ tướng đến bàn bạc.

Ban Siêu nói với Điền Vương :

- Quân ta ít, không thể chống với quân địch, trước tiên phải tìm cách phân tán chúng. Nửa đêm nay, ông đem quân đi về hướng Đông, còn tôi dẫn binh đi về hướng Tây. Nếu nghe tiếng trống thì xuất phát.

Điền Vương và các tướng nghe lệnh.

Ban Siêu lại ngầm ra lệnh, thả một số tù binh của vua Quy Từ, cho chúng chạy thoát.

Bọn tù binh kể lại kế hoạch hành quân của Ban Siêu cho vua Quy Từ nghe.

Vua Quy Từ nghe xong, rất vui, liền đem một vạn quân để phục kích Ban Siêu, rồi lại ra lệnh cho Ôân Túc đốc suất tám ngàn kị binh phục kích Điền Vương, bỏ ngõ doanh trại.

Đến lúc gà gáy, Ban Siêu đốc quân đánh thẳng vào trại Sa Xa, khí thế rất dũng mãnh. Ban Siêu giết trên ngàn quân Sa Xa. Sa Pa phải đầu hàng.

Ví dụ 2

Trương Bộ nghe tin Cảnh Yểm đem quân tới đánh, sai tướng Phí Aáp lập mười doanh trại ở Chúc Aø, còn mình đóng quân ở Thành Chung (Thái Sơn) để đợi Cảnh Yểm.

Phí Aáp lại nghĩ, Cảnh Yểm thế nào cũng sẽ tấn công thành Cự Lí trước, sai em

là Phí Cảm đem quân trấn giữ thành Cự Lí.

Cảnh Yểm qua sông Hoàng Hà, cho người phát cây, mở đường và ra nghiêm lệnh cho quân sĩ phải chuẩn bị khí giới để 3 ngày sau sẽ tấn công thành Cự Lí.

Rồi Cảnh Yểm cho thả một số tù binh của Phí Áp về.

Bọn tù binh kể lại cho Phí Áp nghe tình hình chuẩn bị của quân Cảnh Yểm.

Phí Áp liền đích thân dẫn quân đến yểm trợ cho thành Cự Lí.

Cảnh Yểm nghe tin, nói với các tướng : “ Ta muốn Phí Áp dẫn quân đến Cự Lí. Nay đúng như dự đoán”.

Nói xong, cử ba ngàn quân giả bộ bao vây Cự Lí, mặt khác dàn phục binh đánh úp Phí Áp. Phí Áp đại bại và bị chặt đầu.

Ví dụ 3

Thời Tấn, Châu mục Ích Châu là La Thượng phái Quý Bá đem quân đánh Lí Hùng ở thành Bì, bất phân thắng bại.

Lí Hùng chiêu một võ sĩ tên là Phác Tần, rồi đem ra đánh cho nhừ tử, máu

chảy đầm dề, rồi thả ra.

Phác Tần đến đầu hàng La Thượng, đem tình hình trong quân của Lí Hùng thuật lại cho La Thượng. La Thượng cùng với Quý Bá suất quân đi theo hướng dẫn của Phác Tần, xâm nhập vào thành Bì.

Lúc ấy, Lí Hùng đem quân mai phục trong và ngoài thành.

Lúc Phác Tần dùng thang leo lên thành, nổi lửa làm ám hiệu.

Phục binh của Lí Hùng trong ứng ngoại hợp đổ ra, giết sạch quân của La Thượng.

Ví dụ 4

Như đã nói ở trên, Trịnh Vũ Công gả em gái cho đầu lĩnh người Hồ.

Quan Kì Tư tâu với Trịnh Vũ Công nên đánh người Hồ. Trịnh Vũ Công tức giận nói : “ Dân tộc Hồ là anh em của nước Trịnh, sao người dám nói hồ đồ”. Nói xong, truyền đem Quan Kì Tư ra chém. Người Hồ nghe tin, khen Trịnh Vũ Công là người tốt, không chuẩn bị gì cả. Trịnh Vũ Công đem quân đánh úp, chiếm đất Hồ.

Ví dụ 5

Hạng vương cùng Phạm Tăng vây thành Vinh Dương. Hán vương rất lo, mới dùng kế Trần Bình :

Sứ giả của Hạng vương tới, Hán bày cỗ thái lao thết đãi. Nhưng khi giáp mặt sứ giả, Hán vương làm bộ ngạc nhiên hỏi :

- Ngõ là sứ giả của Á Phủ, không ngờ là sứ giả của Hạng vương ?

Nói rồi, ra lệnh bưng cỗ thái lao đi và mời sứ giả những món ăn tồi tệ.

Sứ giả về tâu với Hạng vương. Hạng vương nghi Phạm Tăng có ý riêng với Hán vương, dần dần tước đoạt hết quyền hành của Phạm Tăng. Phạm Tăng giận nói :

- Việc thiên hạ êm thấm lắm rồi. Xin đại vương tự lo liệu lấy. Cho phép năm xương tàn này lui về làm lính.

Hạng vương bằng lòng.

Phạm Tăng chưa về đến Bành Thành thì bị lên hậu bối mà chết.

QUYỂN 6 (51-64)

51. PHẨM CHẤT CỦA TƯỚNG LĨNH

Thiên này luận về phẩm chất và tài năng của tướng lĩnh.

Sách Vạn cơ luận viết : “ Trách nhiệm của tướng là thống lĩnh trăm vạn quân tác chiến tiêu diệt địch ”.

Ngô Khởi cho rằng : “ Bình luận về tướng, thì dũng là tiêu chuẩn trọng yếu ”.

Sách Lục Thao viết : “ Tướng không nhân ái thì quân sĩ không thân thiết; tướng mà không dũng, thì quân không dũng cảm tiến lên”.

1. Ngũ tài :

Tôn tử cho rằng : “ Năm phẩm chất của tướng là dũng, trí, nhân và tất ”.

Có dũng thì không bị xâm phạm; có trí thì không bị mê loạn; có nhân thì yêu người; có tín thì không nói những lời cuồng ngôn, hoặc dối gạt người; có tất thì không sinh hai lòng; gọi ngũ tài.

1. Tứ cơ :

Chỉ huy trăm vạn quân, cân nhắc nặng nhẹ, bố trí vào đâu ra đấy, làm cho sĩ khí hăng hái; gọi là khí cơ.

Lợi dụng địa hình, đường hẹp, hiểm trở, lấy núi làm vật che chắn, mười người trấn thủ, ngàn người khó qua; gọi là địa cơ.

Giỏi dùng gián điệp, li gián địch, làm cho nước địch vua tôi nghi ngờ, thù hằn lẫn nhau, khiến nước địch loạn lạc; gọi là sự cơ.

Chiến trận kiên cố, thuyền bè nhẹ, võ nghệ chiến sĩ cao cường, huấn luyện chiến mã thuần thục, sức bền; phát huy mọi lực trong chiến đấu; gọi là lực cơ.

Nói chung là tứ cơ.

3. Chủ tướng và thuộc hạ :

Tướng không nghe ý kiến của người khác, anh hùng sẽ bỏ đi.

Tướng không thu nạp kẻ sách, kẻ sĩ sẽ quay lưng lại.

Tướng không rõ thiện ác, thì trung thần xa lánh.

Tướng chuyên quyền, độc đoán, cấp dưới oán hận.

Tướng muốn công mình nhiều, cấp dưới không tích cực lập công.

Tướng nghe lời sàm nịnh, cấp dưới sẽ sinh lòng khác.

Tướng tham lam, cấp dưới càng tham.

Tướng quá yêu vợ con, thê thiếp, cấp dưới phóng đảng.

Cấp trên chiếm (công cán, của cải của dân, của nước) một, cấp dưới không phục; cấp trên chiếm hai, cấp dưới không chấp hành quân kỉ; cấp trên chiếm ba, cấp dưới phản loạn; cấp trên chiếm bốn, quốc gia nguy vong.

4. Những điều kiện để giành thắng lợi :

Sách Quân chí viết : “ Mưu kế tướng lãnh cơ mật chu toàn; toàn quân đoàn kết một lòng; đánh địch thần tốc ”.

Đó là ba điều kiện để giành thắng lợi

Vì, mưu kế tướng lãnh cơ mật chu toàn, thì những kẻ gian tâm không tìm ra kẻ hở. Toàn quân đoàn kết một lòng thì tạo ra sức mạnh. Đánh địch thần tốc, thì địch không kịp trở tay.

5. Những nhược điểm của tướng :

Tướng hữu dũng vô mưu, chỉ biết liều chết, dễ bị địch dẫn dụ vào chỗ chết.

Tướng khiếp nhược, ham sống sợ chết, dễ bị địch bắt làm tù binh.

Tướng nóng nảy dễ giận, dễ bị địch lăng mạ, chửi bới, sinh vọng động.

Tướng háo danh tự tôn, tự cho mình là liêm khiết, dễ bị địch làm nhục, mất cả lí trí.

Tướng chỉ yêu dân chúng của mình, dễ bị địch đưa vấp thế bị động.

6. Những yếu chỉ để đánh bại tướng địch :

Nếu tướng địch ngu độn, dễ tin; dùng mưu kế để lừa gạt.

Tướng địch tham lam; dùng vàng bạc để hối lộ.

Tướng địch vọng động, khinh thường; không cho địch dựng đồn hạ trại.

Tướng địch giàu có, ngang ngược; tìm cách li gián, để quân sĩ không còn tin tướng.

Tướng địch mỏi mệt, quân sĩ nhàn nhã; tìm cách đánh tập kích để làm cho quân mỏi, tướng mệt càng thêm mệt.

Tướng địch thông minh nhưng phản ứng chậm; nên làm cho tướng địch phải gấp để đối phó với tình hình.

Tướng địch dũng mãnh, xem thường mạng sống; tìm cách lãnh nhục.

Tướng địch nóng nảy, dễ kích động; tìm cách kích động, làm tướng địch giận dữ.

Tướng địch nhân ái, khoan dung; phải làm cho tướng địch mệt mỏi.

Tướng địch liêm khiết nhưng không yêu người; phải tìm cách lãnh mạ.

Tướng địch cương cường, tự mãn; hãy để tướng địch sinh kiêu căng.

Tướng địch nhu nhược, dễ bị người khác sai khiến; hãy dùng cách lừa dối.

52. TIÊU DIỆT ĐỊCH

Thiên này nêu những phương pháp quan sát địch để giành thắng lợi.

Tôn tử viết : “ Muốn giành thắng lợi, trước hết phải xem xét, quan sát, tình hình quân địch, sau đó mới giao phong với quân địch”.

Ông còn nói : “ Phân tích, phán đoán tình hình của địch để hoạch định kế hoạch tác chiến; quan sát tường tận tình hình địch để tìm ra quy luật hoạt động của địch ”.

Tôn tử đã đưa ra gần 30 hiện tượng cần quan sát :

1. Quan sát thái độ :

Nếu quân ta đến, địch vẫn giữ yên tĩnh là dựa vào địa hình hiểm trở; nếu ta ở xa mà địch khiêu chiến, là muốn dụ ta vào địa hình có lợi cho địch.

2. Quan sát cây cối, chim chóc, dã thú, bụi bặm:

Cây cối lay động là địch đang tiến hành tập kích; nếu trên đường có nhiều cây

cỏ, có nhiều chướng ngại vật, là địch đang bay nghi binh.

Chim chóc từng đàn bay quần quần mà không dám đáp xuống, là bên dưới có phục binh; nếu dã thú bỏ chạy cuống cuồng, là có đông quân địch đang tập kích.

Doanh trại có quạ điều bay lượn, tụ tập, là doanh trại không có người.

Bụi bay lên cao là chiến xa đang đến; nếu bụi đất bay rộng, mù mịt, là bộ binh địch đang đến. Bụi thưa thớt bay lên, là địch đang chặt cây cối; nếu bụi đất bay rồi hạ xuống là địch đang đóng trại.

3. Quan sát thái độ sứ giả :

Tướng địch sai sứ giả ăn nói khiêm tốn, nhỏ nhẹ, thực tế là muốn tiến công.

Tướng địch sai sứ giả, ăn nói cứng rắn, cố ý truy bức ta, thực tế là muốn thoái lui.

4. Quan sát cách bày binh bố trận :

Địch, bên phải cho xe nhẹ ra trước, bên trái bố trí trận thế, là địch đang có âm mưu, không nên tiến vào bên phải để giằng hòa với địch.

Địch động quân không ngừng, tới tấp là muốn giao chiến với ta; nửa quân muốn

tiến lên, nửa quân muốn thoái lui là muốn dụ ta vào trận.

5. Quan sát hoạt động của quân địch :

Địch mang binh khí đi lập trạm, là trong quân thiếu lương thực, binh sĩ đói khát.

Địch tìm ra nước, tự mình uống trước, là quân thiếu nước trầm trọng.

Thấy lợi mà không tiến quân, tức trong quân có nhiều người bệnh tật.

6. Quan sát tinh thần quân địch :

Đêm trong trại có tiếng la hét, kinh sợ, là tâm lí địch lo sợ hoang mang.

Doanh trại nhiễu loạn là tướng không có uy, không được quân sĩ trọng vọng.

Cờ xí trong doanh trại loạn xạ, là quân đang hỗn loạn.

Quân địch vội vàng để nóng giận là đang chán nản, mệt mỏi.

Quân địch giết ngựa, trâu, dê để ăn, phao tin thất thiệt là đang thiếu lương thực.

Địch không quay về trại, là chuẩn bị làm quân cướp.

Sau khi quan sát, phân tích cần quy về mấy nguyên tắc : nhìn hiện tượng suy ra bản chất; những hiện tượng lặp lại, tổng kết thành quy luật; sau đó tập trung quân để đột phá.

7. Những kinh nghiệm lịch sử :

Do không quan sát kĩ tình hình mà Lưu Bang bị Hung Nô vây khốn ở Bình Thành.

Vương Tuấn không dò ra ý đồ, tình hình của Thạch Cầm nên gặp nguy hiểm ở U Châu.

53. THẾ VÀ MƯU LƯỢC

Thiên này bàn về thế và các loại thế.

Tôn tử viết : “ Dững cảm hay khiếp nhược là do hình thế tạo thành; mạnh yếu là do thực lực quân đội quyết định”.

Tôn tử còn nói : “ Bản tính nước tuy mềm nhưng xói mòn được đá, nên nói là nước mạnh”.

1. Tào Tháo bỏ mất hình thế :

Tào Tháo đánh Trương Lỗ, bình định Hán Trung, Lưu Diệp nói với Tào Tháo :

- Ông dùng năm ngàn bộ binh mà đánh thắng Đông Trác, Bắc phá Viên Thiệu, Nam chinh Lưu Biểu. Thiên hạ có mười châu, thì ông đã kiêm tính hết tám chính châu, uy chấn trong ngoài.

Người Thục, thành trì bị thất thủ, lại thêm nghe ông chiếm Hán trung thì kinh hồn táng đờm.

Tuy Lưu Bị là anh hùng, hào kiệt, có chiếm Thục, thì trong thời gian ngắn, ông ta cũng chưa có thể dựa vào người Thục, tình hình rất bất lợi. Nhân cơ hội này ta nên tấn công Thục để trừ hậu họa về sau.

Nếu để dài ngày, Lưu Bị, Khổng Minh và các tướng như Vân Trường, Trương Phi an định được đất Thục, đem quân phòng thủ những nơi hiểm trở thì rất khó tiến công.

Tào Tháo không nghe.

Mấy hôm sau, Tào Tháo bắt được tù binh Thục để hỏi tình hình. Tù binh người Thục nói :

- Người Thục sợ hãi lắm, nhiều người đã nổi dậy, Lưu Bị ra lệnh chém vô số kẻ.

Tào Tháo lại gọi Lưu Diệp vào hỏi :

- Bây giờ có tấn công Thục được không ?

Lưu Diệp đáp :

- Bây giờ không nên tấn công Thục nữa.

2. Tào Tháo tận dụng hình thế :

Tào Tháo đem binh đến Hạ Phi đánh Lữ Bố. Lữ Bố thua, cố thủ ở Hạ Phi không ra giao chiến. Tháo nản lòng muốn lui binh. Tuân Du thưa rằng :

- Lữ Bố là người hữu dũng vô mưu, thất bại thì đã mất hết nhuệ khí. Quân sĩ dựa vào chủ tướng, tinh thần chủ tướng đã giảm sút, thì không mất hết ý chí chiến đấu. Mưu sĩ của Lữ Bố chỉ có Trần Cung là người có trí tuệ. Nay, nguyên khí của Lữ Bố đã suy giảm, Trần Cung tính kế cũng chưa xong. Ta phải đánh gấp. Lữ Bố tất thua.

Tào Tháo nghe lời Tuân Du, dẫn nước sông Nghi, sông Tứ vào Hạ Phi, bắt sống Lữ Bố.

Chúng tỏ, Lữ Bố rất kiêu dũng, Trần Cung trí tuệ nhưng không thay đổi được thế trận.

3. Ba loại thế :

Có người cho rằng, quân đội có 3 loại thế : Một là khí thế. Hai là địa thế. Ba là nhân (nguyên nhân) thế.

Tướng dũng cảm, tiến vào quân địch như đi vào chỗ không người; quân sĩ hăng hái tiến lên, khí thế ngất trời, nhanh như gió cuốn, âm thanh như sấm động; gọi là khí thế.

Âu có núi cao, đường đi quanh co như rồng rắn, hiểm trở, cả ngàn vạn người khó đi qua; là địa thế.

Quân địch khi hành quân thì gian khổ, lúc lập trại thì đói khát, tinh thần chiến đấu ta rã, trên dưới hỗn loạn; là nhân thế.

Người giỏi dùng binh là biết tận dụng hình thế, lợi dụng hình thế.

4. Hình thế và lịch sử :

Do nắm được hình thế, Lê Thực Kì khuyên Tề vương Điền Quang tiến đánh Tề, thu một lần trên bảy mươi thành.

Tạ An am hiểu hình thế, ở trận Phì Thủy đánh tan trăm vạn quân Tần.

Hạng Vũ sức cử đỉnh, bạt sơn, nhưng đã mất đại thế, khiến nàng Ngu Cơ phải rơi lệ.

Điền Hoàng vũ dũng, thất thế cũng đành phải tự sát.

54. ĐÁNH VÀO LÒNG NGƯỜI

Đánh vào lòng người, công tâm, là thượng sách; công thành là hạ sách

(Tôn tử)

Thời Chiến Quốc, có người khuyên vua Tề : “ Phương pháp đánh nước địch của thánh nhân là công tâm là thượng sách, công thành là hạ sách; thắng tâm ở trên binh phục ở dưới là hay nhất.

Hiện nay, các nước Yên, Triệu phải theo Tần. Ta cho người sang nước Yên và nước Triệu, không chỉ thuyết phục quốc quân hai nước này mà cho họ ít lợi lộc, thế nào họ cũng đổi ý không theo Tần nữa. Đó là công tâm ”.

Lưu Bang đem hai vạn quân Tây tiến đến ải Nghiêu Quan. Trương Lương nói :

- Quân Tần rất mạnh, không nên coi thường. Tôi biết, tướng giữ Nghiêu Quan là Đồ Thi, vốn là thương nhân, đã thương nhân thì háms lợi. Nên sai người mua chuộc hăns, dụ hăns đầu hàng.

Lưu Bang nghe theo, án binh bất động, sai hàng vạns người giữ cửa cớ xí để hư trương thanh thế.

Lưu Bang sai Lê Thực Kì đem vàng bạc, châu báu, đến biếu xén mua chuộc quan tướng nhà Tần, hẹn cùng các quan tướng Tần cùng tiến công Hàm Dương.

Lưu Bang nghe các quan tướng nhà Tần đầu hàng thì rất mừng. Trương Lương lại nói với Lưu Bang :

- Các tướng đầu hàng nhưng quân Tần chưa chắc đầu hàng, nếu như thế thì rất nguy hiểm. Nên lập tức tiến công.

Quân Tần đang hoang mang khi nghe tướng đầu hàng, không chuẩn bị gì. Bị tấn công bất ngờ nên đại bại.

55. NGOẠI GIAO

Dùng binh trước hết là phạt mưu, thứ hai là phạt giao, tiếp nữa mới công thành, tiếp nữa mới phạt binh .

(Tôn tử)

Tôn tử nói “ Giỏi dùng binh là làm cho địch không thể liên minh với nhau ”.

1. Chưa kịp liên minh :

Nước Sở, nước Nhị và nước Chấn liên minh, người Vân cũng muốn liên minh với các nước Tùy, Giao, Châu, Liễu để chống lại nước Sở.

Mạc Ngao, nước Sở, lấy làm lo lắng. Đấu Liêm nói với Mạc Ngao :

- Người Vân đang đồn trú ở trong thành, đợi các quân đội của các nước Tùy, Giao, Châu, Liễu đến, nên không chuẩn bị gì cả. Ta thừa cơ đêm tối đánh úp người Vân. Khi các nước kéo quân đến thì việc đã rồi, không thể liên minh với nhau được nữa.

Mạc Ngao nghe lời. Đêm đánh úp thành người Vân và thắng lợi.

2. Đánh kẻ chủ chốt :

Dưới thời Hán Tuyên đế, bộ tộc Tiên Linh Khương và bộ tộc Hãn, cùng hóa giải thù hận, liên minh với nhau chống nhà Hán.

Hán Tuyên đế sai Triệu Sung Quốc đem quân đánh Hãn.

Triệu Sung Quốc nghiên cứu tình hình và thượng sớ tâu với Hán Tuyên đế, đại ý : “ Bộ tộc Tiên Linh Khương hóa giải hận thù với bộ tộc Hãn để chống lại Hán. Việc thi ân bố đức của Tiên Linh Khương đối Hãn chưa được sâu nặng.

Nếu ta đánh Hãn, thì Tiên Linh Khương sẽ đem quân đến giúp. Nhưng nếu ta đánh Tiên Linh Khương chưa chắc Hãn đã đem quân cứu viện. Vậy, ta đánh Tiên Linh Lương trước, thì chiến sự chỉ mất hai, ba năm. Nếu đánh Hãn thì phải mất mười năm ”.

Hán Tuyên đế chuẩn tấu. Quả nhiên, chiến sự diễn biến đúng theo dự đoán của Triệu Sung Quốc.

3. Chờ giặc liên minh :

Tào Tháo đem quân trừ trộm cướp ở Quan Trung, nghe tin các bọn trộm cướp liên minh với nhau, tụ tập lại để chống lại Tào Tháo. Tào Tháo nghe tin rất vui. Sau khi tiêu diệt xong bọn trộm cướp, có người hỏi tại sao Tào Tháo vui, khi nghe tin quân địch liên minh, tụ tập lại với nhau ?

Tào Tháo nói : “ Nếu bọn trộm cướp cứ dựa vào căn cứ hiểm trở để chống cự, thì phải mất hai, ba năm mới tảo trừ xong. Nay, chúng tụ tập lại, tuy nhiều nhưng chỉ huy chưa thống nhất, nên ta dự liệu dễ đánh, nên rất vui”.

Các tướng nghe nói, rất phục.

56. ĐIỀU ĐỘNG QUÂN ĐỊCH

Muốn đánh địch phải điều động được quân địch.

(Tôn tử)

1. Tấn đánh Tào, Vệ để cứu Tống :

Quân nước Sở bao vây nước Tống. Vua nước Tống phái người sang cầu cứu nước Tấn. Ngự khanh Cô Yến nói với vua nước Tấn :

- Nước Sở liên minh, kết thân với hai nước Tào và Vệ, nếu ta đánh Tào, Vệ thì Sở sẽ đem quân đến cứu, nước Tống sẽ được giải vây.

2. Vây Ngụy, cứu Triệu :

Tướng nước Ngụy là Bàng Quyên đem quân đánh và vây nước Triệu.

Nước Triệu cầu cứu nước Tề. Tề Uy vương cử Điền Kị làm tướng, Tôn Tấn làm quân sư. Điền Kị muốn đem quân trực tiếp đến cứu Triệu. Tôn Tấn nói :

- Việc chiến tranh, có khi như cuộn tơ rối, không nên cứ nắm đầu sợi chỉ mà gỡ ra được. Theo hình thế hiện nay, Ngụy đã tập trung quân tinh nhuệ, lương thực để đánh Ngụy. Còn ở Hàm Đan, kinh đô nước Ngụy, quân đội yếu, lương thực ít, ta vây Ngụy, tất Bàng Quyên sẽ đem binh về cứu. Ta phục binh đánh Bàng Quyên, nước Triệu sẽ được giải vây.

Điền Kị nghe lời Tôn Tẫn. Kết cuộc giết chết Bàng Quyên ở Mã Lăng. Quân Ngụy đại bại. Nước Triệu được giải vây.

3. Tào Tháo áp dụng kế vây Ngụy cứu Triệu :

Lúc Tào Tháo làm Thái thú ở Đông Quận, giặc cướp Hắc sơn là Vu Độc đem quân đánh Vũ Dương. Các tướng đề nghị với Tào Tháo đem quân cứu Vũ Dương.

Tào Tháo nói :

- Xưa Tôn Tẫn dùng kế vây Ngụy cứu Triệu, nay ta áp dụng kế ấy, đánh thẳng vào đại bản doanh của Vu Độc, buộc hắn lui binh và tìm kế diệt hãn.

Các tướng vâng mệnh.

Sự việc diễn ra đúng như Tào Tháo dự đoán, đánh bại quân Vu Độc.

4. Khi Tào Tháo quên kế vây Ngụy, cứu Triệu :

Quan Vũ vây thành Tương Dương, Tào Tháo lo sợ định dời đô. Tư mã Tuyên Vương và Tương Tế nói với Tào Tháo :

- Lưu Bị và Tôn Quyền bên ngoài thì thân bên trong thì sơ. Quan Vũ vốn đặc chí, khiến Tôn Quyền rất bức tức. Nhân dịp này, sai người thuyết Tôn Quyền đánh sau lưng Quan Vũ, Tôn Quyền sẽ được Giang Nam, là kế giải vây Tương Dương.

Tào Tháo nghe theo.

Kết cuộc, Tôn Quyền bắt sống Quan Vũ. Tương Dương được giải vây. Tháo không phải dời đô.

57. XÀ THẾ

Người giỏi dùng binh thì như con rắn Thường Sơn, gọi là suất nhiên.

(Tôn tử)

1. Không dồn giặc vào đường cùng :

Thời Hán, Tuyên đế sai Triệu Sung Quốc đánh bộ tộc Tiên Linh phản loạn. Triệu Sung Quốc đánh bại quân Tiên Linh. Quân Tiên Linh bỏ cả đồ đạc, chạy vào con

đường hẹp, hiểm trở, rồi tìm cách vượt sông Hoàng.

Có người nói :

- Ta thúc quân nhanh lên, thì có thể tiêu diệt được chúng.

Triệu Sung Quốc nói :

- Giặc đã cùng đường, ta đánh gấp chúng, chúng sẽ đoàn kết lại tử chiến với ta, khác nào dồn chó vào chân tường.

Quân Triệu Sung Quốc cứ từ từ đuổi theo, quân Tiên Linh càng hoảng, xô đẩy nhau chạy, chạy đến sông Hoàng lại xô đẩy nhau, chết vô số.

2. Không nên đánh gấp :

Thời Tam quốc, Công Tôn Khang dựa vào chốn xa xôi không thần phục Tào Tháo.

Sau khi, Tào Tháo đánh bại Viên Thiệu, con Viên Thiệu là Viên Thượng và Viên Hy còn độ một ngàn thủ hạ, chạy đến Liêu Đông nương nhờ Thái thú Công Tôn Khang.

Tào Tháo đánh dẹp xong giặc Ô Hoàn, có người nói :

- Nên đem quân đánh Liêu Đông để bắt Viên Thượng và Viên Hi.

Tháo nói :

- Không nên dùng đại binh, chỉ đợi Viên Khang đem đầu Viên Thượng và Viên Hi đến thôi !

Các tướng ngạc nhiên hỏi tại sao ?. Tào Tháo giải thích :

- Bình thời, Công Tôn Khang rất sợ hai anh em Viên Thượng là Viên Hi. Nếu ta đánh gấp, chúng sẽ liên kết để đánh ta. Ta không đánh chúng, thì chúng sẽ tan rã, sinh sự đánh nhau. Đó là do tình thế quyết định vậy !

Các tướng đều khâm phục.

3. Khi Tào Tháo quên kế hoãn binh :

Tào Tháo đem quân đánh Trương Tú. Tuân Du can rằng :

- Trương Tú và Lưu Biểu nương tựa vào nhau mới mạnh. Nay Trương Tú ngày nào cũng xin Lưu Biểu lương thực. Lâu ngày, Lưu Biểu không cup cấp nổi, thì

hai bên sẽ sinh sự đánh nhau. Nay, ta đánh gấp, tất chúng nương tựa vào nhau, thì rất khó đánh.

Tào Tháo không nghe. Quả nhiên, Tào Tháo rất bất lợi như lời dự đoán của Tuân Du.

4. Xà thế và suất nhiên :

Tôn tử nói : “ Người dùng binh giỏi, như rắn Thường Sơn là thế nào ?

Ví dụ, đầu bị đánh thì đuôi cứu ứng, đuôi bị đánh thì đầu cứu ứng, giữa bị đánh thì đầu đuôi đều cứu ứng; liên miên bất tận như rắn Thường Sơn.

Thế nào gọi là suất nhiên ?

Ví dụ, người Ngô, người Việt, bất đồng ngôn ngữ, có mỗi thù truyền kiếp. Nhưng khi cả hai người đi trên con thuyền, gặp sóng, bão, họ quên tất cả thù hận và quên bất đồng, kẻ tát nước, người chèo thuyền, cùng vượt qua sông. Đó là suất nhiên.

58. ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT GIÀNH THẮNG LỢI

Người giỏi dùng binh, trước tiên không cho kẻ địch giành chiến thắng, sau đó mới tìm cách đánh thắng địch (Tôn tử)

Vương Quốc nổi lên ở Lương Châu, chiếm Trần Thương. Triều đình sai Hoàng Phủ Cao và Đồng Trác đem hai vạn quân đi đánh dẹp.

Muốn tiến quân nhanh đến Trần Thương, Đồng Trác nói với Hoàng Phủ Cao rằng :

- Người trí thì không bỏ lỡ cơ hội, người dũng thì không nên do dự chùng chình. Nay ta cho quân tiến nhanh và Trần Thương.

Hoàng Phủ Cao nói :

- Không phải như vậy ! Một, không đánh mà làm cho địch khuất phục. Hai, không cho địch có cơ hội thắng ta. Ba, là ta chuẩn bị mọi điều kiện để thắng địch.

Đất Trần Thương tuy nhỏ nhưng thành trì rất kiên cố, gọi là đất có 9 điều hiểm (cửu địa chi hiểm). Nếu không chuẩn bị đầy đủ điều kiện để giành thắng lợi, mà tấn công sẽ lâm vào 9 thế nguy, gọi là cửu thiên chi thế. Cho nên, ta không vội tiến công.

Đồng Trác không nghe Hoàng Phủ Cao.

Trác đem quân đánh Vương Quốc suốt 80 ngày, từ mùa Đông sang mùa Xuân, không hạ được Trần Thương.

Quân Trác mệt nhoài, quân Vương Quốc mỗi mệt cũng muốn lui binh.

Hoàng Phủ Cao bàn với Đồng Trác nên truy kích quân Vương Quốc. Đồng Trác nói :

- Không nên ! Binh pháp có dạy, không nên đuổi giặc đến đường cùng. Con ong độc tuy nhỏ, nhưng khi nó khùng lên, có thể đốt ngã một con trâu lớn.

Hoàng Phủ Cao nói :

- Không phải ! Ta truy kích là để làm mất nhuệ khí của quân địch. Quân của Vương Quốc tuy đông nhưng khi đã mất nhuệ khí thì rối loạn, dễ đánh tan.

Đồng Trác không nghe. Hoàng Phủ Cao một mình dẫn quân truy kích Vương Quốc. Còn Đồng Trác làm nhiệm vụ áp trận.

Không bao lâu, có tin Hoàng Phủ Cao thắng trận. Vương Quốc bị giết.

Nghe tin, Trác không vui lại còn ghét Hoàng Phủ Cao.

Lưu Đại, ở Đông Bình, muốn xuất quân chống cả trăm vạn quân Khăn Vàng ở Thanh Châu. Bảo Vĩnh nói với Lưu Đại :

- Quân Khăn Vàng rất đông nhưng ô hợp, lại trang bị rất sơ sài. Ta nên phòng thủ kiên cố, huấn luyện quân sĩ, khiến cho quân Khăn Vàng muốn đánh không được, muốn công không xong, lâu ngày sẽ chán nản, khí thế sẽ tan ra như đất nhão. Rồi ta dựa vào địa thế hiểm yếu, dùng quân tinh nhuệ tấn công, lúc ấy quân Khăn Vàng sẽ tan.

Lưu Đại không nghe, dẫn quân xuất chiến, bị quân Khăn Vàng đánh bại.

Đại Vương, Đông Tấn, đem quân đánh nước Yên. Mộ Dung Đức, nước Yên, trấn giữ ở Nghiệp Thành chống với Đại Vương. Kết cuộc Đại Vương đại bại.

Mộ Dung Đức hỏi quan biệt giá Hàn Trạch vì sao Đại Vương bị thua trận. Hàn Trạch giải thích :

- Quân địch bại trận là có bốn nguyên nhân :

Một, chưa nên hành động mà lại hành động.

Hai, Đại Vương một mình dẫn quân vào vùng đất rộng lớn, khác nào dẫn quân vào tử địa, chỉ có tiến công thì sống, không tiến quân thì chết.

Ba, mũi nhọn quân Yên tuy lợi hại nhưng ta phòng thủ kiên cố, nên mũi nhọn ấy cùn nhụt.

Bốn, quân Yên nhiều, tổn lương thực, phải vận chuyển xa xôi, hao phí rất lớn, lâu ngày sẽ sinh biến loạn.

Quân ta thắng lợi cũng có bốn nguyên nhân :

Một, quân ta ở bản địa biết không thủ thắng nên không hành động.

Hai, tuy không hành động nhưng quân tâm vẫn vững vàng.

Ba, ta đã tu sửa thành quách, lũy cao, hào sâu, địch rất khó tiến công.

Bốn, quân ta nhàn, khỏe; địch mệt mỏi.

Mộ Dung Đức khen hay.

59. VÂY KHỐN QUÂN ĐỊCH

Bao vây quân địch, nên chừa một cửa (Tôn tử)

1. Vây và không vây :

Hàn Trung, tướng Khăn Vàng, chiếm Uyển Thành. Chu Tuấn và Trương Chiêu đem quân vây Uyển Thành và đánh vào Đông Bắc.

Hàn Trung thoát ra cửa Tây Nam, dẫn quân đến một thành nhỏ vừa cố thủ vừa muốn đầu hàng.

Các tướng của Chu Tuấn và Trương Chiêu muốn cho quân địch đầu hàng.

Chu Tuấn nói :

- Nhà Tần bạo ngược dân chúng bất bình, nên khi Hạng Vũ nổi lên, các tướng Tần đầu hàng, Hạng Vũ thu nhận còn khen thưởng để thu phục dân tâm.

Nay, khác thời Tần, Khăn Vàng làm phản, khi thất thế thì hàng, lúc có thời cơ thì phản, tráo trở không lường. Nay, cho quân địch hàng là nổi giáo cho giặc. Nên tấn công mạnh mẽ hơn.

Trương Chiêu và các tướng cho là phải, ra sức tấn công.

Mấy ngày sau, Chu Tuấn lại nói với Trương Siêu :

- Hiện nay, quân địch thấy chúng ta bao vây tứ phía, không có đường thoát, hơn nữa ta không cho đầu hàng, nên chúng liều chết để cố thủ, dù một vạn người cũng khó đánh, huống chi chúng có cả mười vạn người ? Thật là nguy hiểm. Chi bằng ta tạm triệt thoái, làm cho quân của Hàn Trung giảm bớt ý chí chiến đấu, rồi

chờ thời cơ là hơn.

Trương Siêu cho là phải.

Hàn Trung thấy thành được giải vây, liền đem quân xuất kích. Kết quả, Chu Tuấn và Trương Siêu giết được Hàn Trung.

2. Bịt kín và mở cửa :

Lúc bao vây Hồ Quan, Tào Tháo hạ lệnh : “ Bịt kín và san bằng Hồ Quan, không cho tên nào sống sót ”.

Quân Tào Tháo tấn công một tháng, không hạ nổi Hồ Quan. Tào Nhân thưa rằng :

-Việc bao vây thành trì, nhất định phải cho quân địch một đường thoát, nay ông hạ lệnh không cho con đường sống nào, tất nhiên quân sĩ trong thành sẽ tử chiến. Hơn nữa, thành trì Hồ Quan rất kiên cố, lương thực lại nhiều, càng tấn công thì binh sĩ của ta càng tăng thêm số thương vong, việc vây khốn sẽ rất dài ngày. Mệnh lệnh ông ban ra, không phải là thượng sách.

Tào Tháo nghe lời Tào Nhân, nới lỏng vòng vây, kêu gọi quân sĩ Hồ Quan đầu hàng. Kết cuộc, Hồ Quan đầu hàng.

60. BIẾN THÔNG

Muốn điều động quân địch phải dùng giả tượng để lừa dối địch.(Tôn tử)

1. Tôn Tẫn giã bếp lừa Bàng Quyên :

Như đã nói, tướng nước Ngụy là Bàng Quyên đem quân vây nước Triệu. Triệu cầu cứu nước Tề. Vua Tề sai Điền Kị và Tôn Tẫn đem binh cứu Triệu. Tôn Tẫn nói với Điền Kị :

- Thời Tam Tắc, quân Tắc rất dũng mãnh hung bạo, xem thường quân Tề, cho quân Tề là hèn nhát, yếu đuối. Giỏi dùng binh là thuận theo thế. Nay, ta dùng kế giã bếp, làm cho Bàng Quyên khinh ta là hèn nhát, ta thừa cơ đánh bại hắn.

Điền Kị nghe theo, ngày đầu là mười vạn bếp ăn, ngày sau giảm còn năm vạn bếp, ngày thứ ba chỉ còn ba vạn bếp. Bàng Quyên đuổi theo quân Tề, quan sát bếp ăn, rồi cười, nói : “ Ta biết quân Tề yếu hèn, khiếp sợ, thấy quân ta đuổi đánh, đào ngũ hết hai phần ba rồi !”.

Nói xong, gấp rút đuổi theo quân Tề đến Mã Lăng. Tôn Tẫn cho phục binh cung nỏ, bắn chết Bàng Quyên, đánh tan quân Ngụy.

2. Ngụ Hủ tặng bếp lừa quân Khương :

Đầu lĩnh bộ tộc Khương đem quân cướp lương thảo ở Trần Thương. Quận thú Ngụ Hủ đem quân đánh Khương, bị quân Khương truy kích.

Ngũ Hủ ra lệnh cho quân hàng ngày càng tăng bếp dần lên, khiến quân Khương không dám truy kích nữa.

Có người hỏi :

- Xưa Tôn Tẫn dùng phép giảm bếp, nay ông lại dùng phép tăng bếp; đáng lí mỗi ngày phải lui quân ba mươi dặm để phòng bất trắc; ông lại cho quân đi chậm, chỉ có hai mươi dặm là sao ?

Ngũ Hủ nói :

- Quân địch rất đông, ta đi chậm là để quân địch không dò được hành động của ta. Hơn nữa, địch thấy bếp ăn càng ngày càng tăng, thì đoán là binh mã của ta càng ngày càng được tăng viện, nên không dám truy kích.

Tôn Tẫn tỏ ý cho địch biết là yếu, còn ta tỏ ý cho địch biết là mạnh.

Hình thế khác nhau, thì sách lược phải khác nhau.

62. KÌ VÀ CHÍNH

Khi điều quân tác chiến, không nên phân biệt chính binh hay kì binh (Khương Thái Công)

Còn Tôn tử nói : “ Hai bên giao chính, dùng chính binh để đối trận với quân địch, dùng kì binh để giành chiến thắng ”.

Ví dụ:

Ngụy vương Báo xin Hán vương nghỉ để về quê thăm cha mẹ ốm. Về đến nơi đất phong (Hà Đông), Ngụy vương Báo cắt đứt đường liên lạc với Hà Quan và trở mặt chống Hán, hòa với Sở.

Hán vương sai Lịch Sinh thuyết Ngụy vương Báo nhưng không thành công. Hán vương liền phong Hàn Tín làm Tả thừa tướng, xuất quân đánh Ngụy vương Báo.

Ngụy vương Báo đóng đại quân ở Bồ Bản, bít chặt Lâm Tấn quan.

Hàn Tín bèn dùng kế nghi binh : Một mặt, dàn thuyền như sắp sửa qua bến đò Lâm Tấn, mà vượt sông Hoàng Hà. Mặt khác, cho quân mai phục sẵn, từ Hạ Dương dùng thùng rỗng qua sông đánh úp An Áp.

Ngụy vương Báo hoảng sợ, đem quân nghênh chiến. Tín bắt sống Ngụy vương Báo làm tù binh, bình định đất Ngụy, đổi thành quận Hà Đông.

Sách Kinh viết : “ Trong tác chiến chia làm hai loại, chính binh và kì binh, chính – kì, kì – chính, biến hóa bất tận, như vòng tròn không đầu, không đuôi, không trước không sau ”.

61. LỢI VÀ HẠI

Thiên này bàn về việc biến hại thành lợi.

Tôn tử viết : “ Hãm vào chỗ chết thì sống, đưa vào chỗ mất thì còn ”.

Tôn tử còn viết : “ Xét thấy tình huống bất lợi thì tiến công; xét thấy tình có lợi, thì lo giải trừ tai họa ”

Như đã nói ở chương trước, Hàn Tín đem quân đánh Triệu, đóng đồn cách ải Tĩnh Hình ba mươi dặm.

Nửa đêm truyền lệnh, lựa lấy hai ngàn quân kị, mỗi người cầm một cây cờ đỏ, theo đường tắt, có núi non yểm trợ, tiến về phía quân Triệu, lại dặn :

- Triệu thấy quân ta chạy, tất đổ hết quân ra đuổi. Các người lập tức xông vào doanh trại của Triệu, giật hết cờ Triệu xuống, thay bằng cờ đỏ của ta.

Rồi Tín bảo từ tướng dừng lại, cho quân ăn điểm tâm, và nói :

- Hôm nay, phá quân Triệu xong, rồi dùng bữa.

Các tướng không tin nhưng cũng vờ đáp :

- Vâng !

Và họ nói với các cấp chỉ huy rằng :

- Triệu đã chiếm được địa lợi để đóng đồn. Và chẳng, họ chưa thấy trống cờ của đại tướng chúng ta, nên chưa tấn công đội tiền phong của ta. Như vậy, e tới quãng đường hiểm trở ta sẽ bị phục kích mà phải tháo lui mất ?

Tín liền cho một vạn quân tiến lên trước, dàn thành bối thủy trận.

Quân Triệu trông thấy cười lớn.

Hừng sáng, Tín cho trương cờ đại tướng, khua trống, thúc quân ra Tinh Hình quan. Triệu đốc quân ra đánh.

Đánh hồi lâu, Tín và Trương Nhĩ vờ thua, bỏ cả cờ, cả trống, chạy vào đám quân đóng ở bờ sông.

Quả nhiên, quân Triệu bỏ trống doanh trại, tranh nhau cướp lấy cờ, trống, đuổi theo quân Tín và Trương Nhĩ.

Đám quân ở bờ sông hợp với quân của Tín liều chết tấn công. Còn hai ngàn khinh kị ulla vào trại quân Triệu, giật hết cờ Triệu, cắm cờ đỏ lên.

Quân Triệu đuổi theo, không bắt được Tín và Trương Nhĩ, lại còn bị phản công, muốn quay về trại thì thấy cờ Hán đã cắm đầy, quân Triệu hoảng hốt tưởng quân Hán đã bắt được Triệu vương, liền rối loạn, tranh nhau bỏ trốn, tướng Triệu chém, cũng không ngăn nổi. Hai bên đánh giáp lá cà, quân Hán bắt sống nhiều quân Triệu, chém đầu Thành Anh quân trên bờ Trì Thủy và cầm tù Triệu vương Yết.

Chư tướng đem nộp thủ cấp và tù binh, chúc mừng xong, nhân hỏi Tín rằng :

- Binh pháp có dạy : “ Bên phải và sau lưng có gò núi, bên trái có nước và trước mặt có sông chằm ”. Vậy mà tướng quân lại bảo chúng tôi dàn quân quay lưng xuống sông và nói phá quân Triệu xong thì dùng bữa, cho nên chúng tôi không phục. Ááy thế, rốt cuộc lại thắng, là sao ?

Hàn Tín nói :

- Lẽ đó có nói trong binh pháp, tại các người không xét mà thôi ! Binh pháp có nói : “ Dồn họ vào đất chết thì họ sống, đặt họ vào chỗ mất, thì họ còn ”. Và chẳng, Tín này không được sử dụng những tướng sĩ đã huấn luyện kĩ càng. Nay như xưa người ra chợ ra nơi chiến trường. Trong tình hình đó, không đặt họ vào đất chết, thì họ chạy hết, lấy quân đâu mà đánh với chác.

Chư tướng đều nói :

-Thật tình, chúng tôi chưa nghĩ ra điều này !

Hàn Tín nói với chư tướng Phá Triệu xong thì dùng bữa, chư tướng không tin. Quân Triệu thấy Hàn Tín dàn trận thì cười. Vì trí mưu của các tướng và quân Triệu không bằng Hàn Tín.

Vì thế, Khương Thái Công cho rằng : “ Mọi người đều có trí tuệ thì không cần phải có thầy, mọi người đều giỏi, thì chẳng cần có cao sĩ. Dự liệu và hành động như thần thì giành được thắng lợi, mà quân địch khó chống đỡ ”.

Tào Tháo đánh Trương Tú. Thấy không thắng được, Tháo liền lui binh. Trương Tú đem quân truy kích.

Giả Hủ can :

- Không nên !

Trương Tú không nghe, đem quân đuổi theo quân Tào Tháo. Kết cục thất bại.

Lúc ấy, Giả Hủ lại hiến kế, nên truy kích quân Tào Tháo. Kết cục thắng lợi.

Trương Tú hỏi Giả Hủ :

- Lần đầu ông nói không nên truy kích, lần sau ông lại nói nên truy kích, là tại sao ?

Giả Hủ nói :

- Lần đầu triệt thoái, Tào Tháo đã cho hậu quân toàn là quân tinh nhuệ phòng bị nghiêm ngặt. Tướng quân truy kích sẽ thất bại.

Quân Tào Tháo đã đánh bại quân ta, thì khinh thường, cho toàn quân triệt thoái, chỉ để một vài tướng tá phòng thủ ở phía sau. Tướng quân truy kích sẽ giành thắng lợi.

Tình hình khác nhau, thì cách dùng binh phải khác nhau.

63. CHE DẤU VÀ XUẤT KÍCH

Thiên này nói về kế hoãn binh, làm cho quân địch lơ là, thừa cơ xuất kích.

Tôn tử nói : “ Người giỏi dùng binh là tạo thành thế hiểm, nắm chắc nhịp điệu hành động thúc đẩy cho nó càng thêm mãnh liệt ”. Hoặc, “ dùng lợi nhỏ để dụ quân địch”, hoặc dùng giả tượng để lừa dối quân địch”.

Điền Đan, người nước Tề, giữ thành Tức Mặc, chống với quân Yên.

1. Mê tín và hoang mang :

Nhân lúc quân Yên bất bình vì Kị Kiếp thay Nhạc Nghị, Điền Đan bèn ra lệnh cho dân trong thành đến bữa ăn phải cúng tổ tiên ở ngoài sân, chim chóc bay liệng trên thành và sà xuống ăn.

Người Yên lấy làm lạ.

Nhân đó, Điền Đan cho người nói phao lên rằng, thần xuống dạy ông ta. Có một người lính hỏi :

- Tôi có thể làm thầy được không ?

Anh lính biết nói lời, sợ bỏ chạy. Điền Đan đứng dậy, sai người mời anh lính đến, mời ngồi ngóảnh mặt về phương Đông và thờ như thầy.

Người lính từ chối. Điền Đan nói :

- Ông đừng nói nữa !

Mỗi lần ban hành hiệu lệnh gì, thì nói đó là ý kiến của thần nhân.

2. Làm cho địch tàn bạo và khơi lòng căm thù :

Điền Đan lại phao tin rằng, ta chỉ sợ một điều, quân Yên sẽ xẻo mũi những tù binh của Tề, bắt đi đầu đánh nhau với ta, nếu như vậy Tức Mặc sẽ thua.

Người Yên nghe tin, làm đúng như lời Điền Đan. Làm cho quân, dân Tề rất sợ, lo, nếu bị bắt làm tù binh thì sẽ bị xẻo mũi. Từ sợ, lo chuyển sang căm giận.

Điền Đan lại tiếp tục tung tin, ta sợ quân Yên đào mồ mã nhà ta ở ngoài thành, làm nhục nhả tổ tiên ta, nếu như vậy Tức Mặc sẽ nao núng.

Người Yên lại làm đúng như lời Điền Đan, quật hết mồ mã ngoài thành, đốt hết hài cốt. Người Tức Mặc đứng trên thành, thấy cảnh ấy, ai cũng rơi nước mắt. Lòng căm giận dâng lên gấp mười lần trước.

3. Chuẩn bị và làm cho địch lơ là :

Điền Đan biết là có thể sử dụng sĩ tốt được rồi, bèn đích thân cầm dụng cụ đào đắp tường, phân công đàn bà con gái đi xen vào hàng ngũ quân lính để tiếp tế lương thực.

Điền Đan truyền lệnh : Những người mặc áo giáp thì phải nấp kín, những người già yếu, phụ nữ thì lên hết trên mặt thành.

Rồi sai sứ, đi điều đình với quân Yên đầu hàng. Quân Yên rất mừng. Điền Đan lại thu thập của dân chúng được ngàn dật vàng, sai các phú hào Tức Mặc đi biểu tướng Yên là Kị Kiếp và nói rằng : Tức Mặc đã xin đầu hàng, xin đừng bắt bớ

đàn bà con gái, đừng cướp bóc, để gia đình chúng tôi được sống yên ổn.

Tướng Yên mừng và ưng thuận.

Vì thế, quân Yên càng lúc càng thêm biếng nhác.

4. Phản kích :

Điền Đan góp nhặt trong thành được hơn ngàn con bò, cho trùn nhiều đò, vẽ vậy rồng sắc sỡ, lấy gươm đao buộc vào sừng, lấy lau sậy khô, tẩm dầu mỡ cột vào đuôi. Khoét sẵn mấy chục lỗ lớn ở chân thành.

Rồi đang đêm, đốt đuôi bò, thả bò ra, theo sau là năm ngàn tráng sĩ; đuôi bị đốt nóng, bò nổi khùng chạy bổ vào quân Yên.

Quân Yên thấy bò tưởng là rồng, binh lính của thần thánh, liền kinh hoảng, đều bị bò húc trọng thương. Năm ngàn tráng sĩ thừa thế tiến đánh.

Trong thành, đàn bà, những người già yếu thì khua chậu, gõ mõ cùng tiếng trống trận ầm ầm. Quân Yên chết khiếp, thua to. Kị Kiếp bị quân Tề giết.

Quân Yên vỡ, chạy toán loạn. Quân Tề truy kích. Quân Yên chạy đến đâu thì dân Tề nổi dậy đến đấy. Đánh xong lại trở về tiếp tay với quân Tề.

Quân Điền Đan ngày càng thêm đông, thừa thắng đánh tới. Quân Yên thua triệt thoái đến sông Hoàng Hà. Quân Tề lấy lại bảy mươi thành.

Nói chung, chiến thuật của Điền Đan gồm hai bước biến hóa : Yểm (che dấu) và phát (xuất kích).

Tôn tử binh pháp viết : “ Lúc đầu trầm tĩnh, hiền từ như cô xử nữ, nhưng khi hành động thì nhanh như con thỏ sống ”.

64. GIẢI BINH QUYỀN

Bàn về cách giải binh quyền để tránh tai họa về sau.

Tôn tử nói : “ Điều động một trăm vạn quân, một ngày hao phí cả ngàn vàng ”.

Vương tử nói : “ Quốc gia có bốn mặt, ý muốn nói rằng không thể không phòng bị”.

Theo cách tính của các nhà quân sự thời xưa : Vận lương ra chiến trường xa một trăm dặm, thì quốc gia thiếu một năm lương thực; vận lương ra chiến trường xa hai trăm dặm, quốc gia thiếu hụt hai năm lương thực; vận lương ra chiến trường xa ba trăm dặm, quốc gia thiếu ba năm lương thực.

Lúc ấy, kho lương quốc gia sẽ trống rỗng, nhân dân sẽ bần cùng, nhân dân bần cùng thì trên dưới xa lìa.

Trên quân chủ không lập được ân đức, dưới bách tính không có gì để sinh sống, từ đó sẽ sinh bạo loạn hoặc phản loạn.

Trước thắng kẻ địch nhưng về sau thì trở thành kẻ thất bại.

Cho nên, sau khi đánh bại quân địch, thắng lợi trở về, tướng quân phải mặc tang phục, áo quần trắng, hướng về phía quốc quân để thỉnh tội.

Quốc quân nói : “ Vì việc quân hung trong thời khắc nguy cấp, an nguy của quốc gia, tướng ở ngoài trận có thể không nghe mệnh lệnh của quân chủ. Nhưng tướng quân đã bắt được quân địch, giành thắng lợi. Tướng quân không có tội ”.

Đó là thời khắc vinh quang nhất của vị tướng, cũng là thời khắc quan trọng liên quan đến sự mất còn của đất nước sau này.

Trong thời khắc đó, quân chủ sáng suốt phong thưởng hậu đất đai, ruộng vườn phì nhiêu cho tướng, rồi lại trao uy thế, quyền lực của tướng.

Tướng sáng suốt, muốn bảo toàn tính mạng và công trạng thì nên trao trả quyền lực quân đội lại cho quân chủ, để hưởng những ngày nhàn nhã sung sướng.

Đó là cách tránh nạn diệt công thần như những đời trước.

SÁCH THAM KHẢO

I. TIẾNG VIỆT:

1. Chiến quốc sách, Giản Chi – Nguyễn Hiến Lê, Văn học, 2001.
2. Sử kí Tư Mã Thiên, Giản Chi – Nguyễn Hiến Lê, Văn học, 1994.
3. Thuật dùng người trong lịch sử Trung Hoa, Đông A Sáng, NXBGD, 2007.
4. Tam quốc chí, sách lược và mưu kế tranh hùng, Đông A Sáng, NXBGD, 2008.
5. Vương triều hoàng đế Trung Quốc, Trương Tự Văn, Nguyễn Thanh Hà (biên dịch), Văn hóa – Thông tin, 2001.
6. Thuật chế ngự gian tà của người Trung Hoa, Đông A Sáng, NXBGD, 2007.
7. Ngũ đại binh thư Trung Hoa, Đông A Sáng, Thanh Niên, 2002.
8. Tôn tử binh pháp, từ chiến trường đến thương trường, NXBGD (sắp xuất bản).

II.TIẾNG TRUNG:

1. Phản kinh, Triệu Nhuy, Trường Xuân, Cát Lâm nhiếp ảnh xuất bản xã, 2003.
2. Phản kinh, Triệu Nhuy, Chu Tô Bình (bình giảng), An Huy nhân dân xuất bản xã, 2006.
3. Lịch sử đích kinh nghiệm, Nam Hoài Cẩn, Phúc Đán đại học xuất bản xã, 1996.
4. Trung Hoa thượng hạ ngũ thiên niên, Cao Tư Phương (chủ biên), Trung Quốc hí kịch xuất bản xã, 1996.
5. Cổ kim dụng nhân thao lược, Trần Đông Thắng, Xí nghiệp quản lí xuất bản xã, 2002.
6. Đế vương càn khôn, Mao Cao Điền, Trung Quốc xã hội, 1998.
- 7.Thập đại binh thư, Vương Hưng Nghiệp, Hà Nam nhân dân, 1996.
- 8.Chính kinh, Tống Tông Nguyên, Cát Lâm nhiếp ảnh xuất bản xã, 2003.

MỤC LỤC

AUTHOR - ĐÔNG A SÁNG (Email: dongasang@yahoo.com):

NHỮNG NGHỊCH LÝ TRONG LỊCH SỬ TRUNG HOA

By Đông A Sáng

Copyring Đông A Sáng

Smashwords Edition.